



EUROCHAM
European Chamber of Commerce in Vietnam



THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ
HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ
XANH VÀ BỀN VỮNG

EUROCHAM VIETNAM'S

SÁCH TRẮNG

CÁC VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI
ĐẦU TƯ VÀ KHUYẾN NGHỊ

2024

Ấn bản thứ 15
www.eurochamvn.org

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	Page
Giới thiệu về EuroCham	ii
Thông điệp từ Chủ tịch	iii
Thông điệp từ Trưởng phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam	iv
Thông điệp từ các Hiệp hội Doanh nghiệp thành viên	v
Hoạt động Chính sách của EuroCham	ix
Dự án Hỗ Trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á	xiv
Giới thiệu về Bộ cục Ấn phẩm	xv
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm	
TỔNG QUAN	16
Giới thiệu tổng quan	17
Tóm tắt các vấn đề và khuyến nghị chính	23
Tổng quan về các chủ đề theo cơ quan, bộ, ngành liên quan	46
Về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)	54
A. CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	61
Chương 1 Kỹ thuật số	62
Chương 2 Quyền sở hữu trí tuệ	
Chương 3 Xây dựng	
Chương 4 Bất động sản	
Chương 5 Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp	
Chương 6 Đối tác Công - Tư	
Chương 7 Thuế và Chuyển giá	
B. PHÁT TRIỂN XANH VÀ BỀN VỮNG	104
Chương 8 Ngành Năng lượng và Điện lực	
Chương 9 Tăng trưởng xanh	
Chương 10 Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn	
Chương 11 Vận tải và Hậu cần	
Chương 12 Nguồn nhân lực và đào tạo	
Chương 13 Phụ nữ trong kinh doanh	
C. CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ LÀM ĐẸP	130
Chương 14 Dược phẩm	
Chương 15 Thuốc chất lượng Quốc tế (IQMED) – Generic và Sinh phẩm tương tự	
Chương 16 Trang thiết bị y tế và Chẩn đoán	
Chương 17 Mỹ phẩm	
D. LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG	162
Chương 18 Ngành thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng thủy sản	
Chương 19 Rượu vang và rượu mạnh	
Chương 20 Ô tô	
Chương 21 Xe máy	
Chương 22 Sản phẩm dinh dưỡng và Sữa công thức	
Chương 23 Croplife Việt Nam	180
E. GIẢI QUYẾT VÀ TRANH CHẤP	186
Chương 24 Tòa án và Trọng tài	
DANH MỤC BẢNG BIỂU	192
LỜI CẢM ƠN	193

GIỚI THIỆU VỀ EUROCHAM

Được thành lập vào năm 1998, Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) đã khẳng định vị thế của mình với tư cách tiếng nói thống nhất của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Với văn phòng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đại diện cho một cộng đồng doanh nghiệp đa dạng, từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ đến các tập đoàn đa quốc gia. EuroCham đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình các cuộc đối thoại chính sách, thúc đẩy thương mại và đầu tư song phương, và củng cố mối quan hệ kinh tế giữa châu Âu và Việt Nam, đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA).

Với hơn 1,400 công ty thành viên, EuroCham Việt Nam tự hào khẳng định vị thế của mình như là một trong những hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Chúng tôi hoạt động với mô hình "Hiệp hội trong hiệp hội" bao gồm 9 hiệp hội doanh nghiệp châu Âu trực thuộc có tiếng nói tại Việt Nam, bao gồm:

- Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ-Luxembourg tại Việt Nam (Beluxcham)
- Hiệp hội doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEEC)
- Hiệp hội Thương mại & Công nghiệp Bồ Đào Nha (CCIPV)
- Hiệp hội Doanh Nghiệp Hà Lan Việt Nam (DBAV)
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV)
- Hiệp hội Doanh Nghiệp Đức tại Việt Nam (GBA)
- Phòng Thương mại Italia tại Việt Nam (ICHAM)
- Hiệp hội Doanh nghiệp các nước Bắc Âu tại Việt Nam (Nordcham)
- Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam (SCCV)

Tầm ảnh hưởng sâu rộng EuroCham Việt Nam càng được củng cố thông qua mạng lưới rộng lớn gồm 20 Tiểu ban Ngành nghề. Đóng vai trò như các nhóm nghiên cứu, vận động chính sách trong từng lĩnh vực cụ thể, các Tiểu ban ngành nghề của chúng tôi tổng hợp và cung cấp những kinh nghiệm hoạt động và chuyên môn quốc tế, đóng góp vào quá trình định hình chính sách, và thúc đẩy các cuộc đối thoại chuyên ngành. Mô hình tổ chức này đảm bảo rằng các lo ngại và quan điểm trong các lĩnh vực đa dạng được xem xét một cách tích cực, từ đó định hình nên chương trình hành động liên ngành của EuroCham, góp phần tăng cường sức ảnh hưởng tổng thể của Hiệp hội.

EuroCham cũng đóng vai trò quan trọng, đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp châu Âu xuyên suốt quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do mang tính bước ngoặt giữa EU và Việt Nam (EVFTA). Trên hành trình kéo dài gần một thập kỷ, EuroCham vinh dự được tham gia lễ ký kết thỏa thuận lịch sử này vào năm 2019. Sự kiện này đánh dấu sự thành công của một tầm nhìn đầy tham vọng để thúc đẩy quan hệ đối tác ngày càng sâu sắc hơn giữa Châu Âu và Việt Nam.

EuroCham Việt Nam tự hào thiết lập được một chương trình thường niên với hai sự kiện quan trọng về phát triển bền vững: Diễn đàn & Triển lãm Nền kinh tế Xanh (GEFE) và Diễn đàn Kinh tế Xanh (GEF). GEFE đầu tiên, tổ chức vào năm 2022, đã đạt được những thành công ngoạn mục, thu hút gần 6,000 người tham dự với các triển lãm, những phiên đối thoại cấp cao và hội thảo chuyên sâu với chủ đề công nghệ xanh và các sáng kiến bền vững. Nối tiếp đà thành công đó, GEF đầu tiên được tổ chức vào năm 2023 tập trung vào các cuộc thảo luận chính sách

cấp cao và các phiên hội thảo chuyên môn, nhằm thúc đẩy các sáng kiến bền vững và chính sách về môi trường. Trong suốt quá trình đó, GEF và GEFE đã vinh dự đón tiếp Ngài Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính và một số bộ trưởng Việt Nam tham dự cả hai diễn đàn. Cùng với đó là chúng tôi còn vinh hạnh đón tiếp Ngài Thủ tướng Hà Lan Mark Rutte; Ngài Phó Chủ tịch Ủy ban Châu Âu Valdis Dombrovskis; và Ngài Cao Ủy Châu Âu về Môi trường, Đại dương và Nghề cá Virginijus Sinkevičius tham dự mỗi sự kiện một lần.

EuroCham Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng khi là một trong những thành viên sáng lập của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) với cam kết phát triển môi trường kinh doanh tại Việt Nam, đóng vai trò quan trọng làm nền tảng xúc tiến đối thoại giữa khu vực công và tư. Nhiệm vụ của diễn đàn xoay quanh việc thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững thông qua các diễn đàn cấp cao định kỳ và các nhóm công tác chuyên môn. Đáng chú ý, EuroCham Việt Nam đã đóng vai trò chủ trì VBF vào các năm 2012, 2013, 2018 và 2022, góp phần đáng kể vào việc cải cách chính sách và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Trên bình diện khu vực, EuroCham Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập của Hội đồng Doanh nghiệp EU-ASEAN (EU-ABC). Nhận được sự chấp thuận từ Ủy ban Châu Âu và Tổng Thư Ký ASEAN, Hội đồng hoạt động như tiếng nói đại diện cho các doanh nghiệp Châu Âu trong khu vực ASEAN. EU-ABC cam kết mạnh mẽ để thúc đẩy lợi ích của các công ty Châu Âu, xây dựng tầm ảnh hưởng lên các chính sách thương mại và đầu tư, và tăng cường sự hiện diện của thông qua các sự kiện chiến lược và các đối thoại cấp cao.

Hơn nữa, trên quy mô toàn cầu, EuroCham Việt Nam đóng một vai trò quan trọng thông qua việc là thành viên của Mạng lưới Các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu Toàn cầu (EBOWWN). Tổ chức này đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp châu Âu nằm bên ngoài biên giới của Liên minh Châu Âu, với một mạng lưới hoạt động bao gồm các Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu trên hơn 50 thị trường quốc tế.

Kể từ cuối năm 2015, EuroCham là đối tác triển khai Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ châu Âu về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Đông Nam Á, cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ miễn phí về vấn đề bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp khi tham gia thị trường và mở rộng kinh doanh tại khu vực ASEAN.

Những tác động tích cực và những đóng góp của EuroCham Việt Nam đã được ghi nhận một cách tích cực. Năm 2017, EuroCham vinh dự nhận được Giải thưởng Hiệp hội Doanh nghiệp Lớn Xuất sắc do Phòng Thương mại Quốc tế Khu vực châu Á Thái Bình Dương trao tặng và đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đánh giá cao về những đóng góp đối với sự phát triển của quốc gia. Năm 2019, EuroCham đã nhận được bằng khen từ Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính (ACAPR) của Thủ tướng Chính phủ vì đã có "Đóng góp tích cực cho các hoạt động của ACAPR" và vào năm 2022 EuroCham được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng bằng khen về thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong hoạt động đối thoại doanh nghiệp của thành phố nhân dịp kỷ niệm 20 năm hệ thống đối thoại doanh nghiệp với chính quyền thành phố.

Để biết thêm thông tin về EuroCham xin vui lòng truy cập trang web: www.eurochamvn.org

Hanoi Office

Horison Towers, 3B Floor, Unit 08,
40 Cat Linh, Dong Da District,
Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 3 715 2228
Fax: +84 24 3 715 2218
Email: info-hn@eurochamvn.org

Ho Chi Minh City Office

5th Floor, Deutsches Haus,
33 Le Duan, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 28 3 827 2715
Fax: +84 22 3 827 2743
Email: info-hcm@eurochamvn.org



Gabor Fluit
Chủ tịch Hiệp hội
Doanh nghiệp châu Âu
tại Việt Nam

THÔNG DIỆP TỪ CHỦ TỊCH

Trên cương vị là Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, tôi thật vinh dự viết lời tựa cho ấn bản thứ 15 của Sách trắng thường niên của chúng tôi - được xuất bản ngay sau một năm mang tính bước ngoặt khi chúng tôi kỷ niệm 25 năm thành lập EuroCham và 35 năm Việt Nam mở cửa đón đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Lễ kỷ niệm kép này là một cơ hội tuyệt vời để suy ngẫm về quá trình chuyển đổi kinh tế đáng chú ý của Việt Nam trong giai đoạn này. Kể từ lần đầu tiên cho phép đầu tư nước ngoài cách đây hơn ba thập kỷ, Việt Nam đã nỗ lực phát triển nền kinh tế - tạo việc làm mới, phát triển các ngành công nghiệp mới và cải thiện sinh kế trên khắp cả nước.

Hiệp định Thương mại EU-Việt Nam (EVFTA), kỷ niệm năm thứ ba đi vào thực thi vào tháng 8 năm 2023, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các kết quả đã nói lên điều này. Năm 2019, trước khi EVFTA có hiệu lực, tổng khối lượng giao dịch giữa EU và Việt Nam ở mức 57,81 tỷ Đô-la Mỹ. Đến cuối năm 2022, chỉ hai năm sau khi triển khai, con số này đã tăng lên 66,78 tỷ Đô-la Mỹ – tăng 15%.

Đánh giá cao quá trình chuyển đổi này, 31% thành viên EuroCham hiện xếp Việt Nam vào một trong số ba điểm đến đầu tư toàn cầu hàng đầu, theo Chỉ số Niềm tin Kinh doanh (“BCI”) của chúng tôi. Đây rõ ràng là một lá phiếu tín nhiệm dành cho nền kinh tế Việt Nam.

Bên cạnh việc đánh giá cao những tiến bộ ấn tượng đã đạt được, với tư cách là một tổ chức, chúng tôi có niềm tin rất vững chắc vào tiềm năng phát triển trong tương lai của Việt Nam. Và với tư cách là một đối tác lâu dài, đáng tin cậy trong suốt hành trình này, cộng đồng doanh nghiệp châu Âu (“Team Europe”) vẫn giữ vững cam kết hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi hướng tới một tương lai bền vững theo định hướng đổi mới.

Với mục tiêu này, ấn bản Sách trắng này đưa ra một tập hợp các khuyến nghị toàn diện với chủ đề “Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam hướng đến nền kinh tế xanh bền vững”. Mặc dù mục tiêu chính là bền vững môi trường, Sách trắng cũng được mở rộng với trọng tâm đặt ở bốn lĩnh vực chính: cải thiện môi trường kinh doanh, thảo luận về lựa chọn của người tiêu dùng, phát triển ngành sức khỏe và làm đẹp cũng như chia sẻ các thực tiễn tốt nhất về phát triển xanh và bền vững. Thông qua những trụ cột này, doanh nghiệp có thể nâng cao năng lực, đổi mới hoạt động và tăng cường trách nhiệm xã hội.

Tổng hợp những hiểu biết chuyên sâu từ tất cả 20 Tiểu ban ngành nghề của EuroCham, bao gồm Tiểu ban Xây dựng và Tiểu ban Tài chính Bền vững mới được thành lập, Sách trắng đưa ra quan điểm đa ngành về cách thức thúc đẩy phát triển bền vững trên toàn quốc. Tận dụng kiến thức chuyên

môn tổng hợp có được từ kinh nghiệm của chúng tôi ở cả châu Âu và Việt Nam, EuroCham đã xác định các lĩnh vực ưu tiên và đề xuất hành động để gắn kết các bên liên quan với các mục tiêu quốc gia của Việt Nam. Kết hợp lại, những quan điểm này đặt ra những thách thức cấp bách và những cơ hội thú vị cho Việt Nam trong những ngày, tháng và năm tới.

Trong hơn hai thập kỷ, EuroCham đã tạo điều kiện cho các cuộc đối thoại mang tính xây dựng trong khu vực công-tư ở Việt Nam. Khi tiếp tục truyền thống gắn kết đáng tự hào này thông qua ấn phẩm Sách Trắng này, chúng tôi mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác có ý nghĩa hơn nữa giữa các bên liên quan. Đối thoại cởi mở và chân thành thực sự là nền tảng để hiện thực hóa các mục tiêu chung đầy tham vọng giữa các đối tác.

Diễn đàn Kinh tế Xanh (GEF) 2023 tại Hà Nội đã chứng minh sức mạnh của đối thoại cởi mở để hợp tác với Việt Nam trên hành trình “xanh hóa” (“go green”). Quy tụ hơn 500 người tham gia, GEF đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình chung của chúng tôi hướng tới một tương lai xanh hơn. Sự hiện diện của các nhân vật như Thủ tướng Phạm Minh Chính, Thủ tướng Hà Lan Mark Rutte, Phó Chủ tịch Điều hành Ủy ban châu Âu Valdis Dombrovskis và đại diện các cơ quan chức năng khác từ khắp châu Âu và Việt Nam đã nhấn mạnh quyết tâm về sứ mệnh chung của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu-Việt Nam và niềm tin vào sự hợp tác chung giữa hai bên để đạt được tham vọng. Vì vậy, chúng tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả những người đã tham gia GEF vì đã làm cho Diễn đàn này thành một trải nghiệm đáng giá.

Sử dụng GEF làm nền tảng và xem Diễn đàn & Triển lãm Kinh tế Xanh (Green Economic Forum and Exhibition - GEFE) vào cuối năm 2024 như một cơ hội khác để thúc đẩy tiếp tục đối thoại, chúng tôi tin tưởng rằng Sách trắng này cũng sẽ rất cần thiết trong việc xây dựng một tương lai nơi doanh nghiệp có trách nhiệm thúc đẩy đổi mới, đồng thời góp phần mang lại hạnh phúc cho người dân Việt Nam và hành tinh chúng ta. Mặc dù thách thức vẫn còn ở phía trước, Việt Nam và châu Âu chưa bao giờ lùi bước trong việc theo đuổi những mục tiêu đầy tham vọng và đầy thách thức để tạo ra sự thay đổi tích cực. Và bằng cách học hỏi từ những thành tựu đạt được trong khi vẫn hướng tới tương lai, tôi tin rằng những ngày tươi sáng nhất của chúng ta vẫn còn ở phía trước.

Hơn bao giờ hết, mối quan hệ đối tác đặc biệt giữa châu Âu và Việt Nam mang lại những gì thế giới cần – bằng chứng cho thấy việc xây dựng những cây cầu và phá bỏ các rào cản có thể biến những điều không thể thành có thể. Với lòng dũng cảm và tầm nhìn vô hạn, chúng ta sẽ đạt được nhiều cột mốc quan trọng nữa trên hành trình phát triển bền vững mà chúng ta cùng chia sẻ.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới tất cả những con người đã góp phần thúc đẩy sứ mệnh của chúng tôi nhằm cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Chúng tôi trân trọng những đóng góp không mệt mỏi của các thành viên, Tiểu ban ngành nghề, đối tác doanh nghiệp, đối tác chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Tôi cũng xin cảm ơn quý độc giả đã dành thời gian trong lịch trình bận rộn của mình để đọc Sách trắng này. Việc quý vị sẵn sàng tìm hiểu sâu hơn về những kiến thức chuyên sâu này thực sự thể hiện tâm huyết của quý vị trong việc tìm hiểu và định hình tương lai của nền kinh tế Việt Nam. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý vị về điều đó.

Chúc quý vị có trải nghiệm tuyệt vời khi đọc sách!



Ngài Julien Guerrier
Đại sứ Liên minh châu Âu
tại Việt Nam

THÔNG điệp của Đại sứ Liên minh châu Âu tại Việt Nam

Năm 2023 đánh dấu bước ngoặt của Việt Nam khi đất nước đang trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch. Dù bối cảnh toàn cầu trong năm 2024 sẽ tiếp tục có những thách thức kinh tế và xã hội, Việt Nam vẫn có cơ hội phát triển môi trường pháp lý hiện đại để củng cố tham vọng trở thành Con hổ Châu Á của thế kỷ 21.

Trong nhiều năm qua, Việt Nam là đối tác quan trọng của Liên minh châu Âu trong các vấn đề kinh tế, chuyển đổi kỹ thuật số, chuyển đổi xanh, cũng như an ninh và ổn định khu vực. Dù tương lai có thách thức đến đâu, Liên minh châu Âu vẫn đang và sẽ vẫn là một trong những đối tác thân thiết nhất của Việt Nam.

Để thúc đẩy tăng trưởng thương mại và kinh tế, Việt Nam cần liên tục cải thiện tính công khai và minh bạch cũng như hiện đại hóa hành chính công. Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) đang đóng vai trò quan trọng trong tiến trình này và góp phần giúp Việt Nam thành công vượt qua các thách thức kinh tế phát sinh từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng, giá nhiên liệu tăng và mất an ninh lương thực.

EVFTA không chỉ là một hiệp định thương mại tự do. Thông qua khuôn khổ EVFTA, chúng ta đã chứng kiến mức độ tự do hóa thương mại hàng hóa, dịch vụ chưa từng có và các cơ hội đầu tư mới cho các nhà đầu tư châu Âu và Việt Nam.

Chương 13 của EVFTA về Thương mại và Phát triển Bền vững mở ra cơ hội thúc đẩy phát triển bền vững, và với sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta có thể đạt được mục tiêu này. Các doanh nghiệp châu Âu vốn nổi tiếng về chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ xanh là những đối tác hoàn hảo để hỗ trợ quá trình chuyển đổi của nền kinh tế Việt Nam. Các nhà lãnh đạo chính trị của Liên minh châu Âu cũng đã cam kết duy trì hợp tác chặt chẽ với Việt Nam, điều này thể hiện rõ qua nhiều cuộc gặp gỡ và chuyến thăm trong những năm qua. Những sự kiện đáng chú ý nhất là Diễn đàn và Triển lãm Kinh tế Xanh (GEFE) 2022, Diễn đàn Kinh tế Xanh (GEF) 2023 và GEFE 2024 của EuroCham sắp tới. Thông qua việc tổ chức các diễn đàn này, cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyến thăm Việt Nam của của Phó Chủ tịch Điều hành Ủy ban châu Âu Valdis Dombrovskis tại GEF 2023 và Ủy viên Liên minh châu Âu về Môi trường, Đại dương và Thủy sản Virginijus Sinkevičius tại GEFE 2022, hỗ trợ họ tham gia các cuộc đối thoại với một

số nhà hoạch định chính sách cấp quốc gia của Việt Nam. Sự hiện diện của các nhà lãnh đạo này tại Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của Việt Nam đối với châu Âu.

Tôi đánh giá cao sự tham gia tích cực của các thành viên EuroCham trong các cuộc thảo luận hiệu quả này và cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với sự hỗ trợ không ngừng từ cộng đồng doanh nghiệp châu Âu. Với GEF và GEFE là các cột mốc quan trọng, đây sẽ là một chương mới trong mối quan hệ EU - Việt Nam cũng như quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của Việt Nam, mang đến vô vàn cơ hội cho thương mại và đầu tư. Các nhà đầu tư châu Âu sẽ tiếp tục có nhiều cơ hội hơn để đầu tư và thiết lập sự hiện diện tại thị trường sôi động và năng động này, thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng.

Sau ba năm thực hiện, EVFTA đã tạo điều kiện để Việt Nam củng cố định hướng phát triển của đất nước bằng cách hỗ trợ thúc đẩy các quy định của Việt Nam tương thích với tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đã cải thiện mức độ phù hợp về quy định và giảm bớt các rào cản pháp lý, tạo môi trường thuận lợi hơn cho tăng trưởng của Việt Nam. Với những phát triển về kinh tế này, Việt Nam sẽ có cơ hội tăng cường hơn nữa năng lực kinh tế và nâng cao các quyền về xã hội và lao động. Nhờ đó, Việt Nam sẽ tiếp tục củng cố vị thế như một tác nhân cốt lõi trong chiến lược đối tác của EU, tích cực tham gia vào các sáng kiến như Thỏa thuận xanh EU (EU Green Deal), Cửa ngõ Toàn cầu (Global Gateway) và Hiệp định khung về Tham gia giữa EU-Việt Nam (FPA). Để đạt được mục tiêu này, điều cần làm là phải tham gia thảo luận sâu hơn và trao đổi hiểu biết chuyên sâu thực tế về môi trường kinh doanh và chính sách giữa EU và Việt Nam.

Tại Sách trắng – ấn phẩm hàng năm uy tín của EuroCham – chúng ta sẽ tìm được những góc nhìn thực tế một cách dễ dàng. Kể từ ấn bản đầu tiên, Sách trắng đã đóng vai trò như một phong vũ biểu thực tế và là cầu nối cho đối thoại chính sách giữa khu vực công và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu. Qua 14 ấn bản, Sách trắng đã khơi mào cho vô số cuộc thảo luận và tạo điều kiện cho chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp cùng xây dựng nhiều chính sách. Trong 25 năm qua, Sách trắng của EuroCham đã củng cố vị thế là công cụ truyền tải hiệu quả quan điểm của cộng đồng doanh nghiệp tới Chính phủ Việt Nam. Với ấn bản thứ 15 hiện đã được công bố, tôi tin rằng truyền thống quý giá này sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh và có tác động lớn hơn nữa.

Bằng cách xem xét cẩn thận các khuyến nghị trong Sách trắng này, lắng nghe ý kiến của nhau và tích cực tham gia thực thi EVFTA cũng như các sáng kiến khác của EU và Việt Nam, chúng ta có thể đóng góp vào tăng trưởng và thịnh vượng của nền kinh tế Việt Nam.

Vì vậy, tôi xin hân hạnh giới thiệu ấn bản thứ 15 của Sách trắng - nguồn cảm hứng và đề xuất quý giá cho những nỗ lực của Việt Nam nhằm thúc đẩy đầu tư, hướng tới một nền kinh tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và bền vững hơn. Những ý tưởng và khuyến nghị được trình bày trong Sách trắng này có khả năng phát huy tối đa tiềm năng của mối quan hệ kinh tế và thương mại song phương giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam, và do đó xứng đáng được xem xét nghiêm túc và cẩn thận.



THÔNG ĐIỆP TỪ CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN



Bart Verheyen

Chủ tịch Hiệp hội
Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg
tại Việt Nam (BeluxCham)



Bạn đọc thân mến,

Thay mặt Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam (BeluxCham), chào mừng bạn đến với ấn phẩm Sách Trắng của EuroCham ấn bản năm 2024.

Hiệp hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg đã đóng vai trò hỗ trợ các công ty đến từ Bỉ và Luxembourg mong muốn hoạt động hoặc mở rộng kinh doanh tại Việt Nam xuyên suốt 20 năm qua. Bên cạnh đó, để hỗ trợ những công ty Việt tìm kiếm đầu tư và thương mại với Bỉ hoặc Luxembourg, chúng tôi luôn làm việc chặt chẽ với đội ngũ tổ chức Liên Minh Bỉ Việt (Belgian Vietnamese Alliance - BVA). Tôi vô cùng hào hứng khi khối lượng thương mại giữa Bỉ, Luxembourg và Việt Nam tăng hàng năm và được đẩy mạnh thêm bởi EVFTA. Đồng thời, chúng tôi cũng giúp đỡ các thành viên hướng tới phát triển doanh nghiệp bền vững. Thông qua các sự kiện và hoạt động đổi mới (trong khu vực), chúng tôi đã hỗ trợ thực hành các chính sách về môi trường, xã hội và chính phủ một cách có hiệu quả.

2024 sẽ là một năm rất đặc biệt với BeluxCham. Đây không chỉ đánh dấu cột mốc 20 năm hoạt động của chúng tôi tại thị trường Việt Nam mà còn hướng tới kỷ niệm 50 năm quan hệ ngoại giao song phương giữa Bỉ và Việt Nam, giữa Luxembourg và Việt Nam. Chuyến thăm cấp nhà nước của Đức Vua và Hoàng Hậu vương quốc Bỉ (dự kiến vào tháng 10 năm 2024) nhấn mạnh mối liên kết chính trị và thương mại giữa Bỉ và Việt Nam. BeluxCham rất vinh hạnh khi đóng vai trò là một đối tác chiến lược trong sự kiện này.

Với ấn bản Sách trắng năm 2024, tôi tin rằng EuroCham và BeluxCham sẽ nỗ lực hơn nữa nhằm làm sâu sắc hơn mối liên kết giữa Việt Nam và châu Âu. Tôi mong các bạn sẽ thích thú khi đọc như chúng tôi trong giai đoạn chuẩn bị cho ấn phẩm Sách trắng năm 2024.



Thibaut Giroux

Chủ tịch Phòng Thương mại
và Công nghiệp Pháp
tại Việt Nam (CCIFV)



Trong bối cảnh toàn cầu đang có nhiều diễn biến bất ổn, bức tranh kinh tế tại Việt Nam tiếp tục có nhiều hứa hẹn. Với những cam kết cải cách đáng kể, sự tiến bộ kinh tế đã giúp cho các dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Trong bối cảnh đó, năm 2024 hứa hẹn nhiều tiềm năng thuận lợi cho các dự án kinh doanh tại Việt Nam. Điều này được củng cố thông qua những tích cực mà EVFTA mang lại cũng như lập trường chủ động của Việt Nam hướng đến chuyển đổi bền vững cần thiết.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV) đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ mở rộng các hoạt động kinh doanh: chúng tôi kiên định hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam, châu Âu, và Pháp và tạo điều kiện phát triển các mối quan hệ kinh doanh bền chắc. CCIFV là đại diện duy nhất và chính thức tại Việt Nam của Mạng lưới Doanh nghiệp châu Âu (EEN), mạng lưới rộng lớn hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở châu Âu ở thị trường quốc tế với 125 Văn phòng Thương mại của Pháp hoạt động tại 95 quốc gia, chúng tôi đóng vai trò là cửa ngõ của các hợp tác đa phương trên phạm vi toàn cầu.

Với đội ngũ tận tâm và mạng lưới đa ngành, CCIFV cam kết hỗ trợ về mặt vận hành đối với các công ty và hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh của họ. Cách tiếp cận hợp tác này nhấn mạnh cam kết của chúng tôi đối với thành công chung đạt được trong bối cảnh kinh doanh của Việt Nam và châu Âu, với trọng tâm phát triển những thế mạnh của Pháp về kinh tế xanh như là một phần không thể thiếu trong thành tựu chung.



Sérgio Pereira da Silva

Chủ tịch Hiệp hội Thương mại
và Công nghiệp
Bồ Đào Nha-Việt Nam (CCIPV)



Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp Bồ Đào Nha-Việt Nam (CCIPV) là một tổ chức phi lợi nhuận thuộc mạng lưới 61 Phòng thương mại của Bồ Đào Nha. CCIPV nỗ lực thúc đẩy và bảo vệ lợi ích của các thành viên, nhất là trong các liên kết kinh tế và thương mại giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Bồ Đào Nha.

Với vai trò là cơ quan có thẩm quyền đi đầu trong việc hợp tác song phương giữa những tổ chức và doanh nghiệp Bồ Đào Nha và Việt Nam, CCIPV có sứ mệnh thúc đẩy và tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại song phương giữa Bồ Đào Nha và Việt Nam. Mục tiêu này có thể đạt được thông qua các dịch vụ CCIPV thiết kế phù hợp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại và đầu tư, bao gồm nghiên cứu thị trường, phân tích kinh tế vĩ mô, hỗ trợ quản lý, và kết nối doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, CCIPV đóng vai trò bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của các thành viên bao gồm việc cập nhật chính sách và giám sát các quy định pháp luật; tham vấn các cơ quan Chính phủ và hiệp hội chuyên ngành; cung cấp một diễn đàn cho các doanh nhân bày tỏ quan điểm riêng; thực hiện các hoạt động để tăng thêm giá trị cho môi trường kinh doanh của Bồ Đào Nha và Việt Nam.

CCIPV tối đa hóa mạng lưới thành viên của Hiệp hội và tinh thần hợp tác với các cơ quan Chính phủ, Hiệp hội Doanh nghiệp và các doanh nghiệp nói chung. Chúng tôi hoan nghênh tất cả các doanh nghiệp tại Việt Nam và Bồ Đào Nha kết nối để mở rộng hoạt động kinh doanh và đầu tư quốc tế ở mỗi quốc gia đến với trang web của chúng tôi: www.ccipv.com hoặc liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ email info@ccipv.com.



Marko Moric

Chủ tịch Hiệp hội
Doanh nghiệp Trung
và Đông Âu (CEEC)



Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu (CEEC) tự hào đóng vai trò là chất xúc tác cho sự hợp tác, phát triển kinh tế và quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước Trung, Đông Âu (CEE) kể từ khi thành lập vào năm 2015. Cam kết của chúng tôi là tạo ra cơ hội trao đổi nghề nghiệp và xã hội có giá trị được thể hiện rõ ràng thông qua các sáng kiến của chúng tôi ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng quan hệ đối tác: Những nỗ lực hợp tác của chúng tôi mở rộng tới các Cơ quan Chính phủ, Cơ quan Ngoại giao và Hiệp hội Doanh nghiệp, được chính thức hóa thông qua Biên bản ghi nhớ (MoU). Hơn nữa, chúng tôi đã tạo dựng mối quan hệ chặt chẽ với Phòng Thương mại từ khu vực CEE, thúc đẩy một mạng lưới xuyên biên giới.

Thúc đẩy các thành viên: CEEC cung cấp các dịch vụ không thể thiếu cho các thành viên của chúng tôi, bao gồm cả chương trình "Hạ cánh mềm" (Soft Landing) nổi tiếng. Sáng kiến này cung cấp sự hỗ trợ toàn diện cho chiến lược thâm nhập thị trường, lựa chọn địa điểm, thành lập công ty và phát triển kinh doanh—một nguồn lực vô giá cho những người mới thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Những hiểu biết sâu sắc về bối cảnh kinh doanh của Việt Nam: Để nâng cao nhận thức và hiểu biết về môi trường kinh doanh Việt Nam, chúng tôi đã giới thiệu cuốn sách "Kinh doanh tại Việt Nam" (Doing Business in Vietnam). Bộ hướng dẫn toàn diện này nêu bật tiềm năng của thị trường và tập trung vào các lĩnh vực cụ thể, cung cấp những hiểu biết sâu sắc quan trọng cho các doanh nhân và nhà đầu tư.

Sách trắng - Định hướng các vấn đề kinh doanh: Là một bản tóm tắt thiết yếu, Sách trắng đề cập đến các vấn đề kinh doanh cụ thể theo ngành và liên ngành tại Việt Nam. CEEC nỗ lực thúc đẩy sự phát triển tích cực của môi trường kinh doanh và nền kinh tế Việt Nam. Chúng tôi hào hứng kỳ vọng Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA) sẽ tiếp tục được triển khai thành công, hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội đầu tư và thương mại cho các thành viên hiện tại và tương lai cũng như các đối tác Việt Nam của chúng tôi.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi: www.ceecvn.com hoặc liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ email office@ceecvn.org.



Alexander Koch

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV)



Hà Lan là nhà đầu tư lớn nhất (và cũng là đối tác thương mại lớn thứ hai) của EU tại Việt Nam trong nhiều năm qua. Bên cạnh việc vun đắp mối quan hệ thương mại, Hà Lan còn sát cánh với Việt Nam để giải quyết các vấn đề cấp bách như biến đổi khí hậu.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV) “xây dựng cầu nối giữa Hà Lan và Việt Nam” để giúp các doanh nghiệp Hà Lan hoạt động thành công tại Việt Nam, bất kể là doanh nghiệp thành viên lâu năm hay vừa mới tham gia thị trường.

Là Hiệp hội thành viên trực thuộc EuroCham, DBAV đã thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức Chính phủ và các phòng thương mại tại Việt Nam. Thông qua mạng lưới này, DBAV tạo ra một nền tảng mà qua đó cộng đồng doanh nghiệp Hà Lan là một phần tất yếu của cộng đồng doanh nghiệp lớn hơn ở Việt Nam.

DBAV duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Tổng Lãnh sự quán Hà Lan tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đại sứ quán Hoàng gia Hà Lan tại Hà Nội để giúp các công ty thu thập thông tin về thị trường Việt Nam và các chính sách của chính phủ.



Elmar Dutt

Đồng chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA)



Chào mừng bạn đọc đến với Sách trắng EuroCham ấn phẩm năm 2024, bộ hướng dẫn tối ưu cung cấp thông tin về môi trường kinh doanh tại Việt Nam và các khuyến nghị chính sách từ EuroCham. Với tư cách là Đồng Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA), chúng tôi rất vinh dự được là tiếng nói và là người ủng hộ các doanh nghiệp Đức tại Việt Nam, thúc đẩy mối quan hệ kinh tế - xã hội song phương giữa hai nước.

GBA được thành lập năm 1995 và được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép năm 1998, là một trong những hiệp hội doanh nghiệp được thành lập lâu đời và có ảnh hưởng nhất, đồng thời là thành viên sáng lập EuroCham tại Việt Nam. Chúng tôi đại diện cho 400 tập đoàn, từ các gã khổng lồ đến các công ty khởi nghiệp tại địa phương, với phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. GBA nỗ lực tạo điều kiện và cơ hội thị trường tốt nhất có thể cho các thành viên tại Việt Nam.

Chúng tôi thường xuyên tổ chức nhiều sự kiện dành cho mạng lưới nghề nghiệp và xã hội tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, trong đó Lễ hội tháng mười hàng năm là một trong những sự kiện mang tính bước ngoặt. Chúng tôi cũng tham gia đối thoại với chính quyền địa phương của từng tỉnh trên cả nước và tổ chức nhiều hoạt động khác như họp kinh doanh hàng tháng, hội thảo, tham quan, sự kiện thể thao và sáng kiến CSR để hỗ trợ tài năng địa phương thông qua cuộc thi khởi nghiệp hàng năm Thử thách kinh doanh GBA. Năm 2023, chúng tôi đã thu hút 20.000 người tham gia vào 70 sự kiện.

Chúng tôi xác định các ưu tiên chính vào năm 2023 là: (1) chuyển đổi và phát triển thông qua tăng cường hoạt động và truyền thông của GBA; (2) cung cấp nội dung bản chất kinh doanh bằng cách cải thiện chất lượng và số lượng các sự kiện GBA; và (3) thúc đẩy các chủ đề GBA bằng cách hợp tác chặt chẽ với các thành viên GBA để xác định nhu cầu và giải quyết các vấn đề. Chúng tôi tin rằng những ưu tiên này sẽ cho phép chúng tôi đóng góp vào sự thành công của các thành viên khi kinh doanh tại Việt Nam, cũng như phát triển Việt Nam thành một điểm đến cạnh tranh và hấp dẫn cho thương mại và đầu tư, đồng thời là đối tác có trách nhiệm và bền vững của EU và Đức. Để tìm hiểu thêm về GBA, hãy truy cập trang web của chúng tôi: www.gba-vietnam.org



Torben Minko

Đồng chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA)



Michele D'Ercole
Chủ tịch Phòng Thương
mại Italia tại Việt Nam
(ICHAM)



Được thành lập vào năm 2008, Phòng Thương mại Italia tại Việt Nam (ICHAM) chuẩn bị kỷ niệm dấu mốc 16 năm hoạt động vào năm 2024. Kể từ khi thành lập, ICHAM thiết lập sứ mệnh của mình trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế, văn hóa giữa Ý và Việt Nam thông qua các chuyến công du, các đoàn công tác và trao đổi thương mại giữa hai quốc gia.

Đặc biệt, ICHAM không ngừng hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp Ý và Việt Nam tìm kiếm đối tác tiềm năng thông qua nghiên cứu thị trường, tổ chức các cuộc họp giữa doanh nghiệp, sự kiện kết nối, hội thảo và tọa đàm kỹ thuật tập trung vào các lĩnh vực cụ thể tại Việt Nam và Ý. Kể từ hơn ba năm Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA), hiệp định đầy tham vọng và toàn diện nhất mà EU từng ký kết với một quốc gia đang phát triển, là hiệp định có hiệu lực cũng như Hiệp định Bảo hộ Đầu tư EU-Việt Nam (EVIPA). ICHAM đang tiếp tục tổ chức chuỗi hội thảo, chuyên đề về ưu điểm, lợi ích của EVFTA và EVIPA. EVIPA nhằm mục đích bảo vệ các nhà đầu tư và đầu tư vào EU và Việt Nam, đồng thời đảm bảo họ sẽ được đối xử công bằng. Cả hai sẽ thúc đẩy đáng kể thương mại song phương giữa hai nước và là cột mốc nổi bật tạo động lực mới cho quan hệ giữa EU và Việt Nam, mở ra cơ hội hợp tác toàn diện và sâu rộng.

Để quảng bá sản phẩm “Sản xuất tại Ý” tại Việt Nam, ICHAM hợp tác với Đại sứ quán Ý tại Hà Nội, Tổng lãnh sự quán Ý tại Thành phố Hồ Chí Minh và hợp tác chặt chẽ với các Phòng kinh doanh Ý khác ở nước ngoài, các hiệp hội và tổ chức doanh nghiệp địa phương.

Cho đến nay, mạng lưới thành viên của ICHAM đã đạt hơn 110 doanh nghiệp và tiếp tục mở rộng hơn nữa thông qua các hoạt động hỗ trợ và kết nối thương mại.

Liên hệ chúng tôi:

- Trang web: www.icham.org
- Email: info@icham.org hoặc madeinitaly@icham.org
- ĐT: (+84) 2838224059 hoặc (+84) 2838224427



Eva Hansen
Chủ tịch Hiệp hội doanh
nghiệp các nước Bắc Âu
tại Việt Nam (NordCham
Việt Nam)



Hiệp hội doanh nghiệp các nước Bắc Âu tại Việt Nam (Nordcham Việt Nam) rất vui mừng được hỗ trợ EuroCham trong quá trình ra mắt ấn bản thứ 15 của Sách trắng. Chúng tôi đánh giá cao vai trò của Sách trắng khi đây là tiếng nói tập thể của các doanh nghiệp nước ngoài, truyền đạt hiệu quả tới chính quyền địa phương về tầm quan trọng của việc tạo ra một môi trường kinh doanh hấp dẫn và thuận lợi cho các doanh nghiệp Bắc Âu và doanh nghiệp quốc tế nói chung.

Năm 2023 đánh dấu loạt những phát triển đáng chú ý của Việt Nam, cho thấy những cải tiến đáng kể về quy định và thực tiễn kinh doanh. Chúng tôi rất vui khi chứng kiến những bước tiến tích cực của Việt Nam hướng tới môi trường kinh doanh thuận lợi hơn và hướng phát triển bền vững. NordCham tin chắc rằng quỹ đạo này rất phù hợp để thu hút các nhà đầu tư có chung mục tiêu và tiêu chuẩn.

Trong những năm gần đây, NordCham Việt Nam đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, phát triển thành một cộng đồng doanh nghiệp Bắc Âu lớn mạnh với hơn 170 thành viên, bao gồm cả các công ty lâu đời và các nhà đầu tư mới. Thành viên đa dạng này bao gồm các công ty nổi tiếng toàn cầu đã đầu tư đáng kể vào nhiều lĩnh vực khác nhau tại Việt Nam. Trong thời gian tới, NordCham hy vọng chính phủ sẽ nghiêm túc xem xét những thông tin chuyên sâu được cung cấp trong Sách trắng để tạo điều kiện cho môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa và thu hút các nhà đầu tư mới muốn thâm nhập vào thị trường Việt Nam.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi: www.nordchamvietnam.com

**Javier Méndez**

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam



Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam rất vinh dự được tham gia vào sản xuất ấn phẩm Sách trắng EuroCham 2024. Là văn phòng thành lập mới nhất tại Việt Nam vào năm 2022, cộng đồng của chúng tôi đã phát triển nhanh trong cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, đại diện cho hơn 50 thành viên và hơn nữa nhờ tiềm năng phát triển của những năm tới. Chúng tôi có sự đa dạng giữa các thành viên, bao gồm sự hiện diện đồng đảo ở các ngành như khách sạn, sản xuất, năng lượng tái tạo, hậu cần, công nghệ, phát triển bền vững và dịch vụ.

Các công ty hàng đầu của chúng tôi là những công ty dẫn đầu thế giới về đổi mới, nghiên cứu và phát triển. Chúng tôi tin chắc rằng nội dung của Sách trắng là nguồn tài nguyên vô giá cho những khuyến nghị dành cho Việt Nam cũng như những thách thức và cơ hội kinh doanh tại Việt Nam. Việc thúc đẩy thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Tây Ban Nha, giữa Việt Nam và EU được EVFTA đẩy nhanh, hỗ trợ Việt Nam phát triển bền vững. Vai trò của chúng tôi là chìa khóa trong việc thúc đẩy đầu tư của Tây Ban Nha vào Việt Nam, hỗ trợ hoạt động kinh doanh hiện tại của các thành viên và tăng cường mối quan hệ giữa hai nước và toàn bộ cộng đồng châu Âu.

Chúng tôi tin tưởng vào sự trao đổi hiệu quả và tiện ích của ấn bản Sách trắng lần thứ 15 này. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.spanishchambervn.com.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CỦA EUROCHAM



Là một trong những hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam, EuroCham được các cơ quan Chính phủ Việt Nam, Châu Âu cũng như các tổ chức quốc tế công nhận là đơn vị hỗ trợ chính sách tích cực và hiệu quả cho cộng đồng doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam. Chúng tôi cam kết luôn là cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp châu Âu với các cơ quan Chính phủ cấp trung ương và địa phương, cũng như với các tổ chức trong khu vực. EuroCham hợp tác với các bên liên quan trong nước và quốc tế ở các cấp độ khác nhau và thông qua mạng lưới diễn đàn đa dạng. Hiện nay, EuroCham là nhân tố quan trọng hỗ trợ tăng cường hợp tác và đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU), đồng thời là động lực thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư giữa EU và Việt Nam.

Trong những năm qua, môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã những chuyển biến đáng



kể. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số trở ngại đối với tiềm năng phát triển kinh doanh, có thể cản trở sự tăng trưởng bền vững của Việt Nam và gây bất lợi cho cả cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chức năng cốt lõi trong vận động chính sách của EuroCham nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong bối cảnh kinh doanh của Việt Nam, có được sự thành công chính nhờ cam kết của các Tiểu ban Ngành nghề và sự đa dạng của các thành viên. Từ cá nhân đến công ty khởi nghiệp và các tập đoàn đa quốc gia, tất cả đều đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam. Chúng tôi tích cực khuyến khích sự tham gia của thành viên vào hoạt động hỗ trợ chính sách bằng cách cung cấp nhiều kênh khác nhau để chia sẻ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc thảo luận, kết nối mạng và vận động chung vì lợi ích kinh doanh. Cách tiếp cận này tạo ra nhiều cơ hội cho các thành

TIỂU BAN NGÀNH NGHỀ	CHỦ TỊCH
Tiểu ban Mỹ phẩm	Bà Trần Thị Phương Mai; Bà Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh
Tiểu ban Xây dựng	Ông Michel Cassagnes
CropLife Việt Nam	Ông Đặng Văn Bảo
Tiểu ban Kỹ thuật số	Ông Bruno Sivanandan; Ông Pavel Poskakukhin
Tiểu ban Thực phẩm, nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản	Ông Jesper Clausen
Tiểu ban Tăng trưởng Xanh	Ông Erik Contreras
Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo	Ông William Badger; Ông Khuất Văn Trung
Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ	Bà Yến Vũ
Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm Tương tự	Ông Gregory Charitonos
Tiểu ban Pháp luật	Ông Kent Wong
Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán	Ông Qadeer Raza
Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy	Ông Laurent Genet
Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng	Ông Douglas Kuo
Pharma Group	Ông Emin Turan
Tiểu ban Tài chính Bền vững	Ông Giandomenico Zappia
Tiểu ban Thuế và Chuyển giá	Ông Thomas McClelland
Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn	Ông Mario Mendis
Tiểu ban Vận tải và Hậu cần	Ông Juergen Weber
Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh	Ông Sebastien Vilmoth; Ông Olivier Fages
Tiểu ban Phụ nữ trong Kinh doanh	Bà Sarah Galeski; Bà Zaida de Jager

viên của EuroCham tham gia vào các hoạt động cũng như đóng góp vào sứ mệnh của chúng tôi là thúc đẩy một môi trường kinh doanh thuận lợi tại Việt Nam.

Với tổng số 20 Tiểu ban Ngành nghề tại EuroCham, chúng tôi đóng vai trò là nền tảng hỗ trợ chính sách mạnh mẽ, nơi các thành viên của chúng tôi với đến từ nhiều ngành nghề khác nhau tham gia có hiệu quả với chính phủ Việt Nam trong giải quyết các mối quan ngại của doanh nghiệp. Các Tiểu ban này đóng vai trò then chốt trong sứ mệnh hỗ trợ chính sách của EuroCham và đã phát triển cả về số lượng và chất lượng trong những năm qua. Các chức năng hiện nay bao gồm thảo luận về các lợi ích chung, xây dựng các văn bản hướng dẫn Sách trắng và công tác hỗ trợ chính sách của chúng tôi, đóng góp vào các phân tích về việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU (EVFTA), tham gia các cuộc họp của EuroCham, các sự kiện vận động và đối thoại với chính phủ và cơ quan nhà nước. Cách tiếp cận toàn diện này tăng cường khả năng chúng tôi đại diện và ủng hộ cho các thành viên của mình. Vào năm 2023, chúng tôi đã mở rộng mạng lưới Tiểu ban Ngành nghề của mình bằng cách thành lập hai Tiểu ban mới: Tiểu ban Xây dựng và Tiểu ban Tài chính Bền vững. Đây là điều kiện giúp chúng tôi nâng cao hơn nữa năng lực của mình trong việc vận động cho lợi ích đa dạng của các thành viên trong nhiều ngành khác nhau.

Trong năm 2023, Nhóm Tư vấn Chính sách của EuroCham đã gửi 175 thư và nhận được 253 thư từ các quan chức chính phủ, tiến hành 132 cuộc họp của các Tiểu ban Ngành nghề, và tổ chức 147 cuộc họp với các cơ quan Chính phủ cũng như nhiều khóa đào tạo, hội thảo và hội nghị về chính sách. Chúng tôi cung cấp cho các thành viên cơ hội gặp gỡ và tiếp xúc trực tiếp với nhiều quan chức Chính phủ cấp cao tại các cuộc họp và đối thoại. Trong đó, bao gồm có Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính của Thủ tướng Chính phủ (ACAPR), Văn phòng Chính phủ (OOG), Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng nhiều Bộ ngành và lãnh đạo tỉnh. Các cuộc họp được tổ chức nhằm thúc đẩy việc thực thi EVFTA, nêu ra các vấn đề được đề cập trong Sách trắng và hỗ trợ Việt Nam phát triển nền kinh tế bền vững.

EuroCham đã tích cực nỗ lực hướng tới một nền kinh tế xanh và các sáng kiến phát triển bền vững phù hợp với EVFTA bằng cách hỗ trợ chính phủ Việt Nam. Trong thư gửi chính phủ Việt Nam, chúng tôi đã đưa ra nhiều khuyến nghị cụ thể không chỉ về năng lực tái tạo mà còn về các khía cạnh rộng hơn của phát triển bền vững. Những khuyến nghị này bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR), Kế hoạch phát triển điện lực VIII (PDP VIII), chương trình thỏa thuận mua bán điện trực tiếp (DPPA), Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), tất cả đều được thiết kế để thúc đẩy tầm nhìn chung định hướng chính sách bền vững của đất nước.

EuroCham cam kết tiếp tục hợp tác với Việt Nam để đảm bảo sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ và thành công trong đầu tư.

Các hoạt động vận động chính sách của EuroCham đã mang lại một số kết quả tích cực trong năm 2023

A. CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Vào ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Viễn thông sửa đổi, đưa ra cách tiếp cận quản lý “nhẹ nhàng” hơn cho ba lĩnh vực cụ thể: Dịch vụ viễn thông cơ bản trên mạng Internet, Dịch vụ điện toán đám mây và Dịch vụ trung tâm dữ liệu Internet. Bản sửa đổi có một số điểm quan trọng:
 1. Các nhà cung cấp dịch vụ thuộc ba hạng mục này hiện được miễn một số trách nhiệm nhất định. Điều này bao gồm việc không phải đóng góp vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích và được miễn phí hoạt động viễn thông.
 2. Yêu cầu trước đây đối với các nhà cung cấp dịch vụ này phải có giấy phép viễn thông đã được bãi bỏ. Thay vào đó, giờ đây họ chỉ cần hoàn thành quy trình đăng ký và thông báo đơn giản hơn.

3. Quyền và nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ trong ba dịch vụ mới được quy định này đã được tổng hợp thành một mục riêng biệt (Mục 3 - Chương II) của pháp luật.

Những thay đổi này phù hợp với các khuyến nghị và sự tham gia liên tục của Tiểu ban Kỹ thuật số, với đóng góp, phản hồi và tham gia thảo luận với Ủy ban soạn thảo của Bộ Thông tin và Truyền thông trong suốt giai đoạn soạn thảo quy định.

- Ngày 23 tháng 8 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định 65/2023/ND-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, đặc biệt tập trung vào sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền giống cây trồng, và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Tiếp theo đó, ngày 30/11/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 23/2023/TT-BKHCN hướng dẫn bổ sung. Ngoài ra, Nghị định 79/2023/ND-CP được ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ liên quan đến quyền đối với giống cây trồng. Những bước phát triển pháp lý này phản ánh những nỗ lực vận động bền bỉ của Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ đã tích cực tham gia vào các phiên soạn thảo và đệ trình các văn bản nhằm hình thành khung pháp lý hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi.
- Ngày 3 tháng 4 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định 10/2023/ND-CP sửa đổi Điều 32 Nghị định 43/2014/ND-CP. Sửa đổi này đưa ra một điều khoản mới về việc chứng nhận quyền sở hữu các công trình xây dựng phi dân cư. Do đó, các tài sản như căn hộ khách sạn, căn hộ văn phòng và bất động sản nghỉ dưỡng, sau khi đáp ứng tất cả các yêu cầu về quy định, hiện đủ điều kiện để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sự thay đổi quy định này phù hợp với các quan điểm vận động được Tiểu ban Pháp luật nêu bật trong Sách trắng 2023.
- Vào ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã thông qua nghị quyết với đa số 93,5% đại biểu ủng hộ việc áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu. Nghị quyết này dự kiến có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Động thái lập pháp này phù hợp với những nỗ lực vận động không ngừng của Tiểu ban Thuế và Chuyển giá trong suốt năm 2023.

B. PHÁT TRIỂN XANH VÀ BỀN VỮNG

- Vào ngày 24 tháng 6 năm 2023, Quốc hội vừa thông qua luật sửa đổi Luật Xuất nhập cảnh, phản ánh những thay đổi đáng kể trong chính sách thị thực. Điều này bao gồm việc gia hạn thời hạn thị thực đối với các quốc gia có thỏa thuận miễn thị thực lên 45 ngày. Ngoài ra, thời hạn cấp thị thực điện tử đã được kéo dài đến 90 ngày. Những thay đổi này là kết quả của nỗ lực tham gia và vận động lâu dài của EuroCham và Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn.
- Vào ngày 18 tháng 9 năm 2023, Việt Nam ban hành Nghị định 70/2023/ND-CP, trong đó sửa đổi đáng kể Nghị định 152/2020/ND-CP hiện hành. Nghị định mới này đưa ra những thay đổi lớn đối với các quy định liên quan đến giấy phép lao động và miễn trừ đối với lao động nước ngoài tại Việt Nam, nhằm đơn giản hóa và làm rõ quy trình cho cả người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài. Những thay đổi này bao trùm nhiều khía cạnh của việc sử dụng lao động nước ngoài. Trước vấn đề này, Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo đã đóng vai trò tích cực trong việc hình thành các quy định này. Các hoạt động tương tác chính bao gồm cuộc gặp với lãnh đạo Sở LĐTBXH TP.HCM ngày 20 tháng 2, đồng tổ chức đối thoại với Sở LĐTBXH TP.HCM vào ngày 7 tháng 3, tham dự cuộc đối thoại tại TP.HCM về giấy phép lao động vào ngày 6 tháng 4 và tổ chức đối thoại với Bộ LĐTBXH vào ngày 26 tháng 5. Ngoài ra, Tiểu ban còn đóng góp vào quá trình lập pháp bằng cách gửi nhiều thư góp ý về dự thảo Nghị định 70.

C. LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

- Ngày 28 tháng 3 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 300/QĐ-Ttg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về hệ thống thực phẩm bền vững đến năm 2030. Quyết định này phản ánh nỗ lực vận động của Tiểu bang Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAABS). Những nỗ lực này bao gồm các cuộc gặp trước đây với Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tham gia các phiên thảo luận do Cục Xúc tiến Thương mại tổ chức và nhiều cuộc phỏng vấn trên phương tiện truyền thông. Những tương tác này tập trung vào các chủ đề như triển vọng xuất khẩu thực phẩm sang EU, ảnh hưởng của các chính sách của EU đối với ngành nông nghiệp Việt Nam và tác động của các xu hướng toàn cầu đối với nông nghiệp Việt Nam.
- Nghị định số 60/2023/ND-CP ban hành ngày 16 tháng 8 năm 2023 để cập đến hai chủ đề chính được Tiểu ban Ô tô - Xe máy nêu ra: kiểm tra và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô và linh kiện nhập khẩu. Tiểu ban ủng hộ việc sửa đổi các quy định liên quan đến việc thu hồi kỹ thuật, nhất là kỹ thuật tại kho hải quan và đề xuất khả năng ngừng kích hoạt Hệ thống hỗ trợ người lái tiên tiến (ADAS). Những khuyến nghị này đã được phản ánh trong Nghị định mới được ban hành.

D. CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ LÀM ĐẸP

- Ngày 16 tháng 6 năm 2023, Bộ Y tế Việt Nam công bố ý định ban hành nghị định mới về quản lý mỹ phẩm. Động thái này nhằm mục đích hoàn thiện khuôn khổ pháp lý quản lý ngành mỹ phẩm trong nước. Sáng kiến này là kết quả của các cuộc thảo luận với chính phủ được tổ chức vào năm 2019 và 2020, cũng như sự vận động kiên trì của Tiểu ban Mỹ phẩm nhằm đẩy nhanh những thay đổi về quy định, bao gồm việc loại bỏ yêu cầu phê duyệt trước quảng cáo mỹ phẩm, hiện đang được Bộ Y tế và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giám sát. Nghị định được đề xuất dự kiến sẽ thay thế các hướng dẫn pháp lý hiện hành về quản lý mỹ phẩm và sẽ kết hợp các điều khoản để loại bỏ sự cần thiết phải phê duyệt quảng cáo, từ đó hài hòa hóa các quy định trong toàn ngành.
- Luật Khám bệnh, Chữa bệnh sửa đổi được Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2023 quy định về công cụ vay vốn. Đây là một thành tựu lớn của ngành chẩn đoán sau 5 năm miệt mài nỗ lực.
- Nghị định 07/2023/ND-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/ND-CP về quản lý trang thiết bị y tế do Chính phủ Việt Nam ban hành cấp giấy phép tự động gia hạn giấy phép nhập khẩu và số MA đến ngày 31/12/2024 và có một số thay đổi về niêm yết, kê khai giả, giúp giải quyết vướng mắc trong việc nhập khẩu thiết bị y tế thời gian gần đây do giấy phép hết hạn. Chúng tôi hy vọng rằng việc cung cấp thiết bị y tế sẽ được nối lại suôn sẻ.
- Nghị quyết 30/NQ-CP ban hành ngày 04 tháng 3 năm 2023, loại bỏ một số trở ngại trong việc cung cấp thiết bị, hoàn trả bảo hiểm y tế và đấu thầu giá thiết bị y tế, giúp giảm bớt tình trạng thiếu hụt vật tư y tế gây gián đoạn xét nghiệm, chẩn đoán và điều trị tại các bệnh viện công ở Việt Nam.

**SOUTH-EAST ASIA
IP SME HELPDASK**

#knowbeforeyougo!

Tư vấn miễn phí Luật sở hữu trí tuệ (IP) tại khu vực Đông Nam Á dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong Chương trình Thị trường chung (SMP)* của Liên minh Châu Âu (EU)

Bộ phận trợ giúp SEA IP SME Helpdesk cung cấp miễn phí thông tin và dịch vụ tư vấn cơ bản về luật sở hữu trí tuệ và các vấn đề liên quan, không sử dụng thuật ngữ chuyên ngành, đồng thời đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra, bộ phận trợ giúp cũng cung cấp tài liệu tham khảo đa dạng và các nguồn tài nguyên hỗ trợ trực tuyến.

Dự án nhằm nâng cao nhận thức về các vấn đề xoay quanh luật sở hữu trí tuệ tại khu vực Đông Nam Á mà có ảnh hưởng đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong Chương trình Thị trường chung (SMP)*, đồng thời giúp họ đưa ra quyết định liên quan đến sở hữu trí tuệ dựa trên căn cứ và thông tin cụ thể.

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ với bộ phận trợ giúp:

Trụ sở chính tại Brussels - T (+32) 266 330 46

Văn phòng khu vực TP. Hồ Chí Minh - T (+84) 2838 2581 16

expert@sea-iphelpdesk.eu

www.sea-iphelpdesk.eu



* Tại thời điểm công bố, các quốc gia hiện đang thuộc Chương trình Thị trường Chung (SMP) đều là các quốc gia thành viên Châu Âu, cùng với Na Uy, Iceland, Liechtenstein, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine, Bắc Macedonia, Kosovo và Bosnia và Herzegovina.



Dự án được thực hiện bởi:

PRACSYS

sp
Sociedade Portuguesa de Inovação

EUROCHAM
European Chamber of Commerce in Vietnam

GIỚI THIỆU VỀ BỘ CỤC ẨM PHẨM

Sách trắng 2024 của EuroCham được biên soạn nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan ngắn gọn về các vấn đề ảnh hưởng đến các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Đối với mỗi chương, EuroCham đã yêu cầu 20 Tiểu ban Ngành nghề tập trung vào các vấn đề mà họ cho rằng Chính phủ Việt Nam nên giải quyết. Sách trắng cũng đánh giá ảnh hưởng của những vấn đề này đến Việt Nam, ví dụ thông qua tác động đến thương mại, tăng trưởng hoặc việc làm. Sau đó, mỗi chương đưa ra các khuyến nghị cụ thể để giúp cải thiện tình hình hoặc giải quyết thách thức đã xác định.

Sách Trắng bao gồm phần giới thiệu, mục lục, thông điệp từ các Hiệp hội Doanh nghiệp trực thuộc EuroCham, tóm tắt, tổng quan về các chủ đề theo thẩm quyền, một phần về EVFTA, và 24 chương được chia thành 5 phần: 7 chương dành riêng cho cải thiện môi trường kinh doanh; 6 chương về phát triển xanh và bền vững; 4 chương thuộc lĩnh vực sức khỏe và sắc đẹp; 6 chương dưới tiêu đề lựa chọn của người tiêu dùng; và 1 chương về giải quyết tranh chấp.

Mỗi chương có bố cục như sau:

TỔNG QUAN

VẤN ĐỀ

Cơ quan liên quan:

Mô tả vấn đề: tóm tắt các quan ngại liên quan và các vấn đề liên quan

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam: tóm tắt về những lợi ích hoặc trở ngại tiềm năng đối với Việt Nam

Khuyến nghị: đề xuất cụ thể để cải thiện hoặc giải quyết vấn đề được xác định.

LỜI CẢM ƠN

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên thuộc các Tiểu ban Ngành nghề trong việc hoàn thành ấn phẩm lần thứ 15 của Sách trắng EuroCham (Sách trắng). Sách trắng tổng hợp quan điểm của các doanh nghiệp thành viên EuroCham, đại diện bởi các Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi, về các vấn đề cụ thể trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Sách trắng không đại diện cho quan điểm của một hay nhóm công ty cụ thể. Thông tin và quan điểm đề cập trong Sách trắng này nhằm mục đích thúc đẩy đối thoại mang tính xây dựng và đưa ra các khuyến nghị với Chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy tăng cường quan hệ kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Sách trắng được xuất bản nhằm mục đích sử dụng cho các thành viên của EuroCham và các bên liên quan, không hướng tới bất kỳ công ty và/hoặc tổ chức cụ thể nào.

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của EuroCham, các nội dung của ấn phẩm này sẽ không được sao chép, chia sẻ hoặc truyền đi toàn bộ hay một phần, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc sao, chụp hoặc sao chép thông qua các phương pháp điện tử hoặc kỹ thuật. Mọi yêu cầu EuroCham chấp thuận cho việc sử dụng, xin vui lòng liên lạc theo địa chỉ của EuroCham như được đề cập bên dưới. EuroCham đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các thông tin trong Sách trắng này là chính xác tại thời điểm soạn thảo theo những quan điểm và hiểu biết tốt nhất của chúng tôi. Tuy nhiên, EuroCham không chịu trách nhiệm pháp lý với bất cứ bên nào về tính đầy đủ, chính xác, độ tin cậy và phù hợp của nội dung Sách trắng và/hoặc kết quả từ bất cứ quyết định nào được đưa ra dựa trên các nội dung này. Trong mọi trường hợp, các bên không nên hành động dựa vào nội dung Sách trắng mà không có sự tư vấn hay hỗ trợ chuyên môn.

Ngoài ra, trong bất kỳ trường hợp nào, EuroCham, các doanh nghiệp thành viên, Ban lãnh đạo và/hoặc các thành viên Ban lãnh đạo của EuroCham sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất cứ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, nghiêm trọng, ngẫu nhiên hay mang tính tất yếu nào (bao gồm cả thiệt hại về lợi nhuận) trực tiếp hay gián tiếp liên quan hoặc phát sinh từ ấn phẩm Sách trắng này, dưới bất kỳ hình thức nào, cho dù trong hợp đồng, kế ước, các văn bản ràng buộc trách nhiệm pháp lý, cho dù các thiệt hại đã được lường trước hay không, hay thậm chí đã được khuyến cáo về khả năng có thể xảy ra. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Đường dẫn đến ấn phẩm và website của bên thứ ba nêu trong Sách trắng chỉ nhằm thuận tiện cho mục đích tra cứu thông tin của độc giả. EuroCham không kiểm soát và không chịu trách nhiệm đối với bất cứ ấn phẩm hoặc nội dung ấn phẩm nào của bên thứ ba. Do vậy, độc giả hoàn toàn chịu rủi ro khi hành động dựa vào những thông tin này.

Nội dung Sách trắng 2024 được chỉnh sửa lần cuối vào tháng 12 năm 2023.

© 2024 Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, bản quyền của EuroCham.

An aerial photograph showing a dense, lush green forest canopy. The trees are tightly packed, creating a textured pattern of various shades of green. The lighting suggests a bright, sunny day, with some areas appearing slightly brighter than others.

TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH

TỔNG QUAN

Ba thập kỷ qua đánh dấu quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội đáng kinh ngạc của Việt Nam. Việc hoạch định chính sách thận trọng cùng với cơ cấu dân số thuận lợi đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế mới nổi hàng đầu châu Á. Chiến lược hội nhập toàn cầu, nâng cấp ngành công nghiệp, đầu tư xóa đói giảm nghèo, phát triển khu vực tư nhân năng động và tập trung bồi dưỡng nguồn nhân lực đã đặt nền móng cho sự tăng trưởng nhanh chóng, công bằng và bền vững của đất nước.

Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược đa chiều và gắn kết phức tạp dựa trên hợp tác kinh tế và chính trị mạnh mẽ. Mối quan hệ này đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển của cả hai bên và đóng vai trò quan trọng trong quỹ đạo phát triển của Việt Nam. Đồng thời, mang lại cho EU một vị thế quan trọng trong khu vực Đông Nam Á đang phát triển nhanh chóng.

Chương tổng quan này tạo tiền đề bằng cách phác thảo quá trình chuyển đổi tiến bộ của Việt Nam từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp hóa ngày càng hiện đại, đa dạng và hội nhập quốc tế, đồng thời tóm tắt những thành tựu kinh tế xã hội quan trọng, bao gồm dòng chảy thương mại và đầu tư tăng cao với châu Âu và trên toàn cầu. Chương này cũng nhấn mạnh thành công của Việt Nam trong việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với EU thông qua hợp tác sâu rộng hơn về kinh tế và chính trị, tập trung vào các sáng kiến thương mại, viện trợ, các sáng kiến bền vững và hơn thế nữa.

QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM: BA THẬP KỲ TIẾN BỘ VÀ TĂNG TRƯỞNG

Trong ba thập kỷ qua, Việt Nam đã chứng kiến một quá trình chuyển đổi kinh tế đáng kinh ngạc nhờ công cuộc Đổi Mới khởi xướng vào năm 1986. Cải cách Đổi Mới đã đưa ra một loạt biện pháp mạnh mẽ để tự do hóa nền kinh tế, khuyến khích đầu tư nước ngoài và thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân. Các biện pháp này bao gồm phi tập trung hóa việc ra quyết định kinh tế và dỡ bỏ các rào cản thương mại và đầu tư. Những cải cách này có tác động rất nhanh chóng và sâu sắc, giúp Việt Nam vững bước trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới.

Điểm mấu chốt trong quá trình chuyển đổi của Việt Nam là sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Kể từ thời kỳ Đổi Mới, Việt Nam đã liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng vượt trội, vượt 9% mỗi năm trước cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 và trên 8% trước cuộc Đại suy thoái cuối thập niên 2000.¹ Việt Nam gần đây đã bật lên với tư cách là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng đầu châu Á vào năm 2022 sau nhiều năm liên tiếp giữ vững đà tăng trưởng bất chấp đại dịch COVID-19.² Cùng với đó, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đã tăng vọt từ con số khiêm tốn 363 Đô-la Mỹ vào năm 1999 lên 4.163 Đô-la Mỹ vào năm 2022.³

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - động lực xóa đói giảm nghèo mạnh mẽ nhất - đã cải thiện đáng kể cuộc sống của người dân Việt Nam. Tỷ lệ dân số Việt Nam sống dưới chuẩn nghèo giảm mạnh từ 45,1% năm 1993 xuống chỉ còn 0,7% vào năm 2020.⁴ Khi tỷ lệ người sống ở mức nghèo cùng cực đạt mức gần bằng 0, khoảng 18% người Việt Nam đã chuyển sang tầng lớp trung lưu.⁵

Tiến bộ đáng kể của Việt Nam về cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội đi đôi với những nỗ lực giảm nghèo. Từ mức

1 Tarp, Finn, và Abbott, Philip C. (2011). Globalization Crises, Trade, and Development in Vietnam (Khủng hoảng toàn cầu hóa, thương mại và phát triển tại Việt Nam). Tập chí Thương mại Quốc tế, Kinh tế và Chính sách (JICEP), 03(01), 1240006-1. Tài liệu làm việc của UNU-WIDER tháng 03/2011; 2011/20.

2 Vietnam's Economic Moment Has Arrived (Đã đến thời khắc của kinh tế Việt Nam) - Financial Times. Xem tại: <https://www.ft.com/content/fa1db5ce-8f65-4b28-ab6d-b78730f98195>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023. Xuất bản ngày 9 tháng 7 năm 2023.

3 GDP bình quân đầu người (đô-la Mỹ hiện tại) - Việt Nam. Xem tại: <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD?locations=VN>. Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

4 Ngân hàng Thế giới. (2022). From the Last Mile to the Next Mile – 2022 Vietnam Poverty & Equity Assessment (Từ chặng cuối đến chặng tiếp theo – Đánh giá nghèo đói và công bằng ở Việt Nam năm 2022). Washington, DC.

5 The Next Stage of Vietnam's Development Journey (Giai đoạn tiếp theo trên hành trình phát triển của Việt Nam). Xem tại < <https://blogs.worldbank.org/eastasiapacific/next-stage-vietnams-development-journey>>. Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

chỉ có 14% hộ gia đình được tiếp cận với điện vào năm 1993, Việt Nam giờ đây tự hào khi gần như toàn bộ dân số đang được sử dụng điện⁶, cùng với những cải thiện đáng kể về khả năng tiếp cận nguồn nước (từ 65% năm 2000 lên 95% năm 2017) và vệ sinh cơ bản (từ 52% lên 84%).⁷ Những tiến bộ này đã nâng cao đáng kể sức khỏe cộng đồng, điều này được chứng minh qua việc tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm một nửa từ 32,6 xuống 16,7 trên 1.000 ca sinh sống trong khoảng thời gian từ 1993 đến 2020 và tuổi thọ trung bình tăng thêm 5 năm kể từ năm 1990.⁸

Sức khỏe và mức sống đã tăng lên cùng với các thành tựu về giáo dục. Tạp chí Economist đã khen ngợi hệ thống giáo dục xuất sắc và công bằng của Việt Nam, học sinh Việt Nam đã đạt thành tích vượt trội trong các kỳ đánh giá quốc tế, phản ánh việc sử dụng hiệu quả các chính sách phúc lợi xã hội để trau dồi nguồn nhân lực thuộc mọi tầng lớp xã hội.⁹

Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã có chiến lược chuyển đổi từ nền kinh tế dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế đa dạng, tập trung vào sản xuất, dịch vụ, công nghệ và viễn thông. Quá trình chuyển đổi này, với đóng góp của nông nghiệp vào GDP giảm mạnh từ 39% năm 1990 xuống còn 15% vào năm 2020,¹⁰ đã tăng cường khả năng phục hồi của nền kinh tế trước những cú sốc từ bên ngoài, tạo việc làm, tăng thu nhập và đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế có thu nhập trung bình.

Do đó, sự phát triển ấn tượng của Việt Nam như một nền kinh tế khu vực đã thay đổi mạnh mẽ nhận thức toàn cầu về tiềm năng tăng trưởng của đất nước. Trong khi tôn vinh những thành tựu của mình một cách đúng đắn, Việt Nam vẫn đối mặt với những khó khăn trong việc cân bằng giữa tốc độ công nghiệp hóa nhanh và tính bền vững về môi trường - một thách thức lâu dài để duy trì tăng trưởng cân bằng trong tương lai.

CÂU CHUYỆN THÀNH CÔNG VỀ FDI CỦA VIỆT NAM: CẢI CÁCH, CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ TĂNG TRƯỞNG

Sau 35 năm mở cửa cho đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể khi thu hút hơn 500 tỷ Đô-la Mỹ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và hơn một nửa số doanh nghiệp lớn ở Việt Nam có vốn FDI. Vai trò nổi bật của Việt Nam như một điểm đến FDI ngày càng hấp dẫn được xác định rõ ràng bởi những cải cách sâu rộng sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Kể từ khi gia nhập WTO vào năm 2007, Việt Nam đã thực hiện các cải cách pháp lý quan trọng, hài hòa hóa các chế độ lập pháp và quản lý của đất nước với các chuẩn mực quốc tế nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi và gia tăng sức hấp dẫn đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài.

Với mong muốn thu hút nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam cũng đã đưa ra nhiều ưu đãi, bao gồm thuế suất ưu đãi và miễn thuế. Chẳng hạn, chính phủ mở rộng phạm vi áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho các dự án công nghệ cao có tác động lớn về kinh tế xã hội. Các công ty công nghệ cao cũng được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa trong nước chưa sản xuất được như tài sản cố định và nguyên vật liệu, điều này nhấn mạnh cam kết của Việt Nam trong việc duy trì môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp toàn cầu.¹¹

Đồng thời, việc tích cực tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế đã nâng cao đáng kể sức hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến đầu tư. Với 16 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được phê chuẩn, trong đó có các hiệp định với một số thị trường lớn như EU, ASEAN, Australia, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Anh, v.v. cùng với 3 FTA bổ sung đang được đàm phán, Việt Nam đã đảm bảo cho các nhà đầu tư về khả năng tiếp cận

6 The Next Stage of Vietnam's Development Journey (Giai đoạn tiếp theo trên hành trình phát triển của Việt Nam). Xem tại <<https://blogs.worldbank.org/eastasiapacific/next-stage-vietnams-development-journey>>. Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

7 Water, sanitation and hygiene in Vietnam (Nước, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường tại Việt Nam). Xem tại <https://www.unicef.org/vietnam/reports/water-sanitation-and-hygiene-viet-nam#:~:text=Highlights,cent%20during%20the%20same%20period>, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022.

8 Vietnam Overview (Tổng quan về Việt Nam). Xem tại <<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

9 Why are Vietnam's schools so good? (Vi sao trường học ở lại Việt Nam tốt đến vậy?) Xem tại <<https://www.economist.com/asia/2023/06/29/why-are-vietnams-schools-so-good>>. Truy cập lần cuối ngày 21 tháng 11 năm 2023.

10 Economic Indicators and Vietnam's GDP, FDI, and Trade Trends (Các chỉ số kinh tế và GDP, FDI và xu hướng thương mại của Việt Nam). Xem tại <<https://www.vietnam-briefing.com/doing-business-guide/vietnam/why-vietnam/economic-indicators-and-vietnam-s-gdp-fdi-and-trade-trend>> Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

11 Vietnam Unveils New Criteria for Hi-tech Enterprises: Decision 10 (Việt Nam công bố tiêu chí mới cho doanh nghiệp công nghệ cao: Quyết định 10). Xem tại: <<https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-unveils-new-criteria-hi-tech-enterprises-decision-10.html/#:~:text=%23%23%20Tax%20incentives%20for%20hi,tech%20enterprises>>. Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

thị trường rộng hơn và chuỗi cung ứng tích hợp.¹²

Cơ cấu dân số thuận lợi cũng là một động lực thúc đẩy mở rộng. Với độ tuổi trung bình chỉ 33 tuổi, Việt Nam hiện đang sở hữu lực lượng lao động trẻ, năng động, có khả năng đẩy mạnh tốc độ phát triển trong nhiều năm tới; thời điểm thích hợp để Việt Nam tận dụng cơ cấu dân số vàng này¹³

Lực lượng lao động đang phát triển này cùng với tăng trưởng kinh tế nhất quán đã thúc đẩy sự xuất hiện nhanh chóng của tầng lớp trung lưu ở Việt Nam. Khi mức thu nhập tăng lên và ngày càng có nhiều cá nhân gia nhập tầng lớp tiêu dùng, sức mua và chi tiêu của người tiêu dùng sẽ gia tăng rõ rệt. Trong thập kỷ tới, dự kiến sẽ có thêm khoảng 36 triệu người tiêu dùng Việt Nam tham gia vào tầng lớp tiêu dùng của đất nước - được định nghĩa là những người chi tiêu tối thiểu 11 Đô-la Mỹ mỗi ngày theo sức mua tương đương. Với chưa đến 10% dân số Việt Nam thuộc nhóm này vào năm 2000 trong khi hiện tại tỷ lệ này ở mức 40% và dự đoán có khả năng đạt 75% vào năm 2030, đây thực sự là một thay đổi to lớn.¹⁴ Xu hướng này có thể sẽ kích thích tăng trưởng trong các ngành quan trọng như dịch vụ, bất động sản và bán lẻ, mở đường cho các cơ hội kinh tế mới ở các trung tâm đô thị.

Đồng thời, khả năng này càng được củng cố bởi tốc độ đô thị hóa nhanh khi dân số đô thị của Việt Nam được dự đoán sẽ tăng thêm 10 triệu người trong vòng một thập kỷ. Theo dự đoán của các nhà phân tích, những trung tâm đô thị này sẽ dẫn đầu 90% tăng trưởng tiêu dùng quốc gia trong những năm tới, vượt ra ngoài phạm vi các trung tâm lâu đời như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và lan đến các đô thị đang phát triển nơi có sự tập trung của tầng lớp trung lưu.¹⁵

Kết hợp đúng đắn giữa hoạch định chính sách chiến lược và chuyển đổi nhân khẩu học thuận lợi đã mang lại những kết quả rõ ràng. Mặc dù phải vật lộn với bối cảnh khốc liệt của nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Khả năng chống chịu của kinh tế Việt Nam được thể hiện rõ trong năm 2021 giữa đại dịch COVID-19. Nhờ các chính sách quản lý khéo léo và phân bổ dân cư thuận lợi, Việt Nam đã vượt qua khủng hoảng một cách hiệu quả và đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng 2,58% trong cùng năm, đưa Việt Nam trở thành một trong ba nền kinh tế khu vực vẫn tiếp tục phát triển trong bối cảnh khó khăn.¹⁶ Nhìn về phía trước, các dự báo về Việt Nam vẫn rất hứa hẹn với việc Ngân hàng Phát triển Châu Á dự báo GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng từ 6,2% đến 6,8% vào năm 2024.¹⁷

Với khả năng ứng phó khéo léo với các thách thức từ bên ngoài và tăng trưởng kinh tế bền vững nhờ chính sách quản trị hợp lý và cơ cấu dân số thuận lợi, Việt Nam ngày càng được công nhận trên trường quốc tế. Cụ thể, Việt Nam đã đạt được bước tiến vượt bậc trong bảng xếp hạng của Economist Intelligence Unit, tăng 12 bậc từ quý 2 năm 2022 đến quý 2 năm 2023 và vượt xa các nước trong khu vực châu Á.¹⁸ Quỹ đạo tích cực này phù hợp với Chỉ số Niềm tin Kinh doanh quý 3 năm 2023 của EuroCham, theo đó 63% thành viên công đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam đã đưa quốc gia này vào danh sách 10 điểm đến hàng đầu của FDI toàn cầu. Đáng chú ý hơn, 31% đánh giá Việt Nam là một trong ba mục tiêu đầu tư hàng đầu, trong đó 16% xem Việt Nam là điểm đến đầu tư tốt nhất. Niềm tin ngày càng lớn này đã chuyển thành những cam kết hữu hình, với hơn một nửa số doanh nghiệp được khảo sát có kế hoạch mở rộng đầu tư vào Việt Nam trước thời điểm cuối năm 2023.¹⁹

Trên đà phát triển này, cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy một môi trường thương mại tự do đang dần có kết quả. Dữ liệu FDI cuối năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là minh chứng cho sự quan tâm và niềm tin quốc tế bền vững mặc dù số lượng đăng ký mới giảm nhẹ, với tổng vốn FDI được báo cáo là gần 27,72 tỷ

12 Vietnam Unveils New Criteria for Hi-tech Enterprises: Decision 10 (Việt Nam công bố tiêu chí mới cho doanh nghiệp công nghệ cao: Quyết định 10). Xem tại: <<https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnam-unveils-new-criteria-hi-tech-enterprises-decision-10.html>>. Truy cập lần cuối ngày 22 tháng 11 năm 2023.

13 The New Faces of the Vietnamese Consumer (Nhận diện những người tiêu dùng mới của Việt Nam). McKinsey & Company. Xem tại <<https://www.mckinsey.com/featured-insights/future-of-asia/the-new-faces-of-the-vietnamese-consumer>>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

14 The New Faces of the Vietnamese Consumer (Nhận diện những người tiêu dùng mới của Việt Nam). McKinsey & Company. Xem tại <<https://www.mckinsey.com/featured-insights/future-of-asia/the-new-faces-of-the-vietnamese-consumer>>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

15 Delteil, Bruce, et al. "The New Faces of the Vietnamese Consumer" (Nhận diện những người tiêu dùng mới của Việt Nam). McKinsey & Company, ngày 7 tháng 12 năm 2021. Xem tại <www.mckinsey.com/featured-insights/future-of-asia/the-new-faces-of-the-vietnamese-consumer>. Truy cập ngày 27 tháng 11 năm 2023.

16 Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam. Xem tại <<https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>>. Truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022.

17 ADB hạ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam xuống 5,8% trong năm 2023. Xem tại <<https://en.baohinhphu.vn/adb-lowers-viet-nams-2023-gdp-growth-to-58-111230720101542566.htm#:~:text=ADB%20lowers%20Viet%20Nam%202023%20GDP%20growth%20to%205.8%25>>. Truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2023.

18 "Assessing the Best Countries for Doing Business." (Đánh giá các quốc gia tốt nhất để kinh doanh). Economist Intelligence Unit (EIU), The Economist, 2023, pages.eiu.com/rs/753-RIQ-438/images/Business-environment-report.pdf.

19 "Vietnam's Business Landscape is Brightening, Says EuroCham's Q3 Business Confidence Index." (Chỉ số BCI quý III của EuroCham cho thấy bối cảnh kinh doanh của Việt Nam đang tươi sáng hơn) Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, <<https://eurochamvn.org/vi/vietnams-business-landscape-is-brightening-says-eurochams-q3-business-trust-index/>>. Truy cập ngày 23 tháng 11 năm 2023.

Đô-la Mỹ và số vốn thực hiện tăng lên 22,4 tỷ Đô-la Mỹ²⁰

Khi Việt Nam ngày càng ưu tiên phát triển bền vững, các chiến lược đầu tư xanh đang nổi lên trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường và nông nghiệp bền vững. Điều này phù hợp với động lực phát triển bền vững toàn cầu và mang lại triển vọng đặc biệt cho các nhà đầu tư đang đóng góp vào và khai thác các sáng kiến xanh.

QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU

Năm 1990 là một thời điểm quan trọng của đất nước khi Việt Nam bắt đầu thực hiện các giai đoạn xây dựng kế hoạch Đổi Mới đầy tham vọng bao gồm các chính sách tự do hóa kinh tế. Cải cách Đổi Mới là một nỗ lực táo bạo nhằm đưa Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Trong câu chuyện phát triển này, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên minh châu Âu nổi lên như một động thái thận trọng và đi trước thời đại. Đồng thời, Liên minh châu Âu cũng đang tích cực tìm hiểu Đông Nam Á – một khu vực đang nhanh chóng trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế toàn cầu.

Trong bối cảnh địa chính trị chiến lược này, Việt Nam chiếm một vị trí quan trọng đầy tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế và xây dựng đất nước phồn vinh theo cấp số nhân. Chính trong bối cảnh đầy hứa hẹn này mà Liên minh châu Âu, xuất phát từ các mục tiêu chính sách đối ngoại trên phạm vi rộng lớn hơn, đã xây dựng mối quan hệ sâu sắc với Việt Nam. Sự hội tụ giữa khát vọng chuyển đổi kinh tế của Việt Nam và khát vọng khu vực của EU đã tạo nên mối quan hệ đối tác hấp dẫn.

Việc chính thức hóa quan hệ ngoại giao vào năm 1990 đã đặt nền móng cho sự hợp tác đa diện giữa Việt Nam và EU, bao gồm thương mại, đầu tư và hợp tác mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong giai đoạn đầu, vai trò của EU tại Việt Nam chủ yếu là nhà cung cấp viện trợ phát triển và nâng cao năng lực. EU đã có những đóng góp to lớn trên nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe và phát triển nông thôn – nền tảng quan trọng để tiếp tục phát triển mối quan hệ giữa hai bên.

Trong những năm đầu thiên niên kỷ mới, quan hệ Việt Nam-EU đã chứng kiến một sự thay đổi lớn từ hỗ trợ phát triển sang quan hệ đối tác thương mại và đầu tư sôi động. Điều này đã giúp EU trở thành một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam, báo trước một chương mới trong quan hệ song phương.

Sự kiện Việt Nam gia nhập WTO năm 2007, với sự hỗ trợ vững chắc của EU, là một bước ngoặt lịch sử trong mối quan hệ đang nở rộ này. Đồng thời, đây cũng là biểu hiện của các cam kết chung về thương mại tự do, đóng vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng hơn của Việt Nam.

Đến năm 2010, tác động của mối quan hệ đối tác này đã trở nên sáng rõ. Hoạt động thương mại được tăng cường đáng kể giữa EU và Việt Nam bao gồm việc châu Âu nhập khẩu đa dạng các loại hàng hóa của Việt Nam như dệt may, giày dép và nông sản – đánh dấu một bước ngoặt trong mối quan hệ hiện được đặc trưng bởi tính liên kết kinh tế ngày càng cao và đôi bên cùng có lợi. Đến năm 2012, tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và EU đạt xấp xỉ 20,8 tỷ Euro. Quỹ đạo đi lên này vẫn tiếp tục mà không hề suy giảm, với số liệu tăng vọt lên mức ấn tượng (64,3 tỷ Euro) vào năm 2022.²¹

Các khía cạnh chính trị và ngoại giao cũng ngày càng sâu sắc hơn theo thời gian, được minh chứng bởi các chuyến thăm cấp cao và đối thoại chiến lược giữa các tổ chức thuộc EU và các đối tác Việt Nam. Một ví dụ điển hình là chuyến thăm Việt Nam năm 2014 của cựu Chủ tịch Ủy ban châu Âu José Manuel Barroso.

Các cam kết trong thời gian gần đây tập trung vào hợp tác về môi trường và kinh tế. Năm 2022, Ủy viên châu Âu Virginijus Sinkevičius đã tham dự Diễn đàn và Triển lãm Kinh tế Xanh EuroCham (GEFE) của Việt Nam – nêu bật sự tập trung ngày càng tăng vào tính bền vững và các sáng kiến kinh tế xanh theo mục tiêu của cả hai bên. Ngoài ra, vào năm 2023, Phó Chủ tịch Điều hành Ủy ban châu Âu Valdis Dombrovskis đã tham gia Diễn đàn Kinh tế Xanh EuroCham (GEF) của Việt Nam. Sự tham gia của ông vào sự kiện quan trọng này càng nhấn mạnh thêm cam kết của EU trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam, thể hiện mối quan hệ đối tác ngày càng theo

20 Report on foreign direct investment in 2022 (Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2022). Xem tại <<https://www.mpi.gov.vn/en/Pages/2022/Report-on-foreign-direct-investment-in-2022-403479.aspx>>. Truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2023.

21 "Việt Nam - Thương mại." Ủy ban Châu Âu, Liên minh Châu Âu. Xem tại webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

định hướng bền vững, phản ánh các giá trị chung và tầm nhìn chiến lược giữa hai bên.

Nhờ có vị trí chiến lược, tốc độ tăng trưởng ổn định, chi phí cạnh tranh, khả năng ứng phó với đại dịch linh hoạt và các chính sách khuyến khích đầu tư, Việt Nam đã trở nên nổi bật như một điểm đến hấp dẫn đối với các công ty EU đang tìm cách đa dạng hóa chuỗi cung ứng hậu COVID. Các điều ước thương mại và nâng cấp cơ sở hạ tầng đang được thực hiện như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu-Việt Nam càng làm tăng thêm sức hấp dẫn của đất nước. Với nền chính trị ổn định và thị trường tiêu dùng đang phát triển, Việt Nam đưa ra một gói giải pháp hấp dẫn cho các công ty EU muốn củng cố hoạt động chuỗi cung ứng.

Ngày nay, mối quan hệ Việt Nam-EU được coi là một mô hình mẫu mực về hợp tác quốc tế – vượt qua hợp tác kinh tế truyền thống để bao gồm các khía cạnh chính trị, môi trường và xã hội. Cả hai bên đều đang tìm hướng đi trong bối cảnh toàn cầu phức tạp của thế kỷ 21, quan hệ đối tác của hai bên tiếp tục được điều chỉnh và cùng hướng đến tầm nhìn về một tương lai thịnh vượng, bền vững và công bằng.

ĐỘNG LỰC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI EU-VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Hoạt động thương mại của Việt Nam với Liên minh châu Âu đã tăng trưởng mạnh mẽ sau khi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA) 2020 được thực hiện. Thỏa thuận mang tính bước ngoặt này đã thúc đẩy tăng cường đáng kể đầu tư và thương mại song phương.

Trong giai đoạn 2020-2021, xuất khẩu của Việt Nam sang EU vượt xa tăng trưởng xuất khẩu sang các nước không thuộc EU với mức tăng 34,4% so với 25,4% ở các nơi khác.²² Mức tăng đột biến này đã thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng 14,2%, đạt 45,8 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2021 – cho thấy sự đa dạng hóa và tiến bộ trong sản xuất.²³ Đến năm 2021, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam vào EU đạt tổng cộng 38,5 tỷ Euro, tiếp tục tăng 33,9% vào năm 2022 lên 51,6 tỷ Euro. Trong khi đó, xuất khẩu của EU sang Việt Nam cũng có sự gia tăng mạnh mẽ – tăng từ 10,7 tỷ Euro vào năm 2021 lên khoảng 12,7 tỷ Euro vào năm 2022, đánh dấu mức tăng 19,3%.²⁴

Khối lượng thương mại năm 2022 phản ánh khả năng phục hồi và mở rộng trao đổi giữa EU và Việt Nam, với tổng kim ngạch thương mại đạt 64 tỷ Euro – tăng 30,8% so với cùng kỳ năm ngoái.²⁵ Tính đến cuối năm 2022, Việt Nam giữ vị trí thứ 31 trong số các thị trường xuất khẩu lớn nhất của EU (0,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của EU) và là nguồn nhập khẩu lớn thứ 11 (1,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU), cũng như chiếm vị trí thứ 16 trong tổng kim ngạch thương mại của EU. Đồng thời, EU là nước nhập khẩu lớn thứ 5, nước xuất khẩu lớn thứ 3 và là đối tác thương mại tổng thể thứ 4 của Việt Nam. Tăng trưởng thương mại song phương này thể hiện sự phụ thuộc kinh tế ngày càng sâu sắc giữa Việt Nam và EU.²⁶

Năm 2022, máy móc và thiết bị trở thành mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam vào châu Âu với giá trị 22,5 tỷ Euro (chiếm 43,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU), tiếp đến là giày dép với giá trị 6,2 tỷ Euro và dệt may với giá trị 5,2 tỷ Euro. Các mặt hàng xuất khẩu chính của EU sang Việt Nam bao gồm hóa chất (4,2 tỷ Euro), máy móc (3 tỷ Euro) và thiết bị vận tải (765 triệu Euro) – điều này chứng tỏ động lực cung-cầu song phương bổ sung đã thúc đẩy trao đổi tích cực hơn.²⁷

Các quốc gia châu Âu thể hiện sự quan tâm đa dạng đối với hàng hóa Việt Nam, trong đó Hà Lan, Đức và Ý dẫn đầu nhập khẩu từ Việt Nam vào EU – phản ánh sức hấp dẫn lớn của sản phẩm Việt Nam tại châu Âu. Ngược lại, các nước EU có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang Việt Nam bao gồm Đức, Bỉ và Hà Lan – nhấn mạnh mối quan hệ thương mại hai chiều bền chặt.²⁸

22 Lưu trữ:Việt Nam-EU - Thống kê thương mại hàng hóa quốc tế" Eurostat - Giải thích về số liệu thống kê, Ủy ban Châu Âu. Xem tại <ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Archive:Vietnam-EU_-_international_trade_in_goods_statistics>. Truy cập lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2023.

23 "Vietnam-EU Trade Increases 14.8 Percent in 2021" (Thương mại Việt Nam-EU tăng 14,8% vào năm 2021). Bộ Công thương. Xem tại <moit.gov.vn/en/news/agency-releases/vietnam-eu-trade-increases-14-8-percent-in-2021-87191.html>. Truy cập lần cuối ngày 24 tháng 11 năm 2023.

24 "Việt Nam - Thương mại." Ủy ban Châu Âu, Liên minh Châu Âu. Xem tại <webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf> Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

25 "Việt Nam - Thương mại." Ủy ban Châu Âu, Liên minh Châu Âu. Xem tại <webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf> Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

26 "Việt Nam - Thương mại." Ủy ban Châu Âu, Liên minh Châu Âu. Xem tại <webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf> Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

27 "Việt Nam - Thương mại." Ủy ban Châu Âu, Liên minh Châu Âu. Xem tại <webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf> Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

28 Eurostat. (2022). EU trade with Vietnam - 2022 (Thương mại EU với Việt Nam - 2022). Xem tại <<https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/>>

Hình 1: Nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam của EU, 2022

	€ million	% of Vietnam in extra EU imports	
Netherlands	10,846	2.1	
Germany	10,554	1.8	
Italy	4,857	1.5	
France	4,401	1.5	
Belgium	3,667	1.5	
Spain	3,113	1.3	
Austria	2,710	4.9	
Poland	2,206	1.7	
Sweden	1,605	2.3	
Slovakia	1,584	6.4	
Czechia	1,224	1.9	
Hungary	992	2.0	
Ireland	598	0.7	
Denmark	556	1.4	
Portugal	539	1.6	
Romania	360	1.0	
Greece	355	0.7	
Finland	263	0.8	
Latvia	248	4.0	
Bulgaria	168	0.7	
Slovenia	148	0.5	
Luxembourg	120	4.8	
Lithuania	67	0.3	
Cyprus	52	1.1	
Estonia	49	0.9	
Croatia	49	0.4	
Malta	7	0.2	

Nguồn: Eurostat và Comext

Hình 2: Xuất khẩu hàng hóa từ EU sang Việt Nam, 2022

	€ million	% of Vietnam in extra EU exports	
Germany	3,411	0.5	
Belgium	2,441	1.3	
Netherlands	1,373	0.5	
Italy	1,359	0.5	
France	1,161	0.4	
Spain	525	0.4	
Poland	461	0.5	
Finland	429	1.2	
Denmark	250	0.4	
Austria	226	0.4	
Sweden	224	0.3	
Ireland	159	0.1	
Hungary	109	0.3	
Czechia	96	0.2	
Slovenia	64	0.3	
Romania	57	0.2	
Luxembourg	50	1.6	
Greece	50	0.2	
Bulgaria	49	0.3	
Lithuania	47	0.3	
Portugal	43	0.2	
Slovenia	30	0.1	
Croatia	29	0.4	
Cyprus	22	0.7	
Latvia	20	0.3	
Estonia	13	0.2	
Malta	2	0.1	

Nguồn: Eurostat và Comext

Một sự phát triển quan hệ thương mại đáng chú ý là sự gia tăng thâm hụt - từ 11 tỷ Euro vào năm 2012 lên 28 tỷ Euro vào năm 2021, và tiếp tục tăng lên 39 tỷ Euro vào năm 2022. Mặc dù cho thấy châu Âu có nhu cầu ngày càng lớn đối với hàng hóa Việt Nam, điều này cũng báo hiệu các lĩnh vực cần tái cân bằng và triển vọng tăng trưởng trong tương lai.²⁹

images/f/f0/EU_trade_with_Vietnam2022.xlsx>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.
 29 Eurostat. (2022). EU trade with Vietnam2022 [Tập dữ liệu]. Xem tại <https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/images/f/f0/EU_trade_with_Vietnam2022.xlsx>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Hình 3: Cán cân thương mại hàng hóa của EU với Việt Nam, 2022

	€ million
Finland	166
Malta	-6
Lithuania	-20
Croatia	-20
Cyprus	-30
Estonia	-37
Luxembourg	-71
Slovenia	-84
Bulgaria	-119
Latvia	-227
Romania	-303
Denmark	-305
Greece	-305
Ireland	-439
Portugal	-496
Hungary	-883
Czechia	-1,128
Belgium	-1,227
Sweden	-1,381
Slovakia	-1,555
Poland	-1,745
Austria	-2,484
Spain	-2,587
France	-3,240
Italy	-3,498
Germany	-7,143
Netherlands	-9,473

Nguồn: Eurostat và Comext

EVFTA báo hiệu một kỷ nguyên mới về cộng sinh và phụ thuộc kinh tế giữa Việt Nam và EU, với khối lượng thương mại được đa dạng hóa và gia tăng đáng kể, phản ánh mối quan hệ chiến lược ngày càng sâu rộng. Với việc Việt Nam nổi lên như một thành viên xuất sắc trên thị trường nhập khẩu EU và là một thành viên chuỗi cung ứng then chốt của khối, các động lực của mối quan hệ này đã sẵn sàng để định hình các mô hình thương mại trong tương lai. Hơn nữa, việc giải quyết thâm hụt cán cân thương mại ngày càng mở rộng có thể mở ra cơ hội cân bằng và tăng trưởng khi cả hai nền kinh tế cùng thịnh vượng trong bối cảnh kết nối toàn cầu ngày càng bền chặt.

Phản ánh chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng và ưu tiên phát triển bền vững, nhiều nhà bán lẻ nước ngoài đã chọn Việt Nam làm trung tâm chiến lược của chuỗi cung ứng toàn cầu. Kể từ khi ký kết EVFTA, các nhà đầu tư EU đã cam kết hơn 26 tỷ Đô-la Mỹ vào gần 2.250 dự án của Việt Nam. Chẳng hạn, Tập đoàn LEGO của Đan Mạch đã được chấp thuận đầu tư hơn 1 tỷ Đô-la Mỹ vào một nhà máy ở Việt Nam không phát thải carbon,³⁰ trong khi Adidas của Đức có 51 nhà cung cấp tại Việt Nam với hơn 190.000 nhân viên – minh chứng cho sự hiện diện ngày càng tăng của các công ty EU trong quá trình hội nhập các nền kinh tế.³¹

Khảo sát Chỉ số Niềm tin Kinh doanh của EuroCham đã xác nhận xu hướng tăng này, với 31% thành viên chọn Việt Nam là một trong số ba điểm đến đầu tư hàng đầu toàn cầu và hơn một nửa lên kế hoạch thúc đẩy đầu tư vào Việt Nam trong năm 2023 – đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao.³² Sự bùng nổ đầu tư này cho thấy hiệu quả của các FTA trong việc thu hút FDI bền vững, chất lượng cao và biến Việt Nam thành điểm đến chiến lược.

Đến nay, EU là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 6 của Việt Nam với hơn 27,8 tỷ Đô-la Mỹ được đầu tư vào 2.450 dự án trong ba thập kỷ qua, chiếm trên 60% trong lĩnh vực sản xuất.³³

Khi người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong bối cảnh chuyển đổi xanh toàn cầu, các công ty cũng ưu tiên dịch vụ hậu cần xanh một cách chuyên nghiệp. Tuy nhiên, Việt Nam phải đối mặt với những rào cản để phù hợp với trọng tâm chuỗi cung ứng xanh của EU, bao gồm việc thực thi các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt hơn về môi trường. Ngoài ra, áp dụng công nghệ xanh đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, trong khi việc đảm bảo nguồn cung ứng minh bạch, bền vững từ các nhà cung cấp trong nước cũng có thể

30 "LEGO building its 1st carbon-neutral plant in Binh Duong – Why Vietnam?" (LEGO xây dựng nhà máy trung hòa carbon đầu tiên tại Bình Dương – Tại sao lại là Việt Nam?) Xem tại <<https://tuoitrenews.vn/news/business/20220501/lego-building-its-1st-carbonneutral-plant-in-binh-duong-why-vietnam/66913.html>>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

31 "Where are Adidas' Factories Located in Vietnam?" (Nhà máy của Adidas nằm ở đâu tại Việt Nam?) Xem tại <<https://www.vietnam-briefing.com/news/where-adidas-footwear-and-apparel-is-made-in-vietnam.html/>>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

32 "Vietnam's Business Landscape is Brightening, Says EuroCham's Q3 Business Confidence Index." (Chỉ số BCI quý III của EuroCham cho thấy bối cảnh kinh doanh của Việt Nam đang tươi sáng hơn) Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, <<https://eurochamvn.org/vi/vietnams-business-landscape-is-brightening-says-eurochams-q3-business-trust-index/>>. Truy cập lần cuối ngày 23 tháng 11 năm 2023.

33 "The European Union and Vietnam" (Liên minh Châu Âu và Việt Nam) Xem tại <https://www.eeas.europa.eu/vietnam/the-eu-and-vietnam_en?s=184>. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

là một thách thức. Cải thiện hậu cần, cơ sở hạ tầng và kỹ năng, cộng với việc nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm bền vững, đặt ra những trở ngại đáng kể mà nếu vượt qua được, Việt Nam sẽ trở thành quốc gia đi đầu trong phát triển chuỗi cung ứng xanh của châu Âu.

TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ KINH TẾ GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU-VIỆT NAM: VAI TRÒ CỦA EUROCHAM TRONG THÚC ĐẨY EVFTA

EVFTA được thông qua năm 2020 đã tạo nên bước ngoặt trong quan hệ kinh tế EU-Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở việc xóa bỏ thuế quan, EVFTA còn kích thích thương mại và đầu tư bằng cách loại bỏ gần như tất cả các loại thuế, giảm các rào cản pháp lý và quan liêu, bảo vệ chỉ dẫn địa lý và tạo thêm cơ hội trong các thị trường dịch vụ và mua sắm công. Điều này thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển của cả hai bên.

Điều quan trọng là EVFTA coi trọng phát triển bền vững, tiêu chuẩn lao động và thực hành có trách nhiệm, đảm bảo hiện thực hóa các lợi ích kinh tế mà không ảnh hưởng đến các giá trị xã hội và môi trường. Điều này cho phép cả hai bên giải quyết các thách thức kinh tế toàn cầu một cách có trách nhiệm.

EVFTA cũng thiết lập một tiêu chuẩn hiệp định thương mại quốc tế mới với phạm vi toàn diện, tập trung vào sự phù hợp về mặt pháp lý và các cấu phần không thể thiếu về phát triển bền vững.

Hơn nữa, phạm vi tiếp cận thị trường toàn diện của EVFTA được bổ sung bởi Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVIPA). Sau khi được phê chuẩn đầy đủ, EVIPA sẽ bao gồm các quy định bảo hộ đầu tư mới nhất có thể được thi hành thông qua Hệ thống Tòa án Đầu tư mới, đồng thời bảo đảm quyền của chính phủ cả hai bên trong việc điều chỉnh lợi ích cho công dân của mình. EVIPA sẽ thay thế 21 hiệp định đầu tư song phương hiện có giữa từng quốc gia thành viên EU và Việt Nam.

EuroCham đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy thực hiện EVFTA thông qua hợp tác với các bên liên quan chính. Chúng tôi tích cực hợp tác với các tổ chức EU, Phái đoàn EU tại Việt Nam và chính phủ Việt Nam để hiện thực hóa tiềm năng của hiệp định. Quan hệ đối tác của chúng tôi với Nhóm Giám sát của Ủy ban Thương mại Quốc tế (INTA) của Nghị viện châu Âu cho phép chúng tôi cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị về việc áp dụng EVFTA vào thực tế.

Phối hợp với các cơ quan chính phủ như Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Khoa học và Công nghệ, EuroCham đưa ra hướng dẫn chuyên môn về các tiêu chuẩn và yêu cầu của EU, đặc biệt là liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam. Nỗ lực hợp tác này hỗ trợ việc điều chỉnh khung pháp lý phù hợp với EVFTA và nhấn mạnh sự cống hiến của EuroCham vì lợi ích của cả doanh nghiệp Việt Nam và châu Âu. Ngoài ra, chúng tôi hỗ trợ các tỉnh và hiệp hội ngành nghề của Việt Nam quảng bá sản phẩm của họ tại thị trường EU.

Hơn nữa, EuroCham còn đào tạo và hỗ trợ toàn diện cho các thành viên trong các lĩnh vực như thủ tục hải quan, tuân thủ pháp luật về thuế, Hệ thống Hải hòa Mô tả và Mã hóa Hàng hóa (Mã HS) và quy tắc xuất xứ, thể hiện cam kết của chúng tôi trong việc đảm bảo quan hệ thương mại thuận lợi.

EuroCham tích cực đóng góp cho Ủy ban Thương mại của EVFTA và các ủy ban chuyên môn của nó, đánh giá việc thực hiện hiệp định trong các lĩnh vực như đầu tư, thương mại dịch vụ, thương mại điện tử và mua sắm chính phủ.

EuroCham đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa Việt Nam và EU, tạo điều kiện trao đổi thông tin và phối hợp giữa các bên, đặc biệt là trong việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thực thi hiệu quả EVFTA.

Cam kết của chúng tôi còn bao gồm việc hỗ trợ các nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bằng cách thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy sản xuất, hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng và góp phần phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực như công nghệ, pháp lý và bảo hiểm.

Tóm lại, cam kết của EuroCham trong việc thực hiện đầy đủ EVFTA bao gồm xây dựng các thể chế, chính sách và khung pháp lý nhằm cải thiện môi trường đầu tư và thương mại của Việt Nam, đồng thời tối đa hóa các cơ hội mà hiệp định mang tính bước ngoặt này mang lại cho cả cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và châu Âu. EVFTA, với sự tham gia tích cực của EuroCham, tạo tiền lệ cho các hiệp định thương mại quốc tế toàn diện và có trách nhiệm, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan.

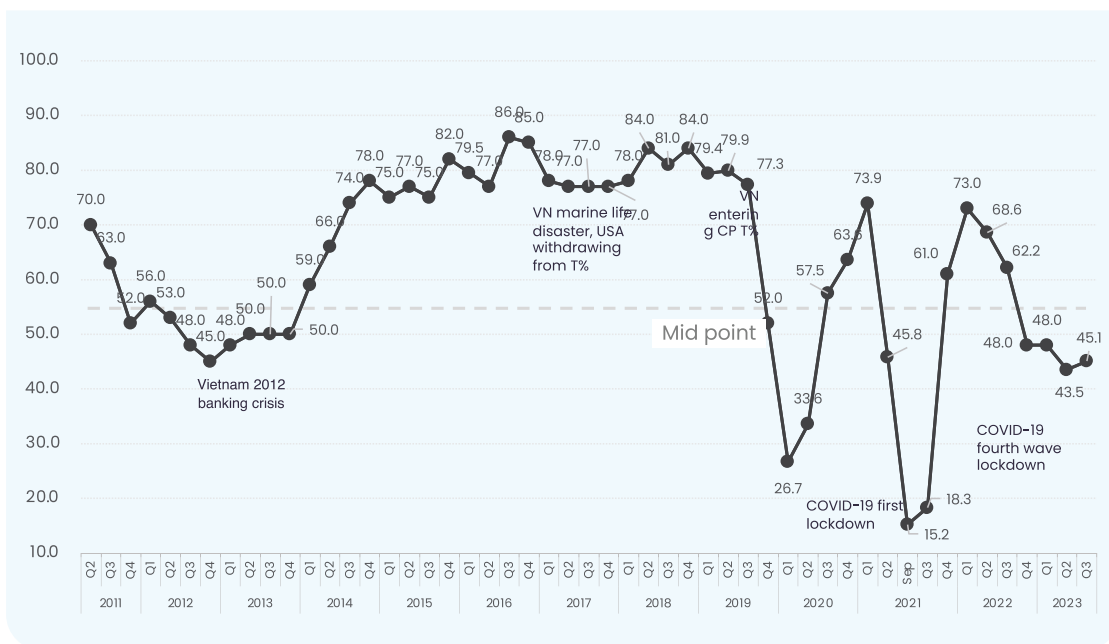
TÓM TẮT

TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM

Chỉ số Niềm tin Kinh doanh (BCI) hàng quý do Decision Lab thực hiện đóng vai trò là công cụ quan trọng để tìm hiểu nhận thức của các công ty và nhà đầu tư châu Âu và liên quan đến châu Âu tại thị trường Việt Nam. Được tiến hành từ năm 2011, BCI thu thập phản hồi từ mạng lưới rộng khắp gồm 1.400 thành viên của EuroCham Việt Nam trên nhiều ngành nghề khác nhau. Bản khảo sát này cung cấp những hiểu biết có giá trị về bối cảnh kinh doanh hiện tại ở Việt Nam và đưa ra cái nhìn sơ lược về những kỳ vọng trong tương lai.

Những người ra quyết định, các cơ quan truyền thông và chuyên gia về kinh doanh xem BCI là chỉ báo chính về hoạt động kinh tế trong nước. Đây là nguồn thông tin đáng tin cậy về môi trường kinh doanh ở Việt Nam và những phát hiện từ cuộc khảo sát được sử dụng rộng rãi để làm cơ sở cho các chính sách và quyết định đầu tư của chính phủ.

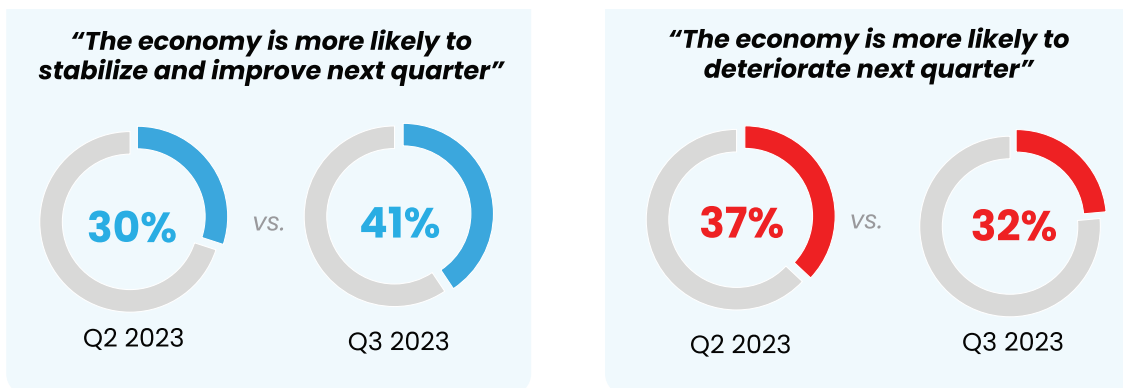
Hình 4: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham



Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham: Quý 3 năm 2023

BCI lấy lại quỹ đạo đi lên vào Quý 3 năm 2023, mang đến tia hy vọng cho môi trường kinh doanh Việt Nam sau một năm 2023 đầy biến động. Chỉ số này đã tăng lên 45,1 vào Quý 3 năm 2023 từ mức 43,5 của quý trước. Mặc dù vẫn ở dưới ngưỡng 50 điểm trong bốn quý liên tiếp, mức tăng nhỏ này cho thấy có sự xuất hiện của động lực kinh tế tích cực.

Từ Quý 2 đến Quý 3, mức độ bi quan về tình hình hiện tại đã giảm 3%, trong khi quan điểm tích cực và trung lập lần lượt tăng 6% và 4%. Ngoài ra, cuộc khảo sát của Quý 3 cho thấy có sự thay đổi trong dự báo cho quý tới. So với các câu trả lời trong cuộc khảo sát của Quý 2, số doanh nghiệp mong đợi sự ổn định và tăng trưởng kinh tế trong quý tới tăng 11%. Mặt khác, các doanh nghiệp dự báo xu hướng tiêu cực đã giảm 5%.



Gần đến cuối năm, vẫn có những hy vọng và sự thận trọng trong Quý 3 năm 2023. GDP Quý 3 của Việt Nam tăng trưởng đầy hứa hẹn ở mức 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên các công ty vẫn tiếp tục thận trọng. Kỳ vọng về doanh thu hoặc đơn đặt hàng vẫn tăng ổn định, không có thay đổi so với quý trước. Chỉ 22% công ty có kế hoạch tăng cường đội ngũ của mình trong Quý 4. Chỉ có 16% mong đợi có sự gia tăng trong đầu tư.

Sức hấp dẫn đầu tư toàn cầu của Việt Nam vẫn rất mạnh mẽ. Đáng chú ý là 63% doanh nghiệp được khảo sát đã xếp Việt Nam vào danh sách 10 điểm đến FDI hàng đầu của họ. Ấn tượng hơn là, 31% đánh giá Việt Nam là một trong ba mục tiêu đầu tư hàng đầu, trong đó 16% xem Việt Nam là điểm đến đầu tư tốt nhất. Phản ánh niềm tin này, hơn một nửa số người được khảo sát có kế hoạch tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam vào cuối năm nay.

Tuy nhiên, vẫn còn đó những trở ngại. 59% cho rằng những khó khăn về hành chính là thách thức chính của họ khi hoạt động tại Việt Nam. Những thách thức như sự không chắc chắn trong các quy tắc và quy định, các trở ngại trong việc xin phép và các yêu cầu nghiêm ngặt về thị thực và giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài cũng là những rào cản nổi bật.

Để cải thiện thu hút FDI của Việt Nam, 58% số người được hỏi cho rằng tinh giản bộ máy hành chính là giải pháp mấu chốt, 48% ủng hộ việc tăng cường môi trường pháp lý, 1/3 kêu gọi nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông và 22% nhấn mạnh việc nới lỏng các yêu cầu về thị thực và giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài.

Tính bền vững đang trở thành ưu tiên hàng đầu của các công ty châu Âu tại Việt Nam, với 80% cho rằng việc tuân thủ ESG là rất quan trọng hoặc quan trọng ở mức vừa phải.

Tuy nhiên, vẫn còn những trở ngại lớn khi áp dụng các chính sách ưu tiên vào thực tiễn. Sự thiếu chắc chắn trong quy định, thiếu hụt về cơ sở hạ tầng và thiếu hỗ trợ của chính phủ được coi là những trở ngại cho việc thực hiện các biện pháp bền vững tại địa phương.

Ngoài ra, chỉ có 20% doanh nghiệp chủ động chuẩn bị cho các quy định xanh đang chờ ban hành của EU, chẳng hạn như Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM). Trong khi đó, 38% hiện chưa có kế hoạch điều chỉnh. Sự thiếu chuẩn bị rõ ràng này không chỉ đặt ra những thách thức trong nước mà còn có thể cản trở khả năng cạnh tranh quốc tế, đặc biệt là tại thị trường EU quan trọng.

Sau hơn ba năm thực thi, Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA) tiếp tục mang lại lợi ích đáng kể cho môi trường kinh doanh của Việt Nam. Phần lớn các công ty (trên 60%) nhận thấy hiệp định này mang lại nhiều lợi ích, chủ yếu là do cắt giảm thuế quan. Tiếp theo đó là những lợi ích như cải thiện khả năng cạnh tranh ở Việt Nam, giảm bớt các rào cản thương mại, mở rộng quan hệ đối tác với các doanh nghiệp trong nước và tăng khả năng tiếp cận thị trường Việt Nam.

Bất chấp những lợi thế như vậy, hiệp định này phải đối mặt với một số thách thức làm hạn chế phát huy toàn bộ tiềm năng của hiệp định. Các vấn đề như khác biệt trong định giá hải quan đối với hàng nhập khẩu, quy trình thông quan không rõ ràng và kéo dài, các rào cản thương mại kỹ thuật và sự không chắc chắn hoặc thiếu rõ ràng

của các chi tiết của hiệp định là những trở ngại đáng kể.

Thông tin chi tiết từ các báo cáo trước đó, chẳng hạn như ấn bản Quý 2 năm 2023, làm sáng tỏ hơn nữa mối lo ngại của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Một điểm quan ngại đáng chú ý là cơ sở hạ tầng của Việt Nam, với 53% lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu cho là “rất bất cập” hoặc “tụt hậu”. Chính phủ Việt Nam đã ứng phó với thách thức này bằng cách ưu tiên phát triển các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng, đặc biệt chú trọng cải thiện mạng lưới đường cao tốc.

Báo cáo Quý 2 năm 2023 cũng làm sáng tỏ xu hướng chuyển hoạt động từ Trung Quốc sang Việt Nam. Theo báo cáo, xu hướng này đang giảm dần, với phần lớn (81%) doanh nghiệp chưa chuyển bất kỳ hoạt động nào sang Việt Nam. Chỉ một phần nhỏ đang cân nhắc hoặc có kế hoạch thực hiện những động thái như vậy.

Báo cáo cũng cho thấy doanh nghiệp có nhận thức hạn chế về Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) với 27% thừa nhận cơ chế này. Tuy nhiên, chỉ có 43% cho rằng CBAM có liên quan đến hoạt động của họ. Những thách thức chính liên quan đến CBAM bao gồm điều hướng các yêu cầu tuân thủ, rào cản hành chính và điều chỉnh quy trình kinh doanh. Những yếu tố này nhấn mạnh sự phức tạp và thách thức mà các công ty châu Âu tại Việt Nam phải đối mặt để phù hợp với các quy định về thương mại quốc tế và chính sách môi trường vốn thường hay thay đổi.

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

PHẦN 1: CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1.1 Kỹ thuật số

a. Quy định về An ninh mạng và điều tiết nền kinh tế số

Quy định về An ninh mạng

- (i) Làm rõ đối tượng nào phải tuân theo yêu cầu bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Mặc dù Nghị định 53 quy định tất cả các doanh nghiệp trong nước đều phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam, cần lưu ý rằng Luật An ninh mạng đặt ra yêu cầu này đối với các nhà cung cấp “dịch vụ viễn thông, dịch vụ internet và dịch vụ giá trị gia tăng trong nước trên không gian mạng Việt Nam”. Do đó, cần làm rõ về điểm này. Ngoài ra, Nghị định 53 không quy định rõ ràng về việc liệu một chi nhánh tại Việt Nam của một công ty nước ngoài có được coi là một doanh nghiệp trong nước hay không, vì vậy cũng cần phải làm rõ về vấn đề này bằng một văn bản hướng dẫn chính thức để việc thực thi được rõ ràng và nhất quán. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài, các yêu cầu về bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam chỉ được áp dụng khi doanh nghiệp đó cung cấp (các) dịch vụ được quản lý (ví dụ: dịch vụ viễn thông, lưu trữ dữ liệu trên không gian mạng, thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, trung gian thanh toán, v.v.), nhưng mức độ tham gia vào các dịch vụ được quản lý nói trên không được quy định cụ thể trong Nghị định 53;
- (ii) Đảm bảo tính nhất quán giữa các quy định. Ví dụ, trong ngành ngân hàng, NHNN cho phép các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài lưu trữ và xử lý dữ liệu của người dùng ở nước ngoài, tại trụ sở chính của họ. Tuy nhiên, các điều khoản về nội địa hóa dữ liệu của Nghị định 53 và các quy định về truyền dữ liệu xuyên biên giới của Nghị định PDP¹ có thể tạo ra xung đột với các quy định hiện hành khác. Do đó, các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài, đang gặp khó khăn trong việc cố gắng tuân thủ pháp luật; và
- (iii) Đưa ra một quy trình rõ ràng để cho phép truyền dữ liệu xuyên biên giới khi cần thiết. Hiện tại, cả Nghị định 53 và Nghị định PDP đều không nói rõ ràng về trường hợp gửi dữ liệu ra nước ngoài trong khi lưu giữ một bản sao dữ liệu ở Việt Nam có đúng quy định hay không. Vì vậy, các quy định này cần được làm rõ bằng các văn bản hướng dẫn chính thức để đảm bảo việc tuân thủ vì các công ty quốc tế phải gửi dữ liệu về trụ sở chính trong quá trình hoạt động.

¹ Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định PDP).

Hài hòa hóa khuôn khổ pháp lý về bảo vệ dữ liệu

- (i) Đảm bảo sự tương thích giữa luật pháp của Việt Nam và Liên minh châu Âu liên quan đến Điều 45 về việc chuyển dữ liệu cá nhân theo GDPR của EU dựa trên một quyết định về các quốc gia thứ ba an toàn của Ủy ban châu Âu (adequacy decision), bao gồm thời gian và danh sách hành động cụ thể;
- (ii) Thành lập một Cơ quan điều phối để giải quyết các trường hợp xung đột theo thỏa thuận với Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân - hoặc bất kỳ tổ chức nào có liên quan của Việt Nam - Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu Châu Âu và Ủy ban châu Âu;
- (iii) Thiết lập một quy trình và thành lập một nhóm công tác để hài hòa hóa các quy định của EVFTA và của pháp luật Việt Nam, giải quyết các tình huống xung đột hiện có.
- (iv) Phân loại xử lý dữ liệu và xây dựng hệ thống phân loại dữ liệu, theo đó chỉ dữ liệu thuộc loại bí mật quốc gia mới phải được lưu trữ trong nước và dữ liệu mật không thuộc nhà nước khác có thể được lưu trữ ở nước ngoài để giảm tác động kinh tế đối với nền kinh tế trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp và các công ty nhỏ và vừa dễ bị ảnh hưởng bất lợi.

b. Hợp tác chuyên ngành trong thời đại kỹ thuật số để thúc đẩy ngành công nghiệp bán dẫn

- (i) Thúc đẩy việc sử dụng công nghệ số trong chuỗi cung ứng: Chúng tôi khuyến nghị các bên liên quan của Việt Nam thúc đẩy triển khai công nghệ kỹ thuật số để đảm bảo tính minh bạch tối đa cho hoạt động của chuỗi cung ứng. Các công nghệ này bao gồm hệ thống theo dõi thời gian thực để tìm nguồn cung ứng nguyên liệu, quy trình sản xuất và mạng lưới phân phối. Bằng cách này, doanh nghiệp Việt Nam sẽ được trang bị tốt hơn để xác nhận các tiêu chuẩn và tính hiệu quả của hệ thống chuỗi cung ứng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế;
- (ii) Thúc đẩy quan hệ đối tác châu Âu – Việt Nam trong ngành công nghiệp bán dẫn: Thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn giữa các công ty công nghệ châu Âu và các nhà sản xuất Việt Nam, nâng cao năng lực của ngành công nghiệp nội địa để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.
- (iii) Tích hợp các thông số về tính bền vững trong giám sát chuỗi cung ứng: Để tăng cường cam kết quản lý môi trường, nên kết hợp các thông số về tính bền vững vào hệ thống theo dõi kỹ thuật số. Điều này sẽ cho phép các công ty và cơ quan quản lý đo lường, kiểm soát và báo cáo hiệu quả hơn tác động môi trường của các hoạt động công nghiệp trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Điều này đóng vai trò rất quan trọng để đáp ứng các mục tiêu và quy định của quốc gia cũng như toàn cầu về tính bền vững;
- (iv) Triển khai các cơ chế kỹ thuật số chắc chắn để bảo vệ sở hữu trí tuệ: Do tính chất nhạy cảm của việc sở hữu trí tuệ trong ngành, chúng tôi kêu gọi thiết lập hệ thống theo dõi và ghi hồ sơ kỹ thuật số tiên tiến cho tất cả các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, việc áp dụng các giao thức mã hóa và môi trường dữ liệu an toàn phải là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo những người có thẩm quyền mới được phép truy cập vào dữ liệu IP nhạy cảm. Những biện pháp này sẽ tăng cường đáng kể việc xác định và ngăn chặn sử dụng hoặc trộm cắp IP trái phép;
- (v) Đầu tư vào lực lượng lao động có tay nghề cao để thực hiện các tiêu chuẩn trong ngành: Cuối cùng, một trong những khía cạnh quan trọng nhất là phải xây dựng lực lượng lao động có khả năng triển khai và quản lý các tiêu chuẩn cao cần thiết cho công nghệ kỹ thuật số, quản lý chuỗi cung ứng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và an ninh mạng. Cần thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức giáo dục về đào tạo chuyên ngành và sáng kiến học tập liên tục để xây dựng lực lượng lao động không chỉ có kỹ năng mà còn có khả năng thích ứng với nhu cầu không ngừng thay đổi của ngành.

c. Quy định về viễn thông

- (i) Bộ TT&TT và VNTA cần sớm tổ chức phổ biến quy định của Luật Viễn thông sửa đổi, đặc biệt là những quy định mới, nội dung điều chỉnh mới để người dân và doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các chính sách mới, tạo tâm lý yên tâm trong quá trình đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp;

- (ii) Trong quá trình xây dựng Nghị định và các văn bản hướng dẫn Luật Viễn thông sửa đổi, Bộ TT&TT và VNTA cần tiếp tục cởi mở, lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong việc góp ý, xây dựng cho các dự thảo.

1.2. Quyền sở hữu trí tuệ

a. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ:

Khởi tố hình sự về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

- (i) Tòa án Nhân dân Tối cao cần ban hành hướng dẫn chính thức về truy tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT để cung cấp hướng dẫn kịp thời cho tất cả các cơ quan thi hành;
- (ii) Đồng thời các cơ quan thi hành nên thường xuyên trao đổi, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan, ví dụ các thành viên Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham để thảo luận về những khó khăn gặp phải và tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu xử lý vi phạm SHTT đang ngày một trở nên phức tạp và biến đổi nhanh chóng tại Việt Nam. Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

- (i) Khuyến khích các cơ quan thực thi quyền SHTT thực hiện các hành động thực thi, xét xử theo quyền hạn và chức năng của mình theo đó ý kiến chuyên môn chỉ mang tính tham khảo; với những trường hợp sự vi phạm là quá rõ ràng hay đã có những trường hợp tương tự thì không yêu cầu chủ thể quyền cung cấp thêm ý kiến chuyên môn;
- (ii) Việc xử lý vi phạm hay xét xử không nên chỉ dựa vào yếu tố kỹ thuật mà nên xem xét thêm ý đồ không tốt của người vi phạm cố tình có sự lẩn tránh để sản phẩm vi phạm không giống hoàn toàn với sản phẩm gốc trên thị trường nhưng đồng thời lại thực hiện các hành vi tuyên truyền, quảng cáo gây cho khách hàng sự nhầm lẫn sản phẩm của bên vi phạm với sản phẩm gốc hoặc lợi dụng sự nổi tiếng, phổ biến của sản phẩm gốc để quảng cáo sản phẩm tương tự của mình;
- (iii) Tăng cường hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, kiến thức về SHTT của cơ quan thực thi và cơ quan xét xử trong quá trình thực hiện quyền hạn, chức năng của mình;
- (iv) Đẩy nhanh việc thiết lập các tòa chuyên trách về SHTT;
- (v) Công nhận và tích hợp quan điểm người tiêu dùng vào quá trình xét xử và thi hành pháp luật về SHTT và xem xét các tác động tiềm ẩn của việc vi phạm đối với quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm có thể dẫn đến sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Điều này có thể bao gồm việc tích hợp quan điểm của người tiêu dùng vào quá trình đánh giá hoặc thực hiện các cuộc khảo sát để hiểu rõ hơn về quan điểm của người tiêu dùng về các vấn đề liên quan đến quyền SHTT.

Yêu cầu đăng ký quyền tác giả phức tạp và khó thực thi

- (i) Nên linh hoạt trong việc xem xét các phương án chứng minh quyền tác giả khác thay cho giấy chứng nhận ĐKQTG.

b. Theo đuổi quyền sở hữu trí tuệ

Quyền tác giả

- (i) Lược bỏ các yêu cầu tóm tắt nội dung chính của tác phẩm thuần về mặt nội dung;
- (ii) Chú thích rằng mục cam đoan không nhất thiết phải được điền bởi chính tác giả nếu tác giả đã qua đời.

Bằng Sáng chế

- (i) Về vấn đề thế nào được coi là sáng chế được tạo ra tại Việt Nam, theo ý kiến của Cục SHTT giải đáp tại một số hội thảo thì sáng chế được tạo ra một phần tại Việt Nam vẫn thuộc trường hợp phải kiểm soát an ninh. Vì

vậy, chúng tôi đề xuất đưa nội dung giải đáp này chính thức vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 65;

- (ii) Về vấn đề nếu sáng chế thuộc quyền đăng ký của cả tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, theo ý kiến của Cục SHTT tại một số hội thảo thì sáng chế vẫn thuộc trường hợp phải kiểm soát an ninh. Vì vậy, chúng tôi đề xuất đưa nội dung giải đáp này chính thức vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 65;
- (iii) Cần quy định, hướng dẫn rõ thế nào là lĩnh vực kỹ thuật được coi là có tác động an ninh quốc phòng trong Thông tư hướng dẫn Nghị định 65. Ví dụ sáng chế liên quan đến một thiết bị vừa có thể sử dụng cho mục đích dân dụng vừa có thể sử dụng cho các hoạt động tình báo, phản gián, điều tra tội phạm (ví dụ camera, điện thoại, chip xử lý hình ảnh, thiết bị truyền thông không dây nói chung, ra đa...) có thuộc diện phải kiểm soát an ninh không?
- (iv) Nên quy định thêm về việc chủ sở hữu quyền SHTT lựa chọn một trong hai quy trình:
 - a. Nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam hoặc đơn PCT có nguồn gốc VN (như hiện tại đã quy định trong Nghị định 65);
 - b. Nộp yêu cầu kiểm soát an ninh đối với đơn đăng ký sáng chế: trường hợp này chỉ cần nộp bản mô tả rất ngắn gọn (ví dụ 1-2 trang) đủ để thể hiện được bản chất của sáng chế, đủ để thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh (trường hợp này chưa có trong Nghị định 65, kiến nghị xem xét bổ sung phương án lựa chọn này vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 65).

Nhãn hiệu

- (i) Quy định chi tiết về phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và công nhận, ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng;
- (ii) Hướng dẫn chi tiết về quy chế xét nghiệm, các tiêu chí cụ thể để công nhận và ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng trong trường hợp xác lập quyền và thực thi quyền;
- (iii) Hướng dẫn quy trình phối hợp, trưng cầu ý kiến giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong việc xem xét, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.

Chậm trễ trong việc xác lập quyền SHTT

- (i) Thực hiện các biện pháp cần thiết để đẩy nhanh quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, tại tất cả các giai đoạn, bao gồm giai đoạn nộp đơn, thẩm định nội dung, xử lý các yêu cầu sau cấp bằng như gia hạn nhãn hiệu, đặc biệt là các biện pháp trả lời thông báo từ chối tạm thời đối với đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam và khiếu nại về hồ sơ đăng ký.

Hướng dẫn của Cục SHTT về Thư chấp thuận

- (i) Quy định rõ việc thừa nhận có điều kiện đối với Thư chấp thuận trong Luật Sở hữu trí tuệ và/hoặc các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan. Việc thừa nhận Thư chấp thuận là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế, tương đồng với thực tiễn thẩm định và bảo hộ nhãn hiệu của nhiều quốc gia trên thế giới và cũng không trái với nguyên tắc cơ bản về định đoạt quyền dân sự trong pháp luật Việt Nam;
- (ii) Bên cạnh các quy định về các nguyên tắc và điều kiện để chấp thuận Thư chấp thuận, quy định thêm về các trường hợp mà Thư chấp thuận không được chấp thuận. Trong thực tiễn thẩm định nhãn hiệu, mọi Thư chấp thuận đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện để được chấp thuận và không rơi vào các trường hợp không được chấp thuận theo quy định thì đều phải được chấp thuận, nhằm chấm dứt tình trạng không rõ ràng, không nhất quán, gây khó khăn lãng phí cho người nộp đơn và các bên liên quan;
- (iii) Xây dựng và đưa vào hoạt động các cơ sở dữ liệu đầy đủ và cập nhật mà công chúng có thể tiếp cận và tra cứu được tình trạng một nhãn hiệu được bảo hộ có trên cơ sở Thư chấp thuận hay không, nếu có thì Thư chấp thuận đó được cấp bởi ai, là chủ sở hữu của nhãn hiệu nào, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn xem xét và tiến hành xin cấp Thư chấp thuận từ tất cả các chủ nhãn hiệu đối chứng có trước, đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện có liên quan theo hướng dẫn hiện hành.

1.3. Xây dựng

a. Giải quyết khó khăn liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy

Chứng nhận phòng cháy chữa cháy cho vật liệu xây dựng

- (i) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài được sử dụng trong xây dựng nếu được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, Intertek, v.v.;
- (ii) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất tại Việt Nam được sử dụng trong xây dựng nếu đạt được Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận được Chính phủ Việt Nam công nhận. Các Tổ chức chứng nhận này sẽ không nhất thiết phải là Cơ quan CS PCCC.

Chứng nhận vật liệu xây dựng PCCC cho công trình cải tạo

- (i) Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 được sử dụng trong các công trình xây dựng, thông qua các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, Intertek, v.v.;
- (ii) Đối với các dự án cải tạo, phải xác định rõ đặc điểm kỹ thuật chi tiết mức độ sửa đổi đối với từng hệ thống và thiết bị, đặc biệt là những hệ thống ảnh hưởng đáng kể đến an toàn PCCC. Việc này rất quan trọng để cung cấp hướng dẫn chính xác về những sửa đổi cần chú ý và phê duyệt liên quan đến các biện pháp an toàn cháy nổ trong quá trình cải tạo.

1.4. Bất động sản

a. Căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn, văn phòng khách sạn và thủ tục phê duyệt đầu tư

- (i) Ban hành quy định pháp luật với tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn;
- (ii) Quy định rõ thời hạn sử dụng đất áp dụng cho căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn;
- (iii) Sửa đổi quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp;
- (iv) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn.
- (v) Hoàn thiện các quy chuẩn xây dựng chung cư trong đó quy định khái niệm về căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn.

b. Bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư trong trường hợp công ty phát triển bất động sản vô sản hoặc phá sản

Bảo vệ trong trường hợp nhà phát triển bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản

- (i) Ban hành các quy định của pháp luật với các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể liên quan đến năng lực tài chính của các chủ đầu tư dự án bất động sản;
- (ii) Đảm bảo hợp đồng bảo lãnh ngân hàng là bắt buộc đối với chủ đầu tư BĐS trước khi mở bán căn hộ.

Không rõ ràng trong quy định về chuyển nhượng dự án bất động sản

- (i) Ban hành hướng dẫn rõ ràng cho các sở ban ngành cấp tỉnh để không xảy ra tình trạng giải thích, áp dụng pháp luật một cách bất hợp lý trong các giao dịch chuyển nhượng dự án bất động sản.

c. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người nước ngoài

- (i) Ban hành Danh mục Dự án Không cho phép Sở hữu Nước ngoài để cho phép cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài đã mua nhà ở tại Việt Nam.

1.5. Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp

- a. Tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG)
 - (i) Quảng bá Việt Nam như một điểm đến đầu tư bền vững (và tuân thủ ESG) trong khu vực ASEAN, nắm bắt cơ hội khẳng định quốc gia là điểm đến đầu tư ưa thích của các nhà đầu tư châu Âu;
 - (ii) Đưa ra khung chính sách cho ESG để tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định do nước sở tại áp dụng (ví dụ: Liên minh châu Âu);
 - (iii) Nâng cao nhận thức giữa các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân và nhà nước (cá nhân và doanh nghiệp Việt Nam) về tầm quan trọng của các tiêu chuẩn ESG trong đầu tư M&A;
 - (iv) Khuyến khích các phương án đầu tư thân thiện với ESG bằng các khoản trợ cấp hoặc miễn trừ pháp lý phù hợp;
 - (v) Tạo hoặc áp dụng hệ thống xếp hạng quốc gia (nếu có thể, yêu cầu phê duyệt theo quy định) cho “giá trị ESG” của một số khoản đầu tư nhất định;
 - (vi) Đưa ra các hướng dẫn chặt chẽ và rõ ràng để hướng đầu tư M&A của nước ngoài vào các mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam;
 - (vii) Thúc đẩy các thực hành tốt nhất để khuyến khích đầu tư bền vững trong nước (và từ nước ngoài); và
 - (viii) Đưa ra các tiêu chí đánh giá ESG đáng tin cậy và được quốc tế công nhận, có thể được xác minh thông qua các nguồn độc lập.

b. Kiểm soát sáp nhập

- (i) Cân nhắc loại trừ hoạt động tái cấu trúc nội bộ tập đoàn khỏi chế độ Kiểm soát Sáp nhập;
- (ii) Cân nhắc tăng giá trị của các ngưỡng theo quy định về Kiểm soát Sáp nhập liên quan làm phát sinh các giao dịch phải được thông báo;
- (iii) Xem xét làm rõ cách VCC giải thích hoặc tính toán ngưỡng thông báo nộp đơn sáp nhập trong các giao dịch thông thường dựa trên cơ sở dữ liệu của VCC thông qua hội nghị hoặc hướng dẫn;
- (iv) Xem xét làm rõ các điều khoản của luật cạnh tranh/chống độc quyền để đưa ra các ngưỡng rõ ràng và chắc chắn cho các khoản đầu tư vào Việt Nam; và
- (v) Nâng cao năng lực nhân sự và tăng số lượng nhân viên tại các cơ quan thẩm quyền có liên quan (ví dụ: VCC) để tăng cường nguồn lực nhằm đáp ứng số lượng thương vụ sáp nhập ngày một gia tăng.

1.6. Đối tác Công-Tư

a. Lập danh mục các dự án khả thi về thương mại

- (i) Thông qua một quy trình tập trung, công bố danh mục các dự án trọng điểm quốc gia và khu vực, đặc biệt là trong các lĩnh vực khả thi ở các quốc gia khác. Đây là các dự án với các mô hình bao quát và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như vận tải và năng lượng, được ưu tiên nếu có tính khả thi về mặt kinh tế để quy hoạch triển khai dưới hình thức PPP;
- (ii) Làm rõ quy trình đấu thầu đối với các dự án do nhà đầu tư đề xuất và quy trình chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP;
- (iii) Bố trí các dự án được chọn theo một quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo Luật PPP;
- (iv) Cho phép các nhà tài trợ toàn cầu hàng đầu được phát triển các dự án trên cơ sở chỉ định thầu để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao đồng thời xây dựng được hệ thống lưu trữ quản lý hồ sơ chuẩn mực và cơ chế phân bổ rủi ro để đảm bảo lợi nhuận trên thị trường quốc tế;
- (v) Áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (với sự hỗ trợ của các chuyên viên tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế) cho các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế;

- (vi) Cung cấp các biện pháp khuyến khích và hấp dẫn cho các lĩnh vực đang gặp khó khăn trong việc thu hút đầu tư theo hình thức PPP.

b. Nâng cao năng lực và sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ

- (i) Xây dựng (với sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế có kinh nghiệm trong các thị trường khác) các bộ hồ sơ thầu đã được phê duyệt, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đấu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án;
- (ii) Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- (iii) Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực liên quan đến Luật PPP để đảm bảo thực hiện nhất quán;
- (iv) Thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án, tận dụng nguồn nhân lực các chuyên gia có kinh nghiệm về các vấn đề về khả năng vay vốn ngân hàng và khả năng được cấp vốn trong các dự án về năng lượng.

c. Hợp lý hóa các quy định thực hiện chi tiết

- (i) Đưa ra hướng dẫn rõ ràng về Luật PPP và làm cho các quy định hiện hành phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài;
- (ii) Tạo ra một khuôn khổ rõ ràng và cố kết cho các dự án PPP để hưởng lợi từ VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các biện pháp chia sẻ rủi ro;
- (iii) Tiếp tục làm tinh gọn các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP, bao gồm tập trung vào các yếu tố chủ yếu như là mức độ khả dụng và giải ngân của các biện pháp cấp vốn và hỗ trợ tín dụng đó;
- (iv) Thử nghiệm những quy định này trên các dự án thực tế.

1.7. Thuế và Chuyển giá

a. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp thích ứng với tác động của cải cách thuế suất tối thiểu toàn cầu – 15% (OECD Trụ cột 2)

- (i) Chính phủ Việt Nam tận dụng cơ hội mà Trụ cột 2 mang lại để tiến hành đánh giá toàn diện các ưu đãi thuế hiện hành. Điều này bao gồm nghiên cứu kỹ ảnh hưởng của Thuế suất tối thiểu toàn cầu đến lợi ích của các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, đồng thời xem xét những giải pháp thiết thực và hiệu quả để đảm bảo khuyến khích đầu tư vào đúng những dự án trọng điểm và cần khuyến khích, để việc áp dụng Trụ cột 2 không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và vẫn đảm bảo đáp ứng quy định và cam kết của Việt Nam trong Trụ cột 2.
 - a. Ví dụ: Nếu áp dụng các biện pháp khuyến khích dựa trên chi tiêu thay vì dựa trên thu nhập thì doanh nghiệp sẽ ít chịu ảnh hưởng từ Trụ cột 2 hơn. Qua đó có thể khuyến khích đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực và địa bàn trọng điểm mà vẫn tuân thủ cam kết.
 - b. Ví dụ về ưu đãi dựa trên chi tiêu có thể theo thông lệ quốc tế bao gồm: (i) khấu hao nhanh máy móc, thiết bị của dự án đầu tư và (ii) khấu trừ gấp đôi chi phí nghiên cứu và phát triển ("R&D") đối với dự án được khuyến khích đầu tư.
 - c. Những ưu đãi dựa trên chi tiêu như vậy có thể làm tăng khả năng tạo ra đầu tư bổ sung vì chúng nhằm trực tiếp vào chi phí đầu tư.
- (ii) Ngoài việc khuyến khích đầu tư vào R&D, các khuyến khích đổi mới và công nghệ cao có thể được nhắm tới để hỗ trợ các mục tiêu chính sách như thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh;
- (iii) Ngoài ra, doanh thu thuế tạo ra từ QDMTT có thể được chi cho các lĩnh vực để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tổng thể như cơ sở hạ tầng và phát triển kỹ năng của lực lượng lao động; và
- (iv) Trụ cột 2 tạo cơ hội rất tốt để Việt Nam xem xét cải cách ưu đãi thuế và việc này cần được thực hiện càng

sớm càng tốt để không làm mất nguồn thu thuế hoặc đầu tư nước ngoài, vì các nước khác sẽ áp dụng thuế bổ sung từ năm 2024 và cũng đang xem xét sửa đổi chế độ ưu đãi thuế của họ để đáp ứng.

- b. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (“GTGT”) và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) đối với những hóa đơn từ doanh nghiệp bỏ trốn**
 - (i) Để tạo sự công bằng và minh bạch cho doanh nghiệp, cơ quan thuế cần xem xét việc chấp nhận cho doanh nghiệp là bên tiêu dùng khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế với các hóa đơn hợp lệ và có chứng từ thanh toán hợp lý cũng như các chứng từ hỗ trợ khác. Việc xử lý các nhà cung cấp bỏ trốn cần được tiến hành riêng biệt theo khía cạnh điều tra pháp lý.
- c. Nâng cao hiệu quả của cơ chế giải quyết tranh chấp bằng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (“APA”) hoặc thỏa thuận song phương (“MAP”)**
 - (i) Nên rút ngắn thời gian đánh giá và đàm phán các đơn đăng ký và cân nhắc kết thúc các đơn đăng ký MAP trong khung thời gian hợp lý;
 - (ii) Thủ tục đăng ký DTA cũng nên được sửa đổi để người nộp thuế có thể tuyên bố đủ điều kiện và không phải nộp thuế ngay từ đầu, thay vì phải nộp thuế trước và mong nhận được tiền hoàn thuế sau này khi tài liệu hỗ trợ được hoàn thành, có sẵn;
 - (iii) Ngoài ra, nếu cơ quan thuế từ chối nhận đơn đăng ký DTA, họ phải có nghĩa vụ giải thích bằng văn bản về cơ sở pháp lý của việc từ chối đó dựa trên trích dẫn luật và quy định về thuế, thay vì tư vấn cho người nộp thuế bằng lời nói.
- d. Khả năng khấu trừ chi phí đối với chi phí tiếp thị/hỗ trợ bán hàng cho khách hàng gián tiếp trong chuỗi phân phối**
 - (i) Chính phủ Việt Nam cân nhắc sửa đổi các quy định liên quan để cho phép các khoản chi này được coi là chi phí được trừ cho mục đích thuế trên cơ sở các khoản chi này góp phần trực tiếp vào việc tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

PHẦN II. PHÁT TRIỂN XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1 Năng lượng và Điện lực

- (i) Ưu tiên các biện pháp hiệu quả để kích thích tất cả những người tiêu dùng điện đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược hiệu quả năng lượng quốc gia, bao gồm giảm trợ cấp giá điện.
- (ii) Tối đa hóa mức đóng góp của năng lượng mặt trời, sinh khối, thủy điện nhỏ, điện gió và điện gió ngoài khơi trong hệ thống năng lượng.
- (iii) Điều chỉnh hợp đồng giữa EVN và các nhà sản xuất năng lượng sạch theo tiêu chuẩn quốc tế để tận dụng được toàn bộ lợi ích giảm chi phí của quá trình đấu giá theo kế hoạch thay cho các quy định đầy đủ về nhận trực tiếp hay trả lại.
 - o Tăng cường an ninh năng lượng với việc sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu chuyển tiếp để tạm thời thay thế than đá,
 - o Thực hiện ý định dừng hoạt động bất kỳ nhà máy nhiệt điện than mới nào trong Dự thảo PDP VIII.
- (iv) Cho phép người tiêu dùng điện tiếp cận với năng lượng sạch bằng cách thực hiện các DPPA trong các chương trình thí điểm và bằng cách giảm các rào cản quy định về thiết bị đầu cuối đối với các nhà máy năng lượng sạch sau công tơ.

- (v) Mở rộng dự án thí điểm khuyến khích tư nhân đầu tư vào lưới điện truyền tải quan trọng; đánh giá và cho phép chủ đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tự xây dựng đường dây 220kv và 500kv.
- (vi) Xác định các biểu giá điện công nghiệp và thương mại có khả năng áp dụng trong PDP VIII trong Lộ trình rõ ràng về Biểu giá điện đến năm 2025.
- (vii) Nâng cao mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo NDC phản ánh các mục tiêu cao hơn đối với năng lượng sạch và các thước đo hiệu quả năng lượng tốt hơn.
- (viii) Thúc đẩy lợi ích của việc giảm áp lực lên hệ thống truyền tải và phân phối điện bằng cách tiếp tục hỗ trợ phát triển các nhà máy điện mặt trời trên mái nhà để tự tiêu thụ/bán tại địa phương.
- (ix) Ưu tiên phát triển quy mô điện gió ngoài khơi.
- (x) Mở rộng để án thí điểm ban đầu MARD C-PFES ban đầu lên cấp quốc gia vào năm 2021 và tiếp tục sử dụng hoàn toàn các lợi ích tài chính cho mục tiêu tăng sinh cảnh rừng và bảo vệ động vật hoang dã.²
- (xi) Cho phép lưu trữ điện mặt trời tại chỗ.
- (xii) Chúng tôi khuyến khích EVN nghiên cứu những lợi ích của việc lưu trữ điện với lượng lớn tại các nhà máy năng lượng sạch thuộc mọi loại hình, bao gồm các công trình điện mặt trời trên mái nhà.

2.2 Tăng trưởng xanh

a. Mô hình kinh tế tuần hoàn

Quản lý chất thải

- (i) Tiếp tục thực thi nghiêm ngặt các quy định về chất thải và truy tố theo hướng kết quả công bằng đối với những hành vi không tuân thủ;
- (ii) Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải, đặc biệt là phân loại và tách riêng chất thải tại nguồn;
- (iii) Đưa thị trường nguyên liệu thứ cấp vào quy phạm pháp luật;
- (iv) Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp quản lý chất thải tuân thủ pháp luật;
- (v) Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý chất thải rắn;
- (vi) Thành lập ủy ban công tư để đề xuất giải pháp; và
- (vii) Đưa ra hướng dẫn rõ ràng và hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho việc phân loại rác thải tại nguồn tại hộ gia đình và công ty.

Xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa

- (i) Thực hiện các quy định hiện hành và đảm bảo thực thi nghiêm túc;
- (ii) Thúc đẩy việc ban hành các văn bản pháp luật để khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam và các công ty đa quốc gia tuân thủ các quy định của EU. Qua đó cho phép Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu;
- (iii) Cấm công nghệ phân hủy OXO và giới thiệu nhựa có thể phân hủy được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế để ngăn chặn hiện tượng “greenwash” (ghi nhãn thân thiện với môi trường để đánh lừa người tiêu dùng);
- (iv) Đẩy mạnh đầu tư vào các cơ sở làm phân hữu cơ và chuỗi cung ứng thu hồi chuyên dụng để giảm việc sử dụng nhựa dùng một lần có liên quan đến chất thải hữu cơ;
- (v) Khuyến khích tái chế và xử lý rác thải sinh hoạt ở cấp hộ gia đình đạt hiệu quả về chi phí thông qua phân loại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện luật EPR;

2 “Thanh toán cacbon cho các dịch vụ môi trường rừng (C-PFES - Nghiên cứu khả thi xác định cơ hội, thách thức và đề xuất các bước tiếp theo để áp dụng C-PFES tại Việt Nam”, USAID, tháng 3 năm 2018. Xem tại: <https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PA00TQPJ.pdf>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 4 năm 2021

- (vi) Thành lập EPF như một ủy ban công-tư để đề xuất giải pháp;
- (vii) Cung cấp cơ chế ưu đãi thuế cho bao bì nhựa có thể phân hủy và bao bì nhựa tái chế để khuyến khích chuyển đổi sang vật liệu thân thiện với môi trường và thúc đẩy ngành tái chế tại địa phương; và
- (viii) Cấm sử dụng nhựa một lần và thúc đẩy một giải pháp thay thế. Phối hợp với các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch loại bỏ dần các sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có thời gian điều chỉnh hoạt động và tìm kiếm các sản phẩm thay thế để cung cấp cho khách hàng.

Các vấn đề về cấp nước và nước thải

- (i) Đồng bộ hóa các chính sách môi trường hiện có để đảm bảo khuôn khổ chính trị thống nhất bằng cách lồng ghép tốt hơn cơ sở pháp lý hiện có;
- (ii) Cải thiện tình hình trên thực tế bằng cách nâng cao độ minh bạch và kiểm soát việc thực hiện các chính sách môi trường ở cấp tỉnh và địa phương; tăng cường thực thi pháp luật và sẵn sàng thực hiện các hành động theo quy định;
- (iii) Lắng nghe ý kiến của các cấp cơ sở và khuyến khích các tổ nhóm môi trường địa phương; hỗ trợ các hành động của công dân để kiểm soát việc thực hiện các chính sách của Nhà nước;
- (iv) Giới thiệu và xác nhận thiết kế đô thị nhạy cảm về nước và tận dụng Hạ tầng Xanh, bao gồm hệ thống quản lý nước mưa hiện đại;
- (v) Thông tin - Truyền thông - Giáo dục là chìa khóa cho một môi trường sạch hơn, vì vậy cần cải thiện và điều chỉnh chương trình giảng dạy của các trường học và trường đại học bằng cách lồng ghép các vấn đề liên quan đến môi trường; nhận thức của cộng đồng nói chung cũng cần được cải thiện;
- (vi) Tận dụng kiến thức và kinh nghiệm của các công ty nước quốc tế thông qua đấu thầu công khai, minh bạch và công bằng;
- (vii) Khuyến khích tái sử dụng nước thải bằng cách đưa ra các khuôn khổ, hướng dẫn và tiêu chuẩn pháp lý chia sẻ nguồn nước chất lượng cho các mục đích sử dụng khác như tưới tiêu và sản xuất công nghiệp;
- (viii) Điều chỉnh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp để bù đắp hoàn toàn chi phí, thực hiện “nguyên tắc người gây ô nhiễm trả tiền”;
- (ix) Thúc đẩy du lịch theo hướng bền vững, thông minh về nước sẽ thu hút những khách du lịch giàu có và thích thiên nhiên; ngăn chặn sự phá hủy các hệ sinh thái có giá trị do phát triển du lịch thiếu kiểm soát;
- (x) Cân nhắc lựa chọn Hạ tầng Xanh để ứng phó với biến đổi khí hậu; và
- (xi) Xem xét và ủng hộ tài chính xanh để tăng dòng vốn từ khu vực nhà nước, tư nhân và phi lợi nhuận vào các ưu tiên phát triển bền vững.

Quản lý chất lượng môi trường không khí

- (i) Đẩy nhanh việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;
- (ii) Đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải;
- (iii) Tăng thuế đối với các nhà máy điện than, nhà máy xi măng và các nhà máy gây ô nhiễm chính khác theo tác động ước tính đến kinh tế xã hội và sức khỏe;
- (iv) Đưa không khí sạch vào làm KPI mức cao cho các công ty năng lượng, bắt đầu từ EVN;
- (v) Đầu tư vào các hệ thống lọc và các thiết bị khác để giảm ô nhiễm, bắt đầu từ các trạm phát điện; và
- (vi) Đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng không gây ô nhiễm môi trường không khí.

b. Đô thị bền vững: các công trình xanh và sử dụng năng lượng hiệu quả trong tòa nhà**Thiết kế thụ động và chứng nhận xây dựng**

- (i) Đưa nội dung về “Công trình xanh” vào các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng;
- (ii) Thực thi và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp vật liệu xây dựng bền vững thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam;
- (iii) Áp dụng cách tiếp cận toàn diện theo vòng đời;
- (iv) Thúc đẩy áp dụng nhãn xanh và EPD;
- (v) Minh bạch hơn về thời điểm áp dụng giá điện dựa trên giá thị trường;
- (vi) Xóa bỏ trợ cấp đối với điện sản xuất sử dụng nhiên liệu hóa thạch;
- (vii) Ban hành Lộ trình Biểu giá bán lẻ điện cho các hộ tiêu thụ điện thương mại và công nghiệp;
- (viii) Tăng cường Hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà;
- (ix) Yêu cầu chứng chỉ tối thiểu là điều kiện tiên quyết để cấp phép cho một số loại tòa nhà bất kể mục đích sử dụng và khuyến khích các cấp chứng chỉ cao hơn; và
- (x) Chuẩn bị một thiết kế quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, chất giao thông, cải thiện môi trường sinh sống.

Tính tuần hoàn trong xây dựng

- (i) Ban hành quy định để loại bỏ rào cản và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm nhập thị trường của vật liệu xây dựng thứ cấp từ việc phá dỡ/hủy bỏ;
- (ii) Cung cấp các biện pháp khuyến khích để thúc đẩy khôi phục và tái sử dụng vật liệu, công trình, bao gồm sử dụng các cơ chế tài chính, ví dụ như giảm phí quy hoạch và giảm phí chi phí phát triển khi đáp ứng được ngưỡng tái sử dụng; và
- (iii) Lập một Lộ trình Kinh tế Tuần hoàn cho các Tòa nhà trong đó đề ra các công cụ cần thiết để thực hiện các chính sách này, bao gồm phát triển chuỗi cung ứng địa phương với các cơ sở tái chế vật liệu, cơ sở dữ liệu và nâng cao năng lực trên toàn chuỗi giá trị.

2.3 Trách Nhiệm Mở Rộng của Nhà Sản xuất

- (i) Tỷ lệ Fs nên được tính toán lại để phản ánh tốt hơn tình hình tái chế thực tế tại Việt Nam, và trừ đi giá trị vật liệu thu hồi được để theo đúng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, đặc biệt với các bao bì có giá trị thu hồi được cao hơn chi phí tái chế như nhôm, sắt, giấy carton. Chúng tôi khuyến nghị chính phủ nên tiến hành một nghiên cứu mới với các tiêu chí rõ ràng và / hoặc tham khảo thêm các nghiên cứu để có cái nhìn toàn diện.
- (ii) Khung EPR nên được thực hiện theo từng giai đoạn, bắt đầu với giai đoạn chuyển tiếp ít nhất 2 năm kể từ năm 2024. Trong giai đoạn thử nghiệm này, các doanh nghiệp không phải chịu hình phạt hành chính nếu họ không đáp ứng tỷ lệ tái chế theo yêu cầu. Giai đoạn này nên tập trung thực hiện thử nghiệm mà không nên đưa ra bất kỳ hình phạt nào trước khi củng cố khung pháp lý và hướng dẫn hiệu quả cho doanh nghiệp.
- (iii) Tỷ lệ Fs và thời gian thực hiện cho pin trong BEV phải tương tự như của xe ô tô và xe máy thông thường.
- (iv) Đối với ngành công nghiệp ô tô, chúng tôi khuyến nghị chính phủ nên hợp tác với các doanh nghiệp để xây dựng một hệ sinh thái phù hợp. Năm 2030 là một năm khả thi để áp dụng các tiêu chuẩn tái chế cho các sản phẩm thải bỏ liên quan đến ô tô và xe máy, bao gồm cơ chế thực thi đối với các công ty tuân thủ và hình phạt đối với các vi phạm. Từ kinh nghiệm thực tiễn của châu Âu, quy định nên xoay quanh tỷ lệ giữa tổng khối lượng vật liệu và giá trị tái sử dụng sau khi thải bỏ sản phẩm so với khối lượng ban đầu của sản phẩm.

Ngoài ra, cần tham gia các cuộc đối thoại sơ bộ với các nhà lắp ráp và nhập khẩu ô tô về hướng dẫn quản lý và tái chế pin của xe để đảm bảo việc thực thi được đồng bộ.

- (v) Có chính sách ưu đãi trong việc đóng góp tái chế bao bì, sản phẩm sử dụng vật liệu tái chế để tạo đầu ra cho vật liệu tái chế, cụ thể đối với bộ phận sử dụng vật liệu tái chế tính với hệ số 0 đối với Fs.
- (vi) Việc quản lý và phân phối Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cần được công khai để đảm bảo tính minh bạch.

2.4 Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn

a. Chính sách thị thực nhập cảnh & thủ tục hành chính

- (i) Miễn thị thực cho tất cả các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu;
- (ii) Miễn thị thực lưu trú ngắn hạn cho các trường hợp cụ thể như tham dự diễn đàn, triển lãm và sự kiện thể thao;
- (iii) Đảm bảo tính thống nhất, mạch lạc giữa phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh của trang thông tin cấp thị thực điện tử, đảm bảo mọi thông tin được dịch chính xác và dễ hiểu đối với người sử dụng nói tiếng Anh; và
- (iv) Bố trí các hàng đợi được chỉ định tại các điểm kiểm tra xuất nhập cảnh dành cho người đi công tác, người khuyết tật, người già từ 70 tuổi trở lên và gia đình đi cùng trẻ sơ sinh, từ đó tinh gọn quy trình nhập cảnh và nâng cao trải nghiệm du lịch tổng thể cho các nhóm du khách này.

b. Tiếp thị điểm đến

- (i) Tạo các chiến dịch quảng cáo cụ thể hướng đến các chủ doanh nghiệp và nhân viên, là những người thường xuyên tiếp xúc với khách du lịch như tại các cửa hàng, nhà hàng địa phương hay phương tiện giao thông công cộng, để họ hiểu được giá trị của du lịch đối với Việt Nam, ý nghĩa của sự thân thiện, nụ cười và sự quan tâm triu mến dành cho du khách;
- (ii) Triển khai các chiến dịch giáo dục trong các trường học và trường đại học để phổ biến các giá trị của tình bạn, sự thân thiện và lòng hiếu khách như những biểu tượng của Việt Nam, giải thích cho học sinh, sinh viên rằng việc giúp đỡ khách du lịch cho thế giới thấy rằng Việt Nam là một đất nước hiếu khách, thân thiện và luôn chào đón những du khách muốn tìm hiểu về đất nước, phong tục tập quán và bản sắc văn hóa độc đáo của đất nước;
- (iii) Thúc đẩy hợp tác du lịch giữa các tỉnh thành;
- (iv) Đơn giản hóa thủ tục cấp phép, áp dụng các biện pháp khuyến khích các đoàn làm phim bằng cách cho vay vốn với lãi suất thấp, cơ sở vật chất hiện đại, chính sách ưu đãi hỗ trợ về địa điểm, chỗ ở;
- (v) Đề xuất những ưu đãi về thuế cho việc sản xuất các bộ phim quốc tế và diễn viên quốc tế; và
- (vi) Xây dựng nơi cầu nguyện ở các khu vực công cộng, nhà hàng, khách sạn, điểm vui chơi giải trí; cung cấp thực phẩm và đồ uống thân thiện với người Hồi giáo có giấy chứng nhận

c. Du lịch hưu trí và du lịch y tế

- (i) Cung cấp visa y tế và visa dành riêng cho người hưu trí;
- (ii) Tăng cường hợp tác giữa các công ty du lịch, khách sạn, bệnh viện để xây dựng sản phẩm du lịch y tế;
- (iii) Quảng cáo Việt Nam là điểm đến nghỉ dưỡng và du lịch y tế trên các kênh trong nước và quốc tế;
- (iv) Cung cấp đào tạo cho các bên liên quan để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

d. Triển vọng dài hạn và nỗ lực xây dựng du lịch bền vững

- (i) Đưa ra kế hoạch hành động phối hợp cấp quốc gia để đảm bảo giữ vệ sinh cho các bãi biển, thành phố và điểm di sản văn hóa;

- (ii) Thiết lập các chiến dịch tái chế hiệu quả để giảm lượng nhựa thải ra môi trường và nhất quán trong việc xử phạt các hoạt động xả thải không tuân thủ luật pháp;
- (iii) Lập kế hoạch quốc gia để loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần tại các khách sạn, công ty du lịch, hãng hàng không và các điểm cung cấp dịch vụ nhà hàng-khách sạn;
- (iv) Ưu tiên các dự án phát triển đa dạng, bền vững thay vì các dự án quy mô lớn thường chỉ tập trung vào thị trường căn hộ thứ hai;
- (v) Đảm bảo tiếp cận mang tính hệ thống theo hướng phát triển bền vững cho lĩnh vực du lịch, khuyến khích chính sách hỗ trợ các bên liên quan cam kết và hành động có trách nhiệm;
- (vi) Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và trao quyền kinh tế;
- (vii) Nâng cao năng lực cho các tổ chức phi lợi nhuận và tạo khuôn khổ cho các hoạt động du lịch “tình nguyện”;
- (viii) Truyền bá những lời khuyên tới khách du lịch bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm;
- (ix) Khuyến khích du khách trải nghiệm tương tác với người dân địa phương một cách có ý nghĩa, tạo điều kiện phát triển sáng kiến du lịch cộng đồng; và
- (x) Nâng cao năng lực của các bên liên quan đến du lịch bền vững và hỗ trợ các sáng kiến do địa phương và vì địa phương nhằm triển khai các hoạt động tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của hoạt động du lịch.

2.5 Vận tải và Hậu cần

a. Cơ sở hạ tầng

- (i) Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định 1012;
- (ii) Đơn giản hóa thủ tục nạo vét cho các bến và xin giấy phép phê duyệt nạo vét 10 năm thay vì phê duyệt theo từng trường hợp; và
- (iii) Tiêu chuẩn trong quy định về phòng cháy và chữa cháy cần có hướng dẫn rõ ràng. Cơ quan chức năng cần xây dựng một tiêu chuẩn rõ ràng về đầu phun dành cho kệ hàng trong đó nêu rõ thông số kỹ thuật của vòi phun dành cho kệ hàng cao trên 5,5m và dưới 14m. Khi đó, đây sẽ là tiêu chuẩn duy nhất rõ ràng được yêu cầu và chỉ có hàng hóa nguy hiểm (dangerous goods – DG) mới cần phải đáp ứng các yêu cầu cao hơn.

b. Hải quan

Kê khai và áp dụng thuế quan ưu đãi không phù hợp

- (i) Tách bạch việc áp dụng thuế quan ưu đãi với việc áp dụng hình phạt khi vi phạm pháp luật.
- (ii) Trường hợp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan thì việc hưởng ưu đãi thuế quan này là chính đáng và không nên bị từ chối do sai sót hành chính như khai sai tờ khai hải quan.
- (iii) Thực hiện chính sách liên kết với thủ tục hải quan của các cảng để dễ dàng luân chuyển hàng hóa từ cảng này sang cảng khác (cả trong hiện tại cũng như trong giai đoạn hai giữa các khu hải quan) trong trường hợp có các yêu cầu hoạt động của bến hoặc tàu của hãng vận chuyển.
- (iv) Bộ Công Thương nghiên cứu quy trình số hóa về cấp và phê duyệt Giấy chứng nhận xuất xứ điện tử cho EU và các nước có FTA với Việt Nam.

Trị giá hải quan – Tham vấn trị giá hải quan

- (i) Để các cán bộ Hải quan thực hiện tham vấn giá nằm được cơ sở xác định các giá trị của cơ sở dữ liệu và ủy quyền cho họ tiết lộ thông tin đó cho các nhà nhập khẩu để tạo điều kiện cho quá trình tham vấn giá minh bạch và hiệu quả hơn.
- (ii) Đảm bảo kết quả tham vấn trị giá hải quan sẽ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng, với điều kiện là giá trị

khai báo trong khoảng thời gian 12 tháng không vượt quá ngưỡng giới hạn (ví dụ +/-5%) thì không yêu cầu doanh nghiệp tham vấn lại.

Phân loại Mã HS: Quyết định/Thông báo:

- (i) Nêu rõ quy tắc lý giải việc phân loại được áp dụng khi phân loại mã số HS.
- (ii) Tiếp tục thực hiện công bố trực tuyến (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp, bao gồm các tài liệu đã được liệt kê và cam kết công bố tại Điều 6, Thông tư 14, nhất là các tài liệu trong năm qua.³
- (iii) Quy định khung thời gian hợp lý hơn giữa ngày ban hành quyết định, ngày ban hành hướng dẫn và ngày hiệu lực. Hướng dẫn phải được ban hành ít nhất 30 ngày trước Ngày hiệu lực với thông tin rõ ràng và hướng dẫn cho các bên liên quan (TCHQ, Cục Hải quan tỉnh/thành phố, doanh nghiệp). Các hoạt động đào tạo, hội thảo liên quan cần được tổ chức xen kẽ với phần hỏi đáp để cơ quan hải quan và doanh nghiệp tích cực trao đổi sau khi hướng dẫn được ban hành, cho phép doanh nghiệp có đủ thời gian chuẩn bị và sẵn sàng cho ngày quy định bắt đầu có hiệu lực; và
- (iv) Trường hợp dữ liệu hải quan chỉ được khai báo và xử lý trên hệ thống thì biểu phí và dữ liệu mới sau sửa đổi phải có sẵn ít nhất 07 ngày làm việc trước Ngày hiệu lực để đồng bộ với quy trình, dữ liệu của doanh nghiệp mà không cần phải chờ đợi.

Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ

- (i) Giữ nguyên hiệu lực của Điều 35.1 Nghị định 08, bao gồm Điểm c nhằm duy trì thực hiện việc XNK tại chỗ.
- c. Tính bền vững
 - (i) Thành lập một diễn đàn với tất cả các bên liên quan để hỗ trợ đánh giá cơ hội và chia sẻ ý tưởng về một lộ trình phát triển bền vững logistics;
 - (ii) Chuẩn bị các kế hoạch dài hạn hơn, triệt để hơn để chuyển sang các phương tiện có mức phát thải thấp hơn nhiều hoặc bằng không và tiết kiệm nhiên liệu hơn;
 - (iii) Xây dựng một lộ trình chi tiết để phát triển và chuyển sang sử dụng những phương tiện này ở Việt Nam đến năm 2030;
 - (iv) Xác định các biện pháp khuyến khích và chính sách để hướng doanh nghiệp theo các nhu cầu và tình trạng dư thừa trong tương lai;
 - (v) Xây dựng một lộ trình phát triển bền vững (trong vận tải và hậu cần);
 - (vi) Xác định các bên liên quan chính trong cả chính quyền trung ương và địa phương;
 - (vii) Chuẩn bị khung thời gian để đạt được lượng khí thải carbon dioxide thuần bằng không và xác định các bước cần thực hiện để đạt được điều này; và
 - (viii) Yêu cầu sự hỗ trợ của doanh nghiệp và thúc đẩy các biện pháp để hợp tác với chính quyền trung ương và địa phương để thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đạt được ba điểm mấu chốt (con người, lợi nhuận và hành tinh).

2.6 Nguồn Nhân lực và Đào tạo

a. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp và kinh phí công đoàn

- (i) Công bố Dự thảo Nghị định để lấy ý kiến phản hồi của công chúng.
- (ii) Làm rõ vai trò và mối quan hệ trong trường hợp cả “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống” đều

³ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

cùng tồn tại trong một doanh nghiệp trong các quy định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động 2019 mới và Luật Công đoàn sửa đổi.

- (iii) Sửa đổi các quy định về kinh phí công đoàn cho cả hai loại hình tổ chức để đảm bảo rõ ràng, thận trọng, công bằng và phản ánh đúng quyền lợi của cả hai tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

b. Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

- (i) Bỏ qua điều kiện đăng thông tin tuyển dụng trước khi nộp báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.
- (ii) Đơn giản hóa các hồ sơ giấy tờ cần thiết cho vị trí Nhà quản lý/Giám đốc điều hành tại chi nhánh, văn phòng đại diện.
- (iii) Giao cho Sở LĐTBXH có thẩm quyền cấp giấy phép lao động trong mọi trường hợp.

c. Mở rộng quyền chấm dứt hợp đồng lao động bởi người sử dụng lao động

- (i) Bổ sung “hoạt động tối ưu hóa kinh doanh” của công ty là một trong những căn cứ được cho thôi việc do dư thừa lao động.
- (ii) Quy định rõ việc cho thôi việc đối với một người lao động là hợp pháp nếu công ty tuân thủ các thủ tục pháp lý áp dụng cho việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động.
- (iii) Bổ sung các căn cứ được phép sa thải (ví dụ: gian lận, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc lại quả, hành vi hung hăng, thù địch và bạo lực, hoặc vi phạm các quy định nội bộ về an toàn dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn đối với tính mạng con người).
- (iv) Kéo dài thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 12 tháng lên 24 tháng và thời hiệu này chỉ bắt đầu từ ngày người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm.
- (v) Đưa ra các tiêu chuẩn rõ ràng để xác định thế nào là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng”, có thể bằng cách quy định một mức thiệt hại cụ thể bằng tiền

d. Bảo hiểm xã hội cho người lao động nước ngoài

- (i) Cho phép người lao động nước ngoài tham gia quỹ hưu trí và tử tuất trên cơ sở tự nguyện.
- (ii) Đưa ra mẫu đơn đề nghị hưởng BHXH một lần ở định dạng song ngữ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp hồ sơ trực tuyến.

e. Tăng cường giáo dục và đào tạo mang tính chiến lược tại Việt Nam cho một nền kinh tế số thịnh vượng

- (i) Ban hành Chính sách lồng ghép giới: Hỗ trợ các biện pháp lập pháp nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc học tập và không có định kiến giới trong các môn học liên quan đến công nghệ ngay từ khi còn nhỏ;
- (ii) Thúc Đẩy Các Chương Trình Công Nghệ Ngoại Khóa: Khuyến khích các chương trình đào tạo tập trung vào công nghệ và mã hóa để phát triển sự quan tâm và niềm đam mê của các trẻ em gái trong lĩnh vực này;
- (iii) Tăng Cường Khả Năng Tiếp Cận Tài Nguyên: Cung cấp các cơ hội học tập, học bổng và ưu tiên ngang nhau để tạo điều kiện và thúc đẩy các trẻ em gái tìm hiểu về các ngành kỹ thuật;
- (iv) Phối Hợp với các Tập Đoàn Công Nghệ: Tận dụng quan hệ đối tác để tạo điều kiện thuận lợi;
- (v) Nắm Bắt và Tùy Chỉnh Chương Trình Đào Tạo Quản Trị Thực Hành: Triển khai các khóa học không cấp bằng phù hợp với nhu cầu thị trường và được cung cấp theo mức giá tại địa phương nhằm thúc đẩy thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Đại hội XII và XIII; và
- (vi) Nâng Cao Chất Lượng Giáo Dục và Khả Năng Tiếp Cận: Hướng đến đạt mục tiêu của chính phủ về chỉ tiêu

cho ngành giáo dục và nâng cao tỷ lệ nhập học chung ở bậc đại học để phù hợp với các quốc gia khác trong khu vực.

f. Thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục và đổi mới công nghệ

- (i) Tinh giản các thủ tục cấp giấy phép lao động để hỗ trợ những người lao động nước ngoài đủ tiêu chuẩn và gia đình họ tiếp tục đến Việt Nam;
- (ii) Tăng cường cơ sở hạ tầng mạng: Tăng cường khả năng kết nối trên toàn quốc và truy cập công bằng vào mạng 4G/5G là điều cần thiết để tránh khoảng cách số;
- (iii) Tăng cường hợp tác cấp vùng và cấp tỉnh: Khuyến khích chính quyền địa phương hợp tác với các trung tâm năng lực kỹ thuật số của địa phương để mở rộng phạm vi hỗ trợ;
- (iv) Nâng cao năng lực của giáo viên địa phương: Bắt đầu hợp tác với các tổ chức quốc tế để đào tạo giáo viên và phát triển chuyên môn, thúc đẩy môi trường thuận lợi cho việc học tập suốt đời; và
- (v) Ưu tiên bảo vệ môi trường: Việc nâng cao chất lượng không khí ở các trung tâm tài chính sẽ làm nổi bật sức hấp dẫn của ngành giáo dục, thúc đẩy hợp tác quốc tế hiệu quả.

2.7 Phụ nữ trong kinh doanh

a. Nội quy lao động ảnh hưởng đến lao động nữ

- (i) Đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho người sử dụng lao động áp dụng các chính sách phù hợp với Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145 trong các nghị định sắp tới.
- (ii) Sửa đổi luật liên quan đến việc cắt giảm thuế cho các công ty có nhiều lao động nữ, xem xét mở rộng phạm vi các ngành nghề đủ điều kiện và tăng tỷ lệ phần trăm giảm thuế.
- (iii) Áp dụng hạn ngạch dựa trên số lượng lao động nữ ở các vị trí quản lý cấp cao thay vì tổng số lao động nữ.

b. Kéo dài thời gian nghỉ thai sản cho nam giới

- (i) Tăng thời gian nghỉ thai sản cho người cha lên một tháng trong Luật Bảo hiểm xã hội mới là một bước tiến hướng đến chính sách phân chia thời gian nghỉ thai sản bình đẳng hơn giữa người cha và người mẹ.

c. Đảm bảo bình đẳng giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam

- (i) Thu thập dữ liệu về sự tham gia của phụ nữ vào các chương trình giáo dục và nghề nghiệp STEM để đảm bảo Chính phủ có nhận thức chính xác về khoảng cách giới thực tế trong lĩnh vực STEM.
- (ii) Khi ban hành các chính sách trong tương lai liên quan đến số hóa và hiện đại hóa của Việt Nam hoặc sửa đổi các chính sách hiện có, cần đảm bảo giải quyết được vấn đề thiếu nữ giới trong lĩnh vực STEM và lĩnh vực công nghệ thông tin.
- (iii) Ban hành luật thực thi các chính sách quốc gia về số hóa và hiện đại hóa, bao gồm các biện pháp có thời hạn, cụ thể và có thể đo lường được để khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn.
- (iv) Bộ GDĐT nên hợp tác với các bên liên quan như các công ty công nghệ và các nhà đầu tư tiềm năng để xác định hướng đi cụ thể cho giáo dục STEM, đảm bảo chất lượng đào tạo và đảm bảo học sinh được dạy những kỹ năng thực sự cần thiết, cũng như xóa bỏ các chuẩn mực xã hội mang tính tiêu cực và các khuôn mẫu giới vốn thường ngăn cản trẻ em gái theo đuổi các ngành học STEM ngay từ khi còn nhỏ.
- (v) Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH nên xây dựng các chương trình dạy nghề nhằm bồi dưỡng và nâng cao tay nghề của lao động nữ theo hướng số hóa, đặc biệt là những ngành có khả năng bị thay thế bằng tự động hóa.
- (vi) Triển khai các chiến dịch, hoạt động truyền cảm hứng nhằm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ trong các ngành nghề STEM

PHẦN 3: SỨC KHỎE VÀ LÀM ĐẸP

3.1. Dược phẩm

a. Cải thiện khả năng tiếp cận của bệnh nhân với sự đổi mới

- (i) Đẩy nhanh tốc độ cung cấp các loại thuốc mới bằng cách giảm thời gian phê duyệt cấp phép lưu hành (sửa đổi Luật Dược)
 - Sự tin cậy vào quy định, theo khuyến nghị của WHO, cho phép cơ quan có thẩm quyền sử dụng ý kiến của các cơ quan quản lý đáng tin cậy khác khi đưa ra quyết định của riêng mình. Điều này có thể giúp giảm khối lượng công việc và ưu tiên các nguồn lực. Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị áp dụng cơ chế này tại Việt Nam để đẩy nhanh quá trình ra quyết định Cấp phép lưu hành đối với các loại thuốc mới, các biến thể sau phê duyệt và thử nghiệm xuất xưởng theo lộ vắc xin, nhằm tạo điều kiện cho bệnh nhân được tiếp cận kịp thời trong khi vẫn đảm bảo chất lượng, an toàn và hiệu quả của thuốc và duy trì trách nhiệm pháp lý của Việt Nam trong việc ra quyết định.
- (ii) Ngăn chặn tình trạng thiếu thuốc thông qua việc giảm bớt các rào cản hành chính và hài hòa hóa quy định (sửa đổi Luật Dược)
 - Việc gia hạn, chủ yếu là thủ tục hành chính được đơn giản hóa theo Quyết định 1661, cần được thực hiện tự động để giảm khối lượng công việc cho cả công ty và cơ quan quản lý và quan trọng nhất là tránh gián đoạn nguồn cung như đã thấy trong những năm gần đây.
 - Đảm bảo biện pháp chuyển tiếp được áp dụng và có hiệu lực vào cuối năm 2024 để duy trì hiệu lực của hàng nghìn Giấy phép lưu hành được gia hạn theo Nghị quyết 80 của Quốc hội ngày 9 tháng 1 năm 2023, trong trường hợp hồ sơ gia hạn không được xem xét kịp thời và tự động cơ chế đổi mới vẫn chưa có hiệu lực.
 - Thay đổi địa điểm sau phê duyệt phải được phân loại là Thay đổi lớn để hài hòa với hướng dẫn Thay đổi của ASEAN thay vì hồ sơ đăng ký mới như quy định hiện hành trong Luật Dược phẩm, nhằm giảm bớt gánh nặng hành chính và thời gian phê duyệt đáng kể.
- (iii) Cải thiện khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các loại thuốc mới tại các bệnh viện công thông qua Danh sách thuốc hoàn trả quốc gia kịp thời (Thông tư NRDL)
 - Phát hành bản cập nhật toàn diện về NRDL vào năm 2024, sau 5 năm trì hoãn, để bao gồm các loại thuốc tiên tiến hơn.
 - Cho phép cập nhật NRDL thường xuyên hơn. Quá trình cập nhật nên được bắt đầu ít nhất mỗi năm một lần, theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận nhanh hơn và công bằng hơn với các tiến bộ trong giải pháp điều trị, đồng thời giúp giảm chi phí tự chi trả trực tiếp của hộ gia đình theo Nghị quyết 20.
 - Quá trình đề xuất đưa thuốc vào NRDL có thể được thực hiện tại thời điểm nộp Giấy phép Tiếp thị. Chủ giấy phép sản phẩm, nhà sản xuất hoặc đơn vị được ủy quyền được phép trực tiếp tham gia cung cấp thông tin liên quan đến sản phẩm trong quá trình nộp hồ sơ đưa vào NRDL để đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, khoa học và minh bạch.
 - Yêu cầu Đánh giá Công nghệ Y tế ("HTA") cần được xem xét cẩn thận trong bối cảnh Việt Nam, vì việc xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyên môn phù hợp sẽ mất thời gian để đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch cần thiết. Chúng tôi khuyến nghị nên áp dụng cách tiếp cận linh hoạt đối với HTA, trong đó bằng chứng về hiệu quả chi phí chỉ đóng vai trò tham khảo chứ không phải là yếu tố quyết định.
- (iv) Đảm bảo bệnh nhân được tiếp cận liên tục với các loại thuốc tiên tiến tại bệnh viện công (Quy định đấu thầu)
 - Đảm bảo sự ổn định của chính sách mua sắm bằng cách duy trì gói thầu thương hiệu cho người sáng lập và thực hiện hiệu quả cơ chế đàm phán giá để đảm bảo bệnh nhân tiếp tục được tiếp cận với các phương pháp điều trị chất lượng cao nhất và môi trường đầu tư bền vững, có thể dự đoán được.

- (v) Cho phép thanh toán từ tiền túi của bệnh viện công (Nghị định hướng dẫn Luật Đầu thầu)
- Cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các cơ sở y tế để mua sắm hiệu quả các loại thuốc không được quỹ bảo hiểm y tế chi trả và vắc xin sử dụng cho dịch vụ tiêm chủng theo yêu cầu, nhằm giải quyết khoảng cách lớn tồn tại lâu dài giữa bệnh nhân tại các bệnh viện công có nhu cầu và cơ hội tiếp cận dịch vụ tiêm chủng theo yêu cầu. Khả năng chi trả không có khả năng sử dụng thuốc theo nhu cầu.

b. Thúc đẩy việc áp dụng các chính sách tài chính chăm sóc sức khỏe bền vững cho đổi mới

- (i) Quy định gói Bảo hiểm y tế bổ sung (sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế) nhằm đa dạng hóa gói bảo hiểm y tế, tạo điều kiện cho người bệnh được lựa chọn và giảm bớt gánh nặng quỹ Bảo hiểm y tế cho Chính phủ, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết 20.
- (ii) Phát triển các cơ chế tài chính mới, bao gồm: các mô hình định giá mới như Thỏa thuận gia nhập thị trường phù hợp với bối cảnh của Việt Nam để tăng tốc khả năng tiếp cận của bệnh nhân đồng thời cung cấp đủ động lực cho đổi mới; xem xét tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ chế mới theo kinh nghiệm quốc tế (bao gồm cả tài chính và phi tài chính) như chuyển doanh thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với các sản phẩm có hại cho sức khỏe (ví dụ: rượu, thuốc lá) vào quỹ bảo hiểm y tế; mở rộng và khuyến khích thực hiện các chương trình hỗ trợ thuốc cho bệnh nhân...
- (iii) Tận dụng dữ liệu y tế để thúc đẩy đổi mới và bền vững: Quy định các mối liên kết, quan hệ đối tác và trao đổi dữ liệu giữa các bên tham gia bảo hiểm y tế xã hội và bảo hiểm y tế thương mại. Xem xét giao Chính phủ quy định các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c. Khuyến khích phát triển hệ sinh thái dược phẩm đổi mới

- (i) Người hỗ trợ (sửa đổi Luật Dược phẩm)
- a. Cho phép các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quyền nhập khẩu dược phẩm ("Nhà nhập khẩu FIE") vận hành pháp nhân của họ hiệu quả hơn, giảm bớt sự phức tạp và chi phí kinh doanh, đảm bảo luồng thông tin suốt trong suốt chuỗi cung ứng và đảm bảo tính liên tục, hiệu quả và kịp thời của thuốc cung cấp.
- b. Cho phép Nhà nhập khẩu FIE quyết định và thực hiện các dự án đầu tư như sản xuất trong nước (sản xuất theo hợp đồng, chuyển giao công nghệ), thử nghiệm lâm sàng, v.v. với các đối tác địa phương, ví dụ: khả năng nhập khẩu và vận chuyển các sản phẩm dùng trong thử nghiệm lâm sàng.
- c. Thực thi quyền sở hữu trí tuệ ("IP"): Đưa ra các chính sách và thực thi nghiêm ngặt để bảo vệ dữ liệu thử nghiệm lâm sàng, bằng sáng chế thuốc và các dữ liệu bí mật khác trong quá trình đăng ký và lưu hành thuốc; Thành lập cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ để giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các tranh chấp, giám sát chặt chẽ và thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm bằng sáng chế, thuốc giả.
- (ii) Ưu đãi (sửa đổi Luật Dược và các quy định hướng dẫn khác để thực hiện Chiến lược phát triển ngành Dược quốc gia)
- a. Xây dựng bộ chính sách ưu đãi đồng bộ, phù hợp với lợi thế hiện có của Việt Nam, phù hợp và thậm chí tốt hơn các ưu đãi hiện có của các nước trong khu vực. Việc tham vấn các bên liên quan là rất quan trọng trong suốt quá trình phát triển các biện pháp khuyến khích này để đảm bảo tính hấp dẫn và tính khả thi.

3.2. Thuốc chất lượng Quốc tế, Generic và Sinh phẩm tương tự

a. Đẩy nhanh tiến độ sửa đổi Luật Dược và các luật, quy định liên quan

- (i) Sửa đổi và soạn thảo lại Luật Dược 2016 theo các ý kiến và đề xuất của ngành;
- (ii) Soạn thảo các hướng dẫn rõ ràng về việc đơn giản hóa quy trình gia hạn GĐKLH cùng với các bước chuyển tiếp rõ ràng và các mốc thực hiện;
- (iii) Sửa đổi quy trình đăng ký thuốc lần đầu với mốc thời gian khả thi, các bước chuyển tiếp và các mốc quan trọng;

- (iv) Quy định trách nhiệm của cơ quan chức năng trong trường hợp chậm trễ;
- (v) Trình dự thảo Luật Dược mới để Quốc hội thông qua vào tháng 10 năm 2024;
- (vi) Đảm bảo sự nhất quán về quy định và điều chỉnh các quy định liên quan trước tháng 1 năm 2025; và
- (vii) Một số các quy định trong đó có quy định gia hạn GĐKLH cần có hiệu lực ngay lập tức khi Luật Dược có hiệu lực thi hành, tránh tình trạng thiếu thuốc cho phòng bệnh và điều trị cho bệnh nhân.

b. Mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- (i) Mở rộng quyền và phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên giao hoặc bên nhận hợp đồng thực hiện gia công / chuyển giao công nghệ đều được tự thực hiện các hoạt động phân phối các thuốc của họ sản xuất tại Việt Nam. Đây là quy định bắt buộc phải có để thúc đẩy sản xuất thuốc nội địa chất lượng cao, giá cả phải chăng, an toàn và hiệu quả tại Việt Nam;
- (ii) Sửa đổi Quy định đấu thầu đối với các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ theo phân loại Phê duyệt Giấy đăng ký lưu hành. Các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ phải được phân loại là sản phẩm nội địa chứ không phải sản phẩm nhập khẩu; và
- (iii) Cung cấp các ưu đãi Đấu thầu & Mua sắm cho các sản phẩm nội địa hóa chất lượng cao sẽ thu hút nhiều đầu tư nước ngoài hơn vào ngành Dược phẩm trong thời gian tới.

c. Tăng cường khả năng tiếp cận của bệnh nhân với các phương pháp điều trị tiên tiến

- (i) Xem xét sớm ban hành hướng dẫn thẩm định kỹ thuật cho hồ sơ thuốc sinh học tương tự.
- (ii) Đưa định nghĩa cụ thể về thuốc sinh phẩm không được chấp thuận là thuốc sinh học tương tự, chẳng hạn như thuốc sao chép (biocopies) và thuốc sinh phẩm không tương đương, vào Luật Dược để giúp các chuyên gia y tế có hiểu biết chính xác và đầy đủ về việc lưu hành thuốc sinh phẩm.
- (iii) Xem xét sớm ban hành hướng dẫn chuyên môn về việc sử dụng sinh phẩm tương tự trong thực hành lâm sàng để nâng cao hiệu quả điều trị và độ an toàn cho bệnh nhân.
- (iv) Tăng cường các hoạt động giáo dục và đào tạo để nâng cao kiến thức về sinh phẩm tương tự cho các chuyên gia y tế và cơ quan chức năng trong ngành y tế.

3.3. Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán

a. Đẩy nhanh quy trình đăng ký lưu hành cho thiết bị y tế thuộc loại C, D

- (i) Đẩy nhanh quá trình đánh giá và cấp phép cho các thiết bị y tế loại C và D để đảm bảo các thiết bị y tế thiết yếu luôn có sẵn và có thể được tiếp cận bất cứ lúc nào;
- (ii) Đẩy nhanh việc cấp phép lưu hành và xây dựng quy trình dành riêng cho các thiết bị y tế loại C và D mới để đảm bảo cung cấp ổn định các thiết bị y tế tiên tiến và quan trọng, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe bền vững cho bệnh nhân Việt Nam; và
- (iii) Xây dựng quy trình riêng cho cấp phép lưu hành cho các trang thiết bị y tế đã được cấp giấy phép nhập khẩu hoặc số đăng ký lưu hành còn hiệu lực nhưng có thay đổi thuộc phạm vi phải nộp hồ sơ cấp số đăng ký lưu hành mới.

b. Đấu thầu thiết bị y tế

- (i) Đưa ra hướng dẫn rõ ràng về thủ tục đấu thầu thiết bị y tế, đặc biệt là chi phí cho mỗi xét nghiệm;
- (ii) MDDSC sẽ đồng hành cùng BHYT để tổ chức các buổi hội thảo hoặc đào tạo cho các bên liên quan để có thể thực hiện quy trình đấu thầu một cách trôi chảy.

c. Bảo hiểm y tế bổ sung và quỹ bảo hiểm y tế/kinh phí cho dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu nhằm giảm gánh nặng điều trị

- (i) Để đảm bảo bệnh nhân Việt Nam có thể tiếp cận các thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế mới, chúng tôi kính đề nghị BHYT nhanh chóng cập nhật và ban hành danh sách các dịch vụ kỹ thuật/thiết bị y tế trong các thông tư sau:
 - a. Thông tư 04 về việc ban hành danh mục, tỷ lệ và điều kiện thanh toán chi phí vật tư y tế được chi trả cho người tham gia bảo hiểm y tế
 - b. Thông tư 43 quy định về phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong mạng lưới cơ sở y tế và Thông tư 21.
 - c. Thông tư 22 thay thế Thông tư 39 ban hành từ năm 2018 quy định về việc thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán dịch vụ y tế trong một số trường hợp và Thông tư 13.
- (ii) Thường xuyên cập nhật danh mục Dịch vụ kỹ thuật y tế và phối hợp với các Cục thuộc BHYT, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoàn thiện việc tính toán chi phí cho các dịch vụ này và cho phép triển khai tại các cơ sở y tế trên toàn quốc; và
- (iii) Do Luật Bảo hiểm y tế đang trong quá trình sửa đổi, chúng tôi cũng kính đề nghị Quốc hội thông qua việc chi trả BHYT cho chi phí chẩn đoán sớm và sàng lọc một số bệnh như: ung thư cổ tử cung, ung thư vú và các bệnh mãn tính như tiểu đường, cao huyết áp. Điều này có thể làm giảm đáng kể gánh nặng điều trị về sau.

3.4. Mỹ phẩm

- a. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý mỹ phẩm - tập trung tăng cường hậu kiểm

Gỡ bỏ thủ tục phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm

- (i) Cục Văn hóa cơ sở tiến hành gỡ bỏ yêu cầu phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm trong Nghị định 181 trong thời gian sớm nhất; và
- (ii) Đưa nội dung cắt giảm thủ tục hành chính về quảng cáo mỹ phẩm vào Nghị định quản lý mỹ phẩm.

Gỡ bỏ yêu cầu Giấy chứng nhận lưu hành tự do cho mỹ phẩm nhập khẩu

- (i) Đưa nội dung gỡ bỏ yêu cầu CFS cho tất cả mỹ phẩm nhập khẩu vào Nghị định quản lý mỹ phẩm, đặc biệt đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước EU; và
- (ii) Không yêu cầu giấy tờ thay thế khi gỡ bỏ yêu cầu CFS.

b. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin và chính phủ điện tử trong quản lý mỹ phẩm

Quản lý mỹ phẩm trực tuyến trên toàn quốc

- (i) Để giải quyết đồng bộ các vấn đề, chúng tôi đề nghị Bộ Y tế xây dựng 01 phần mềm trực tuyến tiếp nhận hồ sơ công bố mỹ phẩm cho toàn quốc. Hệ thống này sẽ áp dụng dịch vụ công mức độ 4 đồng bộ cho cả mỹ phẩm nhập khẩu (công bố tại Cục Quản lý Dược) và mỹ phẩm sản xuất trong nước (công bố tại các Sở Y tế). Phương án này vừa giải quyết các vướng mắc doanh nghiệp đang gặp phải, vừa tạo thuận lợi cho công tác quản lý, thúc đẩy việc xử lý hồ sơ nhanh chóng, minh bạch. Doanh nghiệp ở mọi tỉnh thành được áp dụng quy trình công bố mỹ phẩm trực tuyến giống nhau mà không cần mỗi tỉnh thành xây dựng phần mềm riêng. Hệ thống này cũng là cơ sở dữ liệu về ngành mỹ phẩm toàn quốc để cơ quan quản lý dễ dàng kiểm tra thông tin, hỗ trợ hậu kiểm;
- (ii) Sửa đổi quy trình công bố mỹ phẩm trong Nghị định mỹ phẩm, loại bỏ những từ ngữ được hiểu là bắt buộc phải nộp hồ sơ bản cứng trong Thông tư 06;
- (iii) Khi có kế hoạch nâng cấp phần mềm, cơ quan quản lý cần thông báo rộng rãi trước cho doanh nghiệp thời gian dự kiến để doanh nghiệp chủ động lên kế hoạch phù hợp.

- (iv) Đề nghị Sở Y tế các tỉnh thành áp dụng quy trình trực tuyến hoàn toàn đối với Công bố mỹ phẩm và Xác nhận hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm, không yêu cầu nộp hồ sơ bản cứng.

Cho phép ghi nhãn điện tử một số thông tin bắt buộc trên nhãn mỹ phẩm

- (i) Cục Quản lý Dược tích hợp phương án ghi nhãn điện tử vào quy định ghi nhãn mỹ phẩm trong Nghị định mỹ phẩm;
- (ii) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đưa sản phẩm mỹ phẩm vào phạm vi áp dụng ghi nhãn điện tử trong các bản cập nhật của Thông tư 18.
- c. Phát triển thị trường mỹ phẩm có tính cạnh tranh công bằng, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng
 - (i) Bộ Công Thương cập nhật các quy định liên quan đến quản lý thương mại điện tử và hoàn thiện khung pháp lý quản lý thương mại điện tử hơn nữa để nâng cấp độ quản lý phù hợp với mức phát triển của thương mại điện tử hiện nay;
 - (ii) Bộ Công Thương tăng cường quản lý trên nền tảng thương mại điện tử, đặc biệt đối với các cửa hàng ngoài kênh chính hãng, hướng tới một môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh hơn;
 - (iii) Cục Quản lý Dược và các Sở Y tế tăng cường nguồn lực, tập trung hậu kiểm mỹ phẩm lưu hành trên các nền tảng điện tử.

d. Tinh giản quy trình đăng ký lưu hành sản phẩm diệt khuẩn dung trên da có công thức đơn giản

- (i) Đề nghị Bộ Y tế tách quy trình công bố cho sản phẩm diệt khuẩn dùng trên da có công thức, thành phần hoạt chất thông dụng tương tự như các nước Đông Nam Á (Singapore, Thái Lan, Philippine, Malaysia,...) và cắt giảm yêu cầu giấy tờ không cần thiết cho nhóm sản phẩm này. Nguy cơ gây mất an toàn của nhóm này so với chế phẩm diệt côn trùng hoàn toàn khác nhau nên yêu cầu về quản lý cũng cần điều chỉnh để giảm áp lực cho cơ quan quản lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- (ii) Đề nghị chấp nhận các kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm ở các cơ sở kiểm nghiệm, khảo nghiệm đạt chuẩn ở nước ngoài cho cả chế phẩm diệt khuẩn nhập khẩu và sản xuất trong nước; đồng thời cập nhật hướng dẫn quy trình khảo nghiệm cho các loại chế phẩm diệt khuẩn.

PHẦN 4: LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

4.1. Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng thủy sản

a. Triển khai nông nghiệp sinh thái và sản xuất hữu cơ cho rau quả

- (i) Khuyến khích giảm sử dụng và giảm nguy cơ từ thuốc trừ sâu hóa học. Ví dụ, Liên minh châu Âu đề xuất mục tiêu giảm 50% việc sử dụng và rủi ro từ thuốc trừ sâu hóa học cũng như việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu nguy hiểm hơn vào năm 2030 và tăng tổng diện tích nông nghiệp được sử dụng trong canh tác hữu cơ (UAA) từ khoảng 14,7 triệu ha đất nông nghiệp ở EU vào năm 2020 tương ứng từ 9,1% lên 25% vào năm 2023;
- (ii) Ngoài ra, cần khuyến khích áp dụng nông nghiệp sinh thái thông qua tăng cường canh tác trên diện tích nhỏ hơn, xen canh và luân canh cây trồng;
- (iii) Khuyến khích hình thành các cụm hợp tác và hợp tác xã để dễ đạt được một chứng nhận hữu cơ duy nhất;
- (iv) Cung cấp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi sang phương pháp hữu cơ;
- (v) Tăng cường nỗ lực và đầu tư vào nghiên cứu, đào tạo và các nỗ lực chính sách để chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái một cách suôn sẻ; và

- (vi) Về các phân tử gây lây nhiễm chéo và do đó có khả năng ảnh hưởng đến tính vô hại trong thực phẩm và yêu cầu xuất khẩu, các cơ quan chức năng của Việt Nam có thể tập trung vào một số loại thuốc trừ sâu như Cypermethrin, Permethrin, Acetamiprid, Mancozeb và một số loại khác.

b. Thực hiện cách tiếp cận một sức khỏe trong chăn nuôi

- (i) Tiếp tục phổ biến các quy định và giám sát việc tuân thủ thông qua nâng cao hiểu biết của các bên liên quan về các sản phẩm thuốc kháng sinh dùng trong thú y và danh mục các sản phẩm này theo WHO; hiểu biết về những rủi ro liên quan đến việc sử dụng để phòng bệnh; và hiểu biết về việc phân loại doanh nghiệp chăn nuôi theo đơn vị chăn nuôi;
- (ii) Đảm bảo tuân thủ và giám sát tốt hơn các quy định về sử dụng các sản phẩm có chứa kháng sinh thông qua việc ghi nhãn và đánh giá tác động của việc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng kháng sinh;
- (iii) Chính phủ nên đối thoại với ngành sản xuất động vật làm thực phẩm, khuyến khích hài hòa hóa các quy định về thuốc kháng sinh và giám sát các tác động tiềm ẩn đối với tình hình bệnh tật và sản xuất trong khu vực; và
- (iv) Cần khuyến khích các giải pháp thay thế cho phương pháp điều trị bệnh bằng kháng sinh như an toàn sinh học, tiêm chủng, sử dụng các giải pháp thay thế như men vi sinh, prebiotic (một loại chất xơ nuôi các vi khuẩn thân thiện trong hệ tiêu hóa) hoặc các giải pháp dựa vào tự nhiên khác đã được sử dụng trong nhiều thập kỷ ở châu Âu.

c. Các phương án tài chính để phát triển bền vững ngành thực phẩm, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản

- (i) Các Bộ và tổ chức tài chính nên tổ chức các hội thảo để đào tạo cho doanh nghiệp về lợi ích của vốn lưu động;
- (ii) Cần có một chương trình khuyến khích ESG được trợ cấp từ Chính phủ (như chương trình trợ cấp cho lĩnh vực được khuyến khích), từ đó thúc đẩy/khuyến khích doanh nghiệp bắt đầu thực hiện kế hoạch ESG của mình để chuyển sang mức phát thải ròng bằng 0; và
- (iii) Cần nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng các chính sách có tác động liên kết với nhau. Chẳng hạn, cần làm rõ kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII với các mốc thời gian cụ thể vì điều này cũng sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

4.2. Rượu Vang và Rượu Mạnh

a. Thuế tiêu thụ đặc biệt

- (i) Không thực hiện thay đổi tăng thêm nào về thuế TTĐB cho đến năm 2026, để Chính phủ có thể xem xét và xây dựng các chính sách thuế dựa trên bằng chứng nhằm đáp ứng các mục tiêu về y tế cộng đồng và tạo nguồn thu ổn định (evidence-based taxation) cho ngân sách nhà nước một cách hợp lý và toàn diện;

Khi xem xét cách cải cách thuế TTĐB, phương pháp thuế hỗn hợp (mô hình kết hợp thuế tương đối và thuế tuyệt đối) cần được nghiên cứu để ngành RVRM đáp ứng các mục tiêu này. Phương pháp này phù hợp với Chiến lược cải cách thuế đến năm 2030 của Chính phủ; Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh của EuroCham sẵn sàng hỗ trợ Chính phủ trong nỗ lực này, bao gồm nghiên cứu tính khả thi của mô hình thuế TTĐB hỗn hợp tại Việt Nam, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất từ các thị trường khác để phát triển mô hình này cho ngành RVRM tại Việt Nam. Điều này sẽ giúp đưa ra phương pháp tính thuế hợp lý, phù hợp với mức sống của người dân và đạt được các mục tiêu thu thuế, phát triển kinh doanh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; và

- (ii) Bộ Tài chính cùng với các cơ quan hữu quan, nên nghiên cứu các biện pháp giải quyết vấn đề đáng kể về rượu bia không được ghi nhận ở Việt Nam, chẳng hạn như thông qua phối hợp và thực thi pháp luật mạnh mẽ hơn, bảo vệ an toàn và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với sự hỗ trợ từ ngành RVRM. Việc giảm lượng đồ uống có cồn không được ghi nhận sẽ giảm thất thu thuế từ mức 57% tổng lượng rượu bia tiêu thụ tại Việt Nam nói trên.

b. Quảng cáo và khuyến mãi

- (i) Đảm bảo sự nhất quán trong việc sửa đổi các quy định về quảng cáo và khuyến mại các sản phẩm rượu trong Luật Quảng cáo và Luật Thương mại với Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia để không tạo thêm gánh nặng pháp lý cho ngành RVRM;
- (ii) Bãi bỏ lệnh cấm khuyến mãi tất cả các sản phẩm rượu trong Luật Thương mại. Thay vào đó, những sản phẩm này phải tuân theo các hạn chế quảng cáo có liên quan theo Luật Phòng chống tác hại của rượu bia thay vì Luật Thương mại, tức là nên cho phép quảng cáo đồ uống có nồng độ cồn dưới 15%;
- (iii) Rà soát định nghĩa “quảng cáo” trong Luật Quảng cáo để bao quát các hoạt động do các công ty RVRM thực hiện, bao gồm các hoạt động giới thiệu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm. Việc mở rộng này sẽ giúp thiết lập một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, đồng thời thúc đẩy việc tiêu thụ rượu vang và rượu mạnh một cách có trách nhiệm;
- (iv) Để nâng cao nhận thức về uống có trách nhiệm và đảm bảo trách nhiệm xã hội, nên áp dụng cách tiếp cận cân bằng và toàn diện để quản lý các sản phẩm có cồn, thay vì chỉ dựa trên nồng độ cồn của sản phẩm. Các hạn chế về quảng cáo nên được đưa ra dựa trên vị trí và cách thức đặt quảng cáo để cung cấp thêm thông tin cho người tiêu dùng về sản phẩm nào phù hợp và nên uống rượu như thế nào. Cách tiếp cận này nhằm mục đích cung cấp cho người tiêu dùng thông tin toàn diện hơn về các sản phẩm phù hợp và việc tiêu thụ rượu có trách nhiệm. Nhấn mạnh tầm quan trọng của sức khỏe cộng đồng và nhận thức, thúc đẩy thực hành uống rượu có trách nhiệm, bất kể phần trăm nồng độ cồn của sản phẩm; và
- (v) Cuối cùng, lệnh cấm hoàn toàn quảng cáo các sản phẩm RVRM có nồng độ cồn trên 15% càng làm tăng thêm việc tiêu thụ các sản phẩm rượu bia không được ghi nhận, đồng thời đe dọa hoạt động của các doanh nghiệp RVRM hợp pháp vì người tiêu dùng không biết đến các sản phẩm rượu thật và các cửa hàng bán lẻ được cấp phép. Lệnh cấm tuyệt đối nên được sửa đổi thành lệnh cấm đối với kênh quảng cáo cụ thể và cần được phân biệt với các hoạt động tư vấn nhằm giảm lạm dụng rượu bia và nâng cao nhận thức về uống rượu bia có trách nhiệm.

4.3. Ô tô

a. Yêu cầu kiểm định đối với ngành kinh doanh ô tô

Khai báo thành phần sản phẩm để làm thủ tục thông quan

- (i) Đối với những xe đã được kiểm định trước đây và được sản xuất tại các nhà máy có Giấy chứng nhận sản xuất hợp lệ do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp, chúng tôi khuyến nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định ngay lập tức mà không cần thử nghiệm thêm.
- (ii) Đối với việc nhập khẩu CBU, chúng tôi đề nghị chỉ nên xuất trình giấy chứng nhận cho những phụ tùng được cho là phụ tùng “bắt buộc phê duyệt thành phần” đối với hàng nhập khẩu nguyên chiếc khi số tham chiếu bộ phận trên tờ khai xe khác với hồ sơ trước đó.
- (iii) Công nhận và cho phép sử dụng các chứng nhận của UNECE liên quan đến sản phẩm từ EU, và được áp dụng chung cho nhiều mẫu xe, chẳng hạn như giấy chứng nhận Phê duyệt kiểu loại phương tiện cho xe nhập khẩu nguyên chiếc, tương tự như thông lệ ở các quốc gia EU, thay vì dành riêng cho mẫu xe hoặc động cơ cho Việt Nam.
- (iv) Phê duyệt kiểu loại của châu Âu được thực hiện trên ba “lớp” riêng biệt:
 - a. Phê duyệt kiểu loại linh kiện (phù hợp cho các linh kiện như kính, gương, còi, v.v.)
 - b. Phê duyệt kiểu loại hệ thống (tức là các “Hệ thống” bao quát chẳng hạn như khí thải, phanh, hệ thống tránh va chạm)
 - c. Phê duyệt kiểu loại của toàn bộ phương tiện (tổng hợp cả phê duyệt kiểu loại Linh kiện và Hệ thống)
 - d. Theo EVFTA, phê duyệt kiểu loại của toàn bộ phương tiện của châu Âu được công nhận, bao gồm phê

duyet kiểu loại cho cả linh kiện và hệ thống (như được tham chiếu trong Đoạn 3B Phụ lục 2-B của Hiệp định). Do đó, việc phê duyệt kiểu loại Linh kiện và Hệ thống riêng lẻ được xem là không cần thiết.

- (v) Sửa đổi Nghị định 60 để thực hiện Phụ lục 2-B “Phương tiện cơ giới và phụ tùng, thiết bị của xe cơ giới” trước tháng 10 năm 2023 theo hướng dẫn của EVFTA.
- (vi) Ban hành quy trình thử nghiệm và kiểm định rõ ràng của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Ngoài ra, cần đưa ra hướng dẫn rõ ràng về việc tự kiểm định, bao gồm quy định tại Thông tư 12.

Công nhận kính an toàn trong thực thi EVFTA

- (i) Song song với việc triển khai EVFTA, chúng tôi đề nghị các bộ ngành liên quan xem xét công nhận chứng nhận ECE cho các linh kiện gương và kính an toàn không khung nhập khẩu (không có thiết bị sưởi hoặc các thiết bị điện hoặc điện tử khác) được phân loại theo Chương 70, tương tự như sự công nhận dành cho kính an toàn và các linh kiện khác theo Chương 87.

b. Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh

- (i) Đối với việc chuyển đổi từ xe ICE sang xe điện, chúng tôi đề xuất bổ sung PHEV vào danh sách xe điện để có các chính sách hỗ trợ tương tự như BEV (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, lệ phí trước bạ), hông áp dụng thuế nhập khẩu đối với xe điện và xe CBU lai nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc tiêu dùng và tăng trưởng thị trường để bắt đầu chuyển đổi sang xe điện, và đối với các bộ thiết bị CKD, nguyên liệu và thiết bị sản xuất để được nhập khẩu cho sản xuất và lắp ráp xe điện nhập khẩu. Chúng tôi khuyến nghị hỗ trợ xe điện kết hợp động cơ đốt trong (PHEV) trong thời gian ngắn hạn, đặc biệt là trong khi thiết lập mạng lưới sạc công cộng quốc gia.
- (ii) Bộ GTVT xác nhận sẽ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho xe điện và trạm sạc xe điện, bao gồm phích cắm, đầu nối (bộ sạc); sạc không dây; dây và cáp điện; thiết bị bảo vệ cá nhân (cần dao chống rò điện); thiết bị đo đếm điện năng hỗ trợ sạc điện; tương thích điện tử; -động cơ điện cho xe điện - phương tiện giao thông đường bộ; hệ thống truyền tải điện cho xe điện - phương tiện giao thông đường bộ-. Tiêu chuẩn kỹ thuật của trạm sạc rất quan trọng đối với hoạt động của xe điện. Vì EU là thị trường tiên phong trong phát triển xe điện, chúng tôi sẵn sàng đưa ra phản hồi trong quá trình tham vấn mở để hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam, chia sẻ các thông tin liên quan nhằm xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cập nhật của Việt Nam liên quan đến cơ sở hạ tầng sạc, xe điện và các linh kiện xe điện.
- (iii) Cung cấp các ưu đãi về chuyển giao công nghệ xe điện bên cạnh các biện pháp hỗ trợ hiện có trong các quy định hiện hành cho khách hàng, nhà nhập khẩu CBU và nhà sản xuất CKD ở quy mô địa phương và trên toàn quốc.
- (iv) Làm rõ cách các công ty sẽ xuất hóa đơn sạc điện cho người sử dụng xe điện tại các trạm sạc công cộng và tư nhân, ví dụ như các đại lý ô tô có trạm sạc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- (v) Cung cấp các ưu đãi tài chính cho những doanh nghiệp tư nhân đầu tiên đầu tư vào các mạng lưới trạm sạc cung cấp sạc nhanh DC công cộng công suất cao để đảm bảo khả năng tiếp cận, phạm vi bao quát, khả năng tương tác và một thị trường có quy mô lớn.
- (vi) Cung cấp cho chủ sở hữu xe điện những lợi ích cụ thể được quyết định ở cấp thành phố như miễn phí cầu đường, bãi đậu xe dành riêng và VIP, lối vào trung tâm thành phố, v.v.
- (vii) Đối với các biện pháp giới hạn FC, chúng tôi ủng hộ chỉ đạo của Chính phủ trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP21 và COP26. Chúng tôi khuyến nghị nên áp dụng giới hạn FC bằng phương pháp giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung (CAFE) (trọng lượng - kg) như ở EU và các nơi khác trên thế giới. Phương pháp đề xuất có thể giúp các nhà sản xuất ô tô linh hoạt hơn trong việc lập kế hoạch kinh doanh, đồng thời đảm bảo hiệu quả sử dụng nhiên liệu cần thiết. Chúng tôi rất mong được tiếp tục tham gia vào các hoạt động tham vấn liên quan đến các quy định về giới hạn FC tại Việt Nam.

c. Nhập khẩu phụ tùng tân trang

- (i) Để tuân thủ Hiệp định đã ký kết, Chính phủ nên ban hành theo EVFTA một Nghị định tương tự như Nghị định

77 về quy định CPTPP cho phép nhập khẩu các phụ tùng tân trang với sự đối xử tương tự như với hàng hóa 'như mới' với gắn nhãn cụ thể. Cho phép áp dụng cấp giấy phép và mã số do Bộ Công Thương cấp có giá trị tương đương với Nghị định 77 năm năm kể từ ngày cấp và Giấy phép nhập khẩu tân trang theo mẫu tương tự như Phụ lục 10 Nghị định 77. Chúng tôi bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến việc tham gia đối thoại và hợp tác với Chính phủ trong việc xây dựng quy định này.

4.4. Xe máy

a. Hạn chế lưu thông phương tiện giao thông cá nhân, bao gồm xe mô tô và xe gắn máy tại các thành phố lớn vào năm 2030 và chuyển đổi dừng sản xuất xe động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu hoá thạch (ICE) để chuyển sang xe điện vào năm 2050

- (i) Cân nhắc tầm quan trọng của xe máy trong cuộc sống hàng ngày, xem xét các vấn đề về tính sẵn sàng của giao thông công cộng, tính hiệu quả và thân thiện với môi trường của xe máy cũng như tác động tiềm tàng của việc hạn chế xe máy đến đời sống của người dân;
- (ii) Giải quyết ô nhiễm bằng cách tập trung vào chất lượng của phương tiện hơn là số lượng;
- (iii) Học hỏi và áp dụng các thực hành hiệu quả từ các quốc gia đã tích hợp thành công cơ sở hạ tầng giao thông công cộng tiên tiến với việc sử dụng xe máy để giảm thiểu tắc nghẽn và ô nhiễm;
- (iv) Khuyến khích Bộ Công thương mở rộng việc sử dụng nhiên liệu sinh học, bắt đầu từ E10 và nghiên cứu kỹ về nhiên liệu điện tử để triển khai trong tương lai. Bên cạnh năng lượng điện tái tạo, nhiên liệu sinh học và/hoặc nhiên liệu điện tử cần được công nhận là nguồn năng lượng xanh và sạch;
- (v) Thúc đẩy chiến dịch nâng cao nhận thức về ethanol để nêu bật lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu có hàm lượng ethanol thấp hơn; và
- (i) Xem xét áp dụng và thúc đẩy các tiêu chuẩn khí thải chặt chẽ hơn cho các loại xe máy mới như Euro 4, Euro 5. Cách tiếp cận loại bỏ dần xe máy cũ và lộ trình đề xuất của Bộ GTVT về áp dụng EURO 4 được thực hiện vào năm 2025 có thể giảm thiểu ô nhiễm không khí và lượng khí thải CO₂ một cách hiệu quả. Ngoài ra, cần thiết lập các quy trình kiểm tra thường xuyên về lượng khí thải từ xe máy đã qua sử dụng.

a. Các vấn đề về thuế và hải quan

Thuế tiêu thụ đặc biệt

- (i) Chúng tôi kêu gọi các cơ quan như Quốc hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá lại vấn đề này trong quá trình sửa đổi hoặc ban hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt mới. Việc loại trừ xe máy trên 125cc ra khỏi luật thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ mang lại nhiều lợi ích.

Giấy phép miễn thuế nhập khẩu

- (i) Mở rộng các quy định áp dụng cho ô tô, máy bay và du thuyền, miễn thuế cho tất cả MMTB nhập khẩu để sản xuất trong lĩnh vực xe máy;
- (ii) Trong thời gian chờ thực hiện khuyến nghị trên, xem xét áp dụng cách tiếp cận tương xứng đối với MMTB nhập khẩu để sản xuất cả sản phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (tức là áp thuế theo tỷ lệ với sản lượng hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt dự kiến).

Các vấn đề khác về hải quan

- (i) Áp dụng cơ chế công bố thông tin tự nguyện, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động thông báo với cơ quan hải quan về chênh lệch tồn kho của hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế và nộp thuế kịp thời;
- (ii) Tinh giản quy trình khai báo lại bằng cách (i) cho phép khai báo một lần cho nhiều mục có lỗi giống nhau; và (2) cho phép bù trừ phần chênh lệch số thuế phải nộp giữa các tờ khai cần điều chỉnh;

- (iii) Tạo danh sách hàng hóa đã được phân loại trước đó, trong quá trình thông quan hoặc kiểm tra sau thông quan để hướng dẫn doanh nghiệp xác định các tranh chấp về mã HS tiềm ẩn trong các ngành, hỗ trợ hành động phù hợp; và
- (iv) Triển khai các quy định trên diện rộng, tránh cách tiếp cận theo từng trường hợp cụ thể để cung cấp một khuôn khổ nhất quán cho doanh nghiệp.

Xe máy chạy thử trên đường

- (i) Loại bỏ yêu cầu phải có giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời;
- (ii) Kịp thời ban hành hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận kiểm định xe máy tương tự như quy định đối với ô tô; và
- (iii) Xây dựng đề án cụ thể về cấp biển số cho xe máy chạy thử nghiệm căn cứ vào mô hình của EU. Điều này đòi hỏi phải cho phép các nhà sản xuất xe máy tự xin cấp và quản lý các biển số cụ thể dành riêng cho xe máy chạy thử nghiệm.

b. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa công thức

Bộ Khoa học Công nghệ

- (i) Tổ chức chương trình tập huấn nhằm tăng cường chuyên môn, kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan thực thi (như công an kinh tế, quản lý thị trường), khuyến khích các cơ quan thực thi chủ động xử lý các hành vi vi phạm nhãn hiệu để nhận biết mà không cần trưng cầu ý kiến chuyên môn;
- (ii) Có chuyên đề thanh tra và xử lý hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực phẩm, do đây là ngành hàng có ảnh hưởng rất lớn tới an toàn và sức khỏe cộng đồng để xác định và xử lý nghiêm minh các sản phẩm có bao bì, nhãn mác xâm phạm nhãn hiệu đã được đăng ký, bảo hộ của các doanh nghiệp khác và/hoặc vi phạm chất lượng; và
- (iii) Có biện pháp để giải quyết sự không thống nhất về ý kiến chuyên môn giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ.

Bộ Công Thương

- (i) Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường thanh tra và xử lý nghiêm hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực phẩm;
- (ii) Có biện pháp yêu cầu các sàn thương mại điện tử nhanh chóng xử lý các hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu, vi phạm chất lượng và vi phạm quảng cáo khi nhận được cảnh báo từ chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc từ cơ quan chức năng; và
- (iii) Có biện pháp khuyến khích các hiệp hội, ngành hàng thực phẩm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử, trong đó thống nhất hướng dẫn chi tiết những việc nên làm và không nên làm; các doanh nghiệp cam kết sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, không vi phạm nhãn hiệu, kinh doanh và quảng cáo đúng pháp luật; có cơ chế góp ý để phát hiện, thông báo, tự khắc phục các vi phạm, và cách thức báo cáo cơ quan quản lý nếu tiếp diễn vi phạm.

Bộ Y tế

- (i) Sửa đổi các văn bản pháp luật theo hướng yêu cầu các thực phẩm cho người già, bệnh nhân, phụ nữ có thai, trẻ nhỏ phải được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương.

c. CropLife Việt Nam

a. Tăng cường ra quyết định dựa trên khoa học và bằng chứng đối với các sản phẩm khoa học thực vật và công nghệ nông nghiệp mới.

- (i) Cùng với các bên liên quan củng cố và đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích đổi mới trong nông

ng nghiệp, dựa trên hệ thống pháp lý có cơ sở khoa học minh bạch, nhất quán với các thông lệ quốc tế trong bối cảnh thực tế nông học ở Việt Nam.

- (ii) Hợp tác với nhiều bên liên quan để đưa ra những sáng kiến gốc thực vật mới nhất có thể giúp nông dân vượt qua những thách thức ngày càng phức tạp về kinh tế và môi trường thông qua các nghiên cứu điển hình hoặc giới thiệu các công nghệ nông nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ đổi mới, khuyến khích sử dụng có trách nhiệm và giảm thiểu rủi ro của thuốc trừ sâu.

b. Hợp lý hóa và tiến tới triển khai khung pháp lý toàn diện về các sản phẩm đầu vào cho nông nghiệp.

- (i) Đẩy nhanh quá trình phê duyệt cây trồng BĐG để tuân thủ các quy định hiện hành để đảm bảo không có hạn chế đối với nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, khuyến khích trồng ngô BĐG bằng cách cấp Giấy đăng ký giống cho các giống lai có tính trạng và giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

PHẦN 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

5.1. Tòa án và Trọng tài

a. Tòa án và cơ quan quản lý cạnh tranh

- (i) Duy trì khả năng dự đoán và tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo khung pháp lý phù hợp;
- (ii) Tiếp tục công bố các bản án của Tòa án các cấp;
- (iii) Công bố tất cả các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh; và
- (iv) Sửa đổi Luật Luật sư để cho phép các luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam ngay cả khi họ đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

b. Trọng tài ở Việt nam

- (i) Chúng tôi khuyến nghị Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để thống nhất hạn chế việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài;
- (ii) Quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài nên được xem xét

c. Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài người nước ngoài

- (i) Tiếp tục công bố số liệu cập nhật về hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài để tiếp tục công bố số liệu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019;
- (ii) Sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự để quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của NYC;
- (iii) Làm rõ thuật ngữ “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” bằng các tiêu chí cụ thể, rõ ràng để bảo đảm việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài tại Việt Nam minh bạch và nhất quán với quy định trong NYC;
- (iv) Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân cấp trên đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn; và
- (v) Tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và NYC.

TỔNG QUAN VỀ CÁC CHỦ ĐỀ ĐỐI VỚI TỪNG CƠ QUAN LIÊN QUAN

Văn phòng Chính phủ		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	I. Quy Định An ninh Mạng và Điều tiết Nền Kinh tế Số	76
8. Ngành Năng lượng và Điện lực	I. Năng lượng Tái tạo	118
14. Dược phẩm	III. Triển Khai Các Cơ Chế Khuyến Khích Phát Triển Hệ Sinh Thái Dược Phát Minh	175
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	I. Đẩy Nhanh Tiến Độ Sửa Đổi Luật Dược Và Các Luật, Quy Định Liên Quan	178
	II. Mở Rộng Phạm Vi Hoạt Động Của Doanh Nghiệp Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài	180
16. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán	I. Đẩy Nhanh Quy Trình Đăng Ký Lưu Hành Cho Thiết Bị Y Tế Thuộc Loại C, D	184
	II. Đấu thầu Thiết bị y tế	185
18. Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản	III. Các Phương Án Tài Chính Để Phát Triển Bền Vững Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp Và Nuôi Trồng Thủy Sản	197
20. Ngành Công nghiệp Ô Tô	I. Yêu cầu Kiểm định đối với Ngành Kinh Doanh Ô tô	205
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211
	I. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	219
23. CropLife Việt Nam		
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
Chương	Chủ đề	Trang
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
	II. Theo Dõi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	85
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	II. Tiếp Thị Điểm Đến	142
	IV. Triển Vọng Dài Hạn và Nỗ Lực Phát Triển Bền Vững	145
19. Rượu Vang và Rượu Mạnh	II. Quảng Cáo Và Khuyến Mãi	201
Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam		
Chương	Chủ đề	Trang
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	II. Tiếp Thị Điểm Đến	142
	III. Du Lịch Hưu Trí Và Du Lịch Y Tế	144
	IV. Triển Vọng Dài Hạn và Nỗ Lực Phát Triển Bền Vững	145
Bộ Giáo dục và Đào tạo		
Chương	Chủ đề	Trang
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	II. Tiếp Thị Điểm Đến	142
	III. Du Lịch Hưu Trí Và Du Lịch Y Tế	144
	IV. Triển Vọng Dài Hạn và Nỗ Lực Phát Triển Bền Vững	145
12. Nguồn Nhân lực và Đào tạo	I. Tăng Cường Giáo Dục Và Đào Tạo Mang Tính Chiến Lược Tại Việt Nam Cho Một Nền Kinh Tế Số Thịnh Vượng	161
	II. Thúc Đẩy Nâng Cao Chất Lượng Giáo Dục Và Đổi Mới Công Nghệ	162

Bộ Tài chính		
Chương	Chủ đề	Trang
7. Thuế và Chuyển giá	I. Chính Sách Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Thích Ứng Với Tác Động Của Cải Cách Thuế Suất Tối Thiểu Toàn Cầu – 15% (OECD Trụ Cột 2)	110
	II. Khấu Trừ Thuế Giá Trị Gia Tăng Đầu Vào (“GTGT”) Và Ghi Nhận Chi Phí Được Trừ Cho Mục Đích Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (“TNDN”) Đối Với Những Hóa Đơn Từ Doanh Nghiệp Bỏ Trốn	111
	III. Nâng Cao Hiệu Quả Của Cơ Chế Giải Quyết Tranh Chấp Bằng Thỏa Thuận Trước Về Phương Pháp Xác Định Giá Tính Thuế (“APA”) Hoặc Thỏa Thuận Song Phương (“MAP”)	112
	IV. Khả Năng Khấu Trừ Chi Phí Đối Với Chi Phí Tiếp Thị/Hỗ Trợ Bán Hàng Cho Khách Hàng Gián Tiếp Trong Chuỗi Phân Phối	113
8. Ngành Năng lượng và Điện lực	I. Năng Lượng Tái Tạo	118
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
	II. Đô Thị Bền Vững: Các Công Trình Xanh Và Sử Dụng Năng Lượng Hiệu Quả Trong Tòa Nhà	133
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
	II. Hải Quan	149
16. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán	II. Đầu thầu Thiết bị Y tế	185
19. Rượu Vang và Rượu Mạnh	I. Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt	200
20. Ngành Công nghiệp Ô Tô	I. Yêu Cầu Kiểm Định Đối Với Ngành Kinh Doanh Ô Tô	205
	II. Kế Hoạch Hành Động Tăng Trưởng Xanh	207
	III. Xử Lý Tái Chế Chất Thải	209
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	II. Các Vấn Đề Về Thuế Và Hải Quan	213
23. Croplife Việt Nam	II. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học Và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật Và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	221
Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia		
Chương	Chủ đề	Trang
23. Croplife Việt Nam	II. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học Và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật Và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	221
General Department of Customs		
Chương	Chủ đề	Trang
11. Vận tải và Hậu cần	II. Hải Quan	149
20. Ngành Công nghiệp Ô Tô	I. Yêu Cầu Kiểm Định Đối Với Ngành Kinh Doanh Ô Tô	205
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	II. Các Vấn Đề Về Thuế Và Hải Quan	213
Tổng cục Thuế		
Chương	Chủ đề	Trang
7. Thuế và Chuyển giá	I. Chính Sách Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Thích Ứng Với Tác Động Của Cải Cách Thuế Suất Tối Thiểu Toàn Cầu – 15% (OECD Trụ Cột 2)	110
	II. Khấu Trừ Thuế Giá Trị Gia Tăng Đầu Vào (“GTGT”) Và Ghi Nhận Chi Phí Được Trừ Cho Mục Đích Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (“TNDN”) Đối Với Những Hóa Đơn Từ Doanh Nghiệp Bỏ Trốn	111
	III. Nâng Cao Hiệu Quả Của Cơ Chế Giải Quyết Tranh Chấp Bằng Thỏa Thuận Trước Về Phương Pháp Xác Định Giá Tính Thuế (“APA”) Hoặc Thỏa Thuận Song Phương (“MAP”)	112
	IV. Khả Năng Khấu Trừ Chi Phí Đối Với Chi Phí Tiếp Thị/Hỗ Trợ Bán Hàng Cho Khách Hàng Gián Tiếp Trong Chuỗi Phân Phối	113

Bộ Ngoại giao		
Chương	Chủ đề	Trang
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	I. Chính Sách Thị Thực Nhập Cảnh Và Thủ Tục Hành Chính	114
Ministry Of Health		
Chương	Chủ đề	Trang
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	III. Du Lịch Hữu Trí Và Du Lịch Y Tế	144
14. Dược Phẩm	I. Cải Thiện Khả Năng Tiếp Cận Của Người Bệnh Đến Các Thuốc Phát Minh, Mới	170
	II. Tăng Cường Áp Dụng Các Chính Sách Tài Chính Y Tế Bền Vững Đổi Mới	174
	III. Triển Khai Các Cơ Chế Khuyến Khích Phát Triển Hệ Sinh Thái Dược Phát Minh	175
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	I. Đẩy Nhanh Tiến Độ Sửa Đổi Luật Dược Và Các Luật, Quy Định Liên Quan	178
	II. Mở Rộng Phạm Vi Hoạt Động Của Doanh Nghiệp Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài	180
	Tăng Cường Khả Năng Tiếp Cận Của Bệnh Nhân Với Các Phương Pháp Điều Trị Tiên Tiến	181
16. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán	I. Đẩy Nhanh Quy Trình Đăng Ký Lưu Hành Cho Thiết Bị Y Tế Thuộc Loại C, D	184
	II. Đầu tư Thiết bị Y tế	185
	III. Bảo Hiểm Y Tế Bổ Sung Và Quỹ Bảo Hiểm Y Tế/Kinh Phí Cho Dự Phòng Và Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu Nhằm Giảm Gánh Nặng Điều Trị	186
18. Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản	II. Thực Hiện Cách Tiếp Cận Một Sức Khỏe Trong Chăn Nuôi	196
19. Rượu Vang và Rượu Mạnh	II. Quảng Cáo Và Khuyến Mãi	201
22. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	I. Tình Trạng Xâm Phạm Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Và Vi Phạm Chất Lượng	216
Cục Quản lý Dược		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	I. Đơn Giản Hóa Thủ Tục Hành Chính Trong Quản Lý Mỹ Phẩm - Tập Trung Tăng Cường Hậu Kiểm	187
	II. Tăng Cường Áp Dụng Công Nghệ Thông Tin Và Chính Phủ Điện Tử Trong Quản Lý Mỹ Phẩm	189
	III. Phát Triển Thị Trường Mỹ Phẩm Có Tính Cạnh Tranh Công Bằng, Đảm Bảo An Toàn Cho Người Tiêu Dùng	191
Sở Y tế		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	I. Đơn Giản Hóa Thủ Tục Hành Chính Trong Quản Lý Mỹ Phẩm - Tập Trung Tăng Cường Hậu Kiểm	187
	II. Tăng Cường Áp Dụng Công Nghệ Thông Tin Và Chính Phủ Điện Tử Trong Quản Lý Mỹ Phẩm	189
Vụ Pháp chế - Bộ Y tế		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	I. Đơn Giản Hóa Thủ Tục Hành Chính Trong Quản Lý Mỹ Phẩm - Tập Trung Tăng Cường Hậu Kiểm	187

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		
Chương	Chủ đề	Trang
8. Ngành Năng lượng và Điện lực	I. Năng lượng Tái tạo	118
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
18. Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản	I. Triển Khai Nông Nghiệp Sinh Thái Và Sản Xuất Hữu Cơ Cho Rau Quả	194
	II. Thực Hiện Cách Tiếp Cận Một Sức Khỏe Trong Chăn Nuôi	196
	III. Các Phương Án Tài Chính Để Phát Triển Bền Vững Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp Và Nuôi Trồng Thủy Sản	197
23. CropLife Việt Nam	I. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	219
	II. Hợp Lý Hóa Và Tiến Tới Triển Khai Khung Pháp Lý Toàn Diện Về Các Sản Phẩm Đầu Vào Cho Nông Nghiệp	221
Cục Quản lý Môi trường Y tế		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	IV. Tình Giản Quy Trình Đăng Ký Lưu Hành Sản Phẩm Diệt Khuẩn Dùng Trên Da Có Công Thức Đơn Giản	192
Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	I. Đơn Giản Hóa Thủ Tục Hành Chính Trong Quản Lý Mỹ Phẩm - Tập Trung Tăng Cường Hậu Kiểm	187
Bộ Công Thương		
Chương	Chủ đề	Trang
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
5. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	II. Kiểm soát Sáp nhập	102
8. Năng lượng và Điện lực	I. Năng lượng Tái tạo	118
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
	II. Đô Thị Bền Vững: Các Công Trình Xanh Và Sử Dụng Năng Lượng Hiệu Quả Trong Tòa Nhà	136
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
	II. Hải Quan	149
	III. Tính Bền Vững	152
14. Dược phẩm	III. Triển Khai Các Cơ Chế Khuyến Khích Phát Triển Hệ Sinh Thái Dược Phát Minh	175
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	II. Mở Rộng Phạm Vi Hoạt Động Của Doanh Nghiệp Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài	180
18. Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản	III. Các Phương Án Tài Chính Để Phát Triển Bền Vững Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp Và Nuôi Trồng Thủy Sản	197
19. Rượu Vang và Rượu Mạnh	II. Quảng Cáo và Khuyến Mãi	201
20. Ngành Công nghiệp Ô Tô	I. Yêu Cầu Kiểm Định Đối Với Ngành Kinh Doanh Ô Tô	205
	IV. Nhập Khẩu Phụ Tùng Tàn Trang	209
22. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	I. Tình Trạng Xâm Phạm Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Và Vi Phạm Chất Lượng	216
23. CropLife Việt Nam	I. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	219
	II. Hợp Lý Hóa Và Tiến Tới Triển Khai Khung Pháp Lý Toàn Diện Về Các Sản Phẩm Đầu Vào Cho Nông Nghiệp	221
24. Tòa Án và Trọng tài	I. Tòa Án và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224

Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia		
Chương	Chủ đề	Trang
5. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	II. Kiểm soát Sáp nhập	102
17. Mỹ Phẩm	III. Phát Triển Thị Trường Mỹ Phẩm Có Tính Cạnh Tranh Công Bằng, Đảm Bảo An Toàn Cho Người Tiêu Dùng	191
Tổng cục Quản lý Thị trường		
Chương	Chủ đề	Trang
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
22. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	I. Tình Trạng Xâm Phạm Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Và Vi Phạm Chất Lượng	216
Bộ Thông tin và Truyền thông		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	I. Quy định An ninh mạng và Điều tiết nền Kinh tế Số	76
	II. Hợp Tác Chuyên Ngành Trong Việc Thúc Đẩy Ngành Công Nghiệp Bán Dẫn	79
	III. Quy Định Về Viễn Thông	81
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
	II. Theo Dõi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	85
20. Ngành Công nghiệp Ô tô	I. Yêu Cầu Kiểm Định Đối Với Ngành Kinh Doanh Ô Tô	205
Bộ Tư pháp		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	I. Quy Định Về An Ninh Mạng và Điều Tiết Nền Kinh Tế Số	76
	II. Hợp tác Chuyên Ngành Trong Việc Thúc Đẩy Ngành Công Nghiệp Bán Dẫn	79
	I. Tòa Án và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224
24. Tòa Án và Trọng tài	II. Trọng Tài Ở Việt Nam	226
	III. Công Nhận và Cho Thi Hành Phán Quyết của Trọng Tài Nước Ngoài	227
Bộ Xây Dựng		
Chương	Chủ đề	Trang
3. Xây Dựng	I. Giải Quyết Khó Khăn Liên Quan Đến Hoạt Động Phòng Cháy Và Chữa Cháy	92
4. Bất động sản	I. Căn Hộ Khách Sạn, Nhà Ở Khách Sạn, Và Văn Phòng Khách Sạn Và Thủ Tục Phê Duyệt Đầu Tư	94
	II. Bảo Vệ Quyền Lợi Của Nhà Đầu Tư Trong Trường Hợp Công Ty Phát Triển Bất Động Sản Vô Sản Hoặc Phá Sản	98
	III. Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất Cho Nước Ngoài	99
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
	II. Đô Thị Bền Vững: Các Công Trình Xanh Và Sử Dụng Năng Lượng Hiệu Quả Trong Tòa Nhà	133
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ Xây Dựng		
Chương	Chủ đề	Trang
3. Xây Dựng	I. Giải Quyết Khó Khăn Liên Quan Đến Hoạt Động Phòng Cháy Và Chữa Cháy	92
Sở Xây dựng		
Chương	Chủ đề	Trang
4. Bất động sản	III. Giấy Chứng Nhận Sử Dụng Đất Cho Người Nước Ngoài	99

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội		
Chương	Chủ đề	Trang
12. Nguồn Nhân lực và Đào tạo	I. Tổ Chức Của Người Lao Động Tại Doanh Nghiệp Và Kinh Phí Công Đoàn	155
	II. Giấy Phép Lao Động Cho Người Lao Động Nước Ngoài	157
	III. Mở Rộng Quyền Chấm Dứt Hợp Đồng Lao Động Cho Người Sử Dụng Lao Động	158
	IV. Bảo Hiểm Xã Hội Cho Người Lao Động Nước Ngoài	160
	I. Tăng Cường Giáo Dục Và Đào Tạo Mang Tính Chiến Lược Tại Việt Nam Cho Một Nền Kinh Tế Số Thịnh Vượng	161
	II. Thúc Đẩy Nâng Cao Chất Lượng Giáo Dục Và Đổi Mới Công Nghệ	162
13. Phụ Nữ trong Kinh Doanh	I. Nội Quy Lao Động Ảnh Hưởng Đến Lao Động Nữ	164
	II. Đảm Bảo Bình Đẳng Giới Trong Chuyển Đổi Số Ở Việt Nam	166
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		
13. Phụ Nữ trong Kinh Doanh	I. Nội Quy Lao Động Ảnh Hưởng Đến Lao Động Nữ	164
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam		
12. Nguồn Nhân lực và Đào tạo	I. Tổ Chức Của Người Lao Động Tại Doanh Nghiệp Và Kinh Phí Công Đoàn	155
Bộ Tài nguyên và Môi trường		
Name Chapter	Topic	Pages
4. Bất động sản	I. Căn Hộ Khách Sạn, Nhà Ở Khách Sạn, Và Văn Phòng Khách Sạn Và Thủ Tục Phê Duyệt Đầu Tư	94
	II. Bảo Vệ Quyền Lợi Của Nhà Đầu Tư Trong Trường Hợp Công Ty Phát Triển Bất Động Sản Vô Sản Hoặc Phá Sản	98
5. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	I. Tiêu Chuẩn Môi Trường, Xã Hội Và Quản Trị	101
8. Năng lượng và Điện lực	I. Năng Lượng Tái Tạo	118
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
	II. Đô Thị Bền Vững: Các Công Trình Xanh Và Sử Dụng Năng Lượng Hiệu Quả Trong Tòa Nhà	133
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	IV. Triển Vọng Dài Hạn và Nỗ Lực Phát Triển Bền Vững	145
11. Vận tải và Hậu cần	III. Tính Bền Vững	152
18. Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp và Nuôi Trồng Thủy Sản	I. Triển Khai Nông Nghiệp Sinh Thái Và Sản Xuất Hữu Cơ Cho Rau Quả	194
	II. Thực Hiện Cách Tiếp Cận Một Súc Khỏe Trong Chăn Nuôi	196
	III. Các Phương Án Tài Chính Để Phát Triển Bền Vững Ngành Thực Phẩm, Nông Nghiệp Và Nuôi Trồng Thủy Sản	197
20. Ngành Công nghiệp Ô tô	II. Kế Hoạch Hành Động Tăng Trưởng Xanh	207
23. CropLife Việt Nam	I. Tăng Cường Ra Quyết Định Dựa Trên Khoa Học và Bằng Chứng Đối Với Các Sản Phẩm Khoa Học Thực Vật và Công Nghệ Nông Nghiệp Mới	219
	II. Hợp Lý Hóa Và Tiến Tới Triển Khai Khung Pháp Lý Toàn Diện Về Các Sản Phẩm Đầu Vào Cho Nông Nghiệp	121
Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
Name Chapter	Topic	Pages
4. Bất động sản	I. Căn Hộ Khách Sạn, Nhà Ở Khách Sạn, Và Văn Phòng Khách Sạn Và Thủ Tục Phê Duyệt Đầu Tư	94
	II. Bảo Vệ Quyền Lợi Của Nhà Đầu Tư Trong Trường Hợp Công Ty Phát Triển Bất Động Sản Vô Sản Hoặc Phá Sản	98
	III. Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất Cho Nước Ngoài	99

Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
Name Chapter	Topic	Pages
5. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	I. Tiêu Chuẩn Môi Trường, Xã Hội Và Quản Trị	101
	I. Lập Danh Mục Các Dự Án Khả Thi Về Mặt Thương Mại	104
6. Đối tác Công - Tư	II. Nâng Cao Năng Lực Và Sự Phối Hợp Giữa Các Cơ Quan Chính Phủ	106
	III. Hợp Lý Hóa Các Quy Định Thực Hiện Chi Tiết	107
8. Năng lượng và Điện lực	I. Năng Lượng Tái Tạo	116
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
	III. Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất Cho Nước Ngoài	133
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
	III. Tính Bền Vững	152
14. Dược phẩm	III. Triển Khai Các Cơ Chế Khuyến Khích Phát Triển Hệ Sinh Thái Dược Phát Minh	175
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	II. Mở Rộng Phạm Vi Hoạt Động Của Doanh Nghiệp Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài	180
16. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán	II. Đầu Thầu Thiết bị Y tế	185
Bộ Công an		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	I. Quy Định An Ninh Mạng Và Điều Tiết Nền Kinh Tế Số	76
	II. Hợp tác Chuyên Ngành Trong Việc Thúc Đẩy Ngành Công Nghiệp Bán Dẫn	79
3. Xây dựng	I. Giải Quyết Khó Khăn Liên Quan Đến Hoạt Động Phòng Cháy Và Chữa Cháy	92
4. Bất động sản	I. Căn Hộ Khách Sạn, Nhà Ở Khách Sạn, Văn Phòng Khách Sạn Và Thủ Tục Phê Duyệt Đầu Tư	94
	III. Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất Cho Người Nước Ngoài	99
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	I. Chính Sách Thị Thực Nhập Cảnh & Và Thủ Tục Hành Chính	141
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
Cục Quản lý Xuất nhập cảnh		
Chương	Chủ đề	Trang
10. Du Lịch và Nhà Hàng - Khách Sạn	I. Chính Sách Thị Thực Nhập Cảnh & Và Thủ Tục Hành Chính	141
Bộ Quốc phòng		
Chương	Chủ đề	Trang
4. Bất động sản	III. Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất Cho Người Nước Ngoài	99
Bộ Khoa học và Công nghệ		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ thuật số	I. Quy Định An ninh Mạng và Điều tiết Nền Kinh tế Số	76
	II. Hợp tác Chuyên Ngành Trong Việc Thúc Đẩy Ngành Công Nghiệp Bán Dẫn	79
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
	II. Theo Dõi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	85
13. Phụ Nữ trong Kinh Doanh	II. Đảm Bảo Bình Đẳng Giới Trong Chuyển Đổi Số Ở Việt Nam	166

Bộ Khoa học và Công nghệ		
Chương	Chủ đề	Trang
14. Dược phẩm	III. Triển Khai Các Cơ Chế Khuyến Khích Phát Triển Hệ Sinh Thái Dược Phát Minh	175
20. Ngành Công nghiệp Ô tô	II. Kế Hoạch Hành Động Tăng Trưởng Xanh	207
22. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	I. Tình Trạng Xâm Phạm Quyền Sở Hữu Trí Tuệ Và Vi Phạm Chất Lượng	216
Bộ Giao thông Vận tải		
Chương	Chủ đề	Trang
6. Đối tác Công - Tư	I. Lập Danh Mục Các Dự Án Khả Thi Về Mặt Thương Mại	104
9. Tăng Trưởng Xanh	I. Mô Hình Kinh Tế Tuần Hoàn	128
11. Vận tải và Hậu cần	I. Cơ Sở Hạ Tầng	147
	III. Tính Bền Vững	152
	I. Yêu Cầu Kiểm Định Đối Với Ngành Kinh Doanh Ô Tô	207
	II. Kế Hoạch Hành Động Tăng Trưởng Xanh	209
	IV. Nhập Khẩu Phụ Tùng Tàn Trang	209
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211
Department Of Transport (HCMC, Hanoi, Da Nang)		
Chương	Chủ đề	Trang
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211
National Assembly		
Chương	Chủ đề	Trang
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	I. Đẩy Nhanh Tiến Độ Sửa Đổi Luật Dược Và Các Luật, Quy Định Liên Quan	178
	II. Mở Rộng Phạm Vi Hoạt Động Của Doanh Nghiệp Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài	180
Ủy ban Pháp luật của Quốc hội		
Chương	Chủ đề	Trang
24. Tòa Án và Trọng tài	I. Tòa Án và Cơ quan Quản Lý Cạnh tranh	224
Ủy ban Xã hội của Quốc hội		
Chương	Chủ đề	Trang
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	Tăng cường Khả năng Tiếp Cận của Bệnh Nhân với các Phương pháp Điều trị Tiên tiến	181
Ủy ban Tư pháp của Quốc hội		
Chương	Chủ đề	Trang
24. Tòa Án và Trọng tài	I. Tòa Án và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224
Ủy ban Kinh tế của Quốc hội		
Chương	Chủ đề	Trang
24. Tòa Án và Trọng tài	I. Tòa Án và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224
	II. Trọng Tài Ở Việt Nam	226
	III. Công Nhận và Cho Thi Hành Phán Quyết của Trọng Tài Nước Ngoài	227

Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	3. Quy Định Về Viễn Thông	81
Tòa án Nhân dân tối cao		
Chương	Chủ đề	Trang
2. Quyền Sở hữu Trí tuệ	I. Thực Thi Quyền Sở Hữu Trí Tuệ	83
	I. Tòa Án và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224
24. Tòa Án và Trọng tài	II. Trọng Tài Ở Việt Nam	226
	III. Công Nhận và Cho Thi Hành Phán Quyết của Trọng Tài Nước Ngoài	227
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao		
Chương	Chủ đề	Trang
	I. Tòa Án Và Cơ Quan Quản Lý Cạnh Tranh	224
24. Tòa Án và Trọng tài	II. Trọng Tài Ở Việt Nam	226
	III. Công Nhận và Cho Thi Hành Phán Quyết của Trọng Tài Nước Ngoài	227
Cục Viễn thông		
Chương	Chủ đề	Trang
1. Kỹ Thuật Số	III. Quy Định Về Viễn Thông	81
Cục Viễn thông		
Chương	Chủ đề	Trang
12. Nguồn Nhân lực và Đào tạo	IV. Bảo Hiểm Xã Hội Cho Người Lao Động Nước Ngoài	160
	I. Cải Thiện Khả Năng Tiếp Cận Của Người Bệnh Đến Các Thuốc Phát Minh, Mới	170
14. Dược phẩm	II. Tăng Cường Áp Dụng Các Chính Sách Tài Chính Y Tế Bền Vững Đối Mới	174
15. Thuốc Chất Lượng Quốc Tế (IQMED) - Generic và Sinh Phẩm Tương Tự	Tăng Cường Khả Năng Tiếp Cận Của Bệnh Nhân Với Các Phương Pháp Điều Trị Tiên Tiến	181
	II. Đầu thầu Thiết bị Y tế	185
16. Trang Thiết Bị Y Tế và Chẩn Đoán	III. Bảo Hiểm Y Tế Bổ Sung Và Quỹ Bảo Hiểm Y Tế/ Kinh Phí Cho Dự Phòng Và Chăm Sóc Sức Khỏe Ban Đầu Nhằm Giảm Gánh Nặng Điều Trị	186
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Chương	Chủ đề	Trang
4. Bất động sản	II. Bảo Vệ Quyền Lợi Của Nhà Đầu Tư Trong Trường Hợp Công Ty Phát Triển Bất Động Sản Vô Sản Hoặc Phá Sản	98
Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	III. Phát Triển Thị Trường Mỹ Phẩm Có Tính Cạnh Tranh Công Bằng, Đảm Bảo An Toàn Cho Người Tiêu Dùng	191
Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		
Chương	Chủ đề	Trang
17. Mỹ Phẩm	II. Tăng Cường Áp Dụng Công Nghệ Thông Tin Và Chính Phủ Điện Tử Trong Quản Lý Mỹ Phẩm	189
Ủy ban EPR Quốc gia		
Chương	Chủ đề	Trang
9. Tăng Trưởng Xanh	III. Quy Định Về Trách Nhiệm Mở Rộng Của Nhà Sản Xuất	136

Văn phòng EPR		
Chương	Chủ đề	Trang
9. Tăng Trưởng Xanh	III. Quy Định Về Trách Nhiệm Mở Rộng Của Nhà Sản Xuất	136
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam		
Chương	Chủ đề	Trang
9. Tăng Trưởng Xanh	III. Quy Định Về Trách Nhiệm Mở Rộng Của Nhà Sản Xuất	136
Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội		
Chương	Chủ đề	Trang
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211
Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng		
Chương	Chủ đề	Trang
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211
Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh		
Chương	Chủ đề	Trang
21. Ngành Công nghiệp Xe Máy	I. Hạn Chế Lưu Thông Phương Tiện Giao Thông Cá Nhân, Bao Gồm Xe Mô Tô và Xe Gắn Máy Tại Các Thành Phố Lớn Vào Năm 2030 Và Loại Bỏ Dẫn Xe Động Cơ Đốt Trong (ICE) Để Chuyển Sang Xe Điện Vào Năm 2050	211

GIỚI THIỆU VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU - VIỆT NAM

TỔNG QUAN

Vào ngày 1 tháng 8 năm 2020, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực sau mười năm đàm phán, với đỉnh điểm là việc EVFTA được Nghị viện châu Âu phê chuẩn vào ngày 12 tháng 2 năm 2020 và Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn vào ngày 30 tháng 3 năm 2020. Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn cả EVFTA và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVIPA). Tuy nhiên, Hiệp định EVIPA vẫn đang trong quá trình chờ phê chuẩn của 27 Quốc gia Thành viên Liên minh châu Âu. Tính đến tháng 8 năm 2023, EVFTA đã có hiệu lực hơn ba năm. Trong giai đoạn này, hầu hết các cam kết của Hiệp định này đã bắt đầu được triển khai trên thực tế, bao gồm các cam kết về thuế quan, mở cửa thị trường dịch vụ, tạo thuận lợi cho đầu tư, mua sắm công và các khung pháp lý.

Là một cam kết song phương với những ưu đãi và giá trị lâu dài, EVFTA đã đạt được những kết quả tích cực kể từ khi có hiệu lực. Kim ngạch xuất nhập khẩu với EU trong năm đầu tiên và năm thứ hai kể từ khi EVFTA có hiệu lực lần lượt là 54,9 tỷ Đô-la Mỹ và 61,4 tỷ Đô-la Mỹ với mức tăng bình quân hàng năm là 11,9%. Năm 2022, xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 46,83 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 16,7 % so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam¹. Theo số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam, trong mười tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sang EU đạt 36,3 tỷ Đô-la Mỹ², giảm 8,74% so với cùng kỳ năm 2022.³ Các số liệu được cập nhật chủ yếu là điện thoại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, hàng may mặc và dệt may, máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, giày dép, túi xách, ví, gỗ và sản phẩm bằng gỗ và thủy sản⁴. Đồng thời, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là linh kiện, phụ tùng ô tô, ô tô nguyên chiếc và đồ gia dụng từ E, tổng trị giá 12,6 tỷ Đô-la Mỹ, giảm nhẹ 1,4% so với năm 2021.⁵ Năm 2022, thị phần Việt Nam là 1,7%, cao hơn các nước ASEAN.⁶ Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu đang dần được đẩy mạnh sang các thị trường nhỏ hơn và thị trường ngách như Đông Âu, Nam Âu, Bắc Âu.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể, bằng chứng là sự tăng trưởng cả về vốn đăng ký mới và vốn bổ sung. Xu hướng này thể hiện niềm tin không ngừng của các nhà đầu tư EU đối với môi trường đầu tư của Việt Nam. Tính đến tháng 8 năm 2022, 25 trong số 27 Quốc gia Thành viên EU đã đầu tư hơn 27,6 tỷ Đô-la Mỹ vào 2.384 dự án tại Việt Nam, với lượng đầu tư cao nhất từ Hà Lan và Pháp⁷. Tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2022, lũy kế đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ các nhà đầu tư EU lên tới khoảng 2,46 tỷ Đô-la Mỹ, bao gồm vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn thông qua cổ phần, chiếm 8,87% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.⁸ Tổng số dự án mới từ các quốc gia thành viên EU trong năm nay là 157, tương đương 7,71% tổng số dự án mới tại Việt Nam tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2022.⁹ Trong sáu tháng đầu năm 2023, EU đã đầu tư khoảng 1,3 tỷ Đô-la Mỹ vào Việt Nam. Lượng đầu tư đáng kể nhất đến từ các nước Hà Lan, Thụy Điển, Đức, và Đan Mạch.¹⁰

1 "Bringing Vietnamese goods deeper into the EU: Still have to overcome many barriers", VnEconomy, ngày 19 tháng 9 năm 2023. Xem tại: < <https://vneconomy.vn/dua-hang-viet-tham-nhap-sau-vao-eu-con-phai-vuot-nhiều-rao-can.htm#:~:text=5%E1%BB%91%20%E1%BB%87%20c%E1%BB%A7a%20T%E1%BB%95ng%20c%E1%BB%A5c%3%A0ng%20h%C3%B3a%20c%E1%BB%A7a%20V%E1%BB%87%20Nam.>> Truy cập lần cuối ngày 2 tháng 1 năm 2023.

2 "Xuất nhập khẩu đã vượt mốc 600 tỷ USD", Báo điện tử Chính phủ, ngày 3 tháng 12 năm 2023. Xem tại: <https://baohinhphu.vn/xuat-nhap-khau-da-vuot-moc-600-ty-usd-102231203114833097.htm>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2023.

3 "Tận dụng EVFTA, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang EU", Kinh tế đô thị, 21 December 2023, xem tại: <https://kinhtedothi.vn/tan-dung-evfta-day-manh-xuat-khau-hang-hoa-sang-eu.html>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 12 năm 2023. "EVFTA presents opportunities and challenges for exporters in 2023", Online newspaper of the WTO Center, ngày 21 tháng 12 năm 2022, xem tại: <https://wtocenter.vn/chuyen-de/21039-evfta-presents-opportunities-and-challenges-for-exporters-in-2023>

4 Báo cáo hai năm thực thi EVFTA của Bộ Công Thương, Báo cáo của bà Nguyễn Thảo Hiền, Báo Công Thương phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu, Vụ Thị trường Âu - Mỹ (Bộ Công Thương) tổ chức Hội thảo "Xuất khẩu sang các thị trường FTA: Giải bài toán phát triển bền vững."

5 "Đưa kim ngạch thương mại Việt Nam - EU sớm đạt mốc 100 tỷ USD", Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 2 tháng 11 năm 2023, xem tại: <https://dangcongsan.vn/lanh-dao-dang-nha-nuoc/dua-kim-ngach-thuong-mai-viet-nam-eu-som-dat-moc-100-ty-usd-650988.html>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2023

6 "Vietnam - EU relations to be strengthened", VnEconomy, ngày 10 tháng 11 năm 2023, Xem tại: <https://vneconomy.vn/vietnam-eu-relations-to-be-strengthened.htm#:~:text=Vietnam%20market%20share%20in%20the,and%20Singapore%200.7%20per%20cent>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2023

7 "Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU vào Việt Nam: Thực trạng và hàm ý chính sách", Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, Ministry of Science and Technology of Vietnam. Xem tại < <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/6957/da-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-tu-eu-vao-viet-nam-thuc-trang-va-ham-y-chinh-sach.aspx>>. Truy cập lần cuối ngày 3 tháng 1 năm 2023.

8 "December 2022 report on foreign direct investment", Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam

9 Đã dẫn.

10 "Vietnam's Trade & Investment With The European Union Following The 2020 EVFTA", Vietnam Briefing, ngày 12 tháng 7 năm 2023, xem tại: <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-trade-investment-with-the-european-union-following-the-2020-evfta.html/#conclusionsHeader>, truy cập lần cuối ngày 16 tháng 12 năm 2023

Đã có sự thay đổi trong chiến lược đầu tư từ EU, thể hiện cách tiếp cận đa dạng hơn so với FDI từ Nhật Bản hay Hàn Quốc. Các khoản đầu tư của EU được phân bổ rộng rãi trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, bao gồm 18 trên 21 lĩnh vực. Việc thực hiện các cam kết trong EVFTA về mở cửa thị trường đã tạo môi trường thuận lợi để Việt Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực mà châu Âu có tiềm năng và nền kinh tế Việt Nam có nhiều hứa hẹn. Tăng cường tự do hóa đầu tư của EU vào Việt Nam, đặc biệt rõ trong một số ngành dịch vụ như ngân hàng, viễn thông, vận tải, hậu cần. Ngoài ra, ngoài các ngành xây dựng, công nghiệp chế biến, sản xuất công nghệ cao và năng lượng xanh cũng đang hưởng lợi đáng kể từ các khoản đầu tư của EU

Tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2020, Việt Nam đã ban hành tổng số 180.551 giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) đã được cấp cho hàng hóa xuất khẩu sang EU;¹¹ với tổng giá trị là 18,7 tỷ Đô-la Mỹ¹², chiếm hơn 20,2% kim ngạch xuất khẩu sang EU. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU và Anh sử dụng C/O mẫu EUR.1 đạt 2,542 tỷ USD, chiếm 4,91% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước đã phê chuẩn Hiệp định CPTPP.¹³ Mặc dù con số này không cao bằng 25,89% và 23,54% đối với các nước thành viên khác, nhưng một số mặt hàng đã cho thấy tỷ lệ sử dụng ấn tượng đối với C/O mẫu EUR.1. Các loại hàng bao gồm sợi và sợi dệt, vải kỹ thuật (gần 100%), giày dép (99,51%), thủy sản (82,94%), nhựa và các sản phẩm nhựa (79,44%). Trong mười tháng đầu năm 2022, tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ Hiệp định EVFTA ở mức 25,1%, tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm ngoái.¹⁴ Sau hơn 2 năm rưỡi thực thi EVFTA, giày dép là mặt hàng có giá trị C/O cao nhất.¹⁵

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ VÀ TÓM TẮT CÁC ĐIỂM CHÍNH

EVFTA là hiệp định thương mại đầu tư toàn diện và tham vọng nhất mà EU từng ký kết với một nước đang phát triển. Đây là hiệp định thứ hai trong khu vực ASEAN sau hiệp định với Singapore và tăng cường quan hệ song phương giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Thông qua hiệp định này, Việt Nam hiện đã tiếp cận được thị trường khoảng 448 triệu dân với GDP bình quân là 16,2 nghìn tỷ đô-la Mỹ. Trong khi đó, các nhà xuất khẩu và nhà đầu tư từ EU hiện có cơ hội tiếp cận một trong những quốc gia lớn nhất và phát triển nhanh nhất trong khu vực.

Hải quan và Thuế quan

Gần như tất cả các loại thuế hải quan - hơn 99% tất cả các dòng thuế - sẽ được xóa bỏ trong bảy năm tới. Phần còn lại sẽ được tự do hóa một phần thông qua hạn ngạch miễn thuế. Việt Nam đã tự do hóa khoảng 65% giá trị hàng hóa xuất khẩu của EU, chiếm khoảng một nửa số dòng thuế, khi có hiệu lực. Các loại thuế còn lại sẽ được loại bỏ trong thập kỷ tới.

Thời gian qua, EU đã đồng ý loại bỏ thuế đối với 84% số dòng thuế và 71% giá trị thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam bắt đầu từ ngày 01 tháng 8 năm 2020. Nhờ EVFTA, các ngành dự kiến được hưởng lợi nhiều nhất là các ngành xuất khẩu chính của Việt Nam trước đây từng chịu mức thuế cao từ EU, bao gồm dệt may, da giày và nông sản. Tự do hóa thương mại hoàn toàn sẽ diễn ra trong 4 năm tới.

So với các hiệp định tương tự, Việt Nam được hưởng lợi nhiều hơn từ EVFTA vì tính chất bổ sung giữa hai thị trường Việt Nam và EU. Nói cách khác, Việt Nam xuất khẩu những mặt hàng mà EU không sản xuất với số lượng lớn hoặc hoàn toàn không sản xuất như các sản phẩm thủy sản hoặc trái cây nhiệt đới. Ngược lại, các sản phẩm của EU nhập khẩu vào Việt Nam cũng là những mặt hàng Việt Nam không sản xuất trong nước, bao gồm máy móc, máy bay và dược phẩm chất lượng cao.

Với khả năng tiếp cận thị trường tốt hơn đối với hàng hóa từ EU, doanh nghiệp Việt Nam có thể tìm được nguồn nguyên liệu, công nghệ và thiết bị của EU với chất lượng và giá cả tốt hơn. Điều này giúp doanh nghiệp cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm bớt sự phụ thuộc của Việt Nam vào các đối tác thương mại khác.

EVFTA được coi là khuôn mẫu để EU tiếp tục ký kết FTA với các nước ASEAN khác. Cần lưu ý rằng EU cũng đã đàm phán các thỏa thuận song phương với các nước khác trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Philippines và

¹¹ Các hàng hóa như giày dép, thủy sản, hàng dệt may, nông sản, ngũ cốc và hàng điện tử.

¹² “Doanh nghiệp tiếp tục tận dụng các ưu đãi từ EVFTA”, Báo Công an Nhân dân, ngày 16 tháng 6 năm 2021. Xem tại: <https://en.cand.com.vn/Business/Businesses-continue-to-utilise-incentives-from-EVFTA-i589183/>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

¹³ “Utilization of tariff preferences under Vietnam’s FTAs in 2022”, WTO Center, ngày 15 tháng 5 năm 2023. Xem tại: < [¹⁴ “Evaluation of implementation results of the EVFTA compared to other FTAs from an export perspective”, Seminar of VCCI & MOIT, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 11 năm 2022.](https://wtocenter.vn/thong-ke/21922-utilization-of-tariff-preferences-under-vietnams-ftas-in-2022#:~:text=In%202022%2C%20export%20turnover%20using,preferential%20C%2FO%20form%20EUR>”, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 12 năm 2023.</p>
</div>
<div data-bbox=)

¹⁵ Dẫn đầu

Indonesia. Đây đều là những quốc gia cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong việc xuất khẩu hàng hóa sang EU. Đây là bước đệm để hướng tới mục tiêu ký kết một hiệp định giữa các khu vực sau khi đạt đủ số lượng thỏa thuận quan trọng với từng quốc gia ASEAN.¹⁶ Quá trình này có thể mất khoảng 10 năm. Vì vậy, Việt Nam nên tận dụng cơ hội này để trở thành một trung tâm của khu vực trước khi FTA với các nước trong khu vực có hiệu lực. Theo EVFTA, vấn đề về các lô hàng nhập khẩu từ châu Âu nhưng được chia nhỏ tại cảng trung gian ở nước thứ ba như Singapore đã được giải quyết trong FTA và hiện đang diễn ra thuận lợi sau một số khó khăn ban đầu, do các cơ quan chức năng của Việt Nam đã chấp nhận xuất xứ FTA cho các lô hàng đã tách hoặc lưu kho ở Singapore khi tuân thủ đầy đủ quy tắc không thay đổi.

Để bù đắp cho nguồn thu giảm do giảm thuế nhập khẩu, Việt Nam đã áp dụng một bộ thuế trong nước nhằm bù đắp hoặc thậm chí bù đắp quá mức cho việc giảm thuế lũy tiến. Trên thực tế, các nhà xuất khẩu châu Âu đang phải chịu bất lợi gấp đôi do việc tăng thuế trong nước đã được áp dụng trong khi việc giảm thuế nhập khẩu diễn ra từ từ trong vòng 10 năm thực hiện, từ đó dẫn đến mức thuế tổng thể cao hơn.

Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTDB) đã được đưa ra và trên lý thuyết là được áp dụng cho 12 mặt hàng, nhưng hiện tại, loại thuế này chủ yếu ảnh hưởng đến nhập khẩu rượu vang và rượu mạnh, ô tô cũng như áp dụng cho cả các sản phẩm trong nước. Tuy nhiên, tác động giá trị cao hơn đối với hàng nhập khẩu do một thực tế là chúng thường có giá cao hơn so với hàng trong nước.

Tiếp cận Thị trường cho các Nhà cung cấp Dịch vụ ở Liên minh châu Âu

Mặc dù các cam kết WTO của Việt Nam được sử dụng làm cơ sở cho các cam kết dịch vụ của EVFTA, Việt Nam không chỉ mở thêm các ngành và phân ngành cho các nhà cung cấp dịch vụ của EU mà còn thực hiện các cam kết cao hơn những gì được đề ra trong WTO, tạo điều kiện tốt nhất có thể cho các doanh nghiệp EU tiếp cận thị trường Việt Nam. Các ngành và phân ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh của WTO nhưng nằm trong EVFTA, bao gồm các dịch vụ nghiên cứu và phát triển liên ngành; dịch vụ điều dưỡng, vật lý trị liệu và nhân viên điều dưỡng; dịch vụ đóng gói; dịch vụ hội chợ và triển lãm thương mại; và dịch vụ vệ sinh tòa nhà.

Rào cản Kỹ thuật đối với Thương mại

Các điều khoản nhằm giải quyết các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) trong EVFTA nằm ngoài các nghĩa vụ của Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại của WTO. Các điều khoản này là cần thiết để đảm bảo việc áp dụng các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra những trở ngại không cần thiết cho thương mại.¹⁷

Tuy nhiên, các quy tắc của EVFTA về TBT không có hiệu lực ngay lập tức. Việt Nam đã sử dụng giai đoạn chuyển tiếp tạm thời vốn được đưa ra để thích ứng với các quy tắc của EVFTA để dựng lên các rào cản thương mại mới, thậm chí đôi khi còn trái ngược với nội dung của hiệp định. Vấn đề tương tự cũng xảy ra với Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) trong lĩnh vực mỹ phẩm. Điều không may là EVFTA đã không đề cập cụ thể đến vấn đề CFS, không giống như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vốn có một điều khoản cụ thể về CFS. Do đó, mỹ phẩm có xuất xứ từ các nước CPTPP được miễn CFS, nhưng mỹ phẩm từ các nước châu Âu thì không, dẫn đến sự đối xử không thuận lợi giữa hai khu vực.

Các biện pháp Vệ sinh và Kiểm dịch động thực vật

Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) là cần thiết để đảm bảo an toàn trong kinh doanh thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, các biện pháp này đôi khi bị lạm dụng như một hàng rào bảo hộ. Các điều khoản SPS trong EVFTA bao hàm EU như một thực thể, vì vậy không cần thiết phải đàm phán tiếp cận riêng đối với các quốc gia thành viên. Một điều khoản liên quan khác là quy định về khu vực hóa, có nghĩa là, trong trường hợp có vấn đề, chỉ hàng hóa nhập khẩu từ khu vực có nguy cơ mới bị ngăn chặn. Cuối cùng, EVFTA giới thiệu một hệ thống 'niêm yết trước', đặc biệt có lợi cho thuận lợi hóa thương mại. Theo hệ thống này, Việt Nam chấp nhận các quyết định của các cơ sở EU liên quan đến các biện pháp SPS. Trong trường hợp không chắc chắn, Việt Nam có quyền lựa chọn tiến hành kiểm tra riêng, nhưng bằng chi phí của mình.

Quy tắc Xuất xứ

Quy tắc xuất xứ (ROO) được sử dụng để liên kết sản phẩm với một quốc gia và được sử dụng để cấp ưu đãi thuế

¹⁶ Các cuộc đàm phán và thỏa thuận của EU. Xem tại: <<http://ec.europa.eu/trade/policy/countries-and-regions/negotiations-and-agreements/>>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 3 năm 2021.

¹⁷ "Hướng dẫn các Hiệp định Thương mại và Đầu tư Liên minh châu Âu - Việt Nam", Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam. Xem tại: https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/june/tradoc_154622.pdf, truy cập lần cuối ngày 7 tháng 8 năm 2021.

quan cho sản phẩm dựa trên xuất xứ của sản phẩm đó. Các đặc điểm chính của ROO trong EVFTA cũng giống như các đặc điểm trong Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập của EU (GSP) và Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu-Singapore. Các quy tắc này có thể được áp dụng linh hoạt với một số hạn chế nhất định dựa trên tình hình cụ thể của Việt Nam, chẳng hạn như đối với các sản phẩm có chứa đường và sữa, các sản phẩm thép, máy móc cơ khí và thiết bị điện. Đơn giản hóa một số điểm sẽ đảm bảo độ linh hoạt tương tự như các quy định về GSP cho cả Việt Nam và EU. Một số nguyên tắc bao gồm trong Nghị định thư về Quy tắc xuất xứ là không thay đổi, chứng nhận và tự chứng nhận, tích lũy và hoàn thuế đều được cho phép.¹⁸

Chỉ dẫn Địa lý

Chỉ dẫn địa lý (GI) là một ký hiệu phân biệt được sử dụng để xác định sản phẩm có xuất xứ từ lãnh thổ của một quốc gia, khu vực hoặc địa phương cụ thể nơi chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc điểm khác của sản phẩm đó chỉ có ở nơi xuất xứ được chỉ định.¹⁹ Nếu một sản phẩm được cấp chứng nhận GI, sản phẩm đó sẽ được bảo vệ tốt hơn khỏi bị lạm dụng hoặc làm giả trên toàn thế giới. Việt Nam, nhận thức được giá trị của chỉ dẫn địa lý, đã mở rộng đáng kể đăng ký chỉ dẫn địa lý của quốc gia để làm nổi bật và phát huy chuyên môn và truyền thống khu vực, như một phần của các sáng kiến như “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Với những phát triển này, sẽ hợp lý khi cập nhật danh sách các chỉ dẫn địa lý được công nhận lẫn nhau theo EVFTA.

Quyền sở hữu trí tuệ

EVFTA bao gồm một số cải thiện tích cực trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ, mang lại lợi ích cho cả chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và người tiêu dùng. Những cải thiện này liên quan đến bản quyền, nhãn hiệu, thiết kế, bằng sáng chế, bảo hộ giống cây trồng, bảo vệ dữ liệu và thông tin không tiết lộ, chỉ dẫn địa lý và thực thi pháp luật.

Bất chấp những nỗ lực của chính phủ Việt Nam nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (IPR), việc thực thi pháp luật hiện hành vẫn là một thách thức đáng kể đối với các nhà sản xuất các sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ của EU. Có hàng loạt các sản phẩm giả mạo trên thị trường, bao gồm hàng may mặc, phụ kiện, sản phẩm thực phẩm, rượu vang và rượu mạnh, mỹ phẩm, dược phẩm, phần mềm máy tính, phụ tùng xe, dầu nhờn động cơ, sản phẩm cơ điện và điện tử tiêu dùng. Những mặt hàng giả này chưa bị hạn chế một cách hiệu quả và chủ sở hữu mặt hàng thường gặp phải gánh nặng bằng chứng vô lý khi cố gắng thực thi quyền của họ. Để giải quyết vấn đề này, cần có lập trường chủ động hơn từ các cơ quan thực thi pháp luật tại Việt Nam.

Mua sắm Công

Mặc dù Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ đầu tư công trên GDP cao nhất thế giới với 39%/năm từ năm 1995,²⁰ Việt Nam vẫn chưa đồng ý đưa hoạt động mua sắm công vào Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (GPA) của WTO. Mặc dù Việt Nam đã trở thành quan sát viên của GPA vào năm 2012, nhưng Việt Nam hiện vẫn chưa cam kết với các tiêu chuẩn của mình.²¹

Đây là lần đầu tiên Việt Nam cam kết thực hiện điều này trong EVFTA. Các cam kết EVFTA về mua sắm công chủ yếu đề cập đến nghĩa vụ đối xử bình đẳng giữa các nhà thầu EU, hoặc các nhà thầu trong nước có vốn đầu tư của EU và các nhà thầu Việt Nam.

Theo EVFTA, Việt Nam đã thực hiện các cam kết mới liên quan đến mua sắm chính phủ. Các cam kết này tập trung vào việc đảm bảo đối xử công bằng cho cả nhà thầu EU và các nhà thầu trong nước với đầu tư của EU, ngang bằng với các nhà thầu Việt Nam, khi chính phủ mua hàng hóa hoặc yêu cầu dịch vụ với số lượng quy định. Việt Nam cam kết tuân thủ các nguyên tắc chung về đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử. FTA cũng yêu cầu các bên đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên các nguyên tắc công bằng và khách quan, đánh giá và giao thầu chỉ dựa trên các tiêu chí nêu trong thông báo và tài liệu mời thầu, đồng thời tạo ra một cơ chế hiệu quả cho các khiếu nại và giải quyết tranh chấp.²² Các quy định này yêu cầu các bên đảm bảo thủ tục đấu thầu đáp ứng các cam kết đã xác định và bảo vệ lợi ích của mình, từ đó giúp Việt Nam giải quyết vấn đề giao thầu cho các nhà cung cấp dịch vụ giá rẻ nhưng chất lượng thấp.

Gần đây, có một số trường hợp vi phạm quy định về đấu thầu dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Hành vi này không

¹⁸ Đã dẫn.

¹⁹ Đã dẫn.

²⁰ “Đầu tư của Việt Nam: % trong GDP”, CEIC. Xem tại: <www.ceicdata.com/en/country/vietnam>, truy cập lần cuối vào ngày 29 tháng 3 năm 2021.

²¹ “Hiệp định về Mua sắm công – Các Bên tham gia và Bên Quan sát”, Tổ chức Thương mại Thế giới. Xem tại: <https://www.wto.org/english/tratop_e/gproc_e/memobs_e.htm>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 12 năm 2023.

²² Chương 9 về Mua sắm công, EVFTA. Xem tại: <<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=OJ:L:2020:186:FULL&from=EN#page=77>> truy cập lần cuối ngày 29 tháng 3 năm 2021.

chỉ gây thất thoát tài sản của Nhà nước mà còn không có tác dụng tích cực đối với nền kinh tế và phúc lợi của đất nước. Chia nhỏ khách hàng, đặt giá thầu thấp rồi sau đó hợp lý hóa, và làm sai lệch dữ liệu đều là những thỏa thuận đấu thầu thường được sử dụng nhưng không phù hợp với các nguyên tắc của EVFTA.

Giải quyết Tranh chấp Đầu tư

EVIPA bao gồm quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư. Trong trường hợp có tranh chấp về đầu tư (ví dụ: bị tước đoạt quyền sở hữu mà không được bồi thường hoặc phân biệt đối xử về đầu tư), nhà đầu tư có thể đưa tranh chấp ra tòa án đầu tư để giải quyết. Để đảm bảo tính công bằng và độc lập của việc giải quyết tranh chấp, một hội đồng trọng tài thường trực sẽ bao gồm chín thành viên: ba công dân mỗi bên được chỉ định lần lượt bởi EU và Việt Nam, và ba công dân của nước thứ ba. Các vụ việc sẽ được xét xử bởi một hội đồng trọng tài gồm ba thành viên do chủ tọa lựa chọn ngẫu nhiên để đảm bảo đưa ra các phán quyết nhất quán trong các trường hợp tương tự, từ đó làm cho việc giải quyết tranh chấp trở nên dễ dự đoán hơn. EVIPA cũng cho phép một thành viên duy nhất làm trọng tài khi nguyên đơn là doanh nghiệp vừa hoặc nhỏ hoặc nếu mức bồi thường thiệt hại thấp. Đây là một cách tiếp cận linh hoạt do Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển.

Nếu một trong hai bên tranh chấp không đồng ý với quyết định của hội đồng trọng tài thì có thể khiếu nại lên hội đồng xét xử phúc thẩm. Điều này khác với thủ tục trọng tài thông thường nhưng lại khá giống cơ chế giải quyết tranh chấp hai cấp trong WTO (Ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm). Chúng tôi tin rằng cơ chế này giúp tiết kiệm chi phí và thời gian.

Quyết định cuối cùng có giá trị ràng buộc và có hiệu lực thi hành trước các tòa án địa phương, ngoại trừ khoảng thời gian 5 năm sau khi EVIPA có hiệu lực.²³

Hiện tại, Việt Nam đã phê chuẩn EVIPA. Vấn đề nằm ở sự phê chuẩn của các thành viên EU. Về điểm này, có một nghịch lý là IPA song phương mà một số quốc gia thành viên EU đã ký với Việt Nam trước đây và hiện đang có hiệu lực trên thực tế lại ưu đãi nhiều hơn vì có quy định miễn thuế cho một số hạng mục để thúc đẩy đầu tư nước ngoài. Điều này đặc biệt đúng với trường hợp tránh đánh thuế hai lần (nhà đầu tư có thể lựa chọn nộp thuế tại nước xuất xứ) hoặc chuyển tiền về nước sau thoái vốn.

Vì EVIPA không có các quy định tài khóa tương đương do thẩm quyền về chính sách tài khóa vẫn thuộc về các Quốc gia Thành viên chứ không phải Liên minh châu Âu nói chung, nên về khía cạnh này, EVIPA trên thực tế lại ít ưu đãi hơn.

Tính đến tháng 10 năm 2023, 16 trong số 27 Quốc gia Thành viên EU đã phê chuẩn EVIPA. Trong cuộc họp ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại Hà Nội với Chủ tịch Ủy ban Thương mại Quốc tế (INTA) Bernd Lange cùng Ủy ban Thương mại Quốc tế của Nghị viện Châu Âu, Phó Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn đề nghị Nghị viện Châu Âu tiếp tục ủng hộ việc tăng cường quan hệ đối tác, hợp tác toàn diện giữa Việt Nam với EU và các nước thành viên trên các lĩnh vực, trong đó có hợp tác liên nghị viện, đề nghị nghị viện các nước EU còn lại sớm phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư EU-Việt Nam (EVIPA).²⁴

Thương mại và Phát triển bền vững

Chương Thương mại và Phát triển bền vững (Chương 13) của EVFTA bao gồm 17 điều với các nội dung chính bao gồm: đa dạng sinh học; khí hậu thay đổi; quản lý tài nguyên rừng và kinh doanh lâm sản; quản lý bền vững tài nguyên sinh vật biển và thủy sản nuôi trồng; lao động và minh bạch. Cam kết phát triển bền vững, trong đó quyền của người lao động và môi trường là hai nội dung chính giúp đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội tham gia cho các bên cũng như trong chuỗi cung ứng.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, EVFTA là cơ hội quan trọng để định vị lại chiến lược kinh doanh cũng như thiết lập hình ảnh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), nhằm khai thác thị trường khó tính như EU. Các doanh nghiệp cần nhận ra rằng việc đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững sẽ làm tăng thêm chi phí sản xuất, nhưng chi phí này cũng có thể giúp chuyển lên phân khúc giá cao hơn. Đối với những người tiêu dùng tương đối “khó tính” ở EU, giá bán thấp không phải là yếu tố duy nhất để lựa chọn một sản phẩm. Họ sẵn sàng chấp nhận trả giá cao hơn nếu sản phẩm thân thiện với môi trường, trải qua quy trình sản xuất với tiêu chuẩn lao động văn minh.

²³ Vui lòng tham khảo thêm các ý kiến trong chương của Tiểu ban Pháp lý về Tòa án và Trọng tài để biết thêm thông tin.

²⁴ “EP official lauds Vietnam’s progress in green transition”, Vietnam Plus, ngày 16 tháng 11 năm 2023. Xem tại: <https://en.vietnamplus.vn/ep-official-lauds-vietnam-progress-in-green-transition/271335.vnp>, truy cập lần cuối ngày 16 tháng 12 năm 2023.

Trong khi đó, EU đã thông qua hoặc sẽ thông qua một số quy định nhằm đảm bảo tính bền vững trong sản xuất và thương mại hàng hóa sản xuất hoặc nhập khẩu trong nước. Các quy định chống phá rừng (Quy định chống phá rừng của EU - EUDR) cũng như Cơ chế Điều chỉnh Biên giới carbon (CBAM) sẽ áp đặt các tiêu chuẩn mới cũng như các chỉ thị dự thảo thẩm định sẽ yêu cầu các doanh nghiệp lớn giám sát chuỗi cung ứng của họ bao gồm cả các nguồn nước ngoài (như tiêu chuẩn ESG). Điều này sẽ đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng của EU và Việt Nam để đảm bảo việc thực hiện suôn sẻ.

EuroCham sẵn sàng đóng vai trò cố vấn cho những điều chỉnh của các quy định trên.

TƯƠNG LAI: HỢP TÁC PHÁP LÝ

Sự khác biệt về quy định giữa các khu vực pháp lý gây tổn kém cho doanh nghiệp và thường cản trở đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao nếu thị trường địa phương không cung cấp nhiều cơ hội. Điều này bắt nguồn từ sự khác biệt về điều kiện và ưu tiên trong nước. Để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, một quốc gia phải cung cấp môi trường pháp lý thông suốt để thu hút các nhà đầu tư quan tâm.

Không phải tất cả những khác biệt này đều do mong muốn bảo hộ nền công nghiệp trong nước. Trong nhiều trường hợp, sự khác biệt là kết quả của một quá trình xây dựng pháp luật tách rời và thiếu cân nhắc đến thực tế của môi trường kinh doanh quốc tế ngày nay.²⁵ Để có thể hội nhập hoàn toàn vào hệ thống kinh tế toàn cầu, một nền kinh tế cần phải quốc tế hóa hệ thống pháp luật của chính mình và tư duy của các cơ quan quản lý. Hệ thống pháp luật thường được thiết lập vào thời điểm cần ưu tiên các cân nhắc về chính sách trong nước. Giả định cơ bản hiện nay là các cơ quan quản lý trong các lĩnh vực khác nhau cùng theo đuổi một mục tiêu chính sách công là cải thiện cuộc sống của người dân thông qua các hoạt động sản xuất và tiêu dùng an toàn hơn, lành mạnh hơn và bền vững hơn.

Hợp tác pháp lý được tận dụng trong một loạt các mối quan hệ. Ban đầu được phát triển cho các vấn đề thương mại giữa các cơ quan quản lý của Hoa Kỳ và EU,²⁶ EU đã mở rộng cách tiếp cận của mình với tất cả các thành viên OECD và nhiều nền kinh tế mới nổi. Không chỉ được sử dụng trong nhiều lĩnh vực với Nhật Bản,²⁷ đó còn là nền tảng của Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Nhật Bản trong ngành ô tô. Ngoài ra, hợp tác pháp lý còn là nguyên tắc để quản lý tốt hơn và đảm bảo sự đồng nhất trong quản lý cho Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu - Hàn Quốc và Liên minh châu Âu - Canada. Từ khoảng 15 năm trước, mối quan hệ EU-Trung Quốc đã sử dụng cách tiếp cận hợp tác pháp lý trong việc quản lý khu vực tài chính và thị trường vốn. Hợp tác pháp lý cũng được sử dụng với Đài Loan.²⁸ Phương thức hợp tác này đã cho thấy hiệu quả trong các lĩnh vực xuyên suốt như kế toán, kiểm toán và chính sách cạnh tranh.

Cách làm này đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành phần khác nhau trong môi trường xây dựng pháp luật quốc gia và quốc tế. Ở cấp quốc gia, các nhà lập pháp và cơ quan điều hành trong các lĩnh vực chính sách đóng vai trò là những người khởi xướng chính. Trên trường quốc tế, các tổ chức liên chính phủ, các cơ quan xây dựng tiêu chuẩn tư nhân và mạng lưới các cơ quan quản lý xuyên chính phủ cung cấp nền tảng cho sự hợp tác pháp lý trong các lĩnh vực cụ thể.²⁹

Để đưa hội nhập kinh tế EU-Việt Nam lên tầm cao mới, cả về thương mại và đầu tư, hợp tác pháp lý có lẽ là cách tiếp cận tốt nhất cho việc thực hiện EVFTA trong tương lai vào thời điểm này. Hợp tác pháp lý tập trung vào hiểu biết lẫn nhau về các thực hành quản lý tốt, hiện đại hóa các khuôn khổ pháp lý quốc gia, loại bỏ quan liêu hóa các phương pháp quản lý kiểu cũ, áp dụng và cải thiện các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế của các cơ quan điều hành, và là điều kiện tiên quyết để sử dụng các khuôn khổ công nhận xuyên biên giới, sự đồng nhất trong quản lý, hài hòa lập pháp, công nhận lẫn nhau và các thỏa thuận tương đương.³⁰

25 “Hợp tác quốc tế pháp lý và thương mại”, thư viện OECD. Xem tại: www.oecd-ilibrary.org/governance/international-regulatory-co-operation-and-trade_e-9789264275942-en, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

26 Các vấn đề quốc tế về “Hợp tác pháp lý Liên minh châu Âu - Hoa Kỳ”, Phòng Thương mại Hoa Kỳ. Xem tại: www.uschamber.com/sites/default/files/documents/files/EU%20US%20Reg%20Coop_2.pdf, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

27 “Giới thiệu về Hiệp định Đối tác Kinh tế Liên minh châu Âu - Nhật Bản”. Xem tại: www.eu-japan.eu/tags/regulatory-cooperation và https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2017/july/tradoc_155720.pdf#:~:text=Regulatory%20cooperation%20will%20remain%20entirely%20voluntary.%20It%20will%20the%20measures%2C%20practises%20or%20approaches%20they%20adopt, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

28 “Giới thiệu về Hợp tác pháp lý và kinh doanh của Liên minh châu Âu với Đài Loan”, EBRC. Xem tại: www.ebrctw.org/eng/about_EBRC.aspx, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

29 “Hợp tác pháp lý quốc tế - Điều chỉnh quy định cho một thế giới kết nối”, OECD. Xem tại: www.oecd.org/gov/regulatory-policy/irc.htm, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 8 năm 2021.

30 “Hợp tác pháp lý - Kiểm tra tính thực tế”, Elizabeth Golberg, tháng 4 năm 2019. Xem tại: www.hks.harvard.edu/sites/default/files/centers/mrcbg/img/115_final.pdf, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 8 năm 2021.

Hợp tác pháp lý nghĩa là các cơ quan quản lý từ hai quốc gia hoặc khu vực khác nhau, trong trường hợp này là EU và Việt Nam, hợp tác để:

- Chia sẻ kinh nghiệm và thông tin trong thế giới thực.
- Xác định các lĩnh vực cùng quan tâm để hợp tác nhằm nâng cao sự đồng nhất trong quản lý.
- Đồng hành trong quá trình cải cách và hiện đại hóa các khuôn khổ và hệ thống quản lý trong nước đã lỗi thời.
- Cùng nhau xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là tại các diễn đàn quốc tế.
- Thảo luận về cách giải quyết các vấn đề phát sinh khi quy định của hai bên khác nhau hoặc không tương thích, là nguyên nhân gây ra các rào cản đối với thương mại hoặc đầu tư.³¹

Sự tham gia của các doanh nghiệp của cả hai bên là hoàn toàn cần thiết để giúp các cơ quan quản lý xác định đâu là những trở ngại lớn nhất cho quá trình hội nhập thương mại và đầu tư tốt hơn. Các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài thường gặp phải các vấn đề pháp lý giống nhau. EuroCham và các Tiểu ban Ngành nghề của EuroCham sẵn sàng đồng hành với Phái đoàn Liên minh châu Âu và các cơ quan quản lý của Việt Nam để đóng góp ý kiến và chia sẻ ý tưởng về cách hiện đại hóa và cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam.

EVFTA TRONG SÁCH TRẮNG

Trong một số chương xuyên suốt ấn phẩm này, các Tiểu ban Ngành nghề của chúng tôi nêu ra các vấn đề và thách thức liên quan đến việc thực hiện EVFTA. Tổng quan về các Tiểu ban Ngành nghề này và các vấn đề liên quan như sau:

Chương 1. Kỹ thuật số I. Quy định an ninh mạng và điều tiết nền kinh tế số II. Hợp tác chuyên ngành trong thời đại kỹ thuật số trong việc thúc đẩy ngành công nghiệp bán dẫn	Chương 18. Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng thủy sản II. Thực hiện cách tiếp cận một sức khỏe trong chăn nuôi
Chương 9. Tăng trưởng xanh I. Kinh tế tuần hoàn 2. Giải quyết Ô nhiễm Nhựa	Chương 19. Rượu vang và Rượu mạnh I. Thuế Tiêu thụ Đặc biệt
Chương 13. Phụ nữ trong kinh doanh I. Nội Quy Lao Động Ảnh Hưởng Đến Lao Động Nữ	Chương 20. Ngành công nghiệp ô tô I. Yêu cầu kiểm định đối với ngành kinh doanh ô tô 1. Khai báo thành phần sản phẩm để làm thủ tục thông quan IV. Nhập khẩu phụ tùng tân trang
Chương 17. Mỹ phẩm I. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý mỹ phẩm – tập trung tăng cường hậu kiểm 2. Gỡ bỏ yêu cầu Giấy chứng nhận lưu hành tự do cho mỹ phẩm nhập khẩu	

31 “Giới thiệu về Hiệp định Đối tác Kinh tế Liên minh châu Âu - Nhật Bản”. Xem tại: https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2017/july/tradoc_155720.pdf#:~:text=Regulatory%20cooperation%20will%20remain%20entirely%20voluntary.%20It%20will,to%20the%20measures%2C%20practices%20or%20approaches%20they%20adopt, truy cập lần cuối vào ngày 10 tháng 8 năm 2021.



CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

CHƯƠNG 1 KỸ THUẬT SỐ

TỔNG QUAN

Trong những năm qua, chúng ta đã chứng kiến những nỗ lực to lớn của Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý cho công nghệ số. Với những chuyên gia hiểu biết và giàu kinh nghiệm, chúng tôi mong muốn tiếp tục hỗ trợ đồng hành cùng Việt Nam trong việc cải thiện khuôn khổ này. Chúng tôi tập trung đóng góp ý kiến cho các lĩnh vực như an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, phạm vi của luật viễn thông và tầm nhìn rộng hơn về hợp tác trong ngành. Đối với chúng tôi, điều quan trọng nhất là duy trì các nỗ lực nhằm xây dựng một khuôn khổ để các tổ chức của Việt Nam và châu Âu hợp tác hài hòa với nhau, đảm bảo trách nhiệm giải trình trong chuỗi cung ứng đồng thời thúc đẩy việc bảo vệ người tiêu dùng xuyên biên giới một cách thích hợp. Tiểu ban Kỹ thuật số muốn đề xuất ưu tiên các dự án giúp cải thiện những điều kiện này và tổ chức các cuộc đối thoại với sự tham gia của các chuyên gia quốc tế để điều chỉnh cho phù hợp với tiêu chuẩn toàn cầu. Chúng tôi tin rằng các chủ đề sau sẽ có lợi cả ở cấp độ quốc gia và toàn cầu:

- Hợp tác để đạt được sự tương thích giữa quy định của nền kinh tế dữ liệu giữa châu Âu và Việt Nam;
- Triển khai các nền tảng và công cụ hướng tới khả năng truy xuất nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa và đảm bảo tính minh bạch;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển dữ liệu xuyên biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Áp dụng các tiêu chuẩn bảo mật công nghệ được quốc tế công nhận; và
- Đảm bảo tính rõ ràng và nhất quán của các văn bản quy định việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số, như đã trình bày trong góp ý của chúng tôi về luật viễn thông.

I. QUY ĐỊNH AN NINH MẠNG VÀ ĐIỀU TIẾT NỀN KINH TẾ SỐ

Cơ quan liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Công an (BCA), Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Tư pháp (BTP), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

Mô tả vấn đề

Luật An ninh mạng¹ gần đây đã được bổ sung bởi Nghị định 53² quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng, trong đó đưa ra các yêu cầu nghiêm ngặt về bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Quy định này yêu cầu các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp trong nước phải lưu trữ một số loại dữ liệu nhất định tại Việt Nam, đồng thời cũng quy định các doanh nghiệp nước ngoài phải lưu trữ dữ liệu và có sự hiện diện thực tế tại Việt Nam trong các trường hợp đã quy định. Ngày 1 tháng 7 năm 2023, Nghị định Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (PDP) có hiệu lực, quy định cách các doanh nghiệp Việt Nam khai thác dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng các quy định nêu trên vẫn thiếu văn bản hướng dẫn chi tiết để có thể thực thi một cách rõ ràng và nhất quán. Vì vậy, vấn đề chúng tôi muốn giải quyết là đảm bảo các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của luật này được cung cấp những hướng dẫn rõ ràng để có thể tuân thủ với chi phí hợp lý.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lợi ích chính mà Việt Nam có được khi thiết lập một khuôn khổ về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu để tuân thủ là

¹ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội (Luật An ninh mạng).

² Nghị định 53/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng của Việt Nam (Nghị định 53).

tăng hiệu quả công việc cho các công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Số lượng các công cụ kỹ thuật số và cùng với đó là lượng dữ liệu được xử lý đang tăng theo cấp số nhân. Các quy định liên quan cần phản ánh và định hình việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số và xử lý dữ liệu liên quan, nhưng đồng thời cũng không được cản trở quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của doanh nghiệp. Việc các công ty hoạt động tại Việt Nam ngại triển khai các công nghệ kỹ thuật số mới nhất vì sợ không tuân thủ luật pháp trong nước sẽ khiến hiệu quả hoạt động của họ bị sụt hậu so với các công ty có khả năng triển khai các công cụ đó tại các khu vực pháp lý có hướng dẫn rõ ràng hơn và có thể thiết kế một chiến lược chuyển đổi kỹ thuật số dài hạn.

Vấn đề này thậm chí còn khó khăn hơn đối với các công ty quốc tế khi họ không chỉ phải tuân thủ các quy định của Việt Nam mà còn phải tuân thủ các quy định tương đương ở các khu vực khác mà họ đang hoạt động kinh doanh. Bất kỳ quy định nào trong nước hạn chế việc triển khai hệ thống CNTT của các công ty quốc tế sẽ làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam so với các lựa chọn khác. Ví dụ, chúng tôi nhận thấy các quy định của Nghị định 53 về việc thực hiện các yêu cầu của Luật An ninh mạng về bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam có phạm vi quá rộng và bao gồm quá nhiều thực thể; điều thực sự quan trọng là phải có hướng dẫn rõ ràng cho các công ty có liên quan theo quy định mới. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng các biện pháp bản địa hóa dữ liệu không nhất thiết sẽ tăng cường đáng kể khả năng bảo mật. Vị trí vật lý của dữ liệu không liên quan đến bảo mật. Mọi hệ thống được kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với Internet đều có thể bị tấn công (các cuộc tấn công xuyên biên giới và vi phạm dữ liệu thường hay xảy ra). Bảo mật về cơ bản liên quan đến (1) cơ sở hạ tầng vật lý nơi dữ liệu được lưu trữ và (2) người sở hữu và quản lý dữ liệu (và do đó có thể hỗ trợ việc thực thi pháp luật). Các doanh nghiệp Việt Nam nên được phép lưu trữ và xử lý dữ liệu của mình tại các trung tâm dữ liệu an toàn nhất, được kiểm toán bởi các bên thứ ba độc lập theo các tiêu chuẩn bảo mật và quyền riêng tư toàn cầu. Về khía cạnh này, chỉ các nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu mới có thể cung cấp mức độ bảo mật này.

Khuyến nghị

- Làm rõ đối tượng nào phải tuân theo yêu cầu bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Mặc dù Nghị định 53 quy định tất cả các doanh nghiệp trong nước đều phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam, cần lưu ý rằng Luật An ninh mạng đặt ra yêu cầu này đối với các nhà cung cấp “dịch vụ viễn thông, dịch vụ internet và dịch vụ giá trị gia tăng trong nước trên không gian mạng Việt Nam”. Do đó, cần làm rõ về điểm này. Ngoài ra, Nghị định 53 không quy định rõ ràng về việc liệu một chi nhánh tại Việt Nam của một công ty nước ngoài có được coi là một doanh nghiệp trong nước hay không, vì vậy cũng cần phải làm rõ về vấn đề này bằng một văn bản hướng dẫn chính thức để việc thực thi được rõ ràng và nhất quán. Đối với các doanh nghiệp nước ngoài, các yêu cầu về bản địa hóa dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam chỉ được áp dụng khi doanh nghiệp đó cung cấp (các) dịch vụ được quản lý (ví dụ: dịch vụ viễn thông, lưu trữ dữ liệu trên không gian mạng, thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, trung gian thanh toán, v.v.), nhưng mức độ tham gia vào các dịch vụ được quản lý nói trên không được quy định cụ thể trong Nghị định 53;
- Đảm bảo tính nhất quán giữa các quy định. Ví dụ, trong ngành ngân hàng, NHNN cho phép các chi nhánh của ngân hàng nước ngoài lưu trữ và xử lý dữ liệu của người dùng ở nước ngoài, tại trụ sở chính của họ. Tuy nhiên, các điều khoản về nội địa hóa dữ liệu của Nghị định 53 và các quy định về truyền dữ liệu xuyên biên giới của Nghị định PDP³ có thể tạo ra xung đột với các quy định hiện hành khác. Do đó, các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài, đang gặp khó khăn trong việc cố gắng tuân thủ pháp luật; và
- Đưa ra một quy trình rõ ràng để cho phép truyền dữ liệu xuyên biên giới khi cần thiết. Hiện tại, cả Nghị định 53 và Nghị định PDP đều không nói rõ ràng về trường hợp gửi dữ liệu ra nước ngoài trong khi lưu giữ một bản sao dữ liệu ở Việt Nam có đúng quy định hay không. Vì vậy, các quy định này cần được làm rõ bằng các văn bản hướng dẫn chính thức để đảm bảo việc tuân thủ vì các công ty quốc tế phải gửi dữ liệu về trụ sở chính trong quá trình hoạt động.

Hài hòa hóa khuôn khổ pháp lý về bảo vệ dữ liệu

Mô tả vấn đề

Liên minh châu Âu đã có Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), Đạo luật dịch vụ số (DSA), Đạo luật thị trường

3 Nghị định 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định PDP).

số (DMA), Đạo luật quản trị dữ liệu, Đạo luật bảo mật, v.v. Trong khi đó, Việt Nam đã cập nhật và tiếp tục xây dựng Luật An ninh mạng, Nghị định 72 về Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trực tuyến⁴, Luật Giao dịch điện tử⁵, Nghị định PDP, v.v. Trong bối cảnh Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (VNDS) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định 749⁶, Việt Nam đang nỗ lực hết mình để xây dựng chính phủ, nền kinh tế và xã hội số. Các doanh nghiệp kỹ thuật số trong nước cũng đang được thành lập với năng lực và khả năng cạnh tranh toàn cầu được cải thiện. Các vấn đề hiện có là:

- Có thể phát sinh xung đột đối với các công ty đã tuân thủ GDPR của EU và đối với các công ty Việt Nam có quan hệ kinh doanh với các “chủ thể dữ liệu” thuộc EU và do đó, cần phải tuân thủ GDPR;
- Tìm kiếm một chính sách dữ liệu đáp ứng chương trình bảo mật dữ liệu của Chính phủ, đồng thời giải quyết các mối quan ngại của cộng đồng doanh nghiệp. Tác động kinh tế của các chính sách như vậy cần được xem xét; và
- Ban hành các quy định không cản trở việc lưu thông tự do dữ liệu trong các văn bản pháp lý bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật An ninh mạng, Nghị định 72 và Nghị định PDP.

Hài hòa hóa các quy định của Việt Nam và GDPR

Việt Nam và châu Âu cần giải quyết mọi xung đột có thể phát sinh đối với các công ty đã tuân theo các quy định của châu Âu và Việt Nam. Vì vậy, việc thành lập một Cơ quan điều phối để giải quyết các trường hợp xung đột theo thỏa thuận với Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân - hoặc bất kỳ tổ chức nào có liên quan của Việt Nam - Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu Châu Âu và Ủy ban châu Âu là điều cần thiết. Cơ quan điều phối này có thể xác nhận bất kỳ công ty Việt Nam nào đang xử lý dữ liệu được bảo vệ bởi GDPR. Xác nhận này ngầm định việc tuân thủ quy tắc ứng xử, theo đó công ty tuyên bố tuân thủ các tiêu chuẩn EU-GDPR để kinh doanh với các đối tác EU.

Cơ quan điều phối sẽ giải quyết mọi vấn đề hoặc khó khăn giữa các chủ thể Việt Nam và châu Âu. Ví dụ, Cơ quan điều phối sẽ giải quyết bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến các quy định của Việt Nam có thể mâu thuẫn với EU-GDPR.⁷ EU có thể cho phép các trường hợp ngoại lệ được truy cập vào dữ liệu được bảo vệ bởi EU-GDPR theo Điều 49 (Vi phạm) của EU-GDPR và tuân theo Thỏa thuận Tư pháp (Điều 48 EU-GDPR). Cơ quan điều phối có thể là một tổ chức mới thành lập bao gồm một thành viên của Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân của Việt Nam và các thành viên được đề cử từ EU. Ngoài ra, cơ quan này có thể được đưa vào một tổ chức của bên thứ ba, ví dụ như ở cấp ASEAN.

Tác động đến nền kinh tế Việt Nam

Tính tương thích của pháp luật Việt Nam với các quy định liên quan của các khu vực pháp lý khác nhau và thông lệ quốc tế là điều rất quan trọng để đảm bảo sự phát triển hơn nữa của nền kinh tế số trong nước, thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi cho các nhà đầu tư/doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng nội địa. Các phương pháp tiếp cận nhất quán và phù hợp sẽ giúp tránh được sự nhầm lẫn cũng như các vấn đề liên quan đến tuân thủ. Chẳng hạn, đối với các doanh nghiệp Việt Nam sử dụng các dịch vụ thanh toán toàn cầu, truyền thông xã hội, thanh toán điện tử, công nghệ thông minh, điện toán đám mây và quảng cáo, yêu cầu phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong khi các dịch vụ từ các nhà cung cấp quốc tế lại không được đặt tại Việt Nam sẽ gây cho doanh nghiệp nhiều phiền toái và tốn kém. Doanh nghiệp ở Việt Nam đang tận dụng CNTT và các dịch vụ khác để cải thiện hoạt động kinh doanh và tham gia vào thương mại xuyên biên giới.

Tác động đến doanh nghiệp Việt Nam

Doanh nghiệp Việt Nam cạnh tranh trên quy mô toàn cầu, do đó cần có các nguồn lực tiên tiến và bảo mật hàng đầu trong ngành để đảm bảo duy trì khả năng cạnh tranh với các công ty trong khu vực. Khi ban hành các quy định về dịch vụ CNTT và kinh tế số, Việt Nam nên đánh giá chi phí tuân thủ trong khuôn khổ đề xuất. Ví dụ: việc bắt buộc lưu trữ dữ liệu trong nước sẽ hạn chế khả năng của doanh nghiệp trong việc tiếp cận các công cụ cần

4 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 27/2018/NĐ-CP (Nghị định 72).

5 Luật Giao dịch điện tử số 51/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội (Luật Giao dịch điện tử).

6 Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 749).

7 Ví dụ: Điều 21 Luật An ninh mạng về phòng ngừa, ứng phó sự cố an ninh mạng.

thiết để giảm chi phí cho CNTT, đổi mới và nhanh chóng mở rộng quy mô.

Việc phân biệt giữa doanh nghiệp “trong nước” và “nước ngoài” liên quan đến các yêu cầu pháp lý có thể dẫn đến nhầm lẫn và gián đoạn đáng kể. Theo Nghị định 53, định nghĩa doanh nghiệp trong nước đã bao gồm các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được đăng ký theo Luật Đầu tư và được thành lập tại Việt Nam (cả doanh nghiệp thuộc sở hữu hoàn toàn hoặc phần lớn của nhà đầu tư nước ngoài) (mặc dù theo ngôn ngữ đơn giản của Nghị định 53, vẫn chưa rõ liệu thuật ngữ này có bao gồm các chi nhánh tại Việt Nam của các công ty nước ngoài hay không, vì vậy cần có văn bản hướng dẫn bổ sung). Khi xem xét điều này, việc yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ số tại Việt Nam lưu trữ dữ liệu của người dùng tại Việt Nam là không phù hợp với mô hình kinh doanh của hầu hết các công ty đa quốc gia cung cấp dịch vụ số. Ngay cả khi các công ty đa quốc gia sử dụng một số dịch vụ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam để giảm độ trễ cho khách hàng, thì đối với nhiều công ty trong số này, phần lớn quá trình xử lý dữ liệu và phân tích nâng cao đều diễn ra ở nước ngoài để đảm bảo đạt được hiệu quả chi phí và nắm được thông tin chuyên sâu về cải tiến dịch vụ thông qua tổng hợp dữ liệu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xung đột tiềm ẩn giữa quy định của Việt Nam với quy định của các khu vực khác có thể gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Ví dụ: một doanh nghiệp Việt Nam thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của chủ thể dữ liệu ở một quốc gia khác nơi áp dụng các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu (ví dụ: GDPR của Liên minh châu Âu) có thể rơi vào tình huống không thể kiểm soát được về cách dữ liệu đó được xử lý. Nói tóm lại, việc tuân thủ các quy định của Việt Nam có thể được xem là không tương thích với các yêu cầu khác nhau của EU theo GDPR của EU.⁸ Nếu luật Việt Nam và các luật khác cùng điều chỉnh một xung đột, doanh nghiệp sẽ không biết chắc chắn về quy định nào được áp dụng và do đó, có thể có nguy cơ không tuân thủ quy định này trong khi tuân thủ quy định kia, dẫn đến rủi ro bị phải chịu các khoản tiền phạt lớn. Điều này có thể khiến doanh nghiệp quyết định không phát triển hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Khuyến nghị

- Đảm bảo sự tương thích giữa luật pháp của Việt Nam và Liên minh châu Âu liên quan đến Điều 45 về việc chuyển dữ liệu cá nhân theo - GDPR của EU dựa trên một quyết định về các quốc gia thứ ba an toàn của Ủy ban châu Âu (adequacy decision), bao gồm thời gian và danh sách hành động cụ thể;
- Thành lập một Cơ quan điều phối để giải quyết các trường hợp xung đột theo thỏa thuận với Ủy ban Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân - hoặc bất kỳ tổ chức nào có liên quan của Việt Nam - Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu Châu Âu và Ủy ban châu Âu;
- Thiết lập một quy trình và thành lập một nhóm công tác để hài hòa hóa các quy định của EVFTA và của pháp luật Việt Nam, giải quyết các tình huống xung đột hiện có; và
- Phân loại xử lý dữ liệu và xây dựng hệ thống phân loại dữ liệu, theo đó chỉ dữ liệu thuộc loại bí mật quốc gia mới phải được lưu trữ trong nước và dữ liệu mật không thuộc nhà nước khác có thể được lưu trữ ở nước ngoài để giảm tác động kinh tế đối với nền kinh tế trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp và các công ty nhỏ và vừa dễ bị ảnh hưởng bất lợi.

II. HỢP TÁC CHUYÊN NGÀNH TRONG THỜI ĐẠI KỸ THUẬT SỐ TRONG VIỆC THÚC ĐẨY NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN

Cơ quan liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Công an (BCA), Bộ Tư pháp (BTP), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Một trong những mục tiêu của EuroCham Việt Nam là mở ra tiềm năng hợp tác giữa các công ty Việt Nam và

⁸ Ví dụ, một doanh nghiệp xử lý dữ liệu của Việt Nam có thể phải chia sẻ dữ liệu cá nhân trong hệ thống của mình theo Điều 21 Luật An ninh mạng. Trong khi đó, nếu dữ liệu này được bảo vệ bởi GDPR thông qua Điều khoản Hợp đồng Tiêu chuẩn, thì sẽ có xung đột.

châu Âu. Sau khi EVFTA được ký kết, chúng tôi nhận thấy các công ty châu Âu ngày càng quan tâm đến việc giao thương hoặc thậm chí là triển khai dây chuyền sản xuất tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Tiểu ban Kỹ thuật số muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghệ kỹ thuật số đối với tương lai hợp tác chuyên ngành công nghiệp này. Trong khi đó, Liên minh châu Âu đang ban hành một loạt tiêu chuẩn và quy định để hỗ trợ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Những quy định này ngầm định rằng các công ty hoạt động tại Việt Nam, cả trong và ngoài nước, có thể tổng hợp thông tin đáng tin cậy về chuỗi cung ứng của mình và chia sẻ với các đối tác thương mại ở châu Âu. Các công nghệ kỹ thuật số được đưa vào sử dụng để đảm bảo sự tuân thủ này với chi phí hợp lý.

Ưu tiên hàng đầu của EuroCham Việt Nam là góp phần tối đa hóa tiềm năng của Việt Nam trong ngành công nghiệp bán dẫn. Chúng tôi hướng đến hiện thực hóa các sáng kiến được Chính phủ Việt Nam công bố về việc hoàn thiện môi trường kinh doanh thuận lợi và hấp dẫn nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp châu Âu trong ngành công nghiệp bán dẫn, hài hòa với các quy định trong Đạo luật Chip châu Âu. Ngành công nghiệp bán dẫn là một trụ cột chính của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam. Kể từ những năm 2000, Việt Nam đã thu hút được sự đầu tư và hiện diện từ các công ty đa quốc gia như Samsung, Apple, Intel, Qualcomm và nhiều tập đoàn khác, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ bán dẫn, đóng góp đáng kể quá trình hội nhập mạnh mẽ của Việt Nam vào nền công nghiệp bán dẫn trong khu vực và toàn cầu. Đây là lĩnh vực có tiềm năng phát triển to lớn với các khoản đầu tư ngày càng tăng vào các sản phẩm tinh vi, cũng như các hoạt động nghiên cứu và phát triển.

EuroCham đang hướng tới tương lai và cam kết hỗ trợ cho Việt Nam đối với bước chuyển mình lớn mà Việt Nam cần thực hiện để trở thành một nhân tố quan trọng hơn nữa trong khu vực. Ví dụ, việc tích hợp và áp dụng ngày càng nhiều các công nghệ kỹ thuật số tiên tiến, chẳng hạn như Công nghệ 4.0, IoT và AI, trong quá trình sản xuất sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chất bán dẫn tại Việt Nam. Việc triển khai chiến lược này không chỉ hứa hẹn tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của chuỗi cung ứng mà còn thúc đẩy môi trường sản xuất linh hoạt và thích ứng trước các thay đổi nhanh chóng trong cuộc đua chuyển đổi số trên thế giới.

- **Tính bền vững:** Bằng cách tích hợp các thông số về tính bền vững vào các hệ thống theo dõi kỹ thuật số này, doanh nghiệp và cơ quan giám sát có thể đo lường và kiểm soát tốt hơn tác động môi trường của toàn bộ chuỗi cung ứng. Đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn môi trường toàn cầu, góp phần thu hút các nhà đầu tư và các bên liên quan, trong bối cảnh các doanh nghiệp quốc tế ngày càng quan tâm đến các vấn đề môi trường;
- **Bảo vệ sở hữu trí tuệ:** Cung cấp một khuôn khổ đáng tin cậy để doanh nghiệp nước ngoài đưa công nghệ của họ vào Việt Nam mà không sợ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ là điều cần thiết đối với bất kỳ hình thức hợp tác công nghiệp nào; và
- **Hài hòa hóa quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu:** Chúng tôi đã trình bày chi tiết các cơ chế của vấn đề này trong chương “Quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu”. Trong bối cảnh hợp tác công nghiệp, an ninh mạng và quyền riêng tư dữ liệu (khi chia sẻ dữ liệu với các bên tham gia chuỗi cung ứng khác) là điều tối quan trọng để có thể lưu chuyển dữ liệu giữa các khu vực và các tác nhân một cách an toàn, tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý trong khi vẫn duy trì chi phí thấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đối với Việt Nam, việc triển khai cơ sở hợp tác chuyên ngành với châu Âu sẽ tạo điều kiện cho thương mại toàn cầu giữa hai khu vực tăng trưởng lâu dài. Tiêu chuẩn châu Âu hiện là tiêu chuẩn cao nhất trên thế giới, vì vậy việc mở ra thị trường khổng lồ này cho các doanh nghiệp trong ngành của Việt Nam cũng sẽ là nền tảng để không chỉ đưa Việt Nam trở thành một thành viên đáng tin cậy trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) mà còn là một đối tác tiềm năng trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn. Liên kết chiến lược này sẽ không chỉ nâng cao vị thế của Việt Nam trong thương mại toàn cầu mà còn thu hút thêm đầu tư và đổi mới, từ đó củng cố vai trò của Việt Nam như một đối tác quan trọng trong các công nghệ kỹ thuật số toàn cầu.

Tuy nhiên, nỗ lực này không phải là không có lo ngại. Để đáp ứng các tiêu chuẩn châu Âu, Việt Nam có thể phải đầu tư đáng kể vào cơ sở hạ tầng và đào tạo lực lượng lao động. Quá trình hài hòa hóa luật bảo vệ dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và các tiêu chuẩn bền vững của chuỗi cung ứng cũng có thể đặt ra những thách thức về quy định và tuân thủ.

Khuyến nghị

- Thúc đẩy việc sử dụng công nghệ số trong chuỗi cung ứng: Chúng tôi khuyến nghị các bên liên quan của Việt Nam thúc đẩy triển khai công nghệ kỹ thuật số để đảm bảo tính minh bạch tối đa cho hoạt động của chuỗi cung ứng. Các công nghệ này bao gồm hệ thống theo dõi thời gian thực để tìm nguồn cung ứng nguyên liệu, quy trình sản xuất và mạng lưới phân phối. Bằng cách này, doanh nghiệp Việt Nam sẽ được trang bị tốt hơn để xác nhận các tiêu chuẩn và tính hiệu quả của hệ thống chuỗi cung ứng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế;
- Thúc đẩy quan hệ đối tác châu Âu – Việt Nam trong ngành công nghiệp bán dẫn: Thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn giữa các công ty công nghệ châu Âu và các nhà sản xuất Việt Nam, nâng cao năng lực của ngành công nghiệp nội địa để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.
- Tích hợp các thông số về tính bền vững trong giám sát chuỗi cung ứng: Để tăng cường cam kết quản lý môi trường, nên kết hợp các thông số về tính bền vững vào hệ thống theo dõi kỹ thuật số. Điều này sẽ cho phép các công ty và cơ quan quản lý đo lường, kiểm soát và báo cáo hiệu quả hơn tác động môi trường của các hoạt động công nghiệp trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Điều này đóng vai trò rất quan trọng để đáp ứng các mục tiêu và quy định của quốc gia cũng như toàn cầu về tính bền vững;
- Triển khai các cơ chế kỹ thuật số chắc chắn để bảo vệ sở hữu trí tuệ: Do tính chất nhạy cảm của việc sở hữu trí tuệ trong ngành, chúng tôi kêu gọi thiết lập hệ thống theo dõi và ghi hồ sơ kỹ thuật số tiên tiến cho tất cả các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, việc áp dụng các giao thức mã hóa và môi trường dữ liệu an toàn phải là ưu tiên hàng đầu để đảm bảo những người có thẩm quyền mới được phép truy cập vào dữ liệu IP nhạy cảm. Những biện pháp này sẽ tăng cường đáng kể việc xác định và ngăn chặn sử dụng hoặc trộm cắp IP trái phép; và
- Đầu tư vào lực lượng lao động có tay nghề cao để thực hiện các tiêu chuẩn trong ngành: Cuối cùng, một trong những khía cạnh quan trọng nhất là phải xây dựng lực lượng lao động có khả năng triển khai và quản lý các tiêu chuẩn cao cần thiết cho công nghệ kỹ thuật số, quản lý chuỗi cung ứng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và an ninh mạng. Cần thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức giáo dục về đào tạo chuyên ngành và sáng kiến học tập liên tục để xây dựng lực lượng lao động không chỉ có kỹ năng mà còn có khả năng thích ứng với nhu cầu không ngừng thay đổi của ngành.

III. QUY ĐỊNH VỀ VIỄN THÔNG

Cơ quan liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường - Quốc hội (Ủy ban KHCN&MT), Cục Viễn thông (VNTA)

Mô tả vấn đề

Ngành viễn thông của Việt Nam đang trải qua quá trình phát triển nhanh chóng với sự gia tăng mạnh mẽ của các dịch vụ sáng tạo như dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet (OTT viễn thông), điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu internet (IDC). Để đáp ứng xu hướng này, Bộ TT&TT và VNTA đã nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các nước tiên tiến và tích cực phối hợp với các doanh nghiệp, hiệp hội trong và ngoài nước để đề xuất Chính phủ trình Quốc hội Luật Viễn thông sửa đổi. Theo đó ngày 24 tháng 11 vừa qua, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá XV đã chính thức thông qua Luật Viễn thông sửa đổi nhằm mục đích đạt được sự cân bằng tinh tế giữa việc quản lý và thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới trong các dịch vụ này. Luật Viễn thông sửa đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đối với các điều khoản quy định dịch vụ OTT viễn thông, điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu internet (IDC) và ngày 1 tháng 7 năm 2024 đối với các điều khoản còn lại. Trong quá trình dự thảo, những lo ngại đã nảy sinh liên quan đến khả năng tích hợp các dịch vụ mới theo Luật Viễn thông, sự cần thiết phải có các quy định rõ ràng và riêng biệt do các đặc điểm đặc thù của các loại hình dịch vụ mới nổi này và lo ngại về việc quản lý các dịch vụ này theo pháp luật về Luật Viễn thông. Tuy nhiên, trong quá trình chỉnh lý dự thảo, các lo ngại trên đã phần nào được giải quyết. Bên cạnh đó, thách thức khi triển khai Luật viễn thông sửa đổi nhấn mạnh sự cần thiết cho Chính phủ trong việc thiết lập các hướng dẫn toàn diện và các doanh nghiệp phải tăng cường sự hiểu biết và tuân thủ của họ đối với bối cảnh pháp lý đang phát triển trong lĩnh vực viễn thông.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Ở giai đoạn dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi đang được soạn thảo, một số lo ngại các quy định của dự thảo Luật sẽ gây ra sự không chắc chắn cho doanh nghiệp cung cấp 3 dịch vụ mới trên có thể kể đến như: (i) việc phân loại dịch vụ OTT viễn thông, dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ IDC theo Luật Viễn thông; (ii) cần có cách tiếp cận quản lý “mềm” (light-touch) cho các dịch vụ mới này; (iii) một số nghĩa vụ chưa thực sự phù hợp hoặc một số thuật ngữ chưa tường minh; (iv) các nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ này được phân bố ở nhiều chương khác nhau khó khăn trong việc hiểu rõ và tuân thủ.

Do đó, chúng tôi hoan nghênh những nỗ lực của Cơ quan thẩm tra (Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội), Bộ TT&TT và VNTA trong quá trình chỉnh lý dự thảo Luật đã lắng nghe, giải quyết những vướng mắc, quan ngại mà cộng đồng doanh nghiệp gặp phải để trình Quốc hội thông qua Luật Viễn thông sửa đổi theo hướng “quản lý mềm” (light touch regulation) đối với 3 dịch vụ này, chẳng hạn như: (i) Quy định rõ nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp 3 dịch vụ này được miễn một số nghĩa vụ như không phải đóng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích, không phải đóng phí quyền hoạt động viễn thông; (ii) Quy định 3 dịch vụ này không phải thực hiện cấp giấy phép viễn thông mà chỉ áp dụng hình thức đăng ký, thông báo; (iii) Tất cả các quyền và nghĩa vụ mà doanh nghiệp cung cấp 3 dịch vụ mới này đều được đưa vào một Mục duy nhất (Mục 3 – Chương II) để thuận tiện cho việc thực hiện, tuân thủ của doanh nghiệp; (iv) Quy định rõ ràng về việc không hạn chế tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài.

Khi các quy định đối với 3 dịch vụ mới có hiệu lực thi hành sẽ tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh và công bằng giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông. Tuy nhiên, để chính sách trên được thực thi đầy đủ, Chính phủ cần phải ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành, trong đó có quy định về quản lý hoạt động cung cấp 3 dịch vụ mới qua biên giới đến người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Luật Viễn thông sửa đổi chỉ quy định về nguyên tắc chung đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới. Do đó, các cơ quan của Chính phủ cần sớm nghiên cứu, quy định rõ các quy định này bảo đảm không gây ra gánh nặng cho nhà cung cấp dịch vụ và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Khuyến nghị

- Bộ TT&TT và VNTA cần sớm tổ chức phổ biến quy định của Luật Viễn thông sửa đổi, đặc biệt là những quy định mới, nội dung điều chỉnh mới để người dân và doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các chính sách mới, tạo tâm lý yên tâm trong quá trình đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trong quá trình xây dựng Nghị định và các văn bản hướng dẫn Luật Viễn thông sửa đổi, Bộ TT&TT và VNTA cần tiếp tục cởi mở, lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong việc góp ý, xây dựng cho các dự thảo.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Kỹ thuật số thuộc EuroCham.

CHƯƠNG 2 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham được thành lập từ năm 2012, chúng tôi cung cấp nền tảng để các thành viên chia sẻ thông tin, bày tỏ mối quan ngại và đưa ra khuyến nghị để việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) được mạnh mẽ hơn tại Việt Nam, đồng thời góp phần đưa hệ thống pháp luật SHTT tiệm cận với chuẩn mực chung của thế giới, tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh hơn, từ đó giúp củng cố vị thế của Việt Nam là điểm đến đáng tin cậy của đầu tư nước ngoài. Đặc biệt trong thời điểm Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập toàn cầu; bao gồm việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

Chương 12 của EVFTA bao gồm những nội dung quy định về SHTT, bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ, thực thi và hợp tác quốc tế về SHTT, trong đó quy định rõ phạm vi và các nguyên tắc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng SHTT cụ thể, bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thông tin bí mật, giống cây trồng, bản quyền. Những cam kết này vừa là cơ hội để Việt Nam nâng cao hiệu quả công tác thực thi quyền SHTT cũng như đặt ra cho các doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu phải tìm hiểu rõ, có những phương án chuẩn bị tốt nhất để có thể tận dụng các lợi thế mà các quy định này đặt ra.

Chúng tôi rất hoan nghênh việc chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của bảo hộ quyền SHTT nói chung và thực thi quyền SHTT nói riêng thông qua việc ban hành các chủ trương, chính sách về tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHTT. Tuy nhiên cần lưu ý rằng, mặc dù có những nỗ lực của chính phủ trong việc bảo vệ quyền SHTT, vẫn còn những khó khăn trong việc thực thi gây ra nhiều trở ngại đối với các nhà sản xuất sản phẩm được bảo hộ bởi quyền SHTT của EU.

Do đó, với các khuyến nghị bên dưới, chúng tôi mong muốn đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả công tác xác lập quyền SHTT, đồng thời đóng góp tích cực vào công tác bảo vệ và thực thi quyền SHTT nhằm đảm bảo một quy trình xử lý công bằng và tiết kiệm thời gian đối với các tranh chấp SHTT tại Việt Nam.

I. THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Công Thương (BCT), Cục Quản lý Thị trường (Cục QLTT), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC)

1. Khởi tố hình sự về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Mặc dù Bộ luật Hình sự đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018¹, nhưng hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn chính thức nào để các cơ quan hành pháp như Cảnh sát Kinh tế, Viện kiểm sát Nhân dân và Tòa án áp dụng thống nhất trong việc truy tố hình sự các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Trong khi đó, mức độ tinh vi, phức tạp của các hành vi xâm phạm và một số vấn đề thực tiễn khác vẫn còn là thách thức đối với cả chủ sở hữu quyền SHTT lẫn các cơ quan chức năng trong quá trình xử lý xâm phạm. Một số ví dụ điển hình có thể kể đến như việc thiếu định nghĩa về “quy mô thương mại”, sự mâu thuẫn trong cách xác định “lợi nhuận bất hợp pháp” để đánh giá cấu thành tội phạm, hoặc việc không có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, phương pháp đánh giá dẫn đến khó khăn khi xác định “ý định phạm tội” theo quy định của Bộ luật Hình sự². Thực tế cho thấy số lượng vụ án hình sự được khởi tố hàng năm còn tương đối thấp. Các chủ sở hữu quyền SHTT có xu hướng sử dụng các biện pháp xử lý hành chính nhiều hơn để giải quyết các vụ xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam, mặc dù chế tài áp dụng đối với các vụ việc hành chính thành công là tương đối nhẹ và không có tác dụng ngăn cản các hành vi vi phạm trong tương lai.

Một điểm sáng trong nỗ lực hoàn thiện và nâng cao hệ thống pháp luật về SHTT tại Việt Nam đó là việc quyết định thành lập tòa án chuyên trách về SHTT. Cụ thể, theo Điều 61 Dự thảo dự án Luật tổ chức Tòa án nhân dân

1 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2015 bởi Quốc hội.

2 Vi phạm về nhãn hiệu theo Điều 226 Bộ luật Hình sự.

năm 2014 sửa đổi (Dự thảo), Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt sẽ gồm Tòa án sơ thẩm SHTT, Tòa án sơ thẩm Hành chính, Tòa án sơ thẩm Phá sản³. Hiện nay, Dự thảo này đang được Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC) lấy ý kiến công chúng.

Ngoài ra, để cải thiện hiệu quả xử lý vi phạm của các cơ quan hành pháp, một lần nữa cần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc TANDTC cần ban hành hướng dẫn chính thức về truy tố hình sự các hành vi vi phạm quyền SHTT để cung cấp hướng dẫn kịp thời cho tất cả các cơ quan thi hành. Đồng thời các cơ quan thi hành nên thường xuyên trao đổi, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan, ví dụ các thành viên Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham để thảo luận về những khó khăn gặp phải và tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu xử lý vi phạm SHTT đang ngày một trở nên phức tạp và biến đổi nhanh chóng tại Việt Nam.

2. Yêu cầu ý kiến chuyên gia từ các cơ quan chuyên trách về SHTT của Việt Nam

Mô tả vấn đề

Mặc dù không có yêu cầu pháp lý bắt buộc nào đối với việc lấy ý kiến giám định hay về SHTT cho các hành động thực thi cũng như tố tụng, các cơ quan thực thi quyền SHTT và tố tụng thường yêu cầu chủ thể quyền cung cấp ý kiến chính thức hay ý kiến chuyên môn từ các cơ quan chuyên trách về SHTT như Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPRI) và/hoặc Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (Cục SHTT) đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và Trung tâm Giám định Quyền tác giả, Quyền liên quan (ECCR) đối với tác quyền trước khi bắt đầu các hành động thực thi.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Yêu cầu lấy ý kiến chuyên gia làm giảm đáng kể hiệu quả của các hành động thực thi, xét xử do ý kiến đưa ra thường mất nhiều thời gian và không chắc chắn. Thực tế cho thấy có trường hợp cùng là một đối tượng cần đánh giá, giám định nhưng VIPRI và Cục SHTT lại có ý kiến khác nhau, tùy vào cách đánh giá có xét đến tính tổng thể hình dáng bên ngoài của đối tượng cần đánh giá hay không. Từ đó dẫn đến khó khăn cho cơ quan thực thi cũng như cơ quan xét xử trong khi các cơ quan thực thi và xét xử này lại không sẵn sàng xem xét các lựa chọn thay thế khác hay tự mình ra quyết định trong phạm vi quyền hạn, chức năng của mình.

Những bất đồng về ý kiến giữa VIPRI và Cục SHTT Việt Nam đặt ra những thách thức trong quy trình xét xử và thực thi, bên cạnh đó điều này cũng có những gợi ý mở rộng đến việc xác định vi phạm quyền SHTT. Điều này dẫn đến những lo ngại khác liên quan đến sự nhầm lẫn của người tiêu dùng, vì các quy trình đánh giá hiện tại không tính đến đánh giá của người tiêu dùng trong việc xác định vi phạm quyền SHTT.

Khuyến nghị

- Khuyến khích các cơ quan thực thi quyền SHTT thực hiện các hành động thực thi, xét xử theo quyền hạn và chức năng của mình theo đó ý kiến chuyên môn chỉ mang tính tham khảo; với những trường hợp sự vi phạm là quá rõ ràng hay đã có những trường hợp tương tự thì không yêu cầu chủ thể quyền cung cấp thêm ý kiến chuyên môn.
- Việc xử lý vi phạm hay xét xử không nên chỉ dựa vào yếu tố kỹ thuật mà nên xem xét thêm ý đồ không tốt của người vi phạm cố tình có sự lẫn tránh để sản phẩm vi phạm không giống hoàn toàn với sản phẩm gốc trên thị trường nhưng đồng thời lại thực hiện các hành vi tuyên truyền, quảng cáo gây cho khách hàng sự nhầm lẫn sản phẩm của bên vi phạm với sản phẩm gốc hoặc lợi dụng sự nổi tiếng, phổ biến của sản phẩm gốc để quảng cáo sản phẩm tương tự của mình.
- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực, kiến thức về SHTT của cơ quan thực thi và cơ quan xét xử trong quá trình thực hiện quyền hạn, chức năng của mình.
- Đẩy nhanh việc thiết lập các tòa chuyên trách về SHTT.
- Công nhận và tích hợp quan điểm người tiêu dùng vào quá trình xét xử và thi hành pháp luật về SHTT và xem xét các tác động tiềm ẩn của việc vi phạm đối với quyền lợi của người tiêu dùng. Đồng thời nhanh chóng

3 Toàn văn Dự thảo 2 và Tờ trình Dự thảo 2 của Tòa án nhân tối cao đối với Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 sửa đổi.

phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm có thể dẫn đến sự nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Điều này có thể bao gồm việc tích hợp quan điểm của người tiêu dùng vào quá trình đánh giá hoặc thực hiện các cuộc khảo sát để hiểu rõ hơn về quan điểm của người tiêu dùng về các vấn đề liên quan đến quyền SHTT.

3. Yêu cầu đăng ký quyền tác giả phức tạp và khó thực thi

Mô tả vấn đề

Theo Công ước Berne mà Việt Nam là thành viên, việc bảo hộ quyền tác giả được tự động thực hiện mà không cần đăng ký hay tiến hành các thủ tục khác. Mặc dù vậy, hầu hết các quốc gia đều có đăng ký tác phẩm tự nguyện. Luật Sở hữu trí tuệ⁴ của Việt Nam không bắt buộc đăng ký quyền tác giả (ĐKQTG) và quyền liên quan đối với các quyền được bảo hộ. Tuy nhiên, dường như tác giả vẫn cần phải có giấy chứng nhận đăng ký thì mới có thể thực thi quyền của mình, trong trường hợp có tranh chấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hiện tại, việc đăng ký bản quyền được thực hiện với Cục Bản quyền Tác giả Việt Nam (COV) với một số yêu cầu rất khó thực hiện đối với chủ sở hữu quyền SHTT. Chẳng hạn như yêu cầu phải có các tài liệu như hộ chiếu/ chứng minh thư của tác giả/ người tạo và hợp đồng lao động có thể chứa thông tin cá nhân, bí mật kinh doanh và thông tin mật. Yêu cầu tờ khai cũng cần phải có chữ ký của tác giả/ người sáng tạo. Điều này đôi khi khó thực hiện vì họ có thể không còn làm việc với công ty hoặc đã qua đời. Không có lựa chọn thay thế nào cho giấy chứng nhận ĐKQTG được chấp nhận là bằng chứng về quyền sở hữu của chủ sở hữu quyền SHTT.

Khuyến nghị

- Nên linh hoạt trong việc xem xét các phương án chứng minh quyền tác giả khác thay cho giấy chứng nhận ĐKQTG.

II. THEO ĐUỔI QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Cơ quan liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

1. Quyền tác giả

Mô tả vấn đề

Tại tờ khai ĐKQTG theo Thông tư 08⁵, mục “tóm tắt nội dung chính của tác phẩm” cần được tinh giản để phù hợp với bản chất bảo hộ quyền tác giả, cũng như cần có thêm hướng dẫn đối với mục “cam đoan về việc sáng tạo tác phẩm” cho trường hợp tác giả đã qua đời.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyền tác giả bảo hộ hình thức thể hiện của tác phẩm mà không bảo hộ về nội dung. Việc tóm tắt những vấn đề thuần về mặt nội dung, như bối cảnh, nhân vật, lời thoại/ lời dẫn trong một kịch bản không đóng vai trò quyết định khả năng bảo hộ của tác phẩm được đăng ký. Chúng tôi quan ngại rằng các yêu cầu điều chỉnh tờ khai ĐKQTG liên quan đến nội dung này sẽ gây khó khăn cho người đăng ký khi có nguy cơ kéo dài và phức tạp hóa thủ tục ĐKQTG.

Đối với mục “cam đoan về việc sáng tạo tác phẩm”, vì tác giả không thể diễn mục cam đoan trong trường hợp họ đã qua đời, cần có hướng dẫn về việc điền thay cho tác giả hay bỏ trống nội dung này để tránh việc phải điều chỉnh lại tờ khai ĐKQTG.

⁴ Luật 50/2005/QH11 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội về Sở hữu trí tuệ (Luật Sở Hữu trí tuệ), như được sửa đổi bởi Luật 07/2022/QH15 ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ).

⁵ Thông tư 08/2023/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch quy định các mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan (Thông tư 08).

Khuyến nghị

- Chúng tôi khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư 08 tại các tờ khai ĐKQTG như sau:
- Lược bỏ các yêu cầu tóm tắt nội dung chính của tác phẩm thuần về mặt nội dung; và
- Chú thích rằng mục cam đoan không nhất thiết phải được điền bởi chính tác giả nếu tác giả đã qua đời.

2. Bằng sáng chế

Mô tả vấn đề

Thủ tục kiểm soát an ninh đối với sáng chế

Điều 14 Nghị định 65⁶ được ban hành và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật SHTT hướng dẫn Điều 89.a về các trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh đối với sáng chế.

Tuy nhiên, vẫn còn những quy định chưa rõ ràng. Ví dụ:

- Thế nào là sáng chế được tạo ra tại Việt Nam? Sáng chế được tạo ra một phần tại Việt Nam có được coi là được tạo ra tại Việt Nam hay không?
- Nếu sáng chế thuộc quyền đăng ký của cả tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài thì sáng chế có phải kiểm soát an ninh không khi các điều kiện kiểm soát an ninh sáng chế đều thỏa mãn?
- Thế nào là lĩnh vực kỹ thuật được coi là có tác động an ninh quốc phòng, ví dụ Danh mục lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến an ninh, quốc phòng ở Phụ lục VII của Nghị định 65 có quy định tại mục 4 “Thiết bị, công nghệ được sử dụng cho các hoạt động tình báo, phản gián, điều tra tội phạm”. Thực tế là một thiết bị vừa có thể sử dụng cho mục đích dân dụng vừa có thể sử dụng cho các hoạt động tình báo, phản gián, điều tra tội phạm ví dụ camera, điện thoại, chip xử lý hình ảnh, thiết bị truyền thông không dây nói chung, ra đa,... Vậy sáng chế về các thiết bị này có thuộc diện phải kiểm soát an ninh không? (mặc nhiên sáng chế liên quan đến các thiết bị này phải kiểm soát an ninh hay trong bản mô tả sáng chế phải nêu rõ các thiết bị này được sử dụng cho các hoạt động tình báo, phản gián, điều tra tội phạm thì sáng chế mới phải kiểm soát an ninh?)

Ngoài ra, theo Nghị định 65, mọi trường hợp thuộc phạm vi phải kiểm soát an ninh đối với sáng chế đều phải nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam hoặc nộp đơn PCT⁷ có nguồn gốc Việt Nam. Trên thực tế, nhiều chủ đơn không quan tâm đến thị trường Việt Nam mà sản phẩm chỉ xuất khẩu, kinh doanh tại thị trường nước ngoài nên không có nhu cầu nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam. Thêm vào đó, nhiều trường hợp chủ đơn cũng không muốn nộp đơn PCT vì chủ đơn chỉ muốn nộp đơn sáng chế ở một hoặc một số rất ít quốc gia nên không muốn nộp đơn PCT có nguồn gốc Việt Nam. Tuy nhiên, để tuân thủ yêu cầu kiểm soát an ninh, chủ đơn vẫn phải nộp đơn đăng ký sáng chế đầu tiên tại Việt Nam hoặc nộp đơn PCT có nguồn gốc Việt Nam. Vì vậy, thủ tục này gây lãng phí thời gian, công sức và chi phí cho chủ sở hữu quyền SHTT.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định không rõ ràng có thể gây khó khăn cho chủ sở hữu quyền SHTT trong việc xác định nghĩa vụ phải kiểm soát an ninh đối với sáng chế.

Nếu chủ sở hữu quyền SHTT không quan tâm đến việc nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam và cũng không muốn nộp đơn sáng chế theo hình thức PCT thì yêu cầu phải nộp đơn đăng ký sáng chế đầu tiên tại Việt Nam hoặc đơn PCT có nguồn gốc Việt Nam vốn chỉ để đáp ứng các quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế là yêu cầu khắc khe, chưa linh hoạt, đặt thêm gánh nặng cho cả chủ thể quyền SHTT và cho Cục SHTT khi phải thẩm định đơn đăng ký sáng chế đó. Sau khi nộp đơn sáng chế, chủ thể quyền SHTT có thể lại yêu cầu rút đơn hoặc từ bỏ đơn. Trên thực tế, nhiều quốc gia như Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Ấn Độ cũng có các phương án để chủ thể quyền SHTT chọn lựa quy trình kiểm soát an ninh đối với đơn đăng ký sáng chế.

⁶ Nghị định 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Nghị định 65).

⁷ Đơn PCT là đơn đăng ký sáng chế nộp theo Hiệp ước PCT. Hiệp ước PCT là Hiệp ước hợp tác bằng sáng chế năm 1970, được sửa đổi năm 1984 và năm 2001.

Khuyến nghị

- Về vấn đề thế nào được coi là sáng chế được tạo ra tại Việt Nam, theo ý kiến của Cục SHTT giải đáp tại một số hội thảo thì sáng chế được tạo ra một phần tại Việt Nam vẫn thuộc trường hợp phải kiểm soát an ninh. Vì vậy, chúng tôi đề xuất đưa nội dung giải đáp này chính thức vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 65;
- Về vấn đề nếu sáng chế thuộc quyền đăng ký của cả tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài, theo ý kiến của Cục SHTT tại một số hội thảo thì sáng chế vẫn thuộc trường hợp phải kiểm soát an ninh. Vì vậy, chúng tôi đề xuất đưa nội dung giải đáp này chính thức vào Thông tư hướng dẫn Nghị Định 65;
- Cần quy định, hướng dẫn rõ thế nào là lĩnh vực kỹ thuật được coi là có tác động an ninh quốc phòng trong Thông tư hướng dẫn Nghị Định 65. Ví dụ sáng chế liên quan đến một thiết bị vừa có thể sử dụng cho mục đích dân dụng vừa có thể sử dụng cho các hoạt động tình báo, phản gián, điều tra tội phạm, ví dụ camera, điện thoại, chip xử lý hình ảnh, thiết bị truyền thông không dây nói chung, ra đa... có thuộc diện phải kiểm soát an ninh không?
- Nên quy định thêm về việc chủ sở hữu quyền SHTT lựa chọn một trong hai quy trình:
 1. Nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam hoặc đơn PCT có nguồn gốc VN (như hiện tại đã quy định trong Nghị định 65).
 2. Nộp yêu cầu kiểm soát an ninh đối với đơn đăng ký sáng chế: trường hợp này chỉ cần nộp bản mô tả rất ngắn gọn (ví dụ 1-2 trang) đủ để thể hiện được bản chất của sáng chế, đủ để thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh (trường hợp này chưa có trong Nghị định 65, kiến nghị xem xét bổ sung phương án lựa chọn này vào Thông tư hướng dẫn Nghị định 65).

3. Nhân hiệu

Công nhận nhân hiệu nổi tiếng

Mô tả vấn đề

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi đã điều chỉnh khái niệm “nhân hiệu nổi tiếng” tại Điều 4.20. Theo đó, nhân hiệu nổi tiếng là nhân hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam, thay vì người tiêu dùng nói chung trên mọi lĩnh vực theo quy định trước đây. Việc điều chỉnh này phù hợp với tiêu chí được sử dụng khi đánh giá nhân hiệu nổi tiếng theo Điều 75.1 về “số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhân hiệu” và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các yêu cầu ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng trong tương lai. Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi sẽ giảm bớt gánh nặng chứng minh nhân hiệu nổi tiếng cho chủ nhân hiệu. Mặc dù tiêu chí đánh giá nhân hiệu nổi tiếng theo Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi không thay đổi so với quy định trước đây, nhưng chủ nhân hiệu nổi tiếng không cần phải chứng minh toàn bộ tiêu chí đánh giá nhân hiệu nổi tiếng mà chỉ cần đáp ứng “một vài tiêu chí” cụ thể theo Điều 75. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi cũng bổ sung thời điểm xác lập tình trạng nổi tiếng của nhân hiệu.

Nghị định 65 cũng nêu rõ các tiêu chí tại Điều 75 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi là cơ sở để xác lập quyền đối với nhân hiệu nổi tiếng (Điều 10.2), xác định đối tượng được bảo hộ (Điều 73.5), xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với nhân hiệu nổi tiếng (Điều 77.2, Điều 77.4) và chứng minh chủ thể quyền đối với nhân hiệu nổi tiếng (Điều 91.5).

Theo các quy định hiện hành, nhân hiệu nổi tiếng được ghi nhận theo quyết định của Cục SHTT hoặc thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào thực sự rõ ràng trong việc quy định cụ thể về phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và công nhận nhân hiệu nổi tiếng. Các văn bản nêu trên cũng không quy định chi tiết về thủ tục để đánh giá, công nhận và ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu một quy chế hướng dẫn chi tiết về các cơ quan có thẩm quyền ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng và thủ tục công nhận, ghi nhận nhân hiệu nổi tiếng sẽ phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình thực hiện pháp luật. Cụ thể là, chủ sở hữu các nhân hiệu nổi tiếng vẫn chưa được hưởng những quyền lợi chính đáng được pháp luật quy định do không thể xác lập quyền và thực thi quyền của mình để chống lại các hành vi xâm phạm quyền và cạnh

tranh không lành mạnh. Trên thực tế, việc Cục SHTT không xem xét hoặc trì hoãn việc xem xét các trường hợp phản đối, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ dựa trên cơ sở nhãn hiệu nổi tiếng dẫn đến quyền nhãn hiệu của bên thứ ba trong các trường hợp này không thực hiện được. Để góp phần hạn chế sự cảm tính trong việc công nhận bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng của Cục SHTT cũng như các cơ quan khác có thẩm quyền thì những quy định công khai hướng dẫn chi tiết về tiêu chí xác định nhãn hiệu nổi tiếng là rất cần thiết.

Khuyến nghị

Cần ban hành văn quy chế hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền của các cơ quan có thẩm quyền công nhận, ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng và thủ tục công nhận, ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng, cụ thể:

- Quy định chi tiết về phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và công nhận, ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng;
- Hướng dẫn chi tiết về quy chế xét nghiệm, các tiêu chí cụ thể để công nhận và ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng trong trường hợp xác lập quyền và thực thi quyền; và
- Hướng dẫn quy trình phối hợp, trưng cầu ý kiến giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong việc xem xét, công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.

4. Chậm trễ trong việc xác lập quyền SHTT

Mô tả vấn đề

Theo Luật Sở hữu trí tuệ và các thông tư hướng dẫn liên quan, thời hạn thẩm định nội dung đơn đăng ký nhãn hiệu là không quá chín tháng kể từ ngày công bố. Trường hợp đơn đăng ký nhãn hiệu cần thẩm định lại hoặc người nộp đơn sửa đổi đơn hoặc có ý kiến bổ sung theo các thông báo của Cục SHTT, nói chung, thì tổng thời gian thẩm định lại/ xử lý yêu cầu sửa đổi đơn đăng ký sẽ không vượt quá thời hạn đánh giá ban đầu.⁸ Tuy nhiên, trên thực tế, việc thẩm định nội dung đơn đăng ký nhãn hiệu hiện nay ngày càng bị chậm trễ và thường mất đến gần hai năm kể từ ngày công bố. Nếu người nộp đơn có phản hồi về kết quả thẩm định nội dung, tùy theo mức độ phức tạp của vụ việc, Cục SHTT sẽ mất thêm thời gian từ mười hai tháng trở lên để xem xét phản hồi và đưa ra quyết định cuối cùng cho việc đăng ký nhãn hiệu này.

Đối với đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam và một phần hoặc toàn bộ hàng hóa, dịch vụ không đáp ứng các điều kiện bảo hộ hoặc có thiếu sót, Cục SHTT sẽ ra thông báo tạm thời từ chối để người nộp đơn có quyền khắc phục thiếu sót hoặc phản đối ý định từ chối. Việc khắc phục thiếu sót hoặc phản đối ý định từ chối sẽ được thực hiện giống như đối với đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp theo quy định quốc gia, bao gồm cả quy định về cách nộp đơn.⁹ Trên thực tế, hiện nay tại Cục SHTT còn tồn đọng hồ sơ phản hồi thông báo tạm thời từ chối cấp đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam đã nộp cách đây hơn 3-4 năm nhưng chưa được giải quyết.

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Khiếu nại¹⁰, thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu tại Cục SHTT là không quá ba mươi ngày kể từ ngày nhận khiếu nại. Đối với những vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể lâu hơn nhưng không quá bốn mươi lăm ngày.¹¹ Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều hồ sơ khiếu nại liên quan đến đơn đăng ký nhãn hiệu đã bị tồn đọng tại Cục SHTT hơn mười năm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi hiểu rằng số lượng đơn nộp lên Cục SHTT ngày càng nhiều, cùng với sự thiếu hụt nguồn nhân lực đã phần nào dẫn đến việc chậm trễ. Tuy nhiên, quá trình xử lý nhiều đơn đăng ký nhãn hiệu bị chậm trễ, và thậm chí

8 Điều 119 của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi.

9 Điều 41.6 Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ban hành ngày 14 tháng 02 năm 2007 bởi Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp (Thông tư 01), như được sửa đổi bởi Thông tư 16/2016/TT-BKHCN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013 (Thông tư 16).

10 Luật Khiếu nại 02/2011/QH13 ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011 bởi Quốc hội (Luật Khiếu nại).

11 Điều 22.6 Thông tư 01 được sửa đổi bởi Thông tư 16 và Điều 28 Luật Khiếu nại.

sự chậm trễ này ngày càng gia tăng, là rất đáng lo ngại và cần được Cục SHTT lưu ý khắc phục. Sự chậm trễ quá mức này gây ra rất nhiều khó khăn và bất tiện cho hoạt động kinh doanh của người đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam và còn ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng. Cụ thể ở Việt Nam, nếu không có giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chủ sở hữu nhãn hiệu sẽ khó hoặc gần như không thể thực hiện các hành động bảo vệ quyền lợi liên quan đến thương hiệu/ uy tín của mình. Khi quyền của chủ sở hữu hợp pháp của một nhãn hiệu không được bảo vệ, người tiêu dùng cũng có thể bị ảnh hưởng do có nguy cơ mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng. Ngoài ra, đối với chủ sở hữu nhãn hiệu, việc không biết nhãn hiệu của họ có khả năng được bảo hộ hay không có thể ảnh hưởng đến các quyết định kinh doanh và lợi ích của họ trong các trường hợp như tiếp thị, quảng bá sản phẩm, đàm phán, sáp nhập và mua lại, v.v.

Khuyến nghị

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để đẩy nhanh quá trình thẩm định hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tại tất cả các giai đoạn, bao gồm giai đoạn nộp đơn, thẩm định nội dung, xử lý các yêu cầu sau cấp bằng như gia hạn nhãn hiệu, và đặc biệt là các biện pháp trả lời thông báo từ chối tạm thời đối với đăng ký quốc tế có chỉ định Việt Nam và khiếu nại về hồ sơ đăng ký;

5. Hướng dẫn của Cục SHTT về Thư đồng ý

Mô tả vấn đề

Thư đồng ý hiện không được điều chỉnh, thừa nhận hoặc phủ nhận trong Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trong thực tiễn thẩm định nhãn hiệu, Cục SHTT đã ban hành Thông báo 15168¹² về việc giải quyết một số vấn đề trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu nhằm tạm thời hướng dẫn các vấn đề liên quan đến Thư đồng ý, cụ thể như sau:

Tùy từng trường hợp cụ thể, Thư đồng ý của chủ nhãn hiệu đối chứng có thể được sử dụng như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu, với điều kiện là Thư đồng ý phải đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện sau:

- Nhãn hiệu trong đơn đăng ký không trùng hoặc có sự khác biệt tương đối với nhãn hiệu đối chứng;
- Thư đồng ý phải có các nội dung bắt buộc theo quy định; và
- Trường hợp đơn thứ ba được nộp cho đăng ký tương tự với một nhãn hiệu đã được bảo hộ trên cơ sở có Thư đồng ý, chủ đơn phải nộp Thư đồng ý của tất cả các chủ nhãn hiệu đối chứng có trước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc không có cơ sở pháp lý rõ ràng thừa nhận Thư đồng ý, cộng với việc quy định rằng Thư đồng ý có thể được chấp thuận để vượt qua lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu trên cơ sở tùy vào từng trường hợp cụ thể, khiến cho việc theo đuổi đơn đăng ký nhãn hiệu có liên quan đến Thư đồng ý gặp nhiều khó khăn, bất định với kết quả mơ hồ, không chắc chắn, không thể dự đoán được. Trong nhiều trường hợp, Thư đồng ý đã nộp hoàn toàn đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện như hướng dẫn của Cục SHTT nhưng nhãn hiệu vẫn không được bảo hộ, mà lý do từ chối chấp thuận không được nêu rõ ràng hoặc được nêu quá chung chung như gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Sự bất định, không nhất quán, không rõ ràng trong hướng dẫn và trong thực tiễn thẩm định nhãn hiệu của Cục SHTT gây nhiều khó khăn cho người nộp đơn trong việc hoạch định chiến lược đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu, hoạch định kế hoạch kinh doanh liên quan đến việc đăng ký và phát triển thương hiệu, đồng thời còn gây lãng phí về thời gian, công sức, tiền bạc của người nộp đơn, chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng cấp Thư đồng ý và các bên liên quan, trong trường hợp Thư đồng ý đã được cấp bởi chủ sở hữu nhãn hiệu đối chứng sau quá trình đàm phán đáng kể nhưng lại không được chấp thuận bởi Cục SHTT như một chứng cứ để vượt qua lý do từ chối bảo hộ nhãn hiệu.

Ngoài ra, quy định trường hợp đơn thứ ba được nộp cho đăng ký tương tự với một nhãn hiệu đã được bảo hộ trên cơ sở có Thư đồng ý, chủ đơn phải nộp Thư đồng ý của tất cả các chủ nhãn hiệu đối chứng có trước, tuy hợp lý nhưng lại gây khó khăn cho người nộp đơn bởi vì trên thực tế người nộp đơn không thể biết trước được liệu

¹² Thông báo 15168/TB-SHTT ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2020 bởi Cục Sở hữu Trí tuệ về việc giải quyết một số vấn đề trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu (Thông báo 15168).

rằng nhãn hiệu đối chứng mà người nộp đơn cần xin cấp Thư đồng ý từ chủ sở hữu của nhãn hiệu đó có phải là đã được bảo hộ trên cơ sở có Thư đồng ý cấp bởi một chủ nhãn hiệu đối chứng trước đó nữa hay không.

Khuyến nghị

- Quy định rõ việc thừa nhận có điều kiện đối với Thư đồng ý trong Luật Sở hữu trí tuệ và/hoặc các nghị định, thông tư hướng dẫn có liên quan. Việc thừa nhận Thư đồng ý là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế, tương đồng với thực tiễn thẩm định và bảo hộ nhãn hiệu của nhiều quốc gia trên thế giới và cũng không trái với nguyên tắc cơ bản về định đoạt quyền dân sự trong pháp luật Việt Nam;
- Bên cạnh các quy định về các nguyên tắc và điều kiện để chấp thuận Thư đồng ý, quy định thêm về các trường hợp mà Thư đồng ý không được chấp thuận. Trong thực tiễn thẩm định nhãn hiệu, mọi Thư đồng ý đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện để được chấp thuận và không rơi vào các trường hợp không được chấp thuận theo quy định thì đều phải được chấp thuận, nhằm chấm dứt tình trạng không rõ ràng, không nhất quán, gây khó khăn lãng phí cho người nộp đơn và các bên liên quan; và
- Xây dựng và đưa vào hoạt động các cơ sở dữ liệu đầy đủ và cập nhật mà công chúng có thể tiếp cận và tra cứu được tình trạng một nhãn hiệu được bảo hộ có trên cơ sở Thư đồng ý hay không, nếu có thì Thư đồng ý đó được cấp bởi ai, là chủ sở hữu của nhãn hiệu nào, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn xem xét và tiến hành xin cấp Thư đồng ý từ tất cả các chủ nhãn hiệu đối chứng có trước, đáp ứng các nguyên tắc và điều kiện có liên quan theo hướng dẫn hiện hành.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham

CHƯƠNG 3 XÂY DỰNG

TỔNG QUAN

Tiểu ban Xây dựng là Tiểu ban thứ 19 của Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham), đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp có ảnh hưởng trong ngành xây dựng tại Việt Nam. Tiểu ban Xây dựng được thành lập với vai trò là cầu nối giữa khu vực công và tư nhân, thúc đẩy quan hệ đối tác cần thiết giữa Chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp châu Âu, đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành xây dựng trong nước. Chúng tôi cam kết kết nối thông qua các cuộc tham vấn đáng tin cậy và thực tiễn, đóng vai trò là nguồn lực cho Chính phủ trong quá trình xây dựng pháp luật và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực xây dựng một cách thích hợp, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Đồng thời giới thiệu, tham vấn cho Chính phủ về các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế phù hợp, hỗ trợ phát triển nguồn lực chất lượng cao, hướng đến tương lai phát triển xanh và bền vững của ngành xây dựng.

Ở Việt Nam, cũng như nhiều quốc gia khác, ngành xây dựng luôn là một lĩnh vực năng động và phát triển, trong đó an toàn cháy nổ là một khía cạnh quan trọng cần quan tâm trong xây dựng và quản lý tòa nhà. Chúng tôi thực sự đánh giá cao nỗ lực không ngừng của Chính phủ trong việc thực hiện Nghị quyết số 99¹ thông qua việc tăng cường và hoàn thiện các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) với tầm nhìn toàn diện, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh đồng thời đặt an toàn PCCC lên hàng đầu. Trong khi các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia mới về PCCC (QCVN) là một bước tiến trong việc đảm bảo an toàn cháy nổ trong các tòa nhà và công trình xây dựng ở Việt Nam, và cũng đồng thời tạo ra những nút thắt mới ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp.

Từ năm 2020 đến năm 2022, ba phiên bản của QCVN đã được thông qua, yêu cầu các quy định an toàn PCCC mới đã và đang gây ra sự chậm trễ đáng kể trong việc xin phê duyệt an toàn PCCC cho các dự án đầu tư vốn lớn.

Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn liên quan đến vật liệu xây dựng của Việt Nam cũng quá cao, chẳng hạn như sơn chống cháy, gây ra vấn đề lớn về kinh tế và chi phí cho doanh nghiệp, do đó, để đáp ứng các tiêu chuẩn PCCC, chi phí xây dựng và hoàn thành dự án “đội” quá cao, gây khó khăn cho các nhà đầu tư². Chúng tôi hoan nghênh Công văn 1091³ trong việc tháo gỡ khó khăn trong hoạt động PCCC, đã loại bỏ yêu cầu cấp giấy chứng nhận cá nhân cho từng dự án bằng Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC cho mỗi lô hoặc lô hàng từ các nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất khác nhau, chuyển trách nhiệm kiểm tra vật liệu và thiết bị thuộc về các nhà cung cấp và nhà sản xuất tương ứng, khuyến khích sự tham gia tích cực của nhà cung cấp vào quá trình thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm là điểm mấu chốt tạo nên một thị trường xây dựng hấp dẫn.

Để thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình này, Chính phủ nên tập trung tăng số lượng phòng thí nghiệm và tổ chức có khả năng thực hiện thử nghiệm PCCC cần thiết và đơn giản hóa quy trình đăng ký chứng nhận. Bên cạnh đó, việc phát triển một nền tảng mã nguồn mở để lưu trữ thông tin về các vật liệu và thiết bị đã được chứng nhận hiện đang được sử dụng tại Việt Nam cũng rất cần thiết, khuyến khích tuân thủ các thông lệ quốc tế, chẳng hạn như cơ sở dữ liệu vật liệu và sản phẩm của Viện Nghiên cứu an toàn và Phòng cháy chữa cháy (FSRI)⁴. Sáng kiến này có thể định vị Việt Nam là một bên tham gia toàn cầu có trách nhiệm và hỗ trợ các mục tiêu hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế.

Lĩnh vực xây dựng vốn được thúc đẩy bởi sự sáng tạo và thích ứng, nhằm tạo ra những nơi làm việc và trải nghiệm tốt hơn nữa. Nhiệm vụ hàng đầu của chúng tôi là đảm bảo rằng sự sáng tạo này được thực hiện một cách an toàn và có trách nhiệm, ngăn ngừa các sự cố đáng tiếc như hỏa hoạn cũng như hậu quả của những sự cố đáng tiếc này. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ liên tục của Chính phủ và môi trường kinh doanh đầy hứa hẹn mà Việt Nam

1 Nghị quyết 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy (Nghị quyết 99).

2 “Các quy định mới về chữa cháy đã có hiệu lực trong nửa năm nay đã được đề xuất sửa chữa” ngày 16 tháng 8 năm 2023, Vietnam.vn. Có sẵn tại <<https://www.vietnam.vn/en/quy-chuan-phong-chay-chua-chay-moi-co-hieu-luc-duoc-nua-nam-da-de-nghi-sua/>>, truy cập lần cuối vào ngày 24 tháng 11 năm 2023.

3 Công văn 1901/C07-P3,P4,P7 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Bộ Công an, Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (Công văn 1901).

4 Cơ sở dữ liệu vật liệu và sản phẩm | UL FSRI - Viện nghiên cứu an toàn cháy nổ (912) Cơ sở dữ liệu vật liệu và sản phẩm của FSRI Video quảng cáo - YouTube. Có sẵn tại <<https://www.youtube.com/watch?v=LDdPI9NN758>> truy cập lần cuối vào ngày 7 tháng 11 năm 2023.

mang lại. Cùng với quan hệ đối tác bền vững giữa Tiểu ban Xây dựng và các cơ quan ban ngành, chúng tôi tin tưởng và cam kết vào tương lai phát triển xanh và an toàn của ngành xây dựng Việt Nam.

I. GIẢI QUYẾT KHÓ KHĂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Cơ quan liên quan: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Xây dựng (BXD); Bộ Công an (BCA)

1. Chứng nhận phòng cháy chữa cháy cho vật liệu xây dựng

Khoản 2, Điều 38 của Nghị định Chính Phủ 136⁵ yêu cầu toàn bộ Phương tiện PCCC phải được Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (CS PCCC) kiểm định và chứng nhận trước khi đưa vào sử dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Công an.

QCVN 03:2023 BCA⁶ do Bộ Công an ban hành nêu tại Điều 3.1.2 rằng phương tiện phòng cháy và chữa cháy được tổ chức nước ngoài chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 và có giá trị tại thời điểm đề nghị cấp chứng nhận phòng cháy chữa cháy có thể là căn cứ được phê duyệt để Cơ quan CS PCCC cấp giấy chứng nhận PCCC tại Việt Nam. Đây là một nỗ lực đáng kể của Chính phủ Việt Nam nhằm đẩy nhanh việc cấp chứng nhận PCCC.

Tuy nhiên, Quy chuẩn vẫn yêu cầu một quy trình xác minh hai bước khi áp dụng vào dự án. Trước tiên, Cơ quan CS PCCC phải kiểm tra và phê duyệt phương tiện PCCC trước khi sử dụng trong thiết kế và xây dựng dự án. Sau khi hoàn thành xây dựng dự án, các phương tiện PCCC sẽ được Cơ quan CS PCCC kiểm tra lần thứ hai trước khi nhận giấy chứng nhận nghiệm thu PCCC để đưa vào hoạt động. Thủ tục kiểm tra hai lần này sẽ đòi hỏi nỗ lực gấp đôi của Cơ quan CS PCCC và có thể kéo dài thời gian đạt được giấy phép PCCC.

Để giảm gánh nặng cho Cơ quan CS PCCC trong khi vẫn duy trì kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt đối với các thiết bị chữa cháy và PCCC, chúng tôi đề nghị thay đổi phương pháp kiểm định lần đầu như sau:

- Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài được sử dụng trong xây dựng nếu được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, Intertek, v.v.;
- Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất tại Việt Nam được sử dụng trong xây dựng nếu đạt được Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ các Tổ chức chứng nhận được Chính phủ Việt Nam công nhận. Các Tổ chức chứng nhận này sẽ không nhất thiết phải là Cơ quan CS PCCC.

Chúng tôi xin lưu ý rằng phương pháp kiểm tra (bước một) nêu trên đã được áp dụng thành công trên nhiều sản phẩm và thiết bị xây dựng ngoài phương tiện PCCC.

Bước kiểm duyệt lần hai cho vật liệu, thiết bị PCCC trước khi cấp giấy chứng nhận PCCC cuối cùng (chứng nhận nghiệm thu PCCC để đưa vào hoạt động) sẽ vẫn do Cơ quan CS PCCC thực hiện, để giữ quyền kiểm soát cuối cùng về chất lượng của phương tiện PCCC.

2. Chứng nhận vật liệu xây dựng PCCC cho công trình cải tạo

Điều 13.3 của Nghị định Chính Phủ 136 quy định rằng các công trình khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điều 13.5 này phải được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Cơ quan CS PCCC. Mặc dù Điều 13.5 xác định đầy đủ các hệ thống và thiết bị quan trọng này, nhưng hiện tại vẫn thiếu tính cụ thể về ngưỡng sửa đổi được coi là có ảnh hưởng đến yêu cầu an toàn phòng cháy chữa cháy. Điều này có thể được hiểu rằng bất kỳ thay đổi mới nào

5 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy (Nghị định 136).

6 QCVN 03:2023/BCA ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Công an về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phương tiện phòng cháy và chữa cháy (QCVN 03:2023).

của công trình, bất kể quy mô, đối với hệ thống và thiết bị chữa cháy được quy định tại Điều 13.5 phải được đề trình và phê duyệt bởi Cơ quan CS PCCC.

Hơn nữa, trong quá trình nộp hồ sơ xin giấy phép, dự án cải tạo có thể phải đối mặt với yêu cầu nâng cấp theo quy định PCCC mới nhất. Yêu cầu này gây ra tác động đáng kể về mặt chi phí và thời gian cho việc xây dựng công trình cải tạo. Do đó, chúng tôi muốn khuyến nghị rằng mức độ sửa đổi trên từng hệ thống và vật liệu được coi là ảnh hưởng đến an toàn PCCC cần được xác định một cách chi tiết.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Cho phép vật liệu PCCC được sản xuất ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 được sử dụng trong các công trình xây dựng, thông qua các Tổ chức chứng nhận quốc tế được Chính phủ Việt Nam công nhận như Bureau Veritas, SGS, Intertek, v.v.;
- Đối với các dự án cải tạo, phải xác định rõ đặc điểm kỹ thuật chi tiết mức độ sửa đổi đối với từng hệ thống và thiết bị, đặc biệt là những hệ thống ảnh hưởng đáng kể đến an toàn PCCC. Việc này rất quan trọng để cung cấp hướng dẫn chính xác về những sửa đổi cần chú ý và phê duyệt liên quan đến các biện pháp an toàn cháy nổ trong quá trình cải tạo.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Xây dựng thuộc EuroCham.

CHƯƠNG 4 BẤT ĐỘNG SẢN

I. CĂN HỘ KHÁCH SẠN, NHÀ Ở KHÁCH SẠN, VĂN PHÒNG KHÁCH SẠN VÀ THỦ TỤC PHÊ DUYỆT ĐẦU TƯ

Cơ quan liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Công an (BCA), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).

Mô tả vấn đề

Như đã thảo luận trong các ấn bản trước của Sách Trắng, căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn là những loại hình bất động sản kết hợp xuất hiện trên thị trường bất động sản Việt Nam từ năm 2014. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có khung pháp lý hoàn chỉnh đồng bộ hóa các quy định giữa các loại tài sản này. Khi triển khai các hoạt động bán hàng, chủ đầu tư thường “vay mượn” một số quy định liên quan của pháp luật, chẳng hạn như Luật Nhà ở, Luật Du lịch.¹

Căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn là những căn hộ kết hợp nhiều chức năng khác nhau với môi trường sống. Điều 3.4 Nghị định 43² quy định đối với đất có nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 1 tháng 7 năm 2014 có một phần diện tích sàn được sử dụng làm văn phòng, không gian thương mại hoặc để cung cấp dịch vụ thì mục đích sử dụng chính là để ở. Ngoài ra, Điều 3.3 của Luật Nhà ở đưa ra các định nghĩa về nhà chung cư với mục đích để ở và những tòa nhà có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh. Theo Điều 3.3 của Luật Nhà ở, khái niệm nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh. Khái niệm này cần được hiểu là cả một tòa nhà được chia thành các khu vực căn hộ và khu vực có văn phòng kinh doanh riêng biệt. Không nên hiểu khái niệm này là mỗi căn hộ có thể vừa để ở vừa kinh doanh.³ Tuy nhiên, trên thực tế, căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn kết hợp nhiều chức năng trong từng khu vực mà không có các khu vực riêng cho từng mục đích sử dụng nhà chung cư theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 5.1 của Luật Đầu tư mới, nhà đầu tư được quyền đầu tư vào các ngành, nghề kinh doanh không bị cấm. Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện như bất động sản, nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các loại bất động sản hỗn hợp mới này lại được điều chỉnh bởi pháp luật. Điều này gây nhầm lẫn cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng và sử dụng các loại bất động sản này. Vì lý do đó, các nhà đầu tư dự án bất động sản mới có các loại hình bất động sản lại này phải đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý, đặc biệt là trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Theo Luật Nhà ở, việc phê duyệt dự án xây dựng nhà ở bắt buộc phải thông qua các thủ tục sau (i) quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư, hoặc (ii) chấp thuận chủ trương đầu tư nếu các dự án xây dựng nhà ở không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.⁴ Tuy nhiên, chủ đầu tư dự án khu đô thị phải lập hồ sơ chấp thuận đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền để nhận quyết định chấp thuận đầu tư.⁵ Những quy định trên đã dẫn đến nhiều cách diễn giải khác nhau về việc liệu chủ đầu tư dự án khu đô thị có cần nộp hồ sơ và nhận tất cả các loại giấy tờ như trên hay không. Việc này khiến thủ tục hành chính trong việc phê duyệt các dự án xây dựng khu đô thị có thể trở nên chồng chéo và mất nhiều thời gian. Điều này sẽ ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Ngoài ra, thuật ngữ phê duyệt dự án và quyết định chủ trương đầu tư theo đã được thay thế bởi thuật ngữ chấp

1 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội (Luật Du lịch).

2 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai 2013 của Chính phủ (Nghị định 43).

3 Luật Nhà ở chỉ phân biệt chung cư để ở và chung cư hỗn hợp để ở và kinh doanh. Tuy nhiên, Điều 3.5 Thông tư 02/2016/TT-BXD đã quy định “Nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp là nhà chung cư được thiết kế, xây dựng để sử dụng vào mục đích ở và các mục đích khác như làm văn phòng, dịch vụ, thương mại”. Mặt khác, theo Điều 6.11 của Luật Nhà ở, căn hộ để ở sẽ không được sử dụng vào mục đích khác. Điều này có nghĩa là Luật Nhà ở không quy định về căn hộ vừa để ở vừa để kinh doanh văn phòng. Như vậy, định nghĩa “nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh” nên được hiểu như trên.

4 Điều 170.2 Luật Đầu tư mới.

5 Điều 20 Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị của Chính phủ (Nghị định 11).

thuận chủ trương đầu tư⁶ như được quy định trong Luật Đầu tư mới.⁷ Nghị quyết 164⁸ cũng tái khẳng định việc xóa bỏ phê duyệt dự án theo Nghị định 11. Ngoài ra, theo Điều 126 của Luật Đất đai 2013,⁹ người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng đất ổn định lâu dài. Tuy nhiên, thời hạn giao đất cho dự án căn hộ sử dụng cho các hoạt động thương mại và dịch vụ không được quá 50 năm. Như vậy, có sự khác biệt trong việc sử dụng đất, sử dụng nhà ở và sử dụng căn hộ thương mại và dịch vụ. Theo Điều 1 Công văn 703 của Bộ TNMT,¹⁰ đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng có thời gian thu hồi vốn chậm, thời hạn thuê đất là không quá 70 năm. Khi hết thời hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất. Theo quy mô của dự án, căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn có thể được thuê đất trong thời hạn 70 năm.¹¹

Với đặc điểm “khách sạn” của căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn, những bất động sản này đôi khi được gọi là cơ sở lưu trú du lịch theo quy định về du lịch. Đặc biệt, Điều 48 của Luật Du lịch quy định tám loại cơ sở lưu trú, trong đó, căn hộ khách sạn được gọi là căn hộ du lịch.¹² Tuy nhiên, định nghĩa này không rõ ràng, vì cả nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn đều không được định nghĩa trong quy định.

Sở Xây dựng (Sở XD), Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT), Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã báo cáo với Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ về yêu cầu phải có các quy định về văn phòng khách sạn. Ngày 20 tháng 1 năm 2020, Bộ Xây dựng ban hành Công văn 276¹³ yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện việc quản lý, xây dựng, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với loại hình căn hộ du lịch, dự án biệt thự du lịch theo quy định của pháp luật hiện hành. BXD cũng yêu cầu các quy định áp dụng cho các loại hình bất động sản này phải phù hợp với các quy hoạch tổng thể và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Ngày 6 tháng 1 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định 02¹⁴ làm rõ các quy định pháp luật về căn hộ du lịch. Điều 6 quy định các loại hợp đồng kinh doanh bất động sản sau đây: “Việc bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua, cho thuê lại bất động sản và chuyển nhượng dự án bất động sản phải lập thành hợp đồng theo mẫu quy định dưới đây”. Ngoài một số mẫu hợp đồng kinh doanh bất động sản khác, hợp đồng mua bán căn hộ du lịch bắt buộc phải lập theo Mẫu số 02 của Nghị định này (Mẫu số 02). Bằng Mẫu số 02, có thể thấy Chính phủ đã áp dụng các quy định hiện hành của hợp đồng mua bán căn hộ để áp dụng cụ thể cho căn hộ du lịch.

Cụ thể, Điều 10 của Mẫu số 02 có điều khoản quy định bên thuê chưa nhận bàn giao căn hộ du lịch từ bên cho thuê được chuyển nhượng hợp đồng. Điều khoản này có vẻ như ghi nhận quyền chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ du lịch cho Bên mua. Tuy nhiên, Điều 10.3 của Mẫu số 2 cũng nêu rõ “Trong cả hai trường hợp nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Bên mua lại căn hộ du lịch/căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú hoặc bên nhận chuyển nhượng hợp đồng thuê mua căn hộ du lịch/căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú”. Quy định này có vẻ không rõ ràng vì nó chỉ cho phép người thuê mua căn hộ du lịch có quyền chuyển nhượng hợp đồng. Theo đó, ngay cả khi các quy định của hợp đồng mua bán căn hộ áp dụng đối với căn hộ du lịch đã được công nhận theo Nghị định 02 thì vẫn chưa có quy định về trình tự, thủ tục chuyển nhượng, dẫn đến khó thực hiện việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ.

Ngày 3 tháng 4 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định 10.¹⁵ Nếu một căn hộ khách sạn đáp ứng đủ điều kiện sẽ được cấp GCNQSDĐ (thường gọi là “sổ đỏ”).

Dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản mới ngày 31 tháng 8 năm 2023 (“Dự thảo”) hiện đang được lấy ý kiến công

6 Điều 3.1 Luật Đầu tư mới.

7 Điều 76.5 Luật Đầu tư mới.

8 Nghị quyết 164/NQ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 về việc tháo gỡ một số vướng mắc trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị của Chính phủ (Nghị quyết 164)

9 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội (Luật Đất đai).

10 Công văn 703/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 14 tháng 2 năm 2020 hướng dẫn chính sách sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với công trình không phải là nhà ở.

11 “Thời hạn sử dụng 70 năm, condotel có ‘hồi sinh’?”, *Báo Pháp luật*, ngày 17 tháng 2 năm 2020. Xem tại: <<https://plo.vn/bat-dong-san/thoi-han-sudung-70-nam-condotel-co-hoi-sinh-890169.html>>, truy cập lần cuối ngày 2 tháng 7 năm 2021.

12 “Condotel chắc chắn có sổ đỏ, nhưng phải chờ”, *Ninh Việt*, ngày 15 tháng 5 năm 2019. Xem tại: <<https://bds.tinnhanhchungkhoan.vn/bds-phap-luat-condotel-chac-chan-co-so-do-nhung-phai-cho-211901.html>>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 11 năm 2020.

13 Công văn 276/BXD-QLN ngày 20 tháng 1 năm 2020 về việc quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh căn hộ du lịch, biệt thự du lịch của Bộ Xây dựng (Công văn 276)

14 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản của Chính phủ (Nghị định 02).

15 Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/04/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, trong đó sửa đổi Điều 32 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để bổ sung trường hợp được chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng phi nhà ở (Nghị định 10).

chúng. Dự thảo đưa ra một số quy định mới liên quan đến căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn. Nếu được Quốc hội thông qua, Dự thảo này sẽ có tác động đáng kể đến thị trường bất động sản.

- **Bất động sản được phép kinh doanh:** căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, nhà ở kết hợp văn phòng là những loại hình bất động sản được phép kinh doanh;¹⁶
- **GCNQSDĐ:** Người mua căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, dự án xây dựng có chức năng lưu trú, một phần không gian trong nhà chung cư và tòa nhà hỗn hợp với nhiều mục đích chỉ định khác nhau được cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất.¹⁷
- **Thời hạn sở hữu:** thời hạn của căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, dự án xây dựng có chức năng lưu trú, phần không gian trong nhà chung cư và tòa nhà hỗn hợp với nhiều mục đích được xác định theo thời hạn sử dụng đất theo Luật Đất đai.¹⁸
- **Yêu cầu đối với hợp đồng mua bán liên quan đến căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn, văn phòng khách sạn:** hợp đồng ký kết với bên mua hoặc bên thuê phải xác định rõ:
 - Hình thức sử dụng đất, chức năng sử dụng, thời hạn sở hữu của công trình xây dựng phù hợp với dự án được phê duyệt và cấp phép. Việc này nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và tạo điều kiện cho bên mua, bên thuê được đăng ký quyền sở hữu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án xây dựng được mua hoặc thuê;¹⁹
 - Sở hữu chung và sở hữu cá nhân của các chủ đầu tư trong dự án, công trình xây dựng.
 - Bố trí chỗ để xe trong phạm vi dự án, công trình xây dựng.
 - Phương án tổ chức quản lý, vận hành công trình xây dựng và việc thu, quản lý, sử dụng phí bảo trì, phí dịch vụ liên quan đến quản lý, vận hành công trình xây dựng.²⁰
- **Cam kết chia sẻ lợi nhuận:** nhà đầu tư dự án phải được tổ chức tín dụng bảo lãnh để thực hiện cam kết phân phối lợi nhuận hoặc thực hiện các biện pháp thay thế để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ liên quan đến phân phối lợi nhuận.²¹
- **Trách nhiệm của bên mua hoặc bên thuê:**²²
 - Đóng góp kinh phí bảo trì và phí dịch vụ phục vụ công tác quản lý, vận hành công trình xây dựng.
 - Tuân thủ các quy định, nội quy quản lý, vận hành công trình xây dựng được pháp luật áp dụng đối với các công trình nói trên.
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng, vận hành, kinh doanh công trình xây dựng.
 - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với việc quản lý, sử dụng, vận hành, kinh doanh công trình xây dựng.

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham tin rằng việc thiết lập khuôn khổ pháp lý cho các loại hình bất động sản hỗn hợp mới không chỉ quan trọng đối với sự phát triển và nhu cầu của thị trường bất động sản mà còn góp phần thu hút và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu các quy định pháp luật phù hợp điều chỉnh các bất động sản như trên trong thời gian dài có thể có tác động tiêu cực đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư dự án nhà ở, Văn phòng khách sạn, nhà ở khách sạn và căn hộ khách sạn có thể thu hút nhiều dự án đầu tư hơn và do đó, việc bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư là cần thiết. Mặt khác, việc bán các loại bất động sản này bị hạn chế do thiếu khung pháp lý công nhận quyền sở hữu tư nhân của nhà đầu tư. Sự gia tăng các dự án đầu tư bất động sản sẽ tạo thêm doanh thu, việc làm và lợi ích

¹⁶ Điều 5.2 của Dự thảo.

¹⁷ Điều 5.3 (b) của Dự thảo.

¹⁸ Điều 5.3 (c) của Dự thảo.

¹⁹ Điều 16.9 của Dự thảo.

²⁰ Điều 19.2 của Dự thảo.

²¹ Điều 16.10 của Dự thảo.

²² Điều 21.9 của Dự thảo.

kinh tế cho thị trường bất động sản và từ đó góp phần vào an sinh xã hội bền vững của Việt Nam trong dài hạn.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Ban hành quy định pháp luật với tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn;
- Quy định rõ thời hạn sử dụng đất áp dụng cho căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn;
- Sửa đổi quy định pháp luật về phân loại và cơ chế sử dụng đất cho căn hộ có mục đích hỗn hợp;
- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn; và
- Hoàn thiện các quy chuẩn xây dựng chung cư trong đó quy định khái niệm về căn hộ khách sạn, nhà ở khách sạn và văn phòng khách sạn.

II. BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TRONG TRƯỜNG HỢP CÔNG TY PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN VÔ SẢN HOẶC PHÁ SẢN

Cơ quan liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

1. Bảo vệ trong trường hợp nhà phát triển bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản

Mô tả vấn đề

Trên thực thi mua căn hộ trong dự án bất động sản, người mua phải trả tối thiểu 90% đến 95% giá giao dịch của căn hộ trước khi dự án hoàn thiện và sau đó mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn hộ. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, chủ đầu tư dự án bất động sản thường kéo dài thời gian cấp quyền sở hữu căn hộ hoặc trì hoãn việc thi công do sự thiếu hụt về tài chính. Vì vậy, người mua có khả năng không nhận được căn hộ một cách hợp pháp và phải chịu thiệt hại tài chính.

Các dự án này được xem là tài sản hình thành trong tương lai theo Điều 108.2 của Bộ Luật Dân sự 2015.²³ Vì lý do đó, theo Điều 4.4 của Luật Phá sản 2014,²⁴ nếu chủ đầu tư dự án bất động sản bị tuyên bố vỡ nợ hoặc phá sản, người mua nhà dự án được xem là chủ nợ không có bảo đảm bởi vì người mua nhà dự án đã thanh toán cho căn hộ mà họ sẽ sở hữu trong tương lai, đồng thời căn hộ đó lại là tài sản mà chủ đầu tư dự án bất động sản sử dụng để đảm bảo cấp vốn cho dự án. Tuy nhiên, nếu các chủ đầu tư dự án bất động sản bị tuyên bố vỡ nợ hoặc phá sản thì người mua nhà ở dự án sẽ là người cuối cùng được phân chia lại tài sản.²⁵ Điều này có nghĩa là nếu giá trị tài sản (ví dụ như dự án nhà ở) không đủ để trả nợ, mỗi đối tượng trong cùng trình tự phân chia lại tài sản sẽ được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với khoản nợ.²⁶ Như vậy, chủ sở hữu căn hộ dự án sẽ được trả tiền theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số tiền mà người mua đó đã thanh toán cho căn hộ dự án. Trong mọi trường hợp, những người mua nhà dự án này sẽ không có bất kỳ cơ hội nào để sở hữu căn hộ đã được họ thanh toán.

Điều 56.1 của Luật Kinh doanh Bất động sản và Điều 1.3 của Thông tư 13²⁷ yêu cầu chủ đầu tư dự án bất động sản phải đáp ứng điều kiện về bảo lãnh ngân hàng trước khi mở bán căn hộ. Nếu chủ đầu tư dự án bất động sản không thể bàn giao nhà chung cư đúng kế hoạch được cam kết cho người mua nhà dự án, ngân hàng thương mại đã ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay mặt chủ đầu

23 Điều 108.2 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ (Bộ luật Dân sự)

24 Điều 4.4 Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội (Luật Phá sản): “Chủ nợ không có bảo đảm là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.”

25 Điều 54 Luật Phá sản.

26 Điều 54.3 Luật Phá sản.

27 Thông tư 13/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2015/T-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 (Thông tư 13).

tư dự án bằng cách hoàn trả khoản thanh toán đã nhận từ khách hàng theo hợp đồng bán nhà trong tương lai. Đây là một giải pháp có thể bảo vệ lợi ích của người mua nhà dự án. Tuy nhiên, Thông tư 13 không quy định rõ việc chủ đầu tư bất động sản không được mở bán căn hộ hình thành trong tương lai nếu không có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng. Việc ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng này có thể làm tăng 2% hoặc 3% chi phí căn hộ hình thành trong tương lai, do đó, làm giảm tính cạnh tranh của các dự án này trên thị trường bất động sản.²⁸ Vì vậy, nhiều chủ đầu tư dự án bất động sản từ chối ký hợp đồng bảo lãnh ngân hàng với các ngân hàng thương mại. Nếu các chủ đầu tư dự án bất động sản mất khả năng thanh toán hoặc phá sản và không có hợp đồng bảo lãnh ngân hàng, người mua nhà dự án sẽ mất số tiền đã thanh toán và không có khả năng sở hữu căn hộ dự án như mong muốn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo Điều 5.1 của Luật Phá sản, sau ba tháng không thanh toán, chủ nợ sẽ có quyền yêu cầu phá sản. Quy định này máy móc, dễ biến tranh chấp về nợ thành yêu cầu phá sản. Nếu tạo ra tiền lệ cho phép chủ đầu tư dự án bất động sản được tuyên bố phá sản, nhiều chủ đầu tư sẽ làm như vậy và việc này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhiều án căn hộ và quyền lợi của các chủ sở hữu.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra khuyến nghị:

- Ban hành các quy định của pháp luật với các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể liên quan đến năng lực tài chính của các chủ đầu tư dự án bất động sản;
- Đảm bảo hợp đồng bảo lãnh ngân hàng là bắt buộc đối với chủ đầu tư BĐS trước khi mở bán căn hộ.

2. Không rõ ràng trong quy định về chuyển nhượng dự án bất động sản

Mô tả vấn đề

Theo Luật Đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được phép mua lại toàn bộ một công ty phát triển bất động sản trong nước thông qua giao dịch chuyển nhượng cổ phần.²⁹ Tuy nhiên, trên thực tế, những giao dịch này thường được chính quyền địa phương coi là giao dịch chuyển nhượng dự án. Như vậy, bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng phải có quyết định cho phép chuyển nhượng dự án bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản.³⁰

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Về bản chất, hai loại giao dịch này hoàn toàn khác nhau. Trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần, bên mua mua lại cổ phần từ bên bán là các cổ đông (người nắm giữ cổ phần của công ty bất động sản). Mặt khác, trong giao dịch chuyển nhượng dự án, bên mua đang mua dự án từ bên bán là công ty bất động sản. Vì vậy, các thủ tục đăng ký được quy định khác nhau trong Luật Xây dựng, Luật Đầu tư và/hoặc Luật Kinh doanh bất động sản. Khi giao dịch chuyển nhượng cổ phần được xem là giao dịch chuyển nhượng dự án, bên bán phải thực hiện hai thủ tục mặc dù có những khác biệt cơ bản giữa các giao dịch này.

Khuyến nghị

- Ban hành hướng dẫn rõ ràng cho các sở ban ngành cấp tỉnh để không xảy ra tình trạng giải thích, áp dụng pháp luật một cách bất hợp lý trong các giao dịch chuyển nhượng dự án bất động sản

III. GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Cơ quan liên quan: Sở Xây dựng (SXD), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Công an (BCA), Bộ Quốc phòng (BQP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND)

²⁸ TS Đỗ Đức Hồng Hà, “Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai: cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện tại Việt Nam?”, Tapchinhanganhang, ngày 8 tháng 8 năm 2019. Xem tại: <<http://tapchinhanganhang.gov.vn/bao-lanh-nha-o-hinh-thanh-trong-tuong-lai-co-so-phap-ly-trong-trien-khai-thuc-hien-tai-viet-nam.htm>> truy cập lần cuối ngày 2 tháng 7 năm 2021.

²⁹ Điều 24.2 và 46.1 của Luật Đầu tư.

³⁰ Điều 51 của Luật Kinh doanh bất động sản.

Mô tả vấn đề

Theo Điều 1.22 của Nghị định 30,³¹ các tổ chức nước ngoài và người nước ngoài chỉ được sở hữu nhà ở (bao gồm căn hộ và nhà ở riêng lẻ) trong các dự án xây dựng nhà ở thương mại, ngoại trừ những khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh.³² Ngoài ra, BQP và BCA có trách nhiệm xác định cụ thể các khu vực cần bảo đảm an ninh, quốc phòng tại từng tỉnh và có văn bản thông báo cho UBND cấp tỉnh để làm căn cứ chỉ đạo Sở Xây dựng (SXD) tỉnh xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trên địa bàn không cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được quyền sở hữu nhà ở. Theo BXD, kể từ khi Luật Nhà ở có hiệu lực, số lượng nhà được người nước ngoài mua và sở hữu tại Việt Nam không lớn, chỉ khoảng 3.000 căn, chủ yếu là chung cư.³³ Đến cuối năm 2022, Sở XD Hà Nội là cơ quan đầu tiên công bố danh sách căn hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ (còn gọi là “sổ hồng”) cho người nước ngoài. Với tiền lệ này, chúng tôi cho rằng việc cấp sổ hồng cho người nước ngoài đủ điều kiện cũng sẽ sớm được triển khai ở các tỉnh thành còn lại trong cả nước.³⁴ Đối với TP.HCM, trong cuộc họp báo về các vấn đề kinh tế-xã hội tại TP.HCM ngày 12 tháng 10 năm 2023, Cục Thuế TP.HCM đã có văn bản trả lời về vấn đề 47 dự án (trong đó có 8.159 căn hộ) tại TP.HCM chưa được cấp sổ hồng do chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế. Theo văn bản trả lời này, chỉ có khoảng 2.000/8.159 căn hộ tại 47 dự án căn hộ chưa được cấp sổ hồng do chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Phần còn lại đã và đang được giải quyết các nghĩa vụ tài chính.³⁵

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Sự chậm trễ kéo dài của các cơ quan hữu quan trong việc cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho người nước ngoài đã ảnh hưởng đáng kể đến quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài bởi vì người mua nhà ở không có GCNQSDĐ có thể phải gánh chịu hậu quả nếu phát sinh tranh chấp với người bán có GCNQSDĐ. Sự chậm trễ trong việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài cũng có thể khiến các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến việc mua nhà ở Việt Nam ngần ngại đầu tư thêm vào thị trường bất động sản. Điều này gây ra một số rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài là những người cần có GCNQSDĐ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Sau khi đầu tư tiền vào thị trường bất động sản bằng cách mua nhà, nếu không được cấp GCNQSDĐ, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không có bất kỳ bằng chứng nào chứng minh quyền sở hữu nhà của mình. Do đó, họ cũng sẽ không có quyền bán nhà cho người mua khác. Điều này dẫn đến việc hoàn trả hoặc không sử dụng vốn đầu tư và bất kỳ lợi nhuận nào thu được của nhà đầu tư nước ngoài nếu bị hủy bỏ hoặc trì hoãn.

Ngoài ra, nếu không có Danh mục Dự án Cấm Sở hữu Nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền có thể bị nhầm lẫn trong việc cấp hoặc trì hoãn việc cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài. Danh mục này cần được ban hành theo hướng dẫn của UBND tỉnh vì đây là bước cuối cùng để các cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra khuyến nghị sau:

- Ban hành Danh mục Dự án Không cho phép Sở hữu Nước ngoài để cho phép cấp GCNQSDĐ cho người nước ngoài đã mua nhà ở tại Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

31 Nghị định 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn Luật Nhà ở (Nghị định 30).

32 Điều 1.22 Nghị định 30.

33 “Người nước ngoài chỉ mua và sở hữu khoảng 3.000 căn nhà ở Việt Nam”, Dantri, ngày 19 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <https://dantri.com.vn/bat-dong-san/nguoi-nuoc-ngoai-chi-mua-va-so-huu-khoang-3000-can-nha-o-viet-nam-20230619070802834.html>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 9 năm 2023.

34 “Danh sách căn hộ đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà cho người nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội”, trang web của Sở Xây dựng Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022. Xem tại <<https://soxaydung.hanoi.gov.vn/vi-vn/tin/danh-sach-can-ho-da-duoc-cap-gcn-so-huu-nha-cho-nguoi-nuoc-ngoai-tren-dia-ban-thanh-pho-ha-noi/408152-399095-553665>>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 10 năm 2023.

35 “Lộ lý do khoảng 2.000 căn hộ tại TPHCM chưa được cấp sổ hồng”, Dantri, ngày 12 tháng 10 năm 2023. Xem tại: <https://dantri.com.vn/bat-dong-san/lo-ly-do-khoang-2000-can-ho-tai-tphcm-chua-duoc-cap-so-hong-20231012180203684>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 10 năm 2023.

CHƯƠNG 5 MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP

TỔNG QUAN

Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) đã trở nên kém sôi động hơn trong nửa đầu năm 2023 và – mặc dù có một số ngoại lệ – đã giảm đáng kể về giá trị giao dịch do thị trường đã phân mảnh thành nhiều giao dịch từng phần với các mục tiêu nhỏ hơn. Các thương vụ M&A lớn nhất của Việt Nam trong tám tháng đầu năm 2023 đều diễn ra ở phân khúc bán lẻ, bất động sản và y tế của thị trường, nơi các nhà đầu tư nước ngoài quyết tâm sáp nhập những tài sản được định giá thấp, chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng trong nước. Trong bối cảnh thị trường suy giảm, Việt Nam vẫn duy trì được thành công tương đối với việc giành được phần lớn các thương vụ đáng chú ý trong khu vực. Tiếp tục cải thiện các điều kiện kinh tế tổng thể trong thời gian tới có thể thúc đẩy tăng nhu cầu đối với vốn cổ phần tư nhân của Việt Nam và thu hút các nhà đầu tư chuyên nghiệp vào cuối năm nay. Sự thu hút của Việt Nam như một trung tâm mới về khởi nghiệp cũng đã thu hút sự quan tâm của một số tập đoàn công nghệ lớn của thế giới đang muốn tìm kiếm những món hời trong một thị trường giá xuống.

Giá trị M&A toàn cầu giảm 44% trong 5 tháng đầu năm 2023,¹ điều này càng làm nổi bật thành tích vượt trội của Việt Nam về M&A trong nước. Trong khu vực, Việt Nam thu hút được sự chú ý vào năm 2023 với thương vụ mua lại “Bệnh viện FV” của Tập đoàn Y tế Thomson, một tập đoàn được niêm yết trên mainboard, thu hút đáng kể sự quan tâm của giới truyền thông. Thương vụ này được đánh giá là “thương vụ mua lại lớn nhất trong lĩnh vực y tế ở Đông Nam Á kể từ năm 2020” và có giá trị giao dịch lên tới 381,4 triệu Đô-la Mỹ.² Không chỉ được quốc tế công nhận, thương vụ này cũng nổi bật trên thị trường M&A khu vực do tính hiếm có của nó. Về bản chất, điều này cho thấy Việt Nam ngày càng được công nhận là điểm đến đầu tư thay thế bên cạnh các thị trường lâu đời hơn như Singapore và Thái Lan.

Cộng đồng đầu tư theo đuổi các thương vụ M&A vào Việt Nam vẫn còn khá nhỏ và chủ yếu tập trung vào một ngành cụ thể (ví dụ: bán lẻ, bất động sản, công nghệ, v.v.). Đặc biệt, các nhà đầu tư từ các quốc gia châu Á khác – nhóm nhà đầu tư chiếm ưu thế nhất từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore – xem Việt Nam là ưu tiên hàng đầu với tư cách là một trong những quốc gia đông dân nhất khu vực và lạc quan về tiềm năng trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực ASEAN trong thập kỷ tới.

Mặc dù các thương vụ M&A có thể mang lại cơ hội thâm nhập vào thị trường tiêu dùng Việt Nam, nhà đầu tư cần xem xét những đặc điểm riêng của Việt Nam khi tìm cách mua vốn cổ phần của các doanh nghiệp trong nước. Tùy thuộc vào ngành nghề, mô hình kinh doanh và mục tiêu về quy mô, nhà đầu tư có thể phải đối mặt với những rào cản hành chính bắt nguồn từ các yêu cầu chi tiết (và thường là khó khăn) của luật đầu tư, luật doanh nghiệp và luật cạnh tranh của Việt Nam. Các quy định cụ thể của ngành làm tăng thêm sự phức tạp này, đặc biệt là khi các thương vụ M&A liên quan đến các dự án bất động sản lớn. Thông thường, các giao dịch M&A có hợp phần bất động sản sẽ mất thêm thời gian và nguồn lực để khảo sát thêm về tính hợp lệ và tuân thủ pháp luật.

Khi tiềm năng thực hiện các giao dịch xuyên biên giới lớn của Việt Nam tăng lên, môi trường đầu tư trong nước cần phải được điều chỉnh để đáp ứng với sự gia tăng lưu lượng giao dịch cũng như mức độ phức tạp của các giao dịch. Để thu hút thành công các nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong nước theo tiêu chuẩn quốc tế, pháp luật Việt Nam phải đưa ra các cơ chế mới để khuyến khích các công cụ và cơ chế đầu tư đã được chứng thực và áp dụng rộng rãi, tương tự như những gì đã thấy ở các quốc gia phát triển hơn. Mức độ giám sát có tiếng là chặt chẽ của các cơ quan quản lý cạnh tranh và ngoại hối của Việt Nam – chẳng hạn như Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (VCC) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) – có thể kéo dài đáng kể thời gian đầu tư cần thiết và do đó cản trở mục tiêu rủi ro/doanh thu của nhà đầu tư Vốn mạo hiểm (VC) và Vốn cổ phần tư nhân (PE). Trong số những mối quan tâm cấp bách nhất của các nhà đầu tư M&A nước ngoài tại Việt Nam là những câu hỏi xung quanh tính minh bạch của thủ tục hành chính và những tác động tiềm tàng của việc kiện tụng, thủ tục trọng tài và thi hành phán quyết của nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam.

1 “Báo cáo M&A giữa năm 2023: Cần hai bên để tạo nên thị trường”, bain.com, ngày 7 tháng 11 năm 2023. Xem tại: <https://www.bain.com/insights/m-and-a-midyear-report-2023-it-takes-two-to-make-a-market/#:~:text=half%20of%202023>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 9 năm 2023.

2 “Tập đoàn Y tế Thomson mua lại Bệnh viện FV của Việt Nam với giá lên tới 517,1 triệu đô-la Mỹ”, theedgesingapore.com, ngày 7 tháng 12 năm 2023. Xem tại: <https://www.theedgesingapore.com/news/ma/thomson-medical-group-acquire-vietnams-fv-hospital-5171-mil>, truy cập lần cuối ngày 13 tháng 9 năm 2023.

I. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ

Cơ quan liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Để theo đuổi mục tiêu giảm thiểu biến đổi khí hậu và cải thiện tính bền vững cho danh mục đầu tư của mình, các vấn đề về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) đã được đưa lên hàng đầu trong danh sách ưu tiên của cộng đồng đầu tư quốc tế. Các quy định mới và ngày càng phức tạp ở các thị trường nước ngoài, chẳng hạn như Liên minh châu Âu và các trung tâm tài chính khác như Hoa Kỳ, Singapore và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất cũng đã gây nhiều khó khăn cho các đối thủ phương Đông kém phát triển hơn. Đồng thời, các nhà đầu tư nước ngoài cũng nâng cao kỳ vọng và tin tưởng vào việc thực hiện ESG của Việt Nam.

Là một quốc gia đang phát triển nhanh chóng ở Đông Nam Á – được củng cố bởi vị trí địa chính trị và địa lý độc đáo trong cộng đồng ASEAN – Việt Nam có cơ hội đi đầu như một hình mẫu cho các nước trong khu vực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và cải thiện cơ cấu xã hội của khu vực. Ngoài ra, quy mô dân số lớn và tăng nhanh với hơn 100 triệu người càng củng cố trách nhiệm của Việt Nam trong việc góp phần đạt được các mục tiêu bền vững. Trách nhiệm này đặc biệt quan trọng trong xúc tiến đầu tư nước ngoài, đặc biệt thông qua hoạt động M&A. Những khoản đầu tư này có khả năng hỗ trợ hoặc cản trở quá trình chuyển đổi bền vững của Việt Nam. Là một trong những quốc gia có thể chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi những hậu quả của biến đổi khí hậu, Việt Nam phải ưu tiên các thực hành bền vững để giảm thiểu những rủi ro này.

Mặc dù có nhiều động lực kinh tế, các quy định của Việt Nam về ESG – nghĩa là các phương án đầu tư khả thi đáp ứng các yêu cầu về ESG của danh mục đầu tư nước ngoài – không phù hợp với nhu cầu được tạo ra sau quá trình thúc đẩy kinh doanh bền vững trên toàn cầu, ví dụ như trong tài trợ dự án. Nếu không học cách cạnh tranh với các quốc gia thân thiện với ESG khác, Việt Nam có nguy cơ mất đi sức hút trên thị trường và tụt hậu so với các đối thủ trong việc thu hút vốn nước ngoài để phát triển đất nước hơn nữa.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Môi trường pháp lý của Việt Nam điều chỉnh các vấn đề liên quan đến ESG hiện còn rời rạc và chưa nhất quán. Triển khai một khuôn khổ ESG toàn diện sẽ giúp Việt Nam có được uy tín trong cuộc đua hướng tới cam kết không phát thải carbon đầy tham vọng. Các chủ đề về tính bền vững và “chuyển đổi xanh” đã trở thành ưu tiên hàng đầu của cộng đồng đầu tư toàn cầu. Đây là cơ hội duy nhất để Việt Nam khai thác xu hướng này, đặc biệt là trong khi các nước trong khu vực cũng đang vật lộn tìm cách phản ứng trước tầm quan trọng ngày càng tăng của các chủ đề ESG. Tuy nhiên, khi cuộc thảo luận về ESG đang diễn ra trên toàn cầu và khu vực Đông Nam Á, cánh cửa cơ hội này đang có thể đóng lại và trở thành bất lợi trong trung hạn cho Việt Nam nếu không được giải quyết phù hợp.

Khuyến nghị

- Quảng bá Việt Nam như một điểm đến đầu tư bền vững (và tuân thủ ESG) trong khu vực ASEAN, nắm bắt cơ hội khẳng định quốc gia là điểm đến đầu tư ưa thích của các nhà đầu tư châu Âu;
- Đưa ra khung pháp lý cho ESG để tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ các quy định do nước sở tại áp dụng (ví dụ: Liên minh châu Âu);
- Nâng cao nhận thức giữa các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân và nhà nước (cá nhân và doanh nghiệp Việt Nam) về tầm quan trọng của các tiêu chuẩn ESG trong đầu tư M&A;
- Khuyến khích các phương án đầu tư thân thiện với ESG bằng các khoản trợ cấp hoặc miễn trừ pháp lý phù hợp;
- Tạo hoặc áp dụng hệ thống xếp hạng quốc gia (nếu có thể, yêu cầu phê duyệt theo quy định) cho “giá trị ESG” của một số khoản đầu tư nhất định;
- Đưa ra các hướng dẫn chặt chẽ và rõ ràng để hướng đầu tư M&A của nước ngoài vào các mục tiêu phát thải ròng bằng không của Việt Nam;
- Thúc đẩy các thực hành tốt nhất để khuyến khích đầu tư bền vững trong nước (và từ nước ngoài); và

- Đưa ra các tiêu chí đánh giá ESG đáng tin cậy và được quốc tế công nhận, có thể được xác minh thông qua các nguồn độc lập.

II. KIỂM SOÁT SÁP NHẬP

Cơ quan liên quan: Bộ Công Thương (BCT) và Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (VCC)

Mô tả vấn đề

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 03 quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (VCC).³ VCC được giới thiệu bởi Luật Cạnh tranh 2018 mới của Việt Nam⁴ và được chỉ định là cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm giám sát, quản lý các vấn đề cạnh tranh tại Việt Nam.

Do đó, việc ban hành Nghị định 03 là một cột mốc quan trọng để bổ sung cho hệ thống mới, cung cấp thêm thông tin chi tiết về mục đích, hoạt động và trách nhiệm của VCC. Dựa trên hướng dẫn mới này, VCC có thể sẽ nâng cao hiệu quả của các cơ quan chức năng trong việc xử lý các yêu cầu liên quan đến cạnh tranh (hoặc bất kỳ hành vi vi phạm nào) ở Việt Nam. Điều này phụ thuộc vào việc hợp nhất thành công hai cơ quan tiền nhiệm có thẩm quyền riêng biệt: Ủy ban Cạnh tranh và Cục Quản lý Cạnh tranh.

Mặc dù động thái này sẽ giảm bớt gánh nặng hành chính liên quan cho các nhà đầu tư M&A, vẫn còn những lĩnh vực cần giải quyết chưa được đề cập rõ ràng trong các quy định mới của Nghị định 03 và chưa vượt qua thử thách thực tiễn.

Nghị định 35⁵ hiện hành đề xuất các ngưỡng nghiêm ngặt, được cho là không đủ để cho phép tiến hành các thương vụ M&A quy mô nhỏ mà không gặp trở ngại về thủ tục hành chính. Điều này thể hiện sự xuống cấp của các tình huống theo Luật Cạnh tranh 2004⁶ trước đây. Luật Cạnh tranh 2018 và Nghị định 35 hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh 2018 không đưa ra bất kỳ trường hợp nào được miễn kiểm tra mức độ “tập trung kinh tế”. Hệ thống luật này dường như quá cứng nhắc để đạt được các mục tiêu chính đáng của nó một cách hiệu quả - tức là bảo vệ thị trường nội địa trước bất kỳ sự cạnh tranh mạnh mẽ nào của doanh nghiệp nước ngoài, được thúc đẩy bởi các quỹ nước ngoài.

Trong bối cảnh toàn cầu của pháp luật về M&A, các ví dụ rõ ràng về các trường hợp miễn trừ như vậy giúp kiểm soát sáp nhập và giám sát cạnh tranh hiệu quả, đồng thời cho phép các nhà đầu tư M&A lập kế hoạch theo các quy định rõ ràng. Các trường hợp miễn trừ như vậy có thể bao gồm, ví dụ như, các giao dịch tái cấu trúc doanh nghiệp trong các tập đoàn và các giao dịch liên quan đến bản chất tập trung kinh tế cơ bản trước đây đã được cơ quan quản lý cạnh tranh xem xét và làm rõ. Do đó, các quy định về thông báo kiểm soát sáp nhập hiện tại là quá rộng và không cụ thể, kết hợp với ngưỡng “tập trung kinh tế” cực kỳ thấp - dẫn đến nhiều phức tạp trong thực tiễn M&A tại Việt Nam.

Do đó, hệ thống Kiểm soát Sáp nhập (không có bất kỳ trường hợp miễn trừ khả thi nào) kết hợp với ngưỡng “tập trung kinh tế” quá thấp theo luật cạnh tranh của Việt Nam là một luận điểm phản bác mạnh mẽ khi xem xét hiệu quả của các giao dịch M&A.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam đã bắt đầu điều chỉnh cơ chế Kiểm soát Sáp nhập phổ biến trong những năm gần đây, bao gồm nỗ lực xây dựng các quy trình gọn nhẹ và nhanh chóng hơn cũng như giảm bớt các yêu cầu hành chính khi nộp đơn xin phê duyệt M&A. Ngoài ra, việc làm rõ hơn nữa các quy định của luật cạnh tranh/chống độc quyền (đặc biệt trong bối cảnh kiểm soát sáp nhập) sẽ là một bước đi không thể thiếu trong lộ trình của Việt Nam.

3 Nghị định số 03/2023/ND-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2023, thay thế Nghị định 07/2015/ND-CP của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh và Quyết định số 24/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Cạnh tranh (Nghị định 03).

4 Luật số 23/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về cạnh tranh (Luật Cạnh tranh 2018).

5 Nghị định 35/2020/ND-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh (Nghị định 35).

6 Luật số 27/2004/QH11 ngày 3 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội về cạnh tranh (Luật Cạnh tranh 2004).

Những nỗ lực của Việt Nam trong khía cạnh này đã và đang mang lại kết quả tích cực vì Việt Nam đang nhận được một số khoản đầu tư vốn cổ phần tư nhân và vốn mạo hiểm trong nước lớn nhất khu vực trong những năm qua. Chỉ riêng các công ty khởi nghiệp của Việt Nam đã nhận được tổng số vốn là 413 triệu Đô-la Mỹ trong quý 2 năm 2023.⁷ Để phát huy đà tăng trưởng này, việc thực thi nghiêm ngặt các quy định hiện hành, giảm bớt quyền tự quyết trong thủ tục cấp phép và thúc đẩy làm rõ các luật điều chỉnh sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt Nam và góp phần đáng kể vào đề xuất đầu tư của Việt Nam.

Việt Nam thường là một phần của các giao dịch lớn hơn trong một tập đoàn (ví dụ: tái cấu trúc doanh nghiệp trong khu vực hoặc trên toàn cầu), vì vậy điều này thường là mối quan ngại lớn nhất của các chủ đầu tư. Do các quy định hiện hành của Việt Nam về Kiểm Soát sáp nhập, Việt Nam thường không được chọn hoặc bị coi là “có vấn đề” khi xem xét một số loại hình M&A xuyên biên giới.

Theo các thực hành tốt nhất và tiêu chuẩn quốc tế, cần xác định các ngưỡng rõ ràng và tuân thủ thời hạn phê duyệt theo luật định. Các yêu cầu chưa rõ ràng về thủ tục cộng với sự chậm trễ khó lường trong việc đạt được các phê duyệt cần thiết khiến thị trường M&A Việt Nam không thể đạt đến mức độ trưởng thành tiếp theo. Để cung cấp dịch vụ đáp ứng các tiêu chí cần thiết cho các giao dịch M&A có tính cạnh tranh quốc tế, Việt Nam cũng nên xem xét tăng cường nhân lực chuyên trách ở tất cả các cấp quản lý nhằm đảm bảo quá trình xử lý hồ sơ diễn ra trôi chảy và nhanh chóng cũng như trao đổi thông tin hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư.

Khuyến nghị

- Cân nhắc loại trừ hoạt động tái cấu trúc nội bộ tập đoàn khỏi chế độ Kiểm soát Sáp nhập;
- Cân nhắc tăng giá trị của các ngưỡng theo quy định về Kiểm soát Sáp nhập liên quan làm phát sinh các giao dịch phải được thông báo;
- Xem xét làm rõ cách VCC giải thích hoặc tính toán ngưỡng thông báo nộp đơn sáp nhập trong các giao dịch thông thường dựa trên cơ sở dữ liệu của VCC thông qua hội nghị hoặc hướng dẫn;
- Xem xét làm rõ các điều khoản của luật cạnh tranh/chống độc quyền để đưa ra các ngưỡng rõ ràng và chắc chắn cho các khoản đầu tư vào Việt Nam; và
- Nâng cao năng lực nhân sự và tăng số lượng nhân viên tại các cơ quan thẩm quyền có liên quan (ví dụ: VCC) để tăng cường nguồn lực nhằm đáp ứng số lượng thương vụ sáp nhập ngày một gia tăng.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

⁷ “Start-up Việt huy động hơn 400 triệu USD vốn trong quý 2”, Báo Tuổi Trẻ, ngày 16 tháng 8 năm 2023. Xem tại: <https://tuoitrenews.vn/news/business/20230816/vietnamese-startups-raise-413mn-for-q2-total-funding/74996.html>, truy cập lần cuối ngày 13 tháng 9 năm 2023.

CHƯƠNG 6 ĐỐI TÁC CÔNG-TƯ

TỔNG QUAN

Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và hiệu quả đóng vai trò then chốt để tiếp tục tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu chi phí kinh doanh cho các nhà đầu tư tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã khiến nhu cầu sử dụng các cơ sở hạ tầng công cộng phục vụ mục đích sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam ước tính vào khoảng 605 tỷ Đô-la Mỹ trong giai đoạn 2021-2040. Trong khi đó, khoảng cách về cơ sở hạ tầng được ước tính chiếm khoảng 1,2% GDP vào năm 2019.¹

Mặc dù một lượng vốn đáng kể đã được đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở Việt Nam trong 20 năm qua. Tuy nhiên, phần lớn vốn được tài trợ bởi các khoản Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), ngân sách Nhà nước và các bảo lãnh của Nhà nước đối với nợ nước ngoài do Bộ Tài chính (BTC) đưa ra. Điều này không được cho là một khoản đầu tư bền vững từ trung hạn đến dài hạn, đặc biệt là khi Việt Nam đạt được vị thế thu nhập trung bình kéo theo việc cắt giảm hỗ trợ ODA sau đó. Ngoài ra, có tín hiệu cho thấy Chính phủ Việt Nam dự định cắt giảm các khoản vay nước ngoài theo bảo lãnh của BTC, việc này làm thắt chặt hơn nữa lượng tín dụng có sẵn để tài trợ cho các dự án hạ tầng.

Mặc dù các ngân hàng trong nước của Việt Nam cấp vốn ngày càng nhiều cho cơ sở hạ tầng với chi phí tương đối cao, thanh khoản tại thị trường ngân hàng nội địa không đủ để đáp ứng các yêu cầu tài trợ nợ lớn trong lĩnh vực này. Do đó, phần thiếu hụt này cần được huy động từ các nguồn bên ngoài bao gồm những nguồn vốn sẵn sàng đưa ra các điều khoản hấp dẫn và có mong muốn tham gia vào thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, các nguồn vốn này đòi hỏi phải có các giải pháp được cơ cấu về mặt phân bổ rủi ro chặt chẽ giữa Chính phủ và các nhà đầu tư tư nhân, chẳng hạn như các nguồn vốn có thể có được từ các khoản đầu tư tư nhân dưới hình thức đối tác công-tư (PPP), và tính ổn định về những chính sách của Chính phủ.

Do những khó khăn của cơ chế PPP đang trong quá trình cải thiện cũng như sự chưa nhất quán của Chính phủ và thiếu cơ chế phân bổ rủi ro cho các bên cấp vốn và nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài, trong một số lĩnh vực (ví dụ như trong lĩnh vực năng lượng tái tạo) nhà đầu tư chủ yếu chỉ căn cứ vào việc thực hiện các dự án quy mô nhỏ hơn theo Luật Đầu tư mà không được bảo vệ bằng hợp đồng PPP dài hạn và các quy định về PPP. Điều này trên thực tế đã hạn chế lượng vốn mà nhà đầu tư sẵn sàng triển khai cho các dự án hạ tầng ở Việt Nam, dẫn đến có quá ít dự án phát triển quy mô lớn đối với một quốc gia có quy mô và tiềm năng tăng trưởng như Việt Nam. Mặc dù Luật PPP là đột phá quan trọng về mặt pháp lý, bản thân Luật này sẽ không tự động tạo chuyển biến thành công cho một loạt các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư tư nhân.

I. LẬP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHẢ THI VỀ MẶT THƯƠNG MẠI

Cơ quan liên quan: Văn phòng Đối tác Công tư – Cục Quản lý Đầu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền và các cơ quan hữu quan khác

Mô tả vấn đề

Sự thành công của khuôn khổ pháp lý PPP phụ thuộc chủ yếu vào khả năng triển khai và xúc tiến các dự án khả thi về mặt thương mại của Chính phủ để chứng minh năng lực với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tiến triển trong lĩnh vực này vẫn còn hạn chế.

Làm rõ các dự án ưu tiên cho việc xây dựng danh mục dự án PPP

Mặc dù Bộ KH&ĐT, thông qua Cục Quản lý Đầu thầu, cũng như Bộ Giao thông Vận tải và một số cơ quan chính quyền địa phương như Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã công bố trực tuyến một số thông tin về dự án tiềm năng,² thông tin này không phải lúc nào cũng đầy đủ và các nguồn thông tin khác nhau cũng tiềm ẩn

¹ Dự báo đầu tư cho Việt Nam, Trung tâm Hạ tầng Toàn cầu. Xem tại: <https://outlook.github.org/countries/Vietnam>, truy cập lần cuối ngày 25 tháng 10 năm 2023.

² Xem các trang web: <http://muasamcong.mpi.gov.vn/> và <https://ppp.tphcm.gov.vn/en/du-an-dang-keu-goi-dau-tu.html>, truy cập lần cuối ngày 2 tháng 8 năm 2022.

sự không nhất quán về nội dung giữa các nguồn này với nhau và với các kế hoạch tổng thể. Điều này tạo sự bối rối cho nhà đầu tư tiềm năng. Để thu hút các nguồn vốn xuyên quốc gia cần có những hướng dẫn rõ ràng và thiết thực từ một nguồn thông tin tập trung và duy nhất về những dự án cấp quốc gia nào sẽ được ưu tiên như “dự án đi đầu” trong những ngành nghề nào và sự hỗ trợ hiện có từ Chính phủ (như một biện pháp bảo đảm các nguồn thu và ưu đãi). Điều này có thể đòi hỏi cách tiếp cận theo ngành bao gồm các quy định chuyên ngành cụ thể.

Các đề xuất dự án của nhà đầu tư

Cả Luật Đấu thầu³ (cùng với các quy định hướng dẫn thực hiện được đề ra trong Nghị định 25⁴) và Luật PPP đều cho phép các dự án do nhà đầu tư đề xuất. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có dự án nào được báo cáo công khai là đã được chấp nhận và phần lớn các quy trình về pháp lý vẫn chưa được thẩm định. Trong khi chờ xây dựng danh mục các dự án sẽ được đấu thầu, việc làm rõ các quy tắc áp dụng cho các dự án do nhà đầu tư đề xuất là đặc biệt quan trọng để đưa các dự án “cắt cánh” và giúp phát triển năng lực thể chế của PPP.

Hiện tại, các đề xuất dự án của nhà đầu tư phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Theo đó bên đề xuất dự án phải thực hiện nghiên cứu tính khả thi và phải được đấu thầu dựa trên nghiên cứu khả thi do bên đề xuất dự án chuẩn bị và sẽ được hưởng các ưu đãi đấu thầu. Đi cùng với các quy định đấu thầu, ưu đãi này bao gồm việc tăng 5%⁵ giá do các nhà thầu khác đề xuất so sánh với giá của bên đề xuất dự án. Trước đây, điều này không đủ để khuyến khích các nhà đầu tư đề xuất dự án do vẫn có rủi ro từ việc nhà đầu tư xây dựng và đề xuất một dự án do nhà đầu tư đề xuất có thể không được chọn làm nhà đầu tư cuối cùng. Ngoài ra, các dự án do nhà đầu tư đề xuất chỉ được hưởng vốn đầu tư của Nhà nước nếu vốn Nhà nước đó được tài trợ bởi ODA hoặc các khoản vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Điều này làm giảm số lượng các dự án có tính khả thi mà các nhà đầu tư tư nhân đề xuất.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc xác định, chuẩn bị và công bố các dự án cụ thể trên thị trường (dù là dự án mới hay mua lại những cơ sở sản xuất hiện có (brownfield) tiếp tục là ưu tiên cao nhất để bắt đầu thực thi chương trình PPP của Việt Nam. Điều quan trọng là cần thử nghiệm dựa trên các quy định hiện hành bằng cách triển khai các dự án PPP. Đối lại, niềm tin của các nhà đầu tư sẽ ngày càng được củng cố và cải thiện.

Khuyến nghị

- Thông qua một quy trình tập trung, công bố danh mục các dự án trọng điểm quốc gia và khu vực, đặc biệt là trong các lĩnh vực khả thi ở các quốc gia khác. Đây là các dự án với các mô hình bao quát và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực như vận tải và năng lượng, được ưu tiên nếu có tính khả thi về mặt kinh tế để quy hoạch triển khai dưới hình thức PPP.
- Làm rõ quy trình đấu thầu đối với các dự án do nhà đầu tư đề xuất và quy trình chuyển đổi các dự án vốn Nhà nước sang hình thức PPP.
- Bố trí các dự án được chọn theo một quy trình đấu thầu cạnh tranh, minh bạch theo Luật PPP.
- Cho phép các nhà tài trợ toàn cầu hàng đầu được phát triển các dự án trên cơ sở chỉ định thầu để thí điểm trong các lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao đồng thời xây dựng được hệ thống lưu trữ quản lý hồ sơ chuẩn mực và cơ chế phân bổ rủi ro để đảm bảo lợi nhuận trên thị trường quốc tế.
- Áp dụng quy trình đánh giá nghiêm ngặt (và chỉ định các chuyên viên tư vấn kỹ thuật và tài chính quốc tế để tham vấn và hỗ trợ cơ quan Chính phủ có thẩm quyền) cho các dự án tiềm năng thông qua các quy trình chọn lựa thống nhất với các tiêu chuẩn quốc tế.
- Cung cấp các biện pháp ưu đãi và hấp dẫn cho các lĩnh vực đang gặp khó khăn trong việc thu hút đầu tư theo hình thức PPP.

3 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội (Luật Đấu thầu).

4 Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đấu thầu (Nghị định 25).

5 Điều 3 Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Cơ quan liên quan: Văn phòng Đối tác Công tư – Cục Quản lý Đầu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền và các cơ quan hữu quan khác

Mô tả vấn đề

Cách tiếp cận chưa nhất quán giữa các cơ quan Chính phủ

Những yếu tố thường được các nhà đầu tư và tài trợ dự án tiềm năng trên thế giới xem là khó khăn chính đối với hoạt động triển khai dự án, bao gồm các dự án PPP tại Việt Nam là tình trạng thiếu năng lực thể chế, thiếu sự nhất quán và chuẩn hóa cách tiếp cận rủi ro giữa các cơ quan Chính phủ. Số lượng các dự án do tư nhân đầu tư được tài trợ vốn và đã hoàn thành còn rất hạn chế. Do đó, các cơ quan Chính phủ thường không có đầy đủ các hướng dẫn pháp lý và thực tế để có thể quản lý việc triển khai dự án một cách thuận lợi, đặc biệt là ngoài lĩnh vực điện truyền thống.

Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ

Việc thiếu sự phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan hữu quan cũng khiến các nhà đầu tư lúng túng.

Các nhà đầu tư nước ngoài nhận thấy trên thực tế các cơ quan Chính phủ trung ương và địa phương thường không thống nhất và có thể có quan điểm khác nhau về các vấn đề chính liên quan đến khả năng đầu tư của một dự án. Chính quyền địa phương, đặc biệt ở những tỉnh vùng sâu vùng xa, vẫn chưa được nhập cuộc trong quá trình cải cách.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi cho rằng bên cạnh tính kinh tế và thương mại của từng dự án PPP, năng lực thể chế và thực tiễn cũng như vấn đề về phối hợp đồng nhất giữa các bộ ngành sẽ tiếp tục là một trong số các nhân tố đang làm giảm tính cạnh tranh của dự án PPP tại Việt Nam. Dự án có tiến độ chậm và chi phí cao có thể làm nhà đầu tư không còn hứng thú với chương trình PPP của Việt Nam. Trong bối cảnh dự án PPP được triển khai hiệu quả ở các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á, nếu Việt Nam không giải quyết kịp thời vấn đề này thì việc xây dựng một danh mục dự án cạnh tranh và khả thi sẽ càng khó khăn hơn.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Xây dựng (với sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế có kinh nghiệm trong các thị trường khác) các bộ hồ sơ thầu đã được phê duyệt, bao gồm hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ sở đấu thầu để giảm thiểu nguy cơ chậm triển khai dự án.
- Xây dựng các dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực liên quan đến Luật PPP để đảm bảo thực hiện nhất quán.
- Thiết lập một quy trình triển khai thực hiện có sự tham gia của tất cả các Bộ và cơ quan chủ chốt để xây dựng thực hành thống nhất về phát triển dự án, tận dụng nguồn nhân lực các chuyên gia có kinh nghiệm về các vấn đề về khả năng vay vốn ngân hàng và khả năng được cấp vốn trong các dự án về năng lượng.

III. HỢP LÝ HÓA CÁC QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHI TIẾT

Cơ quan liên quan: Văn phòng Đối tác Công tư – Cục Quản lý Đầu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Cơ quan Nhà nước được ủy quyền và các cơ quan hữu quan khác

Mô tả vấn đề

Mặc dù được củng cố đáng kể bởi Luật PPP, đặc biệt là về thủ tục đầu tư, sự chồng chéo và khoảng cách trong

các quy định hiện hành vẫn là một trở ngại lớn đối với việc huy động vốn quốc tế và phát triển các dự án cơ sở hạ tầng chính ở Việt Nam. Luật PPP nên quy định một khuôn khổ toàn diện và độc lập để thực hiện và quản lý các dự án PPP để tránh xung đột tiềm ẩn với các cơ chế đầu tư khác.

Bên cạnh Luật PPP, Luật Đầu tư công và Luật Đầu thầu, nhà đầu tư nước ngoài tham gia các dự án PPP cũng cần tuân thủ các luật và quy định khác. Chúng tôi cho rằng việc gộp tất cả các quy trình và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư áp dụng cho các hợp đồng PPP và đầu tư theo hình thức PPP vào một văn bản hoàn chỉnh (và các quy định thực hiện) là cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho loại hình đầu tư này.

Cuối cùng, các điều khoản theo Luật PPP vẫn không khắc phục được các vấn đề hỗ trợ chính của nước sở tại được xác định trong quá trình xây dựng và cấp vốn cho các dự án hạ tầng tại Việt Nam, và có những kẽ hở cần được khắc phục.

Đảm bảo về đất và tài sản gắn liền với đất

Luật PPP quy định đất dự án có thể được sử dụng làm tài sản đảm bảo theo “pháp luật về đất đai và dân sự” của Việt Nam. Điều này không vượt quá phạm vi của các quy định hiện hành.⁶ Các quy định này hạn chế quyền thế chấp các quyền sử dụng đất trong trường hợp nhà đầu tư được miễn thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất (một trong các ưu đãi dành cho các nhà đầu tư vào các dự án PPP). Ngoài ra, Luật Đất đai tiếp tục nghiêm cấm việc cho phép bảo đảm bằng “đất đai và tài sản gắn liền với đất” cho các bên cho vay nước ngoài. Tuy nhiên, việc không được thế chấp đất dự án này làm suy giảm các ưu đãi sử dụng đất như được quy định trong Luật PPP và làm hạn chế đáng kể khả năng tài chính của các dự án PPP tại Việt Nam và khả năng cho vay từ các bên cho vay nước ngoài.

Bảo lãnh ngoại tệ

Vấn đề về ngoại hối cũng sẽ tiếp tục tác động đến tính hấp dẫn của các dự án PPP tại Việt Nam đối với các nhà đầu tư phụ thuộc vào nguồn vốn vay nước ngoài. Bảo lãnh Chính phủ đối với tỷ giá ngoại tệ là một vấn đề trọng tâm đối với các nhà đầu tư (và các bên cho vay nước ngoài) khi chuyển vốn ra nước ngoài. Luật PPP bao gồm các điều khoản để đảm bảo tối đa 30% doanh thu bằng Đồng Việt Nam cho các dự án PPP mà việc phê duyệt chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ.⁷ Tuy nhiên, ngưỡng bảo đảm 30% doanh thu này thì vẫn cần được kiểm tra bên ngoài lĩnh vực điện năng truyền thống cũng giống như việc thực hiện quy định mới này trên thực tế.

Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF), đảm bảo doanh thu tối thiểu và chia sẻ rủi ro

Một lĩnh vực quan trọng khác ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai của các dự án PPP là việc thiếu các hướng dẫn và thực hành liên quan đến Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF). Cũng như các văn bản pháp luật ban hành trước đó, Luật PPP cho thấy tính khả thi của VGF ở mức cao trong điều kiện chung, với điều kiện vốn Nhà nước có thể được sử dụng để “hỗ trợ” cho một dự án trong giai đoạn xây dựng. Tuy nhiên, có rất ít thông tin chi tiết theo chỉ đạo của Chính phủ “đưa ra hướng dẫn” trong thời gian thích hợp.⁸ Nếu không có hướng dẫn chi tiết về việc định lượng vốn đầu tư Nhà nước trong một dự án PPP nhất định thì không thể thực hiện dự án với các điều khoản của VGF.

Dự thảo cũng đưa ra một cơ chế chia sẻ rủi ro, theo đó Chính phủ sẽ chịu 50% phần thâm hụt giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết cho dự án trong một số tình huống nhất định, và sẽ có thể cũng được hưởng lợi 50% phần thặng dư giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết. Việc soạn thảo cần được làm rõ về khả năng cơ chế này được áp dụng một cách không bắt buộc cho một dự án cụ thể hay được áp dụng cho tất cả các dự án (khi các điều kiện cụ thể được đáp ứng).

Việc chia sẻ phần giảm doanh thu phụ thuộc vào một số điều kiện không được áp dụng trong trường hợp doanh thu của một sự án vượt quá dự toán.

Luật PPP cần được đề xuất cần tránh quy định quá mức ở giai đoạn phát triển còn khá sớm này của thực tiễn triển khai dự án PPP tại Việt Nam và sẽ đưa ra một loạt các biện pháp hỗ trợ tài chính và tăng cường tín dụng, bao gồm VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các điều khoản chia sẻ rủi ro, để tối đa hóa tính linh hoạt trong phạm vi rộng của các dự án có thể được thực hiện dưới hình thức PPP và để cho phép nhà đầu tư lựa chọn được sự hỗ trợ phù hợp dựa trên nhu cầu của một dự án nhất định.

Luật điều chỉnh

⁶ Điều 80.4 của Luật PPP.

⁷ Điều 81.2 của Luật PPP.

⁸ Điều 69 và 70 của Luật PPP.

Luật PPP cũng yêu cầu các hợp đồng PPP được điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.⁹ Điều này khác với quy chế hiện tại theo đó các hợp đồng PPP có thể được điều chỉnh bởi luật pháp nước ngoài trong một số tình huống nhất định theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đây thường là trường hợp khi hợp đồng có “yếu tố nước ngoài”, bao gồm trong trường hợp một trong các bên là một thực thể nước ngoài. Việc áp dụng các hệ thống luật pháp mang tính quốc tế, trung lập và được xây dựng tốt (thường là luật Anh) đối với các hợp đồng dự án BOT đã và tiếp tục là một vấn đề vô cùng quan trọng về khả năng vay vốn trong việc huy động mức vốn cần thiết cho các dự án PPP quy mô lớn. Luật PPP quy định rằng “những vấn đề chưa được pháp luật Việt Nam quy định” có thể được quy định tại hợp đồng PPP miễn là các quy định đó không trái với “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, tuy nhiên, quy định này quá mơ hồ và không đủ để làm cho các nhà đầu tư quốc tế và các bên cho vay cảm thấy yên tâm

Thời hạn hoàn tất các thỏa thuận tài chính

Luật PPP đưa ra yêu cầu đối với các nhà tài trợ và công ty dự án để đạt được việc hoàn tất các thỏa thuận tài chính trong vòng 18 tháng kể từ khi ký kết một thỏa thuận dự án cho các dự án do Quốc hội hoặc Chính phủ phê duyệt, hoặc 12 tháng kể từ khi ký một thỏa thuận dự án cho các dự án khác.¹⁰ Quy định này dài hơn so với thời gian trước đây để đàm phán các hợp đồng BOT cho các dự án điện phức tạp do quốc tế tài trợ. Ngoài ra, hậu quả của việc không đáp ứng các thời hạn theo luật định về việc hoàn tất các thỏa thuận tài chính là không rõ ràng.

Dựa trên kinh nghiệm của các bên cho vay nước ngoài với các dự án quy mô lớn tại Việt Nam, các mốc thời gian này sẽ được coi là tham vọng và có thể là một cản trở đối với việc đầu tư trong sự thiếu chắc chắn.

Đồng thuận đối với việc chuyển nhượng vốn

Luật PPP yêu cầu phải có sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là một bên của hợp đồng PPP và áp dụng các hạn chế khác đối với việc chuyển nhượng vốn cổ phần trong doanh nghiệp dự án cho bên thứ ba trước khi hoàn thành xây dựng (hoặc khi dự án đi vào vận hành nếu không có cấu phần xây dựng). Sự cứng nhắc này có khả năng gây trở ngại cho nhà đầu tư vì không có tiêu chí cố định về trường hợp được phép chuyển nhượng phần vốn cổ phần trong các dự án và doanh nghiệp dự án - các tiêu chí này do cơ quan Nhà nước quyết định. Những vấn đề này phù hợp hơn khi đàm phán hợp đồng giữa các bên liên quan.

Quyền chấm dứt và thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Luật PPP giới hạn các trường hợp được phép chấm dứt hợp đồng PPP trước hạn trong các trường hợp cụ thể sau:¹¹

- sự kiện bất khả kháng diễn ra trong thời gian dài;
- doanh nghiệp dự án mất khả năng thanh toán;
- một bên vi phạm nghiêm trọng hợp đồng PPP;
- được phép theo Bộ luật Dân sự do hoàn cảnh thay đổi cơ bản; và

bảo đảm an ninh quốc gia.

Không có quy định rõ ràng về mức độ linh hoạt của các bên ký kết để xác định cụ thể các thông số của từng hạng mục trong hợp đồng PPP, và tính ràng buộc của Luật PPP về vấn đề này sẽ khiến các nhà đầu tư quan ngại.

Hơn nữa, Luật PPP quy định rằng doanh nghiệp dự án sẽ chỉ nhận được các khoản thanh toán khi chấm dứt hợp đồng nếu việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là do cơ quan Nhà nước ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng hợp đồng PPP hoặc vì lý do an ninh quốc gia. Hai trường hợp này hạn chế hơn năm trường hợp được liệt kê trước đó.

Phạm vi của quy định này rất hẹp và các bên cho vay quốc tế sẽ không sẵn sàng cấp vốn cho các dự án quan trọng mà không có gì đảm bảo rằng khoản nợ của họ sẽ được hoàn trả khi xảy ra sự kiện bất khả kháng kéo dài do thiên tai hoặc quy định của Chính phủ, ngoài các trường hợp khác. Luật pháp và quy định của Việt Nam không thể hạn chế sự linh hoạt của các bên trong việc thực hiện điều này mà không gây rủi ro về nguồn tài chính cho các dự án ở Việt Nam.

Quyền can thiệp của bên cho vay

Luật PPP cũng loại bỏ quyền “can thiệp” và tiếp quản dự án của bên cho vay trong trường hợp mất khả năng

⁹ Điều 55 của Luật PPP.

¹⁰ Điều 76 của Luật PPP.

¹¹ Điều 52 của Luật PPP.

thanh toán theo các tài liệu cấp vốn dự án. Quyền này được phép theo các quy định trước đây. Hiện tại, các bên cho vay được yêu cầu phối hợp với cơ quan Nhà nước để chỉ định một nhà đầu tư mới khi cần thiết. Điều này chỉ được phép nếu hợp đồng PPP được chấm dứt trước hạn trong các trường hợp được quy định trong Luật PPP (đã mô tả ở trên).

Các bên cho vay quốc tế kỳ vọng sẽ có quyền can thiệp để khắc phục và giải quyết các trường hợp mất khả năng thanh toán theo các thỏa thuận cấp vốn. Quan điểm hiện tại trong Luật PPP không có quy định này và có thể có quy định này chỉ khi được thay đổi trong hợp đồng mẫu hoặc các hợp đồng PPP đã thương thảo, có thể gây trở ngại rất nghiêm trọng trong việc tiếp cận nguồn vốn dự án.

Sửa đổi hợp đồng

Luật PPP quy định các trường hợp cho phép sửa đổi hợp đồng PPP phải được quy định trong hợp đồng và đưa ra các trường hợp cụ thể mà các bên phải xem xét việc sửa đổi hợp đồng PPP.¹² Các trường hợp này bao gồm bất khả kháng, điều chỉnh thời hạn hợp đồng PPP (theo quy định trong Luật PPP), khi được phép theo Bộ luật Dân sự khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và các trường hợp khác thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước ký kết hợp đồng để mang lại lợi ích tài chính hoặc kinh tế-xã hội cho dự án. Luật PPP không quy định rõ các bên có được tự do thỏa thuận các nguyên nhân khác để được phép sửa đổi hợp đồng hay không, hay các trường hợp được quy định trong Luật PPP có cho các bên quyền thực thi để sửa đổi hợp đồng PPP khi phát sinh hay không - và nếu có, thì cách thức quyền này có thể được thực hiện trong thực tế cần được làm rõ. Dù trong trường hợp nào đi nữa, những điều khoản này làm suy yếu đáng kể quyền tự do ký kết hợp đồng của các bên và gây ra tâm lý quan ngại cho các nhà đầu tư do quy định thiếu rõ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc ban hành một khung pháp lý cân bằng và thiết thực để quy định về các vấn đề có tầm quan trọng lớn hơn như tính khả thi tài chính của các dự án cơ sở hạ tầng cần được hỗ trợ thông qua phân công của Nhà nước trong cơ chế “đối tác công-tư” cũng là điều quan trọng trong công tác thực thi pháp luật. Các vấn đề tồn đọng làm hạn chế tính hấp dẫn của các dự án PPP đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm sự thiếu rõ ràng của các quy định hiện hành và mâu thuẫn với các quy định khác làm giới hạn ưu đãi của các nhà đầu tư dự án PPP và các khoảng cách lớn về mặt cơ cấu liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đưa ra hướng dẫn rõ ràng về Luật PPP và làm cho các quy định hiện hành phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nhằm gia tăng sự hấp dẫn của các dự án PPP Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.
- Tạo ra một khuôn khổ rõ ràng và cố kết cho các dự án PPP để hưởng lợi từ VGF, đảm bảo doanh thu tối thiểu và các biện pháp chia sẻ rủi ro.

Tiếp tục làm tinh gọn các chính sách và hướng dẫn liên quan đến các dự án PPP, bao gồm tập trung vào các yếu tố chủ yếu như là mức độ khả dụng và giải ngân của các biện pháp cấp vốn và hỗ trợ tín dụng đó.

Thử nghiệm những quy định này trên các dự án thực tế.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

¹² Điều 50 của Luật PPP.

CHƯƠNG 7 THUẾ VÀ CHUYỂN GIÁ

TỔNG QUAN

Nghị quyết số 43 về hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội,¹ trong đó chính sách giảm 2% thuế suất thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được thực hiện trong 2 năm qua đã mang lại nhiều tác động tích cực cho doanh nghiệp và cá nhân. Chúng tôi ủng hộ quyết định gia hạn giảm thuế suất GTGT xuống 8% cho đến cuối năm 2023 và hy vọng rằng sẽ được tiếp tục gia hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 để hỗ trợ doanh nghiệp do tác động của sự chậm lại trong tăng trưởng và thương mại toàn cầu đối với nền kinh tế.

Chúng tôi cũng đánh giá cao việc cộng đồng doanh nghiệp có cơ hội đóng góp vào nhiều sửa đổi luật quan trọng, bao gồm Luật thuế GTGT và thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN"), cũng như đóng góp ý kiến liên quan đến việc thông qua Thuế tối thiểu toàn cầu. Chúng tôi mong muốn được tiếp tục đưa ra những đề xuất nhằm cải thiện môi trường thuế tại Việt Nam.

I. CHÍNH SÁCH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP THÍCH ỨNG VỚI TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH THUẾ SUẤT TỐI THIỂU TOÀN CẦU – 15% (OECD TRỤ CỘT 2)

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (MOF), Tổng cục Thuế (GDT)

Mô tả vấn đề

Các quốc gia thành viên EU đã nhất trí áp dụng Thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% (Trụ cột 2 của OECD) cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2023. Các nhà đầu tư hàng đầu khác tại Việt Nam bao gồm Hàn Quốc và Nhật Bản cũng đã ban hành các quy định để việc áp dụng Trụ cột 2 có hiệu lực từ năm 2024.

Để thực hiện Trụ cột 2, Việt Nam đã đưa ra dự thảo Nghị quyết vào tháng 7 năm 2023 về thu thuế bổ sung theo 02 cơ chế bao gồm Thuế bổ sung tối thiểu trong nước đủ tiêu chuẩn ("QDMTT") và Quy tắc bao gồm thu nhập ("ILR").

Một trong những mối quan ngại lớn nhất liên quan đến Trụ cột 2 là tác động đến các nhà đầu tư nước ngoài chuẩn bị tiến vào Việt Nam, cũng như tác động tới lợi ích từ các ưu đãi thuế đã được cấp của các nhà đầu tư hiện tại có thể sẽ bị mất hoặc giảm sút.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong trường hợp áp dụng thuế bổ sung theo Trụ cột 2, hiện các doanh nghiệp, nhất là các Tập đoàn đa quốc gia có đầu tư vào Việt Nam cũng như các Tập đoàn lớn của Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài, đang rất quan tâm tới ảnh hưởng của cải cách thuế toàn cầu này, cụ thể:

- Liệu rằng việc áp dụng thuế suất tối thiểu toàn cầu có thể khiến cho các ưu đãi thuế mà các doanh nghiệp này đang hoặc sẽ được hưởng theo luật hiện hành có thể bị giảm hoặc mất đi hay không? Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tại Việt Nam của các Tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam do ưu đãi thuế là một trong những yếu tố quan trọng để thu hút đầu tư.
- Chính phủ Việt Nam có thể đưa ra những chính sách nào để khuyến khích đầu tư nước ngoài cho các nhà đầu tư hiện tại và tương lai bị ảnh hưởng bởi việc áp dụng Trụ cột 2 khi các lợi ích ưu đãi thuế bị giảm, mất hoặc không còn?

¹ Nghị quyết 43/2022/QH15, ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết 43).

Vấn đề này đặc biệt quan trọng khi Việt Nam hiện đang nỗ lực thu hút đầu tư trong các lĩnh vực trọng điểm từ các doanh nghiệp hàng đầu thế giới để đảm bảo thực hiện chiến lược tăng trưởng kinh tế trong những năm tới.

Tham khảo từ kinh nghiệm quốc tế, những quốc gia đã tuyên bố sẽ áp dụng Trụ cột 2 như đã soạn thảo luật thuế thu nhập doanh nghiệp nội địa để cân nhắc bổ sung các lợi ích thuế khác cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi chính sách này.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Chính phủ Việt Nam tận dụng cơ hội mà Trụ cột 2 mang lại để tiến hành đánh giá toàn diện các ưu đãi thuế hiện hành. Điều này bao gồm nghiên cứu kỹ ảnh hưởng của Thuế suất tối thiểu toàn cầu đến lợi ích của các nhà đầu tư hiện tại và tương lai, đồng thời xem xét những giải pháp thiết thực và hiệu quả để đảm bảo khuyến khích đầu tư vào đúng những dự án trọng điểm và cần khuyến khích, để việc áp dụng Trụ cột 2 không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và vẫn đảm bảo đáp ứng quy định và cam kết của Việt Nam trong Trụ cột 2.
 - Ví dụ: Nếu áp dụng các biện pháp khuyến khích dựa trên chi tiêu thay vì dựa trên thu nhập thì doanh nghiệp sẽ ít chịu ảnh hưởng từ Trụ cột 2 hơn. Qua đó có thể khuyến khích đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực và địa bàn trọng điểm mà vẫn tuân thủ cam kết.
 - Ví dụ về ưu đãi dựa trên chi tiêu có thể theo thông lệ quốc tế bao gồm: (i) khấu hao nhanh máy móc, thiết bị của dự án đầu tư và (ii) khấu trừ gấp đôi chi phí nhân công hoặc chi phí nghiên cứu và phát triển (“R&D”) đối với dự án được khuyến khích đầu tư.
 - Những ưu đãi dựa trên chi tiêu như vậy có thể làm tăng khả năng tạo ra đầu tư bổ sung vì chúng nhắm trực tiếp vào chi phí đầu tư.
- Ngoài việc khuyến khích đầu tư vào R&D, các khuyến khích đổi mới và công nghệ cao có thể được nhắm tới để hỗ trợ các mục tiêu chính sách như thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh;
- Ngoài ra, doanh thu thuế tạo ra từ QDMTT có thể được chi cho các lĩnh vực để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tổng thể như cơ sở hạ tầng và phát triển kỹ năng của lực lượng lao động; và
- Trụ cột 2 tạo cơ hội rất tốt để Việt Nam xem xét cải cách ưu đãi thuế và việc này cần được thực hiện càng sớm càng tốt để không làm mất nguồn thu thuế hoặc đầu tư nước ngoài, vì các nước khác sẽ áp dụng thuế bổ sung từ năm 2024 và cũng đang xem xét sửa đổi chế độ ưu đãi thuế của họ để đáp ứng.

II. KHẤU TRỪ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO (“GTGT”) VÀ GHI NHẬN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ CHO MỤC ĐÍCH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) ĐỐI VỚI NHỮNG HÓA ĐƠN TỪ DOANH NGHIỆP BỎ TRỐN

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (MOF), Tổng cục Thuế (GDT)

Mô tả vấn đề

Gần đây, cơ quan thuế Việt Nam công bố danh sách các cơ sở kinh doanh bỏ trốn, là những công ty đã ngừng hoạt động mà không thực hiện thủ tục thông báo theo quy định, và liên hệ với các doanh nghiệp trực tiếp tiêu dùng hàng hóa/dịch vụ của các cơ sở kinh doanh nêu trên để yêu cầu giải trình, loại trừ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và chi phí được trừ liên quan đến những hóa đơn do các cơ sở kinh doanh đó phát hành, bao gồm cả những hóa đơn đã phát hành từ lâu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong khi các doanh nghiệp luôn nỗ lực tuân thủ các quy định thuế hiện hành và phối hợp với cơ quan thuế để ngăn chặn các hành vi gian lận thuế, việc cơ quan thuế từ chối khấu trừ thuế GTGT đầu vào và chi phí được trừ đối với tất cả các hóa đơn liên quan từ các cơ sở kinh doanh bỏ trốn là chưa phù hợp vì doanh nghiệp (i) thực tế đã mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ phục vụ cho mục đích kinh doanh, (ii) đã nhận hóa đơn và thanh toán đầy đủ các hóa đơn hợp lệ cho các cơ sở kinh doanh này và (iii) không có nghĩa vụ xác nhận hoặc giám sát hoạt động kinh doanh thông thường của các cơ sở kinh doanh đó.

Việc từ chối cho doanh nghiệp khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ có thể dẫn đến những rủi ro đáng kể về thuế, bao gồm các khoản thuế phải nộp bổ sung, lãi chậm nộp và phạt vi phạm hành chính.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Để tạo sự công bằng và minh bạch cho doanh nghiệp, cơ quan thuế cần xem xét việc chấp nhận cho doanh nghiệp là bên tiêu dùng khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế với các hóa đơn hợp lệ và có chứng từ thanh toán hợp lý cũng như các chứng từ hỗ trợ khác. Việc xử lý các nhà cung cấp bỏ trốn cần được tiến hành riêng biệt theo khía cạnh điều tra pháp lý.

III. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG THỎA THUẬN TRƯỚC VỀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ (“APA”) HOẶC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG (“MAP”)

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (MOF), Tổng cục Thuế (GDT)

Mô tả vấn đề

1. Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APAs)

APA là một cơ chế giải quyết tranh chấp tiềm năng cho các giao dịch liên kết xuyên biên giới. Cơ chế này mang lại sự ổn định về thuế cho người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế bằng cách đàm phán trước các điều khoản của giao dịch liên kết. Điều này góp phần giảm thiểu các yêu cầu phức tạp về tài liệu liên quan đến giao dịch liên kết, cũng như giảm thiểu rủi ro về thanh kiểm tra, kiện tụng và đánh thuế hai lần.

Việt Nam đưa ra chương trình APA từ năm 2013 thông qua Thông tư 201 và đã được thay thế bằng Thông tư 45 vào năm 2021. Thông tư 45 có hiệu lực từ tháng 8 năm 2021.

Theo quy định của Thông tư 45, thời hiệu của APA đã giảm từ 5 năm xuống còn 3 năm, hơn nữa không có hướng dẫn quy định về hồi tố.

Mười năm sau khi triển khai chương trình APA, mặc dù rất nhiều đơn đăng ký tham gia chương trình APA của các tập đoàn đa quốc gia đã được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp nhận, Việt Nam vẫn chưa ký kết và thực hiện các hiệp định APA. Việc thẩm định và đánh giá hồ sơ đăng ký APA của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam diễn ra tương đối chậm, hầu hết các hồ sơ đăng ký APA trong những năm qua của người nộp thuế không có tiến triển gì.

Thời hiệu của APA giảm, cộng thêm việc thiếu đi lựa chọn hồi tố và thời gian xử lý cho người nộp thuế bị kéo dài đã khiến đơn đăng ký APA mất đi mục đích vốn có là một công cụ ngăn ngừa tranh chấp.

Với lượng lớn hồ sơ đăng ký APA đã được gửi tới cơ quan có thẩm quyền, Việt Nam cần cân nhắc rút ngắn thời gian thẩm định, đánh giá và nên tiếp tục đàm phán APA với các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài và đạt được thỏa thuận trong thời gian ngắn.

Hơn nữa, để nâng cao hiệu quả của APA trong tương lai, chúng tôi khuyến nghị cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét cân nhắc thực hiện khung thời gian hợp lý để đánh giá, thẩm định và đàm phán áp dụng APA. Theo thông lệ quốc tế, đơn đăng ký APA có thể đạt được thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền của hai nước trong khoảng hai năm sau khi nộp đơn.

Về thời hiệu, chúng tôi kiến nghị xem xét áp dụng lại thời hạn hiệu lực 5 năm để phù hợp với thông lệ quốc tế nói chung. Hơn nữa, quy định về hồi tố có thể cung cấp giải pháp hiệu quả đối với các trường hợp cần thời gian xử lý lâu hơn.

2. Thỏa thuận song phương (MAP)

Thỏa thuận song phương là một công cụ để giải quyết các tranh chấp thuế quốc tế trong trường hợp người nộp thuế nhận định hành động của một hoặc cả hai cơ quan quản lý thuế của các nước ký kết dẫn đến việc đánh thuế không phù hợp với các quy định của hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Việt Nam đã ký các hiệp định tránh đánh thuế hai lần với khoảng 80 quốc gia, do đó Việt Nam có khung pháp lý cần thiết để quản lý các thủ tục thỏa thuận song phương.

Tuy nhiên trên thực tế, theo kinh nghiệm của các công ty đa quốc gia, các hồ sơ xin thủ tục thỏa thuận song phương nộp lên Bộ Tài chính đều không có tiến triển hoặc có nhưng rất ít. Hiện tại chưa có trường hợp nào áp dụng thỏa thuận song phương trong các vấn đề liên quan đến giao dịch liên kết đạt được sự đồng thuận và giải quyết giữa các bên.

Hơn nữa, chúng tôi nhận thấy trường hợp các cục thuế cấp tỉnh từ chối nhận đơn đăng ký Thỏa thuận đánh thuế hai lần (“DTA”) vì người nộp thuế không thể cung cấp giấy chứng nhận cư trú thuế cho năm hiện tại. Việc từ chối này là không hợp lý vì không cơ quan thuế nào cấp giấy chứng nhận cư trú thuế cho năm hiện tại. Mặt khác, người nộp thuế không thể kê khai đủ điều kiện miễn thuế trên các tờ khai thuế do bị từ chối vô lý phải nộp số thuế gấp đôi. Sau đó, họ sẽ phải sửa lại các biểu mẫu thuế để báo cáo đủ điều kiện miễn thuế, chuẩn bị hồ sơ xin giảm thuế và hy vọng sẽ được hoàn lại phần thuế nộp thừa, điều hiếm khi xảy ra trên thực tế. Chúng tôi cũng quan sát và được phản ánh rằng thủ tục hoàn thuế cực kỳ chậm chạp, bị thắt chặt bởi quan liêu và dường như được thực hiện có chủ ý.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Nên rút ngắn thời gian đánh giá và đàm phán các đơn đăng ký và cân nhắc kết thúc các đơn đăng ký MAP trong khung thời gian hợp lý;
- Thủ tục đăng ký DTA cũng nên được sửa đổi để người nộp thuế có thể tuyên bố đủ điều kiện và không phải nộp thuế ngay từ đầu, thay vì phải nộp thuế trước và mong nhận được tiền hoàn thuế sau này khi tài liệu hỗ trợ được hoàn thành, có sẵn; và
- Ngoài ra, nếu cơ quan thuế từ chối nhận đơn đăng ký DTA, họ phải có nghĩa vụ giải thích bằng văn bản về cơ sở pháp lý của việc từ chối đó dựa trên trích dẫn luật và quy định về thuế, thay vì tư vấn cho người nộp thuế bằng lời nói.

IV. KHẢ NĂNG KHẤU TRỪ CHI PHÍ ĐỐI VỚI CHI PHÍ TIẾP THỊ/ HỖ TRỢ BÁN HÀNG CHO KHÁCH HÀNG GIÁN TIẾP TRONG CHUỖI PHÂN PHỐI

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (MOF), Tổng cục Thuế (GDT)

Mô tả vấn đề

Để thúc đẩy doanh số bán hàng trong chuỗi phân phối, doanh nghiệp sẽ xây dựng các khoản hỗ trợ bán hàng hoặc thực hiện các chương trình khuyến mãi mang lại lợi ích cho khách hàng của nhà phân phối trực tiếp ("khách hàng gián tiếp"). Đây là mô hình hoạt động kinh doanh đang thịnh hành trên thế giới và góp phần tăng doanh thu cho chính doanh nghiệp.

Tuy nhiên, cơ quan thuế hiện không cho phép doanh nghiệp ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế đối với các khoản chi hỗ trợ bán hàng/khuyến mãi cho khách hàng gián tiếp vì những khoản chi này lẽ ra là nghĩa vụ của nhà phân phối.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Chính phủ Việt Nam cân nhắc sửa đổi các quy định liên quan để cho phép các khoản chi này được coi là chi phí được trừ cho mục đích thuế trên cơ sở các khoản chi này góp phần trực tiếp vào việc tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá của EuroCham

B PHÁT TRIỂN XANH VÀ BỀN VỮNG

CHƯƠNG 8 NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

TỔNG QUAN

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHCN)

Tiểu ban Phát triển Xanh thuộc EuroCham (GGSC) hoan nghênh và ủng hộ các ưu tiên của Chính phủ trong việc quản lý và phát triển thị trường năng lượng tại Việt Nam. Đặc biệt, chúng tôi đánh giá cao việc Nghị quyết 55¹ tập trung nhiều hơn vào năng lượng sạch và đưa ra lập trường có tầm nhìn sâu rộng hơn. EuroCham cũng ghi nhận các cam kết mà Việt Nam đưa ra tại COP 21, COP 26 cũng như được nhấn mạnh tại COP28, và mong muốn góp phần vào việc thực hiện các cam kết này thông qua sự hỗ trợ và hợp tác của khu vực tư nhân.

Năng lượng tác động đến mọi mặt của môi trường Việt Nam. Như vậy, cách tiếp cận để phát triển và truyền tải năng lượng một cách hữu ích và hiệu quả có thể làm tăng thêm hoặc giảm bớt các tác động đến khí hậu và môi trường.

EuroCham ghi nhận sự tăng trưởng về nhu cầu năng lượng sạch từ các công ty tiêu thụ điện, đặc biệt là các công ty quốc tế quy mô lớn đã thành lập, hoặc đang tìm cách đặt cơ sở tại Việt Nam và đang tìm kiếm nguồn năng lượng sạch cho doanh nghiệp của mình. Thông thường, đây là một phần trong cam kết của doanh nghiệp về việc sử dụng 100% năng lượng sạch, và trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp đã đặt mục tiêu về năng lượng xanh rất lâu trước khi Việt Nam đưa ra cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại COP 26. Đây cũng chính là một phần của phong trào toàn cầu bắt nguồn từ kỳ vọng của người tiêu dùng. Ở nhiều nước châu Á, mục tiêu cung cấp 100% năng lượng sạch có thể đạt được mà không làm ảnh hưởng đến tài chính của người tiêu dùng.

Lĩnh vực năng lượng mặt trời và năng lượng gió của Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng nhanh chóng và ấn tượng với việc mở rộng quy mô lắp đặt điện mặt trời trong nước, ước cung cấp khoảng 27% tổng công suất sản xuất điện của cả nước vào cuối năm 2020, đạt 16.500MW điện mặt trời tính đến thời điểm này.

Chi phí sản xuất năng lượng sạch đã giảm khi thị trường có những dự án với quy mô lớn hơn và công nghệ được cải tiến. Cùng với việc tăng quy mô là tăng hiệu quả, chi phí trên một đơn vị cũng có thể giảm xuống. Song song đó, tiến bộ công nghệ dựa trên các giải pháp đã được kiểm tra và thử nghiệm có thể cung cấp năng lượng tái tạo một cách hiệu quả với mức rủi ro thấp, cho phép nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành sản xuất năng lượng. Khi thị trường có thể kiểm soát và giảm thiểu rủi ro cho các nhà phát triển và người tiêu dùng trong các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn, năng lượng tái tạo có thể trở thành lựa chọn rõ nhất trên thị trường toàn cầu. Quan sát từ một số thị trường trên thế giới đã ủng hộ và cung cấp nền tảng ổn định để hình thành và phát triển năng lượng tái tạo cho thấy giá thành sản xuất năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện, đặc biệt là thủy điện và điện gió ngoài khơi, thuộc vào hạng thấp nhất khi so sánh với năng lượng hóa thạch..²

Có thể nhìn thấy lợi ích kinh tế của xu hướng sử dụng năng lượng tái tạo ở Việt Nam khi các công ty cung cấp điện năng lượng mặt trời mái nhà có thể cung cấp cho người tiêu dùng sản xuất điện với giá rẻ hơn so với biểu giá của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Giảm chi phí vận hành là một lợi ích quan trọng đối với các nhà sản xuất và chúng tôi rất ủng hộ việc tiếp tục phát triển năng lượng sạch với chi phí thấp tại Việt Nam. Việc thúc đẩy kênh tiêu thụ năng lượng tái tạo trực tiếp mới cũng có thể giảm áp lực về nhu cầu nâng cấp hệ thống truyền tải của EVN. Từ đó, người sử dụng điện có thể mua điện được sản xuất trực tiếp từ các nguồn năng lượng tái tạo thông qua Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA, được thảo luận chi tiết hơn ở phần sau của chương này), là nền tảng để hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng và tránh tác động cũng như sự phụ thuộc vào hệ thống truyền tải điện khu vực và quốc gia.

1 Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11 tháng 2 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 55).

2 Kể từ khi lập biểu giá điện gió ngoài khơi cho Đà Loan, chi phí trên mỗi MW (megawatt) đã giảm khoảng 60%. Tại Anh, chi phí thậm chí còn tăng hơn 70% và sự hỗ trợ cho ngành sản xuất điện gió ngoài khơi đã giúp lĩnh vực này trở thành hình thức sản xuất năng lượng rẻ nhất (so với các công nghệ nhiệt điện, điện hạt nhân và điện tái tạo).

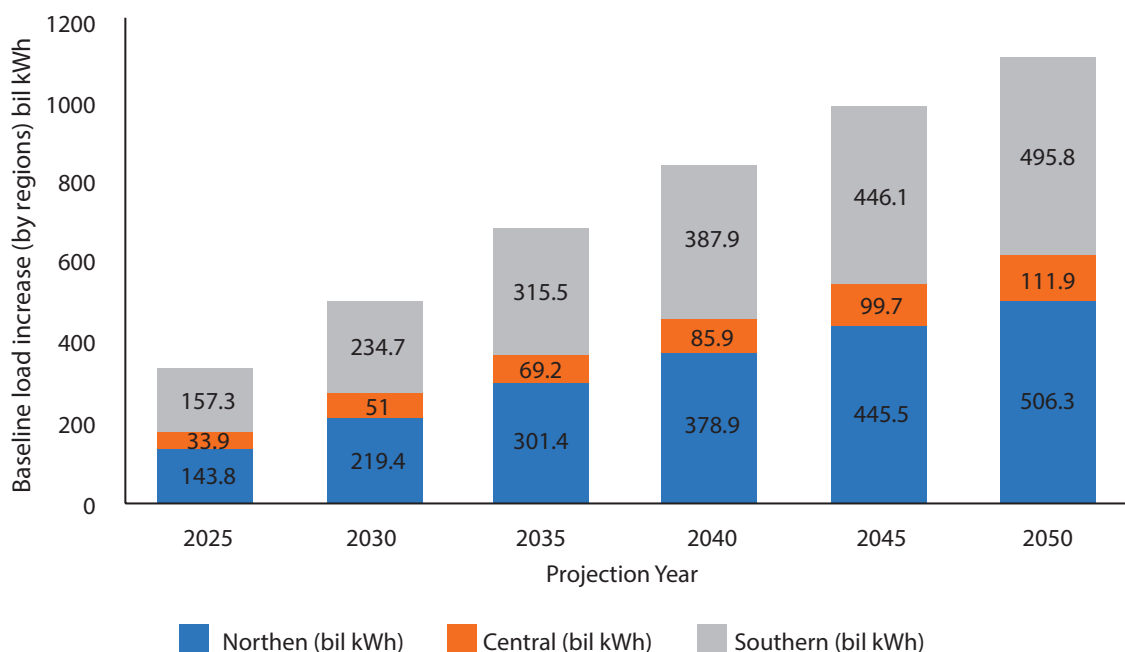
Điện sản xuất từ các nhà máy nhiệt điện than gây ô nhiễm không khí, nước và đất nhiều hơn so với điện được sản xuất từ bất kỳ nguồn nào khác và chịu tác động lớn bởi biến động giá than toàn cầu. Trước mắt, việc lắp đặt thêm các bộ lọc trong các nhà máy nhiệt điện than sẽ làm giảm lượng khí thải vốn phải được xử lý cẩn thận. Tuy nhiên, trong trung hạn, việc chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo trong nước và nghiêm túc tham gia vào việc sử dụng năng lượng có hiệu quả dường như sẽ tiết kiệm, an toàn và bền vững về mặt chiến lược hơn.

Nhu cầu năng lượng

Trong thập kỷ qua, nhu cầu năng lượng ở Việt Nam đã tăng lên đáng kể (trung bình 9,7%/năm), với tổng lượng điện sản xuất năm 2020 là 216,8 tỷ kWh, một phần là do sự mở rộng của ngành công nghiệp và đầu tư nước ngoài vào công nghiệp. Nhu cầu điện của các tỉnh phía Bắc tăng cao nhất (11,6%) so với các tỉnh miền Trung và miền Nam (6,9% và 8,7%).³ Dự báo phụ tải đến năm 2050 của Việt Nam cho thấy xu hướng hiện tại sẽ tiếp tục với khu vực miền Bắc và miền Nam khi đây là các trung tâm sản xuất có nhu cầu lớn nhất. Tuy nhiên, công suất lắp đặt hiện tại ở các khu vực này rất khác nhau. Trong khi miền Bắc có khoảng 50% điện than thì miền Nam có khoảng 30% điện than và khoảng 30% điện mặt trời.

Hình 1, tham khảo Báo cáo của Viện Năng lượng vào tháng 5 năm 2023, cung cấp thông tin tham khảo về dự báo nhu cầu năng lượng của miền Bắc, Trung và Nam.

Hình 1: Dự báo phụ tải (theo vùng) đến năm 2050
(Nguồn: Báo cáo PDP8 - Viện Năng lượng tháng 5/2023)



I. CƠ HỘI TỪ VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Phát triển ngành năng lượng tái tạo, áp dụng các công nghệ mới, lưu trữ điện và nâng cao hiệu quả, quy mô của hệ thống truyền tải sẽ mang lại nhiều lợi thế cho Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Cung cấp thêm các phương án phát điện và công nghệ truyền tải để đáp ứng nhu cầu năng lượng hiện tại và trong tương lai

³ Đánh giá tiềm năng đáp ứng nhu cầu tại Việt Nam. Báo cáo tư vấn cuối cùng được nộp cho Ngân hàng Phát triển Châu Á. Ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Tăng cường an ninh năng lượng ở Việt Nam để giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu nước ngoài cũng như ảnh hưởng của những bất ổn liên quan đến nguồn cung (tính sẵn có) và những thay đổi về giá cả
3. Tạo việc làm/thích ứng:
 - a. Tạo ra một lượng lớn việc làm ở các vị trí quản lý, nhân viên văn phòng và công nhân ở tất cả các giai đoạn của dự án năng lượng tái tạo (phát triển, xây dựng, vận hành & bảo trì và ngừng hoạt động)
 - b. Dịch chuyển lực lượng lao động hiện tại, đặc biệt là từ các ngành tương tự như dầu khí, xây dựng, cảng biển, kỹ thuật dân dụng và điện, quản lý dự án, v.v.
 - c. Nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động thông qua đào tạo và chia sẻ kiến thức để tạo điều kiện cho lực lượng lao động có tay nghề của Việt Nam phát triển một cách tự nhiên
4. Đầu tư và hoàn thiện/mở rộng chuỗi cung ứng khu vực và quốc gia
 - a. Cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng để phát triển và nâng cao năng lực hiện có của công ty
 - b. Thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào chuỗi cung ứng của Việt Nam để nâng cao năng lực và khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước
 - c. Tạo ra một hoặc nhiều trung tâm điện gió ngoài khơi trên đất liền để phục vụ nhiều dự án tại Việt Nam và thu hút nhiều doanh nghiệp hỗ trợ
 - d. Tận dụng chuỗi cung ứng hiệu quả hiện có, lực lượng lao động lớn, cơ sở hạ tầng cảng tốt và quỹ đất sẵn có để phát triển thành trung tâm chuỗi cung ứng của Đông Nam Á nhằm phục vụ nhiều thị trường khác

Các khía cạnh việc làm và chuỗi cung ứng sẽ mang lại nguồn vốn phát triển kinh tế trực tiếp và gián tiếp cho quốc gia, khu vực và địa phương. Cũng cần lưu ý rằng mặc dù chính các nhà phát triển hoặc nhà thầu/nhà thầu phụ đều có lợi ích trực tiếp ngay lập tức trong các dự án năng lượng tái tạo và các khía cạnh của chuỗi cung ứng được sử dụng, có rất nhiều tác động “Cấp 3” cũng được tăng cường từ khoản đầu tư nước ngoài này. Nhiều ngành nghề hiện có sẽ nhận được nguồn vốn đầu tư thứ cấp và dẫn đến việc phát triển lưu trú lâu dài/ngắn ngày, giao thông vận tải (đường bộ/đường biển/hàng không), giải trí, ăn uống, hậu cần, v.v.

Cơ hội từ điện gió ngoài khơi

Điện gió ngoài khơi cần được coi là nguồn có chi phí thấp nhất, ít rủi ro nhất với công suất điện cơ sở lớn đến năm 2050. Quy hoạch phát triển điện lực VIII (PDP8) đặt mục tiêu phát triển điện gió ngoài khơi đạt 6GW vào năm 2030. Đây là một mục tiêu đầy tham vọng vì ngành điện gió ngoài khơi của Việt Nam vẫn còn ở giai đoạn sơ khai và các cơ chế pháp lý liên quan cần thiết để hỗ trợ phát triển điện gió ngoài khơi (chẳng hạn như sửa đổi Nghị định 11⁴, thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT để cho phép khảo sát ngoài khơi) vẫn chưa được hoàn thiện. Bộ Công thương nên xem xét tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nguồn điện gió ngoài khơi bằng cách xây dựng Hợp đồng mua bán điện (PPA) có hiệu lực quốc tế và kết hợp các cơ quan có chức năng cấp phép và quy hoạch tổng thể thành một cơ quan duy nhất, lý tưởng nhất là với các quy trình minh bạch và các mốc thời gian pháp định để cho phép các nhà phát triển đầu tư trên quy mô lớn trong một môi trường nơi rủi ro có thể quản lý được.

II. KHUNG PHÁP LÝ VỀ NĂNG LƯỢNG

EuroCham chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã hoàn thiện Quy hoạch phát triển điện lực VIII (PDP8), được phê duyệt vào ngày 15 tháng 5 năm 2023. PDP8 đặt ra các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho cơ cấu nguồn điện.

Bảng 1 cung cấp công suất phát điện dự kiến/theo kế hoạch cho Việt Nam đến năm 2030 và mức đóng góp của các dự án năng lượng này tính theo tỷ lệ phần trăm trong tổng nguồn cung.

4 Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (Nghị định 11).

Bảng 1: Công suất của các dự án phát điện được lắp đặt năm 2030 theo PDP8

Nguồn điện	Công suất lắp đặt (MW) 2022	Công suất lắp đặt (MW) 2030	Tỷ trọng (%) 2030
Điện gió trên bờ	3.980	21.880	14,5
Điện gió ngoài khơi		6.000	4,0
Nhà máy điện mặt trời	8.840	12.836	8,5
Điện mặt trời mái nhà	7.755		
Điện sinh khối và điện sản xuất từ rác	382	2.270	1,5
Thủy điện	22.022	29.346	19,5
Thủy điện tích năng		2.400	1,6
Pin lưu trữ (BESS)		300	0,2
Điện đồng phát (CHP)		2.700	1,8
Nhiệt điện than	24.100	30.127	20,0
Nhiệt điện khí trong nước	7.185	14.930	9,9
LNG nhập khẩu		22.400	14,9
Nguồn điện linh hoạt (nguồn khởi động nhanh; dịch vụ phụ trợ)		300	0,2
Điện dầu	1.500		
Nhập khẩu	572	5.000	3,3
Tổng cộng	76.336	150.489	100

Để có thể thực hiện được các mục tiêu này, Việt Nam cần xây dựng khung pháp lý dài hạn để đạt được mức phát thải ròng bằng 0 và đảm bảo quá trình chuyển đổi từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng phát thải thấp. Kế hoạch thực hiện PDP8 dự kiến sẽ thực hiện được mục tiêu này, tuy nhiên, cũng cần phải phối hợp với các chính sách hiện có, cập nhật các quy định hiện hành cũng như ban hành các quy định mới, ví dụ như Luật Năng lượng tái tạo, để thúc đẩy các lĩnh vực này.

1. Chuyển đổi sản xuất điện than

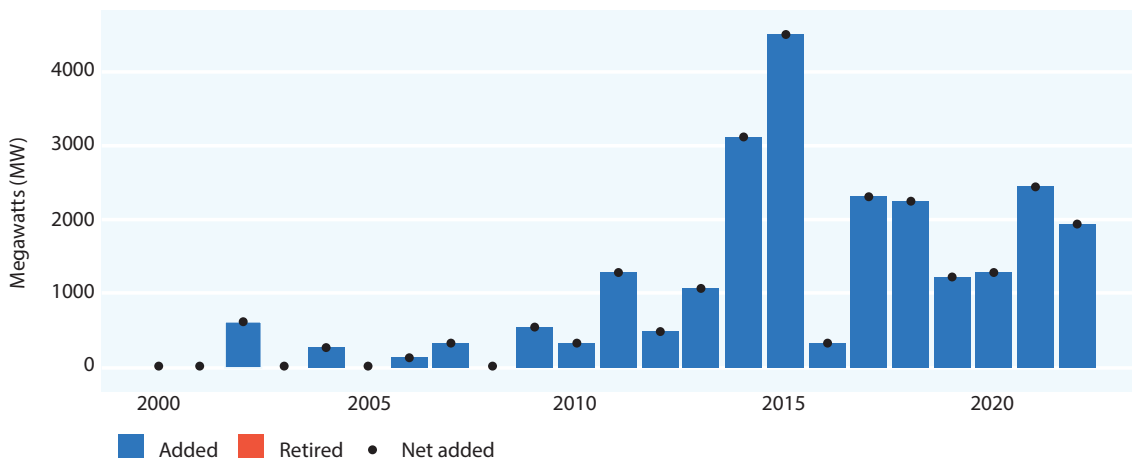
EuroCham nhận thấy sẽ không có khoản đầu tư nhà máy điện than mới nào sau năm 2030, như đã nêu trong PDP8, và hoàn toàn ủng hộ việc đình chỉ các dự án nhà máy nhiệt điện than chậm tiến độ, ví dụ như do không huy động được vốn.

Để hỗ trợ các mục tiêu giảm điện than và đảm bảo quy hoạch hiệu quả cơ sở hạ tầng phát điện và truyền tải điện nhằm lấp đầy khoảng trống khi loại bỏ điện than khỏi hệ thống năng lượng, cần xây dựng một lộ trình hiệu quả ở cấp quốc gia để chuyển đổi các nhà máy này. Lộ trình này cần xem xét nhu cầu duy trì và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời gắn với việc phát triển Hệ thống Thương mại Phát thải quốc gia (ETS).

Đặc biệt, nhìn vào vai trò của các nhà máy điện than của Việt Nam trong 10-20 năm tới (vì các nhà máy này còn rất mới, trong đó phần lớn công suất các nhà máy điện than đã được tăng thêm trong 15 năm qua), vẫn còn nhiều năm vòng đời kinh tế và kỹ thuật và việc này cần được quản lý cẩn thận. Điều này được thể hiện ở Hình 2, so sánh

giữa công suất điện than tăng thêm và giảm đi ở Việt Nam từ năm 2000. Việc giảm một phần sản xuất điện than và do đó sử dụng nhiên liệu hóa thạch có thể được khuyến khích khi xem xét vai trò của hydro (sử dụng amoniac làm nhiên liệu rắn) để đốt cùng với than trong một quá trình đồng đốt (co-firing). Nếu lượng amoniac này có thể được tạo ra thông qua các nguồn năng lượng tái tạo như gió thì có thể bắt đầu một hình thức chuyển đổi xanh ở cấp độ nhiệt điện song song với các nguồn năng lượng tái tạo mới.

Hình 2: Công suất điện than bổ sung (hoặc ngừng hoạt động) ở Việt Nam từ năm 2000⁵



2. Phát triển ngành năng lượng tái tạo

PDP8 đã được thiết kế để xét đến nhiều hình thức sản xuất năng lượng tái tạo trong nước, đồng thời tạo thêm cơ hội cho việc xuất nhập khẩu năng lượng tái tạo với các thị trường năng lượng lân cận.

Điện gió (ưu tiên điện gió ngoài khơi)

Điện gió là nguồn điện mới được phát triển trong 5-6 năm qua ở Việt Nam và sau khi khung pháp lý và biểu giá phù hợp được thiết lập, số lượng các nhà máy điện gió đã gia tăng nhanh chóng trên khắp Việt Nam. Tại thời điểm soạn thảo chương này, Việt Nam đã giới hạn phạm vi của các nhà máy điện gió ở các địa điểm trên bờ hoặc những khu vực được phân loại là gần bờ (vùng nước nông). Vùng gần bờ được coi là nằm trong phạm vi 6 hải lý tính từ bờ biển và thông thường các nhà máy điện/tua bin gió này được kết nối với bờ bằng một loạt cầu, mặc dù một số có thể tiếp cận được bằng thuyền.

Điện gió vẫn là ngành công nghiệp chưa được khai thác nhiều ở Việt Nam. Việt Nam có tiềm năng tương đối cao cho các dự án trên bờ và gần bờ, tuy nhiên, khi nhìn vào tốc độ gió và hiệu quả của điện gió xét về công suất phụ tải mà các dự án này có thể cung cấp dưới dạng điện năng, những cơ hội thực sự về điện gió ngoài khơi vẫn chưa được khai phá. PDP8 tập trung vào vai trò của điện gió ngoài khơi trong cơ cấu nguồn điện của Việt Nam, với mục tiêu 6GW vào năm 2030 và tầm nhìn 70-91,5GW vào năm 2050. Mặc dù mục tiêu đặt ra cao và còn tương đối nhiều khu vực để phát triển điện gió ngoài khơi, tuy nhiên tại thời điểm này các quy trình pháp lý và khả năng thực hiện các dự án này vẫn chưa rõ ràng.

Điện mặt trời (PV)

Việc sớm phát triển điện mặt trời sau khi đã quy định biểu giá ở mức phù hợp đã dẫn đến sự phát triển nhanh chóng của điện mặt trời quy mô thương mại và Điện mặt trời mái nhà. Sự mở rộng lĩnh vực này trên quy mô lớn, mang lại công suất vượt xa những mong đợi ban đầu đã tạo ra các vấn đề đối với lưới điện và nhu cầu thương mại bất ngờ về giá điện.

Ngành điện mặt trời tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều tiềm năng, và nên được cơ cấu để đảm bảo thiết lập một cơ

⁵ Global Energy Monitor. Xem tại < <https://globalenergymonitor.org/projects/global-coal-plant-tracker/dashboard/>>, truy cập lần cuối ngày 13 tháng 10 năm 2023.

chế quản lý và kiểm soát hiệu quả hơn để giảm bớt lo ngại của Chính phủ. Cần phải thiết lập các quy định để có thể cấp điện từ các dự án điện mặt trời trực tiếp đến người dùng cuối (thay vì thông qua EVN và lưới điện), với việc bao tiêu trực tiếp dưới hình thức Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA), trong đó lợi ích và khả năng cung cấp năng lượng sạch có thể được thảo luận và thực hiện giữa nhà phát triển và người tiêu thụ điện dựa trên các yêu cầu kỹ thuật và pháp lý cần thiết. Điện mặt trời mái nhà có nhiều vai trò trong tiến trình phát triển năng lượng của Việt Nam và cơ chế DPPA có thể mang lại sự đảm bảo cho điều đó hơn. Khả năng triển khai các hệ thống điện mặt trời mái nhà (có thể được kết nối với lưới điện và “điện sau công tơ” (behind the meter)), cho phép việc tiêu thụ điện được linh hoạt hơn tùy thuộc vào nhu cầu năng lượng của địa phương/vùng miền hoặc nhu cầu thực tế của người tiêu thụ điện, ví dụ: ở cấp độ công nghiệp.

Điện mặt trời cũng có thể được triển khai trong các tình huống sử dụng đất hai mục đích, như đã được thấy trên toàn cầu khi kết hợp với các hồ chứa thủy điện dưới dạng điện mặt trời nổi (có thể được kết hợp với nuôi trồng thủy sản), cộng sinh với một số hình thức canh tác nhất định như nông nghiệp và chăn thả gia súc, v.v.

3. Các khía cạnh hiện tại hạn chế sự phát triển và tiến bộ của ngành năng lượng tái tạo

Chưa có kế hoạch thực hiện PDP8

- **Quy trình lựa chọn nhà đầu tư chưa rõ ràng** – hiện tại không có quy định rõ ràng về cách lựa chọn nhà đầu tư cho các dự án năng lượng trong tương lai, đặc biệt là với các công nghệ năng lượng tái tạo mới nếu các cơ chế thí điểm được thực hiện và các tiêu chí cho những cơ chế này, hoặc khả năng lựa chọn qua hình thức đấu thầu.
 - Khảo sát điện gió ngoài khơi và liên kết lựa chọn nhà đầu tư – Thiếu sự liên kết và lộ trình để được cấp phép thực hiện khảo sát ngoài khơi (theo Nghị định 11 – đang chờ xử lý, dưới sự quản lý của Bộ TN&MT), và sau đó là lợi ích của việc đảm bảo và thực hiện khảo sát theo các yêu cầu của Kế hoạch thực hiện và quy trình Lựa chọn nhà đầu tư (thuộc sự quản lý của Bộ Công Thương với sự hỗ trợ của các tỉnh) về cách thức lựa chọn dự án và nhà đầu tư được chọn.
- **Tập trung đấu giá ngay lập tức sẽ dẫn đến chậm trễ và nguy cơ không hoàn thành dự án** – Chúng tôi lo ngại rằng để thực hiện một quy trình cạnh tranh hoàn chỉnh nhằm giảm chi phí, Chính phủ sẽ có xu hướng thúc đẩy các quy trình đấu giá cho các dự án phát triển mới. Một số thị trường, đặc biệt là điện gió ngoài khơi, đã cho thấy việc thực hiện đấu giá ngay lập tức khi một ngành năng lượng tái tạo mới hình thành đã dẫn đến sự chậm trễ và sự cần thiết phải đàm phán lại biểu giá vì các dự án ban đầu không thể được bàn giao với mức giá đã xác định từ trước (ví dụ như Pháp và gần đây là giai đoạn đầu của các nhà máy điện gió ngoài khơi Vòng 1 của Nhật Bản).
- **Thị trường bán lẻ và cải cách giá điện** – Cần phải đánh giá toàn diện và khai thác tối đa tiềm năng thị trường bán lẻ cũng như cải cách giá điện để tăng tính minh bạch và sự đảm bảo (giảm rủi ro) để khuyến khích đầu tư thêm từ khu vực tư nhân (nhà phát triển) và các ngành thuộc chuỗi cung ứng bắt buộc tương ứng.

Cách tiếp cận một cửa cũng nên được cân nhắc, với sự tham gia của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) và tất cả các bên liên quan trong việc xây dựng Kế hoạch truyền tải điện chiến lược, và cho phép công ty điện của nhà nước quản lý và điều phối nguồn tài chính tư nhân cho cơ sở hạ tầng truyền tải điện. Ngoài ra, Bộ Công Thương cần đẩy nhanh việc hoàn thiện Luật Điện lực sửa đổi để có thể áp dụng vào thực tế, xem xét cho phép các chủ đầu tư xây dựng đường dây truyền tải 220kV và 500kV của riêng mình kết nối với lưới điện quốc gia theo mã lưới điện quy định. Để đẩy nhanh việc phát triển điện gió ngoài khơi, Bộ Công Thương nên xem xét triển khai một số dự án thí điểm được thực hiện bởi cả doanh nghiệp nhà nước và các nhà phát triển tư nhân để sau đó có thời gian xây dựng lộ trình định giá điện rõ ràng cho một hệ thống đấu giá minh bạch và hiệu quả, có hiệu lực sau khi thực hiện các dự án thí điểm này cho đến ít nhất năm 2030. Có thể bắt đầu thực hiện một cơ chế chuyển đổi để tập trung vào cách tiếp cận các dự án thí điểm như vậy. Về vấn đề này, khi điều chỉnh quy trình đấu giá hiệu quả, Việt Nam cần đảm bảo chỉ những công ty/tập đoàn có năng lực tài chính và kỹ thuật để cung cấp nguồn điện an toàn, ổn định, giá rẻ và đúng thời hạn mới được phép tham gia vào quá trình đấu giá. Tương tự như vậy, cần xác định đầy đủ các điều kiện và quyền hạn để có thể được thực hiện ngay sau khi thực hiện đấu giá.

Năng lượng sạch, kết hợp với pin lưu trữ, đã được chứng minh là những nguồn cung cấp điện đáng tin cậy và rẻ ở các thị trường khác. Chúng tôi đã nêu vấn đề pin lưu trữ này trước đây và chúng tôi hoan nghênh việc Bộ Công

thương đưa Hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS) vào cơ cấu nguồn điện với công suất dự kiến là 300 MW vào năm 2030. Tuy nhiên, hiện tại chưa có khung pháp lý về BESS. Chúng tôi mong rằng Bộ Công Thương sẽ cân nhắc và thực hiện các khuyến nghị của EuroCham để cho phép lưu trữ ngay tại các nhà máy điện mặt trời, đồng thời sửa đổi các văn bản liên quan cho phù hợp. Ngoài ra, EVN cũng nên nghiên cứu những lợi ích của việc lưu trữ điện với lượng lớn tại các nhà máy năng lượng sạch thuộc mọi loại hình, bao gồm các công trình điện mặt trời trên mái nhà.

Tính khả dụng của nguồn điện lưới - Nâng cấp kịp thời và độ chắc chắn

- Một trong những khía cạnh quan trọng đòi hỏi sự chắc chắn từ các nhà phát triển điện tái tạo là khả năng tin tưởng vào việc tiêu thụ lượng điện mà họ tạo ra/truyền tải, và do đó, sự rõ ràng và đảm bảo trong lưới điện thông qua EVN và/hoặc EVNNPTEVNNPTEVNNPT là rất quan trọng để cho phép các dự án này được thực hiện. Các khía cạnh chính bao gồm việc xem xét và giải quyết:
- Thiếu chi tiết và cam kết về cơ sở hạ tầng lưới điện – PDP8 ban đầu (được thông qua tháng 5 năm 2023) không bao gồm các bản cập nhật lưới điện chi tiết mới đây trong Phụ lục. Một kế hoạch rõ ràng về cách thức và thời điểm nâng cấp cơ sở hạ tầng lưới điện cần thiết và các hệ thống truyền tải liên quan cần được cập nhật để hỗ trợ thực hiện các dự án năng lượng tái tạo theo kế hoạch ở cấp tỉnh hoặc khu vực. Ngoài ra, cần thiết kế một thỏa thuận thương mại rõ ràng hơn với các cơ chế đền bù cần thiết để đảm bảo cơ sở hạ tầng lưới điện và truyền tải điện được triển khai theo thỏa thuận với chủ đầu tư nhằm tránh thất thoát doanh thu và sản xuất điện không thể sử dụng được.
- Hệ thống cân bằng phụ tải và truyền tải xuyên quốc gia bị hạn chế – Khả năng nâng cấp để sản xuất điện tái tạo thường có thể giúp giảm chi phí, tuy nhiên điều này phải được cân bằng với những rủi ro liên quan đến công nghệ mới ở các thị trường chưa khai thác. Các kế hoạch năng lượng đầy tham vọng được thiết lập trong PDP8 cần có cách tiếp cận mang tính chiến lược và tổng thể để đảm bảo năng lượng có thể được thu gom và phân phối trên toàn quốc (và thậm chí cả trên quy mô quốc tế) một cách hiệu quả. Cần có các cơ chế và cơ sở hạ tầng cân bằng phụ tải, phân phối/lưu trữ/chuyển mạch phù hợp để tránh thất thoát và tối đa hóa cơ hội mà năng lượng xanh mang lại cho Việt Nam.

Sửa đổi và thực hiện Luật Điện lực

- Xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì hệ thống truyền tải trên bờ và sau đó là làm rõ cách thức các bên liên quan thực hiện việc này một cách minh bạch
- Nếu không có đầu tư tư nhân, việc nâng cấp lưới điện và cơ sở hạ tầng truyền tải mới có thể sẽ bị trì hoãn. Một cơ chế rõ ràng cho phép các nhà phát triển dự án đầu tư trực tiếp vào mạng lưới truyền tải sẽ giảm bớt áp lực tài chính cho EVN và mang lại sự chắc chắn để họ yên tâm thực hiện dự án. Điều quan trọng là cần có sự tham gia của EVN để đảm bảo quy định về lưới điện phù hợp và hệ thống điện trên quy mô rộng lớn hơn được cung cấp với chất lượng yêu cầu và ở định dạng mà EVN có thể quản lý hiệu quả và đáng tin cậy.
- Nếu không có sự thực thi và hướng dẫn chi tiết về Luật Điện lực mới được phê duyệt gần đây, sẽ có những hạn chế trong việc kết nối với cơ sở hạ tầng lưới điện hỗ trợ. Sự tham gia và đầu tư của khu vực tư nhân có thể giải quyết/hỗ trợ giải quyết vấn đề này.
- Nếu không có một kế hoạch chiến lược rộng lớn hơn với một lượng vốn đầu tư đáng kể có thể được tiếp cận từ khu vực tư nhân thì các kết nối năng lượng tái tạo tiếp theo có thể sẽ bị cản trở/chậm trễ.

Việc cho phép nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu xây dựng đường dây truyền tải 220kV và 500kV sẽ giúp phát huy lợi ích cho hệ thống truyền tải và phân phối điện bằng cách tiếp tục hỗ trợ xây dựng các nhà máy điện tái tạo quy mô lớn như điện gió ngoài khơi.

Chức năng của Hợp đồng mua bán điện (PPA)

Tại thời điểm biên soạn chương này, các nhà phát triển và nhà khai thác vẫn còn mơ hồ về nhiều nội dung của PPA liên quan đến việc chủ sở hữu không có toàn quyền kiểm soát liên quan đến khả năng đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận và có thể dự đoán được trong dài hạn. Bản chất độc lập của các cuộc đàm phán về PPA giữa các nhà phát triển dự án năng lượng tái tạo và EVN cũng cho phép đưa ra nhiều điều khoản và biểu giá khác nhau giữa các dự án, từ đó có thể tạo ra sự thiên vị và cách tiếp cận biệt lập hơn trong việc quản lý các dự án riêng biệt.

Chúng tôi hiểu rằng trên một quốc gia rộng lớn như Việt Nam, nhu cầu năng lượng, mức công suất sản xuất và khả năng truyền tải có thể khác nhau đáng kể giữa các tỉnh và thậm chí giữa các huyện. Tuy nhiên, cách tiếp cận phù hợp hơn sẽ mang lại lợi ích cho cả EVN và các nhà phát triển/nhà khai thác trong tương lai. Vẫn còn một số khúc mắc trong các lĩnh vực sau:

- Cắt giảm sản lượng - việc chấp nhận sản xuất điện tại địa phương vào lưới điện theo biểu giá được xác định trước phải tuân theo quy định về Cắt giảm sản lượng được cho phép và không bị giới hạn
- Điều khoản chấm dứt do thiếu cơ chế bồi thường thỏa đáng
- Cần có luật điều chỉnh được quốc tế công nhận nếu xảy ra tranh chấp
- Cố định theo chỉ số tiền tệ để ổn định giá bao tiêu

Để đảm bảo tài chính, cần cần nhắc ban hành một Hợp đồng mua bán điện mới dành riêng cho điện gió ngoài khơi để có thể xác định và giải quyết các vấn đề chính mà các bên cho vay quốc tế quan tâm sau đây:

- Việc cắt giảm sản lượng cần được duy trì ở mức bền vững với EVN để thực hiện trách nhiệm chứng minh trong trường hợp cắt giảm kỹ thuật, đồng thời có định nghĩa và danh sách cụ thể các sự kiện bất khả kháng trong đó bao gồm cả việc cắt điện ngoài kế hoạch
- Điều khoản chấm dứt hợp đồng và bồi thường thỏa đáng
- Quy trình phân xử quốc tế (sử dụng tòa án quốc tế được công nhận cho các khoản đầu tư quy mô lớn)
- Biểu giá bằng Đô-la Mỹ hoặc ít nhất là theo chỉ số tiền tệ và đảm bảo tính ổn định
- Cách tiếp cận giá cước từng khu vực nên có sự khác biệt như cách tiếp cận giá năng lượng mặt trời, hay vấn đề tốc độ gió khác nhau đáng kể giữa các vùng ở Việt Nam, cũng cần được xem xét khi ấn định giá bao tiêu PPA. Chúng tôi cũng cho rằng nên điều chỉnh PPA giữa EVN và các nhà sản xuất năng lượng sạch để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và gạt hái được toàn bộ lợi ích, giảm chi phí của quá trình đấu giá theo kế hoạch. PDP8 chưa bao gồm biểu giá điện công nghiệp và thương mại đầy đủ và cần xác định rõ ràng hơn Lộ trình về Biểu giá điện đến năm 2025 – Kế hoạch thực hiện PDP8 nên tìm cách thực hiện điều này. Ngoài ra, nên cho phép người tiêu dùng điện tiếp cận với năng lượng sạch bằng cách thực hiện DPPA trong chương trình thí điểm và giảm bớt các rào cản quy định ban đầu đối với các nhà máy năng lượng sạch “sau công tơ điện” theo kế hoạch trong Nghị quyết 68 của Chính phủ,⁶ giảm các tục hành chính trong việc cấp phép.

Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA)

Những diễn biến trên thị trường năng lượng trên toàn cầu và trong khu vực đã làm tăng đáng kể khả năng thị trường năng lượng vào năm 2030 sẽ tập trung nhiều hơn vào các năng lượng chi phí thấp và ít phụ thuộc hơn vào nhiên liệu hóa thạch. Điều này sẽ dẫn đến việc tạo ra các hệ thống năng lượng đa dạng, ổn định, đáng tin cậy với chi phí hợp lý hơn; thậm chí còn nhiều hơn ở những thị trường có cạnh tranh công khai và tiếp cận được với nguồn vốn quốc tế.

Ngày càng có nhiều tập đoàn toàn cầu trực tiếp mua năng lượng tái tạo từ các nhà sản xuất điện độc lập tại Việt Nam. Họ cũng đã thể hiện sự quan tâm của mình trong việc mua năng lượng tái tạo thông qua Hợp đồng Mua bán Điện Trực tiếp (DPPA) được đề xuất và sản xuất năng lượng sạch của riêng họ trong các nhà máy điện với hệ thống quản lý tài sản năng lượng bằng chương trình lưu trữ “sau công tơ điện” có quy mô lớn hơn. Sự chắc chắn trong việc đảm bảo cung cấp “năng lượng xanh” giúp giải quyết nhu cầu đáp ứng các mục tiêu của doanh nghiệp và nhu cầu của nhà đầu tư.

Mục tiêu “100% năng lượng sạch” là mục tiêu đầy thách thức. Tuy nhiên, đây là mục tiêu đã trở nên phổ biến đối với các công ty trên toàn cầu, bao gồm cả những công ty thuộc “Nhóm RE100”.⁷ Để hỗ trợ các sáng kiến này, chúng tôi hoan nghênh việc thực hiện ngay Đề án thí điểm DPPA với các tiêu chí phù hợp và thiết lập một quy trình hiệu quả để lựa chọn dự án thí điểm và giảm bớt gánh nặng pháp lý cho các công ty muốn triển khai các

⁶ Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020- 2025 (Nghị quyết 68).

⁷ RE100 là sáng kiến năng lượng tái tạo của doanh nghiệp toàn cầu quy tụ hàng trăm doanh nghiệp lớn và đầy tham vọng cam kết sử dụng 100% điện tái tạo.

nhà máy năng lượng sạch “sau công tơ điện”. Cả hai biện pháp này sẽ giúp từng công ty riêng lẻ đạt được mục tiêu cung cấp năng lượng sạch 100% của riêng mình.

Thiếu sự thống nhất giữa tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế

Một khía cạnh cần được thực hiện với đầu tư nước ngoài và đầu tư vốn quy mô lớn vào các dự án năng lượng tái tạo mới là phải đảm bảo tuân thủ yêu cầu về chất lượng cho các mục đích tài chính và bảo hiểm. Cần phải kết hợp các tiêu chuẩn quốc tế về Chứng nhận, Chất lượng, Sức khỏe, An toàn và Môi trường để đáp ứng yêu cầu của các công ty phát triển và tài trợ quốc tế cũng như yêu cầu bảo hiểm bắt buộc cho các dự án lớn này. Chắc chắn sẽ có một số khoảng trống và sự bất cân xứng giữa nhu cầu của Việt Nam và nhu cầu của các khoản đầu tư nước ngoài, do đó cần phải xác định và giải quyết những vấn đề này.

III. TRUYỀN TẢI ĐIỆN

Việt Nam đã thiết lập một lộ trình đầy hứa hẹn để chuyển đổi năng lượng thông qua Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (PDP8). Tầm nhìn của PDP8 sẽ góp phần đạt được các mục tiêu về khí hậu, tăng cường an ninh năng lượng và đảm bảo khả năng cạnh tranh về nguồn cung trong tương lai. PDP8 đặt ra một số mục tiêu, bao gồm phát triển lưới điện truyền tải 500 kV và 220 kV để đảm bảo cung cấp điện hiệu quả và đáng tin cậy. Để đạt được các mục tiêu này, phạm vi đầu tư cho lưới điện truyền tải từ năm 2021 đến năm 2050 như sau:

- **Giai đoạn 2021-2030:** Xây dựng mới 49.350 MVA và cải tạo 38.168 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 12.300 km và cải tạo 1.324 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 78.525 MVA và cải tạo 34.997 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 16.285 km và cải tạo 6.484 km đường dây 220 kV.
- **Giai đoạn 2031-2050:** Xây dựng mới 40.000 - 60.000 MW dung lượng trạm HVDC và 5.200 - 8.300 km đường dây HVDC; xây dựng mới 90.900 - 105.400 MVA và cải tạo 117.900 - 120.150 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 9.400 - 11.152 km và cải tạo 801 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 124.875 - 134.125 MVA và cải tạo 105.375 - 106.750 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 11.395 - 11.703 km, cải tạo 504 - 654 km đường dây 220 kV.

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPTE) của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chịu trách nhiệm đầu tư, quản lý vận hành và bảo trì hệ thống truyền tải điện quốc gia. Tính đến năm 2022, EVNNPTE giám sát quản lý 74.370 km đường dây 500 kV và 220 kV, cùng 184 trạm biến áp với công suất 114.645 MVA. Năm 2022, EVNNPTE đạt 16.868 tỷ Đồng vốn đầu tư (711 triệu Đô-la Mỹ), đạt 83,1% kế hoạch ban đầu. Fitch Ratings đã nâng xếp hạng tín nhiệm của EVNNPTE từ BB lên BB+ vào tháng 4/2023, trong khi xếp hạng tín nhiệm của EVN vẫn duy trì ở mức BB kể từ năm 2019.

Trong giai đoạn 2016-2020, vốn đầu tư hàng năm của EVNNPTE đạt xấp xỉ 0,8 tỷ Đô-la Mỹ nhưng trong thời kỳ đại dịch, con số này giảm xuống còn 0,5-0,6 tỷ Đô-la Mỹ/năm. Tuy nhiên, theo PDP8 đã được phê duyệt, cần có những khoản đầu tư đáng kể để phát triển lưới điện truyền tải trong ba thập kỷ tới. Trong các giai đoạn 2021-2030 và 2031-2050 sắp tới, các khoản đầu tư này lần lượt lên tới 14,9 tỷ Đô-la Mỹ (đầu tư hàng năm là 1,5 tỷ Đô-la Mỹ) và 34,8-38,6 tỷ Đô-la Mỹ (đầu tư hàng năm là 1,7-1,9 tỷ Đô-la Mỹ). Điều này có nghĩa là nhu cầu đầu tư vào truyền tải điện trong giai đoạn 2021-2030 sẽ tăng gần gấp ba lần, đòi hỏi những cách tiếp cận mới và hấp dẫn để khuyến khích vốn đầu tư vào phân khúc truyền tải điện của Việt Nam. Ngoài nhu cầu đầu tư, cần phải có sự chuyển đổi về mặt tổ chức, quy trình và nhân lực để EVNNPTE có thể vận hành các tài sản và hệ thống hiện có đồng thời mở rộng quy mô và xây dựng cơ sở hạ tầng mới.

Rào cản trong việc mở rộng phạm vi truyền tải và nâng cao hiệu quả mạng lưới

Việt Nam đã nhiều lần chậm trễ trong đầu tư vào truyền tải điện, làm giảm đáng kể độ tin cậy của việc cấp điện ở Việt Nam. Hạn chế trong sự phát triển của ngành truyền tải điện ở Việt Nam có thể bắt nguồn từ một số rào cản:

- **Giá truyền tải thấp:** Cấu phần giá truyền tải ở Việt Nam tương đối thấp so với các nước khác và giảm dần trong những năm gần đây. Năm 2022, giá truyền tải “tem bưu điện thống nhất” là 75,85 đồng/kWh và mặc dù mới tăng nhẹ lên 79,08 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT) (~0,33 cent (0,32 cent/kWh), tương đương với 25-30% giá ở các nước khác. Điều này khiến EVNNPTE (chủ sở hữu tài sản) có khả năng sinh lời thấp, với

lợi nhuận ít ỏi là 43,4 tỷ đồng (1,83 triệu Đô-la Mỹ) năm 2022 mặc dù có giá trị tổng tài sản cao, 83.519 tỷ đồng (3,52 tỷ Đô-la Mỹ). Đối với các dự án này, lợi nhuận đầu tư kém hấp dẫn không thu hút khu vực tư nhân. Tính toán của EVN cho thấy cần quy định giá truyền tải ít nhất 170,61 đồng/kWh (0,72 cent/kWh) vào năm 2025 để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- ii. Hạn chế về huy động tài chính: EVNNPTE đã tìm kiếm nguồn tài trợ bên ngoài từ các ngân hàng, tổ chức trong nước và quốc tế để đáp ứng nhu cầu đầu tư vào truyền tải điện. Theo truyền thống, EVNNPTE cũng xin hỗ trợ tài chính dựa vào các khoản vay Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA), nhưng trong nhiều năm qua, những cơ hội này đã không còn do những thay đổi trong chính sách ODA của Chính phủ. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu, tiền mặt và tổng vốn của EVNNPTE không đủ để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đầu tư tài trợ thương mại. Các ngân hàng quốc gia cũng đang đạt mức trần tín dụng cho EVNNPTE, hạn chế khả năng của các ngân hàng trong việc đáp ứng nhu cầu tài trợ.
- iii. Khó thu hồi đất: Việc thu hồi đất đã trở thành một thách thức do giá đất trên thị trường tăng đáng kể - vượt qua giá của chính phủ. EVNNPTE phải tuân thủ giá đất của chính phủ, làm phức tạp thêm quá trình thu hồi đất. Hơn nữa, việc thu hồi đất rừng cũng tốn rất nhiều thời gian và công sức do có nhiều thủ tục phức tạp. Ngược lại, khu vực tư nhân lại linh hoạt hơn vì có thể đàm phán và xác định mức bồi thường trực tiếp với các cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình thu hồi đất.
- iv. Nhu cầu ngoài dự tính về mở rộng mạng lưới truyền tải do phát triển năng lượng tái tạo: Việc bổ sung nhanh chóng các dự án điện mặt trời và điện gió trên bờ vào lưới điện quốc gia, chủ yếu ở khu vực miền Trung với nhu cầu địa phương thấp, đã dẫn đến những hạn chế không lường trước được về truyền tải để tích hợp sản xuất điện tái tạo không liên tục. Mặc dù việc cắt giảm mạnh hoạt động sản xuất năng lượng tái tạo trong năm 2021 và 2022 có thể đặt ra câu hỏi về sự mơ hồ giữa nguyên nhân làm hạn chế mạng lưới truyền tải và vấn đề kinh tế trong việc giảm thiểu chi phí mua điện từ các nguồn điện giá cao trong bối cảnh khủng hoảng lũ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), điều này ở một mức độ nhất định còn gây áp lực buộc EVNNPTE phải đầu tư vào nhiều dự án truyền tải hơn để đáp ứng công suất năng lượng tái tạo dư thừa này. Việc nâng cao công suất kết nối truyền tải còn hạn chế giữa miền Bắc và miền Trung ngày càng trở nên bức thiết. Cần nâng cấp và phát triển hạ tầng hệ thống truyền tải để đảm bảo an ninh và việc cung cấp điện thông suốt tại các khu vực này.
- iv. Chưa có quy định về đầu tư tư nhân: Luật Điện lực sửa đổi năm 2022 cho phép mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả đầu tư tư nhân và hợp tác công tư (PPP), tham gia vào các dự án lưới điện truyền tải. Tuy nhiên, đầu tư tư nhân và PPP trong phân khúc truyền tải chịu những hạn chế liên quan đến độc quyền của nhà nước, đồng thời cũng không có hướng dẫn cho EVNNPT vận hành và bảo trì các dự án truyền tải tư nhân theo mô hình Xây dựng và Chuyển giao. Phạm vi cụ thể của lưới điện truyền tải dành cho khu vực tư nhân và EVNNPTE sẽ được xác định trong dự thảo Kế hoạch thực hiện PDP8 hiện đang được Bộ Công thương chuẩn bị và sẽ ban hành trong năm 2023.
- v. Thiếu thi trường điện trong khu vực: Việt Nam và các nước láng giềng có các nguồn phát điện khác nhau với nhiều công suất lắp đặt khác nhau. Cơ hội tối ưu hóa các nguồn lực ở cấp khu vực thay vì cấp quốc gia sẽ làm tăng độ linh hoạt và khả năng tối ưu hóa kinh tế. Các kết nối mạng tạo ra tác dụng "tổng hợp" để làm dịu đi những biến động trong nước. Mỗi nguồn năng lượng tái tạo đều có những đặc điểm riêng, nhưng về cơ bản, điều cần thiết là phải đa dạng hóa các nguồn tài nguyên này trong một khu vực chứ không phải trong một quốc gia. Lưới chia ô sẽ giảm thiểu sự biến đổi và tăng hệ số công suất tổng thể; từ đó đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định và đáng tin cậy hơn cho toàn bộ khu vực. Do đó, thị trường điện khu vực là thiết yếu chứ không phải là một lựa chọn cho an ninh năng lượng mà nếu không có nó, quá trình chuyển đổi năng lượng chỉ trong phạm vi từng quốc gia sẽ không thể đạt được hoặc quá tốn kém khiến những nhóm người yếu thế nhất không có đủ khả năng sử dụng điện.

EuroCham khuyến khích và ủng hộ việc thực hiện lộ trình phát triển lưới điện thông minh nhằm nâng cao khả năng tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, giảm tổn thất điện năng thông qua việc triển khai cơ sở hạ tầng truyền tải chất lượng cao (cáp, trạm biến áp, thiết bị ngắt kết nối, v.v.) và các hệ thống Điều khiển Giám sát và Thu thập Dữ liệu (SCADA).

Cần lưu ý rằng, Việt Nam đang tìm cách đẩy mạnh kết nối lưới điện với các nước trong khu vực nhằm tăng cường trao đổi điện năng và tận dụng thế mạnh tài nguyên của các nước. Điều này sẽ rất có lợi nếu được phối hợp thực hiện, vì nó sẽ giúp cân bằng và hỗ trợ việc truyền tải điện trên phạm vi rộng hơn và đặc biệt hữu ích trong việc quản lý các tình trạng gián đoạn xảy ra do một số hình thức sản xuất điện tái tạo.

IV. ĐỐI TÁC CHUYỂN DỊCH NĂNG LƯỢNG CÔNG BẰNG (JETP)

Sau khi ra mắt thỏa thuận JETP (được công bố vào ngày 14 tháng 12 năm 2022), Bộ Tài Nguyên & Môi trường (Bộ TN&MT) đã được đề cử lãnh đạo Ban Thư ký JETP và đã tổ chức một số cuộc họp. Các cơ quan của Nhóm đối tác quốc tế (IPG) đã hỗ trợ Bộ TN&MT trong việc xây dựng dự thảo Kế hoạch huy động nguồn lực (RMP); JETP RMP cuối cùng đã được Thủ tướng Việt Nam phê duyệt và công bố tại COP 28 ở Dubai, UAE vào ngày 01 tháng 12 năm 2023. RMP này bao gồm một Phụ lục hiển thị danh sách nhiều dự án/quy trình công việc đang tìm kiếm hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

EuroCham rất vui mừng khi thấy JETP được thành lập trong thỏa thuận giữa EU, Anh, G7 và nhiều quốc gia khác nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam. Nguồn tài trợ đã được đề xuất trong RMP để tập trung đầu tư vào cả lĩnh vực hỗ trợ tài chính và kỹ thuật. Tại thời điểm này, điều đáng chú ý là JETP phần lớn được điều hành và hỗ trợ bởi một Bộ (Bộ TN&MT) và EuroCham khuyến nghị có sự tham gia sâu hơn từ các Bộ liên quan khác như Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, các cơ quan hữu quan khác, cũng như có thêm vai trò của Ngân hàng Nhà nước. Chúng tôi cũng tin rằng cần có thêm nhiều cuộc đối thoại đối thoại và hợp tác liên bộ để việc thực thi JETP được hiệu quả.

EuroCham cũng hiểu rằng Việt Nam, với tư cách là một quốc gia, có mối quan ngại liên quan đến lượng tài trợ lớn dưới dạng các khoản vay thay vì viện trợ (và do đó lo ngại về việc điều này sẽ ảnh hưởng đến khoản nợ của quốc gia), từ đó nảy sinh những lo ngại về làm tăng tỷ lệ nợ trên GDP của Việt Nam. Tuy nhiên, với tư cách là một quốc gia, tỷ lệ nợ trên GDP của Việt Nam cực kỳ thấp khi so sánh trên toàn cầu (khoảng 40%); để tham khảo vào giữa năm 2023 thì tỉ lệ này ở Nhật Bản là 266%, Hy Lạp 166%, Mỹ 128%, Pháp 111%, Đan Mạch & Thụy Điển 30%. Một lĩnh vực mà EuroCham khuyến nghị Việt Nam khám phá sâu hơn liên quan đến nguồn tài trợ của JETP là xem xét tăng tỷ lệ nợ trên GDP để hỗ trợ thêm khoản nợ từ các khoản vay của JETP.

Cuối cùng, với tư cách là một trong những Hiệp hội Doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam, với hơn 1400 thành viên, EuroCham Việt Nam mong muốn được hỗ trợ Ban thư ký JETP (thông qua Bộ TN&MT) và IPG để cung cấp kinh nghiệm thực tế và kiến thức của khu vực tư nhân liên quan đến các dịch vụ xanh mà các thành viên của chúng tôi đã thực hiện. Điều này có thể đóng vai trò như một 'ngân hàng tri thức' để ban thư ký và IPG sử dụng, đồng thời tạo cơ hội cho đối thoại cởi mở, cung cấp khả năng tiếp cận thông tin và làm rõ hơn những gì khu vực tư nhân có thể cung cấp/hỗ trợ, từ đó làm rõ những rào cản còn tồn tại mà nguồn tài trợ từ JETP có thể loại bỏ để thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

V. KẾT LUẬN

- Ưu tiên các cơ chế minh bạch và hiệu quả để kích thích tất cả những người tiêu dùng điện đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược hiệu quả năng lượng quốc gia, bao gồm giảm trợ cấp giá điện.
- Tối đa hóa phần đóng góp của điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện nhỏ, điện gió và điện gió ngoài khơi trong hệ thống năng lượng bằng cách làm rõ cách tiếp cận kịp thời và phối hợp để phân bổ các dự án (ví dụ: áp dụng cách tiếp cận một cửa trong đó một cơ quan được chỉ định có thẩm quyền và khả năng quản lý việc phê duyệt và cấp phép sử dụng năng lượng tái tạo) và đảm bảo tính sẵn sàng của lưới điện.
- Điều chỉnh PPA giữa EVN và các nhà sản xuất năng lượng sạch theo tiêu chuẩn quốc tế để tận dụng được toàn bộ lợi ích giảm chi phí của quá trình đấu giá theo kế hoạch thay cho các quy định đầy đủ về nhận trực tiếp hay trả lại và các điều khoản quan trọng nhằm giải quyết mối quan ngại của các bên cho vay quốc tế:
 - PPA cần loại bỏ rủi ro về các điều khoản cắt giảm và chấm dứt phi lý bằng các định nghĩa và danh sách cụ thể các sự kiện bất khả kháng, đồng thời tập trung vào việc xác định trọng tài quốc tế và lập chỉ số tiền tệ ổn định.
 - Tăng cường an ninh năng lượng với việc sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu chuyển tiếp để tạm thời thay thế than đá trong thời gian ngắn.
 - Tập trung vào khả năng ngắn hạn để thực hiện các dự án nằm trong PDP7 và PDP7 đã sửa đổi.

- Thực hiện ý định dừng bất kỳ nhà máy điện than mới nào trong PDP8, với lộ trình rõ ràng về cách thức và địa điểm công suất điện tái tạo mới sẽ được đưa vào lưới điện để thay thế các khu vực không còn được xem xét để sử dụng điện than. Điều này phải đi kèm với thời gian và quy trình cho các kế hoạch nâng cấp lưới điện cần thiết.
- Cho phép người tiêu dùng điện tiếp cận với năng lượng sạch bằng cách thực hiện các DPPA trong các chương trình thí điểm và bằng cách giảm các rào cản quy định về thiết bị đầu cuối đối với các nhà máy năng lượng sạch behind-the-meter.
 - Thiết lập biểu giá hoặc cơ chế tài trợ rõ ràng, minh bạch, không có rủi ro, trong đó có thể áp dụng mức giá thỏa thuận ban đầu trong suốt thời gian thực hiện dự án.
 - Tiêu chí phù hợp và quy trình hiệu quả để lựa chọn dự án thí điểm
 - Loại bỏ các rào cản đối với việc sản xuất và tiêu thụ điện tái tạo tại chỗ từ điện mặt trời mái nhà hoặc điện gió trên bờ/điện mặt trời trên bờ quy mô nhỏ.
 - Đưa ra các tiêu chí chính thức và công nhận các chứng nhận điện tái tạo (REC – cả chứng nhận quốc tế và trong nước) là giải pháp chuyển tiếp được công nhận trong nỗ lực đạt được mục tiêu 100% năng lượng sạch cũng như giảm phát thải khí nhà kính (GHG) của doanh nghiệp.
- Mở rộng kế hoạch dự án thí điểm (đặc biệt là điện gió ngoài khơi để khởi động cho ngành này), khuyến khích đầu tư tư nhân vào mạng lưới truyền tải điện quan trọng và cho phép các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu tự thực hiện việc xây dựng đường dây truyền tải 220kV và 500kV.
- Xác định các biểu giá điện công nghiệp và thương mại theo yêu cầu trong PDP8 trong Lộ trình rõ ràng về Biểu giá điện đến năm 2025.
- Nâng cao mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo hình thức Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) phản ánh các mục tiêu cao hơn đối với năng lượng sạch và các thước đo hiệu quả năng lượng tốt hơn.
- Thúc đẩy lợi ích của việc giảm áp lực lên hệ thống truyền tải và phân phối điện bằng cách tiếp tục hỗ trợ phát triển các nhà máy điện mặt trời trên mái nhà để tự tiêu thụ/bán tại địa phương.
- Ưu tiên phát triển điện gió ngoài khơi và tìm cách nâng cao khả năng thực hiện các dự án ban đầu bằng một số hình thức cơ chế theo dõi nhanh hoặc dự án thí điểm.
- Mở rộng đề án thí điểm ban đầu MARD C-PFES ban đầu lên cấp quốc gia và tiếp tục sử dụng hoàn toàn các lợi ích tài chính cho mục tiêu tăng sinh cảnh rừng và bảo vệ động vật hoang dã.⁸
- Cho phép lưu trữ tại chỗ điện mặt trời và các hình thức sản xuất điện tái tạo khác.
- Chúng tôi khuyến khích EVN nghiên cứu những lợi ích của việc lưu trữ điện với lượng lớn tại các nhà máy năng lượng sạch thuộc mọi loại hình, bao gồm các công trình điện mặt trời trên mái nhà.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Phát triển Xanh thuộc EuroCham

⁸ "Thanh toán cacbon cho các dịch vụ môi trường rừng (C-PFES - Nghiên cứu khả thi xác định cơ hội, thách thức và đề xuất các bước tiếp theo để áp dụng C-PFES tại Việt Nam", USAID, tháng 3 năm 2018. Xem tại: <https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PA00TQPJ.pdf>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 4 năm 2021.

CHƯƠNG 9 TĂNG TRƯỞNG XANH

TỔNG QUAN

Tiểu ban Phát triển Xanh (GGSC) được thành lập vào tháng 5 năm 2014 nhằm hỗ trợ các điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp xanh và bền vững tại Việt Nam. GGSC đại diện cho khu vực tư nhân, hợp tác chặt chẽ với các bên liên quan trong khu vực công, bao gồm Chính phủ, các Bộ, ngành cũng như các tổ chức viện trợ và đa phương.

I. MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Tổng cục Môi trường (TCMT), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT)

“Kinh tế tuần hoàn” là một mô hình sản xuất và tiêu dùng mới liên quan đến việc chia sẻ, cho thuê, thiết kế lại, phục hồi, tái sử dụng, sửa chữa, tân trang, tái chế và tái chế nâng cấp¹ các vật liệu và sản phẩm hiện có càng lâu càng tốt. Đây là một mô hình tăng trưởng bền vững hơn so với mô hình kinh tế tuyến tính “sản xuất - sử dụng - thải bỏ” vì nó giảm thiểu chất thải đến mức tối thiểu và sử dụng các vật liệu thải bỏ nhiều lần một cách hiệu quả dưới một hình thức khác, từ đó làm giảm nhu cầu về nguyên liệu mới và loại bỏ hầu hết chất thải và ô nhiễm khỏi sản xuất.

Chúng tôi đánh giá cao những thay đổi của Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là quy định về Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR). Vai trò của Quỹ Bảo vệ môi trường (EPF) mới vẫn cần được làm rõ và chúng tôi khuyến nghị Chính phủ tạo điều kiện cho phép nhiều thành viên tham gia hơn (khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức chuyên ngành (ví dụ như PRO)) để tổ chức hiệu quả quá trình tiến tới tuần hoàn. Đặc biệt, chúng tôi khuyến nghị cho phép khu vực tư nhân tham gia vào các quyết định do EPF chuẩn bị và thực hiện.

1. Quản lý chất thải

Mô tả vấn đề

Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam quy định theo nguyên tắc giảm thiểu, tái sử dụng, thu gom, và xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.² Tuy nhiên, phần lớn chất thải vẫn đang được thải tại bãi chôn lấp mà không qua xử lý, với 89% tổng lượng chất thải rắn tại Hà Nội và 70% tại Thành phố Hồ Chí Minh được thải bỏ theo cách này.^{3 4} Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh không chỉ gây nguy hại cho môi trường và ảnh hưởng đến người dân ở khu vực xung quanh mà còn lãng phí nguồn nguyên liệu giá trị vốn có thể được tái chế hoặc ít nhất là sử dụng để sản xuất điện năng. Trong khi chúng ta cần nhanh chóng tạo ra một hệ thống để phân tách chất thải nguy hại để xử lý trong các lò nung xi măng, các chất thải khác trong một thời gian cũng có thể được đốt để tạo ra điện hoặc nhiệt. Điều này tốt hơn là đổ ra bãi rác, và có thể là cầu nối giúp đạt đến giai đoạn tiếp theo. Mặt khác, Việt Nam thải ra hơn 20 triệu tấn chất thải hữu cơ mỗi năm, chiếm 60% lượng chất thải rắn đô thị ở Việt Nam. Chất thải hữu cơ có thể gây ô nhiễm không khí và nước, thu hút sâu bệnh và làm ô nhiễm đất và nước. Việc ủ phân sẽ giúp giải quyết cuộc khủng hoảng các vấn đề do bãi rác, đồng thời tạo ra khí sinh học và phân bón sạch. Chúng tôi hoan nghênh Quyết định 491⁵, đặt ra các mục tiêu rõ ràng cho việc quản lý chất thải đến năm 2025 với tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 849⁶, đặt ra các kế hoạch hành động và mốc thời gian để đảm bảo thống

1 Tái chế nâng cấp là quá trình biến đổi các phụ phẩm, vật liệu thải bỏ, sản phẩm vô dụng hoặc không mong muốn thành vật liệu mới hoặc sản phẩm được cho là có chất lượng cao hơn, chẳng hạn như có giá trị nghệ thuật hoặc giá trị môi trường. Tái chế nâng cấp khác với tái chế ở chỗ nó liên quan đến việc tạo ra một sản phẩm mới có giá trị cao hơn thay vì chia nhỏ vật liệu thành các thành phần thô để tái sử dụng.

2 Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội về bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường).

3 “Hiện đại hóa công nghệ xử lý chất thải rắn để rác thực sự là tài nguyên”, *Tài nguyên và Môi trường*, ngày 12 tháng 11 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/hien-dai-hoa-cong-nghe-xu-ly-chat-thai-ran-de-rac-thuc-su-la-tai-nguyen-295645.html>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2020.

4 “Hà Nội sắp hết chỗ để đổ rác”, *Tài nguyên và Môi trường*, ngày 9 tháng 7 năm 2019. Xem tại: <<https://baotainguyenmoitruong.vn/ha-noi-sap-het-cho-de-do-rac-249535.html>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2020.

5 Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 491).

6 Quyết định 849/QĐ-BTNMT ngày 8 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch thực hiện Nghị quyết 09/NQ-CP của Chính phủ về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn (Quyết định 849).

nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn ở các cấp từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, cho đến nay, quá trình triển khai vẫn chưa có sự tham gia của khu vực tư nhân. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này là tối cần thiết cho sự thành công của cuộc chiến chống chất thải nhựa. Chúng tôi khuyến nghị thành lập một ủy ban đối tác công tư để thảo luận và chỉ đạo các dự án tăng trưởng xanh nhằm đưa việc sửa đổi khung pháp lý vào thực tiễn.

Các tập đoàn đa quốc gia có các mục tiêu về tái chế và sử dụng năng lượng tái tạo và sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu này, nhưng họ cần có khung pháp lý hỗ trợ thực hiện tại Việt Nam. Điều này đòi hỏi cần hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải, đặc biệt là phân loại và tách riêng chất thải tại nguồn. Điều quan trọng là tất cả các chất thải nguy hiểm và độc hại phải được tiêu hủy mà không để tràn ra môi trường và không gây ô nhiễm chéo. Đồng thời, cũng cần nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải rắn – đặc biệt cần phân loại chất thải tại hộ gia đình và đơn vị doanh nghiệp như hiện tại đã được áp dụng tại EU – và thúc đẩy giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng. Để làm được điều này, cần đưa thị trường nguyên liệu thứ cấp vào quy phạm pháp luật để việc phân loại chất thải được thực hiện một cách có trách nhiệm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các mục tiêu của Quyết định 491 và các kế hoạch hành động trong Quyết định 849 là đầy tham vọng. Để đạt được những điều này, tất cả các bộ và cơ quan chức năng sẽ cần hợp tác trong việc thực hiện một khuôn khổ pháp lý có tác dụng khuyến khích khu vực công và tư nhân. Xét về khuôn khổ pháp lý, nhiều mục tiêu yêu cầu phải sửa đổi các luật hiện hành. Do đó, điều quan trọng là phải xác định các luật này và soạn thảo một kế hoạch để đảm bảo khả năng tuân thủ càng sớm càng tốt. Bên cạnh đó, các quy định cần phân biệt chất thải rắn với chất thải thông thường và nêu rõ có nên phân loại vật liệu tái chế là chất thải hay không (ví dụ như tro bay hoặc nhựa tái chế để sử dụng làm nguyên liệu trong xây dựng).⁷

Tốc độ đô thị hóa nhanh khiến các hộ gia đình Việt Nam – đặc biệt là ở các thành phố lớn – đang thải ra lượng chất thải ngày càng nhiều vào môi trường. Lượng chất thải rắn đô thị (MSW) phát sinh trên đầu người sẽ ở mức 1,6 kg/người/ngày vào năm 2025.⁸ Các thành phần cơ bản nhất của chất thải rắn là chất thải hữu cơ và vô cơ.⁹ Chúng tôi tin rằng việc thúc đẩy lĩnh vực xử lý chất thải hợp quy sẽ mang lại kết quả tích cực. Trái lại, những doanh nghiệp cho rằng họ cung cấp dịch vụ tái chế và xử lý chất thải khác với chi phí thấp và quy định của pháp luật nhưng sau đó lại đổ chất thải được thu gom ra sông, biển và môi trường chung sẽ phải chịu trách nhiệm. Điều này là cần thiết để tạo ra một ngành quản lý chất thải thành công và mang tính tuân thủ cao. Chúng tôi đánh giá cao cách xử lý vi phạm của Chính phủ cho đến thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, vẫn có những điểm có thể cải thiện.

Khuyến nghị

- Tiếp tục thực thi nghiêm ngặt các quy định về chất thải và truy tố theo hướng kết quả công bằng đối với những hành vi không tuân thủ;
- Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý chất thải, đặc biệt là phân loại và tách riêng chất thải tại nguồn;
- Đưa thị trường nguyên liệu thứ cấp vào quy phạm pháp luật;
- Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp quản lý chất thải tuân thủ pháp luật;
- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý chất thải rắn;
- Thành lập ủy ban công tư để đề xuất giải pháp; và
- Đưa ra hướng dẫn rõ ràng và hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho việc phân loại rác thải tại nguồn tại hộ gia đình và công ty.

⁷ “Thiếu quy định về phân loại rác thải nhựa”, *Bộ Tài nguyên và Môi trường*, ngày 23 tháng 10 năm 2019. Xem tại: <www.monre.gov.vn/Pages/thieu-quy-dinh-ve-phan-loai-rac-nhua.aspx>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2020.

⁸ “Thực trạng về 3R ở khu vực châu Á Thái Bình Dương”, *Trung tâm Phát triển Vùng của Liên Hợp Quốc*. Xem tại: <[https://www.uncrd.or.jp/content/documents/5696\[Nov%202017\]%20Vietnam.pdf](https://www.uncrd.or.jp/content/documents/5696[Nov%202017]%20Vietnam.pdf)>, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 3 năm 2021.

⁹ Chất thải vô cơ bao gồm, ví dụ như thủy tinh, sứ, kim loại, giấy, cao su, nhựa, nhựa nylon, vải và đồ điện tử. Chất thải hữu cơ bao gồm hầu hết thức ăn thừa hoặc hư hỏng, lá rụng, ngù cốc, cám, phân và xác chết, v.v.

2. Xử lý ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa

Mô tả vấn đề

Ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa vẫn là một vấn đề quan trọng. Không may là, Việt Nam đứng thứ 4 trong danh sách những quốc gia có lượng chất thải xả ra biển nhiều nhất thế giới.¹⁰ Chỉ 27% nhựa ở Việt Nam được tái chế. Trong khi đó, lượng rác thải nhựa đang tăng lên tới 200% mỗi năm.¹¹ Tình trạng này dẫn tới tác động nghiêm trọng không chỉ đối với đời sống của sinh vật biển mà còn đối với sự phát triển kinh tế bền vững, sinh kế của cư dân ven biển và có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh lương thực. Tình hình còn phức tạp hơn khi Việt Nam và các nước trong khu vực tiếp nhận nhiều container phế liệu để tái chế.

Tái chế không phải là một giải pháp hoàn chỉnh. Phần lớn nhựa bỏ đi có giá trị quá thấp. Do đó, chúng cần phải được nén chặt và sử dụng như một vật liệu rẻ tiền và lâu bền, ví dụ, để làm đường sá hoặc vật liệu xây dựng. Hơn nữa, hầu hết các loại nhựa ở Việt Nam đều không thể phân hủy được, được gọi là nhựa OXO. Dưới ánh nắng và gió, chúng phân rã thành những mảnh nhỏ và có thể tồn tại hàng trăm năm. Những hạt nhỏ hơn 5 mm, được gọi là hạt vi nhựa, có thể được tìm thấy trong không khí, nước, đất, có thể bị động vật hoang dã ăn phải và làm tắc nghẽn hệ tiêu hóa của động vật, đồng thời gây ra các vấn đề trong hệ sinh thái và đe dọa sức khỏe con người.¹² Điều đáng chú ý là chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa nhựa phân hủy sinh học OXO và nhựa phân hủy sinh học trên thị trường, khi các sản phẩm từ nhựa phân hủy sinh học OXO vẫn được ghi trên nhãn là “phân hủy sinh học”. Trong khi đó, thực tế cho thấy những đồ dùng một lần được làm từ nhựa phân hủy OXO khi đưa ra môi trường vẫn là nhựa, dù có phân hủy thành từng mảnh nhỏ. Tại Việt Nam, nhiều công ty sản xuất các sản phẩm nhựa dùng một lần và bán trong siêu thị, phổ biến nhất là túi, cốc, thìa, nĩa... Tuy nhiên, họ khiến người sử dụng mơ hồ khi dán nhãn các sản phẩm đó là “phân hủy sinh học” mà không phân biệt rằng sản phẩm đó là nhựa phân hủy sinh học hoàn toàn hay nhựa OXO. Điều này đã khiến người tiêu dùng lầm tưởng nhựa phân hủy sinh học OXO thân thiện với môi trường nhưng thực tế lại gây hại cho môi trường.¹³ Nhiều quốc gia đã cấm hoặc đang xem xét cấm sử dụng nhựa phân hủy OXO, như Vương quốc Anh, Pháp, Hoa Kỳ và Đức. Do đó, giải pháp cho vấn đề này là giảm sản xuất và sử dụng đồ nhựa dùng một lần hoặc tái chế vật dụng có giá trị kinh tế. Các biện pháp hữu ích khác bao gồm tuyên truyền và ban hành các chính sách hỗ trợ việc sử dụng chất liệu và công nghệ tiên tiến, ví dụ như nhựa phân hủy hay các chất liệu bao bì tiên tiến phân hủy. Việt Nam có thể tham khảo Hướng dẫn Đóng gói Bền vững của Tổ chức Bao bì Thế giới và các chính sách liên quan của EU khi xây dựng khung pháp lý cho bao bì đóng gói. Quá trình tái chế nhựa thông qua phân loại và tách biệt chất thải cũng đồng thời tạo cơ hội tái chế các loại chất liệu khác, ví dụ như giấy, gỗ, vải hoặc đồ điện.

Theo EVFTA, điều quan trọng là Việt Nam phải tuân thủ các quy định của EU, đặc biệt là tuân thủ những sửa đổi mới trong Thỏa thuận Xanh EU¹⁴ về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn... nhằm đảm bảo sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam có thể thâm nhập vào thị trường EU cũng như chuỗi cung ứng quốc tế và hỗ trợ nền Kinh tế tuần hoàn trên toàn cầu. Bước đầu tiên là đánh giá tác động thực tế của các quy định này và việc thực hiện chúng. Việt Nam đặt mục tiêu cấm hoàn toàn các sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, không phân hủy trong giai đoạn 2025-2030 theo Luật Bảo vệ môi trường. Để đạt được mục tiêu này, cần có các quy định nghiêm ngặt và cách tiếp cận dẫn dắt, do đó chúng tôi khuyến nghị Chính phủ Việt Nam hoàn thiện các chính sách và cơ chế để hạn chế sản xuất và sử dụng các sản phẩm này và phát triển sản xuất nhựa có thể phân hủy được theo tiêu chuẩn của EU và Hoa Kỳ. Việc này ban đầu có thể được khuyến khích thông qua tăng thuế bảo vệ môi trường khi sử dụng túi nylon dùng một lần và đẩy mạnh các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng. Kinh nghiệm ở các nước khác, chẳng hạn như Rwanda¹⁵, cho thấy việc cấm hoàn toàn các sản phẩm này, cùng sự thay đổi hành vi trên diện rộng của người dân, sẽ góp phần đáng kể vào việc giải quyết ô nhiễm nhựa. Việt Nam hiện nay đã phát triển đến mức có thể thực hiện theo cách làm này.

10 J.R. Jambeck, R. Geyer, C. Wilcox, T.R. Siegler, M. Perryman, A. Andrady, R. Narayan và K.L. Law (2015), “Chất thải nhựa từ đất liền thải ra đại dương”, *Science*, Tập 347, số 6223.

11 “Rác thải nhựa tăng 200%, Việt Nam đối mặt nguy cơ trở thành bãi rác toàn cầu”, *Tuổi trẻ Online*, ngày 28 tháng 9 năm 2019. Xem tại: <<https://tuoitre.vn/rac-thai-nhua-tang-200-viet-nam-doi-mat-nguy-co-thanh-bai-rac-toan-cau-20190928164354037.htm>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2020.

12 Đã dẫn. Lượng chất thải nhựa từ đất liền thải vào đại dương tr.14.

13 “Nhựa tự hủy OXO - Đùng nhập nhem mang danh ‘Nhựa tự hủy sinh học’”, *Báo điện tử Bộ Tài nguyên Môi trường*, ngày 22 tháng 5 năm 2022. Xem tại <<https://baotainguyenvaimoiuong.vn/nhua-tu-huy-oxo-dung-nhap-nhem-mang-danh-nhua-phan-huy-sinh-hoc-340359.html>>, truy cập lần cuối vào ngày 20 tháng 10 năm 2023.

14 Chất thải, Thiết bị Điện và Điện tử (WEEE), Hạn chế các Chất Nguy hiểm (ROHS), và Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH).

15 E. Clavel, “Bạn nghĩ mình không thể sống thiếu túi nhựa? Hãy xem Rwanda đã thực hiện được”, *The Guardian*, ngày 15 tháng 2 năm 2014. Xem tại: <www.theguardian.com/commentisfree/2014/feb/15/rwanda-banned-plastic-bags-so-can-we>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 12 năm 2020.

Theo Luật Thuế bảo vệ môi trường¹⁶ bây giờ là thời điểm đã có thể tăng thuế. Tuy nhiên, mục tiêu của quy định này vẫn chưa đạt được.¹⁷ Chúng tôi cho rằng nên tăng thuế suất đối với túi ni lông sử dụng một lần. Có thể áp dụng thí điểm trước khi thực hiện đồng bộ toàn quốc. Tất cả các túi nhựa, bất kể kích thước hay độ dày, nên chịu thuế để người dân mang theo túi tái sử dụng của riêng mình khi đi mua sắm hoặc sử dụng các giải pháp thân thiện với môi trường. Điều này cũng nên áp dụng cho bao bì nhựa để khuyến khích doanh nghiệp sử dụng ít bao bì hơn và lựa chọn vật liệu đóng gói bền vững hơn. Sau đó, Việt Nam có thể tiến tới cấm hoàn toàn các sản phẩm này. Chất thải sinh hoạt ở hộ gia đình cần được phân loại tại nguồn để có thể áp dụng các giải pháp tái chế và xử lý chất thải tiết kiệm chi phí. Cần khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực này. Nếu chất thải được phân tách thành hai nhóm (hữu cơ và vô cơ), hoặc ba nhóm (hữu cơ, nhựa và thủy tinh/kim loại), điều này sẽ cho phép xử lý chất thải sinh hoạt hiệu quả hơn về mặt chi phí và cho phép khu vực tư nhân tham gia đầu tư. Tại EU, chất thải điện tử, giấy, dầu qua sử dụng và quần áo được xếp loại khác nhau. Việc phân loại chất thải sinh hoạt có thể được áp dụng thí điểm ở một hoặc hai thành phố lớn trước khi được nhân rộng trên toàn quốc. Bên cạnh túi nhựa sử dụng một lần, các sản phẩm khác như ống hút, cốc và các vật liệu đóng gói khác hiện được làm bằng nhựa không phân hủy được nên trở thành hoàn toàn có thể phân hủy được sau giai đoạn chuyển đổi. Khu vực tư nhân và các cơ quan hữu quan của chính phủ cần hợp tác để thực hiện EPR.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyết định 491 quy định rằng đến năm 2025, túi nhựa 100% thân thiện với môi trường sẽ được sử dụng trong các trung tâm thương mại và siêu thị với mục đích thay thế túi nhựa khó phân hủy để phục vụ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030¹⁸ đặt mục tiêu giảm 75% chất thải nhựa thải ra biển và đại dương, chấm dứt việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch và khu du lịch ven biển cũng như việc vứt bỏ ngư cụ xuống biển vào năm 2030. Các mục tiêu của Quyết định 491 và Quyết định 1746 là đầy tham vọng. Tuy nhiên, các mục tiêu này đã được thử thách trong thực tế. Do đó, để đạt được các mục tiêu này, điều quan trọng là phải đẩy mạnh thực hiện. Nếu không, cuộc sống của con người, động vật và môi trường tổng thể sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, nó sẽ tác động đến vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Khuyến nghị

- Thực hiện các quy định hiện hành và đảm bảo thực thi nghiêm túc;
- Thúc đẩy việc ban hành các văn bản pháp luật để khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam và các công ty đa quốc gia tuân thủ các quy định của EU. Qua đó cho phép Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Cấm công nghệ phân hủy OXO và giới thiệu nhựa có thể phân hủy được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế để ngăn chặn hiện tượng “greenwash” (ghi nhãn thân thiện với môi trường để đánh lừa người tiêu dùng);
- Đẩy mạnh đầu tư vào các cơ sở làm phân hữu cơ và chuỗi cung ứng thu hồi chuyên dụng để giảm việc sử dụng nhựa dùng một lần có liên quan đến chất thải hữu cơ;
- Khuyến khích tái chế và xử lý rác thải sinh hoạt ở cấp hộ gia đình đạt hiệu quả về chi phí thông qua phân loại để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện luật EPR;
- Thành lập EPF theo dạng ủy ban công-tư để đề xuất giải pháp;
- Cung cấp cơ chế ưu đãi thuế cho bao bì nhựa có thể phân hủy và bao bì nhựa tái chế để khuyến khích chuyển đổi sang vật liệu thân thiện với môi trường và thúc đẩy ngành tái chế tại địa phương; và

Cấm sử dụng nhựa một lần và thúc đẩy một giải pháp thay thế. Phối hợp với các doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch loại bỏ dần các sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có thời gian điều chỉnh hoạt động và tìm kiếm các sản phẩm thay thế để cung cấp cho khách hàng.

16 Luật số 57/2010/QH12 của Quốc hội ngày 15 tháng 11 năm 2010 về Thuế bảo vệ môi trường (Luật Thuế bảo vệ môi trường).

17 “Lỗ hổng và thành công trong việc hạn chế trốn thuế đánh vào túi nhựa”, *Vietnam News*, ngày 27 tháng 9 năm 2018. Xem tại: < <http://vietnamnews.vn/environment/466610/loopholes-and-evasion-limit-success-of-plastic-bag-tax.html#pIV6B5o3VZtgPBt5.99>>, truy cập lần cuối ngày 8 tháng 12 năm 2020.

18 Quyết định 1746/QĐ-TTg ngày 4 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Quyết định 1746).

3. Các vấn đề về cấp nước và nước thải

Suy giảm chất lượng nước đã trở thành một vấn đề toàn cầu khi dân số tăng lên, các hoạt động công nghiệp và nông nghiệp ngày càng mở rộng, và biến đổi khí hậu có nguy cơ gây ra những thay đổi lớn đối với chu kỳ thủy văn. Trong thập kỷ qua, Chính phủ đã có những hành động để đối phó với các thách thức liên quan đến nước và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Mô tả vấn đề

Bất chấp những tiến bộ rõ rệt về nước và vệ sinh, sự phát triển trong tương lai của Việt Nam đang bị đe dọa bởi những thách thức nghiêm trọng do biến đổi khí hậu, tốc độ công nghiệp hóa nhanh và các vấn đề môi trường “bắt nguồn từ trong nước”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam đang phải gánh chịu hậu quả từ quá trình phát triển. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước đang chịu áp lực to lớn, dẫn đến căng thẳng về nguồn nước và các mối đe dọa đối với đời sống con người và đa dạng sinh học trong tương lai. Về lâu dài, Việt Nam sẽ phải đối mặt với tổn thất tài chính nặng nề nếu không có hành động nào để giảm thiểu các cuộc khủng hoảng về nước và môi trường hiện nay. Nếu vẫn tiếp tục hỗ trợ sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế quốc dân, thì ngành nước sẽ cần phải vượt qua những thách thức quan trọng, đó là nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nước để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng; tăng thu nhập trên mỗi đơn vị tiêu thụ; nâng cao chất lượng công trình và nhận thức của cộng đồng; và giảm bớt các mối đe dọa từ nước “quá bẩn, quá ít và quá nhiều”. Đồng thời, cũng cần cải thiện các chính sách, thể chế, việc thực thi pháp luật và tài chính và cho phép sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài vào các dịch vụ liên quan đến nước và vệ sinh.

Khuyến nghị

Đưa khủng hoảng nước trở thành vấn đề quan trọng hàng đầu và thực hiện một hành trình toàn diện để bảo vệ tài nguyên nước, đời sống thủy sinh và đa dạng sinh học của Việt Nam. Cụ thể là:

- Đồng bộ hóa các chính sách môi trường hiện có để đảm bảo khuôn khổ chính trị thống nhất bằng cách lồng ghép tốt hơn cơ sở pháp lý hiện có;
- Cải thiện tình hình trên thực tế bằng cách nâng cao độ minh bạch và kiểm soát việc thực hiện các chính sách môi trường ở cấp tỉnh và địa phương; tăng cường thực thi pháp luật và sẵn sàng thực hiện các hành động theo quy định;
- Lắng nghe ý kiến của các cấp cơ sở và khuyến khích các tổ nhóm môi trường địa phương; hỗ trợ các hành động của công dân để kiểm soát việc thực hiện các chính sách của Nhà nước;
- Giới thiệu và xác nhận thiết kế đô thị nhạy cảm về nước và tận dụng Hạ tầng Xanh - oXanh (Blue-Green Infrastructure), bao gồm hệ thống quản lý nước mưa hiện đại;
- Thông tin - Truyền thông - Giáo dục là chìa khóa cho một môi trường sạch hơn, vì vậy cần cải thiện và điều chỉnh chương trình giảng dạy của các trường học và trường đại học bằng cách lồng ghép các vấn đề liên quan đến môi trường; nhận thức của cộng đồng nói chung cũng cần được cải thiện;
- Tận dụng kiến thức và kinh nghiệm của các công ty nước quốc tế thông qua đấu thầu công khai, minh bạch và công bằng;
- Khuyến khích tái sử dụng nước thải bằng cách đưa ra các khuôn khổ, hướng dẫn và tiêu chuẩn pháp lý để chia sẻ nguồn nước chất lượng cho các mục đích sử dụng như tưới tiêu và sản xuất công nghiệp;
- Điều chỉnh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp để bù đắp hoàn toàn chi phí, thực hiện “nguyên tắc người gây ô nhiễm trả tiền”;
- Thúc đẩy du lịch theo hướng bền vững, thông minh về nước sẽ thu hút những khách du lịch giàu có và thích thiên nhiên; ngăn chặn sự phá hủy các hệ sinh thái có giá trị do phát triển du lịch thiếu kiểm soát;

- Cần nhắc lựa chọn Hạ tầng Xanh - Xanh để ứng phó với biến đổi khí hậu; và
- Xem xét và áp dụng tài chính xanh để tăng dòng vốn từ khu vực công, tư nhân và phi lợi nhuận cho các ưu tiên phát triển bền vững.

4. Quản lý chất lượng môi trường không khí

Mô tả vấn đề

Chất lượng không khí tại các thành phố lớn của Việt Nam đã đạt đến mức nguy hiểm và trở thành mối lo ngại nghiêm trọng về sức khỏe¹⁹. Sulphur dioxide, bụi, dioxide, carbon monoxide và nitơ dioxide được thải ra từ giao thông vận tải, công nghiệp và xây dựng, cũng như từ các nhà máy điện than và nhà máy xi măng. Đại học Kinh tế Quốc dân đã phát hiện ô nhiễm không khí đã gây thiệt hại cho nền kinh tế Việt Nam 10,8-13,6 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm kể từ năm 2012. Trong khi đó, số ngày có chỉ số chất lượng không khí đạt mức nguy hại trong năm 2019 và 2020 cao hơn so với các năm trước. Theo IQAir, Hà Nội xếp thứ 11 trong số những thành phố ô nhiễm nhất thế giới²⁰. Vì vậy, cần đẩy nhanh việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí. Ngoài ra, cần đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải; cùng với đó là đưa ra mức thuế bổ sung cao hơn đối với các nhà máy điện than, nhà máy xi măng và các tác nhân gây ô nhiễm lớn khác theo tác động ước tính lên kinh tế-xã hội và sức khỏe. Cuối cùng, cần đầu tư vào hệ thống lọc và các thiết bị khác, chẳng hạn như các trạm phát điện để giảm ô nhiễm, đồng thời thúc đẩy phát triển lĩnh vực giao thông công cộng không gây ô nhiễm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam còn thiếu các quy định cụ thể về ô nhiễm môi trường không khí. Chúng tôi nhận thấy trong năm 2019, Chính phủ đã đưa ra kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025²¹ (Quyết định 985a). Cũng trong năm 2019, Bộ Y tế đã ban hành hướng dẫn 14 bước để giúp đối phó với ô nhiễm không khí, đây là nội dung tư vấn công khai đầu tiên về chủ đề này.²² Mặc dù Tổng cục Môi trường (VEA) được yêu cầu đặt ra các mục tiêu phát thải,²³ Chính phủ Việt Nam vẫn chưa có chính sách rõ ràng và các mục tiêu cụ thể để kiểm soát chất lượng môi trường không khí. Ngoài ra, Việt Nam chưa có quy định kiểm soát ô nhiễm môi trường phát sinh từ bãi rác, nhà máy và khu nuôi trồng thủy sản. Sự cải thiện đáng kể chất lượng không khí trong thời gian bùng phát đại dịch COVID-19, đặc biệt là trong thời gian “phong tỏa” cho thấy rằng có nhiều cách để cải thiện chất lượng không khí.

Khuyến nghị

- Đẩy nhanh việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường, đặc biệt là về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;
- Đưa ra các mục tiêu và quy định chính sách cụ thể về kiểm soát chất lượng không khí và khí thải;
- Tăng thuế đối với các nhà máy điện than, nhà máy xi măng và các nhà máy gây ô nhiễm chính khác theo tác động ước tính đến kinh tế xã hội và sức khỏe;
- Đưa không khí sạch vào làm KPI mức cao cho các công ty năng lượng, bắt đầu từ EVN;
- Đầu tư vào các hệ thống lọc và các thiết bị khác để giảm ô nhiễm, bắt đầu từ các trạm phát điện; và
- Đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng không gây ô nhiễm môi trường không khí.

19 “Bộ trưởng Trần Hồng Hà: Ô nhiễm không khí do nguyên nhân chủ quan”, Báo Chính phủ, ngày 19 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Bo-truong-Tran-Hong-Ha-O-nhiem-khong-khi-do-nguyen-nhan-chu-quan/383018.vgp>>, truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

20 “Xếp hạng Chất lượng Không khí Thế giới”, Iqair. Xem tại: www.iqair.com/world-air-quality-ranking. Truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023

21 Quyết định 985a/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030 (Quyết định 985a).

22 “Bộ Y tế hướng dẫn bảo vệ sức khỏe khỏi ô nhiễm không khí”, VnExpress, ngày 16 tháng 12 năm 2019. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/news/health-ministry-issues-first-public-advisory-on-air-pollution-4028017.html>>, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2023.

23 “Việt Nam xác định mục tiêu phát thải 2020 gồm giảm ô nhiễm khói bụi”, VnExpress, ngày 23 tháng 9 năm 2015. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/news/vietnam-sets-2020-emissions-targets-as-nation-chokes-on-smog-3472995.html>>, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 11 năm 2023.

II. ĐÔ THỊ BỀN VỮNG: CÁC CÔNG TRÌNH XANH VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ TRONG TÒA NHÀ

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Xây dựng (BXD), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT)

Mô tả vấn đề

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đã diễn ra với tốc độ nhanh hơn và dân số tiếp tục tăng. Phát triển đô thị đã trở thành yếu tố then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, trong đó các thành phố và khu đô thị đóng góp hơn 70% GDP cả nước.²⁴ Năm 2022, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã ký Nghị quyết 148,²⁵ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ đô thị hóa lên trên 50% và số lượng đô thị trên toàn quốc lên khoảng 1.000–1.200 vào năm 2030. Đến năm 2045, Việt Nam đặt mục tiêu có ít nhất 5 khu đô thị quốc tế kết nối mạng lưới khu vực và toàn cầu. Theo chương trình hành động này, kinh tế đô thị dự kiến sẽ đóng góp khoảng 75% GDP quốc gia vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030. Bộ Xây dựng cũng đặt mục tiêu nâng tỷ lệ đô thị hóa của cả nước lên 53,9% vào năm 2023.²⁶

Là một nguyên nhân dẫn đến suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam với việc mở rộng các khu dân cư và hoạt động công nghiệp diễn ra tập trung ở các vùng đồng bằng, ven biển và các vùng dễ bị lũ lụt. Các thành phố đóng vai trò quan trọng trong biến đổi khí hậu và các hoạt động ở đô thị là tác nhân góp phần đáng kể vào phát thải khí nhà kính. Theo ước tính, các thành phố tạo ra 75% lượng khí thải CO₂ trên thế giới, trong đó giao thông vận tải và xây dựng là hai trong số những nguồn phát thải lớn nhất.²⁷

Ngành xây dựng được dự đoán là sẽ được chú trọng và đầu tư nhiều hơn do nhu cầu về các tòa nhà ở Việt Nam ngày càng tăng. Tuy nhiên, ngành này chắc chắn là một trong những tác nhân chính gây ra tình trạng nóng lên toàn cầu và là tác nhân gây ô nhiễm lớn nhất ảnh hưởng đến môi trường. Theo Bộ Xây dựng, nhu cầu nhà ở của Việt Nam sẽ tăng 70 triệu m² mỗi năm, tương đương 17.500 tòa nhà cao 30 tầng vào năm 2030.²⁸ Là một phần của nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính, Việt Nam đã ban hành một loạt các chính sách và chương trình, bao gồm Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), theo đó Việt Nam đã cam kết giảm 9% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

Khuyến khích phát triển các tòa nhà xanh, sử dụng năng lượng hiệu quả là điều cần thiết. Các chủ đầu tư, chủ dự án, doanh nghiệp cũng phải có trách nhiệm đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành dự án theo tiêu chuẩn về công trình xanh, đô thị tiết kiệm năng lượng và hiệu quả. Mục đích cuối cùng là tăng chất lượng và sự tiện lợi, đảm bảo sức khỏe người dùng và sử dụng năng lượng hiệu quả cũng như bảo vệ môi trường. Chúng tôi hoan nghênh việc xây dựng các thành phố thông minh, hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2023, Việt Nam chỉ có hơn 300 dự án công trình xanh được chứng nhận LEED nhưng chưa có công trình nào được thiết kế, xây dựng, quản lý và vận hành đáp ứng tiêu chí phát thải ròng bằng 0.²⁹ Kết quả này còn quá khiêm tốn để theo đuổi các mục tiêu NDC đầy tham vọng. Việt Nam nên đặt mục tiêu cao hơn, đồng thời đảm bảo vẫn đạt được mục tiêu ngay cả ở cấp độ đó. Tuy nhiên, Việt Nam cần giải quyết những thách thức để xây dựng các công trình xanh hơn và phát triển các thành phố bền vững hơn.

24 Báo cáo Quốc gia Việt Nam 2023, Chương trình Nhân cư Liên Hợp Quốc (UN-Habitat), 2023. Xem tại: <https://unhabitat.org/sites/default/files/2023/06/7_vietnam_country_report_2023_final.pdf>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 11 năm 2023.

25 Nghị quyết 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 148).

26 "Tỷ lệ đô thị hóa dự kiến đạt 53,9% vào năm 2023", Vietnamplus, ngày 25 tháng 1 năm 2023. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/urbanisation-ratio-expected-to-reach-539-in-2023/247084.vnp>>, truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

27 "Thành phố và biến đổi khí hậu", Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc. Xem tại: <<https://www.unep.org/explore-topics/resource-efficiency/what-we-do/cities/cities-and-climate-change#:~:text=At%20the%20same%20time%2C%20cities,being%20among%20the%20largest%20contributors.>>>, truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

28 "Nhu cầu về nhà ở tăng, giá chung cư tại các đô thị lớn khó hạ nhiệt" *Tin tức Chính phủ*, ngày 6 tháng 2 năm 2023. Xem tại: <<https://baochinhphu.vn/nhu-cau-ve-nha-o-tang-gia-chung-cu-tai-cac-do-thi-lon-kho-ha-nhiệt-102230206093134945.htm>>, truy cập lần cuối vào ngày 27 tháng 11 năm 2023.

29 Nhị Anh: "Việt Nam mới chỉ có 300 công trình xanh" *VNEconomic*, ngày 19 tháng 9 năm 2023. Xem tại: <<https://vneconomy.vn/viet-nam-moi-chi-co-300-cong-trinh-xanh.htm>>, truy cập lần cuối ngày 27 tháng 11 năm 2023.

1. Khung pháp lý của công trình xanh

So với tốc độ phát triển của ngành xây dựng hiện nay, số lượng công trình xanh được công nhận ở Việt Nam còn khiêm tốn so với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, chính sách pháp luật cũng là rào cản không nhỏ khiến nhiều doanh nghiệp không muốn thực hiện các công trình xanh. Dự thảo luật do Viện Kiến trúc thuộc Bộ Xây dựng trình phê duyệt để án “Phát triển công trình xanh, công trình hiệu quả năng lượng đến năm 2030”, bao gồm một chính sách rằng tất cả các dự án xây mới hoặc cải tạo phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả. Đối tượng áp dụng bao gồm các khu chung cư, trụ sở các cơ quan khác và các công trình công cộng được đầu tư và vận hành bằng ngân sách Nhà nước với diện tích sàn lớn hơn 2.500 m². Điều này đã bị từ chối do thiếu các quy định về “Công trình xanh” trong các quy định dưới luật hỗ trợ việc thi hành. Để thúc đẩy sự phát triển của công trình xanh ở Việt Nam, cần nhanh chóng hoàn thiện và/hoặc cập nhật khung pháp lý và nâng cao nhận thức của các bên liên quan, chủ yếu là các cơ quan Chính phủ, vì hệ thống pháp luật hiện hành ở Việt Nam hầu như không có nhiều ưu đãi cho các chủ đầu tư.

2. Thiết kế thụ động và chứng nhận xây dựng

Các công trình xây dựng và tòa nhà là những đối tượng tiêu thụ nhiều điện năng nhất, chiếm đến 40% lượng điện tiêu thụ của cả nước. Như vậy, các tòa nhà ở Việt Nam cần phải sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Việc tạo ra những công trình tiết kiệm năng lượng hơn chỉ làm tăng khoảng 3% chi phí xây dựng, những cũng sẽ giúp giảm tới 36% chi phí vận hành. Tích hợp các thiết bị tiết kiệm năng lượng, lý tưởng ngay từ trong quá trình xây dựng, sẽ hoàn thiện quá trình chuyển đổi và cải thiện lâu dài sự phát triển bền vững của thành phố nơi có các công trình đó. Trong quá trình này, các kiến trúc sư đảm bảo thiết kế thụ động và vật liệu thân thiện với môi trường có thể được áp dụng từ giai đoạn thiết kế cho các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong quá trình xây dựng. Quá trình này cũng áp dụng cho quy hoạch tổng thể đô thị. Chúng tôi khuyến khích tất cả các công trình đáp ứng các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (Vietnam Energy Efficiency Building Code) (hoặc quy chuẩn đơn giản hơn) để được cấp Giấy phép xây dựng trong giai đoạn Thiết kế cơ bản. Thêm vào đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thể áp dụng biểu giá điện trong đó công trình tiêu thụ ít năng lượng sẽ được hưởng giá thấp hơn và công trình có mức tiêu thụ cao sẽ bị áp mức giá cao hơn.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ có biện pháp khuyến khích hiệu quả, bao gồm cam kết làm cho ít nhất 75% các tòa nhà hiện có của Chính phủ sẽ được chứng nhận Công trình xanh cho đến năm 2030, và nâng lên thành tất cả các tòa nhà mới sẽ được chứng nhận từ năm 2024 trở đi. Trên thị trường hiện có nhiều phương án chứng nhận được cung cấp³⁰. Chúng tôi ủng hộ công nhận nhiều hệ thống khác nhau được áp dụng tại Việt Nam, và tự thị trường sẽ chọn lọc hệ thống nào thiết thực. Những hệ thống này có thể được cấp giấy phép hoạt động dựa trên một bộ tiêu chí đơn giản như tính minh bạch, tính đáng tin cậy và tính phù hợp với các tiêu chuẩn đã được công nhận. Tuy nhiên, cần thực hiện một thiết kế quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, chất thải, giao thông, cải thiện môi trường sinh sống. Những gì chính quyền trung ương và địa phương có thể làm ở cấp độ công trình riêng lẻ nên được tích hợp vào một tầm nhìn đô thị tổng thể. Sự liên kết của tất cả các yếu tố trong một môi trường sống thông minh và đáng sống hơn sẽ giúp giảm nhiệt độ đô thị và hấp thụ khí thải. Chương trình ưu đãi và chính sách ở cấp vĩ mô này có thể giúp Việt Nam hướng tới các mục tiêu xây dựng thành phố thông minh và bền vững. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (Vietnam Energy Efficiency Building Code) được sửa đổi và ban hành năm 2017 là cơ sở để tháo gỡ khó khăn ở các địa phương trong việc áp dụng tiêu chuẩn. Bộ Xây dựng đã tổ chức một số khóa tập huấn để nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho cán bộ tại các Sở Xây dựng. Tuy nhiên, quy chuẩn này chưa được phổ biến và áp dụng rộng rãi trên thực tế. Do những hạn chế trong việc thực thi quy định pháp luật, hiện tại những chỉ dẫn, thông lệ của doanh nghiệp quốc tế dường là động lực duy nhất. Vì giá điện thấp nên các doanh nghiệp chưa có nhu cầu giảm thiểu chi phí hoạt động. Do đó, đầu tư cho công trình xanh vẫn còn rất thấp để có thể giải quyết các vấn đề môi trường hiện tại.

Cần xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển các công trình xanh và tiết kiệm năng lượng, bao gồm cả việc xây dựng bằng vốn đầu tư công. Các chính sách này cần thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp quy hoạch, kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật và quản lý dự án để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Áp dụng cách tiếp cận toàn diện về vòng đời sản phẩm, đồng thời thúc đẩy hơn nữa việc sử dụng nhãn xanh và Tuyên bố sản phẩm môi trường (EPD).

30 Bao gồm chứng chỉ Định hướng Thiết kế về Năng lượng và Môi trường (LEED) của Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ, Hệ thống Chứng chỉ Thiết kế Xuất sắc để đạt Hiệu quả Cao hơn (EDGE) của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), và chứng chỉ xanh LOTUS của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu hỗ trợ chính sách phù hợp, thiếu chuyên môn về công trình xanh và đòi hỏi khoản đầu tư ban đầu cao hơn là những rào cản chính để áp dụng công trình xanh ở Việt Nam. Theo Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam, thông tin sai lệch về chi phí phát triển công trình xanh đã góp phần khiến việc áp dụng công trình xanh trước đó của Việt Nam bị trì hoãn.³¹

Khuyến nghị

- Đưa nội dung về “Công trình xanh” vào các văn bản hướng dẫn thi hành luật xây dựng;
- Thực thi và thúc đẩy việc áp dụng các giải pháp vật liệu xây dựng bền vững thông qua Hiệp hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam;
- Áp dụng cách tiếp cận toàn diện theo vòng đời;
- Thúc đẩy áp dụng nhãn xanh và EPD;
- Minh bạch hơn về thời điểm áp dụng giá điện dựa trên giá thị trường;
- Xóa bỏ trợ cấp đối với điện sản xuất sử dụng nhiên liệu hóa thạch;
- Ban hành Lộ trình Biểu giá bán lẻ điện cho các hộ tiêu thụ điện thương mại và công nghiệp;
- Tăng cường Hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà;
- Yêu cầu chứng chỉ tối thiểu là điều kiện tiên quyết để cấp phép cho một số loại tòa nhà bất kể mục đích sử dụng và khuyến khích các cấp chứng chỉ cao hơn; và
- Chuẩn bị một thiết kế quy hoạch đô thị rõ ràng, trong đó không chỉ có các giải pháp về công trình xanh mà cả các giải pháp cải thiện các vấn đề về nước, chất thải, giao thông, cải thiện môi trường sinh sống.

3. Tính tuần hoàn trong xây dựng

Một cách để hạn chế phương pháp tiếp cận tuyến tính sử dụng-thải bỏ là thay thế bằng phương pháp tuần hoàn giảm thiểu-tái sử dụng-tái chế. Thiết kế, vận hành và giải toả kết cấu của tòa nhà có thể tối đa hóa giá trị theo thời gian bằng cách áp dụng:

- Các sản phẩm và dịch vụ lâu bền được làm bằng vật liệu thứ cấp, không độc hại, có nguồn gốc bền vững hoặc có thể tái tạo, tái sử dụng hoặc tái chế;
- Hiệu quả sử dụng không gian theo thời gian thông qua việc sử dụng chung, tính linh hoạt và khả năng thích ứng;
- Vật liệu có tuổi thọ cao, khả năng phục hồi, độ bền cao, dễ bảo trì và sửa chữa; và
- Tháo rời, tái sử dụng hoặc tái chế vật liệu, bộ phận và hệ thống nhúng.

Khuyến nghị

- Ban hành quy định để loại bỏ rào cản và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm nhập thị trường của vật liệu xây dựng thứ cấp từ việc phá dỡ/hủy bỏ;
- Cung cấp các biện pháp khuyến khích để thúc đẩy khôi phục và tái sử dụng vật liệu, công trình, bao gồm sử dụng các cơ chế tài chính, ví dụ như giảm phí quy hoạch và giảm phí chi phí phát triển khi đáp ứng được

31 Thu Nguyen và Siddharth Bhatla, “Công trình xanh ở Việt Nam: Bền vững đến mức nào?”, *Vietnam Briefing*, ngày 28 tháng 3 năm 2022. Xem tại: <[136 | SÁCH TRẮNG 2024 | CÁC VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ VÀ KHUYẾN NGHỊ](https://www.vietnam-briefing.com/news/green-buildings-in-vietnam-how-sustainable-are-they.html/#:~:text=As%20per%20VGBC%2C%20misinformation%20was,up%20to%20five%20percent%20more.>”, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 11 năm 2023.</p>
</div>
<div data-bbox=)

ngưỡng tái sử dụng; và

- Lập một Lộ trình Kinh tế Tuần hoàn cho các Tòa nhà trong đó đề ra các công cụ cần thiết để thực hiện các chính sách này, bao gồm phát triển chuỗi cung ứng địa phương với các cơ sở tái chế vật liệu, cơ sở dữ liệu và nâng cao năng lực trên toàn chuỗi giá trị.

III. TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT

(văn bản dưới đây phản ánh ý kiến từ bốn Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham bao gồm Tiểu ban Phát triển xanh, Tiểu ban Thực phẩm dinh dưỡng, Tiểu ban Ô tô, Xe máy và Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh).

Cơ quan Chính phủ liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Hội đồng EPR Quốc gia, Văn phòng EPR, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Quỹ BVMT)

Mô tả vấn đề

EuroCham luôn ủng hộ và đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ và Bộ TN&MT trong việc bảo vệ môi trường, thúc đẩy tái chế sản phẩm và bao bì để hướng tới phát triển xanh và phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực không ngừng của các cơ quan chức năng trong việc phát triển và xác định các khung pháp lý làm nền tảng cho doanh nghiệp thực hiện Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (EPR) đối với sản phẩm và bao bì. Để đảm bảo rằng các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu có thể thực hiện EPR một cách hiệu quả như quy định trong Nghị định 08³², các Tiểu ban Ngành nghề thuộc EuroCham bao gồm Tiểu ban Phát triển xanh, Tiểu ban Thực phẩm dinh dưỡng, Tiểu ban Ô tô, Xe máy và Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh, mong muốn đưa ra một số đề xuất góp ý góp phần vào việc thực hiện EPR một cách hiệu quả và bền vững, đồng thời hài hòa mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển kinh doanh.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Định mức chi phí tái chế (Fs)³³ đề xuất

Fs đề xuất hiện vẫn còn cao so với tình hình tái chế thực tế tại Việt Nam, và chưa theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn do chưa trừ đi giá trị vật liệu thu hồi được, từ đó sẽ dẫn đến tăng giá thành sản phẩm và tác động tiêu cực đến người tiêu dùng. Mặc dù chúng tôi hiểu rằng Bộ TN&MT đã thực hiện nhiều nghiên cứu khi soạn thảo Fs, chúng tôi mong muốn Bộ tiếp tục tham gia và tham vấn với các bên liên quan bị ảnh hưởng để có bằng chứng thực nghiệm cụ thể, các tiêu chuẩn minh bạch và hiểu sâu hơn về điều kiện thực tế ở Việt Nam. Chúng tôi cũng ủng hộ tiến hành nghiên cứu về các nước có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng như Việt Nam để có cái nhìn chính xác và toàn diện hơn.

Về các vật liệu có giá trị vật liệu thu hồi cao hơn chi phí tái chế, nhà tái chế hiện đang lãi lớn như bao bì nhôm, sắt, giấy carton:

Công thức tính Fs chưa theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn do chưa trừ đi giá trị vật liệu thu hồi được. Trong định mức tái chế đề xuất, Bộ TN&MT đã đưa ra hệ số cho các vật liệu có giá trị thu hồi cao như sắt, nhôm và giấy carton, điều này đã công nhận nguyên tắc kinh tế tuần hoàn nhưng chưa tiếp thu đầy đủ.

Thực tế, nhà tái chế sắt, nhôm và giấy carton đều đang có lãi lớn. Chi phí tái chế sắt theo tính toán của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 9.000 VND/kg, giá bán thép hiện tại trên thị trường là khoảng 13.000-14.000 VND/kg³⁴, nhưng bao bì sắt vẫn có hệ số 0,4 và nhà sản xuất phải đóng góp thêm 3.672 VND/kg. Nhôm có chi phí tái chế là 12.000 VND/kg, giá bán nhôm hiện tại trên thị trường là khoảng 57.000 VND/kg³⁵, nhưng bao bì nhôm vẫn có hệ

32 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường (Nghị định 08).

33 Phí EPR được xác định bằng cách nhân khối lượng chất thải nhựa (V), tỷ lệ tái chế bắt buộc (R) và chi phí tái chế hợp lý cho một đơn vị khối lượng bao bì (Fs).

34 “Giá thép hôm nay 10/10: Tăng 3 Nhân dân tệ/tấn trên sàn giao dịch”, Kinh tế Đô thị, 10 tháng 10 năm 2023. Xem tại: <<https://kinhtedothi.vn/gia-thep-hom-nay-10-10-tang-3-nhan-dan-te-tan-tren-san-giao-dich.html>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 12 năm 2023.

35 “Giá nhôm thế giới”, Thị trường hàng hoá. Xem tại: <<https://www.thitruonghanghoa.com/gia-hang-hoa/gia-nhom-the-gioi?period=3m¬ation=3&compare=2023>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 12 năm 2023.

số 0,2 và nhà sản xuất phải đóng góp thêm 2.448 VND/kg. Giấy carton có chi phí tái chế là 9.500 VND/kg, giá bán bột giấy hiện tại trên thị trường là khoảng 13.680 VND/kg³⁶, nhưng bao bì giấy vẫn có hệ số 0,2 và nhà sản xuất phải đóng góp thêm 1.938 VND/kg. Các đóng góp để hỗ trợ nhà tái chế tăng lãi này là chưa phù hợp với kinh tế tuần hoàn.

Vì vậy, với các bao bì nhôm, sắt, giấy carton, do giá trị vật liệu thu hồi được cao hơn chi phí tái chế, các hệ số cho Fs nên được tính toán lại theo nguyên tắc kinh tế tuần hoàn. Chúng tôi kiến nghị nên để hệ số 0,1 để hỗ trợ cho công tác thu gom ở vùng sâu, vùng xa, chứ không dùng để hỗ trợ các nhà tái chế đang có lãi lớn.

Về bao bì thủy tinh

Một điểm đáng lưu ý là tái chế bao bì thủy tinh sẽ yêu cầu cơ sở hạ tầng hiện có thu gom và tái chế, cũng như hiểu biết về đặc điểm cụ thể của bao bì thủy tinh. Nếu không tiến hành đánh giá tác động kỹ lưỡng trong chuỗi cung ứng và xem xét tình trạng của hệ sinh thái thu gom và tái chế bao bì thủy tinh của Việt Nam, khung EPR có nguy cơ trở nên quá khó khăn cho các nhà sản xuất và nhập khẩu để thực hiện. Do đó, nó sẽ có tác động hạn chế đến việc giảm chất thải chôn lấp trong khi áp đặt chi phí mạnh và đáng kể cho các nhà sản xuất và nhập khẩu. Để giải quyết vấn đề này, ngành chúng tôi đang tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về tái chế thủy tinh tại Việt Nam và sẵn sàng chia sẻ kết quả với Bộ TN&MT trong việc xây dựng khung EPR.

Về xe điện chạy pin (BEV)

Hơn nữa, tỷ lệ Fs hiện tại đối với pin trong Xe điện chạy pin (BEV) vẫn còn cao. Thúc đẩy sử dụng xe điện là một trong những mục tiêu chính đến năm 2030, như đã nêu tại Quyết định 876³⁷ của Thủ tướng Chính phủ, do đó việc đặt chi phí cao sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường xe điện và cản trở quá trình chuyển đổi xanh trong giao thông vận tải của Việt Nam. Với lý do tương tự, mốc thời gian thực hiện tái chế và tỷ lệ Fs cho pin trong BEV nên tương tự như xe và xe máy (ngày 1 tháng 1 năm 2027) để các nhà sản xuất và nhập khẩu có đủ thời gian để chuẩn bị.

Lộ trình áp dụng EPR

Điều 77 Nghị định 08 quy định “Nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện trách nhiệm tái chế bao bì và các sản phẩm đặc quy, pin; dầu nhớt; sẫm lốp: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024” và sau đó văn phòng EPR có hướng dẫn “Trước ngày 31/3/2024 nhà sản xuất, nhập khẩu kê khai số tiền đóng góp của năm 2024 tính theo khối lượng sản phẩm, bao bì thực tế được đưa ra thị trường và nhập khẩu của năm 2023.”

Về thực tiễn, trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn, việc phải nộp tạm ứng một khoản đóng góp lớn (ước tính lên tới nhiều ngàn tỷ) vào Quỹ Bảo vệ Môi trường từ đầu năm 2024³⁸ trong khi số tiền này sẽ nằm trong quỹ đến hết năm 2025 trước khi được giải ngân sẽ gây ra gánh nặng lớn cho doanh nghiệp.

Về pháp lý, chúng tôi cho rằng hướng dẫn trên của văn phòng EPR không phù hợp với Nghị định 08, vì các sản phẩm sản xuất, nhập khẩu của năm 2023 chưa phải thực hiện trách nhiệm tái chế. Nếu cho rằng đây là nộp tạm ứng thì cũng không hợp lý, vì Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 08 không có quy định nào về việc kê khai và nộp tạm ứng cho khối lượng sẽ sản xuất, kinh doanh trong cùng năm.

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị các doanh nghiệp nên được bắt đầu nộp đóng góp tái chế vào năm 2025 cho các sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu trong năm 2024 khi đã có quyết toán nhập khẩu và sản xuất thực tế của năm 2024 để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, (giống như thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay cũng nộp khi kết thúc kỳ), và phù hợp với quy định của Nghị định 08.

Ưu đãi cho bao bì thân thiện với môi trường hoặc bao bì tái chế

Khung pháp lý hiện hành ở Việt Nam chỉ tập trung vào việc hợp pháp hóa trách nhiệm tái chế khi chưa có cơ chế rõ ràng để khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế. Một khi EPR có hiệu lực, lĩnh vực tái chế địa phương sẽ có sự

36 Bản tin tháng 6 năm 2023, VPPA. Xem tại: <http://rippi.com.vn/files/assets/TapchiBantinh/bantinhthang_so_6-2023.pdf>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 12 năm 2023.

37 Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình hành động chuyển đổi sang năng lượng xanh, giảm nhẹ phát thải carbon dioxide và metan từ giao thông vận tải (Quyết định 876).

38 Theo quy định của Bộ Tài nguyên: trước ngày 30 tháng 9 năm 2024 ban hành tiêu chí hỗ trợ; trước ngày 30 tháng 12 năm 2024 để rà soát mức hỗ trợ; Giải ngân theo khối lượng tái chế thực tế hàng năm, tức đến hết năm 2025 sẽ được giải ngân, trong khi số tiền hỗ trợ doanh nghiệp đã bắt đầu chốt từ tháng 4 năm 2024.

tăng trưởng nhanh chóng, dẫn đến việc một lượng đáng kể vật liệu tái chế sẽ được lưu thông trong thị trường. Tuy nhiên, hiện tại, không có quy định nào được thiết lập để khuyến khích việc áp dụng vật liệu tái chế trong sản phẩm và bao bì. Một trong hai yếu tố quan trọng của chính sách EPR là cơ chế khuyến khích đối với các nhà sản xuất đã cân nhắc các yếu tố bảo vệ môi trường trong thiết kế sản phẩm. Quan điểm này được OECD khuyến nghị, được công nhận và áp dụng rộng rãi trong việc thực hiện chính sách EPR trên thế giới.

Khuôn khổ hiện tại có thể dẫn đến một thực tế là ngành tái chế sẽ chỉ tập trung vào các khâu thu gom và tái chế, mà không quan tâm đúng mức đến các giai đoạn phát triển thị trường đầu ra cho vật liệu tái chế, phát triển công nghệ và giải pháp sử dụng nhiều hơn hàm lượng tái chế để đưa chúng trở lại chu kỳ sản xuất và tiêu dùng.

Đóng góp của EuroCham vào tiến trình EPR

Chúng tôi trân trọng việc Hội đồng EPR Quốc gia cho phép đại diện từ các cơ quan chính phủ, tổ chức bảo vệ môi trường và cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng khuôn khổ pháp lý³⁹. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nước ngoài lại không được tham gia ở mức độ tương tự, mặc dù thực tế là hàng hóa nhập khẩu cũng sẽ bị ảnh hưởng. Nhìn vào mô hình của Đài Loan, vốn có chung cơ chế, chúng tôi nhận thấy rằng Ủy ban Quản lý Tái chế của họ, mà tương tự là Hội đồng EPR Quốc gia, cho phép sự tham gia của các cơ quan chính phủ, lãnh đạo tổ chức phi chính phủ, cũng như các doanh nghiệp và chuyên gia. Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị mô hình này để có thêm thông tin chi tiết từ các ngành công nghiệp bị ảnh hưởng và các bên liên quan để có thể xây dựng một khuôn khổ EPR toàn diện hơn.

EuroCham tiếp tục cam kết hỗ trợ Việt Nam trong nỗ lực phát triển bền vững nói chung và hỗ trợ Bộ TN&MT trong tiến trình phát triển EPR nói riêng. Chúng tôi hy vọng và mong muốn thúc đẩy một cuộc đối thoại hiệu quả với Quý Bộ nhằm chia sẻ các dữ liệu và thông tin liên quan dựa trên kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất của châu Âu để góp phần thúc đẩy hoàn thiện khung pháp lý EPR và / hoặc sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường.

Quý Bảo vệ Môi trường

Chúng tôi đánh giá cao việc Bộ TN&MT đang chuẩn bị Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Quý Bảo vệ Môi trường và tin rằng đây sẽ là một văn bản pháp lý quan trọng trong giai đoạn thực hiện EPR. Chúng tôi kêu gọi sự rõ ràng trong việc sử dụng và quản lý quỹ: việc phân phối quỹ cho các cơ sở tái chế, xây dựng năng lực, đầu tư công nghệ hoặc các hoạt động hỗ trợ khác, nên được công khai đầy đủ và thường xuyên trên cổng thông tin EPR để tăng tính minh bạch cho tất cả các bên. Chúng tôi cũng khuyến nghị sử dụng một cơ quan kiểm toán độc lập để tăng tính minh bạch, và Bộ TN&MT nên có một bộ tiêu chí rõ ràng để lựa chọn một cơ quan kiểm toán phù hợp và kết quả kiểm toán nên được chia sẻ công khai. Chúng tôi hiểu rằng các công ty cần sự hỗ trợ của chính phủ trong việc tái chế, do đó quỹ nên được sử dụng theo nguyên tắc đảm bảo đủ trang trải chi phí bỏ ra.

Khuyến nghị thực thi hiệu quả EPR

Đối với ngành công nghiệp ô tô

Đối với ngành công nghiệp ô tô, để có thể được chính thức chỉ định là một tổ chức thu gom và tái chế chất thải rắn, các đơn vị thu gom và tái chế phù hợp cần được công nhận dựa vào số lượng phương tiện cũ hoặc quá niên hạn trên quy mô toàn quốc.

Phương pháp tái chế hiện tại đối với các sản phẩm phức tạp như ô tô và xe máy, dựa vào tỷ lệ “bộ phận có thể tái sử dụng hoặc phế liệu có thể sử dụng như nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp” chia theo loại vật liệu, là không hiệu quả và tốn kém trong việc quản lý.

Các chi tiết về việc thực hiện cơ chế tín dụng xử lý chất thải một cách hiệu quả và các hình phạt tiềm ẩn đối với việc không tuân thủ vẫn đang trong quá trình thảo luận với các doanh nghiệp ô tô. Hiện các cơ quan chức năng ở Việt Nam vẫn chưa thiết lập một khung pháp lý yêu cầu tất cả các bên liên quan trong nền kinh tế tuần hoàn thực hiện việc thu gom và tái chế sản phẩm đã bị vứt bỏ. Từ kinh nghiệm thực tiễn từ châu Âu, việc hoàn thiện khung pháp lý này, bao gồm mục đích, mục tiêu, lộ trình, khung pháp luật, các yếu tố thành phần và bên liên quan, có thể kéo dài.

39 Theo quy định tại Quyết định 252/QĐ-BTNMT thành lập Hội đồng EPR Quốc gia.

Bên cạnh đó, quyền sở hữu xe ở Việt Nam thay đổi liên tục theo thời gian, chỉ có các phương tiện thương mại là có vòng đời xác định. Tài trợ cho việc tái chế hoặc xử lý thông qua đóng góp tài chính, cho dù nhằm mục tiêu đến các nhà sản xuất, nhà bán lẻ hay khách hàng, là một thách thức do quyền sở hữu xe đang phát triển.

Khuyến nghị

- Tỷ lệ Fs nên được tính toán lại để phản ánh tốt hơn tình hình tái chế thực tế tại Việt Nam, và trừ đi giá trị vật liệu thu hồi được để theo đúng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, đặc biệt với các bao bì có giá trị thu hồi được cao hơn chi phí tái chế như nhôm, sắt, giấy carton. Chúng tôi khuyến nghị chính phủ nên tiến hành một nghiên cứu mới với các tiêu chí rõ ràng và / hoặc tham khảo thêm các nghiên cứu để có cái nhìn toàn diện.
- Khung EPR nên được thực hiện theo từng giai đoạn, bắt đầu với giai đoạn chuyển tiếp ít nhất 2 năm kể từ năm 2024. Trong giai đoạn thử nghiệm này, các doanh nghiệp không phải chịu hình phạt hành chính nếu họ không đáp ứng tỷ lệ tái chế theo yêu cầu. Giai đoạn này nên tập trung thực hiện thử nghiệm mà không nên đưa ra bất kỳ hình phạt nào trước khi củng cố khung pháp lý và hướng dẫn hiệu quả cho doanh nghiệp.
- Tỷ lệ Fs và thời gian thực hiện cho pin trong BEV phải tương tự như của xe ô tô và xe máy thông thường.
- Đối với ngành công nghiệp ô tô, chúng tôi khuyến nghị chính phủ nên hợp tác với các doanh nghiệp để xây dựng một hệ sinh thái phù hợp. Năm 2030 là một năm khả thi để áp dụng các tiêu chuẩn tái chế cho các sản phẩm thải bỏ liên quan đến ô tô và xe máy, bao gồm cơ chế thực thi đối với các công ty tuân thủ và hình phạt đối với các vi phạm. Từ kinh nghiệm thực tiễn của châu Âu, quy định nên xoay quanh tỷ lệ giữa tổng khối lượng vật liệu và giá trị tái sử dụng sau khi thải bỏ sản phẩm so với khối lượng ban đầu của sản phẩm. Ngoài ra, cần tham gia các cuộc đối thoại sơ bộ với các nhà lắp ráp và nhập khẩu ô tô về hướng dẫn quản lý và tái chế pin của xe để đảm bảo việc thực thi được đồng bộ.
- Có chính sách ưu đãi trong việc đóng góp tái chế bao bì, sản phẩm sử dụng vật liệu tái chế để tạo đầu ra cho vật liệu tái chế, cụ thể đối với bộ phận sử dụng vật liệu tái chế tính với hệ số 0 đối với Fs.
- Việc quản lý và phân phối Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cần được công khai để đảm bảo tính minh bạch.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Phát triển Xanh thuộc EuroCham

Đóng góp cho nội dung về Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất:

- Tiểu ban Phát triển xanh,
- Tiểu ban Thực phẩm dinh dưỡng,
- Tiểu ban Ô tô, Xe máy, và
- Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh

CHƯƠNG 10 TDU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN

TỔNG QUAN

Ngành du lịch Việt Nam đã chứng kiến những bước phát triển đáng kể. Từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2023, Việt Nam đón 8,9 triệu khách du lịch quốc tế, vượt mục tiêu 8 triệu đặt ra hồi đầu năm, thể hiện mức phục hồi 69% so với số lượt khách quốc tế vào năm 2019. Với xu hướng tích cực và dự đoán sẽ đón khoảng 1,2 triệu du khách mỗi tháng tiếp theo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL) đã điều chỉnh mục tiêu hàng năm lên 13 triệu du khách, tăng 56% so với mục tiêu ban đầu.¹

Sự hồi sinh này có thể là do nhu cầu đi lại tăng mạnh sau khi kết thúc đại dịch COVID-19, các sáng kiến khu vực nhằm thúc đẩy du lịch và những thay đổi tích cực trong quy định về thị thực. EuroCham cam kết hỗ trợ Việt Nam thông qua sự hợp tác liên tục với chính quyền địa phương bằng cách trao đổi kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn quốc tế, chẳng hạn như mối liên hệ chặt chẽ của chúng tôi với Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và cuộc thảo luận gần đây của chúng tôi với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Thuận.

Vẫn còn những thách thức mà ngành du lịch Việt Nam gặp phải và cần lưu để thiết lập vị thế cạnh tranh trong ASEAN và chuyển đổi du lịch thành một trụ cột kinh tế mạnh mẽ, bền vững. Chúng tôi tin tưởng rằng nếu được triển khai kịp thời, những đề xuất này sẽ mở đường cho ngành du lịch Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững.

I. CHÍNH SÁCH THỊ THỰC NHẬP CẢNH & THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan liên quan: Bộ Ngoại giao (BNG), Bộ Công an (BCA), Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh (Cục QLXNC) thuộc Bộ Công an

Mô tả vấn đề

Kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra các quy định mới nhằm tăng cường hệ thống quản lý xuất nhập cảnh. Những quy định này bao gồm: (1) thực hiện cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước và khu vực; (2) tăng thời hạn cấp thị thực điện tử từ tối đa 30 ngày lên tối đa 90 ngày, với tùy chọn nhập cảnh một lần hoặc nhiều lần; và (3) gia hạn thời gian tạm trú lên 45 ngày đối với công dân 13 nước được đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào Việt Nam.

Những chính sách đổi mới này khẳng định cam kết của Chính phủ Việt Nam về cách tiếp cận mở cửa, đáp ứng nhu cầu của người nước ngoài đến Việt Nam làm việc, đầu tư, nghiên cứu thị trường và du lịch. Điều này đặc biệt có lợi cho du khách châu Âu có thu nhập trung bình và cao, bao gồm những người về hưu đang tìm kiếm kỳ nghỉ dài, vì giờ đây họ có thể hòa mình vào văn hóa và khám phá cảnh quan đa dạng của Việt Nam trong thời gian dài hơn. Việc gia hạn thị thực cũng phục vụ nhiều đối tượng khách du lịch hơn, chẳng hạn như những người làm việc tự do trên môi trường kỹ thuật số (digital nomad) và khách du lịch dài hạn khi mang lại sự linh hoạt cần thiết để làm việc từ xa, kết hợp với mức sống tiết kiệm và các trung tâm đô thị sôi động của Việt Nam.²

Tuy nhiên, mặc dù chính sách thị thực nhằm mục đích thu hút nhiều khách du lịch nước ngoài hơn, cần nhận thấy rằng hành trình của khách du lịch bắt đầu bằng việc xin thị thực và thực hiện thủ tục nhập cảnh chứ không phải khi họ có mặt ở Việt Nam. Do đó, điều quan trọng là các thủ tục hành chính, bao gồm trang thông tin cấp thị thực điện tử, phải được cập nhật và nâng cấp liên tục để đáp ứng số lượng đơn xin thị thực ngày càng tăng và nâng cao sự hài lòng của người dùng. Điều này cũng đúng đối với thủ tục nhập cảnh, đặc biệt là ở các thành phố tập nập khách du lịch như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nơi du khách thường phải chờ đợi lâu để hoàn tất thủ tục nhập cảnh. EuroCham ủng hộ mạnh mẽ việc bố trí các hàng đợi đặc biệt để giảm bớt tắc nghẽn, đề xuất bổ sung

1 "Chính phủ xem xét nâng mục tiêu lượt khách du lịch lên 13 triệu", *VnExpress*, ngày 3 tháng 10 năm 2023. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/travel/government-eyes-raising-tourist-arrival-target-to-13-million-4660166.html>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 10 năm 2023.

2 "Việc Việt Nam gia hạn thị thực miễn phí mang lại lợi ích cho sự phục hồi của ngành du lịch trong nước", *TTG Asia*, ngày 6 tháng 10 năm 2023. Xem tại: <<https://www.ttgasia.com/2023/10/06/vietnams-free-visa-extension-a-boon-for-inbound-recovery/>>

các hàng dành riêng cho người đi công tác, người lớn tuổi (trên 70 tuổi), người khuyết tật và gia đình có trẻ sơ sinh.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được đưa ra các khuyến nghị sau:

- Miễn thị thực cho tất cả các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu;
- Miễn thị thực lưu trú ngắn hạn cho các trường hợp cụ thể như tham dự diễn đàn, triển lãm và sự kiện thể thao;
- Đảm bảo tính thống nhất, mạch lạc giữa phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh của trang thông tin cấp thị thực điện tử, đảm bảo mọi thông tin được dịch chính xác và dễ hiểu đối với người sử dụng nói tiếng Anh; và
- Bố trí các hàng đợi được chỉ định tại các điểm kiểm tra xuất nhập cảnh dành cho người đi công tác, người khuyết tật, người già từ 70 tuổi trở lên và gia đình đi cùng trẻ sơ sinh, từ đó tinh gọn quy trình nhập cảnh và nâng cao trải nghiệm du lịch tổng thể cho các nhóm du khách này.

II. TIẾP THỊ ĐIỂM ĐẾN

Cơ quan liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL), Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Cục DLQG VN), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT)

Mô tả vấn đề

Tầm quan trọng của hợp tác cấp tỉnh

Hiện tại, các tỉnh thành ở Việt Nam đều quảng bá các điểm du lịch của địa phương mình một cách độc lập và ít có sự hợp tác. Cách tiếp cận rời rạc này dẫn đến nhu cầu phải có một thông điệp hoặc chiến lược thống nhất để tiếp thị Việt Nam với khách du lịch nước ngoài. Ngoài ra, nỗ lực quảng bá du lịch Việt Nam ra nước ngoài còn chưa hiệu quả. Chúng tôi đánh giá cao những sáng kiến như “Lễ hội Phở Việt Nam” được tổ chức tại Nhật Bản vào ngày 7 tháng 10 năm 2023 nhằm giới thiệu nền văn hóa độc đáo của Việt Nam và thu hút khách du lịch nước ngoài. Chúng tôi khuyến nghị Việt Nam nhân rộng mô hình này để thu hút sự chú ý của du khách đến các sản phẩm thủ công, cảnh quan, trái cây đặc sản và các điểm du lịch khác tại các lễ hội và hội chợ quốc tế. Cùng với những sự kiện này, các hãng hàng không, công ty lữ hành và hãng vận chuyển tại địa phương có thể cung cấp các gói du lịch độc quyền đến Việt Nam cho người tham gia.

Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác giữa các tỉnh thành trong việc quảng bá điểm đến bởi vì nhiều thách thức của ngành du lịch của Việt Nam phải được giải quyết ở cấp tỉnh. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ các sáng kiến như Hội nghị Liên kết nhằm mục đích thúc đẩy kết nối giữa các khu vực khác nhau của Việt Nam và các trung tâm đối ngoại chính là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ cơ sở hạ tầng giao thông của đất nước không ngừng được cải thiện, việc đi lại giữa các tỉnh thành ngày càng thuận tiện, từ đó tạo cơ hội cho du lịch tại Việt Nam. Ví dụ, Phan Thiết hiện chỉ cách Thành phố Hồ Chí Minh hai giờ đi xe, khiến đây trở thành điểm đến cuối tuần lý tưởng cho du khách địa phương hoặc là một điểm đến bổ sung thuận tiện cho hành trình của người nước ngoài đi công tác. Để tận dụng điều này, chúng tôi ủng hộ sự hợp tác chặt chẽ giữa Sở Du lịch Phan Thiết và Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, với sự hỗ trợ từ khu vực tư nhân, để phát triển thêm các chuyến du lịch liên tỉnh và tăng cường hoạt động du lịch ở cả hai khu vực.³

Thái độ hiếu khách đối với người nước ngoài

Dữ liệu của cơ quan du lịch cho thấy Việt Nam có tỷ lệ khách quay trở lại du lịch chỉ 5%, so với 50% của Thái Lan. Một số du khách nước ngoài cho biết họ bị tính phí quá cao và bị người dân địa phương đối xử tệ khi đi du lịch ở Việt Nam.⁴

³ Chúng tôi đã trao đổi ý kiến này với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Thuận trong buổi làm việc giữa hai bên vào tháng 8 năm 2023, và nhận được phản hồi tích cực từ phía Sở.

⁴ Việt Nam kêu gọi cải thiện dịch vụ để thu hút khách du lịch nước ngoài, *Vietnam news*, ngày 30 tháng 12 năm 2022. Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/society/1443458/viet-nam-urged-to-improve-services-to-lure-foreign-tourists.html>>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 11 năm 2023.

Để cải thiện tỷ lệ du khách quay trở lại này, Việt Nam cần đảm bảo khách du lịch có trải nghiệm tích cực trong chuyến đi, từ đó khuyến khích họ chia sẻ kinh nghiệm với bạn bè, gia đình và lưu giữ những kỷ niệm đẹp về hành trình. Sự hiếu khách và nồng nhiệt của người dân địa phương đóng vai trò quan trọng trong vấn đề này.

Tỷ lệ khách du lịch quay lại lần thứ hai hoặc lần tiếp theo thấp cho thấy cần phải tăng cường tương tác tích cực giữa khách du lịch và người dân địa phương.

Sử dụng điện ảnh làm công cụ tiếp thị

Chúng tôi hoan nghênh việc Việt Nam đăng cai “Hội nghị quốc tế xúc tiến đầu tư phát triển thương hiệu du lịch qua điện ảnh năm 2023” vào tháng 6 năm 2023. Với cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp và lịch sử văn hóa phong phú, Việt Nam là địa điểm lý tưởng cho các nhà làm phim trong nước và quốc tế.

Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thời gian qua, các kênh phim lớn trên thế giới đã lựa chọn chiếu rất nhiều phim Việt, đây là cách tốt nhất để quảng bá hình ảnh các điểm du lịch trong nước. Các đoàn làm phim quốc tế cũng chọn Việt Nam làm địa điểm quay phim⁵ và những điểm đến này đã trở thành điểm dừng chân không thể thiếu trên hành trình khám phá Việt Nam của du khách quốc tế. Tuy nhiên, hiện chưa có cơ chế khuyến khích các nhà sản xuất phim quốc tế tới Việt Nam.

Kể từ năm 2018, Thái Lan đã có kế hoạch khuyến khích hoàn thuế sản xuất nước ngoài và gần đây nước này đã phê duyệt một kế hoạch mới, nâng mức hoàn thuế cơ bản lên 20% trong khi tiền thưởng tăng gấp đôi lên 10%, nâng tổng trợ cấp tiềm năng lên 30%. chi tiêu sản xuất ở Thái Lan. Mức giảm giá tối đa được phép cũng tăng lên 150 triệu THB (4,50 triệu USD). Các tác nhân nước ngoài cũng được miễn thuế thu nhập cá nhân trong 5 năm.⁶ Đây là một cách tiếp cận tuyệt vời mà Việt Nam có thể cân nhắc để thu hút cả các đoàn làm phim quốc tế nhằm nuôi dưỡng sự kết hợp mạnh mẽ hơn giữa điện ảnh và du lịch Việt Nam, đồng thời tham gia cuộc cạnh tranh với tư cách là địa điểm quay phim cạnh tranh ở Đông Nam Á.⁷

Khám phá những thị trường du lịch mới

Việt Nam là quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch Halal (thị trường khách du lịch Hồi giáo) với nhiều điểm đến hấp dẫn, phong phú và đa dạng. Việt Nam cũng có cộng đồng Hồi giáo khoảng 80.000 người, tập trung chủ yếu ở miền Nam và Tây Nguyên.⁸ Thống kê của Tổng cục Du lịch (VNAT) thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho thấy, lượng khách du lịch từ các nước Hồi giáo đến Việt Nam tăng đáng kể trong những năm gần đây, đặc biệt là du khách đến từ Ấn Độ (tăng 240% trong tháng 9 năm nay). Trong khi lượng khách du lịch Hồi giáo từ các quốc gia Đông Nam Á như Singapore và Indonesia cũng tăng mạnh, doanh nghiệp cũng nên tập trung vào khu vực Trung Đông, nơi nổi tiếng với lượng khách du lịch giàu có, sẵn sàng chi tiêu cho các dịch vụ cao cấp.⁹ Tuy nhiên, Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong việc khai thác thị trường này như thiếu thông tin, thiếu hiểu biết, nhận thức về văn hóa Hồi giáo; thiếu chứng nhận Halal cho sản phẩm, dịch vụ; thiếu sự hợp tác và liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp Halal; thiếu chiến lược và chính sách để thúc đẩy du lịch Halal. Vì vậy, Việt Nam cần có những giải pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế này và tận dụng cơ hội từ thị trường du lịch Halal.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Tạo các chiến dịch quảng cáo cụ thể hướng đến các chủ doanh nghiệp và nhân viên, là những người thường xuyên tiếp xúc với khách du lịch như tại các cửa hàng, nhà hàng địa phương hay phương tiện giao thông công cộng, để họ hiểu được giá trị của du lịch đối với Việt Nam, ý nghĩa của sự thân thiện, nụ cười và sự quan

5 Thị trấn Sa Đéc (Đồng Tháp), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), phố cổ Hội An (Quảng Nam), Nhà thờ Đức Bà (TP.HCM), gây ấn tượng mạnh với du khách qua những bộ phim nổi tiếng như “Người tình” (L’amant) và “Người Mỹ trầm lặng” (The Quiet American).

6 Michael Rosser, “Thailand boosts film production incentive to 30% to remain competitive” (Thái Lan tăng khuyến khích sản xuất phim lên 30% để duy trì tính cạnh tranh), Screendaily, 9 tháng 2 năm 2023. Xem tại: <<https://www.screendaily.com/news/thailand-boosts-film-production-incentive-to-30-to-remain-competitive/5178964.article>>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 11 năm 2023.

7 “Movies as a tool of Vietnamese tourism marketing” (Phim ảnh là công cụ tiếp thị du lịch Việt Nam), Vietnam Plus, 2 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/movies-as-a-tool-of-vietnamese-tourism-marketing/256220.vnp>>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 11 năm 2023.

8 “Khám phá thị trường du lịch Halal tại Việt Nam”, Vietnam.vn, ngày 25 tháng 8 năm 2023. Xem tại: <<https://www.vietnam.vn/en/khai-pha-thi-truong-du-lich-halal-tai-viet-nam/>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 10 năm 2023.

9 “Du lịch Halal là “mỏ vàng” để Việt Nam khai thác” VnExpress International, ngày 16 tháng 10 năm 2023. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/travel/halal-tourism-gold-mine-for-vietnam-to-tap-into-4665191.html>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 10 năm 2023.

tâm triu mến dành cho du khách;

- Triển khai các chiến dịch giáo dục trong các trường học và trường đại học để phổ biến các giá trị của tình bạn, sự thân thiện và lòng hiếu khách như những biểu tượng của Việt Nam, giải thích cho học sinh, sinh viên rằng việc giúp đỡ khách du lịch cho thế giới thấy rằng Việt Nam là một đất nước hiếu khách, thân thiện và luôn chào đón những du khách muốn tìm hiểu về đất nước, phong tục tập quán và bản sắc văn hóa độc đáo của đất nước;
- Thúc đẩy hợp tác du lịch giữa các tỉnh thành;
- Đơn giản hóa thủ tục cấp phép, áp dụng các biện pháp khuyến khích các đoàn làm phim bằng cách cho vay vốn với lãi suất thấp, cơ sở vật chất hiện đại, chính sách ưu đãi hỗ trợ về địa điểm, chỗ ở;
- Đề xuất những ưu đãi về thuế cho việc sản xuất các bộ phim quốc tế và diễn viên quốc tế; và
- Xây dựng nơi cầu nguyện ở các khu vực công cộng, nhà hàng, khách sạn, điểm vui chơi giải trí; cung cấp thực phẩm và đồ uống thân thiện với người Hồi giáo có giấy chứng nhận.

III. DU LỊCH HƯU TRÍ VÀ DU LỊCH Y TẾ

Cơ quan liên quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Cục DLQG VN), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

“Du lịch hưu trí”, còn được gọi là “du lịch người cao tuổi” hoặc “du lịch nghỉ hưu”, là việc thu hút những người về hưu từ các quốc gia khác đến dành thời gian nghỉ hưu của họ ở một điểm đến mới. Đông Nam Á đã trở thành điểm đến hấp dẫn đối với những người cao tuổi về hưu trên toàn cầu nhờ khí hậu nhiệt đới và chi phí sinh hoạt phải chăng. Việt Nam xếp thứ 40 trong số các quốc gia tốt nhất trên thế giới để người nước ngoài tận hưởng thời gian “nghỉ hưu thoải mái”, chỉ sau các nước láng giềng như Thái Lan (thứ 18), Philippines (thứ 27), Singapore (thứ 29), là các quốc gia duy nhất cung cấp thị thực đặc biệt cho người về hưu toàn cầu.¹⁰

Cùng với đó, những người cao tuổi về hưu thường yêu cầu các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nên nơi lý tưởng cho nhóm này là một quốc gia có thể đáp ứng nhu cầu y tế của họ. Họ tạo thành một đối tượng tiềm năng trong lĩnh vực “du lịch y tế”.

Trong vài thập kỷ qua, các mô hình mới về cung cấp và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đã xuất hiện nhờ sự mở rộng thương mại quốc tế về công nghệ y tế, nguồn vốn và khuôn khổ pháp lý. Việc bệnh nhân di chuyển xuyên biên giới để tìm kiếm dịch vụ chăm sóc sức khỏe và điều trị y tế - được gọi là “du lịch y tế” - đã trở thành một hướng phát triển mới mẻ và quan trọng của ngành chăm sóc sức khỏe đang phát triển từng ngày. Ngày càng nhiều bệnh nhân từ các nước phát triển di chuyển đến các nước đang phát triển để được chăm sóc y tế.¹¹ Rất nhiều quốc gia Đông Nam Á đã cung cấp visa y tế, bao gồm Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh cho biết số lượng khách du lịch có nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế tại Việt Nam có sự gia tăng đều đặn và đáng chú ý. Du lịch y tế ước tính mang lại 2 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm.¹² Việt Nam hiện thu hút trung bình 300.000 du khách nước ngoài mỗi năm đến khám chữa bệnh, trong đó TP.HCM là điểm đến ưa thích của 40% lượng khách du lịch y tế này.¹³ Năm 2023, TP.HCM đã phối hợp với các hãng lữ hành, cơ sở y tế để xây dựng hơn 30 sản phẩm du lịch y tế, sẵn sàng giới thiệu tới các thị trường khác nhau.

10 5 nước Đông Nam Á cấp visa hưu trí cho người nước ngoài, *VnExpress*, ngày 22 tháng 7 năm 2023. Xem tại <<https://e.vnexpress.net/news/travel/5-southeast-asian-countries-with-retirement-visas-for-foreigners-4631860.html>>

11 Medical Tourism: Treatments, Markets and Health System Implications: A scoping review (Du lịch y tế: Phương pháp điều trị, thị trường và ý nghĩa của hệ thống y tế: Đánh giá phạm vi). Xem tại: <<https://www.oecd.org/els/health-systems/48723982.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 11 năm 2023.

12 TP.HCM: Xây dựng 30 sản phẩm du lịch y tế giới thiệu đến người dân và du khách trong năm 2023, *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*, ngày 13 tháng 6 năm 2023. Xem tại <<https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/tp-hcm-xay-dung-30-san-pham-du-lich-y-te-gioi-thieu-den-nguoi-dan-va-du-khach-trong-nam-2023-1491909796>>

13 Mỗi năm đón 300 nghìn khách ngoại đến chữa bệnh, Việt Nam thu về 2 tỷ USD, *Việt Nam Finance*, ngày 16 tháng 6 năm 2023. Xem tại <<https://vietnamfinance.vn/moi-nam-don-300-nginh-khach-ngoai-den-chua-benh-viet-nam-thu-ve-2-ty-usd-20180504224285495.htm>>

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Triển khai du lịch hưu trí và du lịch y tế tại Việt Nam có thể mang lại nhiều lợi ích khác nhau cho Việt Nam, bao gồm:

- Tăng trưởng kinh tế: những người cao tuổi về hưu thường có lương hưu và tiền tiết kiệm ổn định, cho phép họ chi tiêu cho chi phí sinh hoạt, dịch vụ y tế và các hoạt động giải trí. Tương tự, bệnh nhân nước ngoài đến Việt Nam sẽ cần nhiều thời gian để điều trị y tế, dẫn đến nhu cầu về chỗ ở, phương tiện đi lại và các dịch vụ khác. Dòng ngoại tệ này có thể thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước và tạo cơ hội việc làm;
- Kéo dài mùa du lịch: việc khách du lịch nghỉ hưu có thể chọn ở lại trong thời gian dài hơn và bệnh nhân đến bất kể mùa du lịch có thể giúp cân bằng nhu cầu du lịch theo mùa, dẫn đến lợi ích kinh tế ổn định quanh năm; và
- Phát triển kinh doanh và tạo việc làm: làn sóng người nghỉ hưu và bệnh nhân nước ngoài đổ vào thúc đẩy sự phát triển của các ngành liên quan và dẫn đến tăng nhu cầu việc làm trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Sự phát triển của du lịch y tế có thể tạo ra cơ hội việc làm trên nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe, khách sạn, vận tải và nhiều ngành liên quan khác.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Cung cấp visa y tế và visa dành riêng cho người hưu trí;
- Tăng cường hợp tác giữa các công ty du lịch, khách sạn, bệnh viện để xây dựng sản phẩm du lịch y tế;
- Quảng cáo Việt Nam là điểm đến nghỉ dưỡng và du lịch y tế trên các kênh trong nước và quốc tế; và
- Cung cấp đào tạo cho các bên liên quan để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

IV. TRIỂN VỌNG DÀI HẠN VÀ NỖ LỰC DU LỊCH BỀN VỮNG

Cơ quan liên quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH&TT&DL), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Cục DLQG VN)

Mô tả vấn đề

Tư duy của khách du lịch đang thay đổi và du lịch bền vững ngày càng trở nên phổ biến khi du khách tìm cách giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường của du lịch (hoặc du lịch quá mức, trong một số trường hợp). Du lịch Việt Nam chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa nên việc đảm bảo phát triển xanh và có trách nhiệm với môi trường, xã hội là con đường duy nhất để ngành phát triển và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia.

Theo Báo cáo Du lịch Bền vững 2023 của Booking.com với 33.228 người trả lời trên 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, Việt Nam nằm trong top 4 quốc gia khẳng định vai trò quan trọng của du lịch bền vững và 83% du khách Việt Nam muốn có cách tiếp cận du lịch tái tạo và tìm kiếm những kỳ nghỉ có tác động tích cực tối đa¹⁴. Suy nghĩ này cũng tương tự đối với các du khách quốc tế. Khảo sát của Eurobarometer về Thái độ của công dân châu Âu đối với du lịch cho thấy phần lớn công dân EU (82%) sẵn sàng thay đổi một số thói quen của họ để hỗ trợ du lịch bền vững hơn, ví dụ, bằng cách tiêu thụ các sản phẩm địa phương (55%), lựa chọn các phương tiện sinh thái vận chuyển (36%) hoặc trả nhiều tiền hơn để bảo vệ môi trường tự nhiên (35%) hoặc mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương (33%).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhấn mạnh: phát triển du lịch văn

¹⁴ Báo cáo Du lịch bền vững 2023, Booking.com. Xem tại: <<https://globalnews.booking.com/download/31767dc7-3d6a-4108-9900-ab5d11e0a808/booking.com-sustainable-travel-report2023.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 10 năm 2023.

hóa gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc; xác định du lịch văn hóa là một trong những dòng sản phẩm quan trọng của du lịch Việt Nam; phấn đấu đến năm 2030 du lịch văn hóa chiếm tỉ trọng khoảng 30% trong tổng số khoảng 130 tỉ đô la Mỹ tổng thu từ khách du lịch.¹⁵ Tuy nhiên, nhiều giá trị di sản văn hóa hiện đang bị thương mại hóa quá mức, làm giảm giá trị văn hóa truyền thống do phát triển quá mức và du lịch đại chúng.

Xu hướng phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam hiện nay được chú trọng hơn, bằng chứng là các doanh nghiệp tổ chức phát triển du lịch theo nguyên tắc phải đi đôi với lợi nhuận cho cộng đồng, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn thiên nhiên.

Du lịch bền vững giúp tăng trưởng kinh tế bằng cách cung cấp cho cộng đồng và chính quyền địa phương thu nhập ổn định và công bằng. Đơn giản chỉ cần tận dụng những nét đặc trưng về văn hóa của một địa điểm là một ví dụ về mô hình du lịch bền vững ở Việt Nam; Người dân địa phương trong vùng có thêm thu nhập và cải thiện cuộc sống nhờ đưa khách du lịch đến tham quan, sử dụng dịch vụ du lịch, mua sắm các sản phẩm đặc trưng của vùng, miền.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được đưa ra những khuyến nghị sau:

- Đưa ra kế hoạch hành động phối hợp cấp quốc gia để đảm bảo giữ vệ sinh cho các bãi biển, thành phố và điểm di sản văn hóa;
- Thiết lập các chiến dịch tái chế hiệu quả để giảm lượng nhựa thải ra môi trường và nhất quán trong việc xử phạt các hoạt động xả thải không tuân thủ luật pháp;
- Lập kế hoạch quốc gia để loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần tại các khách sạn, công ty du lịch, hãng hàng không và các nhà cung cấp dịch vụ nhà hàng-khách sạn;
- Ưu tiên các dự án phát triển đa dạng, bền vững thay vì các dự án quy mô lớn thường chỉ tập trung vào thị trường căn hộ thứ hai;
- Đảm bảo tiếp cận mang tính hệ thống theo hướng phát triển bền vững cho lĩnh vực du lịch, khuyến khích chính sách hỗ trợ các bên liên quan cam kết và hành động có trách nhiệm;
- Hỗ trợ người dân địa phương thông qua hoạt động đào tạo và trao quyền kinh tế;
- Nâng cao năng lực cho các tổ chức phi lợi nhuận và tạo khuôn khổ cho các hoạt động du lịch “tình nguyện”;
- Truyền bá những lời khuyên hữu ích tới khách du lịch bao gồm thông tin về các vấn đề xã hội nhạy cảm;
- Khuyến khích du khách trải nghiệm tương tác với người dân địa phương một cách có ý nghĩa, tạo điều kiện phát triển sáng kiến du lịch cộng đồng; và
- Nâng cao năng lực của các bên liên quan đến du lịch bền vững và hỗ trợ các sáng kiến do địa phương và vì địa phương nhằm triển khai các hoạt động tạo thu nhập như một sản phẩm phụ của hoạt động du lịch.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Du lịch và Khách sạn - Khách sạn thuộc EuroCham

¹⁵ “97% du khách Việt mong muốn đi du lịch bền vững hơn” *VnEconomy*, ngày 24 tháng 4 năm 2023. Xem tại: <<https://vneconomy.vn/97-du-khach-viet-muon-di-du-lich-ben-vung-hon.htm>>, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 10 năm 2023.

CHƯƠNG 12 VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

TỔNG QUAN

Với vị trí thuận lợi, lực lượng lao động và hệ thống chính trị ổn định, Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất và tương ứng là kim ngạch xuất nhập khẩu trong những năm gần đây. Cơ sở hạ tầng hậu cần chất lượng cao và thủ tục hải quan hiệu quả là hai mục tiêu chính Việt Nam cần đạt được để tiếp tục thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; gia tăng năng lực cạnh tranh so với các quốc gia trong khu vực; kết nối các công ty nội địa vào chuỗi cung ứng toàn cầu và trở thành trung tâm vận tải của khu vực ASEAN.

I. CƠ SỞ HẠ TẦNG

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Quốc phòng (BQP) và Bộ Xây dựng (BXD).

Các thành viên EuroCham hoàn toàn ủng hộ Quyết định 708 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch Cải thiện Chỉ số Hiệu quả Hoạt động Logistics của Việt Nam.¹ Cơ sở hạ tầng giao thông đã được xác định là một trong những mục tiêu chính mà Chính phủ cần giải quyết để giảm thiểu chi phí hậu cần. Chúng tôi cũng đánh giá cao Quyết định 1012² trong đó cung cấp các giải pháp để xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông vận tải; hiện đại hóa hệ thống nhà ga, bến cảng, kho bãi và sử dụng hiệu quả quỹ đất. Những giải pháp này nhằm mục đích đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các trung tâm logistics với khu vực sản xuất, các điểm tiêu thụ và các đầu mối giao thông, đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của các trung tâm logistics.

Mô tả vấn đề

Kế hoạch của BCT đặt ra để cải thiện Chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam đã bao quát phần lớn các vấn đề. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy còn nhiều điều có thể được thực hiện về khía cạnh đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường vì những nội dung này còn khá giới hạn trong bản Kế hoạch. Các lĩnh vực trọng tâm được đề xuất trong cơ sở hạ tầng được liên kết với khả năng tiếp cận của cơ sở hạ tầng đến các cảng chính cũng như sự phát triển của các trung tâm phân phối và hậu cần đạt chất lượng. Tất cả những cải thiện trong các lĩnh vực này sẽ dẫn đến giảm chi phí logistics và giúp Việt Nam tăng trưởng hơn nữa, đặc biệt là trong thị trường xuất khẩu đầy cạnh tranh sang châu Âu và Mỹ.

Để đạt được điều này, cần đẩy nhanh đầu tư cải tạo và nâng cấp các tuyến đường vào các cụm cảng lớn. Ở phía Nam, kênh vào Gò Gia (Cái Mép) cần được đào sâu từ 14 mét như hiện nay lên 15,5 mét của luồng Cái Mép-Thị Vải. Việc này đã được dự tính trong kế hoạch ngân sách trung hạn 2021-2025 của Bộ GTVT. Do đó, không cần phải tìm thêm nguồn tài chính. Việc nâng cấp này sẽ cho phép các tàu lớn hơn cập bến Cái Mép do không còn bị hạn chế nhiều về thủy triều, từ đó làm giảm sự chậm trễ của tàu và cho phép nhiều hàng hóa hơn được vận chuyển đến và đi từ Việt Nam. Hơn nữa, nó sẽ tăng độ khả dụng của trang thiết bị và khả năng kết nối của Cái Mép với phần còn lại của thế giới. Tương tự, việc phát triển Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) sẽ giúp cải thiện kết nối cho miền Bắc Việt Nam. Cả hai cải tiến này sẽ cho phép các tàu lớn hơn ra vào và tăng công suất cho các nhà xuất nhập khẩu trên thị trường toàn cầu.

Trong khi đó, liên quan cụ thể đến vấn đề nạo vét, quy trình hiện nay để được cấp phép thực hiện nạo vét thông thường cho các bến tàu thường mất nhiều thời gian. Quy trình này nên được đơn giản hóa bằng cách cho phép nạo vét trong thời gian 10 năm thay vì chỉ cấp phép cho từng trường hợp cụ thể.

Rào cản thứ hai đối với an toàn & an ninh logistics là phê duyệt an toàn phòng cháy chữa cháy.³ Mặc dù các quy

¹ Quyết định 708/QĐ-BCT ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Bộ Công Thương về phê duyệt Kế hoạch cải thiện Chỉ số Hiệu quả Logistics của Việt Nam (Quyết định 708).

² Quyết định 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 1012).

³ "Giám sát về phòng cháy và chữa cháy cần tháo gỡ bất cập trong quy định về phòng cháy, chữa cháy tạo điều kiện cho các doanh nghiệp", Quốc hội, ngày 23 tháng 7 năm 2023. Xem tại: <<https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-giam-sat.aspx?ItemID=78153>>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

định về an toàn phòng cháy chữa cháy là rất quan trọng và cần được tuân thủ nghiêm ngặt, nhưng xét đến các tiêu chuẩn mới được quy định tại Thông tư 06⁴, rất khó để các nhà kho đã xây dựng có thể nâng cấp các tiêu chuẩn an toàn phòng cháy chữa cháy đã được phê duyệt đáp ứng các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy mới (đặc biệt là đối với các đầu phun dùng cho các kệ hàng cao hơn 5,5m vốn rất tốn kém và không được yêu cầu trong các tiêu chuẩn trước đó). Điều này đã gây ra nhiều lo ngại cho nhiều nhà cung cấp dịch vụ logistics là thành viên của EuroCham. Để tạm thời giải quyết vướng mắc này, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực thuộc Bộ Công an đã ban hành Công văn 1091⁵ giúp giải quyết những thách thức hiện tại trong việc áp dụng Thông tư 06.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng hoan nghênh nỗ lực của Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 09⁶ nhằm sửa đổi Thông tư 06. Đáng chú ý, Thông tư 09 cho phép áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam với điều kiện phải tuân thủ các nguyên tắc, quy định về phòng cháy chữa cháy của Việt Nam cũng như các quy định về áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài.⁷ Ở các nước phát triển, các tiêu chuẩn và yêu cầu tối thiểu được quy định rất rõ ràng, doanh nghiệp có thể dễ dàng hiểu và làm theo yêu cầu như một phần trong hoạt động đầu tư của doanh nghiệp mà không cần phải yêu cầu hướng dẫn từng bước về các yêu cầu cũng như chờ đợi những phản hồi không rõ ràng và chậm trễ. Để tránh các khó khăn xảy ra trong thực tiễn khi áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài được quy định tại Thông tư 09, Thông tư này cần có hướng dẫn rõ ràng, điển hình là cho yêu cầu cao hơn 5,5 mét đối với giá đỡ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đối với các nhà cung cấp dịch vụ logistics tư nhân và nước ngoài, vấn đề thuê đất được mô tả ở trên tạo ra một trở ngại lớn, làm giảm tính cạnh tranh trên thị trường vì các lựa chọn về kho bãi và vận hành bị hạn chế và bị kiểm soát bởi một số công ty lớn. Trong khi đó, việc điều hành hoạt động là giá trị cốt lõi mà các nhà cung cấp dịch vụ logistics mang lại. Việc thiếu cạnh tranh trong một thị trường đang phát triển nhanh chóng như Việt Nam sẽ giữ giá dịch vụ ở mức cao.

Trong bối cảnh EVFTA đã được Quốc hội Việt Nam thông qua và đã đi vào hiệu lực, Chính phủ cần đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại và logistics nhằm hỗ trợ hoạt động xuất, nhập khẩu để Việt Nam có thể tận dụng đầy đủ các lợi ích mà Hiệp định này đem lại.

Theo quan điểm của chúng tôi, vai trò giám sát của Chính phủ không chỉ được nhấn mạnh để đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn đảm bảo an toàn và bền vững về môi trường của các công trình này. Điều này cũng góp phần tạo niềm tin cho doanh nghiệp và xã hội, cũng như nâng tầm hình ảnh Việt Nam để tiếp tục thu hút đầu tư.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Quyết định 1012;
- Đơn giản hóa thủ tục nạo vét cho các bến và xin giấy phép phê duyệt nạo vét 10 năm thay vì phê duyệt theo từng trường hợp; và
- Tiêu chuẩn trong quy định về phòng cháy và chữa cháy cần có hướng dẫn rõ ràng. Cơ quan chức năng cần xây dựng một tiêu chuẩn rõ ràng về đầu phun dành cho kệ hàng trong đó nêu rõ thông số kỹ thuật của vòi phun dành cho kệ hàng cao trên 5,5m và dưới 14m. Khi đó, đây sẽ là tiêu chuẩn duy nhất rõ ràng được yêu cầu và chỉ có hàng hóa nguy hiểm (dangerous goods – DG) mới cần phải đáp ứng các yêu cầu cao hơn.

4 Thông tư 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ Xây dựng về QCVN 06:2022/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình (Thông tư 06).

5 Công văn 1091/C07-P3,P4,P7 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Bộ Công an về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy (Công văn 1091).

6 Thông tư 09/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về an toàn cháy cho Nhà và Công Trình. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 (Thông tư 09).

7 Vui lòng xem sửa đổi điểm 1.1.7 tại Thông tư 09.

II. HẢI QUAN

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Hải quan (TCHQ), Bộ Công thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Chính phủ Việt Nam đã mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận thị trường đối với các khoản đầu tư nước ngoài và hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ ưu đãi cũng như không ưu đãi, các nhà nhập khẩu thật sự cần phải đánh giá rủi ro và bảo vệ lợi ích của mình tại cửa khẩu hải quan. Trị giá hải quan vẫn là một trong những yếu tố quan trọng nhất của các vấn đề liên quan đến hải quan. Ngoài ra, phù hợp với tham vọng trở thành trung tâm trung chuyển toàn cầu của Việt Nam, các hãng tàu và bến container cần có sự thay đổi để dành hơn các điểm dỡ hàng/bốc hàng trong khu hải quan và giai đoạn hai giữa các khu hải quan. Điều này áp dụng cho cả container rỗng và container đầy. Sự linh hoạt này sẽ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng cảng hiện tại đồng thời giúp các hãng tàu dễ dàng hơn trong xác định lại các tuyến hàng hóa quốc tế và nội địa.

1. Kê khai và áp dụng thuế quan ưu đãi không phù hợp

Có một số loại thuế quan ưu đãi với thủ tục áp dụng khác nhau cho mỗi loại. Trên thực tế, các nhà nhập khẩu có thể chưa chuẩn bị tốt cho việc áp dụng các mức thuế khác nhau tương ứng với từng loại hàng hóa nhập khẩu và có thể vô tình sai sót trong quá trình thông quan hàng hóa. Trong một số trường hợp, các thay đổi đối với hàng hóa nhập khẩu cũng dẫn đến việc áp dụng các biểu thuế khác nhau cho hàng hóa đó. Ví dụ, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu. Trường hợp nhà nhập khẩu muốn tiêu thụ các nguyên liệu này trong nước thay vì dùng cho hoạt động sản xuất thì không áp dụng miễn thuế nhưng có thể áp dụng mức thuế ưu đãi khác cho nguyên liệu đó. Tuy nhiên, câu chuyện tưởng chừng đơn giản này lại trở nên phức tạp khi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) của nguyên liệu hết thời hạn hoặc nhà nhập khẩu đã vô tình khai sai thời điểm chuyển mục đích sử dụng nguyên liệu. Theo hướng dẫn của cơ quan hải quan, những trường hợp này không được áp dụng thuế quan ưu đãi và nhà nhập khẩu phải chịu phạt.

Ở chiều ngược lại, Việt Nam đang trở thành một quốc gia ngày càng có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi trong việc tìm nguồn cung ứng toàn cầu hóa. Nhiều doanh nghiệp FDI bắt đầu hợp tác với các nhà cung cấp và nhà máy của Việt Nam. Vì vậy, hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement – FTA) đóng vai trò quan trọng trong việc tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam và có xuất xứ từ Việt Nam. Song song với đó, để tăng tốc và thích ứng với tốc độ phát triển của các nước nhập khẩu tại EU và các thị trường khác, việc số hóa và chuyển đổi các quy trình, hệ thống của chính phủ là chìa khóa giúp doanh nghiệp FDI tối ưu hóa chi phí và thời gian thực hiện đơn hàng. Thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ số hóa sẽ giảm chi phí, thời gian thực hiện và những sai sót do con người trong hoạt động kinh doanh.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

- Tách bạch việc áp dụng thuế quan ưu đãi với việc áp dụng hình phạt khi vi phạm pháp luật;
- Trường hợp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan thì việc hưởng ưu đãi thuế quan này là chính đáng và không nên bị từ chối do sai sót hành chính như khai sai tờ khai hải quan;
- Thực hiện chính sách liên kết với thủ tục hải quan của các cảng để dễ dàng luân chuyển hàng hóa từ cảng này sang cảng khác (trong hiện tại cũng như trong giai đoạn hai giữa các khu hải quan) trong trường hợp có các yêu cầu hoạt động của bến hoặc tàu của hãng vận chuyển; và
- Bộ Công Thương nghiên cứu quy trình số hóa về cấp và phê duyệt Giấy chứng nhận xuất xứ điện tử cho EU và các nước có FTA với Việt Nam.

2. Trị giá hải quan - Tham vấn trị giá hải quan

Mô tả vấn đề

Vào năm 2020, thực hiện theo Chỉ thị 11 của Thủ tướng Chính phủ⁸, hầu hết các cuộc Kiểm tra Sau Thông quan (PCA) được thực hiện tại văn phòng của người nộp thuế đã bị hoãn lại. Đồng thời, chúng tôi quan sát thấy sự gia tăng số lượng các lần kiểm tra máy tính để bàn được thực hiện tại các điểm tại biên giới và lập trường tích cực hơn trong việc thực hiện các kiểm tra đó. Đặc biệt đáng lưu ý là tần suất tham vấn giá do cơ quan hải quan thực hiện ngày càng tăng để xác định sự phù hợp của trị giá khai báo đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Trong các cuộc tham vấn giá này, cơ quan hải quan thường sẽ tham khảo cơ sở dữ liệu về giá trị của riêng họ. Sau đó, các giá trị này được sử dụng để xác định tính xác thực của các giá trị do nhà nhập khẩu khai báo. Các nhà nhập khẩu thường được yêu cầu giải trình về chênh lệch giữa giá tham chiếu của cơ quan hải quan và giá khai báo. Nếu không, giá trị khai báo sẽ được nâng lên để khớp với giá trị trong cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan. Điều này trái ngược với đảm bảo của hải quan rằng các giá trị trong cơ sở dữ liệu chỉ để tham khảo.

Trong quá trình tham vấn giá, khi nhà nhập khẩu yêu cầu cơ quan hải quan cung cấp cơ sở tính giá tham chiếu,⁹ yêu cầu này đã bị từ chối. Việc từ chối cung cấp cho các nhà nhập khẩu cơ sở xác định giá tham chiếu của cơ quan hải quan làm suy yếu nguyên tắc “tham vấn”, tạo ra những tranh chấp không đáng có và dẫn đến việc thiếu tin tưởng vào tính khách quan của quá trình tham vấn giá. Kể từ khi Quyết định 1304¹⁰ về “tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần” được ban hành, rất ít nhà nhập khẩu đăng ký chương trình này và chỉ một tỷ lệ nhỏ người nộp đơn được chấp thuận.

Theo chúng tôi được biết, đến tháng 2 năm 2023, Tổng cục Hải quan đã phê duyệt Đề án cải cách công tác quản lý trị giá hải quan đến năm 2023 nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng quản lý trị giá hải quan cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong bối cảnh ứng dụng công nghệ hiện đại.¹¹ Tuy nhiên, có vẻ như Đề án này chưa được chia sẻ công khai. Chúng tôi hy vọng EuroCham và TLSC có thể tham gia vào một Đề án tương tự trong thời gian tới để có thể chia sẻ kinh nghiệm quốc tế nhằm giúp Tổng cục Hải quan hoàn thiện khung trị giá hải quan theo tiêu chuẩn quốc tế và Hiệp định về xác định trị giá tính thuế hải quan của WTO.

Khuyến nghị

- Để các cán bộ hải quan thực hiện tham vấn giá nắm được cơ sở xác định các giá trị của cơ sở dữ liệu và ủy quyền cho họ tiết lộ thông tin đó cho các nhà nhập khẩu để tạo điều kiện cho quá trình tham vấn giá minh bạch và hiệu quả hơn; và
- Đảm bảo kết quả tham vấn trị giá hải quan sẽ có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng, với điều kiện là giá trị khai báo trong khoảng thời gian 12 tháng không vượt quá ngưỡng giới hạn (ví dụ +/-5%) thì không yêu cầu doanh nghiệp tham vấn lại.

3. Phân loại Mã HS: Quyết định/Thông báo

Mô tả vấn đề

Chúng tôi trân trọng những nỗ lực của hải quan Việt Nam trong việc tăng cường sự nhất quán trong việc áp dụng mã HS trên toàn quốc, ví dụ như ban hành Quyết định 583 về danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.¹² Tuy nhiên, chúng tôi vẫn quan ngại sự thiếu hụt quy tắc lý giải việc phân loại cũng như nguồn tham chiếu pháp luật được áp dụng khi ban hành các quyết định phân loại mã số HS. Chúng tôi tin rằng việc bổ sung thông tin sẽ đảm bảo nâng cao tính minh bạch trong quá trình ra quyết định, đồng thời cũng cho phép doanh nghiệp làm theo hướng dẫn để tự đánh giá mã số HS nào là phù hợp cho hàng hóa họ nhập khẩu vào Việt Nam và xuất khẩu từ Việt Nam, và từ đó có thể giúp giảm tải gánh nặng của TCHQ

8 Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19 (Chỉ thị 11).

9 Ví dụ: mối quan hệ giữa người mua/người bán; quá trình thương lượng giá cả; mô hình giao dịch; khối lượng giao dịch; các loại hàng hóa cụ thể v.v.

10 Quyết định 1304/QĐ-TCHQ ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục Hải quan về phê duyệt đề án thí điểm Tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần (Quyết định 1304).

11 “Cải cách công tác quản lý trị giá hải quan để đáp ứng yêu cầu hội nhập”, Hải quan Online, ngày 13 tháng 2 năm 2023. Xem tại: <<https://haiquanonline.com.vn/cai-cach-cong-tac-quan-ly-tri-gia-hai-quan-de-dap-ung-yeu-cau-hoi-nhap-171493.html>>, truy cập lần cuối ngày 24 tháng 9 năm 2023.

12 Quyết định 583/QĐ-TCHQ ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Hải quan quy định Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2019 (Quyết định 583).

trong việc hướng dẫn phân loại mã số HS, đặc biệt là khi Quyết định và Thông tư được ban hành mà không có hướng dẫn rõ ràng và không được cơ quan chức năng của địa phương áp dụng đúng cách.

Ngoài ra, quá trình số hóa khu vực công và khu vực tư nhân đòi hỏi phải đồng bộ hóa dữ liệu hải quan giữa hai khu vực trong thời gian rất ngắn và đột ngột để không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, ngày ban hành rất gần với ngày áp dụng và ngày hiệu lực, gây trở ngại lớn cho doanh nghiệp trong việc chủ động tuân thủ. Trên thực tế, việc đồng bộ trên hệ thống của Hải quan đôi khi không khớp với thời hạn, gây nhầm lẫn và vô tình dẫn đến tình trạng không tuân thủ của doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong giai đoạn chuyển tiếp.

Khuyến nghị

- Nêu rõ quy tắc lý giải việc phân loại được áp dụng khi phân loại mã số HS;
- Tiếp tục thực hiện công bố trực tuyến (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh) tất cả các tài liệu phân loại hợp pháp, bao gồm các tài liệu đã được liệt kê và cam kết công bố tại Điều 6, Thông tư 14, đặc biệt là các tài liệu trong năm năm qua;¹³
- Quy định khung thời gian hợp lý hơn giữa ngày ban hành quyết định, ngày ban hành hướng dẫn và ngày hiệu lực. Hướng dẫn phải được ban hành ít nhất 30 ngày trước Ngày hiệu lực với thông tin rõ ràng và hướng dẫn cho các bên liên quan (TCHQ, Cục Hải quan tỉnh/thành phố, doanh nghiệp). Các hoạt động đào tạo, hội thảo liên quan cần được tổ chức xen kẽ với phần hỏi đáp để cơ quan hải quan và doanh nghiệp tích cực trao đổi sau khi hướng dẫn được ban hành, cho phép doanh nghiệp có đủ thời gian chuẩn bị và sẵn sàng cho ngày quy định bắt đầu có hiệu lực; và
- Trường hợp dữ liệu hải quan chỉ được khai báo và xử lý trên hệ thống thì biểu phí và dữ liệu mới sau sửa đổi phải có sẵn ít nhất 07 ngày làm việc trước Ngày hiệu lực để đồng bộ với quy trình, dữ liệu của doanh nghiệp mà không cần phải chờ đợi.

4. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ

Mô tả vấn đề

Kể từ khi Luật Thương mại¹⁴ cùng với hàng loạt nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành từ năm 2005 cho đến khi có Nghị định 08/¹⁵ doanh nghiệp được phép xuất nhập khẩu tại chỗ. Điều này đã tạo ra sự thuận tiện và nâng cao tính cạnh tranh cho FDI thông qua việc đặt nhà máy tại Việt Nam để tăng tỷ lệ nội địa hóa của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam mà không phải nhập nguyên liệu từ nước khác. Các nhà xuất khẩu và nhập khẩu tại chỗ tiết kiệm chi phí và thời gian thực hiện đơn hàng, tăng tính sẵn sàng và sẵn có của hàng hóa trong bối cảnh ràng buộc về thời gian tiếp thị sản phẩm (Time to Market) và đưa hoạt động sản xuất về gần thị trường tiêu thụ (Nearshoring).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các thương hiệu quốc tế không có sự hiện diện tại Việt Nam ưa chuộng việc phát triển nguyên phụ liệu tại Việt Nam để có thể sử dụng các nguyên phụ liệu đó sản xuất các sản phẩm cuối cùng. Trong thời gian qua, quan hệ thương mại 3 bên giữa các nhà sản xuất nguyên phụ liệu tại Việt Nam (nắm giữ công nghệ, kỹ năng và quy trình phát triển nguyên phụ liệu cho thương hiệu), nhà máy sản xuất thành phẩm tại Việt Nam (ký hợp đồng gia công hoặc sản xuất xuất khẩu cho thương hiệu) và thương hiệu quốc tế (không hiện diện ở Việt Nam) đã mang lại nhiều lợi ích hơn nữa cho môi trường kinh doanh Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp địa phương nói riêng.

Cụ thể, chính sách xuất nhập khẩu (XNK) tại chỗ của Việt Nam giúp giảm chi phí logistics và thời gian giao hàng, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các thương hiệu quốc tế đặt nhà máy vào Việt Nam cũng như tăng khối lượng xuất nhập khẩu của Việt Nam nhờ thuế suất ưu đãi theo các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được ký kết.

¹³ Thông tư 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng; kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư 14).

¹⁴ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội (Luật Thương mại).

¹⁵ Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (Nghị định 08).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc bãi bỏ chính sách XNK nêu tại Điều 35.1 Nghị định 08 bao gồm Điểm c sẽ làm tăng chi phí đầu vào của nhà sản xuất, dẫn đến giá thành hàng hóa sản xuất, gia công tại Việt Nam tăng. Hơn nữa, việc giao hàng qua kho ngoại quan thay vì trực tiếp giữa các nhà máy (khi áp dụng xuất nhập khẩu tại chỗ) hoặc phải nhập khẩu từ nước ngoài sẽ làm tăng chi phí vận hành cho doanh nghiệp và thời gian vận chuyển, làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Do đó, Việt Nam sẽ khó giữ vị thế là điểm đến hấp dẫn đầu tư của các thương hiệu quốc tế.

Khuyến nghị

- Giữ nguyên hiệu lực của Điều 35.1 Nghị định 08, bao gồm Điểm c nhằm duy trì thực hiện việc XNK tại chỗ.

III. TÍNH BỀN VỮNG

Cơ quan liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)

Mô tả vấn đề

Nhiều doanh nghiệp đa quốc gia đã thực hiện các cam kết đối với các mục tiêu bền vững, bao quát tất cả các khía cạnh trong hoạt động kinh doanh của mình, bao gồm Nguồn cung ứng ngược dòng và nguồn cung cấp xuôi dòng, kết thúc vòng đời sản phẩm, v.v. Trong bối cảnh cụ thể của logistics, các mục tiêu chính là giảm phát thải CO₂. Trong khi đó, mục tiêu dài hạn là đạt được lượng khí thải carbon dioxide thuần bằng không (vào năm 2050). Những tiến triển ban đầu có thể mang tính cải tiến (duy trì/cải thiện), nhưng về lâu dài, đòi hỏi phải chuyển sang các giải pháp đổi mới và thích ứng triệt để hơn ở cả cấp doanh nghiệp và chính phủ. Tiến độ cho đến nay là tương đối hạn chế, nhưng nhiều doanh nghiệp đa quốc gia đang đưa ra những cam kết mà các công ty con trong nước sẽ phải tuân theo. Khách hàng, người tiêu dùng quốc tế và các tổ chức đại diện (tổ chức phi chính phủ, cơ quan chứng nhận, quỹ đầu tư, v.v.) đang kỳ vọng sẽ có nhiều hành động hơn với độ minh bạch cao hơn.

Một diễn đàn gồm các bên liên quan để đánh giá cơ hội và chia sẻ ý tưởng về một lộ trình phát triển bền vững logistics có lẽ là bước đi lý tưởng tiếp theo. Diễn đàn có thể xác định các hành động cụ thể như: tối đa hóa việc sử dụng đội xe và tài sản (tạo môi trường thuận lợi trước cạnh tranh) - để tăng hiệu suất chuyên chở/tải; phù hợp với mục đích; giảm các chuyến xe về không tải/tối ưu hóa việc chuyển hàng về, v.v. Ví dụ: Hỗ trợ thiết kế và sử dụng hợp pháp các rơ moóc lớn hơn, hoặc cho phép sử dụng các rơ moóc hai trục cho các hành trình chuyển hàng về đường dài để giảm số lượng xe trên đường. Ngoài ra, nên cải thiện các phương thức vận tải, tăng vận tải đường sắt và đường sông/đường biển, tối ưu hóa vận tải đa phương thức và giảm cước vận tải đường hàng không.

Chúng tôi đánh giá cao cam kết của Chính phủ với việc áp dụng các tiêu chuẩn động cơ hiệu suất cao hơn khi Chính phủ tiếp tục cam kết đạt được các tiêu chuẩn tương đương Euro V & VI vào năm 2030 và Thiết bị Xử lý Vật liệu (MHE) chẳng hạn như xe nâng và lưu kho sử dụng năng lượng tái tạo (NLTT). Ngoài ra, việc sử dụng tối ưu các lô đất sẽ cho phép giảm tổng diện tích đất cần thiết cho khu dân cư/thương mại/logistics và công nghiệp, và cho phép có nhiều đất hơn cho các mục đích vì môi trường.

Các kế hoạch dài hạn sẽ cần triệt để hơn. Chẳng hạn, Chính phủ có thể lấy định hướng từ cam kết của Liên minh châu Âu để chuyển sang các phương tiện có mức phát thải thấp hơn nhiều hoặc mức phát thải bằng không và tiết kiệm nhiên liệu hơn;¹⁶ và đưa vào lộ trình chi tiết về việc phát triển và chuyển sang sử dụng các phương tiện này ở Việt Nam đến năm 2030. Điều này đòi hỏi phải xem xét tác động đến quy hoạch thành phố và thị trấn, giải pháp tiếp nhiên liệu, khả năng tiếp cận, giải pháp kết thúc vòng đời và cam kết thực thi trên toàn quốc, v.v. Các kế hoạch này cũng cần bao gồm biogas (thế hệ 2 & 3), xe điện năng lượng tái tạo (ưu tiên quy hoạch đô thị/tuyến đường ngắn; sau đó hướng tới quy hoạch tuyến đường dài), nhiên liệu gốc hydro, năng lượng nhiệt tái tạo, v.v.

Ngoài ra, cũng cần xác định các biện pháp khuyến khích và chính sách để hướng doanh nghiệp theo các nhu cầu

16 "Chiến lược giao thông vận tải phát thải thấp của châu Âu", Ủy ban Châu Âu. Xem tại: <https://ec.europa.eu/clima/policies/transport_en#tab-0-0>, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 10 năm 2023.

và tình trạng dư thừa trong tương lai. Một lần nữa, điều này đòi hỏi phải tập trung vào cơ sở hạ tầng giao thông và logistics. Ví dụ: có thể đưa ra các biện pháp khuyến khích cho các công ty đang hoạt động kinh doanh bền vững thông qua tỉ lệ phần trăm đội xe thân thiện với môi trường, tỉ lệ phần trăm năng lượng tiêu thụ thân thiện với môi trường và tỉ lệ phần trăm nước sử dụng được tái chế. Các biện pháp khuyến khích cũng có thể biến các dự án được mua lại trước đây thành các công trình bền vững hơn.

Chúng tôi cũng tin rằng cần chuẩn bị một lộ trình phát triển bền vững (về vận tải và hậu cần) và xác định các bên liên quan chính trong cả chính quyền trung ương và địa phương. Lộ trình này cần bao gồm khung thời gian để đạt được lượng khí thải carbon dioxide thuần bằng không và các bước cần thực hiện để đạt được điều này. Cuối cùng, cần có sự hỗ trợ của doanh nghiệp và các biện pháp được chuẩn bị để hợp tác với chính quyền trung ương và địa phương để thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đạt được ba điểm mấu chốt (con người, lợi nhuận và hành tinh).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Vai trò của Việt Nam như một địa điểm ưa thích để điều chỉnh các chuỗi sản xuất của thế giới vẫn được hiểu rõ và sẽ được nâng cao hơn nữa bằng một lộ trình tiến bộ, rõ ràng và minh bạch hướng tới bền vững trong logistics và các hoạt động liên quan.¹⁷ Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh (VGGS) của Việt Nam và Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) xác định mối liên kết rõ ràng của quy hoạch phát triển, môi trường và khí hậu, tuân thủ Nghị định thư Kyoto và Hiệp định Paris.¹⁸ Cách tiếp cận tiến bộ này có nhiều lợi ích bổ sung, vừa có lợi cho sức khỏe trong tương lai, vừa thu hút du lịch cao cấp, giảm tác động môi trường và chi phí tiềm ẩn trong tương lai và nhìn chung là nâng cao chất lượng cuộc sống, đặc biệt là ở các vùng đô thị của Việt Nam. Cuối cùng, giảm thiểu và khắc phục biến đổi khí hậu có tầm quan trọng đặc biệt đối với Việt Nam, quốc gia có lượng lớn dân số sống ở các vùng ven biển và vùng trũng thấp.

Dựa trên quan điểm này và khung thời gian đã biết, và trước mắt là giải quyết các tác động cấp bách, có thể thấy các hành động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cần thiết - và bắt đầu đưa điều này vào khuôn khổ được đề xuất, như được minh họa trong sơ đồ dưới đây.

Hình 6: Chiến lược và can thiệp logistics tại Việt Nam

2020 – 2025: Các bước can thiệp ưu tiên		Sau 2025	
DUY TRÌ VÀ CẢI THIẾN...		CHUYỂN SANG...	
Đội xe & tài sản được dùng chung và sử dụng tối đa	Phương thức vận tải được sử dụng và kết hợp thông minh	Đội xe & tài sản có hiệu quả về năng lượng	Đội xe & tài sản sử dụng nguồn năng lượng có mức phát thải thấp nhất khả dĩ
- Tăng độ lấp đầy phương tiện - Phù hợp với mục đích - Giảm chuyển về trống - Tác dụng kết hợp, nhiều điểm dừng - Kết hợp với các đối tác khác trong ngành	- Tăng việc sử dụng vận tải đường sắt và đường thủy - Tối ưu hóa vận tải đa phương thức - Giảm vận tải đường hàng không	- Chuyển sang EURO IV, V & VI - MHE (thiết bị xử lý vật liệu) sử dụng nhiên liệu phát thải thấp hơn hoặc 100% điện (Năng lượng tái tạo) - Điện tái tạo cho DC	- Biogas (thế hệ 2 & 3) - Chạy điện trên tuyến đường ngắn - Chạy điện trên tuyến đường dài - Hydrogen - Năng lượng nhiệt tái tạo (The) cho DC
- Thúc đẩy cách tiếp cận trước cạnh tranh - Giảm chuyển về trống - Nhiều tải trọng/nhiều điểm dừng	- Cải thiện khả năng kết nối/hạ tầng đa phương thức - Đầu tư vào đường sắt/đường biển/đường sông, cảng	- Chuyển sang EURO IV, V & VI - Điện tái tạo cho DC & MHE (thiết bị xử lý vật liệu)	- Tính khả dụng / khả năng tiếp cận / biện pháp khuyến khích / hỗ trợ & cơ sở hạ tầng - Tầm nhìn và Lộ trình

17 "Việt Nam đưa ngành xi măng vào đệ trình mới về khí hậu lên LHQ", *Climate Home News*, ngày 14 tháng 9 năm 2020. Xem tại: <<http://www.climatechangenews.com/2020/09/14/vietnam-brings-cement-sector-new-climate-submission-un/>> truy cập lần cuối ngày 13 tháng 10 năm 2023.

18 "Điều chỉnh quy hoạch ngắn hạn và dài hạn ở Việt Nam để đáp ứng các mục tiêu của Hiệp định Paris". Xem tại: <www.wri.org/climate/expert-perspective/aligning-near-and-long-term-planning-vietnam-meet-goals-paris-agreement>, truy cập lần cuối ngày 13 tháng 10 năm 2023.

Khuyến nghị

- Thành lập một diễn đàn với tất cả các bên liên quan để hỗ trợ đánh giá cơ hội và chia sẻ ý tưởng về một lộ trình phát triển bền vững logistics;
- Chuẩn bị các kế hoạch dài hạn hơn, triệt để hơn để chuyển sang các phương tiện có mức phát thải thấp hơn nhiều hoặc bằng không và tiết kiệm nhiên liệu hơn;
- Xây dựng một lộ trình chi tiết để phát triển và chuyển sang sử dụng những phương tiện này ở Việt Nam đến năm 2030;
- Xác định các biện pháp khuyến khích và chính sách để hướng doanh nghiệp theo các nhu cầu và tình trạng dư thừa trong tương lai;
- Xây dựng một lộ trình phát triển bền vững (trong vận tải và hậu cần);
- Xác định các bên liên quan chính trong cả chính quyền trung ương và địa phương;
- Chuẩn bị khung thời gian để đạt được lượng khí thải carbon dioxide thuần bằng không và xác định các bước cần thực hiện để đạt được điều này; và
- Yêu cầu sự hỗ trợ của doanh nghiệp và thúc đẩy các biện pháp để hợp tác với chính quyền trung ương và địa phương để thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đạt được ba điểm mấu chốt (con người, lợi nhuận và hành tinh).

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Vận tải & Hậu cần thuộc EuroCham

CHƯƠNG 12 NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG QUAN

Tiểu ban Nguồn Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham xin chân thành cảm ơn những thay đổi tích cực, những nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan trong việc cải thiện các quy định về luật lao động, việc làm và đào tạo trong những năm gần đây. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc Chính phủ tăng cường đối thoại và tham vấn ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam (SEDS) giai đoạn 2021 - 2030 xác định việc thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao/phát triển kỹ năng nguồn nhân lực là một trong ba lĩnh vực đột phá. Mặc dù mức đầu tư vào đào tạo đều tăng hằng năm, việc thiếu các kỹ năng cần thiết trong các ngành công nghiệp và ngành nghề trọng yếu là thách thức đáng kể cho lực lượng lao động Việt Nam. Việc nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục và hệ thống pháp luật về quản lý lao động sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề, năng cao năng suất và thúc đẩy môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh.

Chúng tôi rất quan tâm tới việc cải thiện chất lượng lao động, quyền lao động và cam kết lao động, đặc biệt là trong thời điểm Việt Nam đang tham gia tích cực vào quá trình hội nhập toàn cầu; ký kết và thực hiện nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), bao gồm việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA).

EVFTA bao gồm một chương nội dung nhấn mạnh và toàn diện về Thương mại và Phát triển Bền vững, giải quyết nhiều vấn đề bao gồm các vấn đề lao động liên quan đến quan hệ thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Mục tiêu là để thúc đẩy sự tương hỗ giữa thương mại, đầu tư và chính sách lao động cũng như để đảm bảo rằng việc tăng cường thương mại sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động. Trong bối cảnh này, Việt Nam đã cam kết sẽ phê chuẩn và thực thi hiệu quả các Công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hiện chỉ còn một Công ước đang chờ được phê chuẩn (Công ước 87 về Quyền tự do hiệp hội). Theo Quyết định 121¹ của Thủ tướng Chính phủ, Công ước này sẽ được phê chuẩn vào năm 2023.

Để thực hiện có hiệu quả EVFTA, Việt Nam cũng cần cải thiện môi trường làm việc trong quá trình chuẩn bị và thực thi các quy định hiện hành (như trình bày chi tiết dưới đây) cũng như việc thông qua các bộ luật trong tương lai.

PHẦN 1: LAO ĐỘNG VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

I. TỔ CHỨC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP VÀ KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TĐLĐVN)

Mô tả vấn đề

Việt Nam lần đầu tiên đưa ra khái niệm “tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp” (hoặc tổ chức lao động mới) như được định nghĩa trong Bộ luật Lao động 2019,² có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Tổ chức này cùng tồn tại song song với công đoàn cơ sở (hay “công đoàn truyền thống”) thuộc hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TĐLĐVN). Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham (HR&T SC) đánh giá cao nỗ lực đáng ghi nhận này nhằm điều chỉnh pháp luật lao động của Việt Nam cho phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu và bảo vệ quyền tự do lập hội của người lao động. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2022 Bộ LĐTBXH đã soạn

¹ Quyết định 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 1 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

² Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (Bộ luật Lao động 2019).

thảo nghị định hướng dẫn thực hiện quy định của Bộ luật Lao động 2019 về tổ chức đại diện cho người lao động tại cơ sở (Dự thảo Nghị định). Mới đây, Thủ tướng đã có công văn đôn đốc Bộ LĐTĐXH đẩy nhanh việc này và yêu cầu Bộ Tư pháp cập nhật tình hình ban hành văn bản này trong tháng 8 năm 2023.³ Đến thời điểm hiện tại, Dự thảo Nghị định vẫn chưa được công bố để lấy ý kiến công chúng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quy định về tổ chức lao động mới đã được soạn thảo trong hơn ba năm và Dự thảo Nghị định vẫn chưa được ban hành để lấy ý kiến công chúng. Kết quả là, ngay cả khi Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, cho tới nay vẫn chưa có một tổ chức lao động mới nào được thành lập do thiếu khung pháp lý.

Ngoài ra, Bộ luật Lao động 2019 chưa quy định rõ mối quan hệ giữa “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”, nếu cả hai tổ chức đều tồn tại trong cùng một doanh nghiệp.⁴ Về nguyên tắc, người lao động có quyền tự do lựa chọn tổ chức đại diện của mình, vì vậy cả hai loại tổ chức này (tức là “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”) đều phải có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc đại diện cho người lao động. Các quyền và nghĩa vụ đại diện đó sẽ bao gồm (i) việc tham vấn về các chính sách, tài liệu và quy trình nội bộ liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật, (ii) tham dự và đại diện cho người lao động trong các hoạt động trao đổi, đối thoại và thảo luận với người sử dụng lao động và với các tổ chức công đoàn khác, và (iii) thu, sử dụng và quản lý kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động 2019 không có điều nào quy định cụ thể mối quan hệ giữa hai tổ chức công đoàn nêu trên khi chúng cùng tồn tại trong một doanh nghiệp, cũng như về vai trò đại diện của hai tổ chức này. Do vậy, các quy định pháp luật liên quan cần (i) quy định rõ ràng việc mỗi tổ chức công đoàn sẽ có quyền và nghĩa vụ ngang bằng nhau trong việc đại diện cho người lao động, tùy theo tỷ lệ người lao động là thành viên của công đoàn, và (ii) đưa ra cơ chế hợp tác giữa “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống” trong các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động.

Quy định về kinh phí cho “tổ chức lao động mới” trong Bộ luật Lao động 2019 cũng chưa rõ ràng. Điều 174 quy định điều lệ của tổ chức lao động mới phải có nội dung về “Phí thành viên, nguồn tài sản, tài chính và việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của tổ chức”, và “Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.⁵ Như vậy, quy định pháp luật chưa nêu rõ việc “tổ chức lao động mới” sẽ có quyền tự quyết về tài chính của mình ở mức độ nào. Theo Luật Công đoàn hiện hành, người sử dụng lao động phải đóng kinh phí công đoàn hàng tháng bằng 2%⁶ tổng quỹ lương tính đóng bảo hiểm xã hội cho công đoàn cấp trên trực tiếp, ngay cả khi chưa có công đoàn trong tổ chức của họ. Ngoài ra, theo TLĐLĐVN,⁷⁸ doanh nghiệp chỉ được giữ lại một phần kinh phí công đoàn khi doanh nghiệp có công đoàn cơ sở. Điều này không phù hợp với các nguyên tắc về quyền tự do của người lao động trong việc thu, quản lý và sử dụng cơ cấu tài chính của tổ chức đại diện.

Do vậy, pháp luật về công đoàn phải quy định rằng kinh phí công đoàn hàng tháng do người sử dụng lao động đóng phải được chuyển trực tiếp và toàn bộ đến các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, bao gồm cả “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống”. Khoản kinh phí này đồng thời cũng phải được phân chia giữa mỗi tổ chức công đoàn dựa trên số lượng thành viên mà tổ chức đó đại diện. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở được quyền sử dụng toàn bộ kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp và đoàn phí do thành viên đóng góp, và các khoản trên không nên được chia một phần cho công đoàn truyền thống cấp trên trực tiếp. Ngoài ra, nếu chưa có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở thì người sử dụng lao động có quyền giữ toàn bộ kinh phí công đoàn và sau này chuyển cho các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở khi tổ chức đó được thành lập. Cần sửa đổi mức đóng kinh phí công đoàn của người sử dụng lao động bằng cách khảo sát thực tế ý kiến của doanh nghiệp, cân đối ngân sách của hệ thống công đoàn và xem xét giảm tỷ lệ từ 2% xuống 1% quỹ tiền lương của người lao động trong nước dùng để tính bảo hiểm xã hội; không lấy quỹ tiền lương của người lao động nước ngoài làm căn cứ tính kinh phí công đoàn hàng tháng.

3 Công văn số 692/TTg-PL ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

4 Khoản 3 Điều 3 Bộ luật Lao động 2019.

5 Mục g, Khoản 1, Điều 174, Bộ luật Lao động 2019.

6 Khoản 2, Điều 26, Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội (Luật Công đoàn).

7 Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016 của TLĐLĐVN về việc ban hành quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn, thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu, nộp tài chính công đoàn.

8 Hướng dẫn số 2212/HD-TLĐ ngày 6 tháng 10 năm 2018 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLĐLĐVN) về việc xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2019.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Công bố Dự thảo Nghị định để lấy ý kiến phản hồi của công chúng.
- Làm rõ vai trò và mối quan hệ trong trường hợp cả “tổ chức lao động mới” và “công đoàn truyền thống” đều cùng tồn tại trong một doanh nghiệp trong các quy định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động 2019 mới và Luật Công đoàn sửa đổi.
- Sửa đổi các quy định về kinh phí công đoàn cho cả hai loại hình tổ chức để đảm bảo rõ ràng, thận trọng, công bằng và phản ánh đúng quyền lợi của cả hai tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

II. GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH)

Mô tả vấn đề

Chúng tôi đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ và Bộ LĐTBXH trong việc ban hành Nghị định 70⁹ sửa đổi một số điều của Nghị định 152¹⁰ về giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Những sửa đổi này đã giúp đơn giản hóa quy trình xin giấy phép lao động, đáng chú ý là thông qua việc (i) nới lỏng các định nghĩa về “chuyên gia” và “lao động kỹ thuật”, (ii) công nhận giấy phép lao động trước đây là bằng chứng cho kinh nghiệm làm việc, (iii) rút ngắn thời gian nộp báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, và (iv) quy định thêm các trường hợp không phải thực hiện xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. Những sửa đổi này có thể đẩy nhanh quá trình xin giấy phép lao động.

Tuy nhiên, Nghị định 70 đưa ra những thách thức mới trong việc xin giấy phép lao động, chẳng hạn như yêu cầu mới về đăng tin tuyển dụng, quy định thành phần tài liệu phức tạp đối với các vị trí quản lý/giám đốc điều hành, và các quy định không rõ ràng về thẩm quyền cấp giấy phép lao động của Bộ LĐTBXH và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Sở LĐTBXH). Những thách thức này cần được xem xét và khắc phục sớm nhất có thể.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thứ nhất, từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, Nghị định 70 yêu cầu người sử dụng lao động đăng thông báo tuyển dụng ứng viên người Việt Nam cho các vị trí dự kiến cần tuyển dụng người lao động nước ngoài trên trang web của Bộ LĐTBXH hoặc Trung tâm Dịch vụ Việc làm (TTDVVL) hoặc các cổng thông tin của cơ quan có thẩm quyền ít nhất 15 ngày trước khi nộp báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài. Yêu cầu mới này bổ sung thêm một bước phụ vào quy trình báo cáo giải trình, làm kéo dài và phức tạp hóa thủ tục xin phê duyệt, từ đó có thể cản trở hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt khi doanh nghiệp cần tuyển dụng người lao động nước ngoài gấp.

Thứ hai, Nghị định 70 yêu cầu nhiều tài liệu phức tạp hơn trong hồ sơ xin giấy phép lao động cho Nhà quản lý/Giám đốc điều hành. Trước đây, tùy theo yêu cầu của từng Sở LĐTBXH địa phương, tổ chức sử dụng người lao động nước ngoài có thể cung cấp bản sao có chứng thực giấy phép thành lập hoặc văn bản xác nhận chức danh Nhà quản lý/Giám đốc điều hành hoặc điều lệ doanh nghiệp để chứng minh người lao động nước ngoài là Nhà quản lý/Giám đốc điều hành. Tuy nhiên, hiện nay hồ sơ gồm có ba văn bản cụ thể bắt buộc phải có, bao gồm: (i) điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động; (ii) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận thành lập hoặc quyết định thành lập hoặc các văn bản pháp luật tương đương khác; và (iii) nghị quyết hoặc quyết định bổ nhiệm. Yêu cầu này không chỉ rườm rà so với quy định trước đây mà còn không thực tế đối với tổ chức sử dụng người lao động nước ngoài vì (i) một số tổ chức như văn phòng đại diện hoặc chi nhánh của thương nhân nước

9 Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định 70)

10 Nghị định số 152/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định 152)

ngoài không có điều lệ hoặc quy chế hoạt động riêng và (ii) giấy chứng nhận thành lập thường chỉ ghi tên người đại diện theo pháp luật và/hoặc người đứng đầu tổ chức mà không đề cập đến các chức danh quản lý khác. Như vậy, quy định về hồ sơ áp dụng cho chi nhánh hoặc văn phòng đại diện cần được quy định đơn giản hóa hơn.

Thứ ba, Nghị định 70 vẫn chưa phân định rõ ràng thẩm quyền cấp giấy phép lao động giữa Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH. Mặc dù Nghị định 70 quy định (i) Bộ LĐTBXH sẽ cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động có giấy phép do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ cấp (ví dụ: ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động, công ty bảo hiểm được Bộ Tài chính cấp phép hoạt động, vv); và (ii) Sở LĐTBXH sẽ cấp giấy phép lao động cho các trường hợp còn lại.

Nghị định 70 cũng không nêu rõ Bộ LĐTBXH hay Sở LĐTBXH có thẩm quyền cấp giấy phép lao động nếu người sử dụng lao động có cả giấy phép do cơ quan ngang bộ cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tại địa phương cấp.

Việc quy định không rõ ràng này về thẩm quyền này cùng với yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp có thể khiến mất thời gian và chi phí đi lại không cần thiết trong quá trình các tổ chức nêu trên xin cấp giấy phép lao động từ Bộ LĐTBXH.

Khuyến nghị

Chúng tôi muốn đưa ra những khuyến nghị sau để đơn giản hóa việc xin giấy phép lao động tại Việt Nam:

- Bỏ qua điều kiện đăng thông tin tuyển dụng trước khi nộp báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.
- Đơn giản hóa các hồ sơ giấy tờ cần thiết cho vị trí Nhà quản lý/Giám đốc điều hành tại chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Giao cho Sở LĐTBXH có thẩm quyền cấp giấy phép lao động trong mọi trường hợp.

III. MỞ RỘNG QUYỀN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH)

Mô tả vấn đề

Các quy định về lao động của Việt Nam có xu hướng bảo vệ cho người lao động, đặc biệt là về quyền chấm dứt hợp đồng lao động. Người lao động có thể dễ dàng đơn phương chấm dứt hợp đồng, không cần lý do mà chỉ cần báo trước trong một thời gian nhất định tương ứng với loại hợp đồng lao động của họ hoặc thậm chí không cần thông báo trước trong một số trường hợp đặc biệt.¹¹ Mặc dù Bộ luật Lao động 2019 bổ sung thêm một số trường hợp người sử dụng lao động được phép đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng các quyền này vẫn còn hạn chế. Vì vậy, cần phải xem xét lại và hoàn thiện một số quy định của pháp luật lao động, đặc biệt là những quy định liên quan đến việc cho thôi việc do dư thừa lao động, và sa thải do vi phạm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cho thôi việc do dư thừa lao động

Cả Bộ luật Lao động trước đây và Bộ luật Lao động 2019 hiện hành đều quy định việc cho thôi việc người lao động phải dựa trên một số căn cứ nhất định, chẳng hạn như thay đổi cơ cấu tổ chức, công nghệ, hoặc vì lý do kinh tế. Trên thực tế, lý do dẫn tới việc dư thừa lao động rất đa dạng so với những gì pháp luật quy định. Dư thừa lao động do tối ưu hóa hoạt động kinh doanh hiện không được xem là một trong những căn cứ để cho thôi việc, mặc dù đây là lý do phổ biến dẫn đến tình trạng dư thừa lao động ở nhiều công ty. Ví dụ: nếu một công ty có vốn đầu tư nước ngoài quyết định chuyển vị trí quản lý từ Việt Nam sang khu vực để quản lý tập trung và tối ưu hóa hệ thống

¹¹ Mục d, Khoản 1, Điều 5, Bộ luật Lao động mới.

nhân sự, một số nhân viên sẽ không còn báo cáo cho người quản lý ở Việt Nam mà sẽ báo cáo trực tiếp với người quản lý ở khu vực. Hoạt động tối ưu hóa kinh doanh này dẫn đến tình trạng dư thừa vị trí quản lý tại Việt Nam và do đó dẫn đến nhu cầu cắt giảm vị trí dư thừa đó. Loại hình tối ưu hóa kinh doanh này không được công nhận một cách rõ ràng là một cơ sở pháp lý để cho thôi việc do dư thừa lao động. Việc cho thôi việc dựa trên căn cứ này có nguy cơ dẫn tới những rủi ro về mặt pháp lý.

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy các cơ quan có thẩm quyền và tòa án sẽ xem việc tái cơ cấu tổ chức là việc loại bỏ hoặc thay đổi cấu trúc một hoặc một số đơn vị nhất định trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, dẫn đến việc loại bỏ các vị trí công việc của người lao động. Tuy nhiên, đối với các hoạt động tối ưu hóa kinh doanh, doanh nghiệp có thể không trải qua bất kỳ thay đổi cấu trúc nào; cũng như không loại bỏ bất kỳ bộ phận nào. Do đó, trong những trường hợp như vậy, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn khi chứng minh cho việc doanh nghiệp trải qua quá trình thay đổi cơ cấu và theo đó sẽ cắt giảm lao động.

Hơn nữa, cả Bộ luật Lao động trước đây và Bộ luật Lao động hiện hành đều quy định rằng cho thôi việc do dư thừa lao động chỉ áp dụng đối với trường hợp cho thôi việc hàng loạt, tức là khi “ảnh hưởng đến nhiều người lao động” (hoặc là ít nhất 02 người lao động trở lên). Vì vậy, Bộ luật Lao động chỉ quy định các thủ tục cho việc cắt giảm nhiều người lao động. Tuy nhiên, luật chưa có hướng dẫn về thủ tục cho thôi việc đối với một người lao động do dư thừa lao động. Điều này dẫn đến tình trạng các cơ quan có thẩm quyền có cách giải thích khác nhau về thủ tục cho thôi việc đối với một người lao động. Một số cơ quan chấp nhận việc cho thôi việc đối với một người lao động miễn là thủ tục cho thôi việc được thực hiện tuân thủ theo thủ tục áp dụng cho trường hợp cho thôi việc đối với nhiều người lao động. Trái lại, một số cơ quan khác cho rằng việc cho thôi việc đối với một người lao động là bất hợp pháp vì thủ tục này không được quy định trong luật.

Sa thải

Hiện nay, việc chấm dứt hợp đồng lao động do vi phạm hay “sa thải” đang diễn ra thường xuyên hơn và theo cách phức tạp hơn. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động mới 2019 hạn chế các trường hợp mà người sử dụng lao động được phép sa thải. Luật cũng loại trừ nhiều tình huống mà doanh nghiệp gặp phải.¹²

Mặc dù đều cho phép người sử dụng lao động sa thải người lao động dựa trên mức độ thiệt hại gây ra, tuy nhiên cả Bộ luật Lao động trước đây và Bộ luật lao động năm 2019 đều không quy định rõ ràng thế nào là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng”. Sự mơ hồ này dẫn đến việc các Sở LĐTBXH địa phương có cách hiểu khác nhau trong quá trình đăng ký nội quy lao động, làm cho quy trình sa thải người lao động gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, đối với nhiều hành vi vi phạm nghiêm trọng, việc chứng minh thiệt hại nghiêm trọng về tài chính là điều không thể.¹³

Hơn nữa, quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật lao động ngắn, đặc biệt là khi hành vi vi phạm bị che giấu, đang đặt ra nhiều thách thức cho người sử dụng lao động. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động chỉ kéo dài từ 06 đến 12 tháng kể từ ngày hành vi vi phạm xảy ra. Người sử dụng lao động phải thu thập bằng chứng, tổ chức họp xử lý kỷ luật và ban hành quyết định sa thải trong thời hiệu này. Thời hiệu xử lý áp dụng cho hành vi vi phạm của người lao động là 06 tháng. Thời hiệu này được kéo dài đến 12 tháng trong trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản và bí mật công nghệ hoặc bí mật kinh doanh. Đây là quy định không hợp lý vì người lao động thực hiện hành vi vi phạm một cách bí mật nên trong nhiều trường hợp người sử dụng lao động chỉ biết được sau khi đã hết thời hiệu. Một vấn đề khác là việc thu thập bằng chứng về vi phạm của người lao động thường mất rất nhiều thời gian và người sử dụng lao động gặp khó khăn trong việc hoàn thành tất cả các thủ tục kỷ luật trong thời hiệu nói trên.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Bổ sung “hoạt động tối ưu hóa kinh doanh” của công ty là một trong những căn cứ được cho thôi việc do dư thừa lao động.

¹² Ví dụ: các hành vi gây hấn và thù địch, gian lận, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc lợi dụng và hành vi bạo lực (bao gồm đe dọa, cố ý gây sợ hãi cho người khác hoặc gây hoảng loạn cho người khác) cũng sẽ bị sa thải.

¹³ Để được phân tích thêm về nội dung này, vui lòng tham khảo Chương về Nguồn nhân lực và Đào tạo, Sách trắng EuroCham 2020. Xem tại: <www.eurochamvn.org/whitebook2020>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 12 năm 2020.

- Quy định rõ việc cho thôi việc đối với một người lao động là hợp pháp nếu công ty tuân thủ các thủ tục pháp lý áp dụng cho việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động.
- Bổ sung các căn cứ được phép sa thải (ví dụ: gian lận, đưa hoặc nhận hối lộ hoặc lại quả, hành vi hung hăng, thù địch và bạo lực, hoặc vi phạm các quy định nội bộ về an toàn dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn đối với tính mạng con người).
- Kéo dài thời hiệu xử lý kỷ luật lao động từ 12 tháng lên 24 tháng¹⁴ và thời hiệu này chỉ bắt đầu từ ngày người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm.
- Đưa ra các tiêu chuẩn rõ ràng để xác định thế nào là “gây thiệt hại nghiêm trọng” hoặc “đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng”, có thể bằng cách quy định một mức thiệt hại cụ thể bằng tiền.

IV. BẢO HIỂM XÃ HỘI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH Việt Nam)

Mô tả vấn đề

Theo quy định tại Điều 2.2 Luật Bảo hiểm xã hội¹⁵ và Điều 2 Nghị định 143¹⁶, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018, người lao động nước ngoài tại Việt Nam phải đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) nếu có giấy phép lao động hoặc giấy phép hành nghề và có hợp đồng lao động với thời hạn ít nhất một năm. Chế độ BHXH dành cho người nước ngoài này tương tự như chế độ BHXH dành cho công dân Việt Nam, bao gồm năm chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí và tử tuất. Trong khi việc đóng BHXH cho ba chế độ ngắn hạn (gồm ốm đau, thai sản và tai nạn lao động) bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 12 năm 2018 thì hai chế độ dài hạn (gồm hưu trí và trợ cấp tử tuất) bắt đầu áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Người lao động nước ngoài có thể yêu cầu hưởng BHXH một lần cho toàn thời gian đóng khi kết thúc hợp đồng hoặc khi giấy phép lao động hết hạn với điều kiện người đó không còn cư trú, làm việc tại Việt Nam. Khoản BHXH một lần này và quy trình yêu cầu hưởng tương tự như quy định đối với người lao động Việt Nam. Tuy nhiên, các quy định về chế độ BHXH và thủ tục hưởng BHXH một lần áp dụng cho người lao động nước ngoài hiện không thực tế và cần được xem xét lại.

Hiện tại, Bộ LĐTBXH đang soạn thảo luật sửa đổi Luật Bảo hiểm Xã hội, dự kiến trình Quốc hội thông qua vào năm 2024 (Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội). Đáng tiếc là Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội này về cơ bản vẫn giữ nguyên các quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội cho người lao động nước ngoài.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc bắt buộc tham gia cả năm chế độ BHXH có thể không công bằng và không khả thi đối với những người lao động nước ngoài vẫn đang tiếp tục tham gia BHXH của nước họ. Mặc dù Chính phủ đã và đang đàm phán các hiệp định song phương về công nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội với một số quốc gia và ký kết thỏa thuận công nhận với một số quốc gia (chẳng hạn như Hàn Quốc), nhưng chưa có hiệp định song phương nào được thực tế đưa vào áp dụng. Điều này làm tăng chi phí cho cả người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài, cùng với những rắc rối về thủ tục hành chính.

Hơn nữa, ngay cả khi Chính phủ có thể ký kết thêm nhiều hiệp định song phương, các hiệp định này cũng sẽ không áp dụng cho tất cả các quốc gia có người lao động nước ngoài đến Việt Nam làm việc. Thông thường, người lao động nước ngoài chỉ làm việc tại Việt Nam trong thời gian ngắn, do sự quản lý nghiêm ngặt về phê duyệt các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài khi cấp giấy phép lao động. Mặc dù Nghị định 143 quy định việc những người lao động nước ngoài này có thể yêu cầu chi trả BHXH một lần trước khi rời Việt Nam, các thủ tục

14 Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội.

15 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 của Quốc hội ngày 20 tháng 11 năm 2014 (Luật Bảo hiểm xã hội).

16 Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Nghị định 143).

hưởng BHXH một lần hiện hành đang rất phức tạp và làm tăng thêm gánh nặng về thủ tục hành chính cho tất cả các bên liên quan. Ngoài ra, quy định bắt buộc các tài liệu cần thiết phải được dịch sang tiếng Việt và công chứng đối với người có quốc tịch nước ngoài có thể mất nhiều thời gian thực hiện.

Các quy định trên có thể làm tăng chi phí lao động cũng như rườm rà về thủ tục hành chính. Những điều này có thể làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam như một điểm đến đầu tư.

Khuyến nghị

Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội cần quy định những nội dung sau:

- Cho phép người lao động nước ngoài tham gia quỹ hưu trí và tử tuất trên cơ sở tự nguyện.
- Đưa ra mẫu đơn đề nghị hưởng BHXH một lần ở định dạng song ngữ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp hồ sơ trực tuyến.

PHẦN 2: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC TẠI VIỆT NAM CHO MỘT NỀN KINH TẾ SỐ THỊNH VƯỢNG

Cơ quan liên quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH)

Mô tả vấn đề

Đào tạo kỹ thuật chất lượng cao

Đào tạo kỹ thuật chất lượng cao là vấn đề then chốt, và không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc truyền đạt các kỹ năng thiết yếu phù hợp với nhu cầu tại nơi làm việc. Điều này ngụ ý cần phải duy trì một nguồn dự trữ các nhà giáo dục có trình độ chuyên môn cao và tuyên truyền xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc học tập và phát triển. Yêu cầu này đòi hỏi phải kết hợp các phương pháp giảng dạy tiến bộ và áp dụng các kỹ năng CNTT và kỹ năng học tập trực tuyến - những yếu tố quan trọng trong giáo dục để duy trì lực lượng lao động được đào tạo tốt và có năng lực chuyên môn cao.

Ủng hộ đa dạng giới trong các ngành kỹ thuật

Để thực sự xây dựng được một lực lượng lao động mạnh và đa dạng trong ngành công nghệ, điều quan trọng là phải xác định và giải quyết tình trạng chênh lệch giới tính trong các lĩnh vực kỹ thuật. Các biện pháp lập pháp được đề xuất cần khuyến khích nhiều trẻ em gái hơn ở Việt Nam tham gia vào các môn học ở bậc tiểu học và trung học mà sau này sẽ đưa các em đến với nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ.

Đào tạo quản trị thực hành: Chất xúc tác cho sự thay đổi

Quỹ đạo tăng trưởng của Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là các vấn đề then chốt về “Giá trị gia tăng” và “Lợi thế cạnh tranh”. Các Nghị quyết của Đại hội XII và XIII vào năm 2016 và 2021 đã vạch ra khuôn khổ chiến lược chuyển đổi mô hình phát triển doanh nghiệp trong quá khứ ở Việt Nam. Các chương trình đào tạo quản trị thực hành do các trường đại học, trường kinh doanh và các công ty cụ thể cung cấp đóng vai trò là kênh quan trọng để nâng cao chất lượng/giá trị của sản phẩm/dịch vụ và gắn bó mật thiết với ưu tiên của chính phủ về “Giá trị gia tăng”.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quá trình phát triển kỹ thuật số nhanh chóng đã tác động đáng kể đến bối cảnh việc làm tại Việt Nam, và để giải quyết những tác động này là một việc không hề đơn giản. Làn sóng chuyển đổi kỹ thuật số được coi là con dao hai lưỡi, một mặt có thể dẫn đến thay đổi về việc làm, mặt khác cũng cho phép các ngành đạt được lợi thế chiến

lược nếu được khai thác hiệu quả. Các khu vực phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục mạnh mẽ sẽ có khả năng thu được lợi ích đáng kể từ số hóa trong những năm tới.

Việt Nam, với tỷ lệ nhập học bậc trung học cao, lại có sự tương phản rõ rệt khi nói đến giáo dục đại học, tụt hậu đáng kể so với các nước trong khu vực. Mặc dù đã được cải thiện, chất lượng giáo dục vẫn còn tương đối thấp và không phù hợp với các kỹ năng cần thiết của nền kinh tế đang chuyển đổi. Ngành giáo dục vẫn chưa đạt được mục tiêu mức chi ngân sách nhà nước là 20%, trong khi tổng chi tiêu cho giáo dục giữa khu vực công và khu vực tư nhân vẫn tương đương qua các năm.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Ban hành Chính sách lồng ghép giới: Hỗ trợ các biện pháp lập pháp nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc học tập và không có định kiến giới trong các môn học liên quan đến công nghệ ngay từ khi còn nhỏ;
- Thúc đẩy các chương trình công nghệ ngoại khóa: Khuyến khích các chương trình đào tạo tập trung vào công nghệ và mã hóa để phát triển sự quan tâm và niềm đam mê của các trẻ em gái trong lĩnh vực này;
- Tăng cường khả năng tiếp cận tài nguyên: Cung cấp các cơ hội học tập, học bổng và ưu tiên ngang nhau để tạo điều kiện và thúc đẩy các trẻ em gái tìm hiểu về các ngành kỹ thuật;
- Phối hợp với các tập đoàn công nghệ: Tận dụng quan hệ đối tác để tạo điều kiện thuận lợi;
- Nắm bắt và tùy chỉnh chương trình đào tạo quản trị thực hành: Triển khai các khóa học không cấp bằng phù hợp với nhu cầu thị trường và được cung cấp theo mức giá tại địa phương nhằm thúc đẩy thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Đại hội XII và XIII; và
- Nâng cao chất lượng giáo dục và khả năng tiếp cận: Hướng đến đạt mục tiêu của chính phủ về chi tiêu cho ngành giáo dục và nâng cao tỷ lệ nhập học chung ở bậc đại học để phù hợp với các quốc gia khác trong khu vực.

II. THÚC ĐẨY NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Cơ quan liên quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH)

Mô tả vấn đề

Theo Mục II của phần về Lao động và Nguồn nhân lực trên đây, các trường quốc tế đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi những rào cản và sự thiếu rõ ràng về giấy phép lao động, cho cả khách hàng cũng như giáo viên và nhân viên nhà trường. Việt Nam đã làm rất tốt trong những năm gần đây trong việc thu hút FDI vào lĩnh vực giáo dục. Các tổ chức này phụ thuộc vào sự cân bằng giữa sinh viên Việt Nam và quốc tế để cung cấp trải nghiệm giáo dục chất lượng mà Việt Nam đang tìm kiếm. Do đó, chúng tôi đồng tình và nhắc lại Phần II vì phần này có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đồng thời hy vọng Việt Nam sẽ tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư FDI và gia đình họ, cũng như các nhà giáo dục giàu kinh nghiệm và tâm huyết. Chất lượng không khí cũng vẫn là một mối quan ngại của ngành giáo dục, của học sinh và giáo viên ở mọi lứa tuổi, đồng thời là yếu tố cản trở các gia đình người nước ngoài chuyển đến Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tốc độ phát triển liên tục và ấn tượng của Việt Nam có thể được củng cố bằng cách kết hợp giữa kết nối internet mạnh mẽ, phát triển kỹ năng một cách thuần thực, đầu tư vào giáo dục chất lượng cao và các chính sách năng động của chính phủ. Khuôn khổ vững chắc của một nền kinh tế kỹ thuật số bền vững được củng cố bởi kết nối Internet an toàn và ổn định, đóng vai trò là hệ thần kinh trung ương. Cơ sở hạ tầng này rất quan trọng, cung cấp kết nối thông qua mạng di động 4G/5G và mạng cáp quang tới các trường học, tập đoàn cũng như các cộng đồng ở thành thị và nông thôn. Tuy nhiên, việc xác định và giải quyết các khía cạnh về khả năng tiếp cận và khả năng chi trả là rất quan trọng để tránh rủi ro về khoảng cách số, đảm bảo tất cả các bộ phận dân cư đều có thể được hưởng lợi từ những tiến bộ kỹ thuật số.

Thực hiện chính xác các khuyến nghị sâu rộng của chúng tôi có thể giúp Việt Nam phát triển đáng kể hệ sinh thái giáo dục của đất nước, từ đó đào tạo được một lực lượng lao động đa dạng và thành thạo về công nghệ, qua đó củng cố vị thế của Việt Nam như một tấm gương tiêu biểu về nâng cao chất lượng giáo dục trong bối cảnh kỹ thuật số đang phát triển nhanh chóng.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Tinh giản các thủ tục cấp giấy phép lao động để hỗ trợ những người lao động nước ngoài đủ tiêu chuẩn và gia đình họ tiếp tục đến Việt Nam;
- Tăng cường cơ sở hạ tầng mạng: Tăng cường khả năng kết nối trên toàn quốc và truy cập công bằng vào mạng 4G/5G là điều cần thiết để tránh khoảng cách số;
- Tăng cường hợp tác cấp vùng và cấp tỉnh: Khuyến khích chính quyền địa phương hợp tác với các trung tâm năng lực kỹ thuật số của địa phương để mở rộng phạm vi hỗ trợ;
- Nâng cao năng lực của giáo viên địa phương: Bắt đầu hợp tác với các tổ chức quốc tế để đào tạo giáo viên và phát triển chuyên môn, thúc đẩy môi trường thuận lợi cho việc học tập suốt đời; và
- Ưu tiên bảo vệ môi trường: Việc nâng cao chất lượng không khí ở các trung tâm tài chính sẽ làm nổi bật sức hấp dẫn của ngành giáo dục, thúc đẩy hợp tác quốc tế hiệu quả.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham.

CHƯƠNG 14 PHỤ NỮ TRONG KINH DOANH

TỔNG QUAN

Tiểu ban Phụ nữ trong Kinh doanh của EuroCham vô cùng trân trọng những nỗ lực không ngừng của Chính phủ Việt Nam và các Bộ ngành liên quan nhằm khẳng định và nâng cao vị thế của nữ giới cả trong môi trường làm việc nói riêng và trong xã hội nói chung. Chúng tôi thực sự đánh giá cao tinh thần hợp tác và cởi mở của Chính phủ Việt Nam đối với các ý kiến đóng góp.

Việt Nam từ lâu đã cam kết thúc đẩy quyền của phụ nữ. Hơn mười năm trước, lần đầu tiên Việt Nam xây dựng Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới (NSGE), đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ nhằm thúc đẩy bình đẳng giới từ năm 2011 đến năm 2020. NSGE hiện tại, có hiệu lực từ năm 2021 đến năm 2030, đặt ra các mục tiêu mới về bình đẳng giới trên nhiều khía cạnh khác nhau của xã hội Việt Nam, từ việc giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh cho đến tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị.

Nền tảng của NSGE là Luật Bình đẳng giới,¹ đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ trong nhiều lĩnh vực, bao gồm chính trị, kinh tế, lao động và giáo dục. Chúng tôi nhận thấy Chính phủ Việt Nam gần đây đã có những hành động nhằm thực thi tốt hơn Luật Bình đẳng giới, bao gồm việc ban hành Nghị định 125.² Nghị định 125 tăng mức phạt đối với hành vi phân biệt đối xử về giới và mô tả chi tiết các hành vi được xem là vi phạm bình đẳng giới.

Tuy nhiên, phụ nữ vẫn đang tiếp tục gánh trên vai nhiều công việc chăm sóc không lương, điều này làm gia tăng khoảng cách về lương giữa hai giới. Quá trình chuyển đổi theo hướng số hóa tại Việt Nam mang lại cơ hội to lớn cho phụ nữ Việt Nam, nhưng nếu quản lý không đúng cách, điều này có thể khiến họ rơi vào tình trạng bị gạt ra ngoài lề xã hội nặng nề hơn. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ Việt Nam định hướng cẩn thận lộ trình hướng tới tương lai đảm bảo phụ nữ cũng có thể được hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của Việt Nam.

I. NỘI QUY LAO ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN LAO ĐỘNG NỮ

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH), Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Sở LĐTB&XH)

1. Đặt ra các biện pháp khuyến khích rõ ràng, cụ thể, khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện các chính sách có lợi cho phụ nữ

Mô tả vấn đề

Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145³ khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện một số biện pháp cải thiện điều kiện cho lao động nữ, chẳng hạn như cho phép làm việc với thời gian biểu linh hoạt, lịch làm việc bán thời gian hoặc làm việc tại nhà, cùng những biện pháp khác. Tuy nhiên, thực tế không có biện pháp khuyến khích cụ thể nào được đưa ra để cung cấp các điều kiện thuận lợi này. Câu hỏi đặt ra là cần có những quy định cụ thể hơn để những khuyến khích nêu trên thực sự được áp dụng và có hiệu quả.

Khoản 2 Điều 83 quy định người sử dụng lao động có nhiều lao động nữ được giảm thuế theo quy định của luật thuế, lặp lại Khoản 2(a) Điều 11 của Nghị định 85.⁴ Tuy nhiên, việc giảm thuế này chỉ áp dụng cho các ngành sản xuất, xây dựng hoặc vận tải. Mức giảm thuế này tương đương với một số ít chi phí thực tế phát sinh cho lao động

1 Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội về Bình đẳng giới (Luật Bình đẳng giới)

2 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới (Nghị định 125).

3 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (Nghị định 145)

4 Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ (Nghị định 85).

nữ. Theo Khoản 1, Điều 21, Thông tư 78,⁵ doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) rất hạn chế. Việc giảm thuế nêu trong điều này không chỉ giới hạn trong phạm vi đối tượng mà còn đối với các mặt hàng được tính giảm thuế. Điều 6.2.9 của Thông tư 78 giới hạn việc giảm thuế cho một số chi phí cụ thể.⁶

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng nhiều chính sách khác nhau, chẳng hạn như làm việc linh hoạt và làm việc tại nhà để hỗ trợ phụ nữ. Tuy nhiên, do chỉ mang tính chung chung và không được liên kết với những ưu đãi cụ thể, các biện pháp khuyến khích này cho đến nay vẫn có tác động rất nhỏ.

Ưu đãi thuế dành cho các công ty sử dụng nhiều lao động nữ là quá hạn chế để có thể thực sự nâng cao vị thế của phụ nữ tại nơi làm việc. Ưu đãi này chỉ áp dụng cho một số ngành và tương đương với một số chi phí rất hạn chế mà người sử dụng lao động đã phải gánh chịu. Nếu có, khoản giảm thuế này sẽ bù đắp cho người sử dụng lao động một số chi phí đã phát sinh nhưng sẽ không cung cấp động lực từ bên ngoài để thúc đẩy thay đổi.

Chúng tôi cho rằng các Nghị định sắp tới nên đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho người sử dụng lao động áp dụng các chính sách phù hợp với Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145. Hơn nữa, cần sửa đổi quy định về cắt giảm thuế đối với các công ty sử dụng nhiều lao động nữ. Quy định này hiện chỉ áp dụng cho các công ty trong ngành sản xuất, xây dựng hoặc vận tải. Thay vào đó, quy định này nên được áp dụng cho tất cả các ngành ở Việt Nam. Cần nhấn mạnh vào việc khen thưởng các công ty đặt phụ nữ vào các vị trí quản lý cao nhất, vì số lượng phụ nữ nắm giữ các vị trí này ở Việt Nam vẫn không đáng kể. Thay vì sử dụng hạn ngạch dựa trên tổng số nhân viên nữ tại một công ty, chúng tôi cho rằng nên sử dụng hạn ngạch dựa trên số lượng nhân viên nữ ở các vị trí quản lý cấp cao. Trong tất cả các ngành nghề, nhân viên nữ thường tuy nhiều nhưng rất ít người nắm giữ vai trò quản lý chủ chốt. Cuối cùng, chúng tôi tin rằng giảm thuế theo một mức giảm cố định áp dụng cho doanh nghiệp có hơn một nửa đội ngũ quản lý cấp cao là nữ sẽ thúc đẩy doanh nghiệp tạo ra sự thay đổi thực sự. Ngoài ra, hỗ trợ chăm sóc trẻ em sẽ có tác động tích cực đến năng suất của lao động nam và đặc biệt là lao động nữ. Mặc dù Bộ luật Lao động và Nghị định 145 không quy định các ưu đãi thuế hoặc các khoản trợ cấp cụ thể, Chính phủ nên khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ chăm sóc trẻ em cho người lao động, từ đó tạo ra lợi ích kinh tế.⁷

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đưa ra các ưu đãi rõ ràng cho người sử dụng lao động áp dụng các chính sách phù hợp với Khoản 2 (a) Điều 79 của Nghị định 145 tro các nghị định sắp tới.
- Sửa đổi luật liên quan đến việc cắt giảm thuế cho các công ty có nhiều lao động nữ, xem xét mở rộng phạm vi các ngành nghề đủ điều kiện và tăng tỷ lệ phần trăm giảm thuế.
- Áp dụng hạn ngạch dựa trên số lượng lao động nữ ở các vị trí quản lý cấp cao thay vì tổng số lao động nữ.

2. Nên kéo dài thời gian nghỉ thai sản cho nam giới

Mô tả vấn đề

Theo Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, thời gian nghỉ sinh con của nam giới chỉ từ 5 đến 14 ngày làm việc.⁸ Ngược

5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thông tư 78).

6 Chi đào tạo nghề lại cho lao động nữ trong trường hợp có nhu cầu chuyển đổi nghề; lương và phụ cấp (nếu có) đối với giáo viên dạy tại nhà trẻ, trường mẫu giáo do doanh nghiệp tổ chức và quản lý; chi khám sức khỏe thêm trong năm như khám bệnh nghề nghiệp, bệnh mãn tính, phụ khoa cho lao động nữ; trợ cấp cho lao động nữ sau khi sinh con thứ nhất hoặc thứ hai; và phụ cấp làm thêm giờ cho lao động nữ trong trường hợp vì lý do khách quan mà lao động nữ không nghỉ sau khi sinh con hoặc không nghỉ cho con bú mà tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp được trả theo quy định hiện hành, kể cả trường hợp trả lương theo sản phẩm trong đó lao động nữ vẫn làm việc mà không nghỉ theo quy định.

7 IFC: Chăm sóc trẻ em: Lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp hỗ trợ người lao động chăm sóc trẻ em tại Việt Nam, tháng 8 năm 2020. Xem tại: <https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/e401b5eb-e38d-48d7-a4f2-2c10380ded49/Final_IFC_Childcare_Vietnam_Summary_Web.pdf?MOD=AJPERES&CVID=nkwDTbj>, truy cập lần cuối ngày 6 tháng 10 năm 2023.

8 Điều 34.2 Luật số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về Bình đẳng giới (Luật Bình đẳng giới)

lại, phụ nữ được nghỉ thai sản tối thiểu sáu tháng.⁹ Phụ nữ có thời gian nghỉ thai sản dài là điều đáng khích lệ, tuy nhiên việc nam giới chỉ được nghỉ trong thời gian ngắn là điều đáng tiếc vì điều này không chỉ hạn chế cơ hội thiết lập mối liên hệ cá nhân với con trẻ mà còn gây ra tác động xã hội. Thời gian nghỉ chênh lệch giữa nam và nữ làm trầm trọng thêm chênh lệch lương theo giới khi người sử dụng lao động có xu hướng tuyển dụng nam giới hơn là phụ nữ do phụ nữ trẻ có nguy cơ nghỉ thai sản dài ngày trong khi nam giới thì không; thay vào đó, thời gian nghỉ theo luật định của nam giới chỉ tương đương với một kỳ nghỉ ngắn ngày. Một tác động tiêu cực khác bắt nguồn từ chênh lệch trong thời gian nghỉ thai sản là phụ nữ sẽ hình thành mối liên kết chặt chẽ hơn với con cái và thậm chí là trong nhiều năm sau họ vẫn đảm nhận vai trò của người chăm sóc chính trong khi người cha chỉ đóng vai trò thứ yếu trong việc chăm sóc con cái. Điều này thường có nghĩa là người mẹ đảm nhận nhiều trách nhiệm chăm sóc gia đình hơn, làm hạn chế khả năng theo đuổi sự nghiệp.

Một số nghiên cứu đã phát hiện ra mối quan hệ trực tiếp giữa việc giảm chênh lệch tiền lương theo giới và thực thi chính sách nghỉ sinh con cho người cha, trong đó kéo dài thời gian nghỉ cho nam giới trên cơ sở “dùng hoặc mất”. Ví dụ, Iceland đã ban hành Đạo luật Iceland (2000) về nghỉ thai sản và nghỉ phép của cha mẹ vào năm 2000, trong đó quy định cả cha và mẹ được nghỉ phép 3 tháng và sau đó có thêm 3 tháng thay phiên nhau nghỉ theo cách mà họ thấy là phù hợp. Với các chính sách như vậy, chênh lệch tiền lương theo giới đã giảm đáng kể. Thực tế các loại chính sách này đã tạo ra một nền tảng công bằng hơn trong tuyển dụng, cho phép phụ nữ có cơ hội trở lại làm việc sớm hơn, và nhìn chung tạo ra một môi trường gia đình nơi trách nhiệm nuôi dạy con cái được chia sẻ bình đẳng giữa người cha và người mẹ khi cả hai cùng đi làm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tổng cục Thống kê Việt Nam (TCTK) ước tính chênh lệch lương theo giới ở Việt Nam trung bình ở mức 29,5%; trong đó mức chênh lệch là 21,5% ở thành thị và 35,2% ở nông thôn.¹⁰ Thay đổi chính sách, chẳng hạn như kéo dài thời gian nghỉ thai sản cho người cha, có thể có tác động đáng kể. Việt Nam cần ưu tiên giảm chênh lệch lương theo giới, xem xét các nghĩa vụ của quốc gia trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong khuôn khổ EVFTA.

Ngoài việc giảm chênh lệch lương theo giới, kéo dài thời gian nghỉ thai sản cũng có lợi cho sự phát triển của trẻ, vì việc con cái có mối quan hệ bền chặt với người cha là điều rất tích cực. Người cha cũng sẽ được hưởng lợi vì họ sẽ có cơ hội xây dựng mối quan hệ bền chặt với con mình.

Khuyến nghị

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị sau:

- Tăng thời gian nghỉ thai sản cho người cha lên một tháng trong Luật Bảo hiểm xã hội mới là một bước tiến hướng đến chính sách phân chia thời gian nghỉ thai sản bình đẳng hơn giữa người cha và người mẹ.

II. ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM

Cơ quan liên quan: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHCN)

1. Khuyến khích phụ nữ và trẻ em gái khởi nghiệp trong các ngành công nghệ và đổi mới

Mô tả vấn đề

Các quốc gia trên thế giới đang phát triển theo hướng chuyển đổi số. Đến năm 2050, 75% việc làm sẽ thuộc các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học (STEM).¹¹ Mặc dù mang lại nhiều cơ hội, chuyển đổi số cũng

9 Điều 34.1 Luật Bảo hiểm xã hội.

10 “Bảo cáo: Phụ nữ Việt Nam tiếp tục bị trả lương thấp hơn, đối mặt với sự phân biệt đối xử”, ngày 28 tháng 10 năm 2021, Vietnam Express. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/news/vietnamese-women-continue-to-get-less-pay-face-discrimination-report-4378415.html>>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

11 “DigitALL: Đổi mới và công nghệ vì bình đẳng giới ở Việt Nam”, Khuyến nghị chính sách, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, tháng 2 năm 2023. Xem tại: <<https://vietnam.un.org/en/221387-policy-brief-digital-innovation-and-technology-gender-equality-viet-nam>> (Khuyến nghị chính sách của Liên Hợp Quốc), truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

có nguy cơ làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng hiện có giữa nam và nữ. Hiện nay, 80% lao động nữ tại Việt Nam có tay nghề thấp hoặc thiếu kỹ năng.¹² Đây là những loại công việc dễ bị thay thế nhất bởi tự động hóa, và một nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế cho thấy phụ nữ có nguy cơ bị máy móc thay thế cao gấp 2,4 lần so với nam giới.¹³ Liên Hợp Quốc dự đoán mỗi việc làm có được nhờ Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ khiến phụ nữ mất đi 5 việc làm, trong khi nam giới chỉ mất đi 3 việc làm.

Đồng thời, trẻ em gái và phụ nữ chiếm tỷ lệ rất thấp trong các chương trình giáo dục và ngành nghề STEM. Phụ nữ chỉ chiếm 36,5% số sinh viên tốt nghiệp đại học trong các lĩnh vực STEM,¹⁴ và một nghiên cứu khác cho thấy phụ nữ chỉ chiếm 11% sinh viên theo học lĩnh vực công nghệ thông tin.¹⁵ Đổi mới và công nghệ là hai lĩnh vực có sự mất cân bằng giới tính lớn nhất trong tất cả các lĩnh vực, trong đó phụ nữ chỉ chiếm 37% lực lượng lao động.¹⁶ Hơn nữa, trong số 37% này, phần lớn phụ nữ không làm các công việc về kỹ thuật như phát triển phần mềm mà thay vào đó thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ như thử nghiệm, tiếp thị, bán hàng, hành chính và nhân sự.¹⁷ Với thực trạng tham gia của phụ nữ vào lĩnh vực STEM như hiện nay, phụ nữ sẽ bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số của Việt Nam và bị loại khỏi những công việc danh giá và được trả lương cao trong tương lai.

Chính phủ Việt Nam đã áp dụng công nghệ số hóa và đang vạch ra lộ trình hướng tới tương lai của Việt Nam thông qua một số văn bản chính sách quan trọng như:

- Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư);
- Chiến lược quốc gia về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số); và
- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

Tuy nhiên, các văn bản chính sách này cũng như quy định về thực thi chính sách đều không đưa ra góp ý hay tập trung vào khía cạnh giới. Theo đó, chúng tôi kiến nghị Chính phủ làm rõ bản chất của Điều 15 Luật Bình đẳng giới quy định nam giới và phụ nữ có quyền tiếp cận như nhau với khoa học công nghệ và đào tạo trong các lĩnh vực này. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ xem xét các rào cản đối với phụ nữ và trẻ em gái trong việc tiếp cận các lĩnh vực này do định kiến giới trong xã hội và trong ngành giáo dục, đồng thời đưa ra các chính sách giúp phụ nữ và trẻ em gái vượt qua những rào cản này và tham gia lực lượng lao động trong tương lai.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thành công của Chính phủ Việt Nam trong việc khuyến khích nhiều phụ nữ hơn tham gia vào lĩnh vực công nghệ có thể dẫn đến nhiều đổi mới công nghệ hơn vì nghiên cứu cho thấy các nhóm đa dạng tạo ra sự đổi mới.¹⁸ Hơn nữa, các nghiên cứu đã chứng minh rằng việc khuyến khích phụ nữ vào lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghệ sẽ bổ sung cho nam giới – khi đó mức tăng năng suất sẽ lớn hơn mức tăng năng suất có thể đạt được với lực lượng lao động chỉ toàn nam giới. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nhận thấy, đối với các quốc gia thuộc nửa bên dưới trong mẫu nghiên cứu của IMF về bình đẳng giới, nếu khoảng cách giới được thu hẹp, GDP có thể tăng trung bình 35%.¹⁹ Những lợi thế đạt được về đổi mới và năng suất nhờ tạo ra một lực lượng lao động toàn diện sẽ giúp Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung vào sản xuất sang nền kinh tế dựa trên đổi mới và công nghệ.

12 Khuyến nghị chính sách của Liên Hợp Quốc.

13 "Sinh Viên Nữ Trong Khối Ngành Stem Trên Thế Giới và Việt Nam - Thực Trạng và Bài Học", Tạp Chí Công Thương, ngày 17 tháng 9 năm 2021. Xem tại: <<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/sinh-vien-nu-trongkhoi-nganh-stem-tren-the-gioi-va-viet-nam-thuctrang-va-bai-hoc-83675.htm>> (Sinh viên nữ ngành STEM), truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

14 Khuyến nghị chính sách của Liên Hợp Quốc.

15 Báo cáo thị trường nhân lực ngành công nghệ thông tin năm 2020 của VietnamWorks InTECH, trích dẫn trong Sinh viên nữ ngành STEM.

16 Khuyến nghị chính sách của Liên Hợp Quốc.

17 "Bình đẳng giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức", Lao Động & Xã Hội, ngày 3 tháng 3 năm 2023. Xem tại: <[http://laodongxahoi.net/gender-equality-in-digital-transformation-in-vietnam-opportunities-and-challenges-1326472.html#:~:text=In%20recent%20years%2C%20women%20have,of%20the%20world%20\(25%25\)>](http://laodongxahoi.net/gender-equality-in-digital-transformation-in-vietnam-opportunities-and-challenges-1326472.html#:~:text=In%20recent%20years%2C%20women%20have,of%20the%20world%20(25%25)>)>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

18 "Lợi ích kinh tế từ hòa nhập giới: Thậm chí còn lớn hơn bạn nghĩ", Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), 2018. Xem tại: <https://www.imf.org/en/Blogs/Articles/2018/11/28/blog-economic-gains-from-gender-inclusion-even-greater-than-you-thought>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 10 năm 2023.

19 Đã dẫn.

Mặt khác, nếu tỷ lệ nữ giới tiếp tục chiếm phần trăm thấp trong các chương trình giáo dục và nghề nghiệp STEM, khoảng cách lương giữa các giới sẽ ngày càng gia tăng và phụ nữ sẽ càng bị thiệt thòi. Như đã đề cập ở trên, hiện nay phần lớn lực lượng lao động nữ đang làm những công việc đòi hỏi tay nghề thấp, là những công việc đầu tiên sẽ bị thay thế bằng tự động hóa trong Cách mạng Công nghiệp 4.0. Quá trình đổi mới ở Việt Nam vì thế cũng sẽ không phát huy hết tiềm năng.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Thu thập dữ liệu về sự tham gia của phụ nữ vào các chương trình giáo dục và nghề nghiệp STEM để đảm bảo Chính phủ có nhận thức chính xác về khoảng cách giới thực tế trong lĩnh vực STEM.
- Khi ban hành các chính sách trong tương lai liên quan đến số hóa và hiện đại hóa của Việt Nam hoặc sửa đổi các chính sách hiện có, cần đảm bảo giải quyết được vấn đề thiếu nữ giới trong lĩnh vực STEM và lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Ban hành luật thực thi các chính sách quốc gia về số hóa và hiện đại hóa, bao gồm các biện pháp có thời hạn, cụ thể và có thể đo lường được để khuyến khích phụ nữ tham gia nhiều hơn.
- Bộ GD&ĐT nên hợp tác với các bên liên quan như các công ty công nghệ và các nhà đầu tư tiềm năng để xác định hướng đi cụ thể cho giáo dục STEM, đảm bảo chất lượng đào tạo và đảm bảo học sinh được dạy những kỹ năng thực sự cần thiết, cũng như xóa bỏ các chuẩn mực xã hội mang tính tiêu cực và các khuôn mẫu giới vốn thường ngăn cản trẻ em gái theo đuổi các ngành học STEM ngay từ khi còn nhỏ.
- Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTBXH nên xây dựng các chương trình dạy nghề nhằm bồi dưỡng và nâng cao tay nghề của lao động nữ theo hướng số hóa, đặc biệt là những ngành có khả năng bị thay thế bằng tự động hóa.
- Triển khai các chiến dịch, hoạt động truyền cảm hứng nhằm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò của phụ nữ trong các ngành nghề STEM.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Phụ nữ trong Kinh doanh thuộc EuroCham



CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ LÀM ĐẸP.

CHƯƠNG 14 DƯỢC PHẨM

TỔNG QUAN

Pharma Group đại diện cho tiếng nói của ngành Dược phẩm phát minh tại Việt Nam, với 22 công ty thành viên cùng chung sứ mệnh đảm bảo người bệnh Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững đến các thuốc phát minh an toàn, chất lượng cao.

Hoạt động dựa trên khoa học, nghiên cứu, chúng tôi tin tưởng vào sức mạnh của phát minh và đổi mới sáng tạo trong việc góp phần giải quyết các thách thức mà hệ thống y tế đang phải đối mặt cũng như góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chúng tôi nhiệt liệt ủng hộ các mục tiêu phát triển của ngành Dược phẩm Việt Nam được đặt ra tại Nghị quyết 20,¹ Nghị quyết 29,² Nghị quyết 36,³ và gần đây nhất là Quyết định 1165⁴ phê duyệt Chiến lược Quốc gia Phát triển Ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Để hiện thực hóa tầm nhìn nêu trên, ở chương này, chúng tôi đóng góp một số đề xuất liên quan đến ba trụ cột then chốt:

- Cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh đến các thuốc mới, thuốc phát minh;
- Tăng cường áp dụng các chính sách Tài chính Y tế bền vững, hỗ trợ phát minh;
- Triển khai các cơ chế khuyến khích phát triển Hệ sinh thái Dược Phát minh.

2024 sẽ là một năm then chốt với việc rà soát, sửa đổi các luật và quy định quan trọng định hình hoạt động của ngành dược trong một thập kỷ tới đây. Chúng tôi hy vọng các đề xuất tại chương này có thể hỗ trợ công tác hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, dữ liệu, củng cố thêm các minh chứng cho việc đầu tư vào và các can thiệp đẩy mạnh đầu tư vào một hệ thống y tế bền vững và kiến tạo một hệ sinh thái thuận lợi thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tiếp nối 25 năm tại Việt Nam, Pharma Group giữ vững cam kết đồng hành cùng Chính phủ, các cơ quan ban ngành và đối tác trong hệ thống y tế hướng tới mục tiêu chung: một Việt Nam khỏe mạnh và phồn vinh.

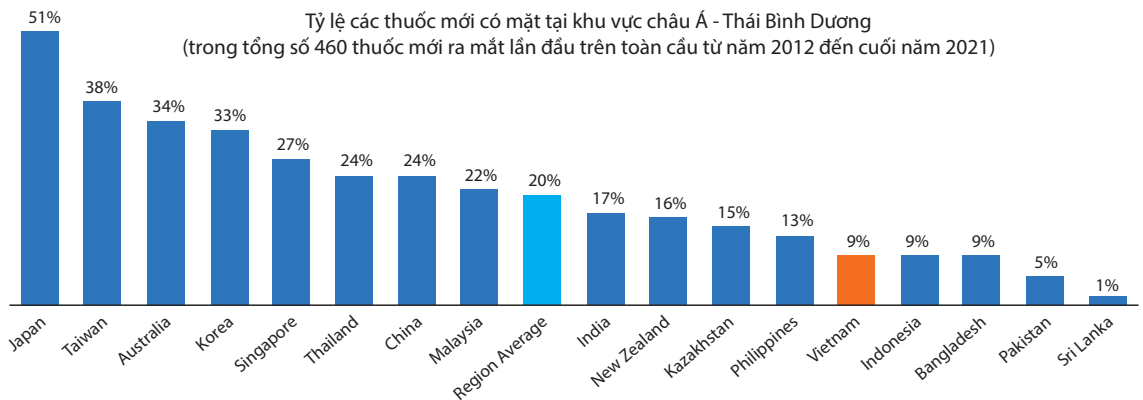
I. CẢI THIỆN KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA NGƯỜI BỆNH ĐẾN CÁC THUỐC MỚI, THUỐC PHÁT MINH

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT)

Mô tả vấn đề

Mọi thuốc mới được đưa ra thị trường đều là kết quả của một quá trình nghiên cứu phát triển kéo dài, tốn kém và nhiều rủi ro do các công ty dược thực hiện. Tính từ lần đầu tiên một hoạt chất mới được tổng hợp đến thời điểm đưa một thuốc mới đến được tay người bệnh, trung bình mất 12-13 năm, với chi phí đầu tư ước tính 2 tỷ Đô-la Mỹ. Bình quân, trong 10,000 hoạt chất được tổng hợp trong phòng thí nghiệm, chỉ có 1-2 hoạt chất thành công vượt qua mọi giai đoạn của quá trình nghiên cứu và phát triển (R&D) để trở thành một sản phẩm có thể đưa ra thị trường.⁵ Trong bối cảnh các thách thức về sức khỏe toàn cầu ngày càng gia tăng, yêu cầu cấp thiết đặt ra cho

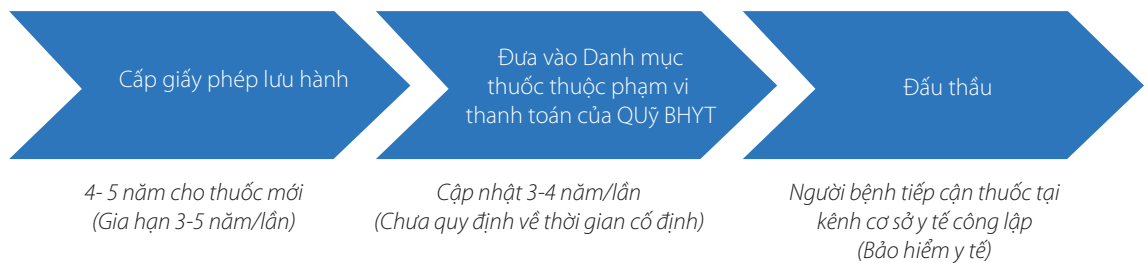
1 Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (Nghị quyết 20).
2 Nghị quyết 29 - NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 29).
3 Nghị quyết 36 – NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (Nghị quyết 36).
4 Quyết định 1165/QĐ-TTg ngày 9 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định 1165).
5 “Ngành công nghiệp dược phẩm qua các số liệu” (The Pharmaceutical Industry in Figures), EFPIA, European Federation of Pharmaceutical Industries and Associations, 20 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <<https://www.efpia.eu/media/rm4kzdlx/the-pharmaceutical-industry-in-figures-2023.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 12 năm 2023.

Hình: Trong năm 2022: 9% thuốc mới có mặt tại Việt Nam (Nguồn: PhRMA, 2022)

Thông qua việc sửa đổi các luật và các quy định quan trọng sắp được triển khai trong thời gian tới đây, bao gồm Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế, Việt Nam có cơ hội cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh đến các thuốc phát minh. Ngoài những lợi ích trực tiếp đối với từng cá nhân người bệnh, việc gia tăng khả năng tiếp cận thuốc còn mang tới những lợi ích xã hội dài hạn – người dân sống thọ hơn, khỏe hơn và năng suất lao động cao hơn, đóng góp cho nền kinh tế và góp phần giảm bớt gánh nặng cho người chăm sóc. Việc có sẵn thuốc mới để phục vụ người bệnh còn đem lại lợi ích cho Việt Nam trong dài hạn, khi Việt Nam đặt mục tiêu trở thành một điểm đến cho du lịch khám chữa bệnh trong khu vực.

Theo quan điểm của chúng tôi, nhiều thách thức hiện tại có thể được giải quyết thông qua chính sách và cam kết triển khai từ tất cả các bên liên quan.

Các nội dung kiến nghị của chúng tôi tập trung vào việc đẩy nhanh khả năng tiếp cận thuốc cho người bệnh, bao gồm đề xuất đẩy nhanh quy trình phê duyệt và cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc để thuốc có thể đến tay người bệnh khi họ cần, tại bất cứ thời điểm nào và ở bất cứ đâu.



Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trung bình, sau khi đã được (các) cơ quan quản lý dược nghiêm ngặt phê duyệt cho lưu hành trên thị trường, một thuốc mới phát minh phải mất 8-9 năm mới có thể đến được tay người bệnh tại Việt Nam thông qua cơ chế bảo hiểm y tế công, bao gồm: 4-5 năm xin cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam, và 3-4 năm để thuốc được xem xét đưa vào Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT.

Trong suốt vòng đời của sản phẩm, những chậm trễ trong phê duyệt khi có thay đổi hoặc trong việc gia hạn giấy đăng ký lưu hành có thể dẫn đến tình trạng gián đoạn nguồn cung và thiếu thuốc như đã thấy trong những năm gần đây. Các đối sách khẩn cấp được Quốc hội thông qua trong các Nghị quyết gần đây⁷ đã giúp giải quyết tạm thời tình trạng thiếu thuốc. Tuy nhiên, hàng ngàn hồ sơ chờ phê duyệt vẫn đang tồn đọng, và cần có những giải pháp căn cơ dài hạn để xử lý triệt để vấn đề này.

⁷ Gần đây nhất là Nghị quyết 80/2023/QH15 ngày 9 tháng 1 năm 2023 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Theo khảo sát nội bộ các công ty thành viên của Pharma Group, hiện có 76 thuốc mới thuộc 13 lĩnh vực điều trị, bao gồm ung thư, tim mạch... và các thuốc cứu mạng người bệnh đang chờ được cập nhật vào Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT.

Mỗi năm, người bệnh Việt Nam chi xấp xỉ 2 tỷ Đô-la Mỹ cho du lịch khám, chữa bệnh ở nước ngoài để được tiếp cận các giải pháp điều trị tiên tiến chưa có tại nước nhà.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Đẩy nhanh quy trình đưa các thuốc mới có mặt trên thị trường bằng việc rút ngắn thời gian phê duyệt hồ sơ đăng ký và cấp giấy đăng ký lưu hành (sửa đổi, bổ sung Luật Dược)
 - a. **Áp dụng Cơ chế tham chiếu:** được khuyến nghị bởi Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organisation - WHO), cho phép Cơ quan Quản lý Quốc gia tham khảo và sử dụng kết quả của các cơ quan quản lý được tin cậy khác để đưa ra quyết định cấp phép của mình. Cơ chế này có thể góp phần giảm bớt khối lượng công việc của các cơ quan quản lý trong nước và tối ưu hoá nguồn lực cho các nhiệm vụ cần ưu tiên. Chúng tôi đặc biệt kiến nghị áp dụng cơ chế này tại Việt Nam để đẩy nhanh tốc độ phê duyệt và cấp giấy đăng ký lưu hành cho các thuốc mới, các thay đổi, bổ sung sau khi thuốc đã được phê duyệt, và kiểm định xuất xưởng của vắc-xin, để đảm bảo người bệnh được tiếp cận nhanh chóng, kịp thời đến các thuốc mới mà vẫn đảm bảo chất lượng, độ an toàn và hiệu quả điều trị của thuốc, đồng thời duy trì tính độc lập khi đưa ra quyết định của cơ quan quản lý tại Việt Nam..
- Ngăn ngừa nguy cơ thiếu thuốc bằng cách giảm bớt các rào cản hành chính và hài hòa công tác quản lý được (sửa đổi, bổ sung Luật Dược)
 - a. **Gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành:** về cơ bản đây là một quy trình thủ tục hành chính và cần được cắt giảm theo Quyết định 1661⁸ năm 2021. Việc gia hạn giấy đăng ký lưu hành nên được thực hiện tự động để giảm bớt khối lượng công việc cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan quản lý, và quan trọng nhất là để tránh gây đứt gãy nguồn cung như đã thấy qua thực tế những năm gần đây.
 - b. **Cần có giải pháp chuyển tiếp ngay từ cuối năm 2024** để tiếp tục duy trì hiệu lực của hàng ngàn giấy đăng ký lưu hành thuốc đã được cho phép tiếp tục sử dụng đến cuối năm 2024 theo Nghị quyết số 80 ngày 9 tháng 1 năm 2023 của Quốc hội, trong trường hợp hồ sơ gia hạn chưa được thẩm định kịp thời và cơ chế tự động gia hạn như trên chưa đi vào hiệu lực.
 - c. **Thay đổi địa chỉ cơ sở sản xuất sau khi thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành** cần được xếp nhóm Thay đổi Lớn để hài hòa với Hướng dẫn của ASEAN về các thay đổi trong đăng ký thuốc, thay vì yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký mới như quy định của Luật Dược hiện hành, nhằm giảm đáng kể gánh nặng hành chính và rút ngắn thời gian phê duyệt.
- **Cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh đến thuốc mới tại các cơ sở y tế công lập bằng cách kịp thời xét duyệt, bổ sung thuốc vào Danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế** (theo Thông tư về Danh mục thuốc thuộc phạm vi chi trả của Quỹ bảo hiểm y tế)
 - a. **Ban hành Danh mục cập nhật thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong năm 2024** để bổ sung các thuốc và chỉ định mới, sau 5 năm trì hoãn.
 - b. **Cho phép cập nhật thường xuyên Danh mục cập nhật thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế.** Quy trình cập nhật Danh mục nên được triển khai ít nhất mỗi năm một lần, phù hợp với định hướng của Chính phủ⁹ để đảm bảo người bệnh được tiếp cận nhanh hơn và công bằng hơn đến những tiến bộ trong giải pháp điều trị, và góp phần giảm tỉ lệ chi tiền túi của hộ gia đình cho dịch vụ khám, chữa bệnh, theo Nghị quyết 20.
- c. Quy trình đề xuất thuốc đưa vào Danh mục cập nhật thuốc thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y

⁸ Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 4 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế (Quyết định 1661).

⁹ Công văn 294/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 23 tháng 9 năm 2022 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam tại cuộc họp về thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước và việc tiếp cận sớm các loại thuốc mới (Công văn 294).

tế có thể được triển khai tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký lưu hành. Cho phép đơn vị sở hữu giấy đăng ký lưu hành sản phẩm, nhà sản xuất, hoặc đơn vị được ủy quyền trực tiếp tham gia cung cấp thông tin liên quan đến sản phẩm trong quá trình nộp hồ sơ đưa thuốc vào Danh mục để đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, dựa trên căn cứ khoa học, và minh bạch.

- d. Yêu cầu thực hiện Đánh giá Công nghệ Y tế (HTA) nên được cân nhắc thận trọng trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay, bởi việc xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyên môn liên quan sẽ cần thời gian để đảm bảo chất lượng, hiệu suất và sự minh bạch cần thiết. Chúng tôi kiến nghị áp dụng cách tiếp cận linh hoạt đối với vấn đề Đánh giá Công nghệ Y tế, theo đó bằng chứng về hiệu quả - chi phí chỉ nên có ý nghĩa tham khảo thay vì đóng vai trò quyết định.
- Đảm bảo người bệnh tại các cơ sở y tế công lập được tiếp cận thuốc phát minh một cách ổn định (Quy định về đấu thầu)
 - a. Đảm bảo tính ổn định của các chính sách đấu thầu mua sắm bằng cách duy trì gói thầu thuốc biệt dược gốc và bằng cách triển khai hiệu quả cơ chế đàm phán giá nhằm đảm bảo người bệnh không ngừng được tiếp cận các phương thức điều trị chất lượng cao nhất và đảm bảo môi trường đầu tư bền vững, có khả năng dự báo cho các doanh nghiệp.
- Đảm bảo luôn có sẵn thuốc tại cơ sở y tế công lập trong trường hợp người bệnh có nhu cầu tự chi trả (Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu)
 - a. Ban hành hướng dẫn chi tiết cho các cơ sở y tế để đấu thầu mua sắm hiệu quả các thuốc không thuộc phạm vi được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, và các vắc-xin dịch vụ theo yêu cầu, để giải quyết một lỗ hổng lớn tồn đọng từ lâu, đó là việc người bệnh tại các bệnh viện công có nhu cầu và khả năng chi trả nhưng vẫn không thể sử dụng thuốc¹⁰ theo yêu cầu.

II. TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH Y TẾ BỀN VỮNG, HỖ TRỢ PHÁT MINH

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH)

Mô tả vấn đề

Tại Việt Nam, cứ 100 giường bệnh thì có 95 giường bệnh thuộc các cơ sở y tế công lập. Điều này cho thấy vai trò then chốt của Bảo hiểm Y tế (BHYT) trong lĩnh vực y tế công cộng quốc gia. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã và đang gia tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân (UHC), đạt tỷ lệ gần 93% so với mục tiêu đến năm 2025 là 95%.

Tuy nhiên, đảm bảo tính bền vững của Quỹ BHYT vẫn là một thách thức lớn, khi dân số đang già hóa nhanh chóng và nhu cầu về các giải pháp điều trị tiên tiến đang ngày một tăng cao. Có thể kể đến một số vấn đề như:

- Khó khăn trong việc duy trì tỷ lệ người dân tham gia BHYT công để đạt mục tiêu về bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2025, đồng thời đảm bảo tính bền vững của Quỹ BHYT do tiềm ẩn rủi ro “lựa chọn ngược” khi người dân chỉ tham gia BHYT khi có nhu cầu khám chữa bệnh, hoặc người dân dừng tham gia bảo hiểm y tế công để lựa chọn các hình thức khác như bảo hiểm y tế tư nhân, tự chi trả...
- Mặt khác, tỷ lệ chi tiền túi của người dân Việt Nam chiếm trên 40% tổng chi cho y tế, và dự kiến đạt 55% đến năm 2025. Con số này cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ khuyến nghị của WHO và các nước ASEAN khác như Thái Lan, Malaysia, Indonesia.

¹⁰ Thuốc là chế phẩm có chứa dược chất hoặc dược liệu dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh, điều trị bệnh, giảm nhẹ bệnh, điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể người bao gồm thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vắc xin và sinh phẩm – theo Khoản 2, Điều 2, Luật số 105/2016/QH13 (“Luật Dược”) và tham chiếu phát biểu kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại hội nghị cung ứng thuốc cho các bệnh viện nêu trong Thông báo 275/TB-VPCP ngày 2 tháng 8 năm 2018.

Thông qua hoạt động đối thoại trong thời gian qua, ngành dược vô cùng phấn khởi trước lộ trình cải cách tài chính y tế của Chính phủ thông qua việc sửa đổi Luật Bảo hiểm Y tế, nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết 20 đến năm 2025, trong đó bao gồm hai mục tiêu chính: (i) cải thiện khả năng tiếp cận đến dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng; và (ii) giảm chi từ tiền túi của người dân. Đầu tư cho các giải pháp đổi mới sáng tạo và chủ động tích cực cải cách các chính sách tài chính y tế là nhiệm vụ then chốt để tìm ra hướng đi cho quá trình chuyển dịch trở thành một quốc gia thu nhập trung bình với dân số già hóa và đảm bảo y tế cho người dân Việt Nam trong tương lai.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trên toàn cầu, chiến lược để đạt đến bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân được đánh dấu bởi những biện pháp can thiệp đổi mới sáng tạo tăng mạnh trong thời gian qua với mục tiêu kéo dài tuổi thọ, cải thiện chất lượng sống và các lựa chọn về chẩn đoán và điều trị, đồng thời tăng cường hiệu suất và hiệu quả - chi phí của các hệ thống y tế.

Trong bối cảnh của Việt Nam, do thời gian chờ tiếp cận thuốc kéo dài như đã nêu trên, cộng với nhu cầu gia tăng về các tiến bộ điều trị mới, việc tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động và khả năng tiếp cận phát minh càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Việc thiết lập các chính sách tài chính y tế tập trung cải thiện khả năng tiếp cận đến các phát minh và sáng kiến đổi mới, sáng tạo, đồng thời đa dạng hóa các gói bảo hiểm để cung cấp cho người dân nhiều lựa chọn hơn, có tác dụng tăng cường sức hấp dẫn của bảo hiểm y tế và góp phần giảm gánh nặng cho Quỹ BHYT. Hơn nữa, điều này cũng sẽ góp phần duy trì bền vững việc người dân tham gia BHYT, từ đó giảm tỷ lệ chi tiền túi của các hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe xuống còn 35% đến năm 2025 và 30% đến năm 2030.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- Quy định Gói BHYT Bổ sung (sửa đổi Luật BHYT): nhằm đa dạng hóa các gói BHYT, cho phép người dân được lựa chọn và giảm gánh nặng cho Chính phủ liên quan đến Quỹ BHYT, phù hợp với định hướng của Nghị quyết 20/NQ-TW.
- Xây dựng các cơ chế tài chính y tế mới: bao gồm các mô hình tính giá mới như Thỏa thuận Tiếp cận Thị trường (MEA) thiết kế phù hợp với bối cảnh của Việt Nam nhằm đẩy nhanh khả năng tiếp cận của người bệnh, đồng thời tạo cơ chế thỏa đáng để khuyến khích đổi mới sáng tạo; xem xét hỗ trợ các cơ chế mới dựa trên kinh nghiệm quốc tế (bao gồm cơ chế tài chính và phi tài chính) như cơ chế chuyển nguồn thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các sản phẩm có hại cho sức khỏe (như đồ uống có cồn, thuốc lá) cho Quỹ BHYT; mở rộng và khuyến khích triển khai các chương trình hỗ trợ thuốc cho người bệnh....
- Tận dụng dữ liệu y tế để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững: Quy định các hình thức liên kết, hợp tác, và trao đổi dữ liệu giữa bảo hiểm y tế công lập với các đơn vị kinh doanh bảo hiểm y tế thương mại. Xem xét giao Chính phủ ban hành quy định hướng dẫn triển khai thực hiện.

III. TRIỂN KHAI CÁC CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI DƯỢC PHÁT MINH

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Kế hoạch & Đầu tư (BKHT), Bộ Khoa học & Công nghệ (BKHCN), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Việt Nam đặt khát vọng trở thành một trong những nước

"Chiến lược rất quan trọng, nhưng triển khai mới chính là chìa khóa cho thành công. Trước tiên và quan trọng nhất, cần kiến tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho nhà đầu tư thông qua các chính sách thuế hấp dẫn, hạ tầng tốt, quy định ổn định để bảo hộ sở hữu trí tuệ và phát triển sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đi tắt, đón đầu, duy trì kết nối với Doanh nghiệp, và sở hữu nền tảng kiến thức về ngành sẽ giúp mở ra những cánh cửa phát triển ngay từ sơ khởi."

Bà Mary Harney, nguyên Phó Thủ tướng, nguyên Bộ trưởng Y tế & Trẻ em Cộng Hoà Ai-Len, phát biểu tại Diễn đàn Đổi mới, Sáng tạo trong lĩnh vực Y tế do EuroCham Pharma Group tổ chức ngày 18 tháng 10 năm 2023.

dẫn đầu khu vực về thử nghiệm, nghiên cứu và sản xuất thuốc chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2045 đóng góp trên 20 tỷ Đô-la Mỹ cho GDP cả nước. Cách tiếp cận mới để phát triển ngành dược (nêu tại Nghị quyết 29 và Quyết định 1165) chú trọng đổi mới sáng tạo, tiến bộ công nghệ và chuyển đổi số, coi đây là động lực then chốt để thành công, sẽ giúp Việt Nam phát triển và đưa ngành dược lên một tầm cao mới.

Trong một kỷ nguyên khi các quốc gia, bao gồm các nền kinh tế tiên tiến dẫn đầu thế giới về sản phẩm dịch vụ y tế, đều đang cạnh tranh để tăng cường sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dược, nhiệm vụ trọng yếu đối với Việt Nam là cần phát huy thế mạnh, kiến tạo những điều kiện phù hợp và cần thiết để thành công, và phát triển lợi thế cạnh tranh một cách có ý nghĩa.

Báo cáo Xây dựng Nền Kinh tế Sinh học¹¹, dựa trên nghiên cứu các chiến lược quốc gia, các hệ thống đổi mới sáng tạo, các chính sách công nghệ sinh học và tiến trình phát triển ngành tại 44 quốc gia, đã nêu ra 7 yếu tố then chốt tạo điều kiện để xây dựng một ngành đổi mới sáng tạo. Đó là: Nguồn vốn nhân lực, hạ tầng cho nghiên cứu và phát triển (R&D), bảo hộ sở hữu trí tuệ, môi trường chính sách và luật định, chuyển giao công nghệ, cơ chế khuyến khích thị trường và thương mại, và sự ổn định chắc chắn về pháp lý (bao gồm pháp quyền).

Thiết lập các điều kiện phù hợp và một tập hợp các chính sách toàn diện, tiên tiến có thể góp phần biến tham vọng thành các kết quả thực tiễn. Một trong những ví dụ thiết thực chính là sự phát triển lớn mạnh của ngành dược tại Cộng hòa Ai-len. Từ một nước nông nghiệp với xuất phát điểm thấp nhất trong Liên minh châu Âu (EU), Ai-len đã chuyển mình để trở thành một nền kinh tế với kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm khoa học đời sống đạt 100 tỷ Đô-la Mỹ tính đến thời điểm hiện tại. Quốc gia này hiện là thị trường dược lớn nhất EU, với kim ngạch xuất khẩu dược phẩm chiếm trên 50% tổng giá trị xuất khẩu ròng. Ai-len đạt được vị thế quốc gia xuất khẩu dược phẩm lớn nhất thế giới vào năm 2020, với sự hiện diện của 10 trong số 20 tập đoàn dược và sinh học lớn nhất thế giới. Ngoài ra, việc chính phủ Ai-len liên tục hỗ trợ thông qua chính sách và các cơ chế khuyến khích, cộng với các yếu tố thuận lợi như thuế thu nhập doanh nghiệp thấp, ưu đãi thuế cho nghiên cứu và phát triển (R&D), và bảo hộ sở hữu trí tuệ, càng làm tăng sức hấp dẫn của ngành dược tại quốc gia này.

Theo quan điểm của Pharma Group, Việt Nam có rất nhiều tiềm năng và cơ hội để trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo y tế tại khu vực sắp tới đây, với các hoạt động kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng, nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, từ đó tăng cường khả năng kiến tạo một ngành dược phát triển sôi động dựa trên đổi mới sáng tạo và tạo ra hiệu ứng lan tỏa đến các ngành khác.

Theo quan điểm của chúng tôi, mấu chốt để bắt đầu cho Việt Nam chính là giải quyết được những vấn đề trọng yếu hiện tại liên quan đến tiếp cận thị trường, tạo môi trường hỗ trợ nhiều hơn cho doanh nghiệp, và thiết lập các cơ chế chính sách gắn liền với tiếp cận thị trường để thu hút và duy trì đầu tư bền vững. Phần lớn các mục tiêu này đều có thể đạt được thông qua việc sửa đổi Luật Dược đang trong quá trình triển khai và sẽ được Quốc hội thông qua trong thời gian tới.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Đổi mới sáng tạo trong y tế không chỉ là vấn đề phát triển ngành, mà còn gắn liền với các lợi ích xã hội mang lại cho người bệnh nói riêng và người dân nói chung.
- Nâng tầm năng lực cạnh tranh của Việt Nam so với các thị trường mới nổi khác.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin được khuyến nghị như sau:

- **Các điều kiện hỗ trợ** (sửa Luật Dược)
 - a. Cho phép Doanh nghiệp có vốn Đầu tư Nước ngoài có quyền nhập khẩu dược phẩm (Doanh nghiệp Nhập khẩu FIE) được vận hành pháp nhân một cách hiệu quả hơn, giảm rủi ro và chi phí kinh doanh, đảm bảo luồng thông tin liên mạch xuyên suốt chuỗi cung ứng, và đảm bảo tính liên tục, hiệu suất, và

¹¹ "Xây dựng Nền kinh tế Sinh học" (Building the Bioeconomy), Pugatch Consilium, 3 tháng 6 năm 2019. Xem tại: <https://www.pugatch-consilium.com/reports/BIO%202019%20report_final.pdf>, truy cập lần cuối ngày 19 tháng 12 năm 2023.

kịp thời của nguồn cung thuốc.

- b. Cho phép các Doanh nghiệp Nhập khẩu FIE được quyết định và triển khai các dự án đầu tư như sản xuất trong nước (sản xuất gia công, chuyển giao công nghệ), thử nghiệm lâm sàng, v.v cùng với các đối tác trong nước, ví dụ: cho phép nhập khẩu, bảo quản và vận chuyển sản phẩm sử dụng trong nghiên cứu lâm sàng.
 - c. Thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: thiết lập các chính sách và thực thi nghiêm túc để bảo vệ dữ liệu thử nghiệm lâm sàng, bằng sáng chế thuốc, và các dữ liệu bảo mật khác trong quá trình đăng ký và lưu hành thuốc; thiết lập cơ quan thực thi bảo hộ sở hữu trí tuệ để giải quyết tranh chấp nhanh chóng và hiệu quả, giám sát, thanh kiểm tra chặt chẽ và xử lý các trường hợp vi phạm bằng sáng chế, xâm phạm dữ liệu thử nghiệm lâm sàng và thuốc giả.
- **Các cơ chế khuyến khích** (sửa Luật Dược và các quy định, hướng dẫn khác để triển khai Chiến lược Quốc gia Phát triển Ngành Dược)
- a. Xây dựng hệ thống toàn diện gồm các cơ chế, chính sách khuyến khích, dựa trên lợi thế hiện có của Việt Nam và quan trọng là đối với nhà đầu tư, các cơ chế này cần mang tính hấp dẫn ngang bằng, thậm chí cao hơn các cơ chế hiện có của các nước khác trong khu vực. Tham vấn các bên liên quan là hoạt động mấu chốt còn trong quá trình xây dựng các cơ chế này, nhằm đảm bảo sức hấp dẫn và tính khả thi.
 - b. Các cơ chế khuyến khích cần gắn chặt với tiếp cận thị trường, ví dụ: cơ chế rút gọn trong cấp giấy phép lưu hành, danh mục thuốc thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT, và đấu thầu mua sắm.

LỜI CẢM ƠN

Pharma Group thuộc EuroCham

CHƯƠNG 16 THUỐC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ (IQMED) - GENERIC VÀ SINH PHẨM TƯƠNG TỰ

TỔNG QUAN

Việt Nam được xếp hạng là quốc gia đông dân thứ 16 trên thế giới, với dân số khoảng 99 triệu người tính đến năm 2023.¹ Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên hiện chiếm 9% và dự kiến sẽ tăng đáng kể từ mức hiện tại.² Trong khi đó, Việt Nam đã đạt được vị thế nền kinh tế có thu nhập trung bình, đạt được tiến bộ đáng kể trong hai thập kỷ qua về Chính sách Bảo hiểm Y tế Toàn dân (UHC) và phần đầu đạt tỷ lệ bao phủ toàn quốc ít nhất là 93,2% vào năm 2023 và 95,15% vào năm 2025.³ Các số liệu này sẽ thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tổng thể và mở đường cho các giải pháp chăm sóc sức khỏe sáng tạo. Với các yếu tố kinh tế chủ chốt nêu trên, Việt Nam cần có tiến bộ về dược phẩm để có thể đáp ứng được tham vọng của Chính phủ và người dân. Việc đáp ứng những nhu cầu này đòi hỏi sự hợp tác giữa các nhà hoạch định chính sách và ngành dược để có hướng tới một lợi ích cho bệnh nhân và phát triển ngành mạnh mẽ.

PHẦN 1: THUỐC GENERIC

I. ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ SỬA ĐỔI LUẬT DƯỢC VÀ CÁC LUẬT, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Chính phủ (CP), Quốc hội (QH)

Mô tả vấn đề

Đã 7 năm trôi qua kể từ khi Luật Dược 2016⁴ được Quốc hội khóa XIII thông qua. Với mục tiêu tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành dược Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế, đảm bảo cung ứng đủ thuốc đạt chất lượng cho người dân, việc thông qua Luật Dược 2016 đã mở đường cho những thay đổi cần thiết.

Dù vậy, vẫn còn nhiều việc phải làm để đảm bảo các quy định nhất quán và phù hợp với các thực hành quốc tế tốt nhất, phản ánh những thay đổi của xã hội sau đại dịch và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Cụ thể, trong Dự thảo Luật Dược, có hai chủ đề cần sửa đổi và bổ sung.

1. Gia hạn Giấy đăng ký lưu hành (GĐKLH)

Theo quy định hiện hành⁵, hồ sơ đăng ký phải được thẩm định và trình cho Hội đồng Tư vấn Cấp Giấy đăng ký Lưu hành cho dù không có thay đổi gì về nội dung chính tại thời điểm gia hạn. Trong nhiều năm, các loại thuốc phổ biến, đã qua thử nghiệm và được bán rộng rãi trong nước và trên thế giới mà không có bất kỳ lo ngại nào về chất lượng. Tuy nhiên, đối với những loại thuốc này, Luật Dược 2016 hiện hành yêu cầu tiến hành thủ tục đăng ký đầy đủ giống như quy trình đăng ký thuốc lần đầu. Yêu cầu này là không cần thiết và không xác đáng. Thủ tục này tạo ra gánh nặng cho các cơ quan chức năng, từ đó làm chậm trễ việc đánh giá hồ sơ, làm gián đoạn việc sản

1 "Vietnam population" (Dân số Việt Nam), *Worldometer*, 31/10/2023. Xem tại: Vietnam Population (2023) - Worldometer (worldometers.info), truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.

2 "Population ages 65 and above (% of total population)-Viet Nam" (Dân số từ 65 tuổi trở lên của tổng dân số Việt Nam), *World Bank data*. Xem tại: https://data.worldbank.org/indicator/SPPOP65UP.TO.ZS?locations=VN&most_recent_year_desc=true, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.

3 "Đánh giá các tác động kinh tế và xã hội", *KMMG*, 2022. Xem tại: <VOI-Refreshment_11082022_twopageview-Edited-reduced-size.pdf>, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.

4 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 6 tháng 4 năm 2016 do Quốc hội ban hành (Luật Dược).

5 Thông tư 08/2022/TT-BYT ngày 5 tháng 9 năm 2022 quy định việc đăng ký lưu hành thuốc nguyên liệu làm thuốc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Thông tư 08).

xuất, cung cấp và tính khả dụng của thuốc.

Dựa trên các thực hành quốc tế tốt nhất, thời hạn hiệu lực của GĐKLH, nguyên liệu làm thuốc là 05 năm kể từ ngày cấp, gia hạn lần đầu; có thời hạn hiệu lực không xác định trong lần gia hạn thứ hai trừ khi thuốc cần tiếp tục theo dõi an toàn, hiệu quả trên cơ sở tư vấn của Hội đồng Tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Hơn nữa, thời hạn cấp phép gia hạn GĐKLH cần được tuân thủ tuyệt đối theo quy trình gia hạn trọn đời một bước. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp có thể gửi hồ sơ xin gia hạn đăng ký đến cơ quan chức năng và hồ sơ này sẽ được các cơ quan chức năng phê duyệt trong một thời hạn nhất định. Nếu vì bất kỳ lý do gì mà các cơ quan chức năng không thể đáp ứng thời hạn này, GĐKLH sắp hết hạn hoặc đã hết hạn cùng với hồ sơ xin gia hạn sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi cấp GCNLH mới. Thay đổi này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Quyết định 1661⁶ của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy trình đăng ký các loại thuốc mới

Để tạo điều kiện, đẩy nhanh và mở rộng khả năng tiếp cận của bệnh nhân Việt Nam với các liệu pháp và công nghệ thuốc mới, cần áp dụng một quy trình đăng ký nhanh chóng đối với thuốc mới đặc biệt là các thuốc có hoạt chất mới, hoặc sự phối hợp mới của các hoạt chất cũ, các thuốc có hoạt chất cũ nhưng hàm lượng mới, dạng bào chế mới, chỉ định mới. Tuy các thuốc có hoạt chất cũ nhưng khi phát triển các đặc tính mới, cần phải áp dụng quy trình công nghệ cao, thực hiện các nghiên cứu đầy đủ tùy theo từng sản phẩm như nghiên cứu lâm sàng, nghiên cứu tương đương sinh học, tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ khác nhau. Việc nghiên cứu và phát triển các loại thuốc này thường nhanh, kinh tế hơn do dựa trên hoạt chất có sẵn, đã lưu hành nhiều năm trên thị trường và đã được chứng minh về tính an toàn và hiệu quả khi sử dụng, do vậy đáp ứng được nhiều hơn, đa dạng hơn nhu cầu điều trị đối với từng cá thể bệnh nhân.

Để xuất áp dụng thời gian đăng ký theo Điều 33.1 Thông tư 08 về thẩm định nhanh, và Điều 33.2 Thông tư 08 về thẩm định rút gọn theo đối với các thuốc đã được phê duyệt tại ít nhất 1 nước là Cơ quan Quản lý Dược Chặt chẽ (Stringent Regulatory Authorities - SRA). Về yêu cầu dữ liệu lâm sàng, cho phép áp dụng theo hướng dẫn về phát triển lâm sàng của US FDA, WHO hoặc EMA hoặc quy định của cơ quan quản lý nước SRA đó.

Đối với thuốc có sự phối hợp mới của các hoạt chất cũ, đề xuất hợp lý hóa quy trình bằng cách chỉ yêu cầu 1 giấy chứng nhận dược phẩm (CPP) từ 1 nước SRA bất kể đó là nước sản xuất hay không. Yêu cầu này được áp dụng bất kể quốc gia được đề cập có phải là quốc gia sản xuất chịu trách nhiệm cấp GĐKLH hay không, từ đó thay thế yêu cầu cũ yêu cầu 2 CPP (1 CPP từ nước sản xuất, 1 CPP từ SRA) như quy định tại Điều 22.4.c Thông tư 08.

Việc rút ngắn thời gian đăng ký sẽ có lợi cho tất cả các bên, bao gồm:

- Người bệnh - Kết quả điều trị sẽ được cải thiện từ một loạt các loại thuốc và liệu pháp điều trị với giá cả phải chăng.
- Doanh nghiệp - Tăng số lượng sản phẩm được phép đăng ký và lưu hành sẽ thúc đẩy tăng trưởng của doanh nghiệp.
- Kinh tế Việt Nam - Hưởng các khoản đầu tư tăng cường, đội ngũ chuyên gia dược phẩm ngày càng tăng và cơ sở hạ tầng chăm sóc sức khỏe trong nước hiện đại đảm bảo an toàn cho bệnh nhân..
- Cơ quan chức năng - Giảm bớt khối lượng công việc và hạn chế những gánh nặng không cần thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Quyết định 1661 của Thủ tướng Chính phủ về việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế mở đường cho việc sửa đổi Luật Dược 2016, cụ thể là cho phép đơn giản hóa việc gia hạn GĐKLH trọn đời.

Với nỗ lực vượt bậc của Quốc hội, Chính phủ, và Bộ Y tế trong thời gian qua nhằm ngăn chặn tình trạng thiếu thuốc cho phòng bệnh và điều trị cho bệnh nhân, Cục Quản lý Dược Bộ Y tế đã cho gia hạn đến hết năm 2022 cho 10.243 thuốc theo Nghị quyết 12⁷ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, những thuốc này đã hết hạn

⁶ Quyết định 1661/QĐ-TTg ngày 4 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế (Quyết định 1661).

⁷ Nghị quyết 12/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 (Nghị quyết 12).

vào 31 tháng 12 năm 2022. Tiếp theo đó, tính đến hết tháng 7 năm 2023, 11.291 thuốc được gia hạn đến hết năm 2024 theo Nghị quyết 80 của Quốc hội⁸. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng đây chỉ là giải pháp tình thế do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Vẫn còn quan ngại khi các thuốc gia hạn theo Nghị quyết 80 sẽ hết hạn vào cuối năm 2024 trừ khi có các giải pháp toàn diện và lâu dài.

Đưa một giải pháp bền vững, lâu dài vào Luật Dược 2016 và các quy định liên quan là cấp thiết. Giải pháp này nên bao gồm thủ tục gia hạn GĐKLH trọn đời đơn giản hóa và thực hiện cơ chế chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chức năng trong trường hợp không phê duyệt hồ sơ xin gia hạn trong thời hạn quy định. Đồng thời, cần xem lại thủ tục đăng ký thuốc lần đầu để phát huy hết tiềm năng của lĩnh vực y tế.

Khuyến nghị

Vì sức khỏe của bệnh nhân và là một phần sứ mệnh của chúng tôi, chúng tôi xin đưa ra những khuyến nghị sau:

- Sửa đổi và soạn thảo lại Luật Dược 2016 theo các ý kiến và đề xuất của ngành;
- Soạn thảo các hướng dẫn rõ ràng về việc đơn giản hóa quy trình gia hạn GĐKLH cùng với các bước chuyển tiếp rõ ràng và các mốc thực hiện;
- Sửa đổi quy trình đăng ký thuốc lần đầu với mốc thời gian khả thi, các bước chuyển tiếp và các mốc quan trọng;
- Quy định trách nhiệm của cơ quan chức năng trong trường hợp chậm trễ;
- Trình dự thảo Luật Dược mới để Quốc hội thông qua vào tháng 10 năm 2024;
- Đảm bảo sự nhất quán về quy định và điều chỉnh các quy định liên quan trước tháng 1 năm 2025; và
- Một số các quy định trong đó có quy định gia hạn GĐKLH cần có hiệu lực ngay lập tức khi Luật Dược có hiệu lực thi hành, tránh tình trạng thiếu thuốc cho phòng bệnh và điều trị cho bệnh nhân.

II. MỞ RỘNG PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Chính phủ, Quốc hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT); Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Theo khoản 10 Điều 91 Nghị định 54⁹, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong ngành dược có quyền nhập khẩu nhưng không được thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam không được thực hiện các hoạt động liên quan trực tiếp đến phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam, trừ thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam.

Dựa vào quy định hiện hành, trong trường hợp sản xuất thuốc theo hợp đồng hoặc sản xuất thuốc gia công/ chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên nhận gia công (bên sản xuất) được phép bán các sản phẩm dược phẩm do họ nhận sản xuất gia công/ chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên đặt gia công/bên chuyển giao công nghệ thì chỉ có thể nhập khẩu và bán thuốc thông qua các doanh nghiệp bán buôn đã đăng ký, thường là các công ty dược trong nước, sau đó phân phối đến các bệnh viện và nhà thuốc. Mặt khác, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cần thực hiện xuất nhập khẩu tại chỗ nếu muốn bán trực tiếp các sản phẩm nội địa hóa của mình. Cả hai cơ chế đều gây ra tác động tiêu cực đến bệnh nhân, những người phải trả giá cao hơn để bù đắp những chi phí không cần thiết, để được tiếp cận với thuốc chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

⁸ Nghị quyết 80/2013/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024 (Nghị quyết 80).

⁹ Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược (Nghị định 54).

Nhìn chung, các nhà đầu tư nước ngoài phải tiến hành các thủ tục chuyển giao công nghệ, sản xuất và đăng ký tốn kém về chi phí và thời gian, không được phép thực hiện nhiều hoạt động trong ngành. Hạn chế này khiến đầu tư vào việc gia công và chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc đã được cấp bằng sáng chế, thuốc chuyên khoa, thuốc generic ở dạng bào chế công nghệ cao, vắc xin và sinh phẩm ít hấp dẫn hơn cho nhà đầu tư nước ngoài. Quan trọng hơn, điều này cũng đi ngược với Quyết định 376¹⁰ của Thủ tướng Chính phủ, theo đó các chiến lược được vạch ra để phát triển ngành công nghiệp dược phẩm trong nước lên cấp IV theo thang phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Mục tiêu là xếp hạng giá trị thị trường thuộc top ba thị trường hàng đầu ASEAN và cho phép cung cấp các loại thuốc với giá cả hợp lý, chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với kỳ vọng phát triển đa dạng của các sản phẩm sản xuất trong nước, các nhà sản xuất trong nước có thể tiếp thu bí quyết công nghệ và áp dụng chúng để sản xuất sản phẩm của riêng mình. Mặt khác, chuyên môn sâu rộng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về phát triển sản phẩm, bán hàng và tiếp thị thuốc có thể được sử dụng để mở rộng kinh doanh tại Việt Nam, nội địa hóa sản xuất thuốc chất lượng cao và mở thêm cơ hội điều trị cho bệnh nhân.

Khuyến nghị

Để khuyến khích sản xuất thuốc theo hợp đồng, sản xuất thuốc gia công và chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, chúng tôi đề nghị chính phủ xem xét các khuyến nghị sau:

- Mở rộng quyền và phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là bên giao hoặc bên nhận hợp đồng thực hiện gia công / chuyển giao công nghệ đều được tự thực hiện các hoạt động phân phối các thuốc của họ sản xuất tại Việt Nam. Đây là quy định bắt buộc phải có để thúc đẩy sản xuất thuốc nội địa chất lượng cao, giá cả phải chăng, an toàn và hiệu quả tại Việt Nam;
- Sửa đổi Quy định đấu thầu đối với các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ theo phân loại Phê duyệt Giấy đăng ký lưu hành. Các sản phẩm Gia công và Chuyển giao công nghệ phải được phân loại là sản phẩm nội địa chứ không phải sản phẩm nhập khẩu; và
- Cung cấp các ưu đãi Đấu thầu & Mua sắm cho các sản phẩm nội địa hóa chất lượng cao sẽ thu hút nhiều đầu tư nước ngoài hơn vào ngành Dược phẩm trong thời gian tới.

PHẦN 2: SINH PHẨM TƯƠNG TỰ (BIOSIMILARS)

II. TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CỦA BỆNH NHÂN VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ TIÊN TIẾN

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH), Quốc hội - Ủy ban Về các Vấn đề Xã hội (UBVĐXH)

Mô tả vấn đề

Sinh phẩm tương tự¹¹ đóng vai trò là một giải pháp đổi mới nhằm giảm những thách thức về khả năng tiếp cận

10 Quyết định 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, được liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Quyết định 376).

11 “Biosimilars”, US FDA, 03/01/2023. Xem tại: <www.fda.gov/Drugs/DevelopmentApprovalProcess/HowDrugsareDevelopedandApproved/ApprovalApplications/TherapeuticBiologicApplications/Biosimilars/>, truy cập lần cuối ngày 07 tháng 09 năm 2023. “Delivering on the Potential of Biosimilar Medicines”, IMS Institute for Healthcare Informatics (2016). Lin-Chau Chang, Journal of Food and Drug Analysis, 27 (2019) 671-678; Isaacs J, et al. Considerations Med 2017, 1:3–6; Anita Krishnan et al. Biosimilars 2015:5 19–32. Kumar, J. et al., Pharmacovigilance 2015, S3; Richard Markus et al. BioDrugs (2017) 31:175–187; Jun Wang et al. Pharmaceuticals 2012, 5, 353-368; The Biosimilars Council 2017: Biosimilars in the US – Providing more patients greater access to lifesaving medicines. Xem tại: http://pr.euractiv.com/pr/biosimilar-medicines-opportunity-dramatic-increase-patient-access-across-europe-153876; truy cập lần cuối ngày 09 tháng 10 năm 2023. Medicine for Europe. Xem tại <www.medicinesforeurope.com/biosimilar-medicines/our-5-pillars/>, </www.karger.com/Book/Toc/279159>, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 02 năm 2021.

mà bệnh nhân phải đối mặt khi tiếp cận thuốc sinh học, vốn là những liệu pháp điều trị tiên tiến. Chúng không chỉ giúp tiết kiệm chi phí cho hệ thống chăm sóc sức khỏe mà còn đa dạng hóa các lựa chọn điều trị cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lợi ích cho bệnh nhân

Với tỷ lệ dân số thế giới đang tăng lên và già đi, nhiều bệnh mạn tính trở nên phổ biến – có khoảng một người trong mỗi ba người trưởng thành đang sống cùng căn bệnh mạn tính. Các thuốc sinh học được phê duyệt sử dụng cho nhiều bệnh lý mạn tính khác nhau, và chi phí điều trị gia tăng, thuốc sinh học tương tự là các lựa chọn điều trị có giá cả phải chăng, cùng cơ chế tác dụng và mang lại kết cục điều trị giống như các thuốc sinh học tham chiếu về chất lượng, hiệu quả và tính an toàn. Bằng cách đưa ra các kết quả điều trị tương tự như thuốc sinh học tham chiếu về chất lượng, độ an toàn và hiệu quả, thuốc sinh học tương tự gia tăng tiếp cận của bệnh nhân đến các liệu pháp điều trị có thể thay đổi cuộc sống. Nhóm phụ nữ, người cao tuổi và những người có thu nhập thấp hơn sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ khả năng tiếp cận với các loại thuốc sinh học tương tự. Ít nhất 400 triệu người trên thế giới không thể tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu và hơn hai tỷ người không đủ khả năng mua các loại thuốc họ cần. Liên minh châu Âu đã chứng kiến sự gia tăng 100% việc sử dụng các phương pháp điều trị sinh học sau khi cho phép các thuốc sinh học tương tự được lưu hành. Trước năm 2025, ước đoán có 1.2 triệu bệnh nhân tại Mỹ tiếp cận thuốc sinh học nhờ có sự lưu hành của các thuốc sinh học tương tự.¹²

Lợi ích cho các nhân viên y tế

Sự lưu hành của thuốc sinh học tương tự sẽ thúc đẩy cạnh tranh, đem đến nhiều lựa chọn điều trị và mang lại các dịch vụ giá trị cộng thêm nhằm hỗ trợ chăm sóc bệnh nhân và cộng đồng y tế, từ đó cho phép các nhân viên y tế cung cấp các thuốc sinh học hàng đầu cho lượng bệnh nhân lớn hơn đồng thời giảm chi phí. Hướng tới năm 2029, có khoảng 120 thuốc sinh học sẽ hết hạn độc quyền, điều này mở ra cơ hội cho các thuốc sinh học tương tự.¹³ Tuy nhiên, cần có nhiều hành động hơn nữa để mở ra toàn bộ tiềm năng của thuốc sinh học tương tự, như là gia tăng đào tạo về hiệu quả và an toàn hoặc thúc đẩy hiểu biết của nhân viên y tế về vai trò quan trọng của thuốc sinh học tương tự.

Lợi ích kinh tế y tế từ thuốc sinh học tương tự

Với các chi phí chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng, đặc biệt là việc điều trị các bệnh đa mạn tính, hạn chế tài chính đối với các hệ thống chăm sóc sức khỏe đang được thắt chặt. Chi tiêu toàn cầu cho chăm sóc sức khỏe dự kiến sẽ đạt 24,24 nghìn tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2040 với chi phí cho thuốc sinh học chiếm một tỷ lệ đáng kể trong chi tiêu này. Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy thuốc sinh học tương tự làm giảm áp lực ngân sách chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ các hệ thống chăm sóc sức khỏe bền vững hơn. Khoản tiền đáng kể tiết kiệm được có thể tăng khả năng tiếp cận của bệnh nhân bằng cách cho phép nhiều bệnh nhân hơn được điều trị từ cùng một ngân sách. Do đó, các thuốc sinh học tương tự sẽ cho phép các bên liên quan - bao gồm người chi trả, bác sĩ lâm sàng và người bệnh - được hưởng lợi từ việc có nhiều phương án điều trị hơn để lựa chọn và tăng số lượng bệnh nhân được tiếp cận với các phương pháp điều trị này. Bằng cách cho phép cạnh tranh từ các thuốc sinh học tương tự, chi phí tiết kiệm được có thể đạt từ 44 tỷ đến 250 tỷ Đô-la Mỹ trong khoảng thời gian 10 năm ở Mỹ, với giá trị phụ thuộc vào chính sách được áp dụng trong những năm tới. Trên phạm vi toàn cầu, cơ hội tiết kiệm chi phí tích lũy đối với thuốc sinh học tương tự từ năm 2021 đến năm 2026 ước tính là 285 tỷ Đô-la Mỹ.¹⁴ Tiếp cận với phương pháp điều trị có chi phí hiệu quả là điều tối quan trọng đối với sự bền vững của hệ thống y tế trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Thuốc sinh học tương tự là một giải pháp thay thế có chi phí hiệu quả, giúp cho hệ thống y tế tiết kiệm ngân sách hoặc chuyển ngân sách đó để giải quyết các vấn đề y tế cấp bách khác, tuy nhiên cần có nhiều hành động hơn để đảm bảo sử dụng liên tục thuốc sinh học tương tự trong đó bao gồm tính bền vững lâu dài của thị trường dành cho thuốc sinh học tương tự và vấn đề giáo dục các chuyên gia y tế.

12 “Biosimilars and Access to Treatment” (Sinh phẩm tương tự và Truy cập vào Điều trị), Sandoz. Xem tại < <https://www.us.sandoz.com/our-work/biosimilars/biosimilars-and-access-treatment>>, truy cập lần cuối ngày 09 tháng 10 năm 2023.

13 “Value of Biosimilars” (Giá trị của Sinh phẩm tương tự), Sandoz. Xem tại < <https://www.sandoz.com/node/34211/printable/pdf>>, truy cập lần cuối ngày 09 tháng 10 năm 2023.

14 “Global Medicine Spending and Usage Trends” – Outlook to 2025”, IQVIA Institute for Human Data Science. Xem tại < <https://www.fdanews.com/ext/resources/files/2021/04-30-21-IQVIA.pdf?1619810914>>, truy cập lần cuối ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Xem xét sớm ban hành hướng dẫn thẩm định kỹ thuật cho hồ sơ thuốc sinh học tương tự;
- Đưa định nghĩa cụ thể về thuốc sinh phẩm không được chấp thuận là thuốc sinh học tương tự, chẳng hạn như thuốc sao chép (biocopies) và thuốc sinh phẩm không tương đương, vào Luật Dược để giúp các chuyên gia y tế có hiểu biết chính xác và đầy đủ về việc lưu hành thuốc sinh phẩm;
- Xem xét sớm ban hành hướng dẫn chuyên môn về việc sử dụng sinh phẩm tương tự trong thực hành lâm sàng để nâng cao hiệu quả điều trị và độ an toàn cho bệnh nhân; và
- Tăng cường các hoạt động giáo dục và đào tạo để nâng cao kiến thức về sinh phẩm tương tự cho các chuyên gia y tế và cơ quan chức năng trong ngành y tế.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm Tương tự

CHƯƠNG 16 TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN

TỔNG QUAN

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã liên tục nhấn mạnh tầm quan trọng của thiết bị y tế trong các can thiệp y tế đa dạng, từ các chấn thương nhỏ như bong gân đến các thủ thuật phức tạp hơn như xét nghiệm HIV/AIDS và ghép tạng. Thiết bị y tế đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc bệnh nhân trên nhiều lĩnh vực y tế, bao gồm y tế chuyên sâu và y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu, các biện pháp phòng ngừa, chẩn đoán, điều trị cấp tính và mãn tính, hỗ trợ giảm nhẹ, phục hồi chức năng và nghiên cứu y khoa. Do đó, thiết bị y tế, cùng với thuốc và bác sĩ, được coi là một trong ba yếu tố nền tảng trong chăm sóc sức khỏe.

Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDDSC) được thành lập vào tháng 5 năm 2016 với vai trò là đại diện ngành thiết bị y tế và chẩn đoán in-vitro toàn cầu. Trong hơn bảy năm, mục tiêu của chúng tôi là chủ động hợp tác với các cơ quan chính phủ, cơ quan quản lý, đối tượng chi trả, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các bên liên quan khác để đảm bảo các cách làm tối ưu, duy trì các tiêu chí tốt nhất của ngành và tham gia xây dựng các chính sách chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam. Mục tiêu của chúng tôi là đảm bảo cung cấp kịp thời dịch vụ chăm sóc sức khỏe lâu dài, tiên tiến với chất lượng vượt trội cho mọi cá nhân tại Việt Nam. Trong những nỗ lực của mình, chúng tôi rất vinh dự đã xây dựng được các quan hệ hợp tác vững chắc, đặc biệt là với Bộ Y tế (BYT), về nhiều sáng kiến khác nhau phù hợp với sứ mệnh chung của các bên.

I. ĐẨY NHANH QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CHO THIẾT BỊ Y TẾ THUỘC LOẠI C, D

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Nghị định 07¹ đã kéo dài thời hạn hiệu lực của giấy phép nhập khẩu và giấy chứng nhận đăng ký lưu hành cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc gia hạn này cho phép BYT có nhiều thời gian hơn trong việc đánh giá và cấp số đăng ký lưu hành cho các thiết bị y tế loại C và D theo Nghị định 98². Tuy nhiên, tiến độ phê duyệt cho các thiết bị này vẫn còn rất chậm. Do đó, hồ sơ của trang thiết bị y tế loại C và D bị tồn đọng đáng kể. Tính đến ngày 1 tháng 11 năm 2023, Bộ Y tế đã tiếp nhận 12,341 hồ sơ. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, có 4,141 hồ sơ đã được xử lý xong, 3,713 hồ sơ đã thẩm định nhưng chưa được cấp do phải bổ sung, và 3,663 hồ sơ đang được thẩm định và chưa có văn bản gửi các đơn vị.³ Kết quả là, các thiết bị, hệ thống và công nghệ y tế tiên tiến phải xếp hàng dài chờ cấp phép lưu hành theo Nghị định 98. Khung thời gian để đánh giá và phê duyệt các thiết bị này có thể kéo dài nhiều năm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Có một số yếu tố góp phần gây ra tình trạng chậm trễ này, chẳng hạn như những biến động gần đây trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, bao gồm thiếu nhân lực, khung pháp lý chưa đầy đủ và những thách thức trong việc thích ứng với các xu hướng y tế đang thay đổi nhanh chóng. Tình trạng này làm dấy lên lo ngại về khả năng gián đoạn chuỗi cung ứng nếu các thiết bị y tế này không được phê duyệt trước ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Hiện tại, Nghị định 98 và Nghị định 07 thiếu một quy trình riêng để đánh giá và cấp số đăng ký lưu hành cho các thiết bị loại C và D mới.⁴ Điều này dẫn đến sự chậm trễ trong việc giới thiệu các công nghệ mới, các công nghệ

1 Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (Nghị định 07).

2 Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định quản lý trang thiết bị y tế (Nghị định 98).

3 "Hơn 100,000 chủng loại trang thiết bị y tế đủ điều kiện nhập khẩu, lưu hành tại Việt Nam", Báo Sức khỏe & Đời sống, ngày 02 tháng 11 năm 2023. Xem tại: <https://suckhoedoisong.vn/hon-100000-chung-loai-trang-thiet-bi-y-te-du-dieu-kien-nhap-khau-luu-hanh-tai-viet-nam-169231102163409389.htm>, truy cập lần cuối ngày 06 tháng 11 năm 2023.

4 Điều 4 Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế. Cụ thể, trang thiết bị y tế được phân thành 4 nhóm sau theo mức độ rủi ro tiềm ẩn liên quan đến thiết kế, sản xuất: Loại A: Rủi ro thấp, Loại B: Rủi ro trung bình-thấp, Loại C: Rủi ro trung bình-cao và Loại D: Nguy cơ cao.

và phương pháp y tế mới, hạn chế khả năng tiếp cận của người dân Việt Nam với các lựa chọn chẩn đoán và điều trị đột phá.

Ngoài ra, Nghị định 98 và Nghị định 07 chưa có cơ chế ưu tiên đánh giá và cấp số đăng ký lưu hành cho các thiết bị y tế loại C và D đã được cấp giấy phép nhập khẩu hoặc số đăng ký lưu hành còn hiệu lực nhưng có thay đổi dẫn đến phải nộp hồ sơ đăng ký lưu hành mới. Điều này dẫn đến nguy cơ không thể tiếp tục nhập khẩu và cung ứng các thiết bị y tế này do giấy phép hiện có không thể sử dụng được.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đẩy nhanh quá trình đánh giá và cấp phép cho các thiết bị y tế loại C và D để đảm bảo các thiết bị y tế thiết yếu luôn có sẵn và có thể được tiếp cận bất cứ lúc nào;
- Đẩy nhanh việc cấp phép lưu hành và xây dựng quy trình dành riêng cho các thiết bị y tế loại C và D mới để đảm bảo cung cấp ổn định các thiết bị y tế tiên tiến và quan trọng, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe bền vững cho bệnh nhân Việt Nam; và
- Xây dựng quy trình riêng cho cấp phép lưu hành cho các trang thiết bị y tế đã được cấp giấy phép nhập khẩu hoặc số đăng ký lưu hành còn hiệu lực nhưng có thay đổi thuộc phạm vi phải nộp hồ sơ cấp số đăng ký lưu hành mới.

II. ĐẤU THẦU THIẾT BỊ Y TẾ

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH)

Mô tả vấn đề

Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Đấu thầu sửa đổi⁵ vào ngày 23 tháng 6 năm 2023 và chính thức ban hành vào ngày 10 tháng 7 năm 2023. Dự kiến có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, luật này hiện công nhận sáu mô hình: đặt thiết bị, chi phí cho mỗi xét nghiệm, mua sắm kết hợp thiết bị và vật tư, chỉ mua sắm thiết bị, chỉ mua sắm vật tư và dịch vụ phòng thí nghiệm thuê ngoài.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tuy đây là một bước đi tích cực, nhưng để quy trình đấu thầu được minh bạch và hiệu quả, rất cần phải xây dựng các nghị định, thông tư hướng dẫn mới. Điều này sẽ thúc đẩy một hệ thống đấu thầu hiệu quả và dễ tiếp cận hơn cho tất cả các bên liên quan.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đưa ra hướng dẫn rõ ràng về thủ tục đấu thầu thiết bị y tế, đặc biệt là chi phí cho mỗi xét nghiệm;
- MDDSC sẽ đồng hành cùng BYT để tổ chức các buổi hội thảo hoặc đào tạo cho các bên liên quan để có thể thực hiện quy trình đấu thầu một cách trôi chảy.

5 Luật số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Đấu thầu (Luật Đấu thầu)

III. BẢO HIỂM Y TẾ BỔ SUNG VÀ QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ/KINH PHÍ CHO DỰ PHÒNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU NHẪM GIẢM GÁNH NẶNG ĐIỀU TRỊ

Cơ quan liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH)

Mô tả vấn đề

Hệ thống chăm sóc sức khỏe của Việt Nam không ngừng tìm cách cải thiện để phù hợp với các thực hành tốt nhất trên toàn cầu và khu vực và áp dụng các kỹ thuật mới để mang lại lợi ích cho việc chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân. Tuy nhiên, một số thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế mới vẫn chưa được cập nhật/liệt kê trong các quy định hiện hành về phạm vi thanh toán của quỹ BHYT do các quy định này đã được ban hành từ lâu (4-6 năm trước). Việc không cập nhật thường xuyên có thể hạn chế khả năng tiếp cận các thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế hiện đại của bệnh nhân Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tình trạng thiếu cập nhật này cần được khắc phục để cung cấp bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện. Cần chú trọng mở rộng phạm vi bảo hiểm cho các thủ tục chẩn đoán sớm vì các thủ tục này có tiềm năng cải thiện đáng kể kết quả điều trị.

Khuyến nghị

- Để đảm bảo bệnh nhân Việt Nam có thể tiếp cận các thiết bị, dịch vụ và công nghệ y tế mới, chúng tôi kính đề nghị BYT nhanh chóng cập nhật và ban hành danh sách các dịch vụ kỹ thuật/thiết bị y tế trong các thông tư sau:
 - Thông tư 04⁶ về việc ban hành danh mục, tỷ lệ và điều kiện thanh toán chi phí vật tư y tế được chi trả cho người tham gia bảo hiểm y tế
 - Thông tư 43⁷ quy định về phân tuyến chuyên môn kỹ thuật trong mạng lưới cơ sở y tế và Thông tư 21⁸.
 - Thông tư 22⁹ thay thế Thông tư 39¹⁰ ban hành từ năm 2018 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp và Thông tư 13¹¹.
- Thường xuyên cập nhật danh mục Dịch vụ kỹ thuật y tế và phối hợp với các Cục thuộc BYT, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoàn thiện việc tính toán chi phí cho các dịch vụ này và cho phép triển khai tại các cơ sở y tế trên toàn quốc; và
- Do Luật Bảo hiểm y tế đang trong quá trình sửa đổi, chúng tôi cũng kính đề nghị Quốc hội thông qua việc chi trả BHYT cho chi phí chẩn đoán sớm và sàng lọc một số bệnh như: ung thư cổ tử cung, ung thư vú và các bệnh mãn tính như tiểu đường, cao huyết áp. Điều này có thể làm giảm đáng kể gánh nặng điều trị về sau.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham

6 Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (Thông tư 04)

7 Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Thông tư 43)

8 Thông tư 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế sửa đổi bổ sung Thông tư 43/2013/TT-BYT quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Thông tư 21)

9 Thông tư 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp (Thông tư 22).

10 Thông tư 39/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp (Thông tư 39).

11 Thông tư 13/2019/TT-BYT ngày 5 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế sửa đổi Thông tư 39/2018/TT-BYT quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp (Thông tư 13)

CHƯƠNG 17 MỸ PHẨM

TỔNG QUAN

Tiểu ban Mỹ phẩm đại diện tiếng nói cho các doanh nghiệp thành viên EuroCham có hoạt động nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam. Trong thời gian qua, Tiểu ban Mỹ phẩm đã tích cực làm việc với cơ quan quản lý để tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đề xuất những thay đổi chính sách nhằm hỗ trợ phát triển ngành mỹ phẩm Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ, có khả năng cạnh tranh với các thị trường lớn trong khu vực, đáp ứng các xu hướng và nhu cầu đa dạng của thị trường.

Tại Hội thảo “Thực trạng và định hướng quản lý mỹ phẩm” được tổ chức ngày 16 tháng 06 năm 2023 tại Thành phố Huế, Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế đã thông báo kế hoạch sẽ xây dựng một Nghị định quản lý mỹ phẩm để hoàn thiện khung pháp lý cho ngành nghề sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm tại Việt Nam. Tiểu ban Mỹ phẩm chia sẻ tầm nhìn này với cơ quan quản lý và mong muốn tiếp tục hợp tác trong quá trình soạn thảo Nghị định. Chúng tôi tin rằng cần tập trung nguồn lực, tăng cường công tác hậu kiểm trong quản lý mỹ phẩm thực tế đang lưu thông trên thị trường; đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm các yêu cầu tiền kiểm để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, làm động lực phát triển mạnh mẽ cho ngành mỹ phẩm Việt Nam.

Liên quan đến dòng sản phẩm diệt khuẩn, trong năm vừa qua Cục Quản lý Môi trường Y tế - Bộ Y tế đã xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định 91¹. Chúng tôi ghi nhận tinh thần cầu thị của cơ quan quản lý khi tiếp nhận ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo. Tuy nhiên, một số vấn đề vẫn cần được quan tâm hơn để có thể tận dụng tiềm năng phát triển của nhóm hàng này.

I. ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ MỸ PHẨM - TẬP TRUNG TĂNG CƯỜNG HẬU KIỂM

Cơ quan liên quan: Cục Quản lý Dược & Vụ Pháp chế - Bộ Y tế; Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Gỡ bỏ thủ tục phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm

Mô tả vấn đề

Phương án gỡ bỏ thủ tục phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm, chuyển phương thức quản lý quảng cáo mỹ phẩm từ tiền kiểm sang hậu kiểm đã nhận được sự ủng hộ của cơ quan quản lý mỹ phẩm từ năm 2019.² Cục Quản lý Dược một lần nữa thể hiện sự ủng hộ thông qua việc đề xuất Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch bỏ thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm và khẳng định sẽ phối hợp các đơn vị đầu mối liên quan (Vụ Pháp chế - Bộ Y tế, Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) để sửa đổi văn bản khi nhận được đề nghị phối hợp của các đơn vị này.³ Thủ tướng Chính phủ cũng đã có Quyết định số 1661⁴, đặt ra lộ trình gỡ bỏ hoàn toàn thủ tục này trong giai đoạn 2022-2025.

Tuy nhiên, doanh nghiệp rất quan ngại khi việc sửa đổi các quy định hiện hành từ năm 2019 cho đến nay vẫn chưa được khởi động.

Thách thức / cơ hội

Khi quy định chưa được thay đổi, doanh nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng bởi yêu cầu phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm.

¹ Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. (Nghị định 91)

² Công văn 21305/QLD-MP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Cục Quản lý Dược.

³ Công văn 9153/QLD-MP ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Cục Quản lý Dược.

⁴ Quyết định số 1661/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y Tế.

Việc phê duyệt này không có nhiều ý nghĩa về mặt quản lý so với thanh kiểm tra hoạt động quảng cáo thực tế, mà còn gây cản trở lớn đến tiến độ giới thiệu sản phẩm ra thị trường và tiếp cận với người dùng.

Chúng tôi được biết Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có kế hoạch chỉnh sửa Nghị định 181⁵, gỡ bỏ yêu cầu phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm sau khi hoàn thành sửa đổi Luật Quảng cáo 2012⁶. Tuy nhiên, yêu cầu quảng cáo mỹ phẩm phải được phê duyệt không nằm trong Luật Quảng cáo 2012 mà chỉ được đưa vào Nghị định 181. Như vậy, nội dung phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm hoàn toàn có thể được gỡ bỏ ngay lập tức không phụ thuộc vào việc sửa đổi Luật Quảng cáo 2012. Lộ trình sửa đổi Luật thường kéo dài vài năm. Chúng tôi khuyến nghị không nên bị phụ thuộc vào việc sửa đổi Luật để tránh ảnh hưởng đến lộ trình gỡ bỏ thủ tục phê duyệt quảng cáo mà Thủ tướng Chính phủ đã đề ra.

Cục Quản lý Dược đã đưa nội dung cắt giảm thủ tục hành chính về quảng cáo mỹ phẩm vào chương trình xây dựng Nghị định quản lý mỹ phẩm. Chúng tôi đánh giá cao đề xuất này và mong muốn nhận được sự ủng hộ của Cục Văn hóa cơ sở để có thể đẩy nhanh tiến độ sửa đổi quy định quảng cáo trong thời gian tới, đảm bảo thống nhất với nội dung trong Nghị định quản lý mỹ phẩm.

Khuyến nghị

- Cục Văn hóa cơ sở tiến hành gỡ bỏ yêu cầu phê duyệt quảng cáo mỹ phẩm trong Nghị định 181 trong thời gian sớm nhất.
- Đưa nội dung cắt giảm thủ tục hành chính về quảng cáo mỹ phẩm vào Nghị định quản lý mỹ phẩm.

2. Gỡ bỏ yêu cầu Giấy chứng nhận lưu hành tự do cho mỹ phẩm nhập khẩu

Cơ quan liên quan: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, Bộ Y tế yêu cầu Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ công bố sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu. Chúng tôi nhận thấy CFS không hỗ trợ quản lý chất lượng mỹ phẩm mà đơn thuần chỉ là một thủ tục hành chính không cần thiết, và do đó, có thể bãi bỏ.

Trên thực tế, nhiều trường hợp mỹ phẩm có CFS không thực sự được lưu hành tại nước cấp chứng nhận, CFS tại nhiều quốc gia cũng không được cấp bởi cơ quan quản lý mà bởi hiệp hội ngành hàng. Yêu cầu CFS đã được gỡ bỏ cho mỹ phẩm sản xuất trong khối CPTPP từ năm 2020, còn mỹ phẩm nhập khẩu từ khối ASEAN có thể sử dụng phiếu công bố mỹ phẩm thay cho CFS từ năm 2021. Việc triển khai cho đến nay đã được thực hiện trôi chảy và không gây vấn đề liên quan đến an toàn cho người tiêu dùng hay khó khăn trong quy trình quản lý. Sản phẩm nhập khẩu vẫn có thể lưu hành an toàn khi doanh nghiệp tuân thủ các quy chuẩn về nhà máy và an toàn sản phẩm, cơ quan quản lý có thể quản lý mỹ phẩm theo hình thức hậu kiểm. Điều này chứng minh CFS là thủ tục hành chính không cần thiết, có thể bãi bỏ vì thủ tục này đối xử kém thuận lợi hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu của EU. EVFTA yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu từ EU không được bị đối xử kém thuận lợi hơn với các sản phẩm nhập khẩu khác và cấm các trở ngại không hợp lý hoặc không cần thiết đối với hoạt động thương mại.

Thách thức / cơ hội

Trong buổi đối thoại năm 2019, 2020 giữa EuroCham và Văn phòng Chính phủ; đại diện của Bộ Y tế thông báo rằng sau khi dỡ bỏ yêu cầu CFS cho các nước thuộc CPTPP, Bộ Y tế sẽ tiếp tục làm việc với các Bộ ban ngành liên quan và các Hiệp hội để xem xét phương án đối với các khu vực khác bao gồm EU. Tại Lễ ra mắt Sách Trắng 2023 của EuroCham, Cục Quản lý Dược chia sẻ rằng Bộ Y tế sẽ nghiên cứu yêu cầu quản lý để nếu phù hợp thì sẽ sửa đổi, gỡ bỏ yêu cầu CFS cho sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu. Cộng đồng doanh nghiệp mong muốn việc gỡ bỏ yêu cầu CFS cho mỹ phẩm nhập khẩu sẽ được đưa vào nội dung Nghị định quản lý mỹ phẩm trong thời gian tới.

Đặc biệt đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước EU, Việt Nam đã ký Hiệp định mỹ phẩm ASEAN - Hiệp định này được xây dựng theo Quy định về Mỹ phẩm của EU 1223/2009. Việc gỡ bỏ yêu cầu CFS cho mỹ phẩm từ các nước

⁵ Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

⁶ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 do Quốc hội ban hành. (Luật quảng cáo 2012)

EU là phù hợp khi CFS không còn bắt buộc với các nước ASEAN.

Khuyến nghị

- Đưa nội dung gỡ bỏ yêu cầu CFS cho tất cả mỹ phẩm nhập khẩu vào Nghị định quản lý mỹ phẩm, đặc biệt đối với mỹ phẩm nhập khẩu từ các nước EU.
- Không yêu cầu giấy tờ thay thế khi gỡ bỏ yêu cầu CFS.

II. TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ TRONG QUẢN LÝ MỸ PHẨM

1. Quản lý mỹ phẩm trực tuyến trên toàn quốc

Cơ quan liên quan: Các Sở Y tế, Ủy ban Nhân dân các tỉnh thành; Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế

Mô tả vấn đề

Quy trình công bố mỹ phẩm nhập khẩu tại Cục Quản lý Dược đã được triển khai trực tuyến trên Hệ thống một cửa quốc gia liên kết với hệ thống hải quan. Tuy nhiên trong thời gian qua, hệ thống thường xuyên bị lỗi dẫn đến việc thời gian nộp hồ sơ và tiếp nhận sổ công bố bị kéo dài hơn rất nhiều so với thời gian 03 ngày trong quy định⁷, có hồ sơ kéo dài tới vài tháng gây ra rất nhiều trở ngại cho doanh nghiệp.

Tại địa phương, đa số các Sở Y tế vẫn phụ thuộc vào hồ sơ bản cứng trong quy trình tiếp nhận hồ sơ công bố mỹ phẩm sản xuất trong nước. Một số Sở Y tế dù đã có hệ thống trực tuyến thì vẫn yêu cầu doanh nghiệp gửi thêm bản cứng song song với bản nộp trực tuyến. Mỗi Sở Y tế có một hệ thống riêng, mức độ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến khác nhau và cũng chưa đồng bộ với hệ thống quản lý mỹ phẩm nhập khẩu.

Ngoài ra, Thông tư 06 có một số từ ngữ có thể được hiểu là bắt buộc phải nộp hồ sơ bản cứng: “bản chính hoặc bản sao”, “02 bản Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm”; “đĩa hình, đĩa âm thanh, file mềm kèm theo 03 bản kịch bản”. Một số Sở Y tế tham chiếu với những từ ngữ này để lý giải việc không tiếp nhận hồ sơ trực tuyến nếu không có bản cứng đi kèm.

Thách thức / cơ hội

Trong thời gian qua, Cục Quản lý Dược và doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do Hệ thống công bố mỹ phẩm nhập khẩu gặp lỗi. Bên cạnh đó, việc các Sở Y tế phụ thuộc vào hồ sơ bản cứng cũng không phù hợp với định hướng phát triển Chính phủ điện tử, thời gian tiếp nhận hồ sơ kéo dài do phụ thuộc vào yếu tố ngoại cảnh và việc tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

Ngoài ra, hiện nay thông tin quản lý mỹ phẩm nhập khẩu và mỹ phẩm sản xuất trong nước còn chưa được đồng bộ trên một hệ thống. Cục Quản lý Dược chưa có một cơ sở dữ liệu chung để quản lý mỹ phẩm trên cả nước. Khi cần kiểm tra thông tin về số lượng sản phẩm của mỗi doanh nghiệp cả nhập khẩu và sản xuất trong nước, số lượng sản phẩm công bố tại mỗi tỉnh thành, việc sử dụng một hóa chất trong công thức thành phần v.v. cơ quan quản lý phải gửi công văn đề nghị từng Sở Y tế báo cáo số liệu và chờ đợi báo cáo từ các Sở.

Khuyến nghị

- Để giải quyết đồng bộ các vấn đề, chúng tôi đề nghị Bộ Y tế xây dựng 01 phần mềm trực tuyến tiếp nhận hồ sơ công bố mỹ phẩm cho toàn quốc. Hệ thống này sẽ áp dụng dịch vụ công mức độ 4 đồng bộ cho cả mỹ phẩm nhập khẩu (công bố tại Cục Quản lý Dược) và mỹ phẩm sản xuất trong nước (công bố tại các Sở Y tế). Phương án này vừa giải quyết các vướng mắc doanh nghiệp đang gặp phải, vừa tạo thuận lợi cho công tác quản lý, thúc đẩy việc xử lý hồ sơ nhanh chóng, minh bạch. Doanh nghiệp ở mọi tỉnh thành được áp dụng quy trình công bố mỹ phẩm trực tuyến giống nhau mà không cần mỗi tỉnh thành xây dựng phần mềm riêng.

⁷ Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm. (Thông tư 06)

Hệ thống này cũng là cơ sở dữ liệu về ngành mỹ phẩm toàn quốc để cơ quan quản lý dễ dàng kiểm tra thông tin, hỗ trợ hậu kiểm.

- Sửa đổi quy trình công bố mỹ phẩm trong Nghị định mỹ phẩm, loại bỏ những từ ngữ được hiểu là bắt buộc phải nộp hồ sơ bản cứng trong Thông tư 06.
- Khi có kế hoạch nâng cấp phần mềm, cơ quan quản lý cần thông báo rộng rãi trước cho doanh nghiệp thời gian dự kiến để doanh nghiệp chủ động lên kế hoạch phù hợp.
- Đề nghị Sở Y tế các tỉnh thành áp dụng quy trình trực tuyến hoàn toàn đối với Công bố mỹ phẩm và Xác nhận hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm, không yêu cầu nộp hồ sơ bản cứng.

2. Cho phép ghi nhãn điện tử một số thông tin bắt buộc trên nhãn mỹ phẩm

Cơ quan liên quan: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế; Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học & Công nghệ

Mô tả vấn đề

Thông tư 18⁸ đã triển khai việc ghi nhãn điện tử cho một số thông tin ghi nhãn bắt buộc trên nhãn hàng hóa. Tuy nhiên Thông tư 18 chưa áp dụng cho các sản phẩm mỹ phẩm.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Vì tính chất đặc thù, nhiều sản phẩm mỹ phẩm có kích thước rất nhỏ, cho phép ghi nhãn điện tử sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc giảm thiểu diện tích in nhãn để đáp ứng toàn bộ thông tin ghi nhãn bắt buộc theo luật định, hoặc giảm số lượng nhãn phải hủy bỏ, in lại khi có thay đổi nội dung ghi nhãn, nâng cao tính linh hoạt trong sản xuất.

Về mặt quy định, theo Thông tư 06 về quản lý mỹ phẩm và Hiệp định mỹ phẩm ASEAN, có 09 thông tin bắt buộc trên nhãn mỹ phẩm. Trường hợp bao bì trực tiếp không thể in được đầy đủ cả 09 thông tin thì tên sản phẩm và số lô sản xuất là 02 thông tin bắt buộc phải có, còn các thông tin khác được thể hiện trên nhãn phụ. Trong số các thông tin được chấp nhận trên nhãn phụ, doanh nghiệp đề nghị cho phép ghi nhãn điện tử các thông tin sau:

- Thành phần công thức theo danh pháp quốc tế: Tên thành phần theo danh pháp quốc tế là từ ngữ không phổ biến với đa số người tiêu dùng. Nội dung này chủ yếu phục vụ cho cơ quan quản lý và các siêu thị khi kiểm tra hàng hóa lưu thông, đối chiếu với danh sách thành phần trong phiếu công bố mỹ phẩm. Người tiêu dùng, cơ quan quản lý có kiến thức chuyên môn thì sẽ dễ dàng tiếp cận được theo phương thức điện tử.
- Hướng dẫn sử dụng: Mỹ phẩm mà đa số người tiêu dùng sử dụng là các sản phẩm thông dụng trong cuộc sống hàng ngày như dầu gội xả, sữa tắm, kem đánh răng, xà phòng rửa tay, v.v. thường không có hướng dẫn sử dụng quá đặc biệt.
- Xuất xứ: Trên nhãn trực tiếp đã có tên và địa chỉ của công ty chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường - đây là đơn vị chịu trách nhiệm về chất lượng và sản phẩm tại Việt Nam. Còn về xuất xứ (nơi sản xuất), doanh nghiệp mỹ phẩm thường có nhiều nhà máy sản xuất tại nhiều nước khác nhau với cùng một công thức và theo cùng tiêu chuẩn chất lượng. Thông tin xuất xứ nên được thể hiện theo hình thức điện tử để doanh nghiệp có sự linh động khi có thay đổi nhà máy sản xuất mà không phải sửa bỏ nhãn trực tiếp, hạn chế rác thải ra môi trường.

Theo trao đổi của Tiểu ban Mỹ phẩm với đại diện Cục Quản lý Dược tại Lễ ra mắt Sách Trắng 2023, đề xuất này đã được ghi nhận để cơ quan quản lý xem xét đưa vào quy định liên quan cho sản phẩm mỹ phẩm.

Khuyến nghị

- Cục Quản lý Dược tích hợp phương án ghi nhãn điện tử vào quy định ghi nhãn mỹ phẩm trong Nghị định

⁸ Thông tư 18/2022/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử.

mỹ phẩm.

- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đưa sản phẩm mỹ phẩm vào phạm vi áp dụng ghi nhãn điện tử trong các bản cập nhật của Thông tư 18.

III. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG MỸ PHẨM CÓ TÍNH CẠNH TRANH CÔNG BẰNG, ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Cơ quan liên quan: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế; Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế Số & Cục Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương

Mô tả vấn đề

Hiện nay, mỹ phẩm được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh bởi các cá nhân hoặc cửa hàng tư nhân được bày bán rộng rãi, đặc biệt trên các sàn thương mại điện tử. Tất cả cá nhân, bao gồm những người không phải là chủ sở hữu thương hiệu, nhà sản xuất sản phẩm hoặc đại diện phân phối chính hãng đều có thể dễ dàng bán mỹ phẩm mà không cần tuân thủ quy định về công bố mỹ phẩm, đăng ký quảng cáo, nộp thuế, đăng ký kinh doanh v.v. khi bán hàng trên các sàn thương mại điện tử. Vì những lợi thế này, các cá nhân có thể áp mức giá thấp hơn giá thị trường để lôi kéo khách hàng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tình trạng này đã dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong môi trường kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ tới các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, chủ sở hữu thương hiệu và đại diện phân phối chính hãng, đồng thời gây thất thoát thuế cho Chính phủ. Ngoài ra, do nguồn hàng được bày bán bởi các cá nhân này thường không thể xác minh rõ ràng, người tiêu dùng cũng phải đối mặt với nguy cơ cao gặp phải hàng giả, hàng nhái kém chất lượng.

Thông tin trên các sàn giao dịch hiện tại chưa đủ rõ ràng để người tiêu dùng có thể phân biệt sự khác nhau về tính hợp pháp và an toàn của sản phẩm bày bán trên kênh bán hàng chính hãng và các cửa hàng bán lẻ ngoài kênh chính hãng. Bên cạnh đó, khi người tiêu dùng đang tìm thông tin trong khu vực bán hàng chính hãng, việc giới thiệu cửa hàng ngoài kênh chính hãng cũng dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

Khuyến nghị

- Bộ Công Thương cập nhật các quy định liên quan đến quản lý thương mại điện tử và hoàn thiện khung pháp lý quản lý thương mại điện tử hơn nữa để nâng cấp độ quản lý phù hợp với mức phát triển của thương mại điện tử hiện nay.
- Bộ Công Thương tăng cường quản lý trên nền tảng thương mại điện tử, đặc biệt đối với các cửa hàng ngoài kênh chính hãng, hướng tới một môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh hơn.
- Cục Quản lý Dược và các Sở Y tế tăng cường nguồn lực, tập trung hậu kiểm mỹ phẩm lưu hành trên các nền tảng điện tử.

IV. TÌNH GIẢN QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH SẢN PHẨM DIỆT KHUẨN DÙNG TRÊN DA CÓ CÔNG THỨC ĐƠN GIẢN

Cơ quan liên quan: Cục Quản lý Môi trường Y tế - Bộ Y tế

Mô tả vấn đề

Nhiều chế phẩm diệt khuẩn dùng trên da như nước rửa tay khô có công thức đơn giản, tính an toàn cao được sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày để bảo đảm vệ sinh sức khỏe cho người dân. Tại Việt Nam, sản phẩm này áp dụng chung quy trình đăng ký lưu hành với các sản phẩm diệt côn trùng. Quy trình phức tạp, phụ thuộc vào hồ sơ bản cứng và thường kéo dài 4-6 tháng, thậm chí có nhiều hồ sơ đăng ký kéo dài đến 12 tháng, phức tạp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

EuroCham đánh giá cao mục đích Bộ Y tế sửa đổi Nghị định 91 để phù hợp với thực tiễn quản lý, tạo điều kiện tốt hơn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi ghi nhận Cục Quản lý Môi trường Y tế đã đồng ý áp dụng quy trình đăng ký rút gọn cho chế phẩm sát khuẩn tay chứa hoạt chất đơn giản (ethanol, isopropanol) và chấp nhận kết quả khảo nghiệm từ nước ngoài với chế phẩm diệt khuẩn nhập khẩu. Tuy nhiên dự thảo gần nhất chỉ áp dụng cho một số ít sản phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng, chưa bao quát hầu hết sản phẩm diệt khuẩn dùng trên da nói chung, có công thức đơn giản được dùng phổ biến trong đời sống hàng ngày. Quy trình đăng ký lưu hành cho nhóm sản phẩm có công thức đơn giản chưa được tinh giản rõ rệt.

Khuyến nghị

- Đề nghị Bộ Y tế tách quy trình công bố cho sản phẩm diệt khuẩn dùng trên da có công thức, thành phần hoạt chất thông dụng tương tự như các nước Đông Nam Á (Singapore, Thái Lan, Philippine, Malaysia,...) và cắt giảm yêu cầu giấy tờ không cần thiết cho nhóm sản phẩm này. Nguy cơ gây mất an toàn của nhóm này so với chế phẩm diệt côn trùng hoàn toàn khác nhau nên yêu cầu về quản lý cũng cần điều chỉnh để giảm áp lực cho cơ quan quản lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đề nghị chấp nhận các kết quả kiểm nghiệm, khảo nghiệm ở các cơ sở kiểm nghiệm, khảo nghiệm đạt chuẩn ở nước ngoài cho cả chế phẩm diệt khuẩn nhập khẩu và sản xuất trong nước; đồng thời cập nhật hướng dẫn quy trình khảo nghiệm cho các loại chế phẩm diệt khuẩn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Mỹ phẩm thuộc EuroCham

An aerial photograph showing a dense, lush green forest canopy. The trees are tightly packed, creating a textured pattern of various shades of green. The lighting is bright, suggesting a sunny day, with some darker patches visible where the canopy is thicker.

D

LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

CHƯƠNG 18 THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TỔNG QUAN

Bước sang năm 2024, ngành nông nghiệp Việt Nam đã cho thấy khả năng phục hồi trước những biến động toàn cầu. Giá trị tăng thêm của khu vực nông nghiệp đạt 3,07% nửa đầu năm 2023, đóng góp 9,28% vào tăng trưởng GDP. Thành tích ổn định này giúp đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế, đồng thời tạo ra doanh thu xuất khẩu quan trọng. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp cần tiếp tục nỗ lực để tăng năng suất, tính bền vững và khả năng cạnh tranh trong bối cảnh vẫn còn nhiều thách thức, từ tác động của biến đổi khí hậu đến nguy cơ dịch bệnh ở động vật. Mặc dù vậy, các chính sách thận trọng đã giúp ngành nông nghiệp vượt qua được những áp lực trước mắt, thể hiện sự vững vàng bất chấp tình trạng bất ổn toàn cầu.

Đã có những nỗ lực vô cùng quan trọng của chính phủ như Quyết định 300 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về hệ thống thực phẩm bền vững đến năm 2030¹ và Quyết định 889 về tăng cường kiểm soát dịch bệnh ở động vật đã đặt nền móng chính sách cho một ngành nông nghiệp đổi mới, thích ứng với biến đổi khí hậu,² và Quyết định 100 phê duyệt Đề án triển khai, ứng dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc và xác định lộ trình ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn.³ Tuy nhiên, để tận dụng tối đa tiềm năng to lớn này, cần phải mở rộng tầm nhìn chiến lược này thành các chương trình cụ thể, bao gồm các chương trình đào tạo và giáo dục ở tất cả các cấp, đầu tư và hợp tác.

Những khuyến nghị trong các phần tiếp theo của chương này nhằm nêu bật những cơ hội quan trọng để phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam lên một tầm cao mới. Các ý tưởng được đưa ra trên nhiều khía cạnh như thực hành sản xuất bền vững, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và tài trợ đổi mới.

Ví dụ, các phương pháp tiếp cận như nông nghiệp sinh thái và sản xuất hữu cơ có thể cải thiện chất lượng và an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tương tự, việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi một cách thận trọng thông qua cách tiếp cận Một Sức khỏe (One Health) sẽ giảm thiểu rủi ro và phù hợp với các thực hành tốt nhất trên toàn cầu.

Trong khi đó, các phương án tài trợ được tối ưu hóa có thể cung cấp nguồn vốn cần thiết cho các khoản đầu tư quan trọng vào phát triển bền vững, công nghệ và nâng cấp cơ sở hạ tầng. Các ưu đãi về vốn lưu động và chuyển đổi Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG) sẽ cho phép các doanh nghiệp bắt tay vào hành trình hiện đại hóa.

Khả năng phục hồi được thể hiện trong năm 2023 cho thấy vai trò trung tâm của nông nghiệp Việt Nam trong sự phát triển của đất nước. Những ý tưởng được nêu trong các phần tiếp theo có thể giúp thúc đẩy ngành nông nghiệp tiếp tục củng cố giá trị chiến lược của ngành và đóng góp mạnh mẽ hơn cho một Việt Nam tăng trưởng liên tục và thịnh vượng.

I. TRIỂN KHAI NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ SẢN XUẤT HỮU CƠ CHO RAU QUẢ

Cơ quan liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Tài nguyên Môi trường (Bộ TNMT).

Mô tả vấn đề

- Quyết định 300/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định 300).
- Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2022 – 2030" (Quyết định 889).
- Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 1 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Quyết định 100).

Ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước thời cơ then chốt. Canh tác công nghiệp thông thường đã thúc đẩy tăng năng suất, tuy nhiên lại phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố đầu vào bên ngoài như phân bón hóa học và thuốc trừ sâu. Các tác động và rủi ro môi trường gây ra cho sức khỏe con người đã khơi mào cho phong trào toàn cầu hướng tới bền vững sinh thái. Nông nghiệp sinh thái đưa ra một giải pháp thay thế đầy hứa hẹn bằng cách áp dụng các nguyên tắc riêng của tự nhiên vào nông nghiệp. Khi ngành nông nghiệp Việt Nam tìm cách cân bằng giữa tăng năng suất và tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng toàn cầu, nông nghiệp sinh thái nên được xem xét nhờ mang lại nhiều lợi ích.

Nông nghiệp sinh thái nhấn mạnh đến đa dạng sinh học, chất lượng đất và kết hợp hiệu quả giữa các hệ động thực vật để tối ưu hóa năng suất. Các kỹ thuật bao gồm luân canh cây trồng, xen canh, quản lý dịch hại tổng hợp và canh tác tự nhiên với ngân sách bằng 0. Điều này làm giảm sự phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào tổng hợp bên ngoài, từ đó giảm chi phí và dấu chân môi trường. Nông nghiệp sinh thái rất phù hợp với nông dân sản xuất nhỏ, mang lại khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua sản xuất đa dạng hóa. Sản xuất trái cây, rau và hàng hóa được chứng nhận hữu cơ cũng có thể giúp nông dân Việt Nam tiếp cận thị trường nội địa và xuất khẩu cao cấp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái và cách tiếp cận sinh học có thể đặt ra một số thách thức ban đầu. Năng suất có thể thấp hơn so với phương pháp thâm canh thông thường sử dụng phân bón tổng hợp và thuốc trừ sâu. Tuy nhiên, lợi ích lâu dài bao gồm giảm chi phí đầu vào, cải thiện độ an toàn và bền vững môi trường.

Ở Việt Nam, quy mô trang trại nhỏ (trung bình 2 héc ta) khiến việc xin chứng nhận hữu cơ gặp nhiều khó khăn và có thể rất tốn kém. Việc thành lập các nhóm hợp tác và hợp tác xã cho phép các nhóm nông dân kết hợp sản xuất và đạt được một chứng chỉ hữu cơ duy nhất theo cách khả thi hơn. Nhiều quốc gia đưa ra các biện pháp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi sang phương pháp hữu cơ thông qua các khoản trợ cấp, khoản vay có trợ cấp và chia sẻ chi phí chứng nhận.

Mặc dù dữ liệu có thể khác nhau, một số ước tính cho thấy canh tác sinh học có thể đạt khoảng 90% năng suất thông thường.⁴ Mức chênh lệch 10% về năng suất có thể được giảm thiểu theo thời gian bằng cách tinh chỉnh các hệ thống canh tác tích hợp. Nghiên cứu, đào tạo và các hỗ trợ chính sách mạnh mẽ là những biện pháp rất quan trọng để giúp Việt Nam thuận lợi chuyển đổi sang nông nghiệp sinh học bền vững, nâng cao sinh kế của nông dân trong khi vẫn phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn và chất lượng.

Để so sánh, các nông dân EU hiện đang từng bước từ bỏ nông nghiệp thâm canh (1 vụ / diện tích bề mặt lớn) để chuyển sang nông nghiệp sinh thái (diện tích bề mặt nhỏ hơn với nhiều loại cây trồng khác nhau và giới thiệu đa dạng sinh học).

Khuyến nghị

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản của EuroCham (FAABS) khuyến nghị ngành nông nghiệp Việt Nam xây dựng các mục tiêu tham vọng nhưng có thể đạt được:

- Khuyến khích giảm sử dụng và giảm nguy cơ từ thuốc trừ sâu hóa học. Ví dụ, Liên minh châu Âu đề xuất mục tiêu giảm 50% việc sử dụng và rủi ro từ thuốc trừ sâu hóa học cũng như việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu nguy hiểm hơn vào năm 2030 và tăng tổng diện tích nông nghiệp được sử dụng trong canh tác hữu cơ (UAA) từ khoảng 14,7 triệu ha đất nông nghiệp ở EU vào năm 2020⁵ tương ứng từ 9,1% lên 25% vào năm 2023;⁶
- Ngoài ra, cần khuyến khích áp dụng nông nghiệp sinh thái thông qua tăng cường canh tác trên diện tích nhỏ hơn, xen canh và luân canh cây trồng;
- Khuyến khích hình thành các cụm hợp tác và hợp tác xã để dễ đạt được một chứng nhận hữu cơ duy nhất;

4 Ondrasek et al., "Land Resources in Organic Agriculture: Trends and Challenges in the Twenty-First Century from Global to Croatian Contexts" (Tài nguyên đất trong nông nghiệp hữu cơ: Xu hướng và thách thức trong thế kỷ 21 từ bối cảnh toàn cầu đến bối cảnh Croatia), *Agronomy*, 2023, 13, 1544. Xem tại: <<https://doi.org/10.3390/agronomy13061544>>.

5 "EU's organic farming area reaches 14.7 million hectares" (Diện tích canh tác hữu cơ của EU đạt 14,7 triệu ha), Eurostat, ngày 22 tháng 2 năm 2022. Xem tại <<https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/-/ddn-20220222-1>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 9 năm 2023.

6 "EU's organic farming area covered 15.9 million hectares" (Diện tích canh tác hữu cơ của EU là 15,9 triệu ha), Eurostat, ngày 22 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <<https://ec.europa.eu/eurostat/web/products-eurostat-news/-/ddn-20230622-1>>, truy cập lần cuối ngày 23 tháng 9 năm 2023.

- Cung cấp hỗ trợ tài chính cho nông dân chuyển đổi sang phương pháp hữu cơ;
- Tăng cường nỗ lực và đầu tư vào nghiên cứu, đào tạo và các nỗ lực chính sách để chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái một cách suôn sẻ; và
- Về các phân tử gây lây nhiễm chéo và do đó có khả năng ảnh hưởng đến tính vô hại trong thực phẩm và yêu cầu xuất khẩu, các cơ quan chức năng của Việt Nam có thể tập trung vào một số loại thuốc trừ sâu như Cypermethrin, Permethrin, Acetamiprid, Mancozeb và một số loại khác.

II. THỰC HIỆN CÁCH TIẾP CẬN MỘT SỨC KHỎE TRONG CHĂN NUÔI

Cơ quan liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài nguyên Môi trường (Bộ TNMT).

Mô tả vấn đề

Đặt lại trọng tâm vào vấn đề an toàn thực phẩm và thảo luận về cách đảm bảo an toàn thực phẩm là rất quan trọng để tận dụng tối đa lợi ích của EVFTA. Thật vậy, các cơ quan quản lý của châu Âu yêu cầu phải đáp ứng một số tiêu chí nhất định như không có dấu vết của kháng sinh hoặc chất bị cấm. Tuy nhiên, theo những nghiên cứu mới đây,⁷ hàng năm ở Việt Nam, có khoảng 2751 tấn thuốc kháng sinh được sử dụng trong chăn nuôi,⁸⁻⁹ và lượng kháng sinh cao nhất được tìm thấy ở lợn và gia cầm.¹⁰ Ngoài ra, hàm lượng dư lượng kháng sinh cao trong các sản phẩm thực phẩm và tình trạng kháng kháng sinh ở các mầm bệnh lây truyền từ động vật sang người qua thực phẩm (ví dụ: Salmonella không gây bệnh thương hàn) cũng là những vấn đề đáng lưu ý của ngành chăn nuôi trong nước. Một số khảo sát cho thấy việc sử dụng kháng sinh để phòng bệnh vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ ở Việt Nam.¹¹⁻¹² Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), kháng kháng sinh là một trong số 10 tình trạng khẩn cấp về sức khỏe toàn cầu hàng đầu ảnh hưởng đến nhân loại,¹³ và việc sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

FAABS và EuroCham ghi nhận những nỗ lực và thành tựu to lớn của Chính phủ Việt Nam với việc ban hành Nghị định 13 của Chính phủ¹⁴ trong đó đặt ra lộ trình cấm hoàn toàn một số loại thuốc kháng sinh sử dụng để phòng bệnh căn cứ vào ảnh hưởng đối với sức khỏe con người theo WHO và ở động vật trên cạn ở giai đoạn con non vào năm 2026.¹⁵

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quy định được ban hành gần đây về hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đã giúp Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực Đông Nam Á về các nỗ lực này. Khi lộ trình

- 7 JJ. Carrique-Mas, "Restrictions on antimicrobial use in aquaculture and livestock" (Hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi), *World Health Organization*, Viet Nam, 2023, 101:223–225. Xem tại: <<http://dx.doi.org/10.2471/BLT.22.289187>>.
- 8 JJ. Carrique-Mas, M. Choisy, N. Van Cuong, G. Thwaites, S. Baker, "An estimation of total antimicrobial usage in humans and animals in Vietnam" (Ước tính tổng lượng sử dụng kháng sinh ở người và động vật ở Việt Nam), *Antimicrob Resist Infect Control*, 2020, 14(9):16. Xem tại: <<https://doi.org/10.1186/s13756-019-0671-7>>.
- 9 LTT. Ha, C. Rueanghiran, NTH. Giang, DP. Thuy, DH. Phu, B. Tuan Kiet, et al. "Antimicrobial usage surveillance through sales at veterinary drug shops intended for livestock in Vietnam" (Giám sát sử dụng kháng sinh thông qua bán hàng tại các cửa hàng thuốc thú y dành cho vật nuôi ở Việt Nam). *Front Sustain Food Syst.*, 2021;5:784500. Xem tại: <<https://doi.org/10.3389/fsufs.2021.784500>>.
- 10 NT. Nhung, NTB. Van, NV. Cuong, TTQ. Duong, TT. Nhat, TTT. Hang, et al., "Antimicrobial residues and resistance against critically important antimicrobials in non-typhoidal Salmonella from meat sold at wet markets and supermarkets in Vietnam" (Tồn dư kháng sinh và khả năng kháng các kháng sinh cực kỳ quan trọng của vi khuẩn Salmonella không thương hàn từ thịt bán tại các chợ và siêu thị tươi sống ở Việt Nam), *Int J Food Microbiol*, 2018;266:301. Xem tại: <<https://doi.org/10.1016/j.jfoodmicro.2017.12.015>>.
- 11 Đã dẫn.
- 12 Duc et al., "Knowledge, attitudes and practices of livestock and aquaculture producers regarding antimicrobial use and resistance in Vietnam." (Kiến thức, thái độ và thực hành của người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản về sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh ở Việt Nam), 2019;14(9):e0223115. Xem tại: <<https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/31553776/>>.
- 13 Như tài liệu đã được trích dẫn, JJ. Carrique-Mas, 2023 "Restrictions on antimicrobial use in aquaculture and livestock, Viet Nam" (Hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi).
- 14 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (Nghị định 13)
- 15 Huang et al. "Antibiotics use in fish and shrimp farms in Vietnam" (Sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm, cá ở Việt Nam), 2021, *Aquaculture report*. Xem tại: <<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2352513421001277?via%3Dihub>>.

này đạt đến giai đoạn cuối vào năm 2026, các hạn chế về việc sử dụng kháng sinh ở Việt Nam sẽ giống như các hạn chế ở các nước EU. Chúng tôi ủng hộ việc tuân thủ tối đa các quy định này, và đề nghị các quy định này cần được xem xét và cải thiện định kỳ. Chúng tôi tin tưởng rằng thành công trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi sẽ giúp Việt Nam khai thác đầy đủ lợi ích từ EVFTA bằng cách tối đa hóa xuất khẩu và hợp tác kinh doanh với các nước châu Âu.

Khuyến nghị

Chúng tôi muốn củng cố một số khuyến nghị như sau:

- Tiếp tục phổ biến các quy định và giám sát việc tuân thủ thông qua nâng cao hiểu biết của các bên liên quan về các sản phẩm thuốc kháng sinh dùng trong thú y và danh mục các sản phẩm này theo WHO; hiểu biết về những rủi ro liên quan đến việc sử dụng để phòng bệnh; và hiểu biết về việc phân loại doanh nghiệp chăn nuôi theo đơn vị chăn nuôi;
- Đảm bảo tuân thủ và giám sát tốt hơn các quy định về sử dụng các sản phẩm có chứa kháng sinh thông qua việc ghi nhãn và đánh giá tác động của việc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng kháng sinh;
- Chính phủ nên đối thoại với ngành sản xuất động vật làm thực phẩm, khuyến khích hài hòa hóa các quy định về thuốc kháng sinh và giám sát các tác động tiềm ẩn đối với tình hình bệnh tật và sản xuất trong khu vực; và
- Cần khuyến khích các giải pháp thay thế cho phương pháp điều trị bệnh bằng kháng sinh như an toàn sinh học, tiêm chủng, sử dụng các giải pháp thay thế như men vi sinh, prebiotic (một loại chất xơ nuôi các vi khuẩn thân thiện trong hệ tiêu hóa) hoặc các giải pháp dựa vào tự nhiên khác đã được sử dụng trong nhiều thập kỷ ở châu Âu.

III. CÁC PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).

Mô tả vấn đề

Các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đã trở nên linh hoạt và công phu hơn trong cách quản lý hoạt động tài chính, chuyển từ giao dịch tiền mặt sang nền tảng kỹ thuật số, đồng thời cũng đang tìm cách tối ưu hóa hơn nữa vốn lưu động của mình. Nông nghiệp vốn là một lĩnh vực được khuyến khích và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã giới hạn lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ ở mức 4,5%.¹⁶ Một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp (cả trong và ngoài nước) đầu tư mạnh hơn vào lĩnh vực này sẽ phụ thuộc vào các chương trình hoặc ưu đãi tiếp theo từ Chính phủ để giảm lãi suất cho vay cho các phương án tài chính nhằm tối ưu hóa vốn lưu động và tài trợ cho các kế hoạch mở rộng chi tiêu vốn của doanh nghiệp. Trong bối cảnh rộng hơn, đầu tư vào nông nghiệp bền vững cũng có thể chịu tác động gián tiếp của một chính sách quy mô lớn như Quy hoạch phát triển điện lực VIII (Quy hoạch điện VIII). Một chính sách như vậy sẽ có tác động theo chiều ngang, ảnh hưởng đến quyết định của các doanh nghiệp vào Việt Nam đầu tư. Vì vậy, lộ trình thực hiện các phương án tài trợ cần tính đến các chính sách, chương trình như vậy để phát triển toàn diện và lâu dài.

Một lĩnh vực trọng tâm quan trọng khác xoay quanh chương trình Môi trường-Xã hội-Quản trị (Environmental-Social-Governmental - ESG) hoặc phát triển bền vững. Các chính sách ở châu Âu đối với ngành nông nghiệp hiện đang tập trung nhiều hơn vào khái niệm này thông qua các chính sách tiếp cận mới như Cơ chế điều chỉnh

16 "NHNN điều chỉnh lãi suất cơ bản", *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, 2023. Xem tại: <https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/en/home/sbv/news/Latestnews/Latestnews_chitiet?dDocName=SBV570041&p=4&_afLoop=30418265732166023#%40%3F_afLoop%3D30418265732166023%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DSBV570041%26leftWidth%3D20%2525%26p%3D4%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D17140poo8e_4_>, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 9 năm 2023.

biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM) và Quy định Chống phá rừng của EU (EU Deforestation Regulation – EUDR). Những chính sách này là một phần của hệ sinh thái chính sách thiết lập một môi trường kinh doanh thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng và thích ứng với các tiêu chuẩn cao hơn về tính bền vững. Chẳng hạn như trong EUDR, người tiêu dùng châu Âu sẽ không tiêu thụ bất kỳ sản phẩm nào góp phần gây ra nạn phá rừng.¹⁷ Hơn thế, các chính sách này không chỉ tác động trong khu vực EU, các nước giao thương với EU cũng phải đáp ứng được các tiêu chuẩn bền vững của EU.

Hiện tại, Chính phủ chưa có chương trình hoặc ưu đãi cụ thể nào để giúp doanh nghiệp chuyển sang phát thải ròng bằng 0 hoặc nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Tiến trình thực hiện ESG vẫn còn chưa được củng cố. Chúng tôi thấy nhiều công ty thực hiện chương trình ESG một cách nghiêm túc và đang nỗ lực hướng tới tham vọng phát thải ròng bằng 0 với các ưu tiên và kế hoạch rõ ràng, nhưng chúng tôi cũng thấy nhiều công ty không muốn tiếp tục do chi phí vận hành ban đầu để đầu tư vào các mục tiêu ESG còn cao. Chương trình ưu đãi của Chính phủ sẽ khuyến khích nhiều công ty hơn bắt đầu thực hiện chương trình ESG một cách nghiêm túc hơn, đặc biệt là ngành nông nghiệp vốn là nền tảng của nền kinh tế Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác cùng với các Bộ Ngành liên quan cần tiếp tục nâng cao hiểu biết của doanh nghiệp về các lợi ích của vốn lưu động cho toàn bộ hệ sinh thái của doanh nghiệp, từ nhà cung cấp đến nhà phân phối, người mua và đến khách hàng cuối, điều này sẽ có lợi cho nền kinh tế. Quan trọng hơn, việc sử dụng nhiều phương án tài trợ vốn lưu động hơn như tài trợ chuỗi cung ứng hoặc tài trợ nhà phân phối so với các phương án cho vay thông thường sẽ giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp cũng như giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả hơn.

Về khía cạnh ESG, việc chưa có các kế hoạch và ưu đãi cụ thể từ Chính phủ có thể là yếu tố khiến nhiều doanh nghiệp trì hoãn việc thực hiện kế hoạch ESG của mình vốn sẽ không tốt cho nền kinh tế khi Việt Nam có mục tiêu cụ thể là phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Khuyến nghị

FAABS khuyến nghị như sau:

- Các Bộ và tổ chức tài chính nên tổ chức các hội thảo để đào tạo cho doanh nghiệp về lợi ích của vốn lưu động;
- Cần có một chương trình khuyến khích ESG được trợ cấp từ Chính phủ (như chương trình trợ cấp cho lĩnh vực được khuyến khích), từ đó thúc đẩy/khuyến khích doanh nghiệp bắt đầu thực hiện kế hoạch ESG của mình để chuyển sang mức phát thải ròng bằng 0; và
- Cần nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng các chính sách có tác động liên kết với nhau. Chẳng hạn, cần làm rõ kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII với các mốc thời gian cụ thể vì điều này cũng sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham

¹⁷ “Deforestation-free products” (Sản phẩm không phá rừng), *European Commission*. Xem tại: < https://environment.ec.europa.eu/topics/forests/deforestation/regulation-deforestation-free-products_en>, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.

CHƯƠNG 19 RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

TỔNG QUAN

Ngành rượu vang và rượu mạnh (RVRM) tại Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, trải qua việc tạm dừng phân phối sản phẩm, đóng cửa các cửa hàng thực phẩm, đồ uống và giải trí cũng như tạm dừng hoạt động du lịch và khách sạn trong bối cảnh đóng cửa biên giới trong thời gian dài và các hạn chế khác. Trước đại dịch COVID-19, doanh số bán hàng của ngành RVRM tại Việt Nam được phân chia khá đồng đều giữa các kênh tiêu thụ tại chỗ và mua về nhà. Doanh số bán hàng tại chỗ đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bùng phát của đại dịch, giảm gần một nửa trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021 và chỉ được bù đắp một phần bằng mức tăng 8% về doanh số bán hàng mua về nhà. Các doanh nghiệp RVRM đã phải chịu những tác động lâu dài và liên tục đến doanh số bán hàng trong và sau đại dịch khi nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm RVRM giảm so với giai đoạn trước COVID-19. Đóng góp của ngành hàng RVRM quốc tế vào GDP của Việt Nam đã giảm từ 398 triệu Đô-la Mỹ xuống còn 282 triệu Đô-la Mỹ.¹ Mặc dù tình hình đã dần được cải thiện, các công ty RVRM vẫn đang phục hồi sau tác động của đại dịch và cần được hỗ trợ bởi môi trường kinh doanh, quy định và pháp lý ổn định.

RVRM chỉ chiếm một phần nhỏ trong thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam, với rượu mạnh và rượu vang lần lượt chiếm 0,8% và 0,3% tổng doanh số bán đồ uống có cồn so với 98,6% của bia.² Mặc dù có thị phần nhỏ trong ngành đồ uống, đặc biệt là so với bia, nhưng ngành hàng RVRM quốc tế vẫn đóng góp quan trọng cho nền kinh tế Việt Nam. Theo một nghiên cứu gần đây của Oxford Economics (2023), việc bán và phân phối RVRM quốc tế đã đóng góp 282 triệu Đô-la Mỹ vào GDP của Việt Nam vào năm 2022, tương đương 0,6% tổng GDP của lĩnh vực khách sạn, bán lẻ và bán buôn. Ngành hàng này cũng hỗ trợ tổng cộng 65.600 việc làm trên cả nước và tạo ra doanh thu thuế 253 triệu Đô-la Mỹ.³

Đóng góp kinh tế của ngành hàng RVRM quốc tế được hỗ trợ thêm bởi xu hướng tiêu dùng cao cấp hóa trên toàn cầu⁴ cũng đã xuất hiện ở Việt Nam. Dân số Việt Nam ngày càng thịnh vượng và việc Chính phủ đẩy mạnh xúc tiến du lịch chất lượng cao đã dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm RVRM cao cấp từ cả người tiêu dùng trong nước và khách du lịch nước ngoài. Đáp ứng những nhu cầu này, ngành hàng RVRM quốc tế có thể giải phóng chi tiêu cho nhiều hoạt động hơn, mang lại lợi ích cho kinh tế địa phương bao gồm các cơ hội kinh doanh mới tại địa phương, việc làm giá trị cao, tỷ suất lợi nhuận cao hơn và doanh thu thuế trong ngành khách sạn và bán lẻ.

Một vấn đề lớn và lâu dài đối với ngành RVRM của Việt Nam là buôn bán rượu bất hợp pháp, gây ra nhiều tác động vật chất cho xã hội, đặc biệt là sức khỏe người tiêu dùng. Theo ước tính của WHO⁵, năm 2019, 57% lượng đồ uống có cồn tiêu thụ ở Việt Nam không được ghi nhận,⁶ nghĩa là đóng góp thuế chỉ được thực hiện trên 43% tổng doanh thu⁷. Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ nên xem xét hiện đại hóa các quy định để linh hoạt và đổi mới trong khuôn khổ pháp lý để nhận ra những thay đổi trong thực tiễn ngành và kỳ vọng của người tiêu dùng. Trong lĩnh vực đồ uống có cồn, việc hệ thống của Việt Nam phù hợp với hầu hết các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) sẽ mang lại nhiều lợi ích, bao gồm đa dạng chủng loại, sản phẩm có chất lượng tốt hơn và giá thấp hơn cho người tiêu dùng thông qua một thị trường cạnh tranh, cả truyền thống và trực tuyến, cũng như cơ hội cạnh tranh công bằng hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và thương nhân. Những thay đổi này sẽ đảm bảo sự công bằng giữa các sản phẩm, nhà nhập khẩu và nhà sản xuất, đồng thời giúp các doanh nghiệp nhỏ và

1 Ngành hàng rượu vang và rượu mạnh quốc tế tại ASEAN: Đóng góp kinh tế của chuỗi giá trị rượu vang và rượu mạnh quốc tế ở Thái Lan và Việt Nam, tháng 7 năm 2023, Oxford Economics ("Nghiên cứu của Oxford về rượu vang và rượu mạnh 2023"), trang 17 và trang 48.

2 Nghiên cứu của Oxford về rượu vang và rượu mạnh 2023, trang 17.

3 Nghiên cứu của Oxford về rượu vang và rượu mạnh 2023, trang 47.

4 "Cao cấp hóa" mô tả xu hướng người tiêu dùng nâng cao giá trị cho những lựa chọn tiêu dùng của họ và mua nhiều sản phẩm cao cấp hơn.

5 Đài quan sát sức khỏe toàn cầu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO-GHO), năm 2022. Có sẵn tại [https://www.who.int/data/gho/data/indicators/indicator-details/GHO/total-\(recorded-unrecorded\)-alcohol-per-capita-\(15-\)-consumption](https://www.who.int/data/gho/data/indicators/indicator-details/GHO/total-(recorded-unrecorded)-alcohol-per-capita-(15-)-consumption), truy cập lần cuối vào ngày 6 tháng 11 năm 2023.

6 Đồ uống có cồn "không được ghi nhận" là đồ uống có cồn không được kiểm kê trong số liệu thống kê chính thức về thuế hoặc doanh số bán đồ uống có cồn ở quốc gia tiêu thụ. Điều này là do các loại đồ uống này thường được sản xuất, phân phối, và được bán bên ngoài các kênh chính thức được kiểm soát bởi chính phủ.

7 "Towards an ASEAN Community: Tackling Illicit Alcohol in Southeast Asia, 2023", EUABC, TRACIT, APISWA, AACs ("Báo cáo Thương mại Bất hợp pháp ASEAN 2023"), trang 13.

những thành viên mới tham gia thị trường rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường và tiếp cận được nhiều người tiêu dùng hơn, phát triển hệ sinh thái đang phát triển, thúc đẩy ngành du lịch và khách sạn của Việt Nam, và chống lại nạn buôn bán rượu bất hợp pháp. Chính phủ có thể tối đa hóa lợi ích kinh tế từ ngành RVRM, xây dựng một hệ sinh thái, thúc đẩy ngành du lịch và khách sạn của Việt Nam cũng như đấu tranh hiệu quả hơn với hoạt động buôn bán đồ uống có cồn bất hợp pháp.

I. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Hiệu quả kinh tế, công bằng, khả năng thực thi và tuân thủ là những nguyên tắc chung định hướng chính sách thuế. Khi xem xét theo những nguyên tắc này, chế độ đánh thuế rượu bia hiện hành còn tồn tại nhiều điểm thiếu nhất quán. Ví dụ, vào năm 2016, cải cách Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (TTĐB) đã đưa ra ba mức tăng hàng năm về thuế suất đánh theo giá trị hàng hóa (GTHH). Theo đó, cơ sở tính thuế đối với các sản phẩm nhập khẩu cũng thay đổi từ giá vốn, bảo hiểm và cước phí (CIF) sang giá bán của nhà nhập khẩu. Cải cách này đã tác động đáng kể đến các sản phẩm rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu và làm mất hiệu lực của các cam kết của EVFTA về thuế quan và cắt giảm thuế, dẫn đến lộ trình dỡ bỏ thuế quan đối với sản phẩm rượu trong vòng 7 năm, được cho là phát triển thương mại.

Chính phủ đã thông qua Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2023-2025 của Quốc hội khóa XV vào ngày 16 tháng 12 năm 2021⁸, trong đó khẳng định Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ được sửa đổi một lần nữa. Sau một thời gian lấy ý kiến công chúng và được Bộ Tư pháp thẩm định, vào ngày 28 tháng 7 năm 2023, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết 115⁹. Ngoài các nội dung khác, Nghị quyết 115 yêu cầu Bộ Tài chính trình đề xuất Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi sau khi nghiên cứu xây dựng mô hình thuế hỗn hợp đối với đồ uống có cồn, phù hợp với Chiến lược cải cách thuế của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2030¹⁰ và phù hợp với xu hướng cải cách thuế quốc tế. Bộ Tài chính dự kiến sẽ trình đề xuất thuế TTĐB sửa đổi để đưa vào Chương trình xây dựng luật năm 2024. Theo lộ trình này, phiên thảo luận đầu tiên của Quốc hội sẽ được tổ chức vào tháng 5 năm 2024 và được thông qua sớm nhất vào tháng 10 năm 2024.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tích cực tuân thủ các hiệp định thương mại đa phương, đặc biệt là sau COVID-19. Chúng tôi lo ngại rằng bất kỳ thay đổi nào đối với các quy định trong nước ở giai đoạn hiện nay – bao gồm các thay đổi về tăng thuế – sẽ cản trở những nỗ lực này và gây ra những tác động không mong muốn đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đồng thời cũng cản trở doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch.

Ngoài ra, EVFTA mang lại lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp, đặc biệt là về cắt giảm thuế. Tăng thuế TTĐB đối với các mặt hàng nhập khẩu từ EU sẽ gây ra lo ngại về việc đạt được các lợi ích của hiệp định này. Theo tinh thần của Hiệp ước Chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT), cụ thể là Quy tắc Tối huệ quốc (MFN) và Nguyên tắc Đối xử Quốc gia, mọi quốc gia thành viên cần áp dụng chính sách thuế công bằng, không phân biệt đối xử giữa các quốc gia hoặc giữa sản phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu. Vì vậy, các chính sách thuế cũng cần đảm bảo tuân thủ quy tắc này và không có sự phân biệt giữa các sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước.

Các chính sách thuế ổn định và có thể dự đoán là cần thiết cho khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, vì chúng củng cố các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp. Tuy nhiên, Luật Thuế TTĐB của Việt Nam đã được sửa đổi thường xuyên năm phiên bản kể từ năm 2003, thay đổi nhanh chóng và bất lợi trong các chính sách thuế và thuế TTĐB có tác động rõ rệt đến bối cảnh chính trị, kinh tế của Việt Nam và ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp cũng như khả năng đầu tư, mở rộng hoạt động tại Việt Nam. Các định hướng sửa đổi thường tập trung

8 Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2023 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2023 (Nghị quyết 16).

9 Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023 (Nghị quyết 115).

10 Quyết định 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách thuế đến năm 2030 (Quyết định 508).

vào việc tăng thuế tương đối đối với sản phẩm đồ uống có cồn để giảm tác động sức khỏe do tiêu thụ rượu gây ra, nhưng việc đánh giá toàn diện các tác động kinh tế và xã hội của những cải cách này vẫn chưa được tiến hành. Trong khi đó, một phần đáng kể đồ uống có cồn vẫn chưa được ghi nhận trên thị trường¹¹, kết hợp với thuế TTĐB cao hơn, điều này sẽ tiếp tục nới rộng khoảng cách giá giữa các sản phẩm hợp pháp và bất hợp pháp, khuyến khích các hoạt động thương mại bất hợp pháp, gây bất lợi cho sức khỏe người tiêu dùng. Ước tính thiệt hại tài chính do buôn bán rượu bia trái phép vào năm 2019 là 441 triệu Đô-la Mỹ.¹²

Hơn nữa, phương pháp thuế tương đối hiện tại cản trở quá trình cao cấp hóa của thị trường, điều này là then chốt cho tăng trưởng kinh tế, khi người tiêu dùng uống ít hơn với những sản phẩm chất lượng hơn. Chính phủ có thể tham khảo các chính sách chống lại thị trường bất hợp pháp và thu hẹp chênh lệch thuế giữa các sản phẩm hợp pháp và bất hợp pháp. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng tiêu dùng chất lượng cao hơn, cùng với mức thu nhập tăng và tiềm năng du lịch bền vững, hứa hẹn những lợi ích kinh tế và tăng cường sức khỏe và an toàn cộng đồng.

Chúng tôi hoan nghênh Nghị quyết 115 ngày 28 tháng 7 năm 2023 như một cơ hội để Bộ Tài chính tìm hiểu việc chuyển đổi sang một hệ thống thuế phù hợp hơn nhằm đưa Bộ Tài chính đến gần hơn với các thông lệ quốc tế tốt nhất. Điều này phù hợp với các khuyến nghị trong báo cáo của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) “Tổng quan về hệ thống chính sách thuế đối với ngành sản xuất rượu và đề xuất kiến nghị” công bố năm 2020 và “Báo cáo đánh giá định lượng tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ngành đồ uống có cồn”¹³ công bố năm 2022.

Bộ Tài chính nên cân nhắc một hệ thống thuế mới dựa trên nồng độ cồn nguyên chất trong đồ uống để đảm bảo công bằng giữa các sản phẩm và mang lại nguồn thu ngân sách ổn định hơn và có thể dự đoán được, đồng thời giúp việc quản lý đơn giản và ít tốn kém hơn. Cách tiếp cận này mang lại nhiều lựa chọn hơn cho người tiêu dùng, giảm lượng hàng xách tay từ nước ngoài và vận chuyển cá nhân trực tiếp từ nước ngoài, đồng thời liên kết giá cả với nồng độ cồn thay vì giá trị, khuyến khích tiêu thụ ở mức độ vừa phải và công nhận rằng tất cả rượu bia đều ảnh hưởng đến cơ thể như nhau, bất kể chủng loại hay giá của sản phẩm. Mặc dù phương pháp thuế hỗn hợp phức tạp hơn, có thể dẫn đến chi phí hành chính cao, nhưng có thể giúp đạt được các mục tiêu bổ sung là ngăn những người không uống rượu bắt đầu uống rượu. Phương pháp thuế hỗn hợp có thể được xem xét trong quá trình chuyển đổi hướng tới một mức thuế suất theo thể tích duy nhất cho tất cả đồ uống có cồn, đây là hệ thống lý tưởng để đánh thuế rượu.

Khuyến nghị

- Không thực hiện thay đổi tăng thêm nào về thuế TTĐB cho đến năm 2026, để Chính phủ có thể xem xét và xây dựng các chính sách thuế dựa trên bằng chứng nhằm đáp ứng các mục tiêu về y tế cộng đồng và tạo nguồn thu ổn định (evidence-based taxation) cho ngân sách nhà nước một cách hợp lý và toàn diện;
- Khi xem xét cách cải cách thuế TTĐB, phương pháp thuế hỗn hợp (mô hình kết hợp thuế tương đối và thuế tuyệt đối) cần được nghiên cứu để ngành RVRM đáp ứng các mục tiêu này. Phương pháp này phù hợp với Chiến lược cải cách thuế đến năm 2030 của Chính phủ;
- Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh của EuroCham sẵn sàng hỗ trợ Chính phủ trong nỗ lực này, bao gồm nghiên cứu tính khả thi của mô hình thuế TTĐB hỗn hợp tại Việt Nam, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất từ các thị trường khác để phát triển mô hình này cho ngành RVRM tại Việt Nam. Điều này sẽ giúp đưa ra phương pháp tính thuế hợp lý, phù hợp với mức sống của người dân và đạt được các mục tiêu thu thuế, phát triển kinh doanh và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; và
- Bộ Tài chính cùng với các cơ quan hữu quan, nên nghiên cứu các biện pháp giải quyết vấn đề đáng kể về rượu bia không được ghi nhận ở Việt Nam, chẳng hạn như thông qua phối hợp và thực thi pháp luật mạnh mẽ hơn, bảo vệ an toàn và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với sự hỗ trợ từ ngành RVRM. Việc giảm

11 “Báo cáo thương mại bất hợp pháp ASEAN 2023”, trang 13

12 “Báo cáo thương mại bất hợp pháp ASEAN 2023”, trang 12.

13 “Báo cáo nghiên cứu: Đánh giá định lượng tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có cồn”, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), ngày 10 tháng 6 năm 2023. Xem tại: <<http://ciem.org.vn/Content/files/Bao%20cao%20danh%20gia%20dinh%20luong%20tac%20dong%20cua%20thue%20tieu%20thu%20dac%20biet%20doi%20voi%20do%20uong%20co%20con.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 10 năm 2023.

lượng đồ uống có cồn không được ghi nhận sẽ giảm thất thu thuế từ mức 57% tổng lượng rượu bia tiêu thụ tại Việt Nam nói trên.

II. QUẢNG CÁO VÀ KHUYẾN MÃI

Cơ quan liên quan: Bộ Công thương (BCT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Thiếu nhất quán giữa các quy định

Cách tiếp cận của Việt Nam đối với các hạn chế về quảng cáo và khuyến mãi sản phẩm rượu đã phát triển trong gần 20 năm. Quảng cáo được xem là có ảnh hưởng văn hóa và do đó nằm trong phạm vi quản lý của Bộ VHTT&DL. Trong khi đó, khuyến mãi là một hoạt động thương mại chịu sự quản lý của Bộ Công thương. Mặc dù là cơ quan có ảnh hưởng cực kỳ quan trọng với nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe người dân, Bộ Y tế không có thẩm quyền chính thức để thực thi hoặc thúc đẩy việc sửa đổi các quy định hiện hành về quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm rượu.

Các hạn chế về quảng cáo và khuyến mãi sản phẩm rượu ban đầu được phân tán trong các văn bản pháp luật khác nhau, đặc biệt là các quy định trong Pháp lệnh Quảng cáo,¹⁴ Luật Thương mại,¹⁵ và Luật quảng cáo.¹⁶

- Lệnh cấm quảng cáo được áp dụng cho các sản phẩm có nồng độ cồn trên 30% theo Luật Thương mại và được siết chặt vào năm 2012 với lệnh cấm đối với các sản phẩm có nồng độ cồn trên 15% theo Luật Quảng cáo; và
- Các quy tắc khuyến mãi tương đối nhất quán và đã bị cấm theo Luật Thương mại.

Đây không phải là mâu thuẫn cho đến khi Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia được ban hành vào năm 2019.¹⁷ Luật này tổng hợp tất cả các biện pháp quản lý để giải quyết việc lạm dụng rượu bia có hại, bao gồm các quy định về quảng cáo và khuyến mãi. Đặc biệt, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia chỉ cấm khuyến mãi đồ uống có nồng độ cồn trên 15%. Tuy nhiên, trên thực tế, Bộ Công thương vẫn duy trì lệnh cấm khuyến mãi tất cả các sản phẩm rượu vang và rượu mạnh dựa trên những hạn chế đã được quy định trong Luật Thương mại về việc cấm khuyến mãi tất cả các loại rượu vang và rượu mạnh. Đồng thời, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia bổ sung các hạn chế về thời gian, địa điểm và nội dung quảng cáo đối với sản phẩm RVRM có nồng độ cồn dưới 5,5% trong khi Luật Quảng cáo không quy định hạn chế về nội dung quảng cáo đối với sản phẩm RVRM có nồng độ cồn dưới 15%.

Đáng chú ý, sự mâu thuẫn giữa các quy định của Luật Thương mại, Luật Quảng cáo và Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia đã dẫn đến sự lúng túng khi thực hiện theo quy định và hạn chế hoạt động kinh doanh hợp pháp của ngành RVRM trên thực tế. Ngoài ra, ngành công nghiệp RVRM là một ngành được quản lý chặt chẽ ở Việt Nam, trước đây luôn phải chịu những thay đổi liên tục về quy định trong các lĩnh vực cấp phép và các yêu cầu hoạt động hải quan và chính sách thuế. Trên tổng thể, tất cả các biện pháp này ảnh hưởng đến khả năng đóng góp của ngành vào doanh thu thuế và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

14 Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2021/PL-UBTVQH10 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Pháp lệnh Quảng cáo).

15 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội (Luật Thương mại).

16 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội (Luật Quảng cáo).

17 Luật Phòng chống tác hại của rượu bia số 44/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội. (Luật Phòng chống tác hại của rượu bia).

Các vấn đề xung quanh các hạn chế khuyến mãi sản phẩm RVRM:

Vấn đề về hạn chế khuyến mãi rượu xuất phát từ một quy định mâu thuẫn trong Luật Thương mại. Theo Điều 100 Luật Thương mại, các hoạt động khuyến mãi sau đây bị cấm:

- Khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh; **hàng hóa dịch vụ hạn chế kinh doanh**; hàng hóa chưa được phép lưu thông; dịch vụ chưa được phép cung ứng (Khoản 1, Điều 100).
- Khuyến mại hoặc sử dụng thuốc lá hoặc **RVRM có độ cồn từ 30% trở lên** để khuyến mãi dưới mọi hình thức (Khoản 4, Điều 100)

Sau đó, vào năm 2006, Nghị định 59¹⁸ hướng dẫn thi hành Luật Thương mại được ban hành cùng với danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh, bao gồm tất cả các sản phẩm rượu. Do đó, với Khoản 1, Điều 100 của Luật Thương mại hiện nay tất cả các sản phẩm RVRM đều bị cấm khuyến mãi, khiến Khoản 4, Điều 100 trở nên dư thừa.

Luật Phòng chống tác hại của rượu bia sửa đổi ngưỡng nồng độ cồn 30% tại Khoản 4, Điều 100 Luật Thương mại thành nồng độ cồn 15%. Tuy nhiên, quy định cấm khuyến mại hàng hóa bị hạn chế kinh doanh của Luật Thương mại vẫn còn hiệu lực.

Do Bộ VH&TT&DL hiện đang soạn thảo hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Quảng cáo nên sẽ có những thay đổi chính sách quan trọng về nội dung và thời lượng quảng cáo cũng như trách nhiệm của các đơn vị thực hiện quảng cáo. Tuy nhiên, việc sửa đổi luật này không chỉ đảm bảo tính nhất quán giữa các khung pháp lý khác nhau về hoạt động quảng cáo mà còn cho phép doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế đồng thời bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Cách tiếp cận sửa đổi luật như vậy đã được chứng minh là khả thi và thành công, bằng chứng là trường hợp quy định về thương mại điện tử áp dụng cho đồ uống có cồn. Các quy định này cho phép doanh nghiệp tham gia vào mua bán rượu online đồng thời áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt để chống lạm dụng rượu bia và hạn chế quyền tiếp cận của các cá nhân dưới độ tuổi uống rượu hợp pháp (18 tuổi) tại Việt Nam. Là các nhà sản xuất và phân phối hợp pháp trong ngành rượu vang và rượu mạnh, chúng tôi tích cực cộng tác với Chính phủ và các đối tác để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại điện tử về rượu có trách nhiệm. Vào tháng 11 năm 2022, chúng tôi đã ra mắt một công cụ đào tạo trực tuyến nhằm mục đích đào tạo cho tất cả các bên liên quan trong kinh doanh rượu bia online về các quy định thích hợp, thúc đẩy môi trường thương mại điện tử có trách nhiệm nhằm khuyến khích kiểm duyệt, ngăn chặn việc bán rượu bia cho trẻ vị thành niên và giải quyết các tác hại liên quan đến rượu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thị trường bia, rượu vang và rượu mạnh là một thị trường được quản lý chặt chẽ không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn cầu. Các quy định ngày càng nghiêm ngặt về quảng cáo rượu tại Việt Nam, thông qua việc giảm giới hạn nồng độ cồn và ban hành Luật Phòng chống tác hại của rượu bia, trước đây đều dựa trên những lo ngại về sức khỏe và các vấn đề xã hội bắt nguồn từ lạm dụng rượu bia. Hiểu được những quan ngại này và tận dụng hiệu quả của cách tiếp cận “toàn xã hội”¹⁹, ngành RVRM nhận thấy vai trò quan trọng của mình trong việc góp phần giảm thiểu tác hại của việc sử dụng rượu bia và thay đổi hành vi tiêu dùng có hại ở Việt Nam. Chúng tôi tự hào là đã hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam trong các chương trình nâng cao nhận thức và giảm thiểu tác hại nhằm ngăn ngừa lạm dụng rượu bia và thúc đẩy việc uống rượu bia có trách nhiệm, cũng như tăng cường thực thi liên quan đến phòng chống uống rượu bia khi lái xe. Trong năm 2022, Diễn đàn Uống có Trách nhiệm Việt Nam (VARD) và Liên minh Rượu vang và Rượu mạnh châu Á Thái Bình Dương (APISWA) đã khởi động thành công chiến dịch “Sức mạnh của nói KHÔNG”. Đây là một chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng nhằm đến thanh thiếu niên trên khắp Đông Nam Á nhằm mục đích giảm tỉ lệ tử vong, thay đổi văn hóa xung quanh việc uống

18 Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện (Nghị định 59).

19 Tuyên bố Chính trị của LHQ về Bệnh không lây nhiễm (NCD), 2018, điều 44 (b) - Khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đồ uống có cồn, nếu thích hợp, góp phần vào việc giảm thiểu sử dụng rượu bia có hại trong các khu vực chính của mình, có tính đến bối cảnh tôn giáo và văn hóa quốc gia.

rượu bia khi lái xe và bình thường hóa việc uống rượu bia có trách nhiệm đối với những người trẻ trong độ tuổi uống rượu bia hợp pháp. Được thực hiện với sự hợp tác của Hiệp hội Ô tô Việt Nam (AAV) và Công ty TNHH Hiệp hội Thể thao xe động cơ Việt Nam (VMA), chiến dịch đã tiếp cận gần 9 triệu thanh thiếu niên tại Việt Nam kể từ khi triển khai vào năm 2022. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến dịch này vào năm 2023 và các năm sau đó.

Cả Bộ VH TT&DL và Bộ Công thương đều đang tiến hành đánh giá việc sửa đổi Luật Thương mại và Luật Quảng cáo, một động thái đúng lúc và đáng hoan nghênh. Vào tháng 5 năm 2023, Bộ VH TT&DL đã mời các bên liên quan gửi ý kiến đóng góp về Luật Quảng cáo đang trong quá trình sửa đổi. Trước hết, cần xem xét lại định nghĩa “quảng cáo” và “công cộng” trong Luật Quảng cáo để không nhầm lẫn quảng cáo sản phẩm với hoạt động giới thiệu sản phẩm, phát triển thương hiệu trong quá trình xúc tiến thương mại vốn là xương sống của bất kỳ hoạt động kinh doanh nào và được Luật Thương mại cho phép. Ngoài ra, việc sửa đổi Luật Quảng cáo cần xem xét cả quảng cáo xuyên biên giới để đảm bảo tính thống nhất của tất cả các quy định liên quan đến quảng cáo.

Khuyến nghị

- Đảm bảo sự nhất quán trong việc sửa đổi các quy định về quảng cáo và khuyến mại các sản phẩm rượu trong Luật Quảng cáo và Luật Thương mại với Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia để không tạo thêm gánh nặng pháp lý cho ngành RVRM;
- Bãi bỏ lệnh cấm khuyến mãi tất cả các sản phẩm rượu trong Luật Thương mại. Thay vào đó, những sản phẩm này phải tuân theo các hạn chế quảng cáo có liên quan theo Luật Phòng chống tác hại của rượu bia thay vì Luật Thương mại, tức là nên cho phép quảng cáo đồ uống có nồng độ cồn dưới 15%;
- Rà soát định nghĩa “quảng cáo” trong Luật Quảng cáo để bao quát các hoạt động do các công ty RVRM thực hiện, bao gồm các hoạt động giới thiệu doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm. Việc mở rộng này sẽ giúp thiết lập một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, đồng thời thúc đẩy việc tiêu thụ rượu vang và rượu mạnh một cách có trách nhiệm;
- Để nâng cao nhận thức về uống có trách nhiệm và đảm bảo trách nhiệm xã hội, nên áp dụng cách tiếp cận cân bằng và toàn diện để quản lý các sản phẩm có cồn, thay vì chỉ dựa trên nồng độ cồn của sản phẩm. Các hạn chế về quảng cáo nên được đưa ra dựa trên vị trí và cách thức đặt quảng cáo để cung cấp thêm thông tin cho người tiêu dùng về sản phẩm nào phù hợp và nên uống rượu như thế nào. Cách tiếp cận này nhằm mục đích cung cấp cho người tiêu dùng thông tin toàn diện hơn về các sản phẩm phù hợp và việc tiêu thụ rượu có trách nhiệm. Nhấn mạnh tầm quan trọng của sức khỏe cộng đồng và nhận thức, thúc đẩy thực hành uống rượu có trách nhiệm, bất kể phần trăm nồng độ cồn của sản phẩm; và
- Cuối cùng, lệnh cấm hoàn toàn quảng cáo các sản phẩm RVRM có nồng độ cồn trên 15% càng làm tăng thêm việc tiêu thụ các sản phẩm rượu bia không được ghi nhận, đồng thời đe dọa hoạt động của các doanh nghiệp RVRM hợp pháp vì người tiêu dùng không biết đến các sản phẩm rượu thật và các cửa hàng bán lẻ được cấp phép. Lệnh cấm tuyệt đối nên được sửa đổi thành lệnh cấm đối với kênh quảng cáo cụ thể và cần được phân biệt với các hoạt động tư vấn nhằm giảm lạm dụng rượu bia và nâng cao nhận thức về uống rượu bia có trách nhiệm.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham

CHƯƠNG 20 **NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ**

TỔNG QUAN

Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định quốc tế như EVFTA với các quy định ưu đãi về thuế quan.¹ Tuy nhiên, ngành sản xuất ô tô trong nước phải đối mặt với những thách thức về tỷ lệ nội địa hóa và ngưỡng giá trị hàm lượng trong khu vực, điều này ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam trong khu vực ASEAN.

Xe ô tô chở khách của Việt Nam vẫn chưa đạt được tiêu chí về giá trị hàm lượng khu vực 40% để hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu 0% của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) tại các quốc gia thuộc Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Hơn nữa, tỷ lệ nội địa hóa đối với xe ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi hiện chỉ ở mức 10%. Con số này còn khiêm tốn so với mức dự kiến là 30 đến 40% vào năm 2020 và 40 đến 45% vào năm 2025.²

Ngành công nghiệp ô tô đóng góp tới 3% GDP của Việt Nam. Tuy nhiên, quy mô thị trường, cùng với việc thiếu các cơ chế khuyến khích và số lượng ít các nhà cung cấp, khiến thị trường sản xuất trong nước kém hấp dẫn hơn so với các nước ASEAN khác. Bộ Công thương dường như chú trọng hơn về các dự án trong nước như Ô tô Trường Hải (Thaco), Tập đoàn Thành Công, VinFast để đẩy mạnh sản xuất và lắp ráp ô tô.³

Năm 2019, phần lớn các nhà cung cấp phụ tùng của Việt Nam là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với năng lực sản xuất còn hạn chế. Chỉ 300 trong số 1.800 doanh nghiệp kinh doanh phụ tùng nằm trong mạng lưới sản xuất của các công ty đa quốc gia.⁴ Một nghiên cứu năm 2023 của Toyota Motor Vietnam (TMV) cho thấy 75% các nhà cung cấp địa phương phải đối mặt với những thách thức về sản xuất, tiêu chuẩn hóa và kiểm soát chất lượng.⁵

Các phụ tùng ô tô được nội địa hóa như săm, lốp, ghế, gương, kính, dây điện, ắc quy và các bộ phận bằng nhựa vẫn có hàm lượng công nghệ còn thấp. Có 80 đến 90% nguyên liệu chính để sản xuất các phụ tùng này như hợp kim nhôm và thép, nhựa dẻo, cao su công nghệ cao và vật liệu đúc được nhập khẩu. Điều này dẫn đến phát sinh chi phí vận chuyển, đóng gói và thuế nhập khẩu. Tuy nhiên bất chấp những thách thức này, xuất khẩu ô tô, phụ tùng và phụ kiện ô tô của Việt Nam vẫn đạt 11,98 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2022 và dự kiến sẽ tăng lên 13,7 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2023.⁶

Để hỗ trợ ngành công nghiệp ô tô trong nước, Nghị định 125 đưa ra mức thuế nhập khẩu 0% đối với các bộ linh kiện hoàn chỉnh (CKD) chưa được sản xuất tại Việt Nam dành cho các đơn vị sản xuất có sản lượng cao.⁷ Ưu đãi này ban đầu được đặt ra cho giai đoạn 2018 - 2022 nhưng sau đó được phê duyệt để gia hạn đến năm 2027, theo Nghị định 101.⁸ Do đó, một số hãng lắp ráp Nhật Bản đã chuyển trọng tâm từ nhập khẩu các mẫu xe nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) từ ASEAN để lắp ráp tại Việt Nam.

- 1 Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJFTA), Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Australia - New Zealand (AANZFTA), Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Chile (VCFITA), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á-Âu (VEAEU FTA), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).
- 2 "Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam", Bộ Công Thương, ngày 15 tháng 11 năm 2016. Xem tại: <https://moit.gov.vn/CmsView-EcolT-portlet/html/print_cms.jsp?articleId=108399>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 7 năm 2022.
- 3 "Công nghiệp ô tô - Bộ Công Thương muốn cơ chế thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia", *Tin tức Hải quan*, ngày 27 tháng 10 năm 2018. Xem tại: <<https://haiquanonline.com.vn/cong-nghiep-o-to-bo-cong-thuong-muon-co-che-thu-hut-dau-tu-tu-cac-tap-doan-da-quoc-gia-47057.html>>, truy cập lần cuối ngày 22 tháng 7 năm 2022.
- 4 "Phụ tùng ô tô điện được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi", *Vietnamplus*, ngày 12 tháng 4 năm 2019. Xem tại: <<https://en.vietnamplus.vn/electric-automobiles-spare-parts-to-enjoy-preferential-import-taxes/163674.vnp>>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 6 năm 2022.
- 5 "Theo chuyên gia, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam cần tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu", *Vietnam News*, ngày 05 tháng 8 năm 2023. Xem tại: <http://bizhub.vn/wheels/vns-auto-industry-needs-deeper-involvement-in-global-supply-experts_346857.html>, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 8 năm 2023.
- 6 "Xuất khẩu ô tô, phụ tùng, phụ kiện đạt gần 13,7 tỷ USD trong năm nay", *Vietnamplus*, ngày 6 tháng 7 năm 2023, Xem tại: <https://en.vietnamplus.vn/means-of-transportation-parts-accessories-export-to-near-137-billion-usd-this-year/255844.vnp>, truy cập lần cuối ngày 17 tháng 8 năm 2023.
- 7 Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP về biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP (Nghị định 101).
- 8 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định 57/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP (Nghị định 101).

Nghị định 57⁹ cho phép cộng sản lượng của những mẫu xe trong một phân khúc đáp ứng số lượng đủ điều kiện có hiệu lực thi hành hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2020.¹⁰ Tuy nhiên, giới hạn về số lượng vẫn chưa được bãi bỏ, điều này mang tính phân biệt đối xử đối với một số nhà sản xuất ô tô châu Âu chuyên sản xuất xe hạng sang cao cấp với số lượng thấp hơn.

Với tăng trưởng GDP mạnh mẽ của Việt Nam, mức tiêu thụ ô tô tăng và thuế nhập khẩu giảm giúp điều chỉnh giá cả của ô tô ở mức phù hợp hơn. Bất chấp nhiều trở ngại như tình trạng thiếu chip bán dẫn, xung đột giữa Nga-Ukraine, cũng như sự gián đoạn trong vận chuyển, tổng số lượng xe chở khách và xe thương mại đã tăng từ 387.700 chiếc vào năm 2021 lên tới 500.000 chiếc vào năm 2022. Tuy nhiên, bối cảnh thị trường đã thay đổi mạnh mẽ trong năm 2023 do những tác động tiêu cực từ suy thoái kinh tế toàn cầu. Trong nửa đầu năm 2023, tổng doanh số bán ô tô là 137.327 chiếc, giảm 32% so với năm 2022. Trong đó, xe chở khách giảm 37%; xe thương mại giảm 11% và xe chuyên dụng giảm 65% so với năm 2022. Doanh số xe CKD và CBU lần lượt giảm 37% và 25% so với năm ngoái. Các biện pháp đã được thực hiện nhằm đẩy mạnh việc lắp ráp xe trong nước, chẳng hạn như giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe CKD trong 6 tháng bắt đầu từ tháng 7 đến hết tháng 12 năm 2023.¹¹

Năm 2022, Chính phủ Việt Nam đưa ra cam kết phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 vào năm 2050 với 100% phương tiện cơ giới sử dụng điện hoặc năng lượng xanh, 100% xe buýt đô thị sử dụng điện, năng lượng xanh vào năm 2025, 50% tổng số phương tiện đô thị và 100% taxi sử dụng điện, năng lượng xanh vào năm 2030, phù hợp với xu hướng điện khí hóa ngành công nghiệp ô tô-xe máy toàn cầu.¹²

Do đó, Nghị định 10 quy định miễn lệ phí trước bạ đối với xe điện chạy bằng pin (BEV) đến năm 2025 và giảm lệ phí trước bạ xuống còn 50% trong 2 năm tiếp theo đối với động cơ xăng và diesel có cùng số chỗ ngồi.¹³ Ngoài ra, Quốc hội đã sửa đổi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB),¹⁴ giảm thuế TTĐB cho phương tiện thân thiện với môi trường so với phương tiện sử dụng động cơ đốt trong (ICE) tương đương. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với BEV đã giảm từ 15% xuống 3% từ ngày 1 tháng 3 năm 2022 đến ngày 28 tháng 2 năm 2027 và 11% từ ngày 1 tháng 3 năm 2027.¹⁵ Năm 2022, VinFast chuyển đổi hoàn toàn sang sản xuất các mẫu xe điện, trong khi Porsche, Audi, Jaguar, Mercedes-Benz, BMW, Hyundai và Kia cũng đã tung ra các mẫu xe điện trong cùng năm. Năm 2023, Skoda của châu Âu và các thương hiệu xe điện đến từ Trung Quốc - Chery, Wuling, Haima, Haval, Zhidou, Lynk & Co, BYD - tuyên bố bắt đầu hoạt động tại Việt Nam, điều này phản ánh tầm quan trọng ngày càng tăng của Việt Nam trong ngành công nghiệp ô tô.¹⁶

I. YÊU CẦU KIỂM ĐỊNH ĐỐI VỚI NGÀNH KINH DOANH Ô TÔ

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT), Tổng cục Hải quan (TCHQ)

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định 116¹⁷ hướng dẫn về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới. Tiếp đó, Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT) đã ban hành Thông tư 03 vào ngày 10 tháng

9 Nghị định 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP (Nghị định 57).

10 "Việt Nam áp dụng chính sách thuế mới để kích thích thị trường xe hơi." *Hanoi Times*, ngày 29 tháng 5 năm 2020. Xem tại: <http://hanoitimes.vn/vietnam-takes-new-tax-steps-to-stimulate-car-industry-312277.html>, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 7 năm 2022.

11 "Báo cáo bán hàng, tháng 6/2022", VAMA, tháng 6 năm 2022. Xem tại: <http://vama.org.vn/Data/upload/files/2022/T6-2022/Cover%20Letter%20Sales%20report%20-%20June%202022%20-%20ENG.pdf>, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 7 năm 2022; "Báo cáo bán hàng, tháng 12/2021", VAMA, tháng 12 năm 2021. Xem tại: <http://vama.org.vn/Data/upload/files/2021/Thang12-2021/Cover%20Letter%20Sales%20report%20-%20December%202021%20-%20ENG.pdf>, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 7 năm 2022.

12 Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 về phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí cacbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (Quyết định 876)

13 Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ về Phí trước bạ (Nghị định 10).

14 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội (Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt).

15 "Việt Nam cắt giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô chạy pin", *Retailnews*, ngày 12 tháng 1 năm 2022. Xem tại: <https://www.retailnews.asia/vietnam-cut-excise-duty-on-battery-electric-car/>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 7 năm 2022.

16 "Các hãng ô tô Trung Quốc nhìn thấy sự hấp dẫn của thị trường Việt Nam" ngày 11 tháng 8 năm 2023", *Vnexpress*, ngày 11 tháng 8 năm 2023, <<https://e.vnexpress.net/news/business/industries/chinese-automakers-find-vietnam-appealing-4640260.html#:~:text=Six%20Chinese%20carmakers%2C%20Chery%2C%20Wuling,announced%20plans%20to%20enter%20it.,,truy%20cập%20lần%20cuối%20ngày%2017%20tháng%208%20năm%202023>>.

17 Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Nghị định 116).

1 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2018. Đến năm 2020, Nghị định 17¹⁸ được ban hành, đơn giản hóa thủ tục bằng cách loại bỏ yêu cầu về giấy chứng nhận phê duyệt kiểu loại phương tiện (VTA). Bộ Công thương tiếp tục đưa ra thêm một hệ thống kiểm định dựa trên mẫu xe, có hiệu lực lên đến 36 tháng đối với xe CBU, phù hợp với quy trình dành cho các sản phẩm CKD.

1. Khai báo thành phần sản phẩm để làm thủ tục thông quan

Mô tả vấn đề

Tổng cục Hải quan (TCHQ) đã ban hành Công văn 7203 yêu cầu khai báo hải quan chi tiết đối với ô tô nhập khẩu.¹⁹ Các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải cung cấp đầy đủ thông tin khai báo hải quan về tính chất của sản phẩm, số lượng, chủng loại, cấu trúc, thành phần và đặc tính, bao gồm cả phụ tùng thay thế làm từ vật liệu hỗn hợp, cũng như công suất tính bằng watt/kilowatt.

Ngoài ra, đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc, khi số tham chiếu linh kiện trên tờ khai xe khác với tài liệu trước đó, Cục Đăng kiểm Việt Nam (VR) yêu cầu xe đó được kiểm định vật lý lại, trừ khi doanh nghiệp nhập khẩu xuất trình được giấy chứng nhận của linh kiện liên quan. Điều này gây chậm trễ và làm phát sinh chi phí không cần thiết.

Bắt đầu từ ngày 15 tháng 7 năm 2023, các bộ phận của ô tô, bao gồm thiết bị phát và thu phát vô tuyến hoạt động ở dải tần 9 kHz đến 400 kHz, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị phát và thu phát vô tuyến hoạt động trong dải tần 9 kHz đến 400 GHz với công suất bức xạ hiệu dụng là 60 mW trở lên, cũng như các thiết bị phát và thu phát vô tuyến tầm ngắn, hiện đều phải trải qua quá trình thử nghiệm và kiểm định.²⁰

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nhập khẩu phụ tùng ô tô là việc rất phức tạp và đòi hỏi nhiều tài liệu khác nhau. Dữ liệu chi tiết về thành phần được quy định trong Công văn 7203 thường không có sẵn. Việc thực hiện ngay yêu cầu này đã đặt ra thách thức cho các nhà sản xuất và nhập khẩu linh kiện ô tô khi phải đáp ứng yêu cầu này mà không có sự phối hợp và thông báo trước để có thời gian chuẩn bị. Do một số bộ phận sử dụng công nghệ phức tạp, một số thông tin yêu cầu sẽ không bao giờ được cung cấp. Quy định này đang góp phần làm kéo dài thời gian thực hiện thủ tục thông quan, làm tăng chi phí cho các công ty ô tô và khách hàng. Hơn nữa, những dữ liệu chuyên sâu như vậy dường như không mang lại giá trị và làm phức tạp quy trình kinh doanh, đi ngược lại mục tiêu đơn giản hóa hoạt động kinh doanh của Chính phủ Việt Nam.

Các chứng nhận của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về Châu Âu (UNECE) cho sản phẩm nhập khẩu từ EU có hiệu lực và được chấp nhận theo EVFTA. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị Bộ GTVT chấp nhận chứng nhận UNECE. Điều này sẽ giải quyết được nút thắt không cần thiết trong quá trình nhập khẩu phụ tùng ô tô để bảo dưỡng, bảo hành và thu hồi kỹ thuật của các nhà nhập khẩu, lắp ráp tại Việt Nam. Nếu Bộ GTVT không thể chấp nhận ngay, chúng tôi đề xuất Tổng cục Hải quan và các cơ quan hải quan khác cho phép thời gian thực hiện linh hoạt tối thiểu là 3 năm. Điều này sẽ giúp nhà sản xuất có đủ thời gian để xác định và lập hồ sơ dữ liệu sản phẩm được yêu cầu.

Đối với xe nhập khẩu nguyên chiếc, điều cần lưu ý là các bộ phận thường xuyên thay đổi trong suốt vòng đời của xe. Giấy chứng nhận được yêu cầu và được cấp phần lớn là cho các phụ tùng “bắt buộc phê duyệt thành phần”.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đối với những xe đã được kiểm định trước đây và được sản xuất tại các nhà máy có Giấy chứng nhận sản xuất hợp lệ do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp, chúng tôi khuyến nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định ngay lập tức mà không cần thử nghiệm thêm.
- Đối với việc nhập khẩu CBU, chúng tôi đề nghị chỉ nên xuất trình giấy chứng nhận cho những phụ tùng được

18 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 2 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương (Nghị định 17).

19 Công văn 7203/TCHQ-TXNK ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tổng cục Hải quan về việc kiểm tra số liệu do Tổng cục Hải quan ban hành. (Công văn 7203).

20 Thông tư 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (Thông tư 04).

cho là phụ tùng “bắt buộc phê duyệt thành phần” đối với hàng nhập khẩu nguyên chiếc khi số tham chiếu bộ phận trên tờ khai xe khác với hồ sơ trước đó.

- Công nhận và cho phép sử dụng các chứng nhận của UNECE liên quan đến sản phẩm từ EU, và được áp dụng chung cho nhiều mẫu xe, chẳng hạn như giấy chứng nhận Phê duyệt kiểu loại phương tiện cho xe nhập khẩu nguyên chiếc, tương tự như thông lệ ở các quốc gia EU, thay vì dành riêng cho mẫu xe hoặc động cơ cho Việt Nam.
- Phê duyệt kiểu loại của châu Âu được thực hiện trên ba “lớp” riêng biệt:
 1. **Phê duyệt kiểu loại linh kiện** (phù hợp cho các linh kiện như kính, gương, còi, v.v.)
 2. **Phê duyệt kiểu loại hệ thống** (tức là các “Hệ thống” bao quát chẳng hạn như khí thải, phanh, hệ thống tránh va chạm)
 3. **Phê duyệt kiểu loại của toàn bộ phương tiện** (tổng hợp cả phê duyệt kiểu loại Linh kiện và Hệ thống)
- Theo EVFTA, phê duyệt kiểu loại của toàn bộ phương tiện của châu Âu được công nhận, bao gồm phê duyệt kiểu loại cho cả linh kiện và hệ thống (như được tham chiếu trong Đoạn 3B Phụ lục 2-B của Hiệp định). Do đó, việc phê duyệt kiểu loại Linh kiện và Hệ thống riêng lẻ được xem là không cần thiết.
- Sửa đổi Nghị định 60 để thực hiện Phụ lục 2-B “Phương tiện cơ giới và phụ tùng, thiết bị của xe cơ giới” trước tháng 10 năm 2023 theo hướng dẫn của EVFTA.
- Ban hành quy trình thử nghiệm và kiểm định rõ ràng của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Ngoài ra, cần đưa ra hướng dẫn rõ ràng về việc tự kiểm định, bao gồm quy định tại Thông tư 12.²¹

2. Công nhận kính an toàn trong thực thi EVFTA

Mô tả vấn đề

Theo Nghị định 60,²² việc công nhận lẫn nhau về chứng nhận cho các linh kiện và xe nhập khẩu từ EU sẽ có hiệu lực lần lượt vào ngày 1 tháng 10 năm 2023 và ngày 1 tháng 8 năm 2025. Hiện nay, các linh kiện ô tô nhập khẩu như kính an toàn và gương yêu cầu phải được kiểm định tại Việt Nam được phân loại theo Chương 70 và Chương 87 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS Code) theo Thông tư 31.²³ Cụ thể, gương chiếu hậu và kính an toàn không có khung, thiết bị sưởi hoặc bất kỳ thiết bị điện hoặc điện tử kèm theo nào khác được quy định trong Chương 70. Điều này cho thấy, yếu tố để phân loại gương chiếu hậu và kính an toàn của ô tô theo Chương 70 hay Chương 87 chỉ đơn thuần là “có” hoặc “không có” khung hoặc các thiết bị đi kèm.

Các điều khoản về công nhận lẫn nhau của EVFTA đối với toàn bộ xe và linh kiện được nêu trong Phụ lục 2-B của Hiệp định, bao gồm các sản phẩm của một trong hai bên được phân loại theo các Chương 40, 84, 85, 87 và 94 của HS 2012. Các quy định này áp dụng như được mô tả trong Quy định UNECE mà không có tiêu chí hạn chế đối với thiết bị được gắn vào các bộ phận an toàn này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Phụ lục 2-B nêu chi tiết các cam kết của cả hai bên về tiếp cận thị trường, bao gồm cả việc công nhận lẫn nhau về chứng nhận linh kiện và xe cơ giới. Dựa trên các nguyên tắc và mục tiêu chung, cả hai bên đều mong muốn xóa bỏ và ngăn chặn các rào cản thương mại phi thuế quan và thúc đẩy việc công nhận các chứng nhận. Cụ thể, Việt Nam sẽ công nhận giấy chứng nhận hợp lệ cho mọi loại xe của EU.

Gương chiếu hậu và kính an toàn (không có khung, thiết bị kèm theo) được phân loại theo Chương 70 là các bộ phận an toàn của xe được chứng nhận theo tiêu chuẩn ECE. Các tiêu chuẩn này cũng áp dụng cho các bộ phận an toàn khác, bao gồm kính an toàn/gương chiếu hậu, lốp xe, đèn, vành và bình xăng theo Chương 87.

Các linh kiện được phân loại theo Chương 70 được thiết kế rõ ràng cho các loại ô tô cụ thể. Như vậy, các bộ phận gương và kính an toàn thuộc Chương 70 phải được phân loại cùng với toàn bộ xe và các bộ phận khác thuộc

21 Thông tư 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (Thông tư 12)

22 Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Nghị định 60)

23 Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 8 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chương 87. Đáng chú ý là, các tiêu chuẩn của Việt Nam về chứng nhận linh kiện và phụ tùng an toàn của ô tô đều tham chiếu Tiêu chuẩn ECE của Châu Âu.

Khuyến nghị

Song song với việc triển khai EVFTA, chúng tôi đề nghị các bộ ngành liên quan xem xét công nhận chứng nhận ECE cho các linh kiện gương và kính an toàn không khung nhập khẩu (không có thiết bị sưởi hoặc các thiết bị điện hoặc điện tử khác) được phân loại theo Chương 70, tương tự như sự công nhận dành cho kính an toàn và các linh kiện khác theo Chương 87.

II. XỬ LÝ VÀ TÁI CHẾ CHẤT THẢI

Nội dung được đề cập trong Chương tổng thể “QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM MỞ RỘNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT”.

III. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG XANH

Cơ quan liên quan: Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).

Quyết định 876 của Thủ tướng Chính phủ²⁴ giao Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) chủ trì việc phát triển phương tiện giao thông chạy điện và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong giao thông vận tải. Trong khi đó, Bộ Tài chính (BTC) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) được giao nhiệm vụ bổ sung các ưu đãi đầu tư, sản xuất và sử dụng xe điện, phương tiện và cơ sở hạ tầng sử dụng năng lượng xanh. Bộ Công Thương (BCT) đặt mục tiêu dừng sản xuất và nhập khẩu xe sử dụng nhiên liệu hóa thạch vào năm 2040 và Bộ Xây dựng (BXD) đang hợp tác với Bộ KHĐT để phát triển mạng lưới trạm sạc.

Mô tả vấn đề

Vào tháng 8 năm 2023, Bộ GTVT đã trình đề xuất Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà nhấn mạnh việc chuyển đổi sang sử dụng xe điện. Bộ GTVT đề xuất các ưu đãi dành cho xe điện chạy bằng pin (BEV), Xe điện chạy bằng pin nhiên liệu hydro (FCEV) và xe điện chạy bằng năng lượng mặt trời (SEV), nhấn mạnh việc các chính sách khuyến khích hiện tại chủ yếu phục vụ cho xe điện chạy bằng pin (BEV).²⁵

Việc chuyển đổi từ xe động cơ đốt trong (ICE) sang xe điện thuần túy sẽ thúc đẩy việc di chuyển trong đô thị thân thiện với môi trường, bao gồm xe buýt nội thành, xe chở khách và xe tải chạy điện. Tuy nhiên, giá thành của xe điện vẫn cao gấp đôi so với xe ICE cùng mẫu do nguyên liệu thô và quy trình sản xuất đắt tiền. Hiện nay, pin ô tô điện có giá 176 Đô-la Mỹ/kilowatt giờ, nhưng dự kiến sẽ giảm xuống chỉ còn 87 Đô-la Mỹ vào năm 2025.²⁶ Đến năm 2025, xe điện sẽ chiếm 25% sản lượng ô tô toàn cầu và đến năm 2026, giá xe điện dự kiến sẽ ngang bằng với giá xe thông thường.

Các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) hiện hành của Việt Nam hiện chỉ bao gồm 5 tiêu chuẩn dành riêng cho xe điện: QCVN 68/2013/BGTVT và Sửa đổi 1:2015 cho Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe đạp điện; QCVN 75: 2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe đạp điện; QCVN 76: 2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe đạp điện; QCVN 90: 2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy điện; QCVN 91: 2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.²⁷

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xe điện, bao gồm xe điện kết hợp động cơ đốt trong (PHEV), góp phần giảm lượng khí thải CO₂. PHEV đóng vai trò là công nghệ chuyển tiếp, đặc biệt ở những nơi cơ sở hạ tầng sạc vẫn chưa phát triển. Ưu điểm của mẫu xe này

24 Quyết định 876/2022/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

25 “Bộ Giao thông vận tải đề xuất ưu đãi cho nhà sản xuất, người sử dụng xe điện”, *Vietnamplus*, ngày 02 tháng 8 năm 2023. Xem tại: <https://en.vietnamplus.vn/transport-ministry-proposes-incentives-for-evs-producers-users/265490.vnp>, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 9 năm 2023.

26 Triển vọng Xe điện 2019, Bloomberg New Energy Finance, ngày 25 tháng 7 năm 2022.

27 “Có 52 tiêu chuẩn quốc gia về xe điện và trạm sạc”, *Tạp Chí Tài Chính*, ngày 15 tháng 3 năm 2023.

là mức tiêu hao nhiên liệu rất thấp (giảm 70% so với xe ICE). Trên thực tế, thế hệ PHEV mới nhất có thể hoạt động chủ yếu dưới dạng xe điện chạy bằng pin điện thuần túy (BEV) nhờ đó phạm vi vận hành có thể vượt hơn 100 km. Việc sử dụng xe ICE chỉ cần thiết trong những hành trình dài. Ngoài ra, PHEV có thể hỗ trợ sớm đạt được “lợi thế kinh tế nhờ quy mô” cho việc đầu tư vào các trạm sạc công cộng và điều này tuân theo chiến lược được sử dụng bởi hầu hết các quốc gia đã xây dựng thành công hệ thống sạc công cộng cho đến nay.

Việc đưa xe điện vào sử dụng đòi hỏi phải đầu tư toàn diện vào một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh và các dịch vụ đi kèm, từ cung cấp điện đến phân phối, các trạm sạc điện và giao diện kết nối, pin điện bao gồm sạc, tái sử dụng và thải loại.

Mặc dù Bộ Tài chính đã bổ sung vào Nghị định 125 các loại xe chạy bằng xe điện, xe hybrid, xe chạy hoàn toàn bằng nhiên liệu sinh học và xe chạy bằng khí nén tự nhiên (CNG) được hưởng chương trình nhập khẩu ưu đãi dành cho linh kiện ô tô, chính sách thuế nhập khẩu hiện tại đặt ra những thách thức đối với việc nhập khẩu và sản xuất xe điện trong nước. Tại Việt Nam, việc nhập khẩu và sản xuất xe điện thường không khả thi do thuế nhập khẩu 70% được áp dụng đối với xe điện và xe kết hợp chạy điện và động cơ đốt trong, hoặc thuế nhập khẩu 18% đến 20% đối với bộ phụ kiện CKD, cộng với thuế TTĐB 3% (xe điện) và 70% xe ICE tương ứng (35-150%). Ngoài ra, chúng ta nên xem xét mục tiêu của Thái Lan là trở thành trung tâm sản xuất xe điện của châu Á - điều này chỉ có thể đạt được nếu các nhà sản xuất ô tô của Thái Lan xuất khẩu sản phẩm, bao gồm cả sang Việt Nam.²⁸

Hướng tới mục tiêu giảm phát thải CO₂ như Việt Nam đã cam kết tại COP 21 và COP 26, Quyết định 876²⁹ giao Bộ GTVT xây dựng quy định giới hạn mức tiêu hao nhiên liệu (FC) cho xe chở khách mới nhập khẩu và lắp ráp. Quy định giới hạn FC là thước đo ước tính (số E17) của Báo cáo Kỹ thuật của Báo cáo Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định của Việt Nam được cập nhật đến năm 2020 và cũng hỗ trợ biện pháp chuyển đổi sang xe điện. Tuy nhiên, có một thực tế là hầu hết xe ICE bán ra tại Việt Nam từ năm 2016-2020 đều không đáp ứng phương pháp Tiêu chuẩn Hiệu suất Năng lượng Tối thiểu (MEPS).

Việt Nam cần xây dựng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) mới phục vụ cho BEV và mạng lưới trạm sạc liên quan, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đối với việc chuyển đổi từ xe ICE sang xe điện, chúng tôi đề xuất bổ sung PHEV vào danh sách xe điện để có các chính sách hỗ trợ tương tự như BEV (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, lệ phí trước bạ), đồng áp dụng thuế nhập khẩu đối với xe điện và xe CBU lai nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc tiêu dùng và tăng trưởng thị trường để bắt đầu chuyển đổi sang xe điện, và đối với các bộ thiết bị CKD, nguyên liệu và thiết bị sản xuất để được nhập khẩu cho sản xuất và lắp ráp xe điện nhập khẩu. Chúng tôi khuyến nghị hỗ trợ xe điện kết hợp động cơ đốt trong (PHEV) trong thời gian ngắn hạn, đặc biệt là trong khi thiết lập mạng lưới sạc công cộng quốc gia.
- Bộ GTVT xác nhận sẽ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho xe điện và trạm sạc xe điện, bao gồm phích cắm, đầu nối (bộ sạc); sạc không dây; dây và cáp điện; thiết bị bảo vệ cá nhân (cầu dao chống rò điện); thiết bị đo đếm điện năng hỗ trợ sạc điện; tương thích điện tử; -động cơ điện cho xe điện - phương tiện giao thông đường bộ; hệ thống truyền tải điện cho xe điện - phương tiện giao thông đường bộ-. Tiêu chuẩn kỹ thuật của trạm sạc rất quan trọng đối với hoạt động của xe điện. Vì EU là thị trường tiên phong trong phát triển xe điện, chúng tôi sẵn sàng đưa ra phản hồi trong quá trình tham vấn mở để hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam, chia sẻ các thông tin liên quan nhằm xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cập nhật của Việt Nam liên quan đến cơ sở hạ tầng sạc, xe điện và các linh kiện xe điện.
- Cung cấp các ưu đãi về chuyển giao công nghệ xe điện bên cạnh các biện pháp hỗ trợ hiện có trong các quy định hiện hành cho khách hàng, nhà nhập khẩu CBU và nhà sản xuất CKD ở quy mô địa phương và trên toàn quốc.

²⁸ Chính sách sản xuất xe điện 30@30 của Thái Lan xoay quanh tăng trưởng dựa vào xuất khẩu 03/03/2021 Fitch Solutions. “Fitch Solutions”, ngày 3 tháng 3 năm 2021. Xem tại: <https://www.fitchsolutions.com/autos/thailands-3030-ev-production-policy-hinges-export-led-growth-03-03-2021>, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 10 năm 2023.

²⁹ Quyết định 876/2022/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (Quyết định 876).

- Làm rõ cách các công ty sẽ xuất hóa đơn sạc điện cho người sử dụng xe điện tại các trạm sạc công cộng và tư nhân, ví dụ như các đại lý ô tô có trạm sạc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Cung cấp các ưu đãi tài chính cho những doanh nghiệp tư nhân đầu tiên đầu tư vào các mạng lưới trạm sạc cung cấp sạc nhanh DC công cộng công suất cao để đảm bảo khả năng tiếp cận, phạm vi bao quát, khả năng tương tác và một thị trường có quy mô lớn.
- Cung cấp cho chủ sở hữu xe điện những lợi ích cụ thể được quyết định ở cấp thành phố như miễn phí cầu đường, bãi đậu xe riêng và VIP, lối vào trung tâm thành phố, v.v.
- Đối với các biện pháp giới hạn FC, chúng tôi ủng hộ chỉ đạo của Chính phủ trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP21 và COP26. Chúng tôi khuyến nghị nên áp dụng giới hạn FC bằng phương pháp giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung (CAFE) (trọng lượng - kg) như ở EU và các nơi khác trên thế giới. Phương pháp đề xuất có thể giúp các nhà sản xuất ô tô linh hoạt hơn trong việc lập kế hoạch kinh doanh, đồng thời đảm bảo hiệu quả sử dụng nhiên liệu cần thiết. Chúng tôi rất mong được tiếp tục tham gia vào các hoạt động tham vấn liên quan đến các quy định về giới hạn FC tại Việt Nam.

IV. NHẬP KHẨU PHỤ TÙNG TÂN TRANG

Cơ quan liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH-CN), Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT).

Mô tả vấn đề

EVFTA được ban hành vào ngày 1 tháng 8 năm 2020. Điều 2.6 của Hiệp định liên quan đến hàng hóa tân trang quy định “Các Bên sẽ đối xử với hàng tân trang giống như với hàng hóa mới tương tự. Một Bên có thể yêu cầu dán nhãn cụ thể đối với hàng tân trang để tránh việc lừa gạt người tiêu dùng. Mỗi Bên sẽ thực thi Điều khoản này trong một giai đoạn chuyển tiếp không quá 3 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.” Việc thực hiện nhập khẩu hàng hóa tân trang vào Việt Nam theo CPTPP bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 theo Nghị định 77.³⁰

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tân trang phụ tùng là một cách làm thân thiện với môi trường nhờ giúp bảo tồn năng lượng, giảm lượng khí thải CO₂ và tiết kiệm tài nguyên. Điều này cũng mang lại lợi ích cho khách hàng và người tiêu dùng Việt Nam. Theo EVFTA, quy định về nhập khẩu phụ tùng tân trang phải có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2023.

Khuyến nghị

- Để tuân thủ Hiệp định đã ký kết, Chính phủ nên ban hành theo EVFTA một Nghị định tương tự như Nghị định 77 về quy định CPTPP cho phép nhập khẩu các phụ tùng tân trang với sự đối xử tương tự như với hàng hóa ‘như mới’ với gắn nhãn cụ thể. Cho phép áp dụng cấp giấy phép và mã số do Bộ Công Thương cấp có giá trị tương đương với Nghị định 77 năm năm kể từ ngày cấp và Giấy phép nhập khẩu tân trang theo mẫu tương tự như Phụ lục 10 Nghị định 77. Chúng tôi bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến việc tham gia đối thoại và hợp tác với Chính phủ trong việc xây dựng quy định này.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham

³⁰ Nghị định 77/2023/NĐ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ về Quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Nghị định 77).

CHƯƠNG 15 NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

TỔNG QUAN

Việt Nam là thị trường xe máy lớn thứ hai trong ASEAN sau Indonesia và đứng thứ năm trên toàn thế giới sau Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia và Pakistan.¹ Trong vài thập kỷ qua, ngành công nghiệp xe máy ở Việt Nam tăng trưởng nhanh bất chấp những khó khăn do đại dịch toàn cầu COVID-19 mang lại². Năm 2022, thị trường xe hai bánh tại Việt Nam chứng kiến sự hồi sinh với tăng trưởng 20,5% so với năm trước, doanh số vượt 3 triệu chiếc⁴.

Trong bối cảnh này, ngành công nghiệp xe máy có tiềm năng đáng kể với tăng trưởng dự kiến về xuất khẩu, doanh thu và tiêu dùng. Tiềm năng này có thể được hiện thực hóa bằng chiến lược phát triển rõ ràng và minh bạch từ Chính phủ. Các bên liên quan trong ngành cũng đã tích cực đóng góp cho xã hội, đặc biệt là trong việc nâng cao an toàn đường bộ ở Việt Nam⁵ và thúc đẩy bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ngành này vẫn có những thách thức. Trong các phần tiếp theo của chương này, chúng tôi sẽ đi sâu vào những quan ngại cấp bách này và đưa ra các đề xuất để giải quyết từng vấn đề.

I. HẠN CHẾ LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÁ NHÂN, BAO GỒM XE MÔ TÔ VÀ XE GẮN MÁY TẠI CÁC THÀNH PHỐ LỚN VÀO NĂM 2030 VÀ CHUYỂN ĐỔI DỪNG SẢN XUẤT DẪN XE ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU HÓA THẠCH (ICE) SANG XE ĐIỆN VÀO NĂM 2050

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng Nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Sở Giao thông Vận tải cấp tỉnh (Sở GTVT tỉnh)

Mô tả vấn đề

Chính phủ đã đề xuất chính sách hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, bao gồm xe mô tô và xe gắn máy lưu thông tại khu vực trung tâm của năm thành phố lớn của Việt Nam và chuyển đổi dần từ xe động cơ đốt trong (ICE) sang xe điện (EV) trong khoảng thời gian từ 2030 đến 2050. Đề xuất này phù hợp với các cam kết được đưa ra tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP) 26 về trung hòa carbon. Tuy nhiên, xe mô tô, xe gắn máy vẫn là phương tiện giao thông quan trọng đối với đại đa số người dân Việt Nam không chỉ vì lý do kinh tế mà còn do thói quen lâu đời và tình trạng đường giao thông của đất nước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, cụ thể là xe mô tô, xe gắn máy, lưu thông tại một số khu

- ¹ "Tiêu thụ xe máy của Việt Nam đứng đầu ASEAN", Vietnamnet, ngày 18 tháng 12 năm 2021. Xem tại: <https://vinamr.com.vn/vietnam-motorbike-consumption-among-the-top-in-asean/>, truy cập lần cuối ngày 26 tháng 7 năm 2022.
- ² "Việt Nam nổi lên như một thị trường xe máy và trung tâm sản xuất lớn", Vietnamnet Global, ngày 4 tháng 6 năm 2023. Xem tại <https://vietnamnet.vn/en/vietnam-emerges-as-a-major-motorcycle-market-and-manufacturing-hub-2150832.html>, truy cập lần cuối ngày 07 tháng 11 năm 2023.
- ³ Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, trong tháng 6 vừa qua, sản lượng xe máy cả nước ước đạt 283.900 chiếc, giảm nhẹ 2,6% so với tháng 5 (291.600 chiếc), nhưng vẫn là một mức tăng đáng kể 21,8% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là tháng thứ ba liên tiếp sản lượng xe máy trong nước vượt 280.000 chiếc mỗi tháng. Chỉ tính trong quý 2 năm nay, sản lượng xe máy tại Việt Nam đạt 856.800 chiếc, tăng 11,2% so với quý 1 năm 2023 (770.700 chiếc) và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng lũy kế của số lượng xe máy sản xuất mới trong nửa đầu năm 2023 ước đạt 1.675.500 chiếc, tương đương 96,5% so với nửa đầu năm trước (khoảng 1,74 triệu chiếc).
- ⁴ "VAMM công bố doanh số bán hàng quý 4/2022 và cả năm 2022 tại Việt Nam", VAMM, ngày 15 tháng 1 năm 2023. Xem tại: <https://vamm.vn/wp-content/uploads/2023/01/VAMM-Doanh-so-ban-hang-Q4-va-ca-nam-2022.pdf> (sẽ được cập nhật). truy cập lần cuối ngày 07 tháng 11 năm 2023.
- ⁵ "Đẩy mạnh hợp tác giữa Hiệp hội Các nhà sản xuất xe máy và Ủy ban An toàn Giao thông", Viet Nam News, ngày 22 tháng 4 năm 2019. Xem tại: <https://vietnamnews.vn/society/519007/motorcycle-manufacturers-association-and-traffic-safety-committee-boost-co-operation.html>, last truy cập lần cuối ngày 26 tháng 7 năm 2022.

vực trung tâm của các thành phố lớn

Chúng tôi đánh giá cao những biện pháp chủ động của Chính phủ nhằm giải quyết tình trạng tắc nghẽn giao thông và ô nhiễm tại năm thành phố lớn của Việt Nam: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ. Tuy nhiên, Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông Vận tải (TDSI) đề xuất giao thông công cộng nên đáp ứng 50% - 60% nhu cầu vận chuyển để giảm sự phụ thuộc vào xe máy. Hiện giao thông công cộng ở Hà Nội chỉ đáp ứng được 18,5% nhu cầu, với một tuyến metro ngắn (~13km) và 153 tuyến xe buýt⁶. Hệ thống giao thông công cộng của Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng cung cấp 132 tuyến với 2.332 phương tiện. Quy hoạch đô thị đặc trưng bởi những con đường và ngõ hẹp khiến cho các bến và bãi đậu xe của phương tiện giao thông công cộng khó tiếp cận hơn. Với tình trạng giao thông công cộng và những thách thức về cơ sở hạ tầng hiện nay, việc di chuyển bằng phương tiện cá nhân, đặc biệt là bằng xe máy, sẽ vẫn rất cần thiết và phải chăng đối với người dân Việt Nam. Việc hạn chế này cũng có thể tác động tiêu cực đến ngành sản xuất xe máy vốn đã được đầu tư rất nhiều vào Việt Nam trong thập kỷ qua, mang lại lợi ích cho cả thị trường trong nước và thị trường toàn cầu. Ngành công nghiệp này đã đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam thông qua thu thuế và tạo việc làm. Thay vì hạn chế hoàn toàn xe máy trong một số khu vực trung tâm, chúng tôi đề nghị Chính phủ tìm hiểu các chiến lược thay thế để quản lý xe máy cùng với phát triển giao thông công cộng. Các giải pháp dài hạn nên bao gồm quy hoạch đô thị, tích hợp công nghệ, hệ thống giao thông thông minh và giáo dục để nâng cao nhận thức về giao thông và hành vi phù hợp cho người dân.

2. Dừng sản xuất dẫn xe động cơ đốt trong sử dụng nhiên liệu hóa thạch (ICE) để chuyển đổi sang xe điện (EV)

Chính phủ đang dự tính chuyển đổi dần từ xe ICE sang xe điện. Chúng tôi tin rằng quá trình chuyển đổi này không nên diễn ra đột ngột mà thay vào đó cần phải xuyên suốt, không chỉ dừng lại ở năng lượng điện (cho xe điện) mà còn phát triển thêm các giải pháp năng lượng thay thế sạch, xanh và bền vững khác. Một số yếu tố quan trọng cần được xem xét trong quá trình chuyển sang xe điện này: tính sẵn có của cơ sở hạ tầng sạc điện, sự đồng thuận của khách hàng đối với các phương thức vận tải mới, chi phí sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng cho xe điện, lượng phát thải khí nhà kính từ sản xuất xe điện và sản xuất năng lượng cũng như việc thải bỏ pin.

Xét những yếu tố này, việc chuyển đổi hoàn toàn từ xe ICE sang xe điện đòi hỏi sự cân nhắc cẩn thận. Các năng lượng xanh thay thế như nhiên liệu sinh học và/hoặc nhiên liệu điện tử (e-fuel)⁷, có thể là một phương án để đạt được trạng thái trung hòa carbon. Ngoài nhiên liệu sinh học và nhiên liệu điện tử, thắt chặt tiêu chuẩn khí thải đối với xe máy mới theo EURO 4 và quản lý khí thải từ xe máy đang sử dụng cũng có thể là những giải pháp chuyển tiếp.

Khuyến nghị

Trước khi thúc đẩy các kế hoạch hạn chế xe máy và/hoặc chuyển đổi xe ICE, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ:

- Cân nhắc tầm quan trọng của xe máy trong cuộc sống hàng ngày, xem xét các vấn đề về tính sẵn sàng của giao thông công cộng, tính hiệu quả và thân thiện với môi trường của xe máy cũng như tác động tiềm tàng của việc hạn chế xe máy đến đời sống của người dân;
- Giải quyết ô nhiễm bằng cách tập trung vào chất lượng của phương tiện hơn là số lượng;
- Học hỏi và áp dụng các thực hành hiệu quả từ các quốc gia đã tích hợp thành công cơ sở hạ tầng giao thông công cộng tiên tiến với việc sử dụng xe máy để giảm thiểu tắc nghẽn và ô nhiễm;⁸
- Khuyến khích Bộ Công thương mở rộng việc sử dụng nhiên liệu sinh học, bắt đầu từ E10 và nghiên cứu kỹ về nhiên liệu điện tử để triển khai trong tương lai. Bên cạnh năng lượng điện tái tạo, nhiên liệu sinh học và/hoặc nhiên liệu điện tử cần được công nhận là nguồn năng lượng xanh và sạch;

6 "Hà Nội dừng hoạt động của xe máy tại nội đô vào năm 2030 có khả thi?", Báo Giao thông. Xem tại: <https://www.baogiaothong.vn/ha-noi-dung-hoat-dong-cua-xe-may-tai-noi-do-vao-nam-2030-co-kha-thi-d594437.html>, truy cập lần cuối ngày 3 tháng 10 năm 2023.

7 Theo <https://en.wikipedia.org/wiki/Electrofuel>, nhiên liệu điện tử là một loại nhiên liệu tổng hợp, là một loại nhiên liệu thay thế sẵn dùng. Nhiên liệu điện tử được sản xuất bằng cách sử dụng carbon dioxide hoặc carbon monoxide thu được, cùng với hydro thu được từ các nguồn sản xuất điện bền vững như điện gió, điện mặt trời và điện hạt nhân.

8 CÁC THÀNH PHỐ TƯƠNG LAI CỦA CHÂU Á: Xe máy có còn xuất hiện ở lại trên đường phố Yangon?, CNA. Xem tại: <https://www.channelnewsasia.com/asia/asias-future-cities-will-motorcycles-ever-be-seen-yangons-streets-again-1023151>, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 8 năm 2022.

- Thúc đẩy chiến dịch nâng cao nhận thức về ethanol để nêu bật lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu có hàm lượng ethanol thấp hơn; và
- Xem xét áp dụng và thúc đẩy các tiêu chuẩn khí thải chặt chẽ hơn cho các loại xe máy mới như Euro 4, Euro 5. Cách tiếp cận dừng cho lưu hành dẫn xe máy cũ không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải và lộ trình đề xuất của Bộ GTVT về áp dụng EURO 4 được thực hiện vào năm 2025 có thể giảm thiểu ô nhiễm không khí và lượng khí thải CO2 một cách hiệu quả. Ngoài ra, cần thiết lập các quy trình kiểm tra thường xuyên về lượng khí thải từ xe máy đã qua sử dụng.

II. CÁC VẤN ĐỀ VỀ THUẾ VÀ HẢI QUAN

Cơ quan liên quan: Bộ Tài chính (BTC) và Tổng cục Hải quan (TCHQ)

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Mô tả vấn đề

Theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (thuế TTĐB) hiện hành,⁹ xe máy có dung tích trên 125cc phải chịu thuế TTĐB 20%. Mặc dù vậy, trong bối cảnh phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam, xe máy, ngay cả những loại trên 125cc, không còn là mặt hàng xa xỉ nữa mà thay vào đó chỉ được xem như phương tiện giao thông cá nhân thông thường. Việc áp thêm thuế TTĐB 20% đối với người tiêu dùng có vẻ không phù hợp trong bối cảnh này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thực thi Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ảnh hưởng tiêu cực đến việc sản xuất xe máy có dung tích trên 125cc trong nước và không khuyến khích các nhà sản xuất đầu tư và phát triển mảng kinh doanh cụ thể này bằng các công nghệ hiện đại và tiên tiến. Điều này cản trở tiềm năng tăng trưởng và phát triển của ngành. Hơn nữa, nhiều người tiêu dùng Việt Nam ngại tiếp cận những mẫu xe tay ga cao cấp trên 125cc. Mặc dù không phải là những mặt hàng xa xỉ, những mẫu xe này cung cấp công nghệ nâng cao vì lợi ích của người dùng.

Khuyến nghị

Chúng tôi kêu gọi các cơ quan như Quốc hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá lại vấn đề này trong quá trình sửa đổi hoặc ban hành luật thuế tiêu thụ đặc biệt mới. Việc loại trừ xe máy trên 125cc ra khỏi luật thuế tiêu thụ đặc biệt sẽ mang lại nhiều lợi ích.

GIẤY PHÉP MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

Mô tả vấn đề

Hiện tại, các đơn vị nhập khẩu máy móc và thiết bị (MMTB) dùng làm tài sản cố định để sản xuất các loại xe máy chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đều phải đối mặt với việc bị cơ quan hải quan từ chối yêu cầu giấy phép miễn thuế nhập khẩu. Điều này xảy ra ngay cả khi phần lớn MMTB nhập khẩu được chỉ định là các sản phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đối với các dự án quan trọng, lập trường này không mang lại hình ảnh tích cực cho môi trường đầu tư của Việt Nam. Có vẻ như ngành công nghiệp xe máy đang bị nhắm tới một cách không công bằng. Ngược lại, các ngành chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khác như ô tô, máy bay và du thuyền được miễn thuế hoàn toàn đối với MMTB nhập khẩu.

⁹ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội (Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt).

Khuyến nghị

Chúng tôi đề nghị Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan:

- Mở rộng các quy định áp dụng cho ô tô, máy bay và du thuyền, miễn thuế cho tất cả MMTB nhập khẩu để sản xuất trong lĩnh vực xe máy;
- Trong thời gian chờ thực hiện khuyến nghị trên, xem xét áp dụng cách tiếp cận tương xứng đối với MMTB nhập khẩu để sản xuất cả sản phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (tức là áp thuế theo tỷ lệ với sản lượng hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt dự kiến).

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC VỀ HẢI QUAN**Mô tả vấn đề**

Doanh nghiệp sản xuất nhập khẩu nguyên liệu, linh kiện miễn thuế gặp một số khó khăn về hải quan như:

- Thiếu cơ chế cho phép nhà sản xuất tự nguyện kê khai và nộp thuế cho phần chênh lệch về số lượng tồn kho của các nguyên liệu/linh kiện được miễn thuế mà doanh nghiệp tự xác định.
- Sự mơ hồ trong quy định về phân loại HS đối với một số mặt hàng gây ra nhầm lẫn cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.
- Thiếu hướng dẫn rõ ràng về tái nhập hàng hóa xuất khẩu (A31), đặc biệt trong trường hợp linh kiện/bộ phận của sản phẩm/phương tiện xuất khẩu không đạt tiêu chuẩn (E62).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nếu không có cơ chế tự nguyện công bố chênh lệch tồn kho đối với hàng hóa miễn thuế, doanh nghiệp sẽ phải chờ thanh tra hoặc kiểm toán chính thức để giải quyết mọi vấn đề về thuế. Quá trình này có thể kéo dài vài năm kể từ khi chênh lệch được xác định chính xác.

Theo Luật Quản lý thuế,¹⁰ tiền lãi chậm nộp bắt đầu phát sinh kể từ ngày đến hạn nộp thuế đến ngày thực nộp. Nếu không có cơ chế công bố thông tin tự nguyện, ngay cả những doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế một cách chủ động cũng sẽ bị cản trở, do đó phải chịu mức phạt hành chính và lãi chậm nộp cao hơn. Điều này mâu thuẫn với điều khoản cho phép giảm hình phạt đối với hành vi chủ động khai báo thiếu hụt và cản trở doanh nghiệp tự giác tuân thủ quy định. Thành lập một hệ thống công bố thông tin tự nguyện sẽ hỗ trợ doanh nghiệp nộp thuế kịp thời và giảm nhẹ các khoản phạt cũng như lãi chậm nộp.

Ngoài ra, đôi khi các doanh nghiệp cũng nhận ra những sai sót trước đây trong quá trình khai báo mã HS cho một số sản phẩm nhất định do phân loại phức tạp hoặc do lỗi đánh giá nội bộ. Cách hiểu khác nhau về mã HS có thể khiến doanh nghiệp bị phạt, làm phát sinh thuế, lãi chậm nộp nếu kê khai sai. Các công ty được yêu cầu phải nộp thêm thuế hoặc đã nộp thuế quá mức phải đối mặt với những thách thức trong việc đảm bảo hoàn lại tiền thông qua các biện pháp hành chính.

Cuối cùng, do chưa có quy định nên doanh nghiệp tái nhập khẩu linh kiện đã xuất khẩu bằng cách làm việc với hải quan, khai tờ khai xuất khẩu E62 ban đầu với mã phương tiện xuất khẩu chính xác trong từng trường hợp.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan:

- Áp dụng cơ chế công bố thông tin tự nguyện, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động thông báo với cơ quan hải quan về chênh lệch tồn kho của hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế và nộp thuế kịp thời;
- Tinh giản quy trình khai báo lại bằng cách (i) cho phép khai báo một lần cho nhiều mục có lỗi giống nhau; và (2) cho phép bù trừ phần chênh lệch số thuế phải nộp giữa các tờ khai cần điều chỉnh;

10 Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội (Luật Quản lý thuế).

- Tạo danh sách hàng hóa đã được phân loại trước đó, trong quá trình thông quan hoặc kiểm tra sau thông quan để hướng dẫn doanh nghiệp xác định các tranh chấp về mã HS tiềm ẩn trong các ngành, hỗ trợ hành động phù hợp; và
- Triển khai các quy định trên diện rộng, tránh cách tiếp cận theo từng trường hợp cụ thể để cung cấp một khuôn khổ nhất quán cho doanh nghiệp.

XE MÁY CHẠY THỬ TRÊN ĐƯỜNG

Mô tả vấn đề

Thông tư 24¹¹ mới được ban hành bắt buộc nhà sản xuất xe máy phải có văn bản xác nhận xe bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, được phép chạy thử nghiệm trên đường giao thông công cộng (Giấy xác nhận), từ Cục Đăng kiểm Việt Nam. Giấy xác nhận này xác nhận xe đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn môi trường và đủ điều kiện chạy thử trên đường.¹² Tuy nhiên, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã từ chối cấp Giấy xác nhận này với lý do chưa có quy định pháp lý cụ thể. Việc từ chối này khiến các nhà sản xuất xe máy không thể xin đăng ký tạm thời từ cơ quan công an, do đó không thể tiến hành chạy thử nghiệm trên đường.¹³ Tình trạng này tạo ra sự bế tắc trong việc thử nghiệm các mẫu xe máy được phát triển trong nước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các nhà sản xuất xe máy trong nước tiến hành nghiên cứu và phát triển để tung ra các mẫu xe mới và cải tiến những mẫu xe hiện có. Trước khi chuyển sang sản xuất hàng loạt các mẫu xe mới hoặc nhập khẩu, việc chạy thử nghiệm thực tế trên đường là bắt buộc để đảm bảo xe máy được thử nghiệm trong điều kiện giao thông và đường sá thật ngoài các cơ sở thử nghiệm nội bộ của nhà sản xuất. Lỗ hổng trong quy định hiện hành liên quan đến việc cấp Giấy xác nhận cản trở việc cấp biển số tạm thời cho xe máy thử nghiệm. Điều này đặt ra những thách thức đáng kể cho quá trình sản xuất xe máy, vì nhiều thiết kế mới hoặc cải tiến vẫn chưa được thử nghiệm và có khả năng trì hoãn việc sản xuất.

Khuyến nghị

Các cơ quan hữu quan có thể cân nhắc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chạy thử nghiệm trên đường diễn ra suôn sẻ hơn bằng cách:

- Loại bỏ yêu cầu phải có giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời;
- Kịp thời ban hành hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận kiểm định xe máy tương tự như quy định đối với ô tô; và
- Xây dựng đề án cụ thể về cấp biển số cho xe máy chạy thử nghiệm căn cứ vào mô hình của EU. Điều này đòi hỏi phải cho phép các nhà sản xuất xe máy tự xin cấp và quản lý các biển số cụ thể dành riêng cho xe máy chạy thử nghiệm.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Ngành Công nghiệp Ô tô - Xe máy thuộc EuroCham.

11 Thông tư 24/2023/TT-BCA ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Bộ Công an quy định thủ tục cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới (Thông tư 24)

12 Cơ quan thuộc Bộ Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng phương tiện, trong đó có xe máy.

13 Thông tư 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy xác nhận phương tiện đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường, nhưng Thông tư này chỉ áp dụng đối với ô tô (Thông tư 16).

CHƯƠNG 23 SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

TỔNG QUAN

Theo Kết quả tóm tắt Điều tra các Mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021 do UNICEF thực hiện, 97,6% trẻ em ở Việt Nam được bú sữa mẹ ít nhất một lần, 55,2% trẻ em từ 6-23 tháng tuổi được ăn dặm từ 5 nhóm thực phẩm trở lên trong những ngày khảo sát và 78,2% trẻ em từ 24-59 tháng tuổi đang phát triển đúng hướng ở ít nhất ba trong bốn lĩnh vực sau: biết chữ-biết làm toán, thể chất, giao tiếp xã hội, và học tập.¹ Mặc dù số lượng trẻ em suy dinh dưỡng đang giảm dần trong những năm gần đây, số lượng trẻ em bị thiếu hụt vi chất dinh dưỡng còn ở mức tương đối đáng kể.² Vì vậy, việc tiếp cận các sản phẩm góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, phát triển thể chất cũng như sức khỏe của người dân cần được đảm bảo. Để đạt được mục tiêu này, các chính sách và quy định của Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi để các sản phẩm dinh dưỡng được tiêu thụ một cách rộng rãi. Trong khuôn khổ chương này, chúng tôi sẽ đặt ra một số vấn đề mà theo quan điểm của chúng tôi, là đang hạn chế điều này.

I. TÌNH TRẠNG XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ VI PHẠM CHẤT LƯỢNG

Cơ quan liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN), Tổng cục Quản lý thị trường (TCQLTT), Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Thực trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, và vi phạm chất lượng trong ngành sữa và thực phẩm đang tăng nhanh. Một số lượng không nhỏ các doanh nghiệp vì lợi nhuận đã không ngần ngại sản xuất các sản phẩm nhái hoặc giả mạo các nhãn hiệu danh tiếng, cùng các quảng cáo sai sự thật, để cạnh tranh không lành mạnh, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Nhiều doanh nghiệp trong số này còn sử dụng nguyên liệu kém chất lượng, quy trình sản xuất không đảm bảo vệ sinh, sản phẩm kém chất lượng, thậm chí tới mức giả mạo về chất lượng so với bản tự công bố, và đã có trường hợp bị truy tố trách nhiệm hình sự. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm chất lượng, quảng cáo sai sự thật này không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các công ty kinh doanh nghiêm túc, mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thực thi chưa thoả đáng Luật Sở hữu trí tuệ³ và Luật Chất lượng Sản phẩm, Hàng hóa:

- Việc thanh tra, kiểm tra chưa được tiến hành toàn diện và chặt chẽ, nhất là đối với các đối tượng quảng cáo và bán hàng trên mạng. Một số sàn thương mại điện tử có biểu hiện dung túng cho các sản phẩm vi phạm nhãn hiệu, mặc dù nhận được thư cảnh báo về vi phạm từ chủ sở hữu nhãn hiệu, nhưng từ chối gỡ các sản phẩm vi phạm;
- Thiếu cơ chế tự giám sát giữa các doanh nghiệp của cùng hiệp hội, ngành hàng, do đó cơ quan quản lý khó nắm bắt được các trường hợp vi phạm, cả về nhãn hiệu, chất lượng và quảng cáo;
- Chưa có yêu cầu các thực phẩm cho các đối tượng nhạy cảm như người già, bệnh nhân, phụ nữ có thai, trẻ

¹ Kết quả tóm tắt Điều tra các Mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021, UNICEF. Xem tại: <<https://www.unicef.org/vietnam/media/8716/file/B%20C%3%A1o%20C%3%A1o%20t%3%B3m%20t%19BA%Aft%20-%20MICS%206.pdf>>, truy cập lần cuối ngày 01 tháng 11 năm 2023.

² “Vi chất dinh dưỡng- Thực trạng và giải pháp hiện nay”, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, ngày 25 tháng 5 năm 2016. Xem tại <<http://viendinhduong.vn/vi-tin-tuc/vi-chat-dinh-duong-thuc-trang-va-giai-phap-hien-nay.html>>, truy cập lần cuối ngày 2 tháng 8 năm 2022.

³ Văn bản hợp nhất số 11/VBMN-VPQH ban hành ngày 8 tháng 7 năm 2022

nhỏ phải được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương, dẫn đến khó kiểm soát về chất lượng;

- Các cơ quan thực thi pháp luật (như công an kinh tế, quản lý thị trường) chưa được phổ biến đầy đủ các quy định về sở hữu trí tuệ, dẫn đến lúng túng khi thực thi, ngay cả với các hành vi vi phạm nhãn hiệu dễ nhận biết; và
- Trong nhiều vụ việc, Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ đã đưa ra các kết luận giám định là vi phạm, cơ quan thực thi đã tiến hành xử lý, nhưng sau đó Cục Sở hữu trí tuệ lại đưa ra ý kiến ngược lại. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan thực thi khi ra quyết định giải quyết và khiến cho các đối tượng vi phạm càng “nhờn” Luật Sở hữu trí tuệ.

Khuyến nghị

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Tổ chức chương trình tập huấn nhằm tăng cường chuyên môn, kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan thực thi (như công an kinh tế, quản lý thị trường), khuyến khích các cơ quan thực thi chủ động xử lý các hành vi vi phạm nhãn hiệu dễ nhận biết mà không cần trưng cầu ý kiến chuyên môn;
- Có chuyên đề thanh tra và xử lý hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực phẩm, do đây là ngành hàng có ảnh hưởng rất lớn tới an toàn và sức khỏe cộng đồng để xác định và xử lý nghiêm minh các sản phẩm có bao bì, nhãn mác xâm phạm nhãn hiệu đã được đăng ký, bảo hộ của các doanh nghiệp khác và/hoặc vi phạm chất lượng; và
- Có biện pháp để giải quyết sự không thống nhất về ý kiến chuyên môn giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ.

2. Bộ Công Thương:

- Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường thanh tra và xử lý nghiêm hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu và vi phạm chất lượng đối với ngành hàng thực phẩm;
- Có biện pháp yêu cầu các sàn thương mại điện tử nhanh chóng xử lý các hành vi nhái/giả mạo nhãn hiệu, vi phạm chất lượng và vi phạm quảng cáo khi nhận được cảnh báo từ chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc từ cơ quan chức năng; và
- Có biện pháp khuyến khích các hiệp hội, ngành hàng thực phẩm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử, trong đó thống nhất hướng dẫn chi tiết những việc nên làm và không nên làm; các doanh nghiệp cam kết sản xuất sản phẩm đạt chất lượng, không vi phạm nhãn hiệu, kinh doanh và quảng cáo đúng pháp luật; có cơ chế góp ý để phát hiện, thông báo, tự khắc phục các vi phạm, và cách thức báo cáo cơ quan quản lý nếu tiếp diễn vi phạm.

3. Bộ Y tế:

- Sửa đổi các văn bản pháp luật theo hướng yêu cầu các thực phẩm cho người già, bệnh nhân, phụ nữ có thai, trẻ nhỏ phải được sản xuất tại các cơ sở đáp ứng Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc tương đương.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

CHƯƠNG 24 CROPLIFE VIỆT NAM

TỔNG QUAN

Đầu năm 2022, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Quyết định 150/QĐ-TTg¹ phê duyệt “Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.² Chiến lược này hỗ trợ các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 13 và được lồng ghép với các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh về hệ thống lương thực của Liên hợp quốc và Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (COP26).³

Đây là lần đầu tiên chiến lược phát triển ngành nông nghiệp với mục tiêu thúc đẩy đổi mới và đưa ra trọng tâm phát triển rõ ràng. Chiến lược này nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi nền nông nghiệp từ chỉ tập trung vào năng suất đơn thuần sang ưu tiên chất lượng, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu. Quá trình chuyển đổi này cũng sẽ tập trung giải quyết những hạn chế hiện tại, đồng thời đưa ra hướng dẫn để thúc đẩy phát triển bền vững cho các khu vực nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Mục tiêu là đến năm 2050 Việt Nam sẽ trở thành một trong những nước nông nghiệp hàng đầu thế giới với một ngành nông nghiệp hiệu quả, thân thiện với môi trường và ngành công nghiệp chế biến sản phẩm hiện đại.⁴

Trong bối cảnh quốc tế, Báo cáo về “Tình trạng An ninh Lương thực & Dinh dưỡng Thế giới năm 2022” (SOFI) của Liên hợp quốc đã cho thấy biến đổi khí hậu, COVID-19 và các cuộc xung đột đang xảy ra tại Ukraine đã làm trầm trọng thêm vấn đề đáp ứng nhu cầu lương thực của thế giới, trực tiếp và gián tiếp ảnh hưởng đến nguồn cung lương thực toàn cầu cũng như dinh dưỡng và an ninh lương thực của nhiều quốc gia.⁵

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) cũng lưu ý rủi ro đối với an ninh lương thực do giá đầu vào nông sản và lương thực cao. Theo một báo cáo do FAO công bố vào tháng 6 năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu lương thực toàn cầu sẽ lập kỉ lục mới, đạt 1,8 nghìn tỉ Đô-la Mỹ trong năm 2022 do giá cả và chi phí vận chuyển cao hơn chứ không phải do tăng khối lượng. Điều đáng lo ngại là nhiều quốc gia dễ chịu tác động đang phải trả nhiều tiền hơn để nhận lại lương thực phẩm ít hơn.⁶ Để thúc đẩy việc thực hiện Khung chiến lược 2022-2031 của FAO nhằm tập trung nỗ lực của các quốc gia vào chuyển đổi hệ thống sản xuất nông sản và thúc đẩy một thế giới an toàn lương thực cho tất cả mọi người, FAO vừa thông qua các chiến lược 10 năm mới về biến đổi khí hậu, khoa học và đổi mới.⁷ FAO coi khoa học và đổi mới là động cơ mạnh mẽ để chuyển đổi hệ thống sản xuất nông sản và chấm dứt nạn đói cũng như tình trạng suy dinh dưỡng.

Xét cả bối cảnh trong nước và quốc tế, mặc dù nông dân sản xuất nhỏ đang chịu áp lực ngày càng lớn để sản xuất đủ lương thực cho dân số ngày càng tăng, Việt Nam cũng có những cơ hội đầy hứa hẹn để củng cố vị thế của mình trong số các thành viên của nền nông nghiệp toàn cầu.

CroLife Việt Nam và các công ty thành viên của chúng tôi hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững của Chính phủ Việt Nam. Chúng tôi tin rằng đổi mới trong nông nghiệp là chìa khóa cho phép nông dân sản xuất thực phẩm đa dạng với giá cả phải chăng và giàu chất dinh dưỡng, đồng thời giảm lượng khí thải, ngăn chặn mất đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế nông thôn. Để đạt

1 Quyết định 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 1 năm 2022 phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

2 “Phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030”, Website của Bộ NN&PTNT, Xem tại: <<https://www.mard.gov.vn/en/Pages/strategy-for-sustainable-agriculture-and-rural-development-in-the-2021-2030-period-has-been-approved.aspx>>, truy cập lần cuối ngày 01 tháng 07 năm 2022.

3 “Việt Nam cam kết thực hiện các cam kết tại COP 26”, Vietnam News, Xem tại: <<https://vietnamnews.vn/society/1095099/viet-nam-pledges-to-realise-commitments-at-cop26.html>>, truy cập lần cuối ngày 2 tháng 7 năm 2022.

4 “Kích hoạt tư duy đổi mới để phát triển” nông nghiệp - nông thôn - nông dân”, *Nông Nghiệp Việt Nam*, Xem tại: <<https://vietnamagriculture.nongnghiep.vn/activate-innovative-thinking-to-develop-agriculture--countryside--farmer-d315865.html>>, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 7 năm 2022.

5 “Báo cáo Tóm tắt về Tình trạng An ninh Lương thực và Dinh dưỡng trên Thế giới năm 2022. Điều chỉnh chính sách lương thực và nông nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận với chế độ ăn lành mạnh”, FAO, IFAD, UNICEF, WFP và WHO, Rome, FAO, 2022.

6 “Báo cáo Triển vọng Lương thực mới của Liên hợp quốc: Những đối tượng dễ bị tác động nhất trên thế giới đang trả nhiều tiền hơn để nhận được ít lương thực hơn”, FAO, Xem tại: <<https://www.fao.org/newsroom/detail/new-un-food-outlook-report-world-s-most-vulnerable-are-paying-more-for-less-food/en>>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 7 năm 2022.

7 “Hội đồng FAO tán thành các chiến lược 10 năm mới về Biến đổi khí hậu, Khoa học và Đổi mới”, FAO, Xem tại: <<https://www.fao.org/newsroom/detail/fao-council-10-year-thematic-strategies-climate-change-science-innovation/en>>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 7 năm 2022.

được điều này, nông dân cần được tiếp cận kịp thời và bình đẳng với các công cụ cần thiết để nâng cao hiệu quả trồng trọt trên trang trại. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng Chính phủ cần có một cách tiếp cận một cách toàn diện và có hệ thống để củng cố và đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích đổi mới trong nông nghiệp, dựa trên hệ thống pháp lý có cơ sở khoa học, minh bạch, nhất quán với các thông lệ quốc tế.

Trong chương này, chúng tôi sẽ thảo luận một số khuyến nghị chính để hỗ trợ và thúc đẩy nông dân sản xuất quy mô nhỏ tại Việt Nam tiếp cận hiệu quả và có trách nhiệm với các giải pháp khoa học cây trồng mới và các công nghệ tiên tiến.

I. TĂNG CƯỜNG RA QUYẾT ĐỊNH DỰA TRÊN KHOA HỌC VÀ BẰNG CHỨNG ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC THỰC VẬT VÀ CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP MỚI

Cơ quan liên quan: Văn phòng Chính phủ (VPCP), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).

Mô tả vấn đề

Xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác nhiều bên liên quan nhằm thúc đẩy Khung Quản lý Thuốc Bảo vệ thực vật Bền vững (SPMF) nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang hệ thống thực phẩm bền vững

Trong vòng 10 năm qua, cùng với cam kết đầu tư lâu dài vào nghiên cứu và phát triển, chúng tôi tự hào hợp tác với nhiều cơ quan Chính phủ, tổ chức nghiên cứu và phát triển cũng như giới học thuật của Việt Nam trong việc xây dựng và tăng cường năng lực của các bên liên quan trong nước để cùng theo đuổi mục tiêu chung về tăng trưởng nông nghiệp bền vững ở Việt Nam. CropLife Việt Nam và các công ty thành viên đã đầu tư đáng kể vào hoạt động tập huấn sử dụng tại Việt Nam thông qua hợp tác với các bên liên quan tại địa phương. Mục tiêu của các chương trình này là tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu mọi rủi ro có thể xảy ra đối với môi trường, sức khỏe con người, vật nuôi và cộng đồng khi sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật (BVTV). Cũng trên tinh thần này, chúng tôi dự định giới thiệu Khung quản lý thuốc trừ sâu bền vững tại Việt Nam trong 5 năm tới với sự hợp tác lâu dài với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bên liên quan.

SPMF là một chương trình tổng thể kéo dài nhiều năm nhằm hỗ trợ việc sử dụng thuốc BVTV bền vững và có trách nhiệm. Đây là một chương trình chủ chốt quan trọng toàn cầu và là cam kết nền tảng của CropLife International, được triển khai ở các khu vực châu Phi, châu Á và châu Mỹ Latinh. Tại châu Á, Việt Nam là một trong ba nước được lựa chọn tham gia chương trình này. Chương trình nhằm mục đích nâng cao năng lực cho các quốc gia trong khu vực nhằm thiết lập một khuôn khổ quản lý thuốc BTVT bền vững để bảo vệ sức khỏe con người, môi trường và sản xuất trồng trọt trong việc giải quyết ba thách thức toàn cầu là biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và an ninh lương thực nhằm thúc đẩy đổi mới trong nông nghiệp, hỗ trợ phát triển các hệ thống thực phẩm bền vững.

CropLife International ủng hộ mạnh mẽ Bộ Quy tắc ứng xử quốc tế của FAO-WHO về quản lý thuốc BTVT. SPMF phản ánh tham vọng và cam kết của chúng tôi trong việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang hệ thống thực phẩm bền vững. Chương trình này sẽ cung cấp kiến thức chuyên môn và bổ sung nguồn lực cho những thay đổi về cấu trúc để tạo ra kết quả bền vững, tập trung vào ba trụ cột chính:

1. Triển khai khung pháp lý trên cơ sở khoa học về quản lý thuốc trừ sâu cùng với các biện pháp giảm thiểu rủi ro;
2. Áp dụng sáng kiến kiến bảo vệ cây trồng (BVCT); và
3. Sử dụng thuốc trừ sâu có trách nhiệm và hiệu quả.

Ba trụ cột này cung cấp phạm vi bao quát toàn diện để giảm thiểu rủi ro về thuốc BTVT bằng cách tập trung vào cả quá trình chuyển đổi nhanh chóng và bền vững. Nhờ đó, nông dân được trang bị hộp công cụ canh tác để bảo

vệ sức khỏe con người và môi trường, đồng thời tối ưu hóa việc bảo vệ cây trồng cả hiện tại và tương lai. SPMF tại Việt Nam sẽ được xây dựng trên nền tảng vững chắc với tầm nhìn chung và quan hệ đối tác chính thức nhằm thúc đẩy các nỗ lực chuyên ngành để hỗ trợ đạt được các mục tiêu của Chính phủ về phát triển bền vững ngành nông nghiệp về lâu dài, đảm bảo cả năng suất và sử dụng môi trường có trách nhiệm.

Đề xuất cụ thể của chúng tôi cho mỗi trong số ba trụ cột chính như sau:

Triển khai khung pháp lý trên cơ sở khoa học về quản lý thuốc BVTV cùng với các biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tổ chức các chương trình nâng cao năng lực về đánh giá rủi ro và các giải pháp BVTV tiên tiến;
- Tổ chức hội thảo về các vấn đề khoa học và kỹ thuật đồng thời hỗ trợ tổ chức các hội thảo tham vấn chính sách về khung quản lý thuốc BVTV bền vững; và
- Chia sẻ các cách làm tốt nhất và các mô hình áp dụng đổi mới nông nghiệp đã được chứng minh.

Áp dụng đổi mới thuốc BVTV

- Tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới trong nông nghiệp để giới thiệu các mô hình tốt nhất và chia sẻ khuyến nghị chính sách;
- Khuyến khích sử dụng thuốc trừ sâu sinh học và các giải pháp BVTV tiên tiến;
- Cải thiện và hỗ trợ quá trình chuyển đổi hiệu quả sang hệ thống đăng ký và quản lý thuốc BVTV điện tử; và
- Thiết lập cơ sở dữ liệu theo dõi về giới hạn tối đa dư lượng cho xuất khẩu.

Sử dụng thuốc trừ sâu có trách nhiệm và hiệu quả

- Thiết lập và vận hành các nền tảng học tập trực tuyến chính thức về quản lý dịch hại và sử dụng thuốc BVTV có trách nhiệm đối với các loại cây trồng xuất khẩu chính;
- Tiếp tục Biên bản ghi nhớ hợp tác mô hình quản lý 5 năm tại Đồng Tháp;
- Trình bày các mô hình quản lý phù hợp để thay đổi cách làm của nông dân về quản lý dư lượng thuốc BVTV dựa trên các nghiên cứu thực địa về hành vi; và
- Tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động đồng bộ của Trung tâm Chống độc Quốc gia nhằm xử lý các trường hợp ngộ độc liên quan đến thuốc trừ sâu với quy trình thống nhất.

Hoàn thiện các hướng dẫn pháp lý về áp dụng đổi mới trong chăn nuôi và công nghệ nông nghiệp mới

Cây trồng chỉnh sửa gen

Để hiện thực hóa nhiều mục tiêu đầy tham vọng như đã đề cập ở trên, ngành Nông nghiệp Việt Nam cần những đổi mới về giống cây trồng như chỉnh sửa gen. Cây trồng phải đối mặt với nhiều thách thức từ hạn hán, lũ lụt, nắng nóng, bệnh tật và sâu bệnh. Đồng thời, nhu cầu về thực phẩm ngày càng tăng và sở thích của người tiêu dùng cũng thay đổi. Những đổi mới trong nông nghiệp như chỉnh sửa gen sẽ góp phần quan trọng trong việc đáp ứng những nhu cầu này và làm cho hệ thống lương thực trở nên bền vững và dễ thích ứng hơn.⁸

Công nghệ chỉnh sửa gen trong nông nghiệp dựa trên quy trình nhân giống truyền thống. Thông qua chỉnh sửa gen, các nhà khoa học có thể thực hiện những thay đổi chính xác, có mục tiêu đối với các chuỗi DNA cụ thể của thực vật phản ánh những gì có thể xảy ra trong tự nhiên hoặc thông qua nhân giống cây trồng truyền thống, nhưng theo cách hiệu quả hơn. Trong khi cây trồng biến đổi gen thường bao gồm DNA từ sinh vật khác, việc chỉnh sửa gen cho phép các nhà khoa học làm việc với mã di truyền của chính cây trồng đó. Chỉnh sửa gen chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các cải tiến có thể xảy ra trong tự nhiên nhưng theo cách chính xác hơn.⁹

⁸ “Chỉnh sửa gen là gì?”, *CropLife Canada*. Xem tại <https://croplife.ca/field-notes-gene-editing/>, truy cập lần cuối ngày 4 tháng 10 năm 2023.

⁹ Cùng nguồn.

Với những đổi mới về giống cây trồng thế hệ tiếp theo, bao gồm chỉnh sửa gen, Việt Nam có cơ hội đưa ra các giải pháp mới và đầy hứa hẹn cho những vấn đề lớn nhất mà ngành sản xuất nông nghiệp đang phải đối mặt. Tùy thuộc vào cách tiếp cận pháp lý mà Việt Nam áp dụng, nhiều cơ sở lai tạo giống cây trồng có thể tiếp cận được các công cụ chỉnh sửa gen, bao gồm cả khu vực công và các doanh nghiệp nhỏ. Những công cụ này có thể được sử dụng cho tất cả các loại cây trồng nông nghiệp quan trọng, bao gồm rau, trái cây và các loại cây đặc sản quan trọng với khả năng cạnh tranh quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, sẽ cần có các chính sách quản lý dựa trên cơ sở khoa học, cân đối rủi ro và hài hòa hóa toàn cầu.

Khuyến nghị

- Cùng với các bên liên quan củng cố và đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích đổi mới trong nông nghiệp, dựa trên hệ thống pháp lý có cơ sở khoa học minh bạch, nhất quán với các thông lệ quốc tế trong bối cảnh thực tế nông học ở Việt Nam;
- Hợp tác với nhiều bên liên quan để đưa ra những sáng kiến gốc thực vật mới nhất có thể giúp nông dân vượt qua những thách thức ngày càng phức tạp về kinh tế và môi trường thông qua các nghiên cứu điển hình hoặc giới thiệu các công nghệ nông nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ đổi mới, khuyến khích sử dụng có trách nhiệm và giảm thiểu rủi ro của thuốc trừ sâu.

II. HỢP LÝ HÓA VÀ TIẾN TỚI TRIỂN KHAI KHUNG PHÁP LÝ TOÀN DIỆN VỀ CÁC SẢN PHẨM ĐẦU VÀO CHO NÔNG NGHIỆP

Cơ quan liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), Ban chỉ đạo 389 Quốc gia

Mô tả vấn đề & Quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Sự chậm trễ và thiếu trách nhiệm trong đăng ký cây trồng biến đổi gen (BĐG)

Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý dựa trên cơ sở khoa học, đầy đủ và đơn giản hóa cho GMO trong cả hoạt động buôn bán và trồng trọt tại địa phương. Đây có thể coi là một mô hình chính sách tiên tiến đối với các nước khác trong khu vực châu Á. Do đó, việc triển khai khung pháp lý về GMO của Việt Nam là rất quan trọng để đảm bảo việc áp dụng công nghệ sinh học theo hướng tích cực trong khu vực, thúc đẩy lợi ích của công nghệ sinh học nông nghiệp và hỗ trợ Chính phủ Việt Nam đạt được mục tiêu bền vững và an ninh lương thực.

Việt Nam có một số cơ hội liên quan đến các quy định về cây trồng BĐG. Đầu tiên là cơ hội chiến lược để hưởng lợi từ hơn hai thập kỷ thương mại hóa toàn cầu đối với cây trồng BĐG. Điều này sẽ giúp nông dân Việt Nam đối phó với các thách thức trong thực tế sản xuất như kiểm soát sâu bệnh và cỏ dại. Một ví dụ là việc sử dụng ngô BĐG như một công cụ Quản lý Dịch hại Tổng hợp (IPM) hiệu quả để giải quyết dịch sâu keo mùa thu (Fall Armyworm). Theo một nghiên cứu gần đây, các giống BĐG vượt trội hơn các giống thông thường về năng suất 30,4% và giảm chi phí sản xuất từ 26,47 Đô-la Mỹ đến 31,30 Đô-la Mỹ cho một hecta. Công nghệ ngô BĐG cũng làm giảm lượng thuốc trừ sâu được sử dụng. Lượng thuốc trừ sâu trung bình được áp dụng cho cây ngô BĐG thấp hơn đáng kể (78%, hay 0,08 kg/ai/ha) so với giá trị trung bình đối với ngô thông thường (0,36 kg/ai/ha).¹⁰ Mặc dù ngô BĐG được phép trồng ở Việt Nam, trong những năm gần đây, đã có rất ít giấy phép đăng ký giống được cấp và người trồng ngô chỉ có thể tiếp cận với các phối hạt cũ.

Cơ hội thứ hai là cho phép sản xuất ngô BĐG làm thức ăn gia súc để giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài. Theo Cục chăn nuôi,¹¹ nguyên liệu nhập khẩu nhiều nhất là ngô với hơn 9,6 triệu tấn. Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, và đặc biệt là xung đột gần đây giữa Nga-Ukraine, giá nhiều loại nguyên liệu thô đã tăng lên. So với tháng 3 năm 2021, nhiều loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã tăng giá mạnh. Cụ thể, giá ngô hạt

10 "Tác động của việc sử dụng ngô biến đổi gen (GM) ở Việt Nam: Kết quả khảo sát cấp trang trại đầu tiên", Graham Brookes & Trần Xuân Định, Xem tại: <<https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/21645698.2020.1816800>>, truy cập lần cuối ngày 30 tháng 1 năm 2021.

11 "Việt Nam đã chi hơn 9 tỷ USD cho nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi", Bộ NN&PTNT, Xem tại: <<https://www.mard.gov.vn/en/Pages/vietnam-spent-more-than-9-billion-usd-on-importing-animal-feed-ingredients.aspx>>, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 7 năm 2022.

là 10.200 VND/kg (tăng 29,3%); khô dầu đậu nành là 16.500 VND/kg (tăng 33,4%); bã ngô là 10.300 VND/kg (tăng 23,1%); và lúa mì là 9.850 VND/kg (tăng 49,5%).

Vì vậy, ngoài định hướng vĩ mô của Bộ NN&PTNT là chuyển đổi một số diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang trồng cây làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, một giải pháp cần thiết là khuyến khích, đẩy nhanh việc đăng ký, đưa vào sử dụng các giống cây trồng mới, trong đó có cây trồng BĐG để nông dân có đủ công cụ để thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu. Điều này sẽ giúp cải thiện năng suất và thu nhập hộ gia đình, v.v. .

Khuyến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các khuyến nghị sau:

- Đẩy nhanh quá trình phê duyệt cây trồng BĐG để tuân thủ các quy định hiện hành để đảm bảo không có hạn chế đối với nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, khuyến khích trồng ngô BĐG bằng cách cấp Giấy đăng ký giống cho các giống lai có tính trạng và giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu.

LỜI CẢM ƠN

Ngành khoa học thực vật bao gồm các công ty nghiên cứu và phát triển hàng đầu và các thành viên của Tiểu ban CropLife Việt Nam thuộc EuroCham đã đóng góp vào chương này.¹²

12 Các thành viên Tiểu ban CropLife Việt Nam: Adama, BASF, Bayer, Corteva, FMC, Summit Agro, Sumitomo Chemical, Syngenta và UPL.



GIẢI QUYẾT VÀ TRANH CHẤP

CHƯƠNG 22 TÒA ÁN VÀ TRỌNG TÀI

TỔNG QUAN

Vào tháng 5 năm 2023, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) sau một thời gian dài trì hoãn. Văn bản mang tính bước ngoặt này đặt ra lộ trình phát triển năng lượng trong tương lai của Việt Nam trong thập kỷ tới. Bộ Công Thương (BCT) ước tính việc thực hiện Quy hoạch điện VIII sẽ cần một khoản đầu tư từ 113 đến 135 tỷ Đô-la Mỹ¹.

Để thu hút các nhà đầu tư, Việt Nam sẽ cần đảm bảo khuôn khổ pháp lý trung lập và có thể dự đoán được. Thực tế, một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư là có sẵn một hệ thống tư pháp hiệu quả và minh bạch để đảm bảo rằng các cam kết kinh doanh sẽ được thực hiện theo thỏa thuận và có sẵn phương thức giải quyết phù hợp khi xảy ra bất kỳ vi phạm hoặc tranh chấp nào.

Chúng tôi đã ghi nhận một số điểm tích cực trong những năm qua (như được nêu rõ trong chương này). Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi vẫn báo cáo những trở ngại nghiêm trọng trong việc cố gắng đảm bảo quyền lợi của mình tại Việt Nam. Chúng tôi xin nêu lên một số vấn đề còn tồn đọng liên quan đến các chủ đề sau: tòa án Việt Nam, trọng tài ở Việt Nam, việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

I. TÒA ÁN VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CẠNH TRANH

Cơ quan liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VK-SNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tư pháp), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Trong ấn bản năm 2022 của Chỉ số Cải tổ của Bertelsmann Stiftung (BTI)², Việt Nam xếp thứ 106 trong số 137 quốc gia đang phát triển trong hạng mục “cải tổ chính trị” (bao gồm độc lập tư pháp, truy tố lạm dụng chức vụ, sự ổn định của các thể chế dân chủ, v.v.).

Một trong những lý do cho những đánh giá trên về hệ thống tư pháp của Việt Nam là cần phải cải thiện đáng kể về tính minh bạch. Tòa án Việt Nam đã bắt đầu công bố các phán quyết.³ Các thành viên của chúng tôi đang làm theo quy trình này và hy vọng rằng từ đó sẽ có một hệ thống tiến lệ xét xử và án lệ phong phú, sẵn có và đáng tin cậy để có thể hướng dẫn và bảo đảm khả năng có thể đoán trước về kết quả của từng vụ tranh chấp.

Các thành viên của chúng tôi cũng gặp phải vấn đề này trong việc tuân thủ Luật Cạnh tranh⁴ vì các quyết định của các cơ quan hữu quan thường không được công bố. Luật Cạnh tranh quy định Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (VCC) là cơ quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cạnh tranh trên cơ sở sáp nhập cơ quan quản lý cạnh tranh và Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của Luật Cạnh tranh 2004. Ngày 10 tháng 02 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định 03⁵ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VCC, trong đó quy định VCC là cơ quan thuộc Bộ Công Thương, có chức năng tiến hành tổ tụng cạnh tranh,

1 “Vietnam needs \$135B to develop power projects by 2030” (“Việt Nam cần 135 tỷ USD để phát triển các dự án điện vào năm 2030”), VnExpress, 2023. Xem tại: <<https://e.vnexpress.net/news/business/economy/vietnam-needs-135b-to-develop-power-projects-by-2030-4631326.html>>, truy cập lần cuối ngày 31 tháng 10 năm 2023.

2 BTI, “Báo cáo Chỉ số BTI Quốc gia 2022: Việt Nam”, Bertelsmann Stiftung, 2022. Xem tại: <<https://bti-project.org/en/reports/country-report/VNM>>, truy cập lần cuối ngày 18 tháng 7 năm 2023.

3 Tòa án tối cao đã ra mắt hai trang thông tin điện tử theo Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP (Nghị quyết 03) ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao về việc công bố bản án, quyết định tư pháp và Công văn 144/TANDTC-PC ngày 4 tháng 7 năm 2017 của Tòa án Nhân dân Tối cao về việc thực hiện Nghị quyết 03. Xem tại: <<https://congboaban.toaan.gov.vn/>>, và <<https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/home.>>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 7 năm 2022.

4 Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội (Luật Cạnh tranh).

5 Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (Nghị định 03).

kiểm soát tập trung kinh tế, quyết định việc miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Chính sách cạnh tranh được thực thi nhằm tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, bình đẳng, minh bạch, bảo đảm quyền tự do cạnh tranh trong kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Luật Cạnh tranh cũng quy định về việc VCC công bố công khai các quyết định được miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, quyết định về việc tập trung kinh tế, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh và các pháp luật liên quan khác.

Một khi VCC và các đơn vị hỗ trợ đi vào hoạt động, chúng tôi hy vọng sẽ thấy nhiều hoạt động thực thi hơn của các cơ quan quản lý cạnh tranh, không chỉ trong lĩnh vực kiểm soát tập trung kinh tế, mà còn trong việc thực thi các quy định về các thỏa thuận chống cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.

Ngoài ra, phạm vi cung cấp dịch vụ pháp lý mà các công ty luật nước ngoài được phép thực hiện vẫn chưa được quy định rõ ràng, đặc biệt kể từ thời điểm ban hành Nghị định 123⁶ và Nghị định 137.⁷ Trong khi đó, Luật Luật sư vẫn không cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn hành nghề nhưng đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam.⁸

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham rất quan tâm tới quá trình công bố các phán quyết hiện nay của tòa án Việt Nam, bao gồm việc công nhận án lệ như một trong những nguồn luật theo Bộ luật Dân sự 2015.⁹ Hàng năm, hai trang web được quản lý bởi Tòa án Nhân dân Tối cao báo cáo số lượng gia tăng các phán quyết được công bố.¹⁰

Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố quan trọng mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là hệ thống tư pháp có hiệu quả và minh bạch hay không. Vì lý do đó, Tiểu ban Pháp luật tin rằng việc tiếp tục cải cách hệ thống tư pháp tại Việt Nam sẽ nâng cao lòng tin của nhà đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Tương tự, cho phép luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài được đại diện cho khách hàng trước tòa án sẽ làm tăng lòng tin của nhà đầu tư nước ngoài vào hệ thống tư pháp của Việt Nam.

Khuyến nghị

- Duy trì khả năng dự đoán và tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo khung pháp lý phù hợp;
- Tiếp tục công bố các bản án của Tòa án các cấp;
- Công bố tất cả các quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh; và
- Sửa đổi Luật Luật sư để cho phép các luật sư Việt Nam đủ tiêu chuẩn được đại diện cho khách hàng trước tòa án Việt Nam ngay cả khi họ đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài.

6 Nghị định 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội.

7 Nghị định 137/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2013/NĐ-CP.

8 Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội.

9 Điều 6 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

10 Tổng số lượng phán quyết và quyết định được công bố: 923.980 xem tại: < <https://congbobanan.toaan.gov.vn/>>, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 7 năm 2022.

II. TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM

Cơ quan liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VK-SNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Với những bất lợi thực tế hoặc nhận thức được của các cơ chế giải quyết tranh chấp khác ở Việt Nam, chẳng hạn như tòa án Việt Nam (xem Phần I ở trên) và trọng tài quốc tế (xem Phần III bên dưới), nhà đầu tư có thể tìm kiếm trợ giúp thông qua trọng tài tại Việt Nam.

Trong khi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) xác nhận sự gia tăng tổng giá trị tranh chấp trong những năm trước đại dịch,¹¹ các thành viên của chúng tôi tiếp tục báo cáo một số vấn đề nghiêm trọng trong thủ tục trọng tài do VIAC quản lý.

Quan ngại chính là sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ trước khi phán quyết cuối cùng được đưa ra (dẫn đến việc hội đồng trọng tài VIAC không có thẩm quyền xét xử và phải chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài) mà còn bằng cách bác phán quyết cuối cùng mà hội đồng trọng tài VIAC đưa ra.

Ví dụ như, chúng tôi cũng được biết có một số trường hợp bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại VIAC đưa ra những phản đối không có căn cứ về thẩm quyền của hội đồng trọng tài VIAC. Khi hội đồng trọng tài ban hành quyết định khẳng định thẩm quyền xét xử đối với vụ việc, bị đơn đã khiếu kiện thành công ra tòa án Việt Nam để bác quyết định này. Bởi vì quyết định của tòa án Việt Nam trong trường hợp này có tính chung thẩm và ràng buộc, và vì không thể kháng cáo quyết định này của tòa án, nên quyết định này dẫn đến việc chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài tại VIAC.

Các thành viên của chúng tôi báo cáo một số trường hợp hội đồng trọng tài VIAC đã đưa ra phán quyết cuối cùng, sau đó tòa án xem xét lại tình tiết của vụ việc và cuối cùng bác phán quyết trọng tài bằng cách kết luận rằng phán quyết của trọng tài trái với “những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

Việc không cho phép kháng cáo quyết định hủy phán quyết trọng tài tiếp tục là một rào cản lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài muốn giải quyết tranh chấp của mình tại Việt Nam một cách công bằng và minh bạch.

Các thành viên của chúng tôi báo cáo rằng mục tiêu tránh sự can thiệp của các tòa án Việt Nam thường xuyên được đại diện VIAC viện dẫn để biện minh cho việc quản lý hạn chế các thủ tục tố tụng trọng tài. Ví dụ, các thành viên của chúng tôi đã báo cáo rằng các quy tắc áp dụng cho nhân chứng tại các phiên điều trần là cực kỳ cứng nhắc so với các tiêu chuẩn thông thường tại các trung tâm trọng tài quốc tế, điều này được giải thích là vì lo ngại sự can thiệp của tòa án ở giai đoạn sau. Đồng thời, hội đồng trọng tài của VIAC thường cho phép một số lượng lớn “đại diện được ủy quyền” của một bên (điều này sẽ bao gồm bất kỳ nhân viên nào của bên đó) tham dự phiên điều trần và làm chứng hoặc đưa ra bằng chứng mới trong phiên điều trần mà không cần tiết lộ trước cho bên kia.

Các ví dụ khác là: từ chối chỉ đạo việc gửi các đơn đệ trình/thư từ bằng email cũng như bản in bằng chuyển phát nhanh, ngay cả khi đại dịch khiến dịch vụ chuyển phát nhanh bị đình chỉ - gây chậm trễ trong nhiều tháng; từ chối chỉ đạo tổ chức một số phiên điều trần với một số bên tham gia qua video; từ chối chỉ đạo rằng các tài liệu có khối lượng lớn có thể được gửi dưới hình thức tệp excel thay vì gửi tài liệu bản cứng. Tất cả những ví dụ này hoàn toàn trái ngược với thông lệ thường thấy của các trung tâm trọng tài quốc tế.

Một vấn đề khác là, không giống như các văn bản pháp luật khác quy định quyền miễn trừ cho trọng tài viên ngoại trừ trường hợp sơ suất hoặc gian lận nghiêm trọng, pháp luật Việt Nam không quy định quyền miễn trừ cho trọng tài viên. Do đó, các bên có thể kiện trọng tài viên trong quá trình phân xử, đặc biệt là khi trọng tài viên đưa ra biện pháp khẩn cấp tạm thời, theo các nguyên tắc chung của luật hợp đồng và trách nhiệm dân sự. Khi đó, thủ tục trọng tài sẽ mất nhiều thời gian hơn và trọng tài viên đôi khi cũng sẽ rút lui.

11 “Báo cáo thường niên 2019”, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, 2019. Xem tại: <www.viac.vn/en/annual-report.html> truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022.

Những yếu tố này có thể giải thích sự khác biệt về tỷ lệ vụ tranh chấp quốc tế giữa VIAC¹² (60% vào năm 2022) và các trung tâm trọng tài khác ở Đông Nam Á (88% đối với SIAC¹³ và 83% đối với HKIAC¹⁴ vào năm 2022).

Các thành viên của chúng tôi rất quan tâm đến việc thành lập văn phòng đại diện của hai tổ chức trọng tài quốc tế nổi tiếng tại Việt Nam trong những năm gần đây. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ giúp nâng cao nhận thức về các tiêu chuẩn trọng tài quốc tế tại Việt Nam.¹⁵

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Để xây dựng một môi trường thuận lợi cho đầu tư, cần có một khung pháp lý hiệu quả và đáng tin cậy cho thủ tục trọng tài. Đặc biệt, việc không có quyền khiếu nại đối với quyết định bỏ phán quyết trọng tài sẽ góp phần làm cho việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài ở Việt Nam trở nên minh bạch và độc lập hơn và do đó, được áp dụng phổ biến hơn.

Khuyến nghị

- Chúng tôi khuyến nghị Tòa án Nhân dân Tối cao và Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao ban hành nhiều hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để thống nhất hạn chế việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài;
- Quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về thẩm quyền hoặc hiệu lực của phán quyết trọng tài nên được xem xét.

III. CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Cơ quan liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VK-SNDTC), Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Mô tả vấn đề

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế nếu các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn kém và mất nhiều thời gian, phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các quốc gia trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài¹⁶ (NYC) mà Việt Nam là thành viên trong Công ước này.

Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng, trên thực tế, để được các tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài là rất khó khăn. Chúng tôi lấy làm tiếc chưa thấy có sự cải thiện thực sự kể từ các ấn bản trước đây của chương này.

Một trong những khó khăn gặp phải là đảo ngược nghĩa vụ chứng minh. Theo quy định của NYC, nếu bên phải thi hành phán quyết có bất kỳ phản đối nào với việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thì bên phải thi hành phán quyết phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trên thực tế, các tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và buộc bên được thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không phù hợp. Cách làm này khuyến khích bên phải thi hành phán quyết đưa ra càng nhiều phản đối, đôi khi vô căn cứ, và buộc bên được thi hành phán

12 "Báo cáo thường niên 2022", Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, 2022. Xem tại: <www.viac.vn/en/annual-report.html> truy cập lần cuối ngày 23 tháng 8 năm 2023.

13 "Báo cáo thường niên 2022", Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, 2022. Xem tại: <<https://siac.org.sg/annual-reports>> truy cập lần cuối ngày 23 tháng 8 năm 2023.

14 "Báo cáo thường niên 2022", Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông, 2022. Xem tại: <<https://www.hkiac.org/about-us/annual-report>> truy cập lần cuối ngày 24 tháng 7 năm 2023.

15 <https://icc-vietnam.org/> và <https://docs.pca-cpa.org/2021/10/2021/10/63ff1ec-pca-viet-nam-signing-ceremony-press-release.pdf>, truy cập lần cuối ngày 11 tháng 8 năm 2022.

16 Công ước về Công nhận và Thi hành Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài năm 1958 của Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế.

quyết phải chứng minh để bác bỏ. Điều này gây khó khăn về mặt thời gian và tài chính cho bên được thi hành phán quyết và cản trở bên được thi hành phán quyết thực hiện các quyền hợp pháp của mình. Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015¹⁷ có một quy định cụ thể về nghĩa vụ chứng minh, nêu rõ bên phải thi hành phán quyết phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, có vẻ như việc này đã không được cải thiện đáng kể khi Bộ luật Tố tụng Dân sự có hiệu lực vào năm 2016 như các số liệu của Bộ Tư pháp đề cập dưới đây.

Một khó khăn khác là việc tòa án Việt Nam bác đơn xin công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài quốc tế vì các lý do trái với với NYC. Chẳng hạn, trong nhiều trường hợp, tòa án Việt Nam đã quyết định rằng bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài không có đủ năng lực ký kết hợp đồng do sai lầm khi dẫn chiếu pháp luật Việt Nam thay vì dẫn chiếu pháp luật của quốc gia của bên nước ngoài đó; hoặc xác định rằng thông báo đã không được gửi đến cho bị đơn một cách phù hợp do tòa án đã dẫn chiếu pháp luật Việt Nam mà việc dẫn chiếu như vậy là sai lầm, thay vì phải dẫn chiếu đến các quy tắc trọng tài áp dụng cho vụ việc và pháp luật áp dụng của thỏa thuận trọng tài.

Gần đây, một khó khăn khác lại nảy sinh trong một vụ án.¹⁸ Theo Bộ luật Tố tụng Dân sự,¹⁹ tòa án Việt Nam là cơ quan duy nhất có thẩm quyền tài phán đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và liên quan đến các quyền đối với bất động sản tại Việt Nam. Các tòa án Việt Nam có quan điểm mở rộng về đặc quyền tài phán này, từ chối thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài vì việc thi hành phán quyết đó sẽ liên quan đến chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam.

Theo số liệu do Bộ Tư pháp công bố, từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, 82 đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài quốc tế đã được nộp.²⁰ Quan sát sơ bộ về những con số này cho thấy tất cả các quyết định sơ thẩm đều bị kháng cáo. Chỉ có 37 trong số các trường hợp bị kháng cáo là các phán quyết được công nhận và chấp nhận để thi hành. Trong 11 trường hợp, các hồ sơ nộp để công nhận và thi hành bị đình chỉ và trong 29 trường hợp, các phán quyết không được công nhận.²¹ Tuy nhiên, những số liệu này chưa được Bộ Tư pháp cập nhật chính thức vào ngày soạn thảo chương này.

Thực tiễn cho thấy một trong những nguyên nhân chính khiến phán quyết trọng tài không được công nhận và thực thi ở Việt Nam là do việc công nhận và thực thi này trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Thuật ngữ “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được hiểu theo nghĩa rộng và kết quả là nhiều phán quyết trọng tài đã bị từ chối công nhận và không được thi hành tại Việt Nam vì lý do này. Trong khi đó, NYC không có quy định gì về thuật ngữ “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật”. Điều V.2(b) của NYC chỉ quy định về việc từ chối công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài ở một quốc gia nếu việc công nhận hoặc thi hành phán quyết đó trái với chính sách công của quốc gia đó. Có vẻ như thuật ngữ “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” không nhất quán với thuật ngữ “chính sách công” như được đề cập trong NYC.

Để cải thiện tình hình, việc áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân cấp trên đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn sẽ khuyến khích việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Ngoài ra, Tòa án Nhân dân Tối cao có thể tổ chức hội thảo, tập huấn cho tất cả các thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp tỉnh và Tòa án Nhân dân cấp trên để đảm bảo rằng các thẩm phán được đào tạo bài bản để giải quyết hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài theo quy định của luật Việt Nam và NYC.

Một xu hướng thuận lợi hơn trong việc công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài đang dần hình thành, vì trong số 11 phán quyết được Tòa án Nhân dân Tối cao công bố kể từ tháng 10 năm 2019,²² chỉ có 3 phán quyết bị đình chỉ hoặc từ chối. Chúng tôi hy vọng rằng xu hướng này sẽ được xác nhận trong những năm tới với nhiều phán quyết được công nhận hơn.

Chúng tôi hiểu rằng một nghị quyết đang được soạn thảo để hướng dẫn thủ tục công nhận và thi hành phán

17 Luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

18 Quyết định 09/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 1 năm 2023 của Tòa án Nhân dân Tối cao tại Hà Nội.

19 Điều 470.1(a) Bộ luật Tố tụng Dân sự.

20 Đã dẫn.

21 Căn cứ số liệu của Bộ Tư pháp về các hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài quốc tế đã nộp. Xem tại: <https://moj.gov.vn/http/Pages/dlcn-va-th-tai-Viet-Nam.aspx?fbclid=IwAR3ML02FXdzugE5pZSO98eaEgWVTopdcUD4NnQ_wUgbb_B_b-I_JHnn66jY>, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 8 năm 2022.

22 Xem tại: <<https://congbobanan.toaan.gov.vn/>>, truy cập lần cuối ngày 21 tháng 7 năm 2023,

quyết của trọng tài nước ngoài trong nước tuân thủ CPC và Tiểu ban Pháp luật của EuroCham sẵn sàng đóng góp ý kiến về dự thảo nghị quyết này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đại đa số các nước tham gia NYC đều áp dụng đúng các quy định của NYC trong thực tế và công nhận và cho thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài một cách phù hợp trong phạm vi lãnh thổ của mình. Việc gia nhập và thực hiện NYC được công nhận rộng rãi là một yếu tố chính cho quá trình hội nhập của nền kinh tế quốc gia vào thương mại quốc tế.

Do đó, việc Việt Nam không áp dụng các quy định này làm giảm tính hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì bất kỳ thủ tục công nhận và thực thi nào đều không chắc chắn và thường xuyên dẫn đến quyết định có thể khác với các bên khác trong NYC (được chứng minh bằng các số liệu do Bộ Tư pháp công bố và thảo luận ở trên).

Khuyến nghị

- Tiếp tục công bố số liệu cập nhật về hồ sơ đề nghị công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài để tiếp tục công bố số liệu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019;
- Sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự để quy định về việc áp dụng chặt chẽ các quy định của NYC;
- Làm rõ thuật ngữ “các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” bằng các tiêu chí cụ thể, rõ ràng để bảo đảm việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài tại Việt Nam minh bạch và nhất quán với quy định trong NYC;
- Áp dụng cơ chế tự động chuyển sang Tòa án Nhân dân cấp trên đối với những vụ việc mà Tòa Sơ thẩm đã bác đơn; và
- Tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo để đảm bảo các thẩm phán được đào tạo đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với luật pháp Việt Nam và NYC.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Figure	Page
Figure 1: EU imports of goods from Vietnam, 2022	26
Figure 2: EU exports of goods to Vietnam, 2022	26
Figure 3: EU trade balance of goods with Vietnam, 2022	27
Figure 4: EuroCham Business Climate Index	29
Figure 5: Load prediction (by regions) towards 2050 (Source: PDP8 report - Institute of Energy May 2023)	117
Figure 6: Added (or retired) coal power capacity in Viet Nam since 2000	157
Figure 7: Vietnam Logistics Strategy and Interventions	153
Figure 8: Phases of the Research and Development process (Source: EFPIA, 2023)	171
Figure 9: In 2022: 9 Per cent of new medicines are available in Vietnam (Source: PhRMA, 2022)	172

Table

Table 1: Power generation installed capacity in 2030 according to PDP8	119
--	-----

LỜI CẢM ƠN

EuroCham Việt Nam trân trọng cảm ơn các tác giả và đóng góp của các Tiểu ban ngành nghề của chúng tôi cho ấn bản Sách trắng 2024 lần này. Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo của EuroCham, đặc biệt là Ông Jean-Jacques Bouflet, Phó Chủ tịch phụ trách Chính sách của EuroCham vì sự định hướng và nỗ lực trong việc biên tập và xem xét ấn bản Sách trắng năm nay, Phái đoàn EU tại Việt Nam vì sự hỗ trợ liên tục và Ban Thư ký EuroCham.

Chúng tôi xin cảm ơn các đối tác tận tâm cùng đồng hành trong quá trình xuất bản: Shu Media Co., Ltd, vì sự nỗ lực trong việc sắp xếp, thiết kế đồ họa và in ấn Sách trắng 2024 và các ấn phẩm trước đó, các thành viên đội ngũ phòng Chính sách của EuroCham đã hỗ trợ dịch hầu hết các chương Sách trắng năm nay.

TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH

Dan Martin, Chuyên viên Quan hệ công chúng

TÓM TẮT CÁC KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

Trương Ngọc Diệp, Trưởng phòng Chính sách
Dan Martin, Chuyên viên Quan hệ công chúng
Ban Thư ký EuroCham

GIỚI THIỆU VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VIỆT NAM

Jean-Jacques Bouflet, Phó Chủ tịch Phụ trách Chính sách của EuroCham, Tổng Biên tập

A. CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

KỸ THUẬT SỐ

Tiểu ban Kỹ thuật số EuroCham

XÂY DỰNG

Tiểu ban Xây dựng EuroCham

MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật EuroCham

THUẾ VÀ CHUYỂN GIÁ

Tiểu ban Thuế và chuyển giá EuroCham

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Tiểu ban Quyền Sở hữu trí tuệ EuroCham

BẤT ĐỘNG SẢN

Tiểu ban Pháp luật EuroCham

ĐỐI TÁC CÔNG-TƯ

Tiểu ban Pháp luật EuroCham

B. PHÁT TRIỂN XANH & BỀN VỮNG

NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

Tiểu ban Phát triển Xanh EuroCham

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo EuroCham

VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

Tiểu Ban Vận Tải Và Logistics Eurocham

DU LỊCH-NHÀ HÀNG VÀ KHÁCH SẠN

Tiểu ban Du lịch và Khách sạn EuroCham

TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiểu ban Phát triển Xanh EuroCham

PHỤ NỮ TRONG KINH DOANH

Tiểu ban Phụ nữ trong Kinh doanh EuroCham

C. SỨC KHỎE VÀ SẮC ĐẸP

DƯỢC PHẨM

Pharma Group EuroCham

THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CHẨN ĐOÁN

Tiểu ban Trang thiết bị y tế và Chẩn đoán EuroCham

THUỐC CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ - GENERIC VÀ SINH PHẨM TƯƠNG TỰ

Tiểu ban Thuốc Chất lượng Quốc tế - Generic và Sinh phẩm Tương tự EuroCham

MỸ PHẨM

Tiểu ban Mỹ phẩm EuroCham

D. SỰ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Tiểu ban Ngành thực phẩm, Nông nghiệp và Thủy sản EuroCham

RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh EuroCham

XE MÁY

Tiểu ban Ô tô, Xe máy EuroCham

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng EuroCham

Ô TÔ

Tiểu ban Ô tô, Xe máy EuroCham

CROPLIFE VIỆT NAM

Tiểu ban CropLife Việt Nam

E. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

TÒA ÁN VÀ TRỌNG TÀI

Tiểu ban Pháp luật EuroCham

NGƯỜI ĐÓNG GÓP

Antoine Logeay
Arjen Roem
Benoit Klein
Bernadette Fahy
Bruno Sivanandan
Bùi Tấn Hưng
Diệp Nguyễn
Enrico Bruni
Erick Contreras
Erkan Tuncaakar
Eunjung Han
EuroCham Pharma Group
Evgeni Zapryanov
Frank Pogade
Giandomenico Zappia
Hoàng Kim Huệ
Hương Mậu Thị Mai
Jan-Christian Koldehoff
Jean-Luc Voisin

Jesper Clausen
Jonathan Sourintha
José Sánchez – Barroso
Joshua James
Juergen Weber
Kent Wong
Khuất Quang Hưng
Khuất Văn Trung
Kim Francois
Laurent Genet
Lê Thị Hồng Nhi
Leif Schneider
Magdalena Krakowiak
Mai Lê Phương Dũng
Mario Mendis
Michel Cassagnes
Nguyễn Hồng Minh
Nguyễn Hồng Uy
Nguyễn Mạnh Cường

NGƯỜI ĐÓNG GÓP

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Paul-Antoine Croizé
Pavel Poskakukhin
Phạm Bá Linh
Phát Nguyễn
Nhóm Công tác Pháp chế
Sarah Galeski
Serena Dang
Sérgio Pereira da Silva
Stuart Livesey
Surajit Rakshit

Thomas McClelland
Trần Thị Chung
Trần Thị Thủy Chung
Vinh Đào
Võ Thị Hằng
Vũ Thị Thanh Hương (Wendy)
William Badger
Yến Vũ
Yoann Perrault

TỔNG BIÊN TẬP

ĐIỀU PHỐI

Trương Ngọc Diệp, Trưởng phòng Chính sách
Lê Phước Toàn, Điều phối viên cấp cao các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Minh Đăng Khoa, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Hoàng Ngọc Nam Phương, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Phạm Ngọc Anh, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Ngọc Hạnh, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Phương Danh, Trợ lý các Tiểu ban ngành nghề

HIỆU ĐÍNH

Jean-Jacques Bouflet, Phó Chủ tịch phụ trách Chính sách, Tổng Biên tập
Trương Ngọc Diệp, Trưởng phòng Chính sách
Dan Martin, Chuyên viên Quan hệ công chúng
Nguyễn Minh Đăng Khoa, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Hoàng Ngọc Nam Phương, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Phạm Ngọc Anh, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Ngọc Hạnh, Điều phối viên các Tiểu ban ngành nghề
Nguyễn Phương Danh, Trợ lý các Tiểu ban ngành nghề